

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

NIÊN GIÁM

TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ NĂM 2023



HÀ NỘI, NĂM 2024

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

NIÊN GIÁM
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ NĂM 2023

HÀ NỘI, NĂM 2024



National Center for Water Resources
Planning and Investigation (NAWAPI)

TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
ĐỊA CHỈ: SỐ 93/95, VŨ XUÂN THIỀU, SÀI ĐỒNG, LONG BIÊN, HÀ NỘI
WEBSITE: [HTTP://WWW.NAWAPI.GOV.VN](http://www.nawapi.gov.vn)
SỐ ĐIỆN THOẠI: 0243.674.0498/0243.674.0668/0243.674.0499

LỜI NÓI ĐẦU

Mạng quan trắc tài nguyên nước là một thành phần của mạng quan trắc tài nguyên môi trường. Thông tin quan trắc tài nguyên nước ngày càng quan trọng và được nhà nước, các cấp lãnh đạo, Bộ Tài nguyên và Môi trường quan tâm đầu tư và hàng năm cấp kinh phí duy trì quan trắc. Mạng quan trắc quốc gia tài nguyên nước do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý, vận hành tính đến tháng 12 năm 2023 bao gồm 833 công trình quan trắc nước dưới đất và 6 trạm quan trắc tài nguyên nước mặt trên toàn quốc. Mạng lưới quan trắc quốc gia tài nguyên nước đã được xây dựng ở 5 vùng: đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Trong đó, các trạm quan trắc tài nguyên nước mặt được xây dựng ở Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ, bắt đầu quan trắc từ tháng 4 năm 2011. Các yếu tố quan trắc tài nguyên nước bao gồm mực nước, lưu lượng, nhiệt độ, hàm lượng chất lơ lửng và chất lượng nước.

Để phục vụ cho việc quản lý và quy hoạch tài nguyên nước trên phạm vi toàn quốc, dữ liệu quan trắc hàng năm được công bố dưới dạng niên giám tài nguyên nước. Từ năm 1999 đến 2015 đã thực hiện biên soạn niên giám tài nguyên nước dưới đất theo các năm. Từ năm 2015, thực hiện biên soạn niên giám tài nguyên nước (bao gồm tài nguyên nước mặt và nước dưới đất). Năm 2024 thực hiện biên soạn Niên giám tài nguyên nước 2023 cho các vùng: đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

Niên giám tài nguyên nước dưới đất vùng đồng bằng Bắc Bộ được biên soạn từ số liệu quan trắc của 156 công trình quan trắc nước dưới đất.

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp về nội dung niên giám nhằm nâng cao chất lượng thông tin cũng như hiệu quả mạng lưới quan trắc quốc gia tài nguyên nước.

TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

THUYẾT MINH TÓM TẮT NỘI DUNG QUYỀN NIÊN GIÁM TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Quyền niên giám tài nguyên NĐĐ năm 2023 của các công trình quan trắc tài nguyên NĐĐ gồm 4 phần:

- Phần 1: Đánh giá tổng quát đặc điểm tài nguyên NĐĐ
- Phần 2: Mục nước
- Phần 3: Nhiệt độ
- Phần 4: Chất lượng nước

Nội dung quyền niên giám được mô tả ở các phần dưới đây:

I. Cách sử dụng danh sách các sơ đồ bố trí các công trình quan trắc

1. Sơ đồ

- Sơ đồ phân bố các công trình quan trắc được thể hiện trên cơ sở nền địa hình in lược tỷ lệ 1:200.000 đã được số hoá và in thu nhỏ vào khổ A4 kèm theo quyền niên giám.

- Công trình quan trắc độc lập hoặc nhóm công trình quan trắc NĐĐ được ký hiệu bằng vòng tròn đỏ, phía trên là số hiệu, trong ngoặc là số công trình trong nhóm. Công trình quan trắc nước mặt được ký hiệu bằng tam giác ngược màu xanh.

2. Danh sách công trình quan trắc

• Danh sách công trình quan trắc được lập theo các cột mục: số thứ tự, số hiệu điểm quan trắc, số hiệu công trình quan trắc, đối tượng quan trắc, độ sâu tầng chứa nước, vị trí, toạ độ, thời kỳ hoạt động các yếu tố quan trắc.

Tất cả các ký hiệu công trình quan trắc NĐĐ đều có chữ Q ở đầu.

Đối với số hiệu các công trình quan trắc NĐĐ, các chữ số La mã chỉ số hiệu nhóm công trình, các chữ cái (a, b, c...) chỉ công trình cụ thể trong nhóm được đánh theo vần a, b, c từ trên xuống.

• Thứ tự thống kê công trình theo vị trí trên bản đồ từ trên xuống dưới, từ trái qua phải.

• Đối tượng quan trắc là nước dưới đất. Nếu là NĐĐ ghi ký hiệu của các tầng chứa nước khác nhau theo kết quả phân tầng ĐCTV được xây dựng và trình bày ở báo cáo kết quả thi công xây dựng mạng lưới quan trắc đồng bằng Bắc Bộ đã được Bộ Công nghiệp phê duyệt ở quyết định số 1915 QĐ/CNCL ngày 13/7/1996, trong đó có ghi chú (để trong ngoặc đơn) các ký hiệu thường dùng trong một số tài liệu địa chất thuỷ văn khác như sau:

- Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)
- + Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)
- + Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)
- Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)
- + Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen giữa (qp₂)
- + Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)
- Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Neogen (n)
- Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên Triat giữa trên (t₂₋₃)
- Tầng chứa nước khe nứt; khe nứt karst trong trầm tích carbonat Trias giữa (t₂)

- Tầng chứa nước khe nứt; khe nứt karst trong trầm tích carbonat Cacbon-Pecmi (c-p)

- Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích biến chất Ocdovic-Silua (o-s)

- Độ sâu tầng chứa nước là độ sâu của mái (từ...) và đáy (đến ...) của tầng tính từ mặt đất với đơn vị đo là mét.

- Vị trí điểm đo ghi theo tên đơn vị hành chính: xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố).

- Toạ độ (x, y) của công trình được đo đạc và tính toán theo hệ toạ độ VN 2000 từ mốc cố định gắn ở bệ bê tông gần miệng công trình.

- Độ cao công trình đo đạc và tính toán theo cùng một mốc cố định gắn ở gần miệng công trình theo độ cao gốc là hệ độ cao Hải Phòng 1972. Mốc cao độ được tính tương đương với mặt đất, đồng thời là điểm mốc để đo mực nước kể từ mặt đất.

- Thời kỳ hoạt động ghi từ ngày có tài liệu, kết thúc chỉ ghi đối với trạm đã ngừng đo.

- Các yếu tố động thái được viết tắt, trong đó H- là mực nước, T- là nhiệt độ, CLN- là chất lượng nước dưới đất.

II. Phân đánh giá tổng quát đặc điểm tài nguyên NĐĐ

- Phần này được đánh giá tổng hợp cho 2 tầng chứa nước chính nghiên cứu trong vùng (qh và qp). Trong mỗi một tầng chứa nước tiến hành thống kê đánh giá đặc điểm khái quát của các yếu tố động thái NĐĐ (mực nước, nhiệt độ, thành phần hoá học) bao gồm các giá trị (tổng hợp theo tháng) trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất trong năm 2023 để so sánh với năm 2022 và giá trị trung bình của cả thời kỳ 1990 - 2023.

Phần đặc điểm chất lượng nước dưới đất, các chỉ tiêu phân tích được đánh giá so sánh với Quy chuẩn quốc gia QCVN09:2023/BTNMT về chất lượng nước dưới đất.

III. Phần mực nước

❖ Đối với mực NDD (được quan trắc ở lỗ khoan) giá trị biên soạn trong niên giám là độ cao tuyệt đối mực nước (đơn vị là mét).

❖ Phần mực nước được thống kê theo vùng, trong mỗi vùng thống kê theo tầng chứa nước (theo thứ tự địa tầng từ “trẻ” đến “già”). Trong đó tách riêng vùng không ảnh hưởng triều và ảnh hưởng triều, tiếp theo là các trạm đo nước mặt.

❖ Đối với vùng không ảnh hưởng triều, các giá trị mực nước biên soạn trong niên giám là số liệu thực đo trong ngày (chỉ đo mực nước một lần trong ngày). Thống kê đặc trưng mực nước trung bình (tổng hợp bình quân số học trong tháng và trong năm), cao nhất và thấp nhất chọn từ các giá trị bình quân ngày trong tháng hoặc trong năm, biên độ dao động năm (ΔH) là hiệu số giữa hai giá trị cao nhất và thấp nhất trong năm. Đối với giá trị cao nhất và thấp nhất trong năm ghi rõ thời gian xuất hiện.

❖ Đối với vùng ảnh hưởng triều việc đo đạc được thực hiện theo hai chế độ

- Chế độ đo liên tục 2 giờ một lần trong ngày áp dụng cho vùng bị ảnh hưởng triều rất rõ rệt, mực nước bình quân ngày là giá trị tổng hợp bình quân số học từ mực nước thực đo, ngoài ra còn biên soạn mực nước thực đo theo giờ cho các thời gian dao động triều đặc trưng trong năm (tháng 2, 5, 8 và 11). Những công trình không đủ số liệu sẽ đưa các tháng khác có số liệu thay thế.

- Chế độ đo 2 lần trong ngày với khoảng cách đo 3 ngày, áp dụng cho vùng bị ảnh hưởng triều ít hơn. Mực nước bình quân ngày là giá trị tổng hợp bình quân số học từ mực nước thực đo.

IV. Phần nhiệt độ nước

Nhiệt độ NĐĐ ở vùng không ảnh hưởng triều được đo đồng thời cùng với mực nước, đối với vùng ảnh hưởng triều chỉ đo 1 lần trong ngày. Số liệu về nhiệt độ được tổng hợp để thống kê các giá trị trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất, biên độ dao động (ΔT) trong tháng và trong năm. Việc thống kê cũng được sắp xếp theo các tầng chứa nước tương tự như phần mực nước.

V. Phần chất lượng nước

Số lần lấy mẫu phân tích chất lượng NĐĐ được thực hiện 2 lần trong năm tương ứng vào giữa mùa khô và mùa mưa. Số liệu trong niên giám là toàn bộ kết quả phân tích chất lượng NĐĐ đã phân tích trong năm.

VII. Ký hiệu chung

- Dấu (*) trong bản danh sách trạm để chỉ yếu tố quan trắc.
- Ô trống ☐ và dấu gạch ngang (-) trong thống kê đặc trưng để chỉ không có tài liệu.
- Thời gian ngày và năm viết chữ số thường, tháng viết chữ số La Mã.

MỤC TRA CỨU

Số TT	Yếu tố Số hiệu công trình	Trang			Trang		
		Mực nước			Nhiệt độ nước	Chất lượng nước	
		Không ảnh hưởng triều	Ảnh hưởng triều			Đa lượng	Vi lượng
			Bình quân ngày	Biên độ dao động			
I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)							
I.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh2)							
1	Q.1	51			261	287	313
2	Q.2	52			261	287	313
3	Q.9M2	53			261	287	313
4	Q.10M1	54			261	287	313
5	Q.32M1	55			261	287	313
6	Q.33M1	56			261	287	313
7	Q.56	57			261	287	313
8	Q.57	58			261	288	314
9	Q.58M1	59			261	288	314
10	Q.59a	60			262	288	314
11	Q.60M2	61			262	288	314
12	Q.65M1	62			262	-	-
13	Q.67	63			262	288	314
14	Q.83	64			262	288	314
15	Q.84	65			262	288	314
16	Q.85	66			262	288	314
17	Q.87	67			262	289	314
18	Q.88	68			263	289	315
19	Q.89	69			263	289	315
20	Q.107	70			263	289	-
21	Q.115M1	71			263	289	315
22	Q.121M1	72			263	289	315
23	Q.128M1	73			263	289	315
24	Q.129M1	74			263	289	315
25	Q.141	75			263	290	315
26	Q.144M1	76			264	290	315
27	Q.145	77			264	290	-
28	Q.159	78			264	290	315

Số TT	Yếu tố Số hiệu công trình	Trang			Trang		
		Mực nước			Nhiệt độ nước	Chất lượng nước	
		Không ảnh hưởng triều	Ảnh hưởng triều			Đa lượng	Vi lượng
			Bình quân ngày	Biên độ dao động			
29	Q.175	79			264	290	316
30	Q.108M1		81	-	264	290	-
31	Q.109		82	93	264	290	316
32	Q.110		83	95	264	290	-
33	Q.111M1		84	-	264	291	-
34	Q.146		85	-	265	291	316
35	Q.147		86	-	265	291	316
36	Q.155M1		87	97	265	291	-
37	Q.156M1		88	-	265	291	316
38	Q.158		89	-	265	291	316
39	Q.164		90	-	265	291	-
40	Q.165		91	-	265	291	-
I.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh ₁)							
41	Q.55M1	101			267	293	317
42	Q.64	102			267	293	317
43	Q.65aM1	103			267	-	-
44	Q.66	104			267	293	317
45	Q.69	105			267	293	317
46	Q.75M1	106			267	293	317
47	Q.83a	107			267	293	317
48	Q.84a	108			267	293	317
49	Q.85a	109			268	293	317
50	Q.86M1	110			268	294	318
51	Q.87a	111			268	294	318
52	Q.88a	112			268	294	318
53	Q.119M1	113			268	294	318
54	Q.120	114			268	294	318
55	Q.127	115			268	294	318
56	Q.130M1	116			268	294	318
57	Q.131	117			269	294	318
58	Q.143	118			269	295	319

Số TT	Yếu tố Số hiệu công trình	Trang			Trang		
		Mực nước			Nhiệt độ nước	Chất lượng nước	
		Không ảnh hưởng triều	Ảnh hưởng triều			Đa lượng	Vi lượng
			Bình quân ngày	Biên độ dao động			
59	Q.148	119			269	295	-
60	Q.168	120			269	295	319
61	Q.177	121			269	295	319
62	Q.108aM1		123	127	269	295	-
63	Q.164a		124	-	269	295	319
64	Q.167		125	131	269	295	319
II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)							
II.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen giữa (qp ₂)							
65	Q.8	135			271	297	321
66	Q.34a	136			271	297	321
67	Q.35M1	137			271	297	321
68	Q.37	138			271	297	-
69	Q.62	139			271	297	321
70	Q.68aM1	140			271	297	321
71	Q.82M1	141			271	297	321
72	Q.119aM1	142			271	297	321
73	Q.120a	143			272	298	322
74	Q.129aM1	144			272	298	-
75	Q.130aM1	145			272	298	322
76	Q.131a	146			272	298	-
77	Q.176	147			272	298	-
78	Q.159a		149	-	272	298	-
II.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp ₁)							
79	Q.1aM1	151			273	299	323
80	Q.3M1	152			273	299	323
81	Q.4M1	153			273	299	323
82	Q.5	154			273	299	323
83	Q.6	155			273	299	323
84	Q.7	156			273	299	323
85	Q.8a	157			273	299	323
86	Q.9aM1	158			273	299	323

Số TT	Yếu tố Số hiệu công trình	Trang			Trang		
		Mực nước			Nhiệt độ nước	Chất lượng nước	
		Không ảnh hưởng triều	Ảnh hưởng triều			Đa lượng	Vi lượng
			Bình quân ngày	Biên độ dao động			
87	Q.11a	159			274	300	324
88	Q.15	160			274	300	324
89	Q.23a	161			274	300	324
90	Q.33a	162			274	300	324
91	Q.35aM1	163			274	300	324
92	Q.36M1	164			274	300	324
93	Q.37a	165			274	300	324
94	Q.38M1	166			274	300	324
95	Q.50a	167			274	301	325
96	Q.57a	168			275	301	325
97	Q.58aM1	169			275	301	325
98	Q.60aM1	170			275	301	325
99	Q.62a	171			275	301	325
100	Q.63aM1	172			275	301	325
101	Q.64a	173			275	301	325
102	Q.65bM1	174			275	301	325
103	Q.66b	175			275	302	326
104	Q.67a	176			275	302	326
105	Q.68b	177			276	302	326
106	Q.69a	178			276	302	326
107	Q.75a	179			276	302	326
108	Q.76a	180			276	302	326
109	Q.77a	181			276	302	326
110	Q.82a	182			276	302	326
111	Q.83b	183			276	303	327
112	Q.84b	184			276	303	327
113	Q.85b	185			276	303	327
114	Q.86aM1	186			277	303	327
115	Q.87b	187			277	303	327
116	Q.88b	188			277	303	327
117	Q.116a	189			277	303	327
118	Q.119bM1	190			277	303	327

Số TT	Yếu tố Số hiệu công trình	Trang			Trang		
		Mực nước			Nhiệt độ nước	Chất lượng nước	
		Không ảnh hưởng triều	Ảnh hưởng triều			Đa lượng	Vi lượng
			Bình quân ngày	Biên độ dao động			
119	Q.120b	191			277	304	328
120	Q.127a	192			277	304	328
121	Q.129bM1	193			277	304	328
122	Q.130bM1	194			277	304	328
123	Q.131b	195			278	304	328
124	Q.141a	196			278	304	328
125	Q.173	197			278	304	328
126	Q.175a	198			278	304	328
127	Q.176a	199			278	305	329
128	Q.177a	200			278	305	329
129	Q.193a	201			278	305	329
130	Q.217	202			278	305	329
131	Q.92M1		203	-	278	305	329
132	Q.108bM1		204	-	279	305	329
133	Q.109a		205	215	279	305	329
134	Q.110a		206	219	279	305	329
135	Q.142		207	-	279	306	330
136	Q.145a		208	-	279	306	-
137	Q.148a		209	223	279	306	330
138	Q.156aM1		210	227	279	306	330
139	Q.158aM1		211	-	279	306	330
140	Q.159b		212	-	279	306	330
141	Q.167a		213	-	280	306	-
III. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Neogen (n)							
142	Q.4aM1	229			281	307	331
143	Q.149	230			281	307	331
144	Q.175b	231			281	307	-
145	Q.193b	232			281	307	331
146	Q.213	233			281	307	331
147	Q.214	234			281	307	331
148	Q.215	235			281	307	331
149	Q.216	236			281	307	331

Số TT	Yếu tố Số hiệu công trình	Trang			Trang		
		Mực nước			Nhiệt độ nước	Chất lượng nước	
		Không ảnh hưởng triều	Ảnh hưởng triều			Đa lượng	Vi lượng
			Bình quân ngày	Biên độ dao động			
150	Q.109b		237	239	281	308	331
IV. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên Triat giữa – trên (t ₂₋₃)							
151	Q.116b	243			283	309	-
V. Tầng chứa khe nứt; khe nứt karst trong các trầm tích carbonat Triat giữa (t ₂)							
152	Q.177b	245			283	309	-
153	Q.92aM1		247	-	283	309	333
VI. Tầng chứa nước khe nứt; khe nứt karst trong các trầm tích carbonat Cacbon – Pecmi (c-p)							
154	Q.143a	249			283	311	333
155	Q.142a		251	253	283	311	333
VII. Tầng chứa nước khe nứt trong các trầm tích biến chất Ordovic-Silur (o-s)							
156	Q.164b		257	-	284	311	334

Mạng quan trắc vùng Đồng bằng Bắc Bộ có tổng số 156 công trình quan trắc NĐĐ. Các công trình giếng khoan quan trắc được bố trí quan trắc tập trung 6 tầng chứa nước gồm: các tầng chứa nước lỗ hổng qh, qp và tầng chứa nước trong các đới khe nứt (n, c-p, t₂, o-s). Trong đó có 64 công trình quan trắc tầng qh; 77 công trình quan trắc tầng qp; 09 công trình quan trắc tầng n; 03 công trình quan trắc tầng t₂; và 02 công trình quan trắc tầng c-p cùng 01 công trình quan trắc tầng o-s.

DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH QUAN TRẮC

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đới tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động		Các yếu tố quan trắc			Ghi chú
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	Kết thúc	H	T	CLN	
1	Q.1 (2)	Q.1	qh ₂	0	10	Sơn Đông	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	2357015,70	547371,40	14,43	I-1992		*	*	*	
2		Q.1aM1	qp ₁	10	32	Sơn Đông	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	2357015,70	547371,40	14,43	VIII-1987		*	*	*	
3	Q.2 (1)	Q.2	qh ₂	0	16	Việt Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2355226,40	548483,00	11,9	IX-1993		*	*	*	
4	Q.3 (1)	Q.3M1	qp ₁	12	32	Yên Lập	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2354461,70	549734,50	11,05	II-1987		*	*	*	
5	Q.4 (2)	Q.4M1	qp ₁	13	18	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2357104,60	556182,90	12,13	VI-1990		*	*	*	
6		Q.4aM1	n	18	35	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2357104,60	556182,90	12,13	V-1990		*	*	*	
7	Q.5 (1)	Q.5	qp ₁	20,5	35	P.Đồng Tâm	TP. Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2354705,60	560483,20	8,48	V-1990		*	*	*	
8	Q.6 (1)	Q.6	qp ₁	2,8	35	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2350918,10	558142,10	10,18	VI-1990		*	*	*	
9	Q.7 (1)	Q.7	qp ₁	3,5	21,7	Bình Dương	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2349542,60	555067,30	10,2	VI-1990		*	*	*	
10	Q.8 (2)	Q.8	qp ₂	4,5	13	TT. Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2346299,90	553040,10	10,45	VI-1990		*	*	*	
11		Q.8a	qp ₁	13	31	TT. Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2346299,90	553040,10	10,45	VI-1990		*	*	*	
12	Q.9 (2)	Q.9M2	qh ₂	0	17	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2342854,30	550698,10	12,59	I-1992		*	*	*	
13		Q.9aM1	qp ₁	18	35	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2342854,30	550698,10	12,59	IV-1986		*	*	*	
14	Q.10 (1)	Q.10M1	qh ₂	0	23	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2340875,10	550353,20	13,06	I-1992		*	*	*	

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Điểm tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động		Các yếu tố quan trắc			Ghi chú
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	Kết thúc	H	T	CLN	
15	Q.11 (1)	Q.11a	qp ₁	29	41	Tuân Chính	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2345263,30	549300,60	10,12	I-1992		*	*	*	
16	Q.55 (1)	Q.55M1	qh ₁	14	30	Liên Trung	Đan Phượng	Hà Nội	2334579,50	575117,40	8,14	I-1992		*	*	*	
17	Q.56 (1)	Q.56	qh ₂	5,8	24	Thọ An	Đan Phượng	Hà Nội	2336438,80	566266,90	11,75	III-1986		*	*	*	
18	Q.217 (1)	Q.217	qp ₁	45	60	Thọ An	Đan Phượng	Hà Nội	2336438,00	566266,00	11,753	I-2010		*	*	*	
19	Q.57 (2)	Q.57	qh ₂	0	16,5	Tân Lập	Đan Phượng	Hà Nội	2332074,50	574361,70	6,71	I-1992		*	*	*	Lắp thiết bị tự ghi
20		Q.57a	qp ₁	26,5	45	Tân Lập	Đan Phượng	Hà Nội	2332074,50	574361,70	6,79	VI-1992		*	*	*	
21	Q.213 (1)	Q.213	n	80	150	Tân Lập	Đan Phượng	Hà Nội	2332074,50	574361,70	7,21	I-2010		*	*	*	
22	Q.58 (2)	Q.58M1	qh ₂	0	11,8	Sơn Đồng	Hoài Đức	Hà Nội	2327677,20	572812,30	6,42	I-1992		*	*	*	Lắp thiết bị tự ghi
23		Q.58aM1	qp ₁	36	45,3	Sơn Đồng	Hoài Đức	Hà Nội	2327677,20	572812,30	6,37	III-1988		*	*	*	
24	Q.59a (1)	Q.59a	qh ₂	0	20	Vân Côn	Hoài Đức	Hà Nội	2319638,40	571323,90	3,93	VI-1986		*	*	*	
25	Q.60 (2)	Q.60M2	qh ₂	0	21	An Thượng	Hoài Đức	Hà Nội	2321954,50	572754,30	7,53	V-1985		*	*	*	
26		Q.60aM1	qp ₁	28	55	An Thượng	Hoài Đức	Hà Nội	2321965,50	572741,30	7,72	VI-1992		*	*	*	
27	Q.173 (1)	Q.173	qp ₁	15	20	Sen Chiểu	TX Sơn Tây	Hà Nội	2336793,70	553669,90	11,24	I-1991		*	*	*	
28	Q.62 (2)	Q.62	qp ₂	3	15	P.Minh Khai	B.Từ Liêm	Hà Nội	2330123,30	577493,50	7,16	V-1986		*	*	*	Lắp thiết bị tự ghi
29		Q.62a	qp ₁	34	50	P.Minh Khai	B.Từ Liêm	Hà Nội	2330152,30	577509,50	7,24	I-1992		*	*	*	
30	Q.63 (1)	Q.63aM1	qp ₁	24,5	40	P.Dịch Vọng	Q.Cầu Giấy	Hà Nội	2326712,60	580973,10	6,21	XI-1989		*	*	*	Lắp thiết bị tự ghi
31	Q.64 (2)	Q.64	qh ₁	3	20	P.Trung Tự	Q.Đống Đa	Hà Nội	2322644,20	586164,00	5,81	VII-1992		*	*	*	Lắp thiết bị tự ghi
32		Q.64a	qp ₁	43	57	P.Trung Tự	Q.Đống Đa	Hà Nội	2322644,20	586164,00	5,81	VII-1992		*	*	*	Lắp thiết bị tự ghi

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Điểm tương quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động		Các yếu tố quan trắc			Ghi chú
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	Kết thúc	H	T	CLN	
33	Q.215 (1)	Q.215	n	85	200	P.Trung Tự	Q.Đống Đa	Hà Nội	2322644,20	586164,00	5,639	I-2010		*	*	*	
34	Q.65 (3)	Q.65M1	qh ₂	6	10	P.Hoàng Liệt	Q.Hoàng Mai	Hà Nội	2317933,10	588094,20	4,86	VIII-1990		*	*	*	
35		Q.65aM1	qh ₁	6	25	P.Hoàng Liệt	Q.Hoàng Mai	Hà Nội	2317933,10	588094,20	4,86	VIII-1989		*	*	*	
36		Q.65bM1	qp ₁	40	54	P.Hoàng Liệt	Q.Hoàng Mai	Hà Nội	2317999,00	588103,20	5,05	VIII-1989		*	*	*	
37	Q.66 (2)	Q.66	qh ₁	4	22	Ngũ Hiệp	Thanh Trì	Hà Nội	2314340,50	587958,30	5,4	I-1992		*	*	*	Lắp thiết bị tự ghi
38		Q.66b	qp ₁	36,6	99	Ngũ Hiệp	Thanh Trì	Hà Nội	2313956,70	589060,90	5,72	XII-1985		*	*	*	
39	Q.216 (1)	Q.216	n	98	190	Ngũ Hiệp	Thanh Trì	Hà Nội	2314340,50	587958,30	5,841	I-2010		*	*	*	
40	Q.76 (1)	Q.76a	qp ₁	35	49	Đại Yên	Chương Mỹ	Hà Nội	2312019,01	572069,34	6,537	I-2010		*	*	*	
41	Q.77 (1)	Q.77a	qp ₁	24	28	Tốt Động	Chương Mỹ	Hà Nội	2309233,95	569230,63	5,492	I-2010		*	*	*	
42	Q.175 (3)	Q.175	qh ₂	0	15	TT.Phú Minh	Phú Xuyên	Hà Nội	2297777,95	595138,36	4,466	I-2010		*	*	*	
43		Q.175a	qp ₁	40	65	TT.Phú Minh	Phú Xuyên	Hà Nội	2297777,95	595138,36	4,466	I-2010		*	*	*	
44		Q.175b	n	76	150	TT.Phú Minh	Phú Xuyên	Hà Nội	2297777,95	595138,36	4,466	I-2010		*	*	*	
45	Q.177 (3)	Q.177	qh ₁	16	27	Tân Dân	Phú Xuyên	Hà Nội	2294332,56	590038,25	3,422	I-2010		*	*	*	
46		Q.177a	qp ₁	45	63	Tân Dân	Phú Xuyên	Hà Nội	2294332,56	590038,25	3,422	I-2010		*	*	*	
47		Q.177b	t ₂	80	120	Tân Dân	Phú Xuyên	Hà Nội	2294332,56	590038,25	3,422	I-2010		*	*	*	
48	Q.176 (2)	Q.176	qp ₂	5	20	Hòa Phú	Ứng Hòa	Hà Nội	2285643,29	580539,86	4,564	I-2010		*	*	*	
49		Q.176a	qp ₁	23	42	Hòa Phú	Ứng Hòa	Hà Nội	2285643,29	580539,86	4,564	I-2010		*	*	*	
50	Q.67 (2)	Q.67	qh ₂	0	26,5	P.Tứ Liên	Q.Tây Hồ	Hà Nội	2328472,90	587855,40	9,82	V-1990		*	*	*	Lắp thiết bị tự ghi
51		Q.67a	qp ₁	29	50	P.Tứ Liên	Q.Tây Hồ	Hà Nội	2328472,90	587855,40	9,82	V-1990		*	*	*	

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đối tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động		Các yếu tố quan trắc			Ghi chú
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	Kết thúc	H	T	CLN	
52	Q.214 (1)	Q.214	n	80,5	170	P.Tứ Liên	Q.Tây Hồ	Hà Nội	2328472,90	587855,40	11,05	I-2010		*	*	*	
53	Q.68 (2)	Q.68aM1	qp ₂	4	35,8	P.Yết Kiêu	Q.Hà Đông	Hà Nội	2319519,40	580909,10	4,72	I-1982		*	*	*	
54		Q.68b	qp ₁	42	81	P.Yết Kiêu	Q.Hà Đông	Hà Nội	2319523,40	580907,10	4,83	I-1982		*	*	*	
55	Q.69 (2)	Q.69	qh ₁	0	24	P.Phú Lãm	Q.Hà Đông	Hà Nội	2317279,40	578860,90	5,44	VII-1992		*	*	*	
56		Q.69a	qp ₁	44,5	63	P.Phú Lãm	Q.Hà Đông	Hà Nội	2317279,40	578860,90	5,44	VII-1992		*	*	*	
57	Q.75 (2)	Q.75M1	qh ₁	9	27	P.Đồng Mai	Q.Hà Đông	Hà Nội	2314454,50	575890,10	9,34	VI-1995		*	*	*	
58		Q.75a	qp ₁	45	60	P.Đồng Mai	Q.Hà Đông	Hà Nội	2314454,50	575890,10	9,34	VI-1995		*	*	*	
59	Q.15 (1)	Q.15	qp ₁	9,5	15	Quang Tiến	Sóc Sơn	Hà Nội	2348560,00	582454,50	10,16	IX-1986		*	*	*	
60	Q.23a (1)	Q.23a	qp ₁	30	68,5	Hải Bối	Đông Anh	Hà Nội	2334790,40	581924,70	8,19	V-1986		*	*	*	
61	Q.32 (1)	Q.32M1	qh ₂	0	21	Đông Hội	Đông Anh	Hà Nội	2330512,10	590797,20	10	I-1992		*	*	*	
62	Q.33 (2)	Q.33M1	qh ₂	0	15	Mai Lâm	Đông Anh	Hà Nội	2333339,90	591943,80	5,66	X-1989		*	*	*	
63		Q.33a	qp ₁	19	50	Mai Lâm	Đông Anh	Hà Nội	2333339,90	591943,80	5,66	X-1989		*	*	*	
64	Q.34a (1)	Q.34a	qp ₂	14,5	30	Dục Tú	Đông Anh	Hà Nội	2335293,20	593017,30	6,7	V-1983		*	*	*	
65	Q.35 (2)	Q.35aM1	qp ₁	19,5	40	Vân Hà	Đông Anh	Hà Nội	2338509,90	595663,30	6,36	I-04		*	*	*	
66		Q.35M1	qp ₂	6,6	15	Vân Hà	Đông Anh	Hà Nội	2338509,90	595663,30	6,36	V-1983		*	*	*	
67	Q.36 (1)	Q.36	qp ₁	22	46	Văn Môn	Yên Phong	Bắc Ninh	2341100,90	596341,00	5,3	I-1992		*	*	*	
68	Q.37 (2)	Q.37	qp ₂	3	17,5	TT. Chờ	Yên Phong	Bắc Ninh	2344439,60	598836,00	5,28	I-1992		*	*	*	
69		Q.37a	qp ₁	17,5	33	TT.Chờ	Yên Phong	Bắc Ninh	2344439,60	598836,00	5,28	I-1992		*	*	*	
70	Q.38 (1)	Q.38M1	qp ₁	13	24	Đông Tiến	Yên Phong	Bắc Ninh	2347210,50	600613,40	7,02	I-1992		*	*	*	

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Điểm trưng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động		Các yếu tố quan trắc			Ghi chú
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	Kết thúc	H	T	CLN	
71	Q.50a (1)	Q.50a	qp ₁	14,1	44,5	Tân Chi	Tiên Du	Bắc Ninh	2332885,10	612256,70	4,13	VII-1989		*	*	*	
72	Q.115 (1)	Q.115M1	qh ₂	0	13	TT.Hồ	Thuận Thành	Bắc Ninh	2329493,50	612803,50	3,83	VII-1989		*	*	*	
73	Q.116 (2)	Q.116a	qp ₁	22,2	75	TT.Hồ	Thuận Thành	Bắc Ninh	2327141,40	612997,40	4,33	VII-1989		*	*	*	
74		Q.116b	t ₂₋₃	75	102	TT.Hồ	Thuận Thành	Bắc Ninh	2327141,40	612997,40	4,33	I-1990		*	*	*	
75	Q.119 (3)	Q.119M1	qh ₁	0	15	TT.Như Quỳnh	Văn Lâm	Hưng Yên	2319970,20	603423,20	4,55	IX-1990		*	*	*	
76		Q.119aM1	qp ₂	17	32	TT.Như Quỳnh	Văn Lâm	Hưng Yên	2319970,20	603423,20	4,55	IX-1990		*	*	*	
77		Q.119bM1	qp ₁	48	86	TT.Như Quỳnh	Văn Lâm	Hưng Yên	2319970,20	603423,20	4,55	IX-1990		*	*	*	
78	Q.193 (2)	Q.193a	qp ₁	46	78	Phùng Hưng	Khoái Châu	Hưng Yên	2302380,49	602243,69	3,339	I-2010		*	*	*	
79		Q.193b	n	88	255	Phùng Hưng	Khoái Châu	Hưng Yên	2302380,49	602243,69	3,339	I-2010		*	*	*	
80	Q.120 (3)	Q.120	qh ₁	2,7	13	Trâu Quỳ	Gia Lâm	Hà Nội	2324370,40	597070,70	4,2	X-1989		*	*	*	tự ghi từ tháng V-2007
81		Q.120a	qp ₂	15,5	29,5	Trâu Quỳ	Gia Lâm	Hà Nội	2324370,40	597070,70	4,2	X-1989		*	*	*	
82		Q.120b	qp ₁	29,5	50	Trâu Quỳ	Gia Lâm	Hà Nội	2324370,40	597070,70	4,2	XI-1989		*	*	*	
83	Q.121 (1)	Q.121M1	qh ₂	0	16	P.Thượng Thanh	Q.Long Biên	Hà Nội	2330358,10	591286,00	10,68	I-1992		*	*	*	
84	Q.127 (2)	Q.127	qh ₁	0	17,5	Hưng Long	Mỹ Hào	Hưng Yên	2310683,90	614142,90	2,17	I-1992		*	*	*	
85		Q.127a	qp ₁	32	75	Hưng Long	Mỹ Hào	Hưng Yên	2310683,90	614142,90	2,17	I-1992		*	*	*	
86	Q.82 (2)	Q.82M1	qp ₂	11	26	P.Lê Hồng Phong	TP.Phủ Lý	Hà Nam	2270944,70	593675,00	3,24	I-1991		*	*	*	
87		Q.82a	qp ₁	28,3	34	P.Lê Hồng Phong	TP.Phủ Lý	Hà Nam	2270944,70	593675,00	3,24	I-1991		*	*	*	
88	Q.83 (3)	Q.83	qh ₂	0	7	P.Lê Hồng Phong	TP.Phủ Lý	Hà Nam	2271344,50	594518,70	3,86	X-1989		*	*	*	
89		Q.83a	qh ₁	7	18	P.Lê Hồng Phong	TP.Phủ Lý	Hà Nam	2271344,50	594518,70	3,86	X-1989		*	*	*	

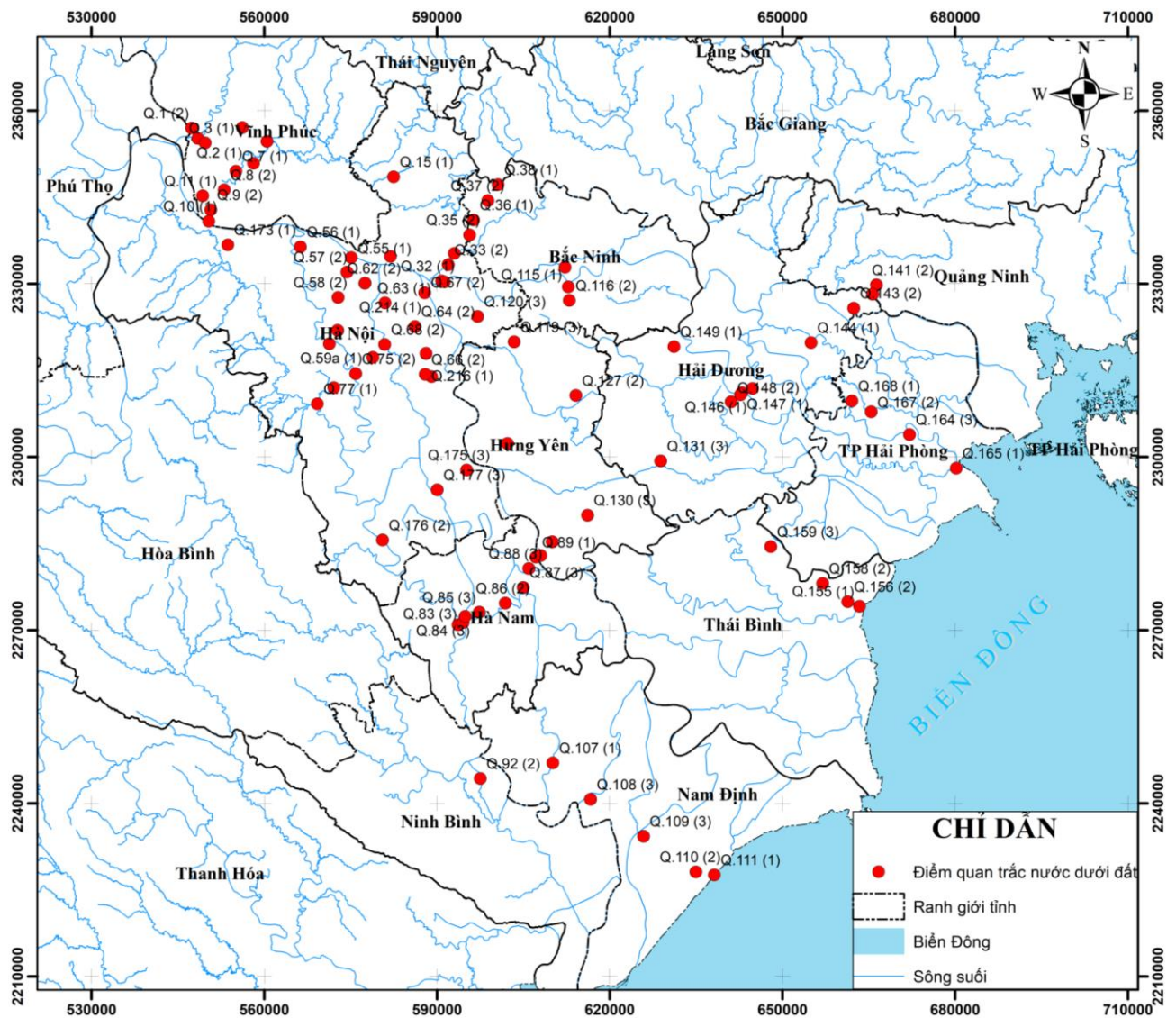
Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đôi tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động		Các yếu tố quan trắc			Ghi chú
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	Kết thúc	H	T	CLN	
90		Q.83b	qp ₁	40	53,2	P.Lê Hồng Phong	TP.Phủ Lý	Hà Nam	2271344,50	594518,70	3,86	X-1989		*	*	*	
91	Q.84 (3)	Q.84	qh ₂	0	18,5	P.Quang Trung	TP.Phủ Lý	Hà Nam	2272405,10	594899,60	2,94	XI-1990		*	*	*	
92		Q.84a	qh ₁	18,5	27,5	P.Quang Trung	TP.Phủ Lý	Hà Nam	2272405,10	594899,60	2,94	XI-1990		*	*	*	
93		Q.84b	qp ₁	39	53,5	P.Quang Trung	TP.Phủ Lý	Hà Nam	2272405,10	594899,50	3,38	I-1990		*	*		
94	Q.85 (3)	Q.85	qh ₂	0	13	P.Lam Hạ	TP.Phủ Lý	Hà Nam	2273115,80	597354,60	3,18	XI-1990		*	*	*	
95		Q.85a	qh ₁	13	28	P.Lam Hạ	TP.Phủ Lý	Hà Nam	2273115,80	597354,60	3,18	XI-1990		*	*	*	
96		Q.85b	qp ₁	52	66	P.Lam Hạ	TP.Phủ Lý	Hà Nam	2273115,80	597354,60	3,18	I-1990		*	*	*	
97	Q.86 (2)	Q.86M1	qh ₁	0	18	Châu Sơn	Duy Tiên	Hà Nam	2274683,20	601868,80	2,77	I-1991		*	*	*	
98		Q.86aM1	qp ₁	49	61	Châu Sơn	Duy Tiên	Hà Nam	2274683,20	601868,80	2,77	I-1991		*	*	*	
99	Q.87 (3)	Q.87	qh ₂	0	12	Chính Lý	Lý Nhân	Hà Nam	2277416,10	604983,60	3,87	I-1991		*	*	*	
100		Q.87a	qh ₁	22	34,4	Chính Lý	Lý Nhân	Hà Nam	2277416,10	604983,60	3,87	I-1991		*	*	*	
101		Q.87b	qp ₁	49	80	Chính Lý	Lý Nhân	Hà Nam	2277416,10	604983,60	3,87	I-1991		*	*	*	
102	Q.88 (3)	Q.88	qh ₂	0	15	Chuyên Ngoại	Duy Tiên	Hà Nam	2280712,80	605959,20	3,7	I-1991		*	*	*	
103		Q.88a	qh ₁	15	35	Chuyên Ngoại	Duy Tiên	Hà Nam	2280712,80	605959,20	3,7	I-1991		*	*	*	
104		Q.88b	qp ₁	53	74	Chuyên Ngoại	Duy Tiên	Hà Nam	2280712,80	605959,20	3,7	I-1991		*	*	*	
105	Q.89 (1)	Q.89	qh ₂	0	15	Chuyên Ngoại	Duy Tiên	Hà Nam	2282669,00	607185,70	6,86	IX-1993		*	*	*	
106	Q.92 (2)	Q.92M1	qp ₁	28	37,2	Ninh Hoà	Hoa Lư	Ninh Bình	2244312,20	597514,50	2,32	VII-1989		*	*	*	A.H triều
107		Q.92aM1	t _{2a}	37,2	100	Ninh Hoà	Hoa Lư	Ninh Bình	2244312,20	597514,50	2,32	I-1990		*	*	*	A.H triều
108	Q.107 (1)	Q.107	qh ₂	0	9	Yên Lương	Ý Yên	Nam Định	2247013,10	610135,50	1,93	IX-1994		*	*	*	

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Điểm trưng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động		Các yếu tố quan trắc			Ghi chú
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	Kết thúc	H	T	CLN	
109	Q.108 (3)	Q.108M1	qh ₂	0	14,6	Nghĩa Minh	Nghĩa Hưng	Nam Định	2240703,60	616667,90	1,4	VIII-1994		*	*	*	A.H triều
110		Q.108aM1	qh ₁	14,6	49	Nghĩa Minh	Nghĩa Hưng	Nam Định	2240703,60	616667,90	1,4	VIII-1994		*	*	*	A.H triều
111		Q.108bM1	qp ₁	57	79	Nghĩa Minh	Nghĩa Hưng	Nam Định	2240703,60	616667,90	1,4	VIII-1994		*	*	*	A.H triều
112	Q.109 (3)	Q.109	qh ₂	0	7,9	Trực Phú	Trực Ninh	Nam Định	2234317,10	625871,30	1,65	VIII-1994		*	*	*	A.H triều
113		Q.109a	qp ₁	102	132,8	Trực Phú	Trực Ninh	Nam Định	2234317,10	625871,30	1,65	VIII-1994		*	*	*	A.H triều
114		Q.109b	n	132,8	175	Trực Phú	Trực Ninh	Nam Định	2234317,10	625871,30	1,65	VIII-1994		*	*	*	A.H triều
115	Q.110 (2)	Q.110	qh ₂	0	10	Hải Tây	Hải Hậu	Nam Định	2228141,50	634955,70	0,69	IX-1994		*	*	*	A.H triều
116		Q.110a	qp ₁	63	100	Hải Tây	Hải Hậu	Nam Định	2228141,50	634955,70	0,69	IX-1994		*	*	*	A.H triều
117	Q.111 (1)	Q.111M1	qh ₂	0	10,5	Hải Lý	Hải Hậu	Nam Định	2227620,70	638181,40	1,76	VIII-1994		*	*	*	A.H triều
118	Q.128 (1)	Q.128M1	qh ₂	0	15	P.Minh Khai	TP.Hung Yên	Hung Yên	2282948,90	608038,40	5,69	IX-1993		*	*	*	
119	Q.129 (3)	Q.129M1	qh ₂	0	14	P.Lam Sơn	TP.Hung Yên	Hung Yên	2285339,00	610021,60	3,098	I-1993		*	*	*	
120		Q.129aM1	qp ₂	14	43	P.Lam Sơn	TP.Hung Yên	Hung Yên	2285339,00	610021,60	3,098	I-1993		*	*	*	
121		Q.129bM1	qp ₁	43	79	P.Lam Sơn	TP.Hung Yên	Hung Yên	2285339,00	610021,60	3,098	I-1993		*	*	*	
122	Q.130 (3)	Q.130M1	qh ₁	0	11,5	TT.Vương	Tiên Lữ	Hung Yên	2289940,20	616164,10	3,12	VIII-1991		*	*	*	
123		Q.130aM1	qp ₂	15	41,8	TT.Vương	Tiên Lữ	Hung Yên	2289940,20	616164,10	3,12	VIII-1991		*	*	*	
124		Q.130bM1	qp ₁	46	80	TT.Vương	Tiên Lữ	Hung Yên	2289940,20	616164,10	3,12	VIII-1991		*	*	*	
125	Q.131 (3)	Q.131	qh ₁	0	12	TT.Thanh Miện	Thanh Miện	Hải Dương	2299328,40	628849,10	2,44	VI-1995		*	*	*	
126		Q.131a	qp ₂	39,5	75	TT.Thanh Miện	Thanh Miện	Hải Dương	2299328,40	628849,10	2,44	I-1993		*	*	*	
127		Q.131b	qp ₁	75	90	TT.Thanh Miện	Thanh Miện	Hải Dương	2299328,40	628849,10	2,44	I-1993		*	*	*	

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Điểm trưng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động		Các yếu tố quan trắc			Ghi chú
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	Kết thúc	H	T	CLN	
128	Q.155 (1)	Q.155M1	qh ₂	0	11,5	TT.Diêm Điền	Thái Thụy	Thái Bình	2274155,40	663387,40	3,1	IX-1993		*	*	*	A.H triều
129	Q.156 (2)	Q.156M1	qh ₂	1,5	8,5	Thụy Hà	Thái Thụy	Thái Bình	2274966,00	661354,20	1,09	IV-1990		*	*	*	A.H triều
130		Q.156aM1	qp ₁	50	108	Thụy Hà	Thái Thụy	Thái Bình	2274966,00	661354,20	1,09	IV-1990		*	*	*	A.H triều
131	Q.158 (2)	Q.158	qh ₂	0	10	Thụy Việt	Thái Thụy	Thái Bình	2278116,80	656975,00	1,3	IV-1990		*	*	*	A.H triều
132		Q.158aM1	qp ₁	68	96	Thụy Việt	Thái Thụy	Thái Bình	2278116,80	656975,00	1,3	IV-1990		*	*	*	A.H triều
133	Q.159 (3)	Q.159	qh ₂	0	10	TT.An Bài	Quỳnh Phụ	Thái Bình	2284492,30	647974,50	1,98	V-1990		*	*	*	
134		Q.159a	qp ₂	16,5	44	TT.An Bài	Quỳnh Phụ	Thái Bình	2284492,30	647974,50	1,98	V-1990		*	*	*	A.H triều
135		Q.159b	qp ₁	44	112	TT.An Bài	Quỳnh Phụ	Thái Bình	2284492,30	647974,50	1,98	V-1990		*	*	*	A.H triều
136	Q.144 (1)	Q.144M1	qh ₂	0	9	Kim Xuyên	Kim Thành	Hải Dương	2319835,30	654980,70	2,326	VI-1995		*	*	*	
137	Q.145 (2)	Q.145	qh ₂	0	9,5	Thanh Hải	Thanh Hà	Hải Dương	2311893,90	644788,06	1,8	VI-1995		*	*	*	
138		Q.145a	qp ₁	37,8	85	Thanh Hải	Thanh Hà	Hải Dương	2311893,90	644788,06	1,8	VI-1995		*	*	*	A.H triều
139	Q.146 (1)	Q.146	qh ₂	0	11	Tiền Tiến	Thanh Hà	Hải Dương	2311167,70	642962,50	3	VI-1995		*	*	*	A.H triều
140	Q.147 (1)	Q.147	qh ₂	0	11,5	Đại Đồng	Tứ Kỳ	Hải Dương	2310807,80	642718,60	2,13	VI-1995		*	*	*	A.H triều
141	Q.148 (2)	Q.148	qh ₁	9	33	Kỳ Sơn	Tứ Kỳ	Hải Dương	2309573,30	641097,30	2,17	VI-1995		*	*	*	
142		Q.148a	qp ₁	51	90	Kỳ Sơn	Tứ Kỳ	Hải Dương	2309573,30	641097,30	2,17	VI-1995		*	*	*	A.H triều
143	Q.164 (3)	Q.164	qh ₂	0	11	P.Quán Trữ	Q.Kiến An	Hải Phòng	2303920,50	672079,50	2,36	V-1993		*	*	*	A.H triều
144		Q.164a	qh ₁	11	41	P.Quán Trữ	Q.Kiến An	Hải Phòng	2303920,50	672079,50	2,36	V-1993		*	*	*	A.H triều
145		Q.164b	O- S	62	99	P.Quán Trữ	Q.Kiến An	Hải Phòng	2303920,50	672079,50	2,36	V-1993		*	*	*	A.H triều
146	Q.165 (1)	Q.165	qh ₂	0	11,6	P.Hải Thành	Q.Dương Kinh	Hải Phòng	2298092,90	680195,70	1,29	V-1993		*	*	*	A.H triều

Số thứ tự	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đôi tượng quan trắc	Độ sâu tầng chứa nước (m)		Vị trí			Tọa độ			Thời kỳ hoạt động		Các yếu tố quan trắc			Ghi chú
				Từ	Đến	Xã	Huyện	Tỉnh	X	Y	Z	Bắt đầu	Kết thúc	H	T	CLN	
147	Q.167 (2)	Q.167	qh ₁	2	9	Lê Lợi	An Dương	Hải Phòng	2307857,00	665422,60	1,7	I-1994		*	*	*	A.H triều
148		Q.167a	qp ₁	40	60	Lê Lợi	An Dương	Hải Phòng	2307857,00	665422,60	1,7	V-1993		*	*	*	A.H triều
149	Q.168 (1)	Q.168	qh ₁	0	12	Hồng Phong	An Dương	Hải Phòng	2309730,20	662073,90	2,04	V-1993		*	*	*	
150	Q.141 (2)	Q.141	qh ₂	0	11,4	P.Mạo Khê	TX.Đông Triều	Quảng Ninh	2329831,20	666332,30	6,52	IV-1995		*	*	*	
151		Q.141a	qp ₁	14,7	40	P.Mạo Khê	TX.Đông Triều	Quảng Ninh	2329831,20	666332,30	6,52	IV-1995		*	*	*	
152	Q.142 (2)	Q.142	qp ₁	10	14	P.Mạo Khê	TX.Đông Triều	Quảng Ninh	2328221,90	665670,50	3,09	IV-1995		*	*	*	A.H triều
153		Q.142a	C-P	14	50	P.Mạo Khê	TX.Đông Triều	Quảng Ninh	2328221,90	665670,50	3,09	IV-1995		*	*	*	A.H triều
154	Q.143 (2)	Q.143	qh ₁	0	9	TT.Phú Thừ	Kinh Môn	Hải Dương	2325818,80	662380,80	2,08	IV-1995		*	*	*	
155		Q.143a	C-P	14	65	TT.Phú Thừ	Kinh Môn	Hải Dương	2325818,80	662380,80	2,08	IV-1995		*	*	*	
156	Q.149 (1)	Q.149	n	142	172	Đức Chính	Cẩm Giàng	Hải Dương	2319145,00	631176,00	3,88			*	*	*	

Ghi chú: A.H triều: Đo bình quân ngày



Sơ đồ mạng lưới quan trắc vùng đồng bằng Bắc Bộ

PHẦN 1

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

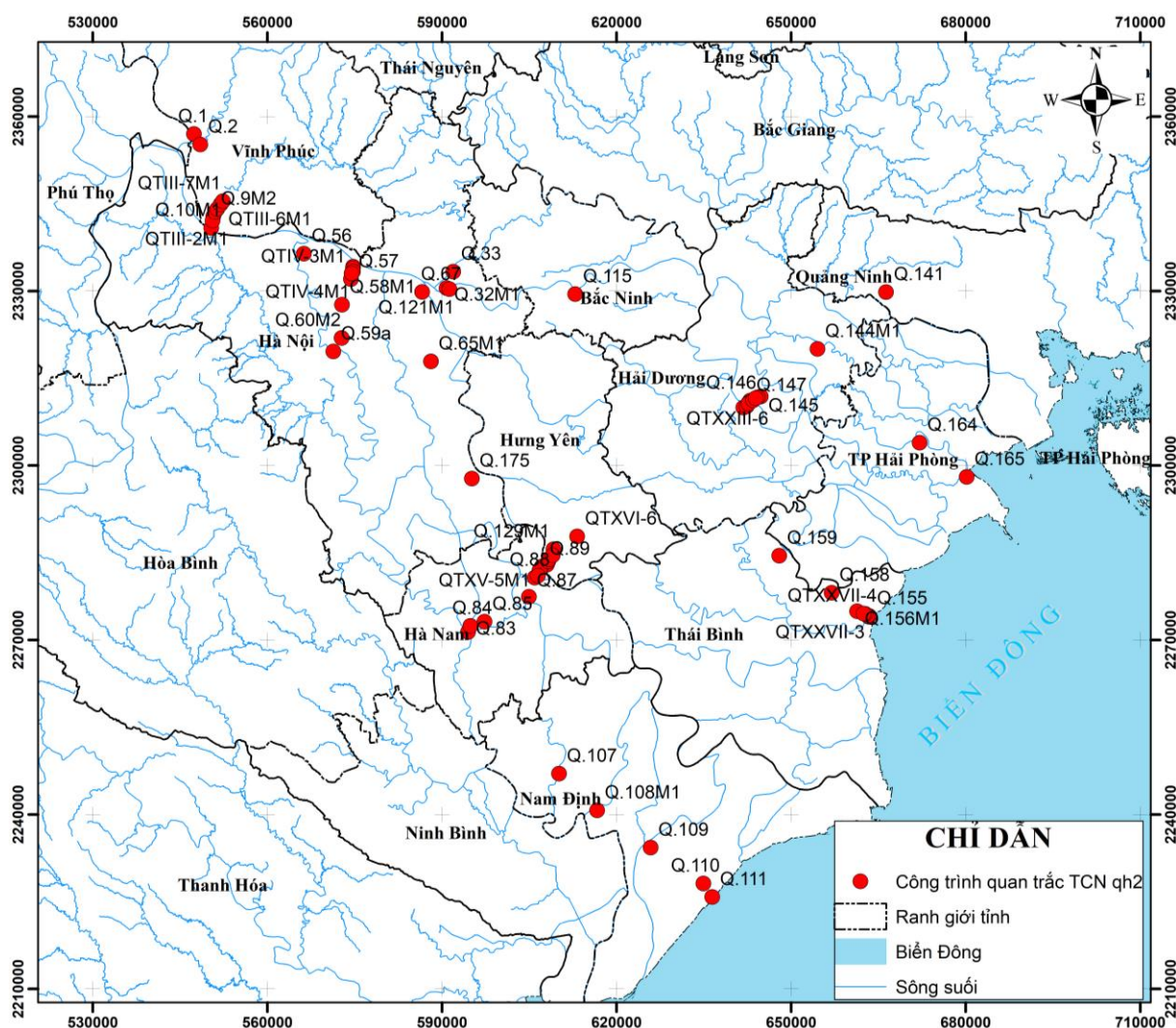
ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

I.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

Đây là lớp chứa nước thứ nhất kể từ trên xuống, diện phân bố khá rộng kể từ trung tâm đồng bằng ra phía biển, phần từ đỉnh đồng bằng tới Hà Nội chỉ tồn tại các dải hẹp nằm dọc theo hệ thống sông Hồng, một số khoảnh, chỏm nhỏ nằm ở thung lũng giữa núi và ven các sông nhỏ khác.

Mạng lưới quan trắc bố trí trong lớp này bao gồm 40 công trình được bố trí thành 3 tuyến ngang và 3 tuyến dọc (Hình 2). Sau đây là thống kê đánh giá đặc điểm khái quát của các yếu tố tài nguyên NĐĐ trong lớp này.



Hình. 1. Sơ đồ bố trí công trình quan trắc lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂) vùng đồng bằng Bắc Bộ

1.1.1. Đặc điểm mực nước

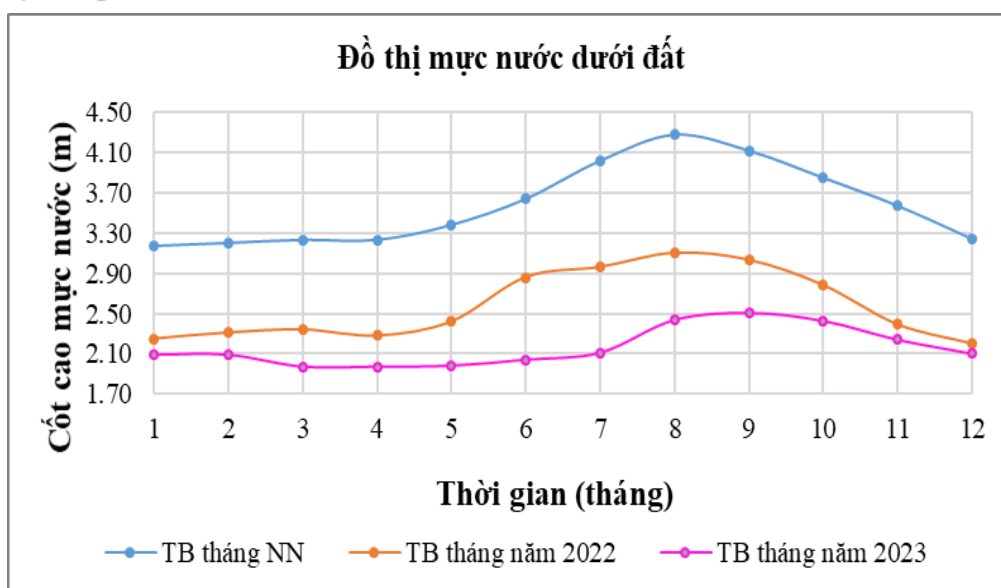
Giá trị đặc trưng tổng hợp mực nước trung bình từ 40 công trình quan trắc trong lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂) thống kê ở Bảng 1.

Bảng. 1. Trung bình tháng mực nước dưới đất lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂) vùng đồng bằng Bắc Bộ (độ cao tuyệt đối, m)

Thời gian Đặc trưng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	3,17	3,20	3,23	3,23	3,38	3,64	4,02	4,28	4,12	3,85	3,57	3,24	3,58	4,28	3,17
TB tháng năm 2022	2,25	2,31	2,34	2,28	2,42	2,86	2,96	3,10	3,03	2,78	2,39	2,20	2,58	3,10	2,20
TB tháng năm 2023	2,09	2,09	1,97	1,97	1,98	2,04	2,11	2,44	2,51	2,43	2,24	2,10	2,17	2,51	1,97
Chênh lệch so với TB tháng NN	-1,07	-1,11	-1,26	-1,25	-1,40	-1,60	-1,91	-1,83	-1,60	-1,41	-1,33	-1,14	-1,41	-1,07	-1,91
Chênh lệch so với TB tháng năm 2022	-0,16	-0,22	-0,37	-0,31	-0,44	-0,83	-0,85	-0,65	-0,52	-0,35	-0,15	-0,10	-0,41	-0,10	-0,85

Theo số liệu bảng 1 cho thấy, mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2023 có xu hướng giảm so với mực nước trung bình tháng cùng kỳ nhiều năm; chênh lệch mực nước lớn nhất là 1,91m vào tháng 7, chênh lệch mực nước nhỏ nhất là 1,07m vào tháng 1. So trung bình tháng năm 2022, mực nước trung bình tháng năm 2023 cũng có xu hướng giảm; Chênh lệch mực nước lớn nhất là 0,85m vào tháng 7, chênh lệch mực nước nhỏ nhất là 0,1 vào tháng 12.

Đồ thị hình 2 biểu diễn mực nước trung bình tháng năm 2022, 2023 và cho cả thời gian quan trắc.



Hình. 2. Đồ thị mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, năm 2023 và nhiều năm

I.1.2. Đặc điểm nhiệt độ nước

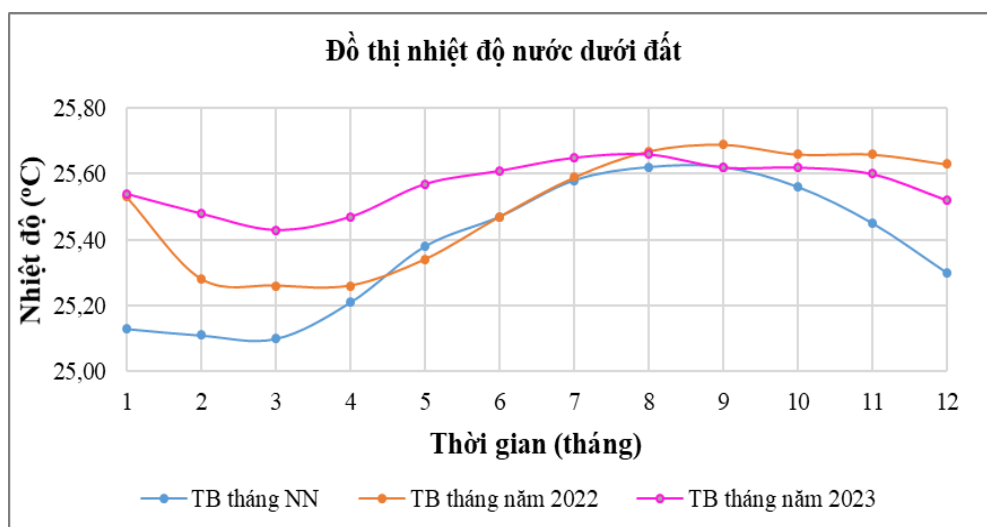
Giá trị đặc trưng tổng hợp nhiệt độ nước trung bình từ các công trình quan trắc trong lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂) thống kê ở bảng 2.

Bảng. 2. Trung bình tháng nhiệt độ nước dưới đất lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂) vùng đồng bằng Bắc Bộ (°C)

Thời gian Đặc trưng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	25,13	25,11	25,10	25,21	25,38	25,47	25,58	25,62	25,62	25,56	25,45	25,30	25,38	25,62	25,10
TB tháng năm 2022	25,53	25,28	25,26	25,26	25,34	25,47	25,59	25,67	25,69	25,66	25,66	25,63	25,50	25,69	25,26
TB tháng năm 2023	25,54	25,48	25,43	25,47	25,57	25,61	25,65	25,66	25,62	25,62	25,60	25,52	25,57	25,66	25,43
Chênh lệch so với TB tháng NN	0,41	0,37	0,33	0,25	0,19	0,14	0,08	0,04	0,01	0,06	0,15	0,23	0,19	0,41	0,04
Chênh lệch so với TB tháng năm 2022	0,02	0,20	0,17	0,21	0,23	0,14	0,07	-0,01	-0,07	-0,04	-0,06	-0,11	0,06	0,23	-0,11

Theo số liệu bảng 2 cho thấy, nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng trong năm 2023 dao động không đáng kể xung quanh giá trị từ 25,43-25,66°C và có xu hướng tăng so với nhiệt độ trung bình tháng năm 2022 và trung bình nhiều năm. So với trung bình nhiều năm nhiệt độ tăng mạnh nhất là vào tháng 1 (0,41°C), dao động trong khoảng từ 0,01-0,41°C. So với năm 2022, nhiệt độ có xu hướng tăng từ tháng 1 đến tháng 7, dao động từ 0,02-0,23 °C; từ tháng 8 đến tháng 12, nhiệt độ lại có xu hướng giảm, dao động từ 0,01-0,11 °C.

Đồ thị hình 3 biểu diễn nhiệt độ nước trung bình tháng trong năm 2022, năm 2023 và cho cả thời gian quan trắc.



Hình. 3. Đồ thị nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, năm 2023 và nhiều năm

I.1.3. Đặc điểm thành phần hoá học nước

❖ Các thông số đa lượng:

Đặc trưng tổng hợp một số thành phần hoá chủ yếu trong nước dưới đất lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂) được thống kê trong bảng 3.

Bảng. 3. Trung bình tháng một số thành phần hoá chủ yếu trong nước dưới đất lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

Yếu tố Đặc trưng	Na ⁺ (mg/l)	Ca ⁺² (mg/l)	Mg ⁺² (mg/l)	Fe ⁺² (mg/l)	Fe ⁺³ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ⁻² (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	TDS- 105° (mg/l)
TB nhiều năm									
Mùa khô	602,21	84,22	85,71	0,16	0,39	1036,95	72,35	509,60	2.276
Mùa mưa	557,98	78,69	77,89	0,17	0,43	931,38	55,55	488,16	2.060
TB năm 2023									
Mùa khô	594,46	84,89	80,26	0,53	1,13	981,08	41,47	580,32	2.135
Mùa mưa	543,15	65,18	76,16	0,11	1,00	850,24	68,01	528,53	1.920
Độ lệch so với TB nhiều năm									
Mùa khô	-7,75	0,67	-5,45	0,37	0,74	-55,87	-30,87	70,71	-141
Mùa mưa	-14,82	-13,51	-1,72	-0,05	0,57	-81,14	12,46	40,37	-140

Theo số liệu bảng 3 cho thấy, giá trị các chỉ tiêu chất lượng nước trung bình năm 2023 có xu hướng giảm hơn so với trung bình nhiều năm. Chỉ có chỉ tiêu Fe⁺³, HCO₃⁻ có giá trị tăng vào cả mùa mưa và mùa khô; chỉ tiêu Ca⁺², Fe⁺² có giá trị tăng vào mùa khô; chỉ tiêu SO₄⁻² có giá trị tăng vào mùa mưa.

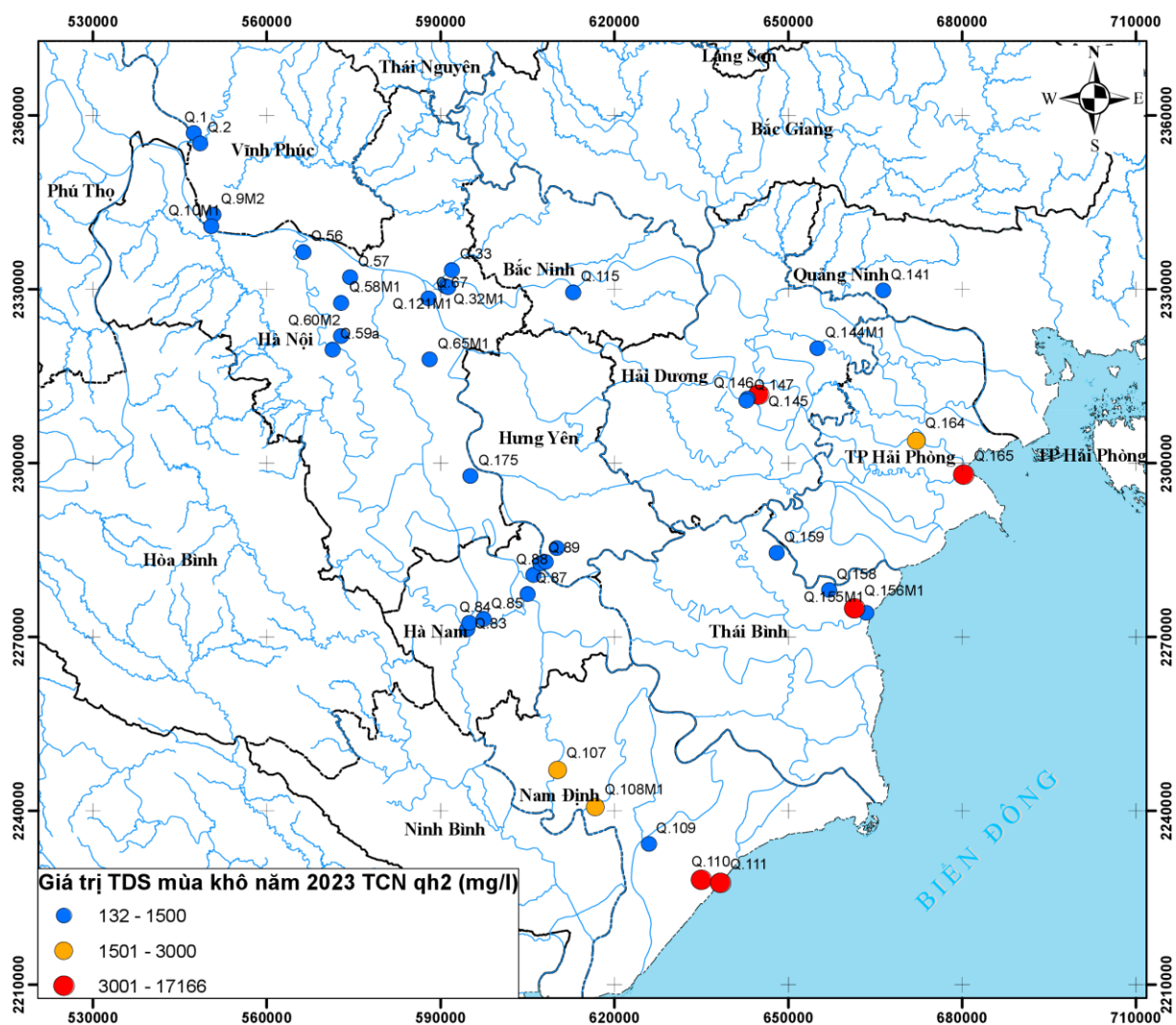
- Thông số TDS:

Nhìn chung tại đa số các công trình quan trắc chỉ số TDS đều có giá trị nhỏ hơn 1500mg/l (nước nhạt), giá trị TDS tại các lỗ khoan dao động từ 131 – 17.380mg/l vào mùa mưa; từ 132 – 17.166 mg/l vào mùa khô. Một số nơi vượt quá giới hạn cho phép như sau.

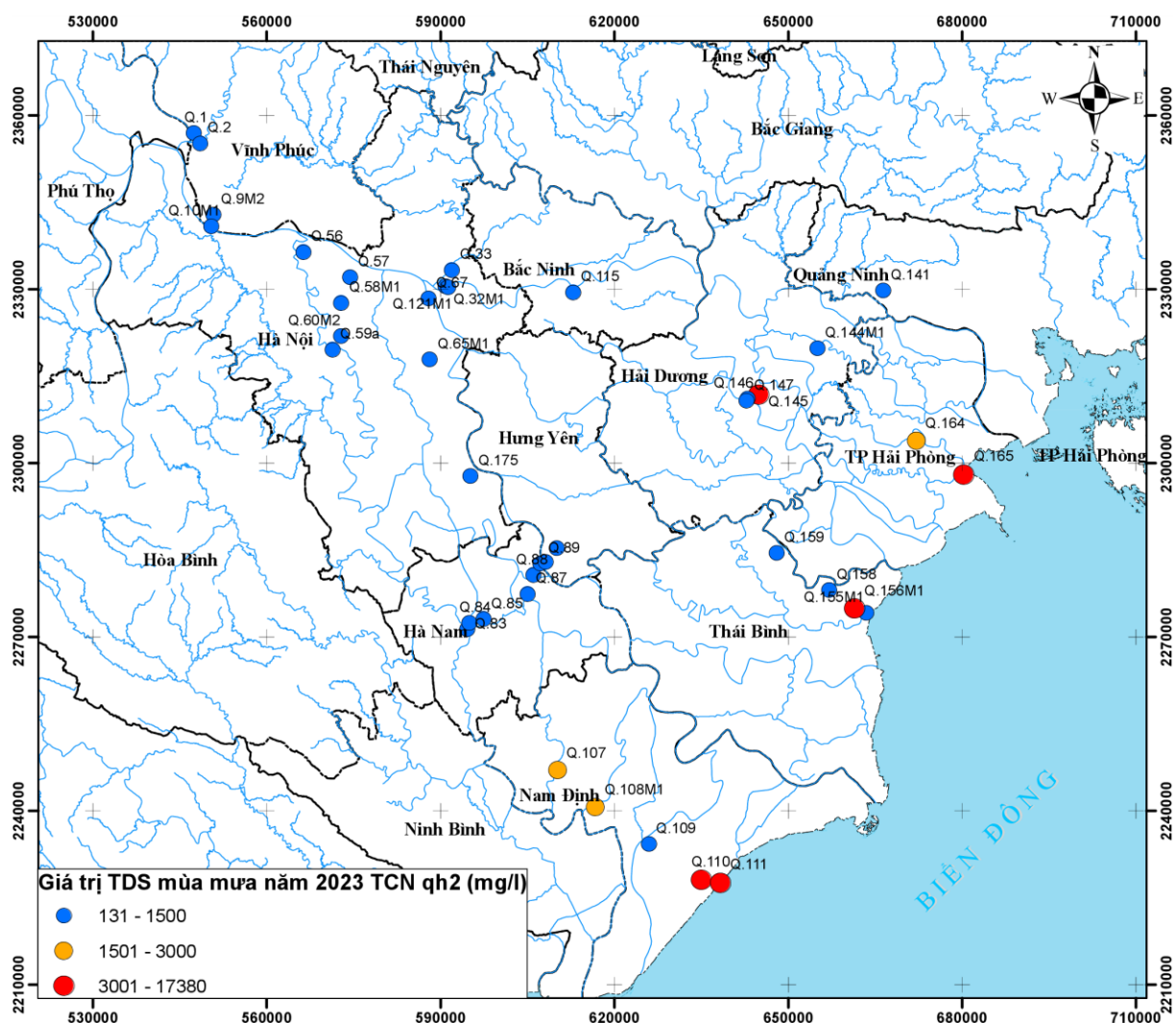
+ Giá trị TDS từ 1500 - 3000mg/l (nước lợ) vào cả mùa mưa và mùa khô, phát hiện tại các công trình quan trắc thuộc các tỉnh, thành phố: Nam Định (Q.107, Q.108M1); Hải Phòng (Q.164).

+ Giá trị TDS > 3000mg/l (nước mặn) vào cả mùa mưa và mùa khô, phát hiện tại các công trình quan trắc thuộc các tỉnh, thành phố: Nam Định (Q.110, Q.111M1), Hải Dương (Q.145), Thái Bình (Q.156M1), TP Hải Phòng (Q.164, Q.165).

(Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố đa lượng)



Hình. 4. Sơ đồ phân bố TDS mùa khô năm 2023 lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)



Hình. 5. Sơ đồ phân bố TDS mùa mưa năm 2023 lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

❖ Các thông số vi lượng:

Quan trắc ở 31 công trình vào cả mùa mưa và mùa khô. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn tiêu chuẩn cho phép trừ Mangan (Mn), Chì (Pb) và Asen (As).

- Thông số Mn:

Hàm lượng Mn cao nhất là 6,26 mg/l vào mùa khô tại công trình Q.115M1 (Thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Có 17 công trình có hàm lượng Mn cao hơn GHCP (0,5mg/l). Các công trình phân bố ở các tỉnh như sau:

+ Vào cả 2 mùa có 09 công trình: Bắc Ninh (Q.115M1); Hà Nam (Q.83, Q.84); Hà Nội (Q.32M1, Q.56, Q.57); Hải Dương (Q.146); Thái Bình (Q.159); Vĩnh Phúc (Q.1).

+ Vào mùa khô có 06 công trình: Hà Nội (Q.33, Q.175); Hải Dương (Q.144M1); Vĩnh Phúc (Q.2); Hưng Yên (Q.128M1, Q.129M1).

+ Vào mùa mưa có 02 công trình: Hà Nội (Q.58M1); Vĩnh Phúc (Q.9M2).

- Thông số Pb:

Hàm lượng Pb cao nhất là 0,029 mg/l tại công trình Q.83 (P. Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam) vào mùa mưa. Có 05 công trình có hàm lượng Pb cao hơn GHCP (0,01mg/l). Các công trình phân bố ở các tỉnh như sau:

+ Vào cả mùa mưa và mùa khô có 01 công trình: Hà Nam (Q.84).

+ Vào mùa mưa có 04 công trình: Hà Nam (Q.83); Hà Nội (Q.57); Thái Bình (Q.158, Q.159).

- Thông số As:

Hàm lượng Asen cao nhất là 0,254 mg/l tại công trình Q.146 (xã Tiền Tiến, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương). Có 05 công trình có hàm lượng As cao hơn GHCP (0,05mg/l). Các công trình phân bố ở các tỉnh như sau:

+ Vào mùa mưa có 01 công trình: Vĩnh Phúc (Q.10M1).

+ Vào mùa khô có 04 công trình: Hà Nội (Q.32M1); Hải Dương (Q.144M1, Q.146); Hưng Yên (Q.128M1).

(Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn)

❖ Các thông số nhiễm bẩn:

- Thông số Amoni NH_4^+ :

Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình quan trắc ở các tỉnh có hàm lượng cao hơn GHCP (1mg/l), hàm lượng cao nhất là 45,0 mg/l tại công trình Q.58M1 (xã Sơn Đông, Hoài Đức, Hà Nội). Có 23 công trình có hàm lượng NH_4^+ cao hơn GHCP (1mg/l). Các công trình phân bố ở các tỉnh như sau:

+ Vào cả mùa mưa và mùa khô có 17 công trình: Bắc Ninh (Q.115M1); Hà Nam (Q.85, Q.88); Hà Nội (Q.33M1, Q.57, Q.58M1, Q.59a, Q.60M2), Hải Dương (Q.144M1, Q.146, Q.147); Hưng Yên (Q.129M1); Nam Định (Q.109); Thái Bình (Q.156M1, Q.158, Q.159), Vĩnh Phúc (Q.9M2).

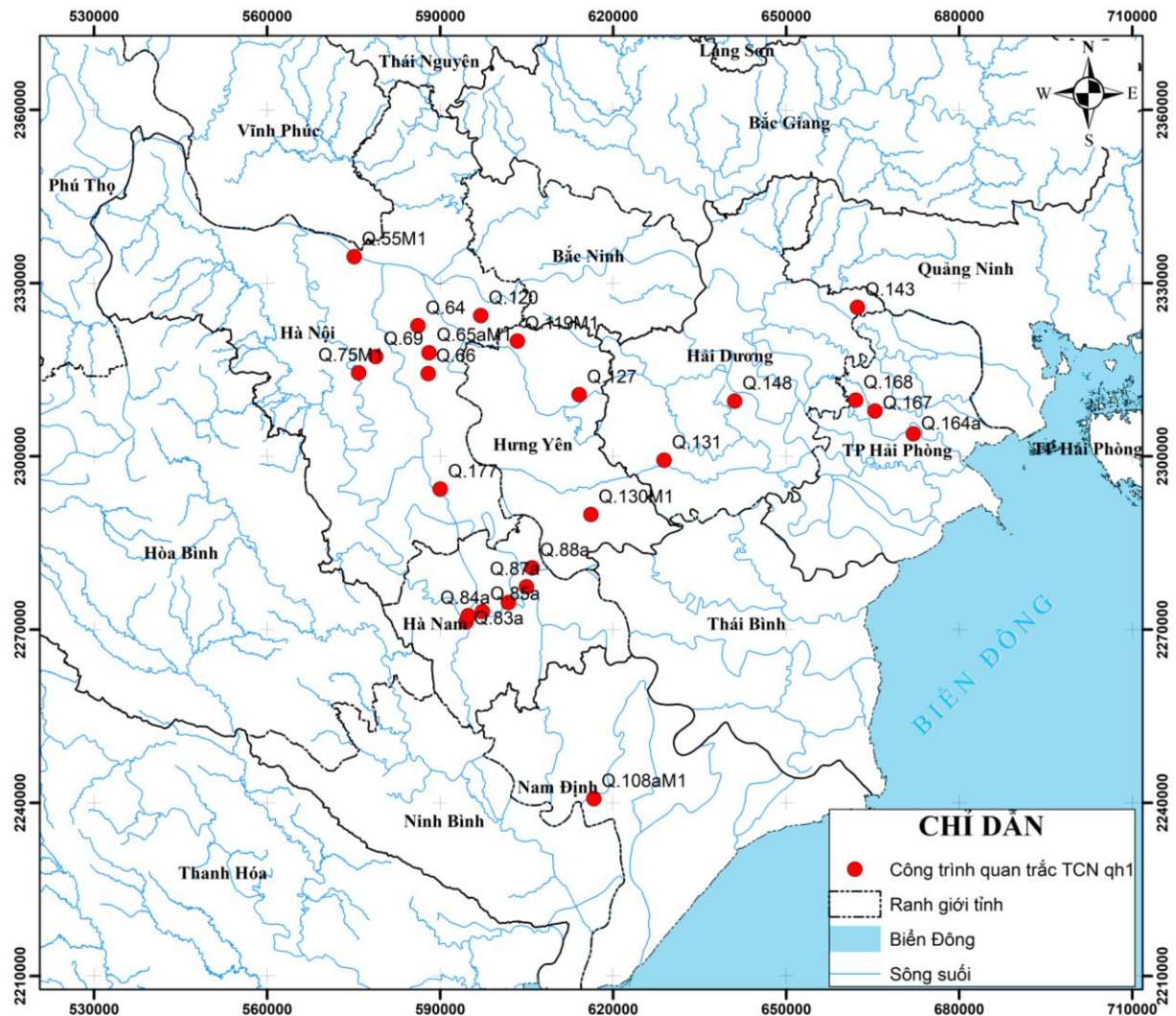
+ Vào mùa mưa có 01 công trình: Hà Nam (Q.87).

+ Vào mùa khô có 05 công trình: Hà Nam (Q.89); Hà Nội (Q.32M1, Q.175); Hưng Yên (Q.128M1); Vĩnh Phúc (Q.10M1).

(Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn)

I.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

Lớp chứa nước phân bố chủ yếu ở trung tâm và phía đông nam của đồng bằng từ Hà Nội ra phía biển. Mạng lưới quan trắc gồm 24 công trình quan trắc để nghiên cứu lớp chứa nước trong các điều kiện khác nhau (hình 6).



Hình. 6. Bản đồ bố trí công trình quan trắc lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁) vùng đồng bằng Bắc Bộ

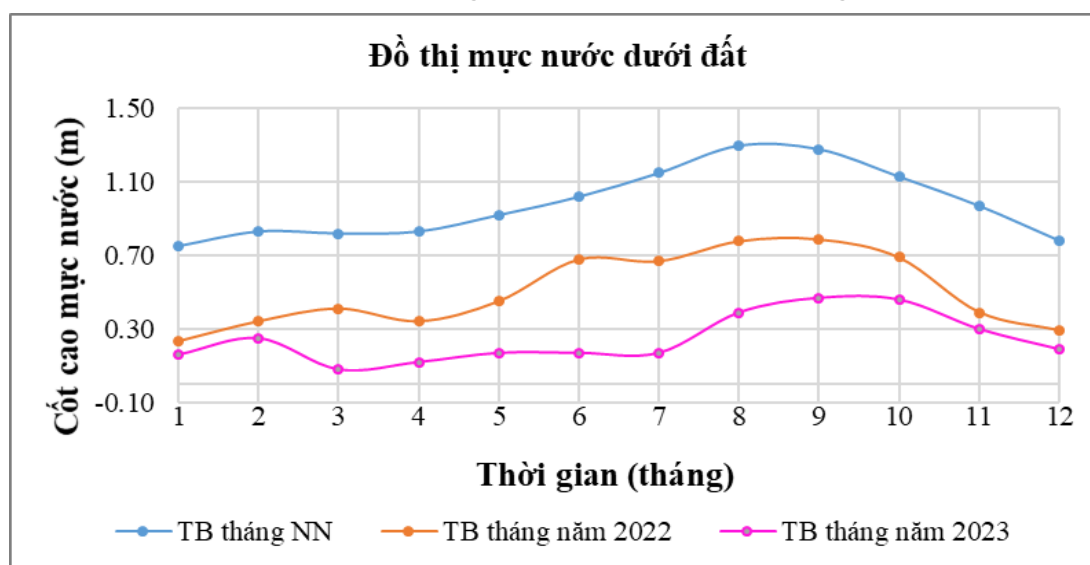
1.2.1. Đặc điểm mực nước

Giá trị đặc trưng tổng hợp mực nước trung bình từ các công trình quan trắc trong lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh_1) thống kê ở bảng 4.

Bảng. 4. Trung bình tháng mực nước dưới đất lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh_1) vùng đồng bằng Bắc Bộ (độ cao tuyệt đối, m)

Thời gian Đặc trưng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	0,75	0,83	0,82	0,83	0,92	1,02	1,15	1,30	1,28	1,13	0,97	0,78	0,98	1,30	0,75
TB tháng năm 2022	0,23	0,34	0,41	0,34	0,45	0,68	0,67	0,78	0,79	0,69	0,39	0,29	0,50	0,79	0,23
TB tháng năm 2023	0,16	0,25	0,08	0,12	0,17	0,17	0,17	0,39	0,47	0,46	0,30	0,19	0,25	0,47	0,08
Chênh lệch so với TB tháng NN	-0,59	-0,58	-0,74	-0,70	-0,75	-0,85	-0,99	-0,91	-0,81	-0,67	-0,66	-0,59	-0,74	-0,58	-0,99
Chênh lệch so với TB tháng năm 2022	-0,07	-0,10	-0,32	-0,22	-0,28	-0,51	-0,50	-0,39	-0,31	-0,22	-0,09	-0,10	-0,26	-0,07	-0,51

Theo số liệu bảng 4 cho thấy, mực nước trung bình cả năm 2023 là 0,25m; mực nước trung bình tháng lớn nhất là 0,47m vào tháng 9, nhỏ nhất là 0,08m vào tháng 3. So với mực nước trung bình tháng cùng kỳ nhiều năm và năm 2022 thì mực nước trung bình tháng năm 2023 có xu hướng giảm hơn. Độ chênh lệch mực nước so với trung bình tháng nhiều năm dao động từ 0,58 – 0,99m; mực nước chênh lệch lớn nhất vào tháng 7, nhỏ nhất là vào tháng 2. Độ chênh lệch mực nước so với trung bình tháng năm 2022 dao động từ 0,07 – 0,51m; mực nước chênh lệch lớn nhất vào tháng 6, nhỏ nhất là vào tháng 1.



Hình. 7. Đồ thị mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, năm 2023 và nhiều năm

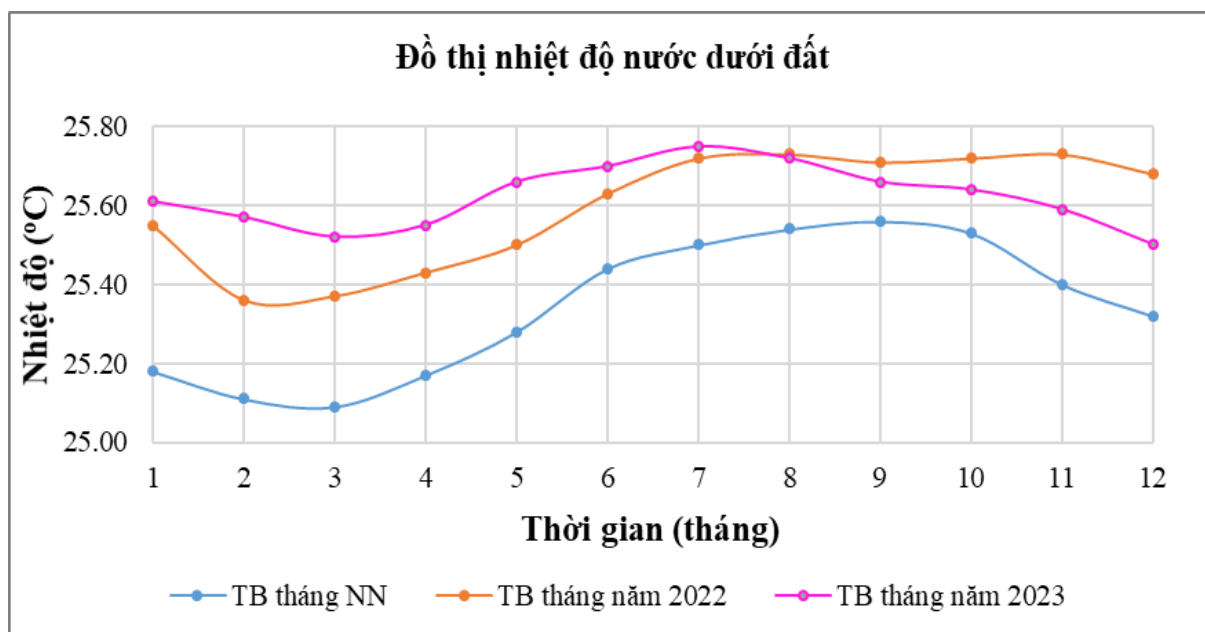
1.2.2. Đặc điểm nhiệt độ nước

Giá trị đặc trưng tổng hợp nhiệt độ nước trung bình từ tất cả các điểm quan trắc trong lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh_1) thống kê ở Bảng 5.

Bảng. 5. Trung bình tháng nhiệt độ nước dưới đất lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh_1) vùng đồng bằng Bắc Bộ

Thời gian Đặc trưng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	25,18	25,11	25,09	25,17	25,28	25,44	25,50	25,54	25,56	25,53	25,40	25,32	25,34	25,56	25,09
TB tháng năm 2022	25,55	25,36	25,37	25,43	25,50	25,63	25,72	25,73	25,71	25,72	25,73	25,68	25,59	25,73	25,36
TB tháng năm 2023	25,61	25,57	25,52	25,55	25,66	25,70	25,75	25,72	25,66	25,64	25,59	25,50	25,62	25,75	25,50
Chênh lệch so với TB tháng NN	0,44	0,46	0,43	0,38	0,38	0,26	0,25	0,18	0,11	0,11	0,20	0,18	0,28	0,46	0,18
Chênh lệch so với TB tháng năm 2022	0,06	0,20	0,15	0,12	0,16	0,07	0,04	-0,01	-0,04	-0,08	-0,13	-0,18	0,03	0,20	-0,18

Theo số liệu bảng 5 cho thấy, so với cùng kỳ nhiều năm, nhiệt độ trung bình tháng năm 2023 có xu hướng tăng hơn; nhiệt độ chênh lệch dao động từ 0,11 – 0,46 °C, chênh lệch lớn nhất là vào tháng 2, nhỏ nhất là vào tháng 9, 11. So với năm 2022, nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng năm 2023 có xu hướng tăng hơn vào các tháng từ 1 đến 7; với độ chênh lệch dao động từ 0,04 – 0,20 °C. Từ tháng 8 đến tháng 12 thì nhiệt độ trung bình tháng năm 2023 lại có xu hướng giảm; với độ chênh lệch nhiệt độ dao động từ 0,01- 0,18.



Hình. 8. Đồ thị nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, năm 2023 và nhiều năm

I.2.3. Đặc điểm thành phần hoá học nước

❖ Các thông số đa lượng:

Đặc trưng tổng hợp một số yếu tố thành phần hoá chủ yếu trong nước dưới đất lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh_1) được thống kê trong bảng 6.

Bảng. 6. Trung bình tháng một số thành phần hoá chủ yếu trong lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh_1)

Yếu tố Đặc trưng	Na ⁺ (mg/l)	Ca ⁺² (mg/l)	Mg ⁺² (mg/l)	Fe ⁺² (mg/l)	Fe ⁺³ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ⁻² (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	TDS- 105° (mg/l)
TB nhiều năm									
Mùa khô	256,17	77,31	53,83	0,25	0,40	401,26	85,33	446,16	1.174
Mùa mưa	219,27	73,74	49,72	0,21	0,41	363,98	63,89	413,26	1.074
TB năm 2023									
Mùa khô	299,94	69,44	59,45	0,74	1,84	540,73	42,76	391,32	1.257
Mùa mưa	299,38	56,64	61,92	0,34	0,88	539,53	37,17	353,12	1.215
Độ lệch so với TB nhiều năm									
Mùa khô	43,77	-7,87	5,62	0,48	1,44	139,47	-42,57	-54,84	82
Mùa mưa	80,11	-17,10	12,21	0,13	0,47	175,55	-26,72	-60,14	142

Theo số liệu bảng 6 cho thấy, giá trị các chỉ tiêu chất lượng nước trung bình năm 2023 có xu hướng tăng so với trung bình nhiều năm. Chỉ có chỉ tiêu Ca⁺², SO₄⁻², HCO₃⁻ có giá trị giảm so với trung bình nhiều năm.

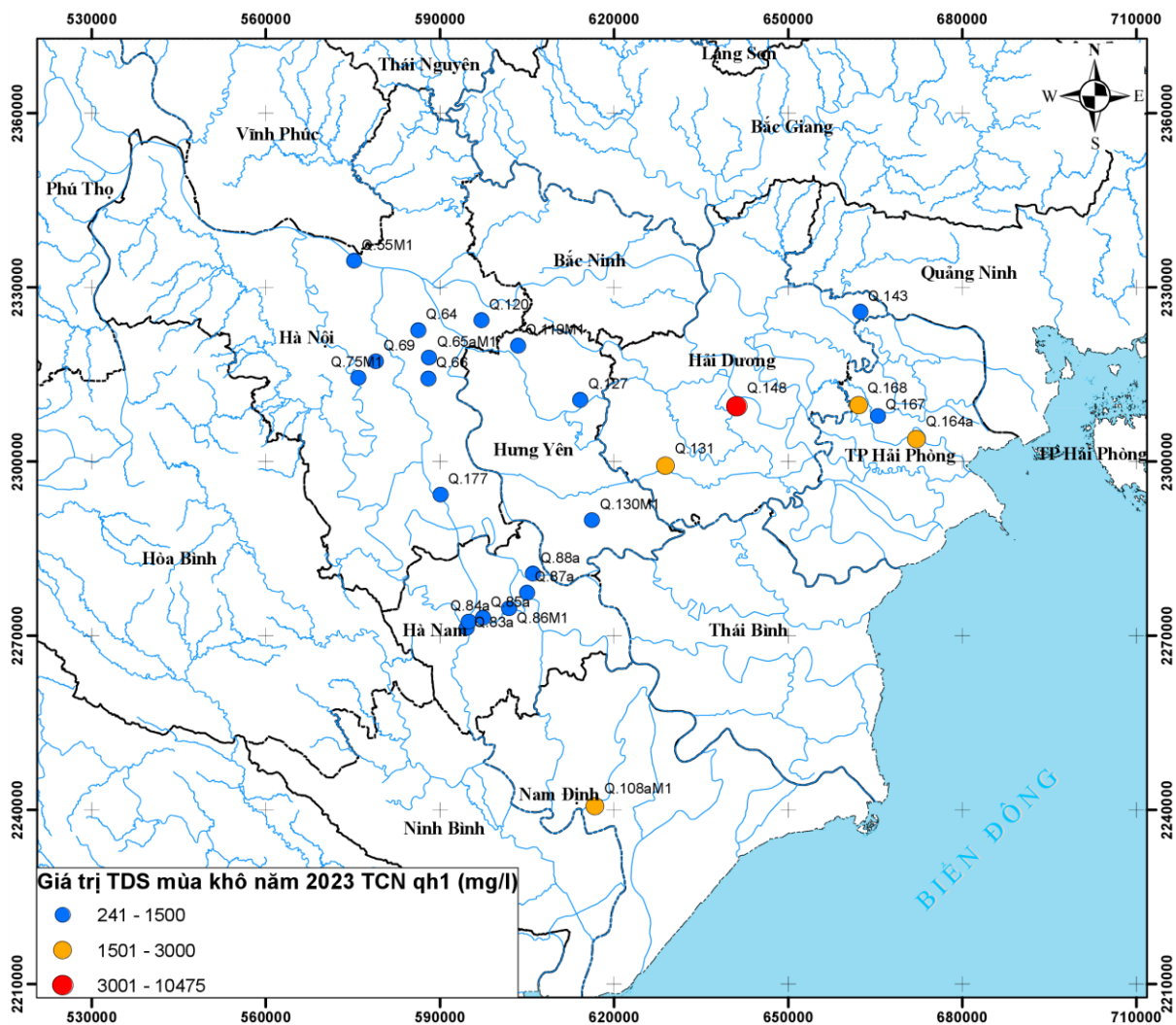
- Thông số TDS:

Nhìn chung tại đa số các công trình quan trắc chỉ số TDS đều có giá trị nhỏ hơn 1500mg/l (nước nhạt), giá trị TDS tại các lỗ khoan dao động từ 186 – 10.430mg/l vào mùa mưa; từ 241 – 10.475 mg/l vào mùa khô. Một số nơi vượt quá giới hạn cho phép như sau:

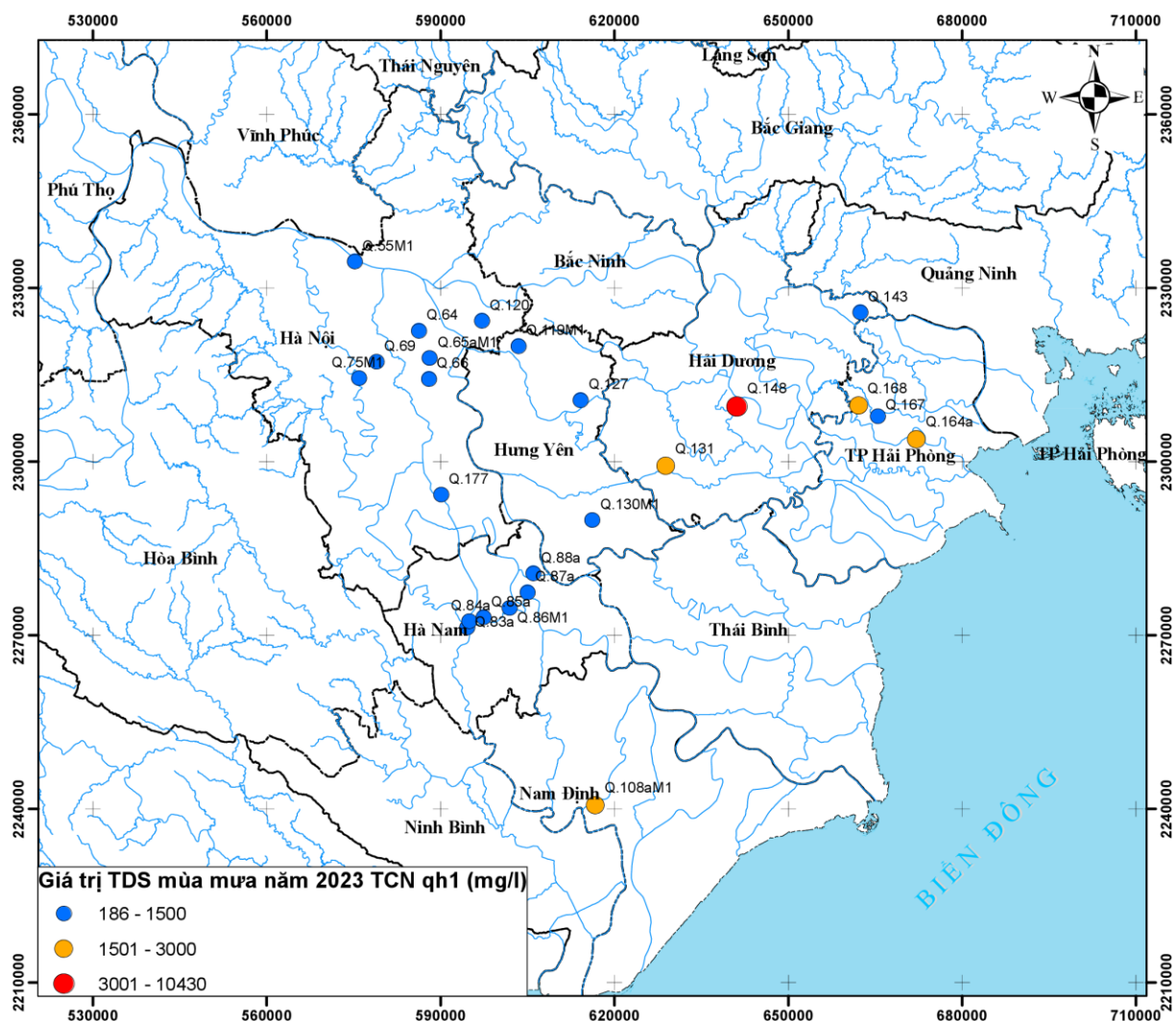
+ Giá trị TDS từ 1500 - 3000mg/l (nước lợ) vào cả mùa mưa và mùa khô, phát hiện tại các công trình quan trắc thuộc các tỉnh, thành phố: Hải Dương (Q.131), TP Hải Phòng (Q.168, Q.164a), Nam Định (Q.108aM1).

+ Giá trị TDS > 3000mg/l (nước mặn) vào cả mùa mưa và mùa khô, phát hiện tại các công trình quan trắc thuộc các tỉnh: Hải Dương (Q.148).

(Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố đa lượng)



Hình. 9. Sơ đồ phân bố TDS mùa khô năm 2023 lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)



Hình. 10. Sơ đồ phân bố TDS mùa mưa năm 2023 lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

❖ **Các thông số vi lượng:**

Hàm lượng các kim loại nặng được quan trắc ở 21 công trình trong lớp chứa nước qh₁. Kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn), Asen (As) và Chì (Pb).

- **Hàm lượng Mn** cao nhất là 6,37 mg/l vào mùa mưa tại công trình Q.84a (P. Quang Trung, Tp. Phủ Lý, Hà Nam). Có 11 công trình có hàm lượng Mn cao hơn GHCP (0,5mg/l). Các công trình phân bố ở các tỉnh như sau:

- + Vào cả mùa mưa và mùa khô có 02 công trình: Hà Nam (Q.84a, Q.86M1).
- + Vào mùa mưa có 02 công trình: Hà Nam (Q.88a); Hà Nội (Q.69).
- + Vào mùa khô có 07 công trình: Hà Nội (Q.66, Q.120); Hải Dương (Q.131); Hải Phòng (Q.167, Q.168); Hưng Yên (Q.127, Q.130M1).

- **Hàm lượng Chì** cao nhất là 0,066 mg/l phát hiện tại công trình Q.143 (TT. Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương). Có 02 công trình có hàm lượng Pb cao hơn GHCP (0,01mg/l). Các công trình phân bố ở các tỉnh như sau:

+ Vào mùa mưa có 01 công trình: Hà Nam (Q.86M1).

+ Vào mùa khô có 01 công trình: Hải Dương (Q.143).

- **Hàm lượng As** cao nhất là 0,22 mg/l phát hiện tại công trình Q. 88a thuộc xã Chuyên Ngoại, Duy tiên, Hà Nam. Có 04 công trình quan trắc có hàm lượng As trong nước cao hơn GHCP (0,05 mg/l). Các công trình phân bố ở các tỉnh như sau:

+ Vào cả mùa mưa và mùa khô có 01 công trình: Hà Nam (Q.87a).

+ Vào mùa khô có 03 công trình: Hà Nam (Q.84a, Q.88a); Hà Nội (Q.75M1).

(Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn)

❖ **Các thông số nhiễm bẩn:**

- **Thông số Amôni NH_4^+ :**

Quan trắc các chỉ số nhiễm bẩn ở 21 công trình quan trắc trong 2 mùa. Kết quả phân tích cho thấy đa số các công trình đều có hàm lượng cao hơn GHCP (1mg/l), hàm lượng cao nhất là 47,5 mg/l tại phường Lam Hạ, Phủ Lý, Hà Nam (Q.85a). Có 17 công trình có hàm lượng Amoni vượt GHCP (1 mg/l theo N). Các công trình phân bố ở các tỉnh như sau:

+ Vào cả mùa mưa và mùa khô có 17 công trình: Hà Nam (Q.83a, Q.84a, Q.85a, Q.86M1, Q.87a, Q.88a); Hà Nội (Q.55M1, Q.64, Q.69, Q.75M1, Q.177), Hải Dương (Q.131, Q.143); Hải Phòng (Q.164a, Q.167, Q.168); Hưng Yên (Q.130M1).

(Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn)

II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Đây là tầng chứa nước chủ yếu, phân bố rộng khắp đồng bằng Bắc Bộ. Thành phần thạch học của chúng bao gồm: Phần trên là cát, cát lẫn sạn sỏi- Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp_2), phần dưới là cuội sỏi lẫn cát sạn- Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới(qp_1). Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới(qp_1) với 63 công trình quan trắc nghiên cứu nước dưới đất được đưa vào đánh giá đặc trưng cho tầng qp (xem Hình 11).



Hình. 11. Sơ đồ bố trí công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) vùng đồng bằng Bắc Bộ

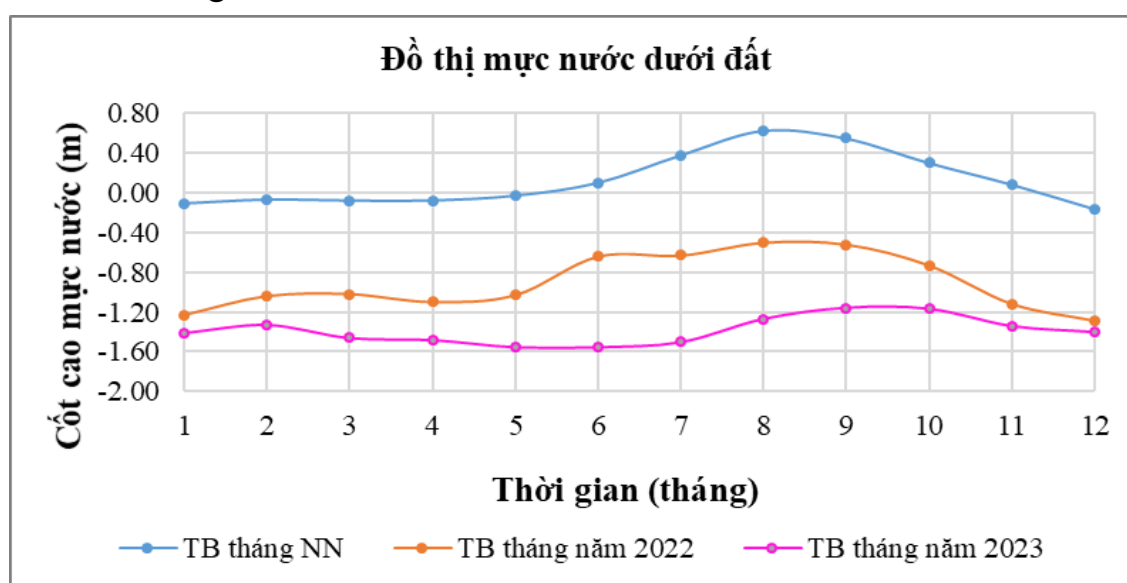
II.1. Đặc điểm mực nước

Đặc trưng tổng hợp mực nước tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) vùng đồng bằng Bắc Bộ được thống kê trong bảng 7 dưới đây.

Bảng. 7. Trung bình tháng mực nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) vùng đồng bằng Bắc Bộ (độ cao tuyệt đối, m)

Thời gian Đặc trưng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	-0,11	-0,07	-0,08	-0,08	-0,03	0,10	0,38	0,63	0,55	0,30	0,08	-0,17	0,12	0,63	-0,17
TB tháng năm 2022	-1,23	-1,04	-1,02	-1,10	-1,03	-0,64	-0,63	-0,50	-0,52	-0,73	-1,12	-1,29	-0,90	-0,50	-1,29
TB tháng năm 2023	-1,41	-1,33	-1,46	-1,48	-1,55	-1,55	-1,50	-1,27	-1,16	-1,17	-1,34	-1,40	-1,39	-1,16	-1,55
Chênh lệch so với TB tháng NN	-1,30	-1,27	-1,38	-1,40	-1,52	-1,65	-1,88	-1,91	-1,71	-1,47	-1,43	-1,23	-1,51	-1,27	-1,91
Chênh lệch so với TBT năm 2022	-0,17	-0,29	-0,44	-0,38	-0,52	-0,91	-0,87	-0,78	-0,64	-0,44	-0,22	-0,11	-0,48	-0,11	-0,91

Theo số liệu bảng 7 cho thấy, mực nước dưới đất trung bình cả năm 2023 là -1,39m. Mực nước trung bình tháng thấp nhất vào các tháng 5, 6 (-1,55m); mực nước cao nhất vào tháng 9 là -1,17m. So với mực nước trung bình tháng cùng kỳ năm 2022, mực nước trung bình tháng năm 2023 có xu hạ thấp hơn. Độ chênh lệch mực nước dao động từ 0,11 - 0,91m; Độ chênh lệch lớn nhất là vào tháng 6, nhỏ nhất là vào tháng 12. So với mực nước trung bình tháng cùng kỳ nhiều năm, mực nước trung bình tháng năm 2023 có xu hướng hạ thấp hơn. Độ chênh lệch mực nước dao động từ 1,23-1,91m.; Độ chênh lệch lớn nhất là vào tháng 8, nhỏ nhất là vào tháng 12.



Hình. 12. Đồ thị mực nước dưới đất trung bình tháng năm 2022, 2023 và nhiều năm

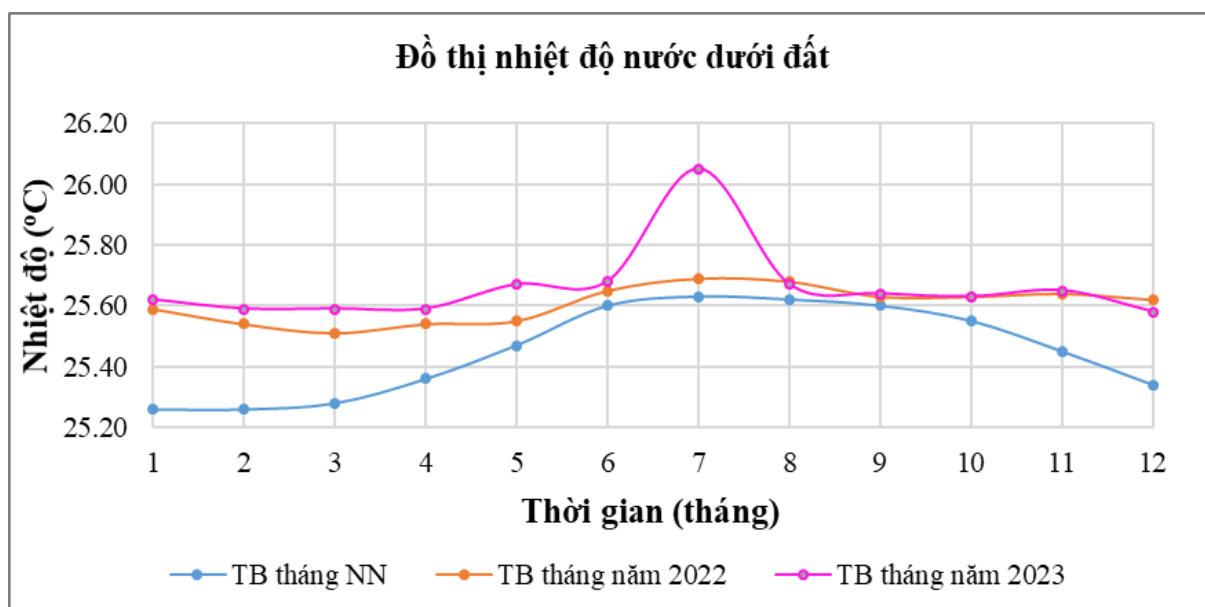
II.2. Đặc điểm nhiệt độ nước

Giá trị đặc trưng tổng hợp nhiệt độ nước trung bình từ tất cả các công trình quan trắc trong tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) thống kê ở bảng 8.

Bảng. 8. Trung bình tháng nhiệt độ nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) vùng đồng bằng Bắc Bộ

Thời gian Đặc trưng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Cả năm		
													TB	LN	NN
TB tháng NN	25,26	25,26	25,28	25,36	25,47	25,60	25,63	25,62	25,60	25,55	25,45	25,34	25,45	25,63	25,26
TB tháng năm 2022	25,59	25,54	25,51	25,54	25,55	25,65	25,69	25,68	25,63	25,63	25,64	25,62	25,61	25,69	25,51
TB tháng năm 2023	25,62	25,59	25,59	25,59	25,67	25,68	26,05	25,67	25,64	25,63	25,65	25,58	25,66	26,05	25,58
Chênh lệch so với TB tháng NN	0,35	0,33	0,31	0,23	0,21	0,08	0,42	0,05	0,04	0,09	0,20	0,23	0,21	0,42	0,05
Chênh lệch so với TB tháng năm 2022	0,03	0,05	0,08	0,06	0,12	0,03	0,36	-0,01	0,01	0,00	0,01	-0,05	0,06	0,36	-0,05

Theo số liệu bảng 8 cho thấy, nhiệt độ nước dưới đất trung bình tháng cả năm 2023 là 25,66°C. So với cùng kỳ nhiều năm, nhiệt độ trung bình tháng năm 2023 có xu hướng tăng hơn; độ chênh lệch nhiệt độ từ 0,04-0,42 °C. So với cùng kỳ năm 2022, nhiệt độ trung bình tháng năm 2023 có xu hướng tăng. Tuy nhiên, từ các tháng 8,12, nhiệt độ trung bình lại có xu hướng giảm. Độ chênh lệch nhiệt độ dao động từ 0,05-0,36 °C.



Hình. 13. Đồ thị nhiệt độ nước dưới đất trung bình tầng chứa nước, năm 2022, 2023 và nhiều năm.

II.3. Đặc điểm thành phần hoá học nước

❖ Các thông số đa lượng:

Đặc trưng tổng hợp một số thành phần hoá chủ yếu trong nước dưới đất tầng lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) được thống kê trong bảng 9.

Bảng. 9. Trung bình tháng một số thành phần hoá chủ yếu trong nước dưới đất tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Yếu tố Đặc trưng	Na ⁺ (mg/l)	Ca ⁺² (mg/l)	Mg ⁺² (mg/l)	Fe ⁺² (mg/l)	Fe ⁺³ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ⁻² (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	TDS- 105° (mg/l)
TB nhiều năm									
Mùa khô	187,39	50,19	33,38	0,40	0,54	339,02	25,15	241,82	824
Mùa mưa	176,72	53,13	33,18	0,51	0,92	326,31	23,47	244,81	797
TB năm 2023									
Mùa khô	185,62	48,75	31,58	1,00	1,96	348,67	10,18	243,79	788
Mùa mưa	175,45	37,89	34,94	0,41	1,11	314,56	19,93	224,61	728
Độ lệch so với TB nhiều năm									
Mùa khô	-1,78	-1,45	-1,80	0,60	1,41	9,65	-14,97	1,96	-36
Mùa mưa	-1,28	-15,25	1,76	-0,10	0,18	-11,75	-3,55	-20,20	-69

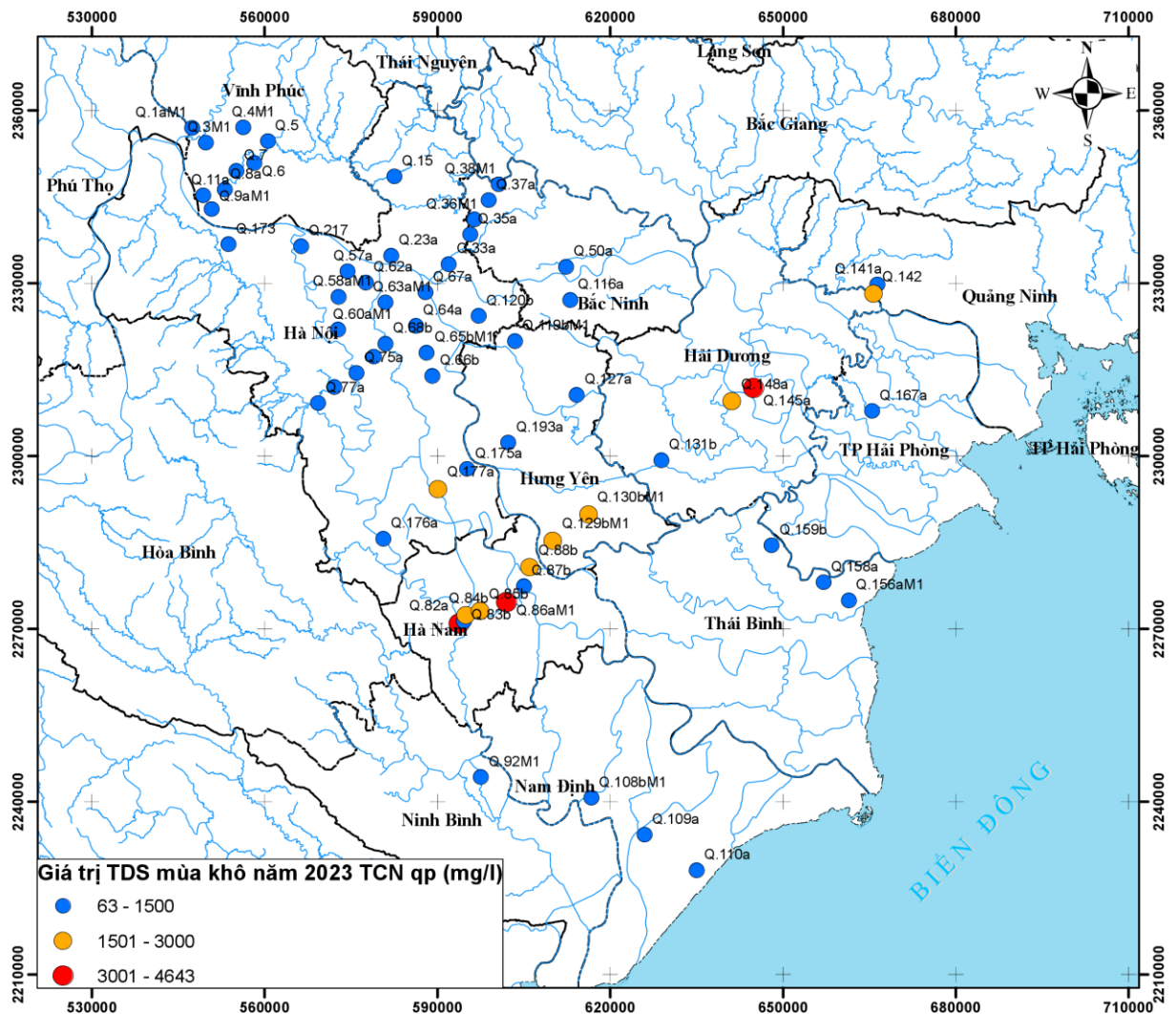
Theo số liệu bảng 9 cho thấy, giá trị các chỉ tiêu chất lượng nước trung bình năm 2023 có xu hướng giảm so với trung bình nhiều năm. Chỉ có chỉ tiêu Fe⁺², Cl⁻, HCO₃⁻ có giá trị tăng vào mùa khô; chỉ tiêu Fe⁺³ có giá trị tăng vào cả hai mùa khô và mùa mưa.

- Thông số TDS:

+ Mùa khô: Nhìn chung giá trị TDS vào mùa khô năm 2023 tại đa số các công trình quan trắc đều thấp hơn GHCP (1500mg/l), giá trị TDS đo được tại các lỗ khoan quan trắc dao động từ 81 – 4.643 mg/l, một số nơi vượt quá giới hạn cho phép nước bị lợ hoặc mặn.

Giá trị từ 1500 - 3000mg/l (nước lợ) phát hiện tại 08 công trình quan trắc thuộc các tỉnh: Hà Nam (Q.84b, Q.85b, Q.88b); Hà Nội (Q.177a); Hải Dương (Q.148a); Hưng Yên (Q.129bM1, Q.130bM1); Quảng Ninh (Q.142).

Giá trị > 3000mg/l (nước mặn) phát hiện tại 03 công trình quan trắc thuộc tỉnh: Hà Nam (Q82.a, Q.86aM1); Hải Dương (Q.145a).



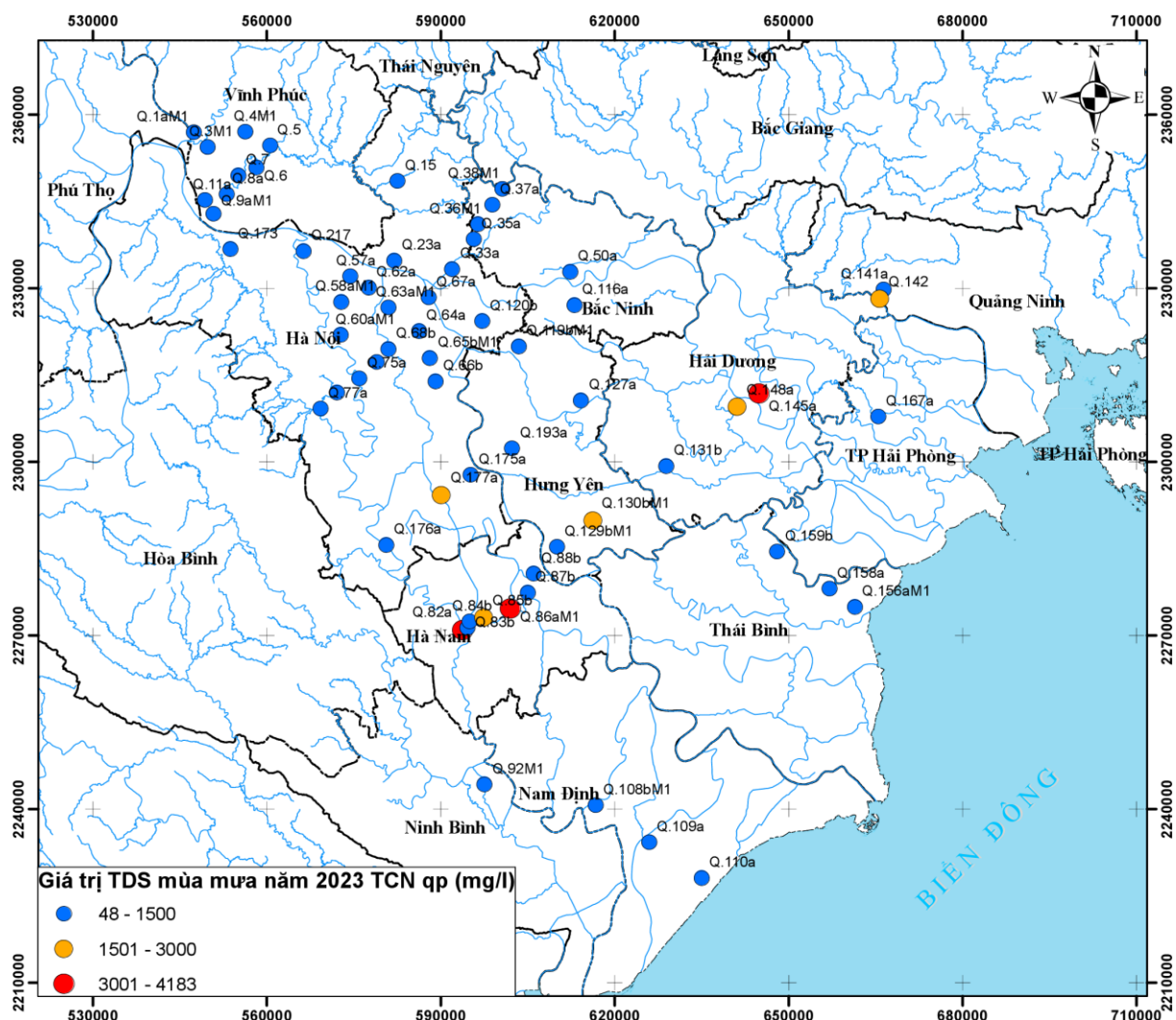
Hình. 14. Sơ đồ phân bố TDS mùa khô 2023 tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

+ Mùa mưa: Nhìn chung giá trị TDS mùa mưa năm 2023 tại đa số các công trình quan trắc đều nằm trong GHCP, giá trị TDS tại các công trình dao động từ 75 – 4.183 mg/l, một số nơi vượt quá giới hạn cho phép nước bị lợ hoặc mặn.

Giá trị từ 1500 - 3000mg/l (nước lợ) phát hiện tại 05 công trình quan trắc thuộc các tỉnh: Hà Nam (Q.85b); Hà Nội (Q.177a); Hải Dương (Q.148a); Hưng Yên (Q.130bM1); Quảng Ninh (Q.142)

Giá trị > 3000mg/l (nước mặn) phát hiện tại 03 công trình quan trắc thuộc tỉnh: Hà Nam (Q.82.a, Q.86aM1); Hải Dương (Q.145a).

(Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố đa lượng)



Hình. 15. Sơ đồ phân bố TDS mùa mưa năm 2023 tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

❖ Các thông số vi lượng:

Đối với tất cả các công trình quan trắc trong tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp), kết quả phân tích cho thấy hầu hết các thông số đều có hàm lượng thấp hơn GHCP trừ Mangan (Mn), Chì (Pb), Asen (As).

- **Hàm lượng Mn** cao nhất là 11,8 mg/l tại phường Quang Trung, Phủ Lý, Hà Nam (Q.84b). Ngoài ra, còn 33 công trình quan trắc có hàm lượng Mn cao hơn GHCP (0,5mg/l) phân bố như sau:

Tỉnh Bắc Ninh (03 công trình): Q.36M1, Q.50a, Q.116a.

Tỉnh Hà Nam (07 công trình): Q.82M1, Q.82a, Q.83b, Q.84b, Q.86aM1, Q.87b, Q.88b.

TP. Hà Nội (07 công trình): Q.35aM1, Q.62, Q.63aM1, Q.69a, Q.120a, Q.173, Q.175a.

Tỉnh Hải Dương (02 công trình): Q.131b, Q.148a.

Tỉnh Hưng Yên (06 công trình): Q.119bM1, Q.127a, Q.129bM1, Q.130aM1, Q.130bM1, Q.193a.

Tỉnh Nam Định (01 công trình): Q.108bM1.

Tỉnh Thái Bình (03 công trình): Q.156aM1, Q.158aM1, Q.159b.

Tỉnh Vĩnh Phúc (04 công trình): Q.1aM1, Q.5, Q.8, Q.8a.

- **Hàm lượng Pb** cao nhất là 0,12 mg/l tại phường Mạo Khê, Tx. Đông Triều, Quảng Ninh (Q.142). Ngoài ra, Có 06 công trình quan trắc có hàm lượng Pb cao hơn GHCP (0,01mg/l) phân bố như sau:

Tỉnh Hà Nam (02 công trình): Q.82M1, Q.82a.

TP. Hà Nội (02 công trình): Q.35aM1, Q.120a.

Tỉnh Hưng Yên (01 công trình): Q.193a.

Tỉnh Quảng Ninh (01 công trình): Q.142.

- **Hàm lượng Asen** cao nhất là 0,112 mg/l tại công trình Q.58aM1 (Xã Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội). Có 03 công trình quan trắc có hàm lượng As cao hơn GHCP (0,05mg/l) như sau:

+ Vào cả hai mùa mưa và mùa khô: Hà Nội (Q.58aM1).

+ Vào mùa khô: Hà Nội (Q.69a).

+ Vào mùa mưa: Hà Nội (Q.217).

(Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn)

❖ **Các thông số nhiễm bẩn:**

- **Thông số Amoni NH_4^+ :**

Kết quả phân tích cho thấy hàm lượng cao nhất là 95,83 mg/l tại phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (Q.82a). Ngoài ra, Có 50 công trình quan trắc có hàm lượng Amoni cao hơn GHCP (1mg/l) tại các địa phương như sau:

Tỉnh Bắc Ninh (04 công trình): Q.36M1, Q.37, Q.38M1, Q.50a.

Tỉnh Hà Nam (08 công trình): Q.82M1, Q.82a, Q.83b, Q.84b, Q.85b, Q.86aM1, Q.87b, Q.88b.

TP. Hà Nội (20 công trình): Q.15, Q.33a, Q.34a, Q.35M1, Q.57a, Q.58aM1, Q.60aM1, Q.64a, Q.65bM1, Q.66b, Q.67a, Q.68aM1, Q.68b, Q.69a, Q.75a, Q.76a, Q.173, Q.175a, Q.176a, Q.177a.

Tỉnh Hải Dương (02 công trình): Q.131b, Q.148a.

TP. Hải Phòng (01 công trình): Q.167a.

Tỉnh Hưng Yên (05 công trình): Q.119aM1, Q.129bM1, Q.130aM1, Q.130bM1, Q.193a.

Tỉnh Nam Định (02 công trình): Q.108bM1, Q.109a.

Tỉnh Thái Bình (03 công trình): Q.156aM1, Q.158aM1, Q.159b.

Tỉnh Vĩnh Phúc (05 công trình): Q.1aM1, Q.4M1, Q.8a, Q.9aM1, Q.11a.

(Chi tiết xem phần 4: Chất lượng nước, các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn)

PHẦN 2

MỨC NƯỚC

❖ Đối với các công trình quan trắc tài nguyên NĐĐ, tại thực địa tiến hành đo chiều sâu mực nước cách mặt đất (tính từ mốc cố định đặt ở miệng công trình quan trắc tương đương với mặt đất). Trong quá trình chỉnh lý tổng hợp, mực nước được chuyển sang giá trị độ cao tuyệt đối để biên soạn, do đó khi muốn xác định độ sâu mực nước dưới đất cách mặt đất thì lấy độ cao tuyệt đối mực nước trừ độ cao tuyệt đối của công trình quan trắc. Nếu giá trị nhận được là âm (-) tức là mực nước nằm dưới mặt đất, còn là dương (+) tức là mực nước phun lên và ổn định ở trên mặt đất. Ví dụ:

Độ cao tuyệt đối mực nước ngày 06/1/2023 của công trình quan trắc Q.1 thuộc TCN qh₂ là 13,21 m.

❖ Độ cao tuyệt đối miệng công trình là: 14,43 m.

❖ Độ sâu mực nước là: $13,21 - 14,43 = -1,22\text{m}$, tức là mực nước nằm dưới mặt đất là 1,22m

❖ Dụng cụ đo mực nước trong năm 2023 sử dụng các loại dụng cụ đo mực nước thủ công nổi mạch bằng điện với các tín hiệu như chuông báo, đèn sáng sản xuất trong nước hoặc nhập ngoại hoặc một số dụng cụ đo thủ công khác. Hiện nay, nhiều lỗ khoan đã lắp đặt máy tự ghi. Độ chính xác đo đạc thực hiện đến 0,5 cm, khi tổng hợp lấy độ chính xác đến cm (2 số sau phần thập phân).

➤ ***Đối với trạm không ảnh hưởng triều***

- Mực nước bình quân ngày là mực nước thực đo trong ngày (đo 1 lần trong một ngày).

- Mực nước bình quân tháng tính theo phương pháp bình quân số học từ các giá trị mực nước bình quân ngày trong tháng, mực nước bình quân năm tính như trên từ mực nước bình quân tháng.

- Mực nước cao nhất và thấp nhất được hiểu là giá trị mực nước bình quân ngày cao nhất và thấp nhất trong năm.

- Biên độ dao động (ΔH) trong năm (hoặc tháng) là hiệu số giữa giá trị mực nước cao nhất và giá trị thấp nhất trong năm (hoặc tháng).

➤ ***Đối với các trạm ảnh hưởng triều***

Vùng ảnh hưởng triều, mực nước dưới đất dao động ngoài ảnh hưởng của các yếu tố khí tượng còn chịu ảnh hưởng của dao động thủy triều, trong đó đáng kể nhất là ảnh hưởng bởi chu kỳ dao động ngày. Mực nước được đo liên tục 2 giờ đo một lần (12 lần trong ngày). Tài liệu mực nước trong niên giám được biên soạn ở hai dạng sau:

- Mực nước bình quân ngày được tổng hợp bằng phương pháp bình quân số học từ mực nước giờ thực đo, và các giá trị tổng hợp khác tương tự như ở vùng không ảnh hưởng triều.

- Mực nước giờ thực đo được biên soạn đối với thời gian đặc trưng trong năm là các tháng 11 (dao động triều mạnh nhất), tháng 5 (dao động triều yếu nhất) và các tháng 2, 8 thời kỳ chuyển tiếp. Biên độ dao động ngày (Δh) là hiệu số giữa mực nước cao nhất và thấp nhất trong ngày.

I. Tầng chứa nước lỗ hồng trong trầm tích Holocen (qh)
I.1. Lớp chứa nước lỗ hồng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)
I.1.1. Vùng không ảnh triều
1. Công trình: Q.1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			13,30									
2												
3					13,44	13,46	14,44	14,54	14,56	13,96		
4												
5												
6	13,21	13,44	13,38	13,30	13,55	13,57	14,54	14,60	14,44	13,88	13,97	13,73
7												
8												
9					13,46	13,46	14,40	14,55	14,30	13,84		
10												
11												
12	13,12	13,42	13,36	13,44	13,57	13,66	14,32	14,44	14,10	13,98	13,95	13,60
13												
14												
15					13,48	13,74	14,10	14,49	14,24	14,09		
16												
17												
18	13,17	13,38	13,32	13,35	13,40	13,68	14,17	14,54	14,16	13,94	13,93	13,55
19												
20												
21					13,59	13,94	14,24	14,65	14,06	13,97		
22												
23												
24	13,13	13,46	13,37	13,29	13,31	14,26	14,17	14,77	13,94	14,17	13,92	13,52
25												
26												
27					13,47	14,16	14,31	14,70	14,00	14,11		
28												
29												
30	13,29		13,34	13,37	13,40	14,21	14,40	14,77	14,07	14,04	13,85	13,46
31												
T.Bình	13,18	13,43	13,35	13,35	13,47	13,81	14,31	14,61	14,19	14,00	13,92	13,57
Max	13,29	13,46	13,38	13,44	13,59	14,26	14,54	14,77	14,56	14,17	13,97	13,73
Min	13,12	13,38	13,30	13,29	13,31	13,46	14,10	14,44	13,94	13,84	13,85	13,46
ΔH	0,17	0,08	0,08	0,15	0,28	0,80	0,44	0,33	0,62	0,33	0,12	0,27

Mức nước trung bình năm: 13,86

Mức nước lớn nhất trong năm: 14,77

Ngày: 24/08/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 13,12

Ngày: 12/01/2023

Biên độ dao động năm: 1,65

2. Công trình: Q.2

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			7,48									
2												
3					7,23	7,50	10,25	10,65	10,87	10,88		
4												
5												
6	7,99	7,92	7,55	7,07	7,58	7,85	10,80	10,81	10,99	11,05	9,82	9,81
7												
8												
9					7,37	8,14	10,71	10,73	11,08	10,93		
10												
11												
12	8,01	7,81	7,59	7,09	7,15	8,37	10,55	10,79	10,95	10,77	9,88	9,66
13												
14												
15					7,02	8,55	10,49	10,86	10,98	10,59		
16												
17												
18	7,98	7,76	7,41	6,95	6,92	8,71	10,27	10,89	11,03	10,31	9,95	9,59
19												
20												
21					6,89	8,96	10,35	10,86	10,85	10,27		
22												
23												
24	7,95	7,59	7,30	6,84	6,78	9,24	10,23	10,88	10,78	9,87	10,06	9,53
25												
26												
27					6,99	9,65	10,34	10,95	10,91	9,85		
28												
29												
30	8,00		7,18	6,98	7,33	9,96	10,51	10,91	10,79	9,84	9,89	9,30
31												
T.Bình	7,99	7,77	7,42	6,99	7,13	8,69	10,45	10,83	10,92	10,44	9,92	9,58
Max	8,01	7,92	7,59	7,09	7,58	9,96	10,80	10,95	11,08	11,05	10,06	9,81
Min	7,95	7,59	7,18	6,84	6,78	7,50	10,23	10,65	10,78	9,84	9,82	9,30
ΔH	0,06	0,33	0,41	0,25	0,80	2,46	0,57	0,30	0,30	1,21	0,24	0,51

Mức nước trung bình năm: 9,25

Mức nước lớn nhất trong năm: 11,08 Ngày: 09/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 6,78 Ngày: 24/05/2023

Biên độ dao động năm: 4,30

3. Công trình: Q.9M2

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			5,32									
2												
3					4,94	4,77	4,79	4,99	5,54	6,08		
4												
5												
6	5,89	5,50	5,27	5,14	5,01	4,77	4,82	5,03	5,58	6,00	5,98	5,85
7												
8												
9					4,90	4,75	4,86	4,98	5,61	5,95		
10												
11												
12	5,81	5,36	5,24	5,34	4,93	4,77	4,81	5,01	5,65	5,91	5,96	5,79
13												
14												
15					4,89	4,76	4,87	5,06	5,79	5,99		
16												
17												
18	5,72	5,51	5,46	5,17	4,85	4,72	4,90	5,09	5,90	6,02	5,98	5,75
19												
20												
21					4,84	4,76	4,89	5,14	5,92	5,98		
22												
23												
24	5,58	5,39	5,71	5,04	4,81	4,75	4,91	5,18	5,93	5,94	5,96	5,64
25												
26												
27					4,78	4,78	4,89	5,40	5,90	6,04		
28												
29												
30	5,45		5,35	5,01	4,76	4,81	4,92	5,47	6,06	6,00	5,90	5,61
31												
T.Bình	5,69	5,44	5,40	5,14	4,88	4,77	4,87	5,14	5,79	6,00	5,96	5,73
Max	5,89	5,51	5,71	5,34	5,01	4,81	4,92	5,47	6,06	6,08	5,98	5,85
Min	5,45	5,36	5,24	5,01	4,76	4,72	4,79	4,98	5,54	5,91	5,90	5,61
ΔH	0,44	0,15	0,47	0,33	0,25	0,09	0,13	0,49	0,52	0,17	0,08	0,24

Mức nước trung bình năm: 5,35

Mức nước lớn nhất trong năm: 6,08

Ngày: 03/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 4,72

Ngày: 18/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,36

4. Công trình: Q.10M1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,05									
2												
3					1,98	1,57	2,98	1,62	2,90	1,87		
4												
5												
6	1,25	0,98	0,98	1,17	1,95	1,26	3,36	1,54	2,78	1,96	1,41	1,13
7												
8												
9					1,91	1,31	3,01	2,24	2,61	1,85		
10												
11												
12	1,11	1,03	0,92	1,65	1,83	1,39	2,73	2,85	2,40	1,71	1,33	1,08
13												
14												
15					1,95	1,43	2,47	3,43	2,26	1,55		
16												
17												
18	0,84	1,11	1,08	1,92	2,11	1,49	2,23	3,91	2,10	1,38	1,28	1,05
19												
20												
21					2,32	1,52	2,07	3,73	1,92	1,25		
22												
23												
24	0,90	1,16	1,21	2,09	2,47	1,58	1,96	3,46	1,77	1,12	1,24	0,99
25												
26												
27					2,25	2,09	1,82	3,22	1,72	1,20		
28												
29												
30	0,93		1,15	2,05	1,89	2,55	1,71	3,04	1,80	1,30	1,18	0,92
31												
T.Bình	1,01	1,07	1,06	1,78	2,07	1,62	2,43	2,90	2,23	1,52	1,29	1,03
Max	1,25	1,16	1,21	2,09	2,47	2,55	3,36	3,91	2,90	1,96	1,41	1,13
Min	0,84	0,98	0,92	1,17	1,83	1,26	1,71	1,54	1,72	1,12	1,18	0,92
ΔH	0,41	0,18	0,29	0,92	0,64	1,29	1,65	2,37	1,18	0,84	0,23	0,21

Mức nước trung bình năm: 1,82

Mức nước lớn nhất trong năm: 3,91 Ngày: 18/08/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,84 Ngày: 18/01/2023

Biên độ dao động năm: 3,07

5. Công trình: Q.32M1

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,90									
2												
3					0,99	1,20	1,30	1,80	2,23	1,87		
4												
5												
6	1,06	1,20	0,78	0,75	1,01	1,23	1,34	1,92	2,21	1,82	1,50	1,11
7												
8												
9					1,03	1,14	1,39	2,04	2,19	1,75		
10												
11												
12	1,09	1,02	0,55	0,93	1,05	1,02	1,44	2,15	2,17	1,69	1,32	1,09
13												
14												
15					1,06	0,97	1,49	2,18	2,35	1,63		
16												
17												
18	1,12	1,05	0,68	0,97	1,04	1,04	1,52	2,21	2,33	1,58	1,28	1,07
19												
20												
21					1,08	1,08	1,50	2,24	2,29	1,54		
22												
23												
24	1,14	0,94	0,75	1,00	1,13	1,13	1,46	2,29	2,26	1,62	1,21	1,05
25												
26												
27					1,15	1,19	1,57	2,27	1,88	1,59		
28												
29												
30	1,10		0,87	1,02	1,17	1,23	1,69	2,24	1,94	1,54	1,16	1,01
31												
T.Bình	1,10	1,05	0,75	0,93	1,07	1,12	1,47	2,13	2,18	1,66	1,29	1,07
Max	1,14	1,20	0,90	1,02	1,17	1,23	1,69	2,29	2,35	1,87	1,50	1,11
Min	1,06	0,94	0,55	0,75	0,99	0,97	1,30	1,80	1,88	1,54	1,16	1,01
ΔH	0,08	0,26	0,35	0,27	0,18	0,26	0,39	0,49	0,47	0,33	0,34	0,10

Mức nước trung bình năm: 1,41

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,35

Ngày: 15/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,55

Ngày: 12/03/2023

Biên độ dao động năm: 1,80

6. Công trình: Q.33M1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,07									
2												
3					1,08	1,15	1,76	2,11	2,27	2,29		
4												
5												
6	1,99	0,90	1,05	0,99	1,13	1,18	1,79	2,15	2,25	2,17	1,66	1,44
7												
8												
9					1,10	1,25	1,82	2,18	2,23	2,10		
10												
11												
12	1,94	1,16	1,03	1,01	1,08	1,33	1,85	2,23	2,20	2,03	1,68	1,32
13												
14												
15					1,05	1,40	1,88	2,25	2,27	1,97		
16												
17												
18	1,83	1,13	1,00	1,00	1,04	1,50	1,90	2,28	2,24	1,92	1,65	1,24
19												
20												
21					1,02	1,60	1,92	2,31	2,21	1,84		
22												
23												
24	1,86	1,10	0,97	0,98	1,08	1,69	1,94	2,35	2,18	1,81	1,62	1,17
25												
26												
27					1,10	1,71	2,00	2,33	2,31	1,76		
28												
29												
30	0,74		1,00	1,03	1,12	1,74	2,05	2,30	2,35	1,70	1,53	1,10
31												
T.Bình	1,67	1,07	1,02	1,00	1,08	1,46	1,89	2,25	2,25	1,96	1,63	1,25
Max	1,99	1,16	1,07	1,03	1,13	1,74	2,05	2,35	2,35	2,29	1,68	1,44
Min	0,74	0,90	0,97	0,98	1,02	1,15	1,76	2,11	2,18	1,70	1,53	1,10
ΔH	1,25	0,26	0,10	0,05	0,11	0,59	0,29	0,24	0,17	0,59	0,15	0,34

Mức nước trung bình năm: 1,63

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,35 Ngày: 24/08/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,74 Ngày: 30/01/2023

Biên độ dao động năm: 1,61

7. Công trình: Q.56

NT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	5,60	5,06	4,97	4,53	4,36	4,14	4,19	4,22	5,00	5,48	5,36	5,21
2	5,58	5,11	4,98	4,53	4,35	4,13	4,22	4,23	5,01	5,47	5,34	5,19
3	5,57	5,14	4,98	4,52	4,33	4,13	4,23	4,23	5,02	5,47	5,29	5,18
4	5,54	5,11	5,00	4,51	4,33	4,13	4,24	4,24	5,04	5,48	5,26	5,16
5	5,56	5,08	4,99	4,50	4,31	4,14	4,25	4,26	5,04	5,46	5,26	5,14
6	5,55	5,04	4,94	4,48	4,30	4,14	4,25	4,29	5,04	5,46	5,25	5,16
7	5,49	5,11	4,92	4,47	4,29	4,13	4,24	4,29	5,04	5,45	5,31	5,17
8	5,46	5,10	4,92	4,46	4,30	4,12	4,26	4,29	5,08	5,49	5,29	5,14
9	5,46	5,11	4,90	4,46	4,31	4,14	4,27	4,29	5,11	5,51	5,31	5,12
10	5,46	5,07	4,89	4,46	4,31	4,11	4,27	4,31	5,12	5,54	5,36	5,10
11	5,42	5,03	4,86	4,45	4,30	4,11	4,26	4,33	5,13	5,56	5,38	5,08
12	5,36	5,04	4,85	4,44	4,30	4,10	4,26	4,37	5,13	5,58	5,39	5,05
13	5,32	5,05	4,85	4,45	4,29	4,10	4,25	4,39	5,06	5,57	5,40	5,03
14	5,34	5,11	4,77	4,44	4,29	4,10	4,26	4,40	5,09	5,53	5,39	5,02
15	5,44	5,13	4,78	4,43	4,28	4,10	4,27	4,44	5,15	5,47	5,35	5,01
16	5,51	5,10	4,78	4,44	4,27	4,08	4,26	4,47	5,19	5,42	5,41	5,07
17	5,52	5,05	4,74	4,42	4,23	4,08	4,25	4,49	5,21	5,40	5,40	5,14
18	5,49	5,00	4,72	4,43	4,22	4,10	4,26	4,52	5,20	5,38	5,35	5,11
19	5,47	5,02	4,70	4,42	4,20	4,10	4,26	4,54	5,22	5,39	5,32	5,09
20	5,49	5,01	4,66	4,40	4,20	4,08	4,29	4,58	5,24	5,43	5,28	5,07
21	5,49	5,00	4,61	4,40	4,20	4,09	4,32	4,62	5,29	5,45	5,27	5,05
22	5,46	4,99	4,59	4,38	4,18	4,09	4,30	4,65	5,29	5,41	5,24	5,07
23	5,47	4,97	4,60	4,38	4,17	4,10	4,25	4,67	5,29	5,36	5,22	5,07
24	5,57	5,03	4,55	4,38	4,19	4,11	4,22	4,70	5,29	5,36	5,19	5,03
25	5,55	5,09	4,55	4,38	4,20	4,17	4,20	4,72	5,30	5,33	5,21	5,00
26	5,51	5,07	4,56	4,38	4,21	4,19	4,20	4,79	5,31	5,30	5,24	4,97
27	5,50	5,03	4,55	4,36	4,20	4,22	4,18	4,84	5,31	5,28	5,26	4,96
28	5,44	4,99	4,54	4,36	4,19	4,24	4,20	4,88	5,34	5,30	5,24	4,93
29	5,28		4,55	4,37	4,18	4,21	4,18	4,92	5,39	5,34	5,20	4,89
30	5,18		4,54	4,37	4,17	4,19	4,20	4,95	5,46	5,36	5,20	4,87
31	5,08		4,53		4,15		4,20	4,98		5,38		4,88
T.Bình	5,46	5,06	4,75	4,43	4,25	4,13	4,24	4,51	5,18	5,43	5,30	5,06
Max	5,65	5,17	5,05	4,55	4,38	4,25	4,34	4,99	5,48	5,60	5,43	5,25
Min	5,00	4,91	4,51	4,34	4,13	4,06	4,15	4,21	4,98	5,26	5,13	4,84
ΔH	0,65	0,26	0,54	0,21	0,25	0,19	0,19	0,78	0,50	0,34	0,30	0,41

Mức nước trung bình năm: 4,82

Mức nước lớn nhất trong năm: 5,65

Ngày: 01/01/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 4,06

Ngày: 16/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,59

8. Công trình: Q.57

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	4,42	4,22	4,32	4,31	4,37	4,45	5,37	5,37	5,65	6,16	5,49	5,65
2	4,39	4,25	4,32	4,32	4,37	4,40	5,31	5,33	5,59	6,10	5,48	5,72
3	4,39	4,26	4,34	4,32	4,37	4,34	5,27	5,35	5,50	6,05	5,46	5,75
4	4,39	4,26	4,36	4,32	4,38	4,29	5,23	5,52	5,47	6,00	5,41	5,75
5	4,40	4,29	4,37	4,31	4,37	4,36	5,28	5,74	5,48	6,00	5,38	5,75
6	4,40	4,34	4,39	4,28	4,34	4,55	5,55	5,75	5,46	5,94	5,36	5,76
7	4,34	4,35	4,35	4,23	4,30	4,62	5,47	5,63	5,43	5,80	5,56	5,76
8	4,31	4,37	4,33	4,20	4,27	4,60	5,42	5,56	5,60	5,81	5,69	5,75
9	4,30	4,41	4,31	4,21	4,31	4,88	5,46	5,50	5,68	5,79	5,78	5,73
10	4,29	4,38	4,30	4,22	4,34	4,83	5,40	5,43	5,68	5,77	5,84	5,70
11	4,26	4,37	4,25	4,25	4,34	4,79	5,36	5,46	5,66	5,78	5,85	5,66
12	4,24	4,39	4,23	4,26	4,32	4,75	5,31	5,60	5,62	5,75	5,83	5,61
13	4,24	4,39	4,22	4,30	4,29	4,82	5,35	5,70	5,50	5,73	5,90	5,58
14	4,22	4,41	4,18	4,34	4,28	5,13	5,32	5,61	5,59	5,67	5,95	5,56
15	4,30	4,43	4,19	4,37	4,29	5,06	5,36	5,54	5,67	5,60	5,94	5,54
16	4,38	4,42	4,18	4,39	4,27	5,00	5,32	5,52	5,67	5,54	5,98	5,57
17	4,39	4,43	4,15	4,39	4,25	5,01	5,27	5,50	5,70	5,51	5,95	5,61
18	4,37	4,40	4,14	4,40	4,20	5,27	5,19	5,44	5,71	5,48	5,90	5,59
19	4,32	4,40	4,16	4,39	4,16	5,31	5,29	5,41	5,71	5,47	5,85	5,57
20	4,50	4,40	4,16	4,37	4,13	5,29	5,29	5,43	5,69	5,49	5,80	5,55
21	4,49	4,38	4,13	4,35	4,11	5,51	5,30	5,56	5,69	5,47	5,77	5,54
22	4,40	4,38	4,12	4,31	4,03	5,39	5,23	5,68	5,64	5,42	5,71	5,54
23	4,35	4,41	4,14	4,27	3,90	5,36	5,17	5,64	5,57	5,35	5,68	5,53
24	4,38	4,40	4,08	4,21	4,11	5,50	5,16	5,88	5,53	5,30	5,66	5,45
25	4,32	4,43	4,07	4,14	4,36	5,84	5,14	5,91	5,70	5,16	5,70	5,37
26	4,26	4,41	4,18	4,14	4,55	5,76	5,10	6,11	5,79	5,14	5,72	5,34
27	4,27	4,35	4,21	4,15	4,52	5,63	5,08	6,04	5,78	5,11	5,72	5,32
28	4,26	4,32	4,23	4,13	4,51	5,70	5,05	6,06	5,96	5,14	5,69	5,28
29	4,26		4,27	4,26	4,51	5,57	5,02	5,96	6,12	5,29	5,65	5,22
30	4,23		4,30	4,33	4,51	5,45	5,07	5,81	6,16	5,41	5,63	5,19
31	4,27		4,30		4,48		5,22	5,72		5,48		5,19
T.Bình	4,33	4,37	4,23	4,28	4,31	5,05	5,27	5,64	5,67	5,60	5,71	5,55
Max	4,54	4,47	4,43	4,43	4,62	5,88	5,59	6,16	6,19	6,20	6,01	5,80
Min	4,18	4,20	4,05	4,10	3,71	4,26	4,98	5,31	5,39	5,06	5,31	5,17
ΔH	0,36	0,27	0,38	0,33	0,91	1,62	0,61	0,85	0,80	1,14	0,70	0,63

Mức nước trung bình năm: 5,00

Mức nước lớn nhất trong năm: 6,20

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 3,71

Biên độ dao động năm: 2,49

Ngày: 01/10/2023

Ngày: 22/05/2023

9. Công trình: Q.58M1

NT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	4,78	4,68	4,73	4,65	4,71	4,61	4,91	4,83	4,70	4,96	4,80	4,89
2	4,77	4,73	4,74	4,68	4,70	4,60	4,90	4,85	4,70	4,91	4,80	4,89
3	4,78	4,74	4,75	4,68	4,70	4,59	4,90	4,85	4,69	4,89	4,78	4,90
4	4,79	4,73	4,78	4,68	4,72	4,59	4,88	4,84	4,69	4,88	4,77	4,90
5	4,81	4,73	4,79	4,68	4,72	4,66	4,86	4,87	4,69	4,85	4,75	4,90
6	4,79	4,74	4,77	4,65	4,72	4,72	4,87	4,89	4,68	4,83	4,73	4,92
7	4,74	4,75	4,73	4,63	4,68	4,74	4,86	4,88	4,67	4,80	4,79	4,92
8	4,72	4,75	4,74	4,61	4,65	4,74	4,85	4,86	4,70	4,82	4,79	4,92
9	4,73	4,77	4,74	4,63	4,66	4,77	4,84	4,84	4,72	4,83	4,84	4,92
10	4,72	4,75	4,74	4,66	4,67	4,79	4,83	4,83	4,71	4,85	4,90	4,91
11	4,71	4,75	4,73	4,67	4,66	4,79	4,82	4,84	4,70	4,87	4,94	4,88
12	4,69	4,77	4,71	4,68	4,63	4,79	4,80	4,88	4,70	4,88	4,96	4,86
13	4,68	4,78	4,72	4,69	4,63	4,83	4,81	4,89	4,76	4,87	5,00	4,85
14	4,66	4,83	4,68	4,71	4,64	4,85	4,81	4,88	4,80	4,85	5,01	4,83
15	4,73	4,84	4,70	4,71	4,65	4,85	4,80	4,86	4,85	4,79	4,99	4,83
16	4,76	4,82	4,68	4,71	4,66	4,85	4,81	4,84	4,86	4,77	5,04	4,87
17	4,77	4,79	4,66	4,72	4,65	4,83	4,80	4,83	4,85	4,76	5,04	4,93
18	4,74	4,74	4,65	4,73	4,62	4,87	4,79	4,83	4,86	4,75	5,01	4,91
19	4,72	4,77	4,66	4,74	4,62	4,89	4,79	4,81	4,86	4,76	4,98	4,89
20	4,75	4,78	4,65	4,73	4,62	4,89	4,81	4,77	4,86	4,81	4,95	4,88
21	4,76	4,75	4,63	4,73	4,60	4,92	4,82	4,66	4,90	4,79	4,94	4,87
22	4,74	4,75	4,61	4,71	4,58	4,93	4,80	4,67	4,88	4,78	4,91	4,88
23	4,76	4,75	4,64	4,69	4,56	4,91	4,75	4,67	4,87	4,72	4,89	4,88
24	4,82	4,78	4,57	4,68	4,54	4,91	4,74	4,70	4,85	4,69	4,83	4,84
25	4,79	4,79	4,54	4,65	4,56	4,98	4,72	4,70	4,84	4,67	4,84	4,82
26	4,77	4,76	4,56	4,65	4,61	5,00	4,72	4,73	4,84	4,65	4,87	4,81
27	4,80	4,74	4,56	4,66	4,63	5,00	4,73	4,74	4,85	4,65	4,90	4,80
28	4,79	4,72	4,57	4,64	4,62	4,99	4,73	4,75	4,91	4,69	4,89	4,76
29	4,78		4,58	4,68	4,60	4,95	4,73	4,74	4,97	4,74	4,89	4,73
30	4,75		4,61	4,70	4,60	4,92	4,76	4,72	4,99	4,77	4,88	4,72
31	4,69		4,62		4,60		4,79	4,71		4,80		4,75
T.Bình	4,75	4,76	4,67	4,68	4,64	4,83	4,81	4,80	4,80	4,80	4,89	4,86
Max	4,86	4,88	4,84	4,76	4,76	5,01	4,92	4,89	5,02	5,01	5,08	4,97
Min	4,63	4,66	4,54	4,61	4,50	4,58	4,72	4,63	4,64	4,63	4,71	4,71
ΔH	0,23	0,22	0,30	0,15	0,26	0,43	0,20	0,27	0,38	0,38	0,37	0,27

Mức nước trung bình năm: 4,77

Mức nước lớn nhất trong năm: 5,08

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 4,50

Biên độ dao động năm: 0,58

Ngày: 16/11/2023

Ngày: 23/05/2023

10. Công trình: Q.59a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,69									
2												
3					2,81	2,70	3,50	3,22	3,40	4,97		
4												
5												
6	2,66	2,66	2,70	2,61	2,73	2,77	3,24	3,21	3,34	4,50	2,91	2,83
7												
8												
9					2,67	2,81	3,19	3,23	3,46	4,18		
10												
11												
12	2,71	2,79	2,61	2,66	2,55	2,82	3,13	3,39	3,49	3,33	2,88	2,73
13												
14												
15					2,67	2,85	3,15	3,45	3,54	3,22		
16												
17												
18	2,73	2,75	2,48	2,63	2,67	2,91	3,09	3,39	3,48	3,16	2,94	2,72
19												
20												
21					2,62	2,96	3,08	3,33	3,45	3,04		
22												
23												
24	2,68	2,69	2,63	2,54	2,62	3,05	2,96	3,49	3,39	2,98	2,94	2,69
25												
26												
27					2,68	3,08	2,88	3,58	3,48	2,95		
28												
29												
30	2,59		2,65	2,83	2,66	3,31	2,95	3,67	4,81	2,95	2,90	2,65
31												
T.Bình	2,67	2,72	2,63	2,65	2,67	2,93	3,12	3,40	3,58	3,53	2,91	2,72
Max	2,73	2,79	2,70	2,83	2,81	3,31	3,50	3,67	4,81	4,97	2,94	2,83
Min	2,59	2,66	2,48	2,54	2,55	2,70	2,88	3,21	3,34	2,95	2,88	2,65
ΔH	0,14	0,13	0,22	0,29	0,26	0,61	0,62	0,46	1,47	2,02	0,06	0,18

Mức nước trung bình năm: 3,04

Mức nước lớn nhất trong năm: 4,97

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 2,48

Biên độ dao động năm: 2,49

Ngày: 03/10/2023

Ngày: 18/03/2023

11. Công trình: Q.60M2

NT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	2,82	2,53	2,54	2,29	2,24	2,17	2,39					
2	2,81	2,58	2,57	2,29	2,24	2,17	2,38					
3	2,81	2,60	2,59	2,29	2,25	2,17	2,40		2,75	3,13		
4	2,81	2,58	2,62	2,29	2,25	2,17	2,40					
5	2,82	2,57	2,61	2,28	2,24	2,17	2,39					
6	2,81	2,56	2,57	2,27	2,23	2,17	2,39	2,43	2,79	3,08	3,08	2,67
7	2,75	2,57	2,56	2,26	2,22	2,17	2,38					
8	2,72	2,57	2,55	2,25	2,22	2,18	2,38					
9	2,72	2,58	2,55	2,26	2,23	2,19	2,38	2,47	2,82	3,07		
10	2,73	2,56	2,54	2,27	2,23	2,19	2,39					
11	2,69	2,54	2,52	2,27	2,23	2,18	2,39					
12	2,64	2,55	2,52	2,26	2,22	2,19	2,40	2,51	2,83	3,05	3,15	2,51
13	2,61	2,57	2,52	2,26	2,22	2,20	2,40					
14	2,59	2,63	2,46	2,27	2,22	2,20	2,40					
15	2,66	2,65	2,46	2,28	2,22	2,22	2,40	2,57	2,90	3,01		
16	2,71	2,64	2,47	2,29	2,22	2,21	2,41					
17	2,70	2,61	2,45	2,28	2,21	2,20	2,41					
18	2,67	2,57	2,44	2,28	2,19	2,22	2,40	2,57	2,94	2,98	3,20	2,53
19	2,64	2,59	2,42	2,28	2,19	2,24	2,41					
20	2,66	2,58	2,40	2,27	2,19	2,24	2,44					
21	2,65	2,58	2,36	2,27	2,18	2,27	2,47	2,60	2,95	2,96		
22	2,62	2,56	2,34	2,26	2,18	2,29	2,45					
23	2,64	2,54	2,37	2,25	2,17	2,30	2,41					
24	2,73	2,57	2,31	2,25	2,18	2,31	2,42	2,65	2,92	2,95	2,76	2,55
25	2,71	2,63	2,31	2,23	2,19	2,37	2,47					
26	2,66	2,62	2,31	2,23	2,19	2,39	2,46					
27	2,71	2,57	2,31	2,23	2,20	2,41	2,40	2,70	2,93	2,93		
28	2,71	2,53	2,29	2,23	2,19	2,43	2,36					
29	2,70		2,29	2,23	2,19	2,41	2,37					
30	2,64		2,28	2,24	2,19	2,39	2,41	2,79	3,15	3,15	2,69	2,48
31	2,56		2,28		2,18							
T.Bình	2,70	2,58	2,45	2,26	2,21	2,25	2,41	2,59	2,90	3,03	2,97	2,55
Max	2,86	2,68	2,66	2,31	2,27	2,44	2,50	2,79	3,15	3,15	3,20	2,67
Min	2,52	2,50	2,27	2,21	2,15	2,14	2,33	2,43	2,75	2,93	2,69	2,48
ΔH	0,34	0,18	0,39	0,10	0,12	0,30	0,17	0,36	0,40	0,22	0,51	0,19

Mức nước trung bình năm: 2,41

Mức nước lớn nhất trong năm: 3,20

Ngày: 18/11/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 2,14

Ngày: 02/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,06

12. Công trình: Q.65M1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			3,53									
2												
3					3,58	3,50	3,53	3,79	4,02	4,14		
4												
5												
6	3,58	3,52	3,58	3,63	3,57	3,47	3,57	3,85	4,00	4,16	4,10	4,01
7												
8												
9					3,54	3,45	3,59	3,90	3,99	4,22		
10												
11												
12	3,57	3,59	3,63	3,61	3,52	3,48	3,62	3,93	4,02	4,20	4,07	3,99
13												
14												
15					3,51	3,46	3,64	3,97	4,04	4,08		
16												
17												
18	3,52	3,64	3,67	3,66	3,48	3,47	3,67	3,96	4,05	4,15	4,04	3,98
19												
20												
21					3,52	3,49	3,69	3,98	4,03	4,15		
22												
23												
24	3,50	3,62	3,69	3,64	3,46	3,51	3,68	4,03	4,01	4,14	4,03	4,20
25												
26												
27					3,46	3,50	3,71	3,99	4,04	4,13		
28												
29												
30	3,47		3,66	3,61	3,49	3,52	3,75	4,01	4,09	4,12	4,01	3,98
31												
T.Bình	3,53	3,59	3,63	3,63	3,51	3,49	3,65	3,94	4,03	4,15	4,05	4,03
Max	3,58	3,64	3,69	3,66	3,58	3,52	3,75	4,03	4,09	4,22	4,10	4,20
Min	3,47	3,52	3,53	3,61	3,46	3,45	3,53	3,79	3,99	4,08	4,01	3,98
ΔH	0,11	0,12	0,16	0,05	0,12	0,07	0,22	0,24	0,10	0,14	0,09	0,22

Mức nước trung bình năm: 3,78

Mức nước lớn nhất trong năm: 4,22 Ngày: 09/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 3,45 Ngày: 09/06/2023

Biên độ dao động năm: 0,77

13. Công trình: Q.67

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-2,22									
2												
3					-2,94	-2,51	-3,02	-3,13	-2,56	-2,26		
4												
5												
6	-1,92	-1,96	-2,34	-2,73	-2,95	-2,45	-3,11	-3,06	-2,63	-2,09	-2,10	-2,47
7												
8												
9					-2,86	-2,56	-3,13	-2,96	-2,56	-1,96		
10												
11												
12	-2,02	-1,92	-2,38	-2,88	-2,76	-2,73	-3,10	-2,91	-2,51	-1,94	-2,12	-2,53
13												
14												
15					-2,78	-2,85	-3,06	-2,82	-2,42	-1,98		
16												
17												
18	-1,94	-1,96	-2,47	-2,94	-2,73	-3,06	-3,03	-2,76	-2,47	-2,01	-2,23	-2,60
19												
20												
21					-2,67	-2,91	-2,96	-2,71	-2,53	-2,07		
22												
23												
24	-1,86	-2,03	-2,54	-2,96	-2,57	-2,78	-3,00	-2,60	-2,60	-2,14	-2,37	-2,56
25												
26												
27					-2,54	-2,83	-3,05	-2,51	-2,47	-2,16		
28												
29												
30	-2,04		-2,62	-2,91	-2,52	-2,96	-3,10	-2,49	-2,40	-2,12	-2,42	-2,63
31												
T.Bình	-1,96	-1,97	-2,43	-2,88	-2,73	-2,76	-3,06	-2,80	-2,51	-2,07	-2,25	-2,56
Max	-1,86	-1,92	-2,22	-2,73	-2,52	-2,45	-2,96	-2,49	-2,40	-1,94	-2,10	-2,47
Min	-2,04	-2,03	-2,62	-2,96	-2,95	-3,06	-3,13	-3,13	-2,63	-2,26	-2,42	-2,63
ΔH	0,18	0,11	0,40	0,23	0,43	0,61	0,17	0,64	0,23	0,32	0,32	0,16

Mức nước trung bình năm: -2,56

Mức nước lớn nhất trong năm: -1,86

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -3,13

Biên độ dao động năm: 1,27

Ngày: 24/01/2023

Ngày: 09/07/2023

14. Công trình: Q.83

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,84									
2												
3					1,18	1,05	1,05	1,54	1,39	2,03		
4												
5												
6	0,77	1,00	0,73	0,83	1,30	0,96	1,03	1,79	1,32	1,84	1,11	1,02
7												
8												
9					1,32	0,90	1,01	1,63	1,25	1,76		
10												
11												
12	0,73	1,04	0,71	1,03	1,35	0,96	0,96	1,55	1,41	1,63	1,16	1,16
13												
14												
15					1,31	1,09	0,94	1,59	1,77	1,42		
16												
17												
18	0,75	0,98	0,69	1,18	1,27	1,21	0,99	1,35	1,68	1,35	1,09	0,76
19												
20												
21					1,25	1,19	1,08	1,33	1,52	1,30		
22												
23												
24	0,78	0,91	0,68	1,04	1,22	1,26	0,91	1,41	1,44	1,23	1,14	0,61
25												
26												
27					1,22	1,23	0,97	1,38	1,74	1,16		
28												
29												
30	0,82		0,72	1,04	1,20	1,20	0,95	1,37	2,36	1,08	1,10	0,67
31												
T.Bình	0,77	0,98	0,73	1,02	1,26	1,11	0,99	1,49	1,59	1,48	1,12	0,84
Max	0,82	1,04	0,84	1,18	1,35	1,26	1,08	1,79	2,36	2,03	1,16	1,16
Min	0,73	0,91	0,68	0,83	1,18	0,90	0,91	1,33	1,25	1,08	1,09	0,61
ΔH	0,09	0,13	0,16	0,35	0,17	0,36	0,17	0,46	1,11	0,95	0,07	0,55

Mức nước trung bình năm: 1,18

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,36

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,61

Biên độ dao động năm: 1,75

Ngày: 30/09/2023

Ngày: 24/12/2023

15. Công trình: Q.84

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,97									
2												
3					1,08	0,75	0,66	1,16	1,43	1,72		
4												
5												
6	1,06	1,16	0,89	0,88	1,03	0,70	0,58	1,71	1,46	1,63	1,22	1,18
7												
8												
9					1,00	0,68	0,53	1,25	1,33	1,55		
10												
11												
12	1,03	1,22	0,92	1,05	1,02	0,77	0,47	1,10	1,48	1,48	1,18	1,13
13												
14												
15					1,05	0,81	0,43	1,38	1,66	1,43		
16												
17												
18	1,01	1,14	0,88	1,18	1,03	0,88	0,44	1,06	1,58	1,38	1,20	1,08
19												
20												
21					1,07	0,87	0,63	1,12	1,50	1,34		
22												
23												
24	0,97	1,08	0,85	1,11	0,98	0,93	0,59	1,53	1,43	1,29	1,22	1,05
25												
26												
27					0,89	0,89	0,59	1,50	1,56	1,28		
28												
29												
30	1,04		0,90	1,06	0,81	0,81	0,59	1,46	1,93	1,29	1,24	1,03
31												
T.Bình	1,02	1,15	0,90	1,06	1,00	0,81	0,55	1,33	1,54	1,44	1,21	1,09
Max	1,06	1,22	0,97	1,18	1,08	0,93	0,66	1,71	1,93	1,72	1,24	1,18
Min	0,97	1,08	0,85	0,88	0,81	0,68	0,43	1,06	1,33	1,28	1,18	1,03
ΔH	0,09	0,14	0,12	0,30	0,27	0,25	0,23	0,65	0,60	0,44	0,06	0,15

Mức nước trung bình năm: 1,09

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,93 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,43 Ngày: 15/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,50

16. Công trình: Q.85

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,02									
2												
3					1,13	1,02	1,18	1,56	1,28	1,68		
4												
5												
6	0,85	1,09	0,96	0,95	1,10	0,96	1,12	1,53	1,20	1,58	1,01	1,01
7												
8												
9					1,07	0,87	0,89	1,45	1,11	1,39		
10												
11												
12	0,81	1,17	1,01	1,14	1,11	0,99	0,86	1,38	1,25	1,30	0,98	0,92
13												
14												
15					1,15	1,06	0,85	1,47	1,30	1,26		
16												
17												
18	0,79	1,14	1,02	1,16	1,17	1,17	0,87	1,34	1,28	1,23	1,00	0,86
19												
20												
21					1,13	1,18	1,14	1,28	1,27	1,18		
22												
23												
24	0,79	1,10	0,97	1,18	1,16	1,22	0,86	1,26	1,25	1,11	1,02	0,81
25												
26												
27					1,14	1,26	0,92	1,25	1,52	1,02		
28												
29												
30	0,86		0,94	1,12	1,11	1,21	0,90	1,27	1,82	0,93	1,04	0,87
31												
T.Bình	0,82	1,13	0,99	1,11	1,13	1,09	0,96	1,38	1,33	1,27	1,01	0,89
Max	0,86	1,17	1,02	1,18	1,17	1,26	1,18	1,56	1,82	1,68	1,04	1,01
Min	0,79	1,09	0,94	0,95	1,07	0,87	0,85	1,25	1,11	0,93	0,98	0,81
ΔH	0,07	0,08	0,08	0,23	0,10	0,39	0,33	0,31	0,71	0,75	0,06	0,20

Mức nước trung bình năm: 1,12

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,82 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,79 Ngày: 18/01/2023

Biên độ dao động năm: 1,03

17. Công trình: Q.87

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,92		2,02									
2	1,91											
3	1,92				2,22	2,00	2,42	2,90	2,51	2,94		
4	1,91											
5	1,91											
6	1,89	2,01	1,99	2,04	2,23	1,93	2,38	2,87	2,49	2,77	1,87	1,49
7	1,82											
8	1,80											
9	1,80				2,19	2,03	2,37	2,82	2,46	2,68		
10	1,83											
11	1,88											
12	1,85	2,08	1,96	2,19	2,17	2,23	2,23	2,69	2,81	2,59	1,83	1,43
13	1,81											
14	1,77											
15	1,82				2,21	2,62	2,26	2,74	3,02	2,51		
16	1,86											
17	1,87											
18	1,84	2,04	1,93	2,32	2,24	2,65	2,24	2,45	2,94	2,38	1,68	1,34
19	1,81											
20	1,83											
21	1,84				2,25	2,64	2,37	2,44	2,86	2,26		
22	1,82											
23	1,82											
24	1,90	2,00	1,91	2,27	2,22	2,68	2,32	2,61	2,72	2,22	1,57	1,31
25												
26												
27					2,21	2,70	2,45	2,58	2,94	2,15		
28												
29												
30	1,97		1,94	2,21	2,18	2,60	2,52	2,54	3,25	2,07	1,53	1,27
31												
T.Bình	1,85	2,03	1,96	2,21	2,21	2,41	2,36	2,66	2,80	2,46	1,70	1,37
Max	1,97	2,08	2,02	2,32	2,25	2,70	2,52	2,90	3,25	2,94	1,87	1,49
Min	1,75	2,00	1,91	2,04	2,17	1,93	2,23	2,44	2,46	2,07	1,53	1,27
ΔH	0,22	0,08	0,11	0,28	0,08	0,77	0,29	0,46	0,79	0,87	0,34	0,22

Mức nước trung bình năm: 1,95

Mức nước lớn nhất trong năm: 3,25 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,27 Ngày: 30/12/2023

Biên độ dao động năm: 1,98

18. Công trình: Q.88

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,28									
2												
3					1,34	1,30	1,76	1,53	1,49	1,69		
4												
5												
6	1,56	1,40	1,25	1,29	1,31	1,36	1,69	1,66	1,47	1,66	1,40	1,41
7												
8												
9					1,42	1,49	1,60	1,69	1,51	1,61		
10												
11												
12	1,50	1,36	1,32	1,27	1,53	1,52	1,56	1,61	1,49	1,57	1,41	1,45
13												
14												
15					1,50	1,56	1,53	1,56	1,54	1,55		
16												
17												
18	1,43	1,33	1,30	1,33	1,46	1,66	1,49	1,51	1,56	1,53	1,37	1,43
19												
20												
21					1,43	1,60	1,46	1,48	1,54	1,52		
22												
23												
24	1,39	1,31	1,27	1,30	1,38	1,57	1,43	1,52	1,51	1,50	1,36	1,40
25												
26												
27					1,35	1,86	1,42	1,51	1,48	1,45		
28												
29												
30	1,43		1,25	1,37	1,33	1,83	1,41	1,50	1,73	1,43	1,37	1,38
31												
T.Bình	1,46	1,35	1,28	1,31	1,41	1,57	1,54	1,56	1,53	1,55	1,38	1,41
Max	1,56	1,40	1,32	1,37	1,53	1,86	1,76	1,69	1,73	1,69	1,41	1,45
Min	1,39	1,31	1,25	1,27	1,31	1,30	1,41	1,48	1,47	1,43	1,36	1,38
ΔH	0,17	0,09	0,07	0,10	0,22	0,56	0,35	0,21	0,26	0,26	0,05	0,07

Mức nước trung bình năm: 1,47

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,86

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,25

Biên độ dao động năm: 0,61

Ngày: 27/06/2023

Ngày: 06/03/2023

19. Công trình: Q.89

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,10									
2												
3					1,20	1,10	1,44	1,31	1,44	1,44		
4												
5												
6	1,30	1,18	1,12	1,16	1,18	1,13	1,39	1,40	1,43	1,43	1,43	1,53
7												
8												
9					1,21	1,16	1,33	1,48	1,46	1,46		
10												
11												
12	1,44	1,15	1,18	1,18	1,27	1,19	1,29	1,47	1,45	1,45	1,45	1,56
13												
14												
15					1,22	1,22	1,27	1,48	1,49	1,49		
16												
17												
18	1,25	1,12	1,15	1,21		1,29	1,25	1,46	1,50	1,50	1,51	1,54
19												
20												
21					1,18	1,26	1,24	1,44	1,49	1,49		
22												
23												
24	1,40	1,13	1,13	1,18	1,16	1,22	1,22	1,48	1,48	1,48	1,47	1,51
25												
26												
27					1,16	1,49	1,21	1,46	1,46	1,46		
28												
29												
30	1,21		1,12	1,21	1,14	1,46	1,20	1,45	1,45	1,45	1,51	1,49
31												
T.Bình	1,32	1,14	1,13	1,19	1,19	1,25	1,28	1,44	1,47	1,47	1,47	1,53
Max	1,44	1,18	1,18	1,21	1,27	1,49	1,44	1,48	1,50	1,50	1,51	1,56
Min	1,21	1,12	1,10	1,16	1,14	1,10	1,20	1,31	1,43	1,43	1,43	1,49
ΔH	0,23	0,06	0,08	0,05	0,13	0,39	0,24	0,17	0,07	0,07	0,08	0,07

Mức nước trung bình năm: 1,33

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,56 Ngày: 12/12/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,10 Ngày: 01/03/2023

Biên độ dao động năm: 0,46

20. Công trình: Q.107

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,23									
2												
3					1,40	1,28	1,27	1,27	1,38	1,38		
4												
5												
6	1,13	1,39	1,21	1,35	1,32	1,32	1,18	1,26	1,36	1,30	1,48	1,10
7												
8												
9					1,46	1,31	1,14	1,31	1,31	1,28		
10												
11												
12	1,33	1,49	1,18	1,33	1,49	1,45	1,07	1,36	1,27	1,38	1,21	1,07
13												
14												
15					1,52	1,48	1,12	1,42	1,45	1,39		
16												
17												
18	1,28	1,33	1,24	1,49	1,50	1,60	1,18	1,40	1,47	1,40	1,16	1,16
19												
20												
21					1,47	1,42	1,27	1,36	1,48	1,39		
22												
23												
24	1,32	1,29	1,20	1,28	1,45	1,46	1,24	1,33	1,37	1,38	1,10	1,18
25												
26												
27					1,42	1,40	1,22	1,45	1,56	1,32		
28												
29												
30	1,37		1,28	1,49	1,34	1,37	1,30	1,41	1,57	1,28	1,13	1,15
31												
T.Bình	1,29	1,38	1,22	1,39	1,44	1,41	1,20	1,36	1,42	1,35	1,22	1,13
Max	1,37	1,49	1,28	1,49	1,52	1,60	1,30	1,45	1,57	1,40	1,48	1,18
Min	1,13	1,29	1,18	1,28	1,32	1,28	1,07	1,26	1,27	1,28	1,10	1,07
ΔH	0,24	0,20	0,10	0,21	0,20	0,32	0,23	0,19	0,30	0,12	0,38	0,11

Mức nước trung bình năm: 1,33

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,60 Ngày: 18/06/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,07 Ngày: 12/07/2023

Biên độ dao động năm: 0,53

21. Công trình: Q.115M1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,62									
2												
3					1,23	0,97	1,77	1,95	2,82	2,64		
4												
5												
6	1,54	1,58	1,57	1,40	1,30	1,00	1,70	2,17	2,80	2,58	1,93	1,79
7												
8												
9					1,41	2,02	1,62	2,36	2,77	2,56		
10												
11												
12	1,52	1,63	1,54	1,37	1,52	2,03	1,57	2,49	2,74	2,52	1,95	1,72
13												
14												
15					1,63	2,06	1,50	2,58	2,72	2,39		
16												
17												
18	1,50	1,66	1,50	1,33	1,74	2,08	1,44	2,70	2,70	2,24	1,93	1,68
19												
20												
21					1,62	2,14	1,39	2,82	2,72	2,17		
22												
23												
24	1,63	1,69	1,48	1,27	1,47	2,16	1,35	2,90	2,80	2,10	1,92	1,63
25												
26												
27					1,26	2,03	1,50	2,88	2,76	2,00		
28												
29												
30	1,60		1,44	1,27	1,08	1,84	1,74	2,84	2,70	1,97	1,86	1,43
31												
T.Bình	1,56	1,64	1,53	1,33	1,43	1,83	1,56	2,57	2,75	2,32	1,92	1,65
Max	1,63	1,69	1,62	1,40	1,74	2,16	1,77	2,90	2,82	2,64	1,95	1,79
Min	1,50	1,58	1,44	1,27	1,08	0,97	1,35	1,95	2,70	1,97	1,86	1,43
ΔH	0,13	0,11	0,18	0,13	0,66	1,19	0,42	0,95	0,12	0,67	0,09	0,36

Mức nước trung bình năm: 1,92

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,90

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,97

Biên độ dao động năm: 1,93

Ngày: 24/08/2023

Ngày: 03/06/2023

22. Công trình: Q.121M1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,60									
2												
3					-0,48	-0,15	-0,31	0,14	0,64	0,48		
4												
5												
6	-0,92	-0,39	-0,75	-0,80	-0,45	-0,12	-0,27	0,26	0,63	0,39	0,25	-0,47
7												
8												
9					-0,44	-0,22	-0,24	0,41	0,61	0,28		
10												
11												
12	-0,85	-0,75	-0,90	-0,70	-0,43	-0,40	-0,21	0,58	0,60	0,15	0,01	-0,50
13												
14												
15					-0,41	-0,55	-0,18	0,71	0,81	0,03		
16												
17												
18	-0,81	-0,55	-0,85	-0,61	-0,44	-0,50	-0,15	0,68	0,78	0,00	-0,13	-0,53
19												
20												
21					-0,48	-0,47	-0,18	0,65	0,75	0,12		
22												
23												
24	-0,78	-0,69	-0,80	-0,53	-0,32	-0,42	-0,22	0,69	0,71	0,38	-0,36	-0,56
25												
26												
27					-0,20	-0,40	-0,11	0,67	0,52	0,34		
28												
29												
30	-0,81		-0,69	-0,50	-0,17	-0,39	0,01	0,66	0,35	0,29	-0,38	-0,58
31												
T.Bình	-0,83	-0,60	-0,77	-0,63	-0,38	-0,36	-0,19	0,54	0,64	0,25	-0,12	-0,53
Max	-0,78	-0,39	-0,60	-0,50	-0,17	-0,12	0,01	0,71	0,81	0,48	0,25	-0,47
Min	-0,92	-0,75	-0,90	-0,80	-0,48	-0,55	-0,31	0,14	0,35	0,00	-0,38	-0,58
ΔH	0,14	0,36	0,30	0,30	0,31	0,43	0,32	0,57	0,46	0,48	0,63	0,11

Mức nước trung bình năm: -0,14

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,81 Ngày: 15/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,92 Ngày: 06/01/2023

Biên độ dao động năm: 1,73

23. Công trình: Q.128M1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,36									
2												
3					1,27	1,29	1,69	1,35	1,67	2,28		
4												
5												
6	1,54	1,52	1,29	1,22	1,21	1,33	1,61	1,41	1,72	2,44	1,69	1,69
7												
8												
9					1,23	1,34	1,46	1,47	1,70	2,29		
10												
11												
12	1,56	1,40	1,24	1,16	1,26	1,31	1,44	1,50	1,74	2,20	1,67	1,43
13												
14												
15					1,30	1,34	1,42	1,54	1,83	2,06		
16												
17												
18	1,49	1,43	1,24	1,28	1,31	1,54	1,39	1,51	1,84	2,00	1,63	1,40
19												
20												
21					1,40	1,57	1,40	1,59	1,86	1,91		
22												
23												
24	1,40	1,38	1,22	1,30	1,54	1,64	1,32	1,61	1,81	1,86	1,59	1,35
25												
26												
27					1,45	1,66	1,34	1,59	1,95	1,73		
28												
29												
30	1,45		1,23	1,32	1,39	1,68	1,35	1,64	2,09	1,75	1,65	1,37
31												
T.Bình	1,49	1,43	1,26	1,26	1,34	1,47	1,44	1,52	1,82	2,05	1,65	1,45
Max	1,56	1,52	1,36	1,32	1,54	1,68	1,69	1,64	2,09	2,44	1,69	1,69
Min	1,40	1,38	1,22	1,16	1,21	1,29	1,32	1,35	1,67	1,73	1,59	1,35
ΔH	0,16	0,14	0,14	0,16	0,33	0,39	0,37	0,29	0,42	0,71	0,10	0,34

Mức nước trung bình năm: 1,54

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,44 Ngày: 06/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,16 Ngày: 12/04/2023

Biên độ dao động năm: 1,28

24. Công trình: Q.129M1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,20									
2												
3					2,25	2,18	2,23	2,33	2,35	2,56		
4												
5												
6	2,25	2,34	2,13	2,22	2,27	2,13	2,22	2,33	2,33	2,49	2,29	2,29
7												
8												
9					2,32	2,23	2,21	2,34	2,34	2,47		
10												
11												
12	2,28	2,24	2,07	2,23	2,32	2,17	2,18	2,38	2,38	2,45	2,22	2,16
13												
14												
15					2,27	2,27	2,17	2,39	2,44	2,42		
16												
17												
18	2,32	2,21	2,06	2,33	2,23	2,28	2,16	2,38	2,43	2,39	2,28	2,15
19												
20												
21					2,22	2,25	2,18	2,40	2,41	2,36		
22												
23												
24	2,32	2,18	2,13	2,25	2,21	2,28	2,19	2,35	2,37	2,33	2,16	2,14
25												
26												
27					2,26	2,37	2,18	2,28	2,50	2,31		
28												
29												
30	2,33		2,23	2,26	2,23	2,34	2,19	2,34	2,53	2,34	2,15	2,13
31												
T.Bình	2,30	2,24	2,13	2,26	2,26	2,25	2,19	2,35	2,41	2,41	2,22	2,17
Max	2,33	2,34	2,23	2,33	2,32	2,37	2,23	2,40	2,53	2,56	2,29	2,29
Min	2,25	2,18	2,06	2,22	2,21	2,13	2,16	2,28	2,33	2,31	2,15	2,13
ΔH	0,08	0,16	0,17	0,11	0,11	0,24	0,07	0,12	0,20	0,25	0,14	0,16

Mức nước trung bình năm: 2,28

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,56

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 2,06

Biên độ dao động năm: 0,50

Ngày: 03/10/2023

Ngày: 18/03/2023

25. Công trình: Q.141

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,64									
2												
3					2,13	1,84	1,73	2,02	2,21	2,27		
4												
5												
6	2,93	2,85	2,52	2,28	2,07	1,86	1,71	2,00	2,19	2,23	2,26	2,26
7												
8												
9					2,02	1,78	1,69	1,99	2,24	2,22		
10												
11												
12	2,95	2,82	2,56	2,20	2,06	1,71	1,77	2,12	2,23	2,20	2,30	2,23
13												
14												
15					2,03	1,74	1,76	2,10	2,29	2,25		
16												
17												
18	2,89	2,76	2,43	2,22	1,98	1,72	1,87	2,08	2,27	2,27	2,27	2,17
19												
20												
21					1,99	1,68	1,85	2,20	2,25	2,24		
22												
23												
24	2,87	2,77	2,32	2,18	1,93	1,70	1,92	2,18	2,28	2,23	2,23	2,22
25												
26												
27					1,91	1,69	1,90	2,16	2,26	2,31		
28												
29												
30	2,81		2,34	2,11	1,96	1,67	1,89	2,22	2,24	2,28	2,29	2,20
31												
T.Bình	2,89	2,80	2,47	2,20	2,01	1,74	1,81	2,11	2,25	2,25	2,27	2,22
Max	2,95	2,85	2,64	2,28	2,13	1,86	1,92	2,22	2,29	2,31	2,30	2,26
Min	2,81	2,76	2,32	2,11	1,91	1,67	1,69	1,99	2,19	2,20	2,23	2,17
ΔH	0,14	0,09	0,32	0,17	0,22	0,19	0,23	0,23	0,10	0,11	0,07	0,09

Mức nước trung bình năm: 2,17

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,95 Ngày: 12/01/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,67 Ngày: 30/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,28

26. Công trình: Q.144M1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,85									
2												
3					1,98	1,88	1,82	1,87	1,95	1,85		
4												
5												
6	1,69	1,77	1,85	1,96	1,97	1,85	1,81	1,85	1,99	1,83	1,65	1,65
7												
8												
9					1,95	1,83	1,80	1,82	1,96	1,80		
10												
11												
12	1,67	1,78	1,88	1,99	1,98	1,80	1,78	1,81	1,94	1,79	1,72	1,83
13												
14												
15					1,99	1,79	1,77	1,79	1,90	1,77		
16												
17												
18	1,70	1,81	1,90	2,01	2,01	1,77	1,79	1,80	1,87	1,74	1,75	1,80
19												
20												
21					2,00	1,78	1,81	1,83	1,83	1,73		
22												
23												
24	1,72	1,83	1,93	2,03	1,97	1,82	1,84	1,86	1,80	1,71	1,77	1,79
25												
26												
27					1,95	1,84	1,86	1,89	1,82	1,70		
28												
29												
30	1,75		1,95	2,00	1,92	1,85	1,89	1,93	1,84	1,67	1,81	1,81
31												
T.Bình	1,70	1,79	1,89	1,99	1,97	1,82	1,81	1,84	1,89	1,76	1,74	1,77
Max	1,75	1,83	1,95	2,03	2,01	1,88	1,89	1,93	1,99	1,85	1,81	1,83
Min	1,67	1,77	1,85	1,96	1,92	1,77	1,77	1,79	1,80	1,67	1,65	1,65
ΔH	0,08	0,06	0,10	0,07	0,09	0,11	0,12	0,14	0,19	0,18	0,16	0,18

Mức nước trung bình năm: 1,84

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,03

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,65

Biên độ dao động năm: 0,38

Ngày: 24/04/2023

Ngày: 06/11/2023

27. Công trình: Q.145

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,71									
2												
3					0,84	0,86	0,87	0,79	0,96	0,99		
4												
5												
6	0,84	0,75	0,72	0,78	0,85	0,84	0,86	0,80	0,98	0,98	0,85	0,85
7												
8												
9					0,87	0,83	0,84	0,82	0,99	0,96		
10												
11												
12	0,81	0,74	0,74	0,79	0,89	0,81	0,83	0,84	1,01	0,94	0,83	0,77
13												
14												
15					0,90	0,79	0,81	0,85	1,00	0,93		
16												
17												
18	0,80	0,72	0,75	0,81	0,91	0,80	0,80	0,86	0,97	0,91	0,82	0,75
19												
20												
21					0,93	0,82	0,78	0,88	0,95	0,90		
22												
23												
24	0,78	0,71	0,77	0,84	0,92	0,85	0,77	0,90	0,94	0,89	0,80	0,74
25												
26												
27					0,90	0,87	0,75	0,93	0,96	0,88		
28												
29												
30	0,77		0,77	0,82	0,87	0,88	0,77	0,94	0,97	0,86	0,79	0,73
31												
T.Bình	0,80	0,73	0,74	0,81	0,89	0,84	0,81	0,86	0,97	0,92	0,82	0,77
Max	0,84	0,75	0,77	0,84	0,93	0,88	0,87	0,94	1,01	0,99	0,85	0,85
Min	0,77	0,71	0,71	0,78	0,84	0,79	0,75	0,79	0,94	0,86	0,79	0,73
ΔH	0,07	0,04	0,06	0,06	0,09	0,09	0,12	0,15	0,07	0,13	0,06	0,12

Mức nước trung bình năm: 0,85

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,01 Ngày: 12/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,71 Ngày: 24/02/2023

Biên độ dao động năm: 0,30

28. Công trình: Q.159

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,05									0,82
2												0,81
3					1,05	0,80	1,34	1,24	1,26	1,41		0,80
4												0,78
5												0,76
6	0,76	1,17	1,03	1,02	1,08	0,77	1,31	1,27	1,23	1,34	0,81	0,79
7												0,80
8												0,78
9					1,06	0,75	1,24	1,26	1,21	1,29		0,77
10												0,76
11												0,78
12	0,91	1,12	1,02	1,04	1,04	0,79	1,13	1,23	1,32	1,24	0,74	0,82
13												0,80
14												0,79
15					1,06	0,89	1,07	1,27	1,36	1,21		0,79
16												0,83
17												0,90
18	0,98	1,04	1,04	1,09	1,01	0,97	1,04	1,19	1,29	1,15	0,66	0,87
19												0,85
20												0,86
21					0,95	1,03	1,06	1,36	1,21	1,08		0,84
22											0,69	0,85
23											0,69	0,84
24	0,94	1,06	1,02	1,03	0,88	1,22	1,04	1,32	1,14	1,00	0,67	0,81
25											0,71	0,78
26											0,74	0,76
27					0,89	1,35	1,02	1,31	1,34	0,91	0,78	0,75
28											0,76	0,72
29											0,76	0,69
30	1,11		1,00	1,06	0,85	1,36	1,01	1,29	1,46	0,86	0,76	0,70
31												0,72
T.Bình	0,94	1,10	1,03	1,05	0,99	0,99	1,13	1,27	1,28	1,15	0,73	0,79
Max	1,11	1,17	1,05	1,09	1,08	1,36	1,34	1,36	1,46	1,41	0,83	0,95
Min	0,76	1,04	1,00	1,02	0,85	0,75	1,01	1,19	1,14	0,86	0,62	0,66
ΔH	0,35	0,13	0,05	0,07	0,23	0,61	0,33	0,17	0,32	0,55	0,21	0,29

Mức nước trung bình năm: 0,81

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,46

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,62

Biên độ dao động năm: 0,84

Ngày: 30/09/2023

Ngày: 24/11/2023

29. Công trình: Q.175

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			3,35									
2												
3					3,40	3,25	3,81	4,18	4,15	4,20		
4												
5												
6	3,20	3,34	3,25	3,19	3,43	3,23	3,84	4,40	4,05	4,21	3,75	3,46
7												
8												
9					3,45	3,35	3,79	4,45	4,07	4,19		
10												
11												
12	3,22	3,37	3,21	3,25	3,44	3,41	3,67	4,49	4,05	4,06	3,67	3,43
13												
14												
15					3,41	3,47	3,55	4,51	4,08	3,93		
16												
17												
18	3,25	3,39	3,22	3,32	3,35	3,58	3,51	4,48	4,10	3,85	3,64	3,38
19												
20												
21					3,34	3,65	3,43	4,45	4,13	3,74		
22												
23												
24	3,27	3,40	3,19	3,40	3,31	3,76	3,38	4,44	4,14	3,66	3,56	3,31
25												
26												
27					3,30	3,75	3,59	4,38	4,16	3,63		
28												
29												
30	3,31		3,14	3,39	3,28	3,74	3,89	4,32	4,18	3,67	3,50	3,32
31												
T.Bình	3,25	3,38	3,23	3,31	3,37	3,52	3,65	4,41	4,11	3,91	3,62	3,38
Max	3,31	3,40	3,35	3,40	3,45	3,76	3,89	4,51	4,18	4,21	3,75	3,46
Min	3,20	3,34	3,14	3,19	3,28	3,23	3,38	4,18	4,05	3,63	3,50	3,31
ΔH	0,11	0,06	0,21	0,21	0,17	0,53	0,51	0,33	0,13	0,58	0,25	0,15

Mức nước trung bình năm: 3,67

Mức nước lớn nhất trong năm: 4,51 Ngày: 15/08/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 3,14 Ngày: 30/03/2023

Biên độ dao động năm: 1,37

I.1.2. Vùng ảnh hưởng
I.1.2.a. Mức nước bình quân ngày
1. Công trình: Q.108M1

NT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,13									
2												
3					1,23	0,84	1,14	1,13	1,20	1,29		
4												
5												
6	0,75	1,19	1,06	1,23	1,21	0,73	1,10	1,27	1,19	1,25	0,92	0,85
7												
8												
9					1,24	0,70	1,05	1,24	1,18	1,22		
10												
11												
12	0,72	0,73	1,04	1,38	1,27	0,96	0,96	1,25	1,24	1,19	0,96	0,80
13												
14												
15					1,23	1,05	0,92	1,32	1,28	1,16		
16												
17												
18	0,94	0,95	1,07	1,33	1,18	1,10	0,94	1,17	1,23	1,10	0,92	0,77
19												
20												
21					1,15	1,11	1,10	1,09	1,20	1,03		
22												
23												
24	1,07	1,07	1,09	1,21	1,09	1,15	0,95	1,11	1,17	0,95	0,89	0,71
25												
26												
27					1,04	1,21	0,91	1,16	1,20	0,94		
28												
29												
30	1,13		1,06	1,21	1,00	1,18	0,94	1,18	1,31	0,95	0,87	0,66
31												
T.Bình	0,92	0,98	1,07	1,27	1,16	1,00	1,00	1,19	1,22	1,10	0,91	0,75
Max	1,13	1,19	1,13	1,38	1,27	1,21	1,14	1,32	1,31	1,29	0,96	0,85
Min	0,72	0,73	1,04	1,21	1,00	0,70	0,91	1,09	1,17	0,94	0,87	0,66
ΔH	0,41	0,46	0,09	0,17	0,27	0,51	0,23	0,23	0,14	0,35	0,09	0,19

Mức nước trung bình năm: 1,07

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,38

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,66

Biên độ dao động năm: 0,72

Ngày: 12/04/2023

Ngày: 30/12/2023

2. Công trình: Q.109

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,79	0,86	0,91	0,92	1,04	0,70	1,03	0,96				
2	0,79	0,91	0,91	0,85	1,01	0,69	0,99	1,01				
3	0,81	0,93	0,91	0,80	0,96	0,67	0,96	1,05	0,84	1,08		
4	0,82	0,96	0,90	0,77	0,84	0,65	0,92	1,09				
5	0,86	0,95	0,96	0,77	0,76	0,63	0,91	1,07				
6	0,89	0,93	0,92	0,79	0,94	0,62	0,88	1,04	0,84	1,01	0,70	0,61
7	0,85	0,97	0,91	0,81	0,98	0,64	0,86					
8	0,84	0,98	0,90	0,84	0,97	0,66	0,84					
9	0,87	1,01	0,89	0,88	0,98	0,85	0,82		0,88	0,95		
10	0,94	0,99	0,88	0,91	0,98	0,89	0,80					
11	1,05	0,96	0,84	0,84	0,99	0,97	0,78					
12	1,03	0,96	0,83	0,83	1,11	1,11	0,75		0,91	0,91	0,67	0,59
13	0,98	0,96	0,83	1,03	1,19	1,10	0,73					
14	0,93	1,00	0,79	1,07	1,14	1,22	0,72					
15	0,98	1,02	0,80	1,18	1,08	1,25	0,72	0,95	0,95	0,87		
16	1,02	1,02	0,81	1,17	1,02	1,18	0,71					
17	1,01	0,99	0,80	1,08	1,05	1,12	0,69					
18	0,98	0,95	0,80	1,05	1,02	1,21	0,63	0,87	0,92	0,82	0,63	0,56
19	0,95	0,94	0,80	1,00	0,97	1,20	0,62					
20	0,98	0,93	0,78	0,96	0,94	1,14	0,79					
21	0,99	0,93	0,76	0,92	0,96	1,10	0,85	0,83	0,95	0,77		
22	0,96	0,94	0,73	0,88	0,93	1,06	0,85					
23	0,97	0,91	0,74	0,92	0,90	1,05	0,84					
24	1,06	0,93	0,68	0,91	0,86	1,10	0,82	0,90	0,98	0,70	0,60	0,52
25	1,04	0,98	0,69	0,89	0,84	1,19	0,79					
26	1,01	0,97	0,87	0,88	0,82	1,24	0,75					
27	1,06	0,93	1,01	0,84	0,80	1,23	0,73	0,88	1,05	0,67		
28	1,05	0,91	1,01	0,83	0,78	1,17	0,71					
29	1,02		0,99	0,96	0,76	1,12	0,72					
30	0,96		0,98	1,10	0,74	1,07	0,75	0,86	1,19	0,65	0,58	0,49
31	0,88		0,96		0,72		0,89					
T.Bình	0,95	0,95	0,86	0,92	0,94	0,99	0,80	1,03	0,95	0,84	0,64	0,55
Max	1,10	1,06	1,05	1,24	1,22	1,30	1,05	1,10	1,19	1,08	0,70	0,61
Min	0,77	0,83	0,66	0,74	0,71	0,61	0,59	0,83	0,84	0,65	0,58	0,49
ΔH	0,33	0,23	0,39	0,50	0,51	0,69	0,46	0,27	0,35	0,43	0,12	0,12

Mức nước trung bình năm: 0,92

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,30

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,49

Biên độ dao động năm: 0,81

Ngày: 26/06/2023

Ngày: 30/12/2023

3. Công trình: Q.110

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,28		0,19	-0,35	-1,66					
2					0,18	-0,39	-1,71					
3					0,17	-0,44	-1,76	-0,09	0,14	0,37		
4					0,09	-0,48	-1,83					
5					0,04	-0,51	-1,91					
6	0,14	0,32	0,27	0,32	0,11	-0,60	-2,09	-0,10	0,22	0,34	0,21	0,13
7					0,17	-0,70	-2,42					
8					0,12	-0,74	-2,51					
9					0,12	-0,76	-2,56	-0,12	0,27	0,33		
10					0,13	-0,80	-2,59					
11					0,12	-0,85	-2,60					
12	0,20	0,31	0,29	0,30	0,12	-0,91	-2,63	-0,11	0,37	0,31	0,20	0,10
13				0,32	0,09	-0,95	-2,65					
14				0,34	0,08	-0,99	-2,65					
15				0,37	0,05	-1,01	-2,64	-0,12	0,42	0,30		
16				0,38	0,02	-1,04	-2,59					
17				0,36	-0,03	-1,09	-2,56					
18	0,24	0,27	0,30	0,38	-0,02	-1,14	-2,55	-0,11	0,49	0,28	0,19	0,07
19				0,39	0,06	-1,17	-2,55					
20				0,38	0,02	-1,23	-2,55					
21				0,37	0,00	-1,27	-2,59	-0,10	0,47	0,26		
22				0,36	-0,02	-1,28	-2,59					
23				0,39	-0,05	-1,32	-2,59					
24	0,27	0,28	0,33	0,34	-0,17	-1,38	-2,60	-0,06	0,43	0,23	0,17	0,04
25				0,20	-0,21	-1,48						
26				0,17	-0,21	-1,46						
27				0,14	-0,22	-1,49	-0,10	0,04	0,44	0,22		
28				0,13	-0,24	-1,52						
29				0,16	-0,26	-1,55						
30	0,28		0,35	0,19	-0,28	-1,60	-0,11	0,08	0,40	0,22	0,16	0,03
31					-0,31							
T.Bình	0,23	0,30	0,30	0,30	0,00	-1,02	-2,38	-0,07	0,36	0,29	0,19	0,07
Max	0,28	0,32	0,35	0,43	0,22	-0,32	-0,10	0,08	0,49	0,37	0,21	0,13
Min	0,14	0,27	0,27	0,10	-0,34	-1,62	-2,67	-0,12	0,14	0,22	0,16	0,03
ΔH	0,14	0,05	0,08	0,33	0,56	1,30	2,57	0,20	0,35	0,15	0,05	0,10

Mức nước trung bình năm: -0,77

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,49

Ngày: 18/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -2,67

Ngày: 14/07/2023

Biên độ dao động năm: 3,16

4. Công trình: Q.111M1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,20									
2												
3					1,21	1,24	1,36	1,28	1,36	1,47		
4												
5												
6	1,28	1,27	1,21	1,22	1,22	1,26	1,34	1,27	1,44	1,44	1,38	1,38
7												
8												
9					1,24	1,27	1,36	1,25	1,48	1,43		
10												
11												
12	1,29	1,28	1,19	1,23	1,23	1,29	1,33	1,24	1,46	1,41	1,30	1,30
13												
14												
15					1,22	1,31	1,31	1,23	1,47	1,39		
16												
17												
18	1,23	1,25	1,21	1,20	1,24	1,29	1,29	1,22	1,46	1,40	1,31	1,31
19												
20												
21					1,25	1,26	1,27	1,23	1,48	1,38		
22												
23												
24	1,25	1,21	1,22	1,21	1,27	1,25	1,28	1,24	1,47	1,36	1,33	1,33
25												
26												
27					1,25	1,40	1,26	1,25	1,50	1,35		
28												
29												
30	1,24		1,23	1,23	1,27	1,45	1,27	1,27	1,48	1,36	1,36	1,26
31												
T.Bình	1,26	1,25	1,21	1,22	1,24	1,30	1,31	1,25	1,46	1,40	1,34	1,32
Max	1,29	1,28	1,23	1,23	1,27	1,45	1,36	1,28	1,50	1,47	1,38	1,38
Min	1,23	1,21	1,19	1,20	1,21	1,24	1,26	1,22	1,36	1,35	1,30	1,26
ΔH	0,06	0,07	0,04	0,03	0,06	0,21	0,10	0,06	0,14	0,12	0,08	0,12

Mức nước trung bình năm: 1,31

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,50

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,19

Biên độ dao động năm: 0,31

Ngày: 27/09/2023

Ngày: 12/03/2023

5. Công trình: Q.146

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,30									
2												
3					1,15	0,91	1,08	1,26	1,10	1,51		
4												
5												
6	1,34	1,24	1,29	1,16	1,10	0,88	1,11	1,22	1,04	1,47	1,05	1,05
7												
8												
9					1,13	0,87	1,16	1,20	1,09	1,45		
10												
11												
12	1,32	1,23	1,25	1,13	1,09	0,85	1,17	1,16	1,11	1,38	1,12	1,13
13												
14												
15					1,10	0,86	1,11	1,18	1,21	1,35		
16												
17												
18	1,31	1,26	1,28	1,12	1,05	0,90	1,18	1,21	1,28	1,32	1,21	1,10
19												
20												
21					1,09	0,93	1,21	1,25	1,36	1,27		
22												
23												
24	1,28	1,29	1,24	1,15	1,04	0,97	1,29	1,29	1,31	1,21	1,18	1,05
25												
26												
27					1,01	1,01	1,26	1,36	1,50	1,14		
28												
29												
30	1,26		1,19	1,19	0,95	1,06	1,31	1,42	1,54	1,10	1,22	1,09
31												
T.Bình	1,30	1,25	1,26	1,15	1,07	0,92	1,19	1,25	1,25	1,32	1,16	1,08
Max	1,34	1,29	1,30	1,19	1,15	1,06	1,31	1,42	1,54	1,51	1,22	1,13
Min	1,26	1,23	1,19	1,12	0,95	0,85	1,08	1,16	1,04	1,10	1,05	1,05
ΔH	0,08	0,06	0,11	0,07	0,20	0,21	0,23	0,26	0,50	0,41	0,17	0,08

Mức nước trung bình năm: 1,18

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,54 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,85 Ngày: 12/06/2023

Biên độ dao động năm: 0,69

6. Công trình: Q.147

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,45									
2												
3					-0,42	-0,52	-0,20	0,25	0,23	0,78		
4												
5												
6	0,88	0,81	0,35	0,03	-0,45	-0,55	-0,25	0,45	0,20	0,85	0,60	0,60
7												
8												
9					-0,40	-0,52	-0,30	0,50	0,22	0,80		
10												
11												
12	0,85	0,80	0,30	-0,10	-0,42	-0,55	-0,32	0,55	0,25	0,62	0,73	0,47
13												
14												
15					-0,40	-0,51	-0,20	0,50	0,40	0,55		
16												
17												
18	0,83	0,83	0,35	-0,15	-0,43	-0,48	-0,08	0,52	0,55	0,52	0,80	0,43
19												
20												
21					-0,40	-0,45	0,05	0,55	0,60	0,60		
22												
23												
24	0,84	0,85	0,31	-0,29	-0,48	-0,40	0,10	0,60	0,58	0,75	0,77	0,38
25												
26												
27					-0,41	-0,35	0,15	0,92	0,67	0,80		
28												
29												
30	0,82		0,15	-0,35	-0,50	-0,25	0,20	1,15	0,80	0,73	0,45	0,46
31												
T.Bình	0,84	0,82	0,32	-0,17	-0,43	-0,46	-0,09	0,60	0,45	0,70	0,67	0,47
Max	0,88	0,85	0,45	0,03	-0,40	-0,25	0,20	1,15	0,80	0,85	0,80	0,60
Min	0,82	0,80	0,15	-0,35	-0,50	-0,55	-0,32	0,25	0,20	0,52	0,45	0,38
ΔH	0,06	0,05	0,30	0,38	0,10	0,30	0,52	0,90	0,60	0,33	0,35	0,22

Mức nước trung bình năm: 0,24

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,15 Ngày: 30/08/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,55 Ngày: 06/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,70

7. Công trình: Q.155M1

NT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,28	1,24	1,25	1,04	0,95	0,90	1,24	1,33	1,13	1,32	1,22	1,29
2	1,28	1,23	1,25	1,00	0,98	0,92	1,21	1,33	1,14	1,29	1,24	1,28
3	1,30	1,31	1,25	0,99	0,96	0,91	1,20	1,27	1,10	1,35	1,18	1,27
4	1,35	1,30	1,20	0,98	0,88	0,90	1,23	1,35	1,07	1,36	1,16	1,21
5	1,39	1,31	1,25	0,99	0,82	1,01	1,14	1,30	1,07	1,27	1,13	1,18
6	1,36	1,31	1,25	0,99	1,01	1,00	1,20	1,15	1,14	1,29	1,09	1,16
7	1,29	1,36	1,26	0,98	1,01	1,09	1,11	1,08	1,11	1,26	1,08	1,11
8	1,30	1,31	1,23	1,01	0,93	1,08	1,12	1,03	1,10	1,28	1,06	1,11
9	1,28	1,32	1,16	1,10	1,03	1,13	1,04	1,05	1,14	1,22	1,10	1,09
10	1,33	1,27	1,14	1,16	1,00	1,16	1,00	1,07	1,18	1,18	1,11	1,09
11	1,34	1,22	1,14	1,06	1,06	1,07	0,99	1,19	1,17	1,22	1,11	1,08
12	1,30	1,23	1,10	1,04	0,98	1,05	1,00	1,34	1,19	1,25	1,22	1,08
13	1,25	1,19	1,07	0,97	1,00	1,04	1,03	1,26	1,06	1,25	1,30	1,11
14	1,17	1,19	1,11	0,99	0,89	1,16	1,04	1,17	1,07	1,20	1,24	1,19
15	1,22	1,23	1,16	0,95	0,91	1,17	1,04	1,20	1,17	1,09	1,25	1,18
16	1,21	1,33	1,13	0,90	0,88	1,18	1,02	1,11	1,16	1,07	1,32	1,31
17	1,28	1,36	1,10	0,94	0,94	1,16	1,09	1,09	1,17	1,12	1,23	1,31
18	1,25	1,31	1,12	0,96	0,95	1,22	1,09	1,09	1,15	1,12	1,25	1,39
19	1,25	1,32	1,12	0,93	0,96	1,20	1,00	1,05	1,12	1,09	1,24	1,34
20	1,29	1,37	1,13	0,89	0,96	1,17	1,08	1,06	1,15	1,14	1,22	1,23
21	1,36	1,41	1,10	0,88	0,96	1,10	1,07	1,07	1,19	1,14	1,18	1,24
22	1,39	1,47	1,06	0,91	0,95	1,06	1,06	1,04	1,18	1,18	1,14	1,27
23	1,42	1,38	1,10	0,93	0,94	1,04	1,02	1,06	1,20	1,29	1,08	1,26
24	1,42	1,29	1,02	0,92	1,01	1,25	1,00	1,04	1,24	1,26	1,01	1,12
25	1,45	1,28	1,02	0,94	0,98	1,37	0,97	1,08	1,30	1,17	1,09	1,22
26	1,48	1,35	1,04	0,88	0,99	1,35	0,96	1,10	1,47	1,09	1,18	1,27
27	1,38	1,35	1,07	0,89	0,94	1,40	0,96	1,13	1,59	1,03	1,21	1,26
28	1,37	1,29	1,11	0,85	0,94	1,30	1,00	1,19	1,64	0,99	1,19	1,23
29	1,33		1,08	0,93	0,97	1,26	1,01	1,24	1,55	1,03	1,20	1,18
30	1,27		1,11	0,98	0,90	1,26	1,03	1,16	1,42	1,12	1,22	1,18
31	1,22		1,06		0,88		1,08	1,17		1,20		1,20
T.Bình	1,32	1,31	1,14	0,97	0,95	1,13	1,07	1,16	1,21	1,19	1,18	1,21
Max	2,15	1,98	1,73	1,55	1,60	1,79	1,82	1,91	2,08	1,80	1,84	1,99
Min	0,83	0,74	0,65	0,48	0,48	0,49	0,54	0,66	0,63	0,64	0,64	0,63
ΔH	1,32	1,24	1,08	1,07	1,12	1,30	1,28	1,25	1,45	1,16	1,20	1,36

Mức nước trung bình năm: 1,15

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,15

Ngày: 25/01/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,48

Ngày: 28/04/2023

Biên độ dao động năm: 1,67

8. Công trình: Q.156M1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,32									-0,37
2												-0,37
3					-0,27	-0,30	-0,18	-0,20	-0,23	-0,17		-0,37
4												-0,38
5												-0,40
6	-0,52	-0,24	-0,35	-0,38	-0,24	-0,29	-0,24	-0,14	-0,25	-0,20	-0,38	-0,36
7												-0,34
8												-0,36
9					-0,27	-0,25	-0,28	-0,17	-0,26	-0,23		-0,37
10												-0,38
11												-0,38
12	-0,35	-0,22	-0,37	-0,38	-0,26	-0,19	-0,32	-0,17	-0,18	-0,25	-0,42	-0,39
13												-0,40
14												-0,41
15					-0,25	-0,14	-0,36	-0,16	-0,15	-0,27		-0,42
16												-0,38
17												-0,30
18	-0,19	-0,28	-0,35	-0,33	-0,27	-0,16	-0,35	-0,20	-0,17	-0,29	-0,46	-0,33
19												-0,35
20												-0,35
21					-0,28	-0,15	-0,32	-0,17	-0,20	-0,31		-0,35
22											-0,44	-0,32
23											-0,42	-0,33
24	-0,20	-0,30	-0,37	-0,30	-0,30	0,03	-0,30	-0,18	-0,23	-0,33	-0,45	-0,35
25											-0,42	-0,38
26											-0,39	-0,39
27					-0,31	-0,04	-0,29	-0,20	-0,18	-0,35	-0,36	-0,40
28											-0,38	-0,43
29											-0,41	-0,47
30	-0,22		-0,40	-0,29	-0,28	-0,11	-0,28	-0,21	-0,08	-0,37	-0,40	-0,46
31												-0,41
T.Bình	-0,30	-0,26	-0,36	-0,34	-0,27	-0,16	-0,29	-0,18	-0,19	-0,28	-0,41	-0,38
Max	-0,19	-0,22	-0,32	-0,29	-0,24	0,03	-0,18	-0,14	-0,08	-0,17	-0,32	-0,26
Min	-0,52	-0,30	-0,40	-0,38	-0,31	-0,30	-0,36	-0,21	-0,26	-0,37	-0,49	-0,50
ΔH	0,33	0,08	0,08	0,09	0,07	0,33	0,18	0,07	0,18	0,20	0,17	0,24

Mức nước trung bình năm: -0,37

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,03 Ngày: 24/06/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,52 Ngày: 06/01/2023

Biên độ dao động năm: 0,55

9. Công trình: Q.158

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,61									0,74
2												0,73
3					0,75	0,63	0,97	1,26	0,96	1,14		0,73
4												0,71
5												0,72
6	0,51	0,73	0,59	0,61	0,81	0,65	0,86	1,24	0,92	1,11	0,69	0,75
7												0,77
8												0,75
9					0,80	0,71	0,80	1,21	0,86	1,06		0,74
10												0,74
11												0,74
12	0,71	0,70	0,58	0,64	0,81	0,85	0,74	1,15	1,08	0,90	0,68	0,74
13												0,73
14												0,72
15					0,79	1,13	0,71	1,10	1,19	0,84		0,69
16												0,74
17												0,81
18	0,76	0,64	0,57	0,71	0,76	1,21	0,75	1,06	1,11	0,81	0,67	0,77
19												0,76
20												0,75
21					0,71	1,25	0,81	1,13	1,03	0,78		0,76
22											0,70	0,79
23											0,70	0,78
24	0,73	0,63	0,56	0,66	0,67	1,41	0,87	1,03	0,92	0,75	0,67	0,76
25											0,69	0,75
26											0,72	0,74
27					0,66	1,31	0,88	1,01	1,21	0,73	0,74	0,73
28											0,74	0,69
29											0,72	0,66
30	0,74		0,58	0,70	0,64	1,13	0,86	0,98	1,18	0,71	0,72	0,67
31												0,71
T.Bình	0,69	0,68	0,58	0,66	0,74	1,03	0,83	1,12	1,05	0,88	0,71	0,74
Max	0,76	0,73	0,61	0,71	0,81	1,41	0,97	1,26	1,21	1,14	0,79	0,85
Min	0,51	0,63	0,56	0,61	0,64	0,63	0,71	0,98	0,86	0,71	0,63	0,64
ΔH	0,25	0,10	0,05	0,10	0,17	0,78	0,26	0,28	0,35	0,43	0,16	0,21

Mức nước trung bình năm: 0,74

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,41 Ngày: 24/06/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,51 Ngày: 06/01/2023

Biên độ dao động năm: 0,90

10. Công trình: Q.9M2

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			5,32									
2												
3					4,94	4,77	4,79	4,99	5,54	6,08		
4												
5												
6	5,89	5,50	5,27	5,14	5,01	4,77	4,82	5,03	5,58	6,00	5,98	5,85
7												
8												
9					4,90	4,75	4,86	4,98	5,61	5,95		
10												
11												
12	5,81	5,36	5,24	5,34	4,93	4,77	4,81	5,01	5,65	5,91	5,96	5,79
13												
14												
15					4,89	4,76	4,87	5,06	5,79	5,99		
16												
17												
18	5,72	5,51	5,46	5,17	4,85	4,72	4,90	5,09	5,90	6,02	5,98	5,75
19												
20												
21					4,84	4,76	4,89	5,14	5,92	5,98		
22												
23												
24	5,58	5,39	5,71	5,04	4,81	4,75	4,91	5,18	5,93	5,94	5,96	5,64
25												
26												
27					4,78	4,78	4,89	5,40	5,90	6,04		
28												
29												
30	5,45		5,35	5,01	4,76	4,81	4,92	5,47	6,06	6,00	5,90	5,61
31												
T.Bình	5,69	5,44	5,40	5,14	4,88	4,77	4,87	5,14	5,79	6,00	5,96	5,73
Max	5,89	5,51	5,71	5,34	5,01	4,81	4,92	5,47	6,06	6,08	5,98	5,85
Min	5,45	5,36	5,24	5,01	4,76	4,72	4,79	4,98	5,54	5,91	5,90	5,61
ΔH	0,44	0,15	0,47	0,33	0,25	0,09	0,13	0,49	0,52	0,17	0,08	0,24

Mức nước trung bình năm: 5,35

Mức nước lớn nhất trong năm: 6,08

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 4,72

Biên độ dao động năm: 1,36

Ngày: 03/10/2023

Ngày: 18/06/2023

11. Công trình: Q.165

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,05									
2												
3					1,16	1,08	1,09	1,07	1,08	1,20		
4												
5												
6	0,96	0,97	1,01	1,01	1,12	1,05	1,07	1,03	1,05	1,21	1,18	1,18
7												
8												
9					1,08	0,99	1,04	1,01	1,02	1,25		
10												
11												
12	0,99	1,00	1,04	1,05	1,02	1,01	1,05	1,04	0,99	1,22	1,22	1,20
13												
14												
15					1,05	1,06	1,08	1,06	1,01	1,18		
16												
17												
18	1,05	1,04	1,07	1,10	1,08	1,08	1,09	1,10	1,06	1,15	1,16	1,18
19												
20												
21					1,12	1,12	1,11	1,13	1,09	1,12		
22												
23												
24	1,01	1,08	1,09	1,15	1,18	1,17	1,15	1,17	1,13	1,08	1,07	1,15
25												
26												
27					1,15	1,14	1,12	1,13	1,15	1,12		
28												
29												
30	0,99		1,07	1,18	1,10	1,12	1,10	1,11	1,18	1,14	1,11	1,12
31												
T.Bình	1,00	1,02	1,06	1,10	1,11	1,08	1,09	1,09	1,08	1,17	1,15	1,17
Max	1,05	1,08	1,09	1,18	1,18	1,17	1,15	1,17	1,18	1,25	1,22	1,20
Min	0,96	0,97	1,01	1,01	1,02	0,99	1,04	1,01	0,99	1,08	1,07	1,12
ΔH	0,09	0,11	0,08	0,17	0,16	0,18	0,11	0,16	0,19	0,17	0,15	0,08

Mức nước trung bình năm: 1,09

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,25 Ngày: 09/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,96 Ngày: 06/01/2023

Biên độ dao động năm: 0,29

I.1.2.b. Mục nước thực đo theo giờ**1. Công trình Q.109****• Mục nước giờ tháng 2**

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,83	0,84	0,86	0,88	0,90	0,89	0,86	0,84	0,85	0,87	0,87	0,87	0,07
2	0,86	0,88	0,91	0,93	0,96	0,95	0,92	0,90	0,90	0,91	0,91	0,90	0,1
3	0,89	0,89	0,91	0,94	0,96	0,95	0,93	0,91	0,93	0,94	0,95	0,93	0,07
4	0,93	0,93	0,96	0,99	1,00	1,00	0,96	0,94	0,94	0,94	0,95	0,94	0,07
5	0,93	0,92	0,94	0,96	0,98	0,98	0,95	0,94	0,96	0,97	0,94	0,93	0,06
6	0,90	0,91	0,90	0,92	0,90	0,92	0,92	0,94	0,95	0,95	0,96	0,95	0,06
7	0,95	0,94	0,96	0,98	1,00	0,99	0,97	0,96	0,96	0,97	0,98	0,97	0,06
8	0,96	0,96	0,98	1,00	1,01	1,00	0,98	0,97	0,97	0,98	1,00	0,98	0,05
9	0,98	0,98	0,99	1,02	1,03	1,03	1,00	1,00	1,01	1,02	1,02	1,01	0,05
10	0,99	0,98	0,99	1,01	1,02	1,00	0,98	0,97	0,97	0,98	0,97	0,97	0,05
11	0,96	0,95	0,96	0,98	0,98	0,98	0,95	0,93	0,94	0,95	0,96	0,96	0,05
12	0,95	0,95	0,96	0,98	0,99	0,98	0,95	0,93	0,94	0,95	0,96	0,94	0,06
13	0,93	0,93	0,94	0,97	0,98	0,97	0,95	0,94	0,95	0,96	0,98	0,97	0,05
14	0,96	0,96	0,98	1,02	1,04	1,03	1,01	0,99	1,00	1,00	1,01	1,01	0,08
15	1,01	1,01	1,02	1,05	1,06	1,04	0,98	0,99	1,00	1,02	1,02	1,01	0,08
16	1,01	1,01	1,03	1,05	1,06	1,04	1,02	0,99	0,99	1,00	1,01	0,99	0,07
17	0,98	0,98	1,00	1,02	1,03	1,01	0,98	0,96	0,97	0,98	0,98	0,98	0,07
18	0,97	0,96	0,96	0,98	0,99	0,98	0,94	0,92	0,92	0,93	0,95	0,94	0,07
19	0,93	0,92	0,94	0,96	0,97	0,96	0,94	0,91	0,92	0,93	0,95	0,94	0,06
20	0,92	0,92	0,93	0,95	0,96	0,95	0,91	0,90	0,90	0,92	0,93	0,92	0,06
21	0,91	0,91	0,93	0,95	0,97	0,96	0,93	0,92	0,92	0,93	0,94	0,92	0,06
22	0,91	0,91	0,93	0,96	0,99	0,97	0,95	0,93	0,93	0,94	0,94	0,92	0,08
23	0,90	0,90	0,91	0,93	0,95	0,94	0,91	0,89	0,90	0,90	0,91	0,89	0,06
24	0,89	0,89	0,91	0,94	0,95	0,94	0,92	0,91	0,95	0,96	0,97	0,97	0,08
25	0,96	0,96	0,98	1,01	1,01	1,00	0,97	0,95	0,96	0,98	0,98	0,98	0,06
26	0,97	0,97	0,99	1,01	1,01	0,99	0,95	0,93	0,93	0,95	0,96	0,95	0,08
27	0,93	0,93	0,94	0,96	0,96	0,92	0,92	0,91	0,91	0,92	0,92	0,92	0,05
28	0,91	0,91	0,92	0,94	0,95	0,93	0,90	0,88	0,88	0,89	0,90	0,89	0,07

• **Mức nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,05	1,05	1,06	1,08	1,08	1,07	1,04	1,02	1,01	1,02	1,02	1,02	0,07
2	1,00	1,00	1,02	1,04	1,05	1,03	1,01	0,98	0,97	0,98	0,99	0,99	0,08
3	0,97	0,97	0,99	1,00	1,00	0,99	0,95	0,93	0,92	0,92	0,91	0,89	0,11
4	0,86	0,86	0,87	0,89	0,88	0,86	0,83	0,81	0,80	0,81	0,81	0,79	0,1
5	0,77	0,76	0,78	0,79	0,79	0,78	0,74	0,73	0,72	0,73	0,74	0,73	0,07
6	0,84	0,82	0,89	0,92	0,98	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	0,99	0,99	0,18
7	0,99	0,99	0,99	0,98	0,98	0,97	0,97	0,98	0,98	0,98	0,97	0,97	0,02
8	0,98	0,97	0,92	0,94	0,99	0,98	0,98	0,96	0,97	0,98	0,99	0,99	0,07
9	0,98	0,98	1,00	1,02	1,01	1,00	0,97	0,96	0,96	0,97	0,98	0,97	0,06
10	0,96	0,97	0,99	1,00	1,00	0,99	0,96	0,94	0,95	0,97	0,99	0,99	0,06
11	0,98	0,98	1,00	1,01	1,02	1,00	0,97	0,96	0,96	0,98	1,00	1,00	0,06
12	0,99	1,01	1,07	1,09	1,12	1,11	1,11	1,17	1,17	1,18	1,19	1,18	0,2
13	1,17	1,19	1,21	1,22	1,22	1,20	1,18	1,17	1,17	1,18	1,18	1,17	0,05
14	1,15	1,15	1,17	1,18	1,18	1,16	1,13	1,12	1,12	1,13	1,12	1,11	0,07
15	1,09	1,09	1,10	1,12	1,12	1,10	1,07	1,06	1,05	1,06	1,07	1,06	0,07
16	1,04	1,04	1,05	1,06	1,06	1,04	1,01	0,98	0,99	0,98	0,99	0,98	0,08
17	0,98	1,05	1,04	1,05	1,05	1,07	1,07	1,07	1,06	1,05	1,04	1,05	0,09
18	1,05	1,05	1,04	1,03	1,02	1,01	1,01	1,02	1,01	1,00	0,99	0,99	0,06
19	1,00	0,99	0,99	0,98	0,97	0,96	0,96	0,96	0,96	0,96	0,95	0,96	0,05
20	0,96	0,96	0,95	0,94	0,94	0,94	0,93	0,93	0,93	0,93	0,93	0,93	0,03
21	0,96	0,97	0,97	0,97	0,97	0,97	0,97	0,96	0,96	0,95	0,95	0,95	0,02
22	0,96	0,96	0,95	0,95	0,94	0,93	0,93	0,93	0,93	0,92	0,91	0,91	0,05
23	0,92	0,91	0,91	0,90	0,90	0,90	0,90	0,90	0,89	0,89	0,88	0,88	0,04
24	0,89	0,88	0,88	0,87	0,87	0,87	0,86	0,86	0,85	0,84	0,83	0,84	0,06
25	0,84	0,86	0,86	0,86	0,85	0,85	0,85	0,85	0,84	0,83	0,82	0,83	0,04
26	0,83	0,84	0,83	0,83	0,82	0,82	0,82	0,82	0,81	0,81	0,81	0,81	0,03
27	0,82	0,82	0,82	0,81	0,81	0,80	0,80	0,80	0,79	0,79	0,78	0,78	0,04
28	0,79	0,79	0,79	0,78	0,78	0,78	0,78	0,78	0,77	0,76	0,76	0,76	0,03
29	0,77	0,77	0,77	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76	0,75	0,75	0,75	0,02
30	0,75	0,75	0,75	0,75	0,74	0,75	0,75	0,74	0,74	0,73	0,73	0,72	0,03
31	0,73	0,74	0,73	0,72	0,72	0,72	0,73	0,73	0,72	0,72	0,71	0,71	0,03

2. Công trình Q.110

• Mực nước giờ tháng 5

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,17	0,18	0,20	0,22	0,22	0,20	0,18	0,16	0,17	0,17	0,18	0,18	0,06
2	0,16	0,17	0,19	0,21	0,22	0,20	0,18	0,16	0,17	0,18	0,19	0,18	0,06
3	0,17	0,18	0,19	0,21	0,21	0,20	0,16	0,15	0,15	0,15	0,15	0,12	0,09
4	0,10	0,11	0,11	0,13	0,12	0,11	0,08	0,06	0,06	0,06	0,07	0,05	0,08
5	0,03	0,03	0,06	0,07	0,07	0,05	0,02	0,00	0,01	0,02	0,03	0,02	0,07
6	0,06	0,09	0,07	0,10	0,11	0,12	0,11	0,13	0,13	0,13	0,14	0,15	0,09
7	0,17	0,16	0,16	0,17	0,18	0,18	0,18	0,19	0,19	0,20	0,18	0,18	0,04
8	0,16	0,13	0,12	0,14	0,14	0,12	0,11	0,10	0,11	0,12	0,12	0,12	0,06
9	0,11	0,12	0,14	0,15	0,15	0,13	0,11	0,10	0,10	0,11	0,12	0,11	0,05
10	0,10	0,11	0,12	0,14	0,14	0,14	0,11	0,10	0,12	0,14	0,15	0,14	0,05
11	0,13	0,13	0,14	0,15	0,16	0,13	0,10	0,10	0,11	0,12	0,13	0,11	0,06
12	0,09	0,11	0,13	0,16	0,15	0,14	0,11	0,09	0,11	0,12	0,12	0,11	0,07
13	0,09	0,10	0,11	0,12	0,12	0,09	0,08	0,07	0,08	0,09	0,10	0,08	0,05
14	0,06	0,08	0,09	0,10	0,11	0,09	0,07	0,06	0,06	0,08	0,08	0,07	0,05
15	0,05	0,05	0,06	0,09	0,09	0,07	0,04	0,03	0,04	0,05	0,05	0,05	0,06
16	0,03	0,04	0,05	0,06	0,07	0,03	0,00	-0,02	0,00	0,00	0,00	-0,01	0,09
17	-0,03	-0,01	-0,02	-0,03	-0,02	-0,03	-0,04	-0,02	-0,04	-0,03	-0,05	-0,03	0,04
18	-0,04	-0,06	-0,05	-0,05	-0,02	-0,06	-0,04	-0,02	0,02	0,05	0,05	0,05	0,11
19	0,07	0,07	0,07	0,07	0,06	0,06	0,05	0,07	0,07	0,07	0,06	0,05	0,02
20	0,05	0,05	0,03	0,02	0,02	0,01	0,01	0,01	0,02	0,02	0,01	0,00	0,05
21	0,01	0,02	0,01	0,00	0,00	0,00	0,00	-0,01	0,01	0,00	-0,01	-0,01	0,03
22	-0,01	0,00	-0,01	-0,02	-0,02	-0,03	-0,03	-0,03	-0,01	-0,02	-0,03	-0,04	0,04
23	-0,03	-0,03	-0,04	-0,05	-0,05	-0,05	-0,05	-0,04	-0,04	-0,05	-0,06	-0,07	0,04
24	-0,06	-0,06	-0,08	-0,09	-0,10	-0,23	-0,24	-0,23	-0,23	-0,25	-0,26	-0,26	0,2
25	-0,26	-0,24	-0,22	-0,20	-0,19	-0,19	-0,19	-0,18	-0,18	-0,20	-0,20	-0,20	0,08
26	-0,19	-0,18	-0,19	-0,20	-0,21	-0,21	-0,21	-0,20	-0,21	-0,21	-0,22	-0,22	0,04
27	-0,21	-0,20	-0,21	-0,22	-0,22	-0,22	-0,23	-0,22	-0,22	-0,23	-0,23	-0,24	0,04
28	-0,24	-0,22	-0,23	-0,24	-0,24	-0,24	-0,25	-0,24	-0,24	-0,26	-0,25	-0,25	0,04
29	-0,25	-0,24	-0,25	-0,25	-0,26	-0,26	-0,26	-0,26	-0,26	-0,27	-0,27	-0,27	0,03
30	-0,27	-0,26	-0,27	-0,28	-0,29	-0,28	-0,28	-0,28	-0,28	-0,29	-0,30	-0,31	0,05
31	-0,30	-0,28	-0,31	-0,31	-0,32	-0,32	-0,31	-0,31	-0,31	-0,32	-0,33	-0,34	0,06

3. Công trình Q.155M1

• Mục nước giờ tháng 2

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,60	1,63	1,56	1,42	1,27	1,12	0,99	0,91	0,90	0,96	1,15	1,40	0,73
2	1,59	1,68	1,67	1,54	1,34	1,14	0,96	0,85	0,82	0,88	1,02	1,29	0,86
3	1,52	1,67	1,72	1,61	1,45	1,27	1,12	1,03	0,99	0,99	1,04	1,25	0,73
4	1,53	1,74	1,81	1,75	1,56	1,31	1,09	0,95	0,87	0,87	0,97	1,18	0,94
5	1,47	1,71	1,83	1,81	1,65	1,42	1,18	1,01	0,92	0,90	0,82	0,96	1,01
6	1,26	1,53	1,68	1,70	1,57	1,39	1,23	1,16	1,10	1,06	1,04	1,06	0,66
7	1,29	1,55	1,74	1,80	1,73	1,54	1,35	1,19	1,10	1,04	1,01	1,02	0,79
8	1,17	1,42	1,63	1,72	1,69	1,54	1,35	1,18	1,07	1,00	0,97	0,96	0,76
9	1,10	1,35	1,55	1,66	1,67	1,56	1,41	1,26	1,16	1,10	1,05	1,01	0,66
10	1,07	1,26	1,46	1,56	1,58	1,50	1,38	1,26	1,13	1,06	0,98	0,94	0,64
11	0,99	1,14	1,30	1,40	1,43	1,41	1,32	1,26	1,19	1,14	1,07	1,02	0,44
12	1,04	1,16	1,26	1,34	1,34	1,33	1,28	1,27	1,24	1,25	1,19	1,12	0,3
13	1,10	1,13	1,16	1,18	1,15	1,12	1,10	1,15	1,24	1,31	1,32	1,35	0,25
14	1,31	1,31	1,24	1,17	1,09	1,02	0,95	0,98	1,09	1,29	1,39	1,45	0,5
15	1,48	1,45	1,37	1,24	1,14	1,03	0,74	0,77	1,07	1,31	1,52	1,67	0,93
16	1,75	1,72	1,60	1,42	1,23	1,07	0,96	0,92	0,98	1,18	1,47	1,69	0,83
17	1,84	1,85	1,73	1,53	1,33	1,16	1,03	0,96	0,93	1,03	1,32	1,60	0,92
18	1,83	1,91	1,84	1,63	1,37	1,13	0,94	0,83	0,82	0,90	1,08	1,43	1,09
19	1,73	1,90	1,91	1,76	1,51	1,25	1,04	0,91	0,86	0,84	0,92	1,15	1,07
20	1,52	1,81	1,92	1,85	1,65	1,36	1,16	1,06	1,00	0,98	0,98	1,07	0,94
21	1,39	1,71	1,93	1,96	1,83	1,60	1,33	1,13	1,03	0,96	0,97	1,06	1
22	1,34	1,64	1,88	1,97	1,94	1,77	1,54	1,32	1,16	1,06	1,00	1,00	0,97
23	1,16	1,43	1,62	1,72	1,77	1,66	1,53	1,35	1,21	1,11	1,01	0,96	0,81
24	1,02	1,19	1,36	1,47	1,52	1,51	1,30	1,25	1,35	1,27	1,16	1,07	0,5
25	1,05	1,09	1,15	1,22	1,22	1,25	1,28	1,37	1,45	1,52	1,44	1,37	0,47
26	1,34	1,28	1,26	1,25	1,21	1,17	1,17	1,30	1,46	1,60	1,62	1,59	0,45
27	1,55	1,48	1,36	1,24	1,14	1,08	1,05	1,13	1,35	1,55	1,64	1,67	0,62
28	1,65	1,55	1,40	1,24	1,10	0,99	0,92	0,95	1,12	1,37	1,56	1,65	0,73

• **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,28	1,25	1,15	1,00	0,88	0,77	0,70	0,67	0,70	0,82	0,99	1,15	0,61
2	1,22	1,22	1,20	1,10	0,98	0,87	0,80	0,75	0,74	0,81	0,95	1,08	0,48
3	1,14	1,16	1,15	1,09	1,03	0,96	0,88	0,83	0,78	0,76	0,81	0,87	0,4
4	0,91	0,94	0,94	0,96	0,97	0,97	0,94	0,90	0,81	0,76	0,74	0,71	0,26
5	0,68	0,69	0,71	0,73	0,83	0,94	0,99	1,01	0,95	0,87	0,79	0,69	0,33
6	0,84	0,80	0,77	0,74	0,81	1,03	1,23	1,31	1,30	1,23	1,08	0,94	0,57
7	0,82	0,74	0,70	0,66	0,69	0,89	1,19	1,37	1,41	1,36	1,21	1,04	0,75
8	0,86	0,70	0,56	0,54	0,53	0,59	0,89	1,20	1,34	1,39	1,36	1,18	0,86
9	1,00	0,83	0,75	0,71	0,68	0,67	0,85	1,18	1,41	1,50	1,48	1,30	0,83
10	1,05	0,82	0,68	0,59	0,55	0,57	0,70	1,05	1,38	1,57	1,60	1,47	1,05
11	1,24	1,02	0,86	0,79	0,75	0,70	0,67	0,85	1,20	1,49	1,59	1,55	0,92
12	1,35	1,10	0,89	0,77	0,69	0,62	0,58	0,66	0,94	1,25	1,44	1,49	0,91
13	1,38	1,18	1,02	0,90	0,83	0,75	0,70	0,69	0,80	1,06	1,28	1,38	0,69
14	1,35	1,20	1,00	0,81	0,67	0,59	0,52	0,54	0,67	0,91	1,12	1,26	0,83
15	1,28	1,21	1,09	0,95	0,83	0,73	0,67	0,63	0,65	0,78	0,99	1,12	0,65
16	1,17	1,18	1,12	1,00	0,88	0,76	0,70	0,63	0,63	0,69	0,82	0,93	0,55
17	0,97	1,11	1,11	1,05	1,02	0,96	0,95	0,89	0,84	0,80	0,82	0,84	0,31
18	0,85	0,84	0,86	0,90	0,98	1,07	1,13	1,13	1,05	0,95	0,86	0,79	0,34
19	0,74	0,70	0,67	0,69	0,81	1,04	1,21	1,29	1,26	1,18	1,04	0,88	0,62
20	0,75	0,67	0,61	0,59	0,65	0,89	1,16	1,35	1,37	1,33	1,17	1,01	0,78
21	0,84	0,70	0,61	0,55	0,57	0,72	1,03	1,32	1,40	1,42	1,28	1,10	0,87
22	0,91	0,74	0,62	0,55	0,55	0,64	0,93	1,20	1,39	1,43	1,33	1,13	0,88
23	0,92	0,74	0,60	0,51	0,48	0,55	0,77	1,12	1,37	1,45	1,46	1,30	0,98
24	1,09	0,92	0,79	0,71	0,67	0,65	0,73	1,02	1,27	1,46	1,50	1,37	0,85
25	1,17	0,95	0,78	0,66	0,59	0,53	0,66	0,92	1,19	1,41	1,48	1,43	0,95
26	1,26	1,08	0,90	0,78	0,70	0,65	0,65	0,80	1,05	1,27	1,38	1,39	0,74
27	1,27	1,09	0,89	0,72	0,63	0,59	0,59	0,71	0,96	1,18	1,32	1,36	0,77
28	1,30	1,14	0,95	0,78	0,68	0,62	0,62	0,69	0,87	1,07	1,22	1,28	0,68
29	1,27	1,16	1,03	0,91	0,82	0,76	0,73	0,75	0,85	1,03	1,14	1,20	0,54
30	1,19	1,11	0,98	0,84	0,75	0,72	0,70	0,72	0,79	0,91	1,00	1,07	0,49
31	1,05	1,02	0,93	0,84	0,80	0,79	0,80	0,80	0,84	0,88	0,91	0,91	0,26

• **Mức nước giờ tháng 8**

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,05	0,99	0,95	0,93	0,97	1,23	1,57	1,84	1,91	1,80	1,52	1,28	0,98
2	1,13	1,04	0,99	0,96	0,94	1,06	1,41	1,71	1,86	1,84	1,63	1,36	0,92
3	1,15	1,01	0,93	0,88	0,85	0,89	1,16	1,52	1,78	1,87	1,74	1,51	1,02
4	1,28	1,14	1,05	1,02	1,04	1,06	1,17	1,45	1,72	1,85	1,85	1,66	0,83
5	1,46	1,27	1,16	1,07	1,00	0,96	1,00	1,18	1,46	1,64	1,71	1,63	0,75
6	1,48	1,30	1,13	1,00	0,90	0,85	0,88	0,98	1,15	1,30	1,40	1,39	0,63
7	1,33	1,24	1,14	1,07	0,99	0,94	0,91	0,95	1,00	1,10	1,11	1,12	0,42
8	1,13	1,13	1,13	1,10	1,06	1,01	0,96	0,97	0,99	0,97	0,93	0,90	0,23
9	0,91	0,97	1,07	1,13	1,19	1,20	1,21	1,17	1,07	0,96	0,86	0,77	0,44
10	0,75	0,79	0,91	1,07	1,24	1,35	1,40	1,36	1,25	1,07	0,90	0,76	0,65
11	0,68	0,67	0,75	0,91	1,14	1,42	1,56	1,67	1,57	1,45	1,32	1,20	1
12	1,13	1,08	1,05	1,07	1,19	1,46	1,66	1,74	1,72	1,51	1,28	1,15	0,69
13	1,06	0,99	0,95	0,95	1,07	1,31	1,56	1,69	1,67	1,50	1,26	1,05	0,74
14	0,89	0,78	0,74	0,77	0,90	1,16	1,44	1,64	1,68	1,55	1,35	1,18	0,94
15	1,06	0,98	0,93	0,90	0,90	1,02	1,32	1,54	1,63	1,57	1,38	1,18	0,73
16	0,99	0,86	0,77	0,71	0,75	0,89	1,19	1,44	1,58	1,57	1,41	1,24	0,87
17	1,05	0,89	0,80	0,75	0,74	0,82	1,06	1,33	1,49	1,52	1,42	1,29	0,78
18	1,11	0,98	0,89	0,82	0,80	0,81	0,96	1,23	1,39	1,44	1,41	1,28	0,64
19	1,15	0,99	0,87	0,78	0,72	0,78	0,91	1,14	1,29	1,37	1,35	1,28	0,65
20	1,18	1,05	0,94	0,88	0,82	0,80	0,90	1,09	1,23	1,31	1,29	1,27	0,51
21	1,21	1,11	1,04	0,97	0,94	0,91	0,93	1,05	1,13	1,21	1,18	1,19	0,3
22	1,18	1,15	1,11	1,03	0,95	0,94	0,94	0,99	1,03	1,05	1,02	1,02	0,24
23	1,07	1,14	1,16	1,16	1,13	1,10	1,08	1,04	1,00	0,97	0,94	0,91	0,25
24	0,92	0,98	1,05	1,02	0,98	1,23	1,21	1,15	1,07	0,98	0,90	0,84	0,39
25	0,82	0,87	1,02	1,19	1,30	1,35	1,36	1,29	1,16	0,99	0,85	0,75	0,61
26	0,70	0,74	0,88	1,14	1,33	1,46	1,51	1,46	1,29	1,08	0,90	0,77	0,81
27	0,70	0,70	0,78	0,99	1,28	1,50	1,61	1,59	1,45	1,21	0,98	0,83	0,91
28	0,73	0,67	0,70	0,85	1,16	1,48	1,72	1,76	1,65	1,42	1,20	1,04	1,09
29	0,95	0,89	0,85	0,86	1,03	1,35	1,63	1,78	1,73	1,53	1,27	1,03	0,93
30	0,86	0,74	0,67	0,68	0,80	1,09	1,45	1,69	1,74	1,63	1,39	1,16	1,07
31	0,98	0,86	0,78	0,72	0,74	0,92	1,27	1,58	1,71	1,69	1,53	1,32	0,99

• **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,20	1,51	1,70	1,74	1,68	1,47	1,21	0,98	0,85	0,76	0,71	0,76	1,03
2	0,98	1,34	1,61	1,73	1,73	1,56	1,31	1,11	0,98	0,90	0,83	0,79	0,94
3	0,88	1,19	1,49	1,67	1,73	1,61	1,40	1,15	0,94	0,79	0,68	0,64	1,09
4	0,73	0,98	1,33	1,57	1,69	1,65	1,47	1,24	1,00	0,84	0,72	0,64	1,05
5	0,67	0,82	1,14	1,41	1,60	1,64	1,50	1,32	1,10	0,93	0,79	0,66	0,98
6	0,66	0,75	0,95	1,19	1,38	1,47	1,47	1,33	1,17	1,04	0,92	0,83	0,81
7	0,76	0,78	0,89	1,13	1,34	1,43	1,43	1,33	1,17	1,01	0,88	0,79	0,67
8	0,74	0,75	0,86	1,06	1,24	1,34	1,35	1,31	1,20	1,06	0,95	0,85	0,61
9	0,81	0,81	0,89	1,06	1,25	1,33	1,35	1,32	1,26	1,15	1,06	0,98	0,54
10	0,93	0,91	0,95	1,04	1,17	1,24	1,27	1,22	1,20	1,17	1,14	1,09	0,36
11	1,06	1,05	1,04	1,08	1,13	1,14	1,13	1,10	1,08	1,11	1,18	1,24	0,2
12	1,29	1,29	1,26	1,26	1,27	1,21	1,16	1,12	1,09	1,13	1,23	1,40	0,31
13	1,52	1,59	1,58	1,53	1,43	1,27	1,17	1,08	1,06	1,04	1,08	1,27	0,55
14	1,48	1,59	1,60	1,56	1,46	1,27	1,07	0,95	0,90	0,90	0,95	1,15	0,7
15	1,44	1,64	1,71	1,67	1,56	1,36	1,11	0,92	0,86	0,82	0,86	1,01	0,89
16	1,36	1,65	1,82	1,83	1,71	1,47	1,19	1,04	0,97	0,94	0,89	0,87	0,96
17	1,04	1,40	1,65	1,78	1,75	1,56	1,29	1,04	0,88	0,81	0,77	0,81	1,01
18	1,00	1,39	1,66	1,83	1,83	1,66	1,38	1,11	0,90	0,80	0,72	0,71	1,12
19	0,84	1,15	1,49	1,75	1,84	1,75	1,50	1,23	1,00	0,85	0,73	0,68	1,16
20	0,72	0,94	1,29	1,59	1,76	1,75	1,58	1,34	1,12	0,94	0,82	0,72	1,04
21	0,71	0,82	1,11	1,39	1,61	1,68	1,58	1,38	1,18	1,04	0,93	0,83	0,97
22	0,79	0,79	0,96	1,24	1,44	1,55	1,53	1,40	1,22	1,04	0,91	0,81	0,76
23	0,75	0,76	0,86	1,06	1,23	1,35	1,37	1,33	1,22	1,11	1,00	0,92	0,62
24	0,86	0,84	0,87	0,89	0,99	1,06	1,12	1,12	1,16	1,15	1,10	1,09	0,32
25	1,10	1,04	1,04	1,06	1,10	1,07	1,02	1,00	1,01	1,10	1,21	1,35	0,35
26	1,44	1,43	1,41	1,37	1,28	1,12	0,96	0,91	0,88	0,94	1,11	1,35	0,56
27	1,54	1,61	1,59	1,52	1,36	1,14	1,00	0,92	0,88	0,86	0,92	1,18	0,75
28	1,47	1,65	1,70	1,65	1,48	1,25	0,99	0,84	0,75	0,72	0,79	0,98	0,98
29	1,33	1,60	1,74	1,74	1,59	1,35	1,07	0,88	0,78	0,72	0,73	0,85	1,02
30	1,20	1,51	1,74	1,80	1,70	1,48	1,19	0,95	0,82	0,74	0,73	0,81	1,07

I.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

I.2.1. Vùng không ảnh triều

1. Công trình: Q.55M1

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-1,16	-1,28	-1,33	-1,41	-1,31	-1,84	-1,35	-1,68				
2	-1,25	-1,26	-1,37	-1,41	-1,36	-1,91	-1,40	-1,66				
3	-1,31	-1,21	-1,35	-1,46	-1,40	-1,91	-1,38	-1,62	-0,63	-0,48		
4	-1,31	-1,17	-1,35	-1,54	-1,38	-1,91	-1,39	-1,55				
5	-1,23	-1,22	-1,39	-1,57	-1,40	-1,87	-1,35	-1,51				
6	-1,19	-1,22	-1,42	-1,54	-1,45	-1,79	-1,26	-1,49	-0,58	-0,53	-0,53	-1,01
7	-1,22	-1,17	-1,38	-1,55	-1,51	-1,76	-1,25	-1,41				
8	-1,22	-1,16	-1,33	-1,52	-1,51	-1,75	-1,31	-1,29				
9	-1,20	-1,20	-1,35	-1,48	-1,40	-1,71	-1,29	-1,24	-0,54	-0,55		
10	-1,22	-1,23	-1,35	-1,46	-1,32	-1,69	-1,34	-1,22				
11	-1,25	-1,27	-1,37	-1,42	-1,30	-1,73	-1,37	-1,21				
12	-1,31	-1,36	-1,37	-1,34	-1,33	-1,80	-1,42	-1,23	-0,52	-0,60	-0,46	-1,05
13	-1,37	-1,48	-1,43	-1,30	-1,33	-1,81	-1,43	-1,22				
14	-1,45	-1,50	-1,40	-1,29	-1,36	-1,74	-1,42	-1,12				
15	-1,57	-1,47	-1,38	-1,33	-1,39	-1,68	-1,34	-1,06	-0,47	-0,73		
16	-1,63	-1,47	-1,38	-1,44	-1,42	-1,67	-1,31	-1,03				
17	-1,64	-1,46	-1,38	-1,51	-1,51	-1,70	-1,38	-1,04				
18	-1,75	-1,40	-1,33	-1,49	-1,67	-1,66	-1,36	-1,07	-0,55	-0,84	-0,42	-1,06
19	-1,77	-1,39	-1,33	-1,48	-1,72	-1,61	-1,20					
20	-1,76	-1,41	-1,39	-1,50	-1,75	-1,60	-1,12					
21	-1,88	-1,41	-1,42	-1,47	-1,75	-1,57	-1,15	-0,82	-0,53	-0,93		
22	-1,99	-1,42	-1,43	-1,48	-1,82	-1,53	-1,18					
23	-1,76	-1,28	-1,49	-1,47	-1,81	-1,54	-1,24					
24	-1,62	-1,16	-1,51	-1,48	-1,74	-1,46	-1,35	-0,76	-0,72	-1,00	-0,84	-1,08
25	-1,57	-1,20	-1,53	-1,43	-1,63	-1,36	-1,38					
26	-1,49	-1,31	-1,47	-1,39	-1,54	-1,29	-1,44					
27	-1,40	-1,36	-1,47	-1,35	-1,55	-1,29	-1,55	-0,69	-0,69	-0,69		
28	-1,41	-1,35	-1,44	-1,35	-1,59	-1,27	-1,63					
29	-1,42		-1,46	-1,32	-1,67	-1,30	-1,68					
30	-1,39		-1,47	-1,29	-1,75	-1,33	-1,72	-0,59	-0,46	-0,46	-0,95	-1,18
31	-1,34		-1,44		-1,77		-1,71					
T.Bình	-1,45	-1,31	-1,40	-1,43	-1,53	-1,64	-1,38	-1,31	-0,57	-0,68	-0,64	-1,08
Max	-1,11	-1,13	-1,26	-1,25	-1,26	-1,25	-1,10	-0,59	-0,46	-0,46	-0,42	-1,01
Min	-2,07	-1,56	-1,58	-1,61	-1,93	-1,98	-1,78	-1,73	-0,72	-1,00	-0,95	-1,18
ΔH	0,96	0,43	0,32	0,36	0,67	0,73	0,68	1,14	0,26	0,54	0,53	0,17

Mức nước trung bình năm: 1,95

Mức nước lớn nhất trong năm: 4,07 Ngày: 01/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,20 Ngày: 04/06/2023

Biên độ dao động năm: 2,87

2. Công trình: Q.64

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,84	1,50	1,54	1,43	1,63	1,59	2,20	2,25	2,75	3,08	2,91	2,68
2	1,83	1,54	1,54	1,43	1,64	1,58	2,17	2,31	2,74	3,02	2,90	2,70
3	1,83	1,55	1,55	1,44	1,65	1,57	2,17	2,35	2,71	2,99	2,87	2,71
4	1,80	1,52	1,56	1,45	1,66	1,58	2,17	2,38	2,68	2,97	2,84	2,71
5	1,80	1,52	1,58	1,45	1,67	1,57	2,16	2,50	2,67	2,94	2,82	2,70
6	1,80	1,59	1,55	1,45	1,67	1,57	2,17	2,58	2,67	2,91	2,78	2,74
7	1,75	1,57	1,54	1,44	1,65	1,58	2,17	2,57	2,70	2,85	2,81	2,78
8	1,69	1,56	1,53	1,44	1,64	1,58	2,16	2,56	2,69	2,86	2,81	2,78
9	1,68	1,58	1,53	1,44	1,65	1,61	2,16	2,55	2,68	2,86	2,83	2,78
10	1,66	1,56	1,53	1,46	1,66	1,63	2,18	2,55	2,67	2,87	2,87	2,76
11	1,64	1,54	1,51	1,47	1,66	1,65	2,20	2,64	2,65	2,89	2,88	2,74
12	1,60	1,55	1,50	1,47	1,66	1,67	2,20	2,75	2,64	2,90	2,89	2,70
13	1,56	1,56	1,52	1,48	1,66	1,72	2,20	2,74	2,56	2,89	2,90	2,68
14	1,53	1,62	1,48	1,50	1,66	1,74	2,20	2,72	2,64	2,85	2,91	2,67
15	1,57	1,65	1,49	1,50	1,67	1,76	2,19	2,70	2,76	2,79	2,88	2,67
16	1,59	1,64	1,50	1,52	1,67	1,77	2,19	2,67	2,79	2,75	2,90	2,70
17	1,52	1,59	1,48	1,53	1,67	1,78	2,19	2,66	2,78	2,74	2,90	2,76
18	1,51	1,56	1,47	1,54	1,66	1,81	2,18	2,65	2,76	2,72	2,87	2,75
19	1,50	1,57	1,47	1,55	1,65	1,84	2,16	2,63	2,75	2,73	2,84	2,73
20	1,50	1,57	1,45	1,55	1,65	1,86	2,21	2,62	2,76	2,76	2,81	2,71
21	1,50	1,57	1,42	1,56	1,64	1,92	2,24	2,66	2,79	2,75	2,80	2,71
22	1,50	1,56	1,41	1,56	1,63	1,95	2,24	2,67	2,78	2,73	2,77	2,73
23	1,49	1,54	1,45	1,55	1,63	1,96	2,21	2,66	2,77	2,67	2,74	2,74
24	1,47	1,57	1,39	1,56	1,61	2,01	2,20	2,44	2,75	2,67	2,68	2,71
25	1,52	1,63	1,40	1,57	1,60	2,11	2,19	2,52	2,73	2,69	2,68	2,67
26	1,60	1,62	1,40	1,57	1,59	2,16	2,19	2,64	2,76	2,67	2,71	2,66
27	1,68	1,58	1,39	1,58	1,60	2,20	2,20	2,74	2,79	2,66	2,74	2,65
28	1,68	1,54	1,39	1,58	1,60	2,23	2,20	2,79	2,92	2,70	2,72	2,64
29	1,65		1,40	1,60	1,59	2,23	2,18	2,82	3,07	2,82	2,70	2,61
30	1,61		1,41	1,62	1,59	2,21	2,17	2,80	3,09	2,87	2,69	2,59
31	1,53		1,42		1,59		2,18	2,77		2,91		2,59
T.Bình	1,63	1,57	1,48	1,51	1,64	1,81	2,19	2,61	2,75	2,82	2,81	2,70
Max	1,85	1,67	1,62	1,63	1,69	2,25	2,26	2,84	3,12	3,12	2,94	2,81
Min	1,45	1,48	1,37	1,41	1,58	1,56	2,13	2,21	2,51	2,62	2,65	2,57
ΔH	0,40	0,19	0,25	0,22	0,11	0,69	0,13	0,63	0,61	0,50	0,29	0,24

Mức nước trung bình năm: 2,13

Mức nước lớn nhất trong năm: 3,12 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,37 Ngày: 24/03/2023

Biên độ dao động năm: 1,75

3. Công trình: Q.65aM1

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,02									
2												
3					-0,28	-0,35	-0,27	-0,05	0,07	0,36		
4												
5												
6	0,09	0,13	-0,08	-0,30	-0,26	-0,33	-0,25	-0,03	0,09	0,57	0,75	0,70
7												
8												
9					-0,29	-0,29	-0,22	0,01	0,08	0,64		
10												
11												
12	0,07	0,45	-0,14	-0,25	-0,32	-0,33	-0,21	0,03	0,11	0,72	0,75	0,69
13												
14												
15					-0,31	-0,30	-0,22	0,06	0,13	0,85		
16												
17												
18	0,05	0,53	-0,23	-0,29	-0,33	-0,32	-0,19	0,08	0,14	0,74	0,66	0,66
19												
20												
21					-0,34	-0,34	-0,17	0,06	0,11	0,73		
22												
23												
24	0,03	0,62	-0,38	-0,34	-0,33	-0,37	-0,16	0,08	0,08	0,71	0,68	0,59
25												
26												
27					-0,30	-0,31	-0,14	0,06	0,18	0,67		
28												
29												
30	0,01		-0,33	-0,25	-0,32	-0,28	-0,10	0,05	0,22	0,78	0,70	0,40
31												
T.Bình	0,05	0,43	-0,20	-0,29	-0,31	-0,32	-0,19	0,04	0,12	0,68	0,71	0,61
Max	0,09	0,62	-0,02	-0,25	-0,26	-0,28	-0,10	0,08	0,22	0,85	0,75	0,70
Min	0,01	0,13	-0,38	-0,34	-0,34	-0,37	-0,27	-0,05	0,07	0,36	0,66	0,40
ΔH	0,08	0,49	0,36	0,09	0,08	0,09	0,17	0,13	0,15	0,49	0,09	0,30

Mức nước trung bình năm: 0,07

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,85

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,38

Biên độ dao động năm: 1,23

Ngày: 15/10/2023

Ngày: 24/03/2023

4. Công trình: Q.66

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			3,40									
2												
3					3,62	3,54	3,55	3,84	4,56	4,43		
4												
5												
6	3,51	3,43	3,38	3,69	3,59	3,52	3,56	3,92	4,59	4,36	4,34	4,12
7												
8												
9					3,59	3,62	3,57	3,98	4,61	4,33		
10												
11												
12	3,48	3,48	3,41	3,66	3,57	3,67	3,61	4,05	4,58	4,29	4,26	4,10
13												
14												
15					3,56	3,73	3,63	4,20	4,62	4,27		
16												
17												
18	3,43	3,47	3,42	3,69	3,55	3,79	3,66	4,39	4,64	4,22	4,23	4,03
19												
20												
21					3,54	3,84	3,65	4,42	4,61	4,18		
22												
23												
24	3,41	3,51	3,44	3,73	3,56	3,90	3,67	4,51	4,59	4,19	4,19	4,01
25												
26												
27					3,51	3,76	3,73	4,49	4,53	4,23		
28												
29												
30	3,40		3,68	3,67	3,53	3,64	3,80	4,53	4,49	4,29	4,16	4,02
31												
T.Bình	3,45	3,47	3,46	3,69	3,56	3,70	3,64	4,23	4,58	4,28	4,24	4,06
Max	3,51	3,51	3,68	3,73	3,62	3,90	3,80	4,53	4,64	4,43	4,34	4,12
Min	3,40	3,43	3,38	3,66	3,51	3,52	3,55	3,84	4,49	4,18	4,16	4,01
ΔH	0,11	0,08	0,30	0,07	0,11	0,38	0,25	0,69	0,15	0,25	0,18	0,11

Mức nước trung bình năm: 3,91

Mức nước lớn nhất trong năm: 4,64 Ngày: 18/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 3,38 Ngày: 06/03/2023

Biên độ dao động năm: 1,26

5. Công trình: Q.69

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-2,93	-3,08	-3,36									
2	-2,92	-3,14										
3	-2,91	-3,17			-3,86	-3,94	-3,73	-3,71	-3,68	-3,45		
4	-2,91	-3,22										
5	-2,92	-3,20										
6	-2,92	-3,26	-3,91	-3,92	-3,81	-3,94	-3,71	-3,69	-3,56	-3,43	-3,39	-3,39
7	-2,91											
8	-2,90											
9	-2,90				-3,82	-3,90	-3,76	-3,74	-3,55	-3,40		
10	-2,90											
11	-2,91											
12	-2,96		-3,90	-3,94	-3,83	-3,88	-3,80	-3,78	-3,53	-3,36	-3,38	-3,41
13	-2,99											
14	-2,99											
15	-2,97	-3,27			-3,84	-3,84	-3,79	-3,82	-3,71	-3,32		
16	-3,02											
17	-3,08											
18	-3,09	-3,25	-3,87	-3,96	-3,86	-3,82	-3,81	-3,88	-3,52	-3,29	-3,33	-3,44
19	-3,11											
20	-3,09											
21	-3,07				-3,87	-3,78	-3,82	-3,93	-3,49	-3,27		
22	-3,05											
23	-3,05											
24	-3,11	-3,22	-3,80	-3,98	-3,91	-3,76	-3,82	-3,96	-3,47	-3,26	-3,33	-3,46
25	-3,12											
26	-3,11											
27	-3,10				-3,96	-3,73	-3,78	-3,74	-3,46	-3,30		
28	-3,11											
29	-3,12											
30	-3,10		-3,89	-3,91	-3,95	-3,74	-3,75	-3,78	-3,45	-3,32	-3,36	-3,43
31	-3,04											
T.Bình	-3,01	-3,17	-3,79	-3,94	-3,87	-3,83	-3,78	-3,80	-3,54	-3,34	-3,36	-3,43
Max	-2,88	-3,04	-3,36	-3,91	-3,81	-3,73	-3,71	-3,69	-3,45	-3,26	-3,33	-3,39
Min	-3,16	-3,27	-3,91	-3,98	-3,96	-3,94	-3,82	-3,96	-3,71	-3,45	-3,39	-3,46
ΔH	0,28	0,23	0,55	0,07	0,15	0,21	0,11	0,27	0,26	0,19	0,06	0,07

Mức nước trung bình năm: -3,13

Mức nước lớn nhất trong năm: -2,88

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -3,98

Biên độ dao động năm: 1,10

Ngày: 08/01/2023

Ngày: 24/04/2023

6. Công trình: Q.75M1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,88	1,24	1,63	1,63	1,70	1,59	2,23	1,95	2,57	4,02	2,25	2,13
2	1,83	1,32	1,53	1,69	1,78	1,43	2,15	2,08	2,47	3,89	2,23	2,14
3	1,74	1,34	1,48	1,72	1,79	1,26	2,08	2,11	2,41	3,75	2,20	2,14
4	1,66	1,37	1,46	1,73	1,80	1,22	2,08	2,13	2,36	3,61	2,17	2,13
5	1,70	1,37	1,53	1,70	1,81	1,31	2,14	2,22	2,29	3,51	2,16	2,10
6	1,71	1,32	1,68	1,60	1,76	1,40	2,17	2,34	2,24	3,32	2,14	2,13
7	1,64	1,48	1,74	1,39	1,69	1,48	2,15	2,33	2,24	3,04	2,21	2,16
8	1,62	1,53	1,75	1,24	1,66	1,48	2,09	2,27	2,30	2,91	2,20	2,13
9	1,56	1,60	1,78	1,25	1,78	1,51	2,07	2,21	2,40	2,78	2,23	2,11
10	1,47	1,63	1,75	1,32	1,82	1,49	2,12	2,17	2,41	2,65	2,28	2,10
11	1,42	1,70	1,60	1,35	1,82	1,48	2,11	2,16	2,41	2,58	2,30	2,09
12	1,36	1,75	1,46	1,37	1,81	1,44	2,06	2,31	2,42	2,54	2,31	2,06
13	1,32	1,77	1,42	1,44	1,81	1,41	2,04	2,35	2,34	2,50	2,37	2,05
14	1,30	1,86	1,35	1,43	1,81	1,41	2,06	2,35	2,41	2,42	2,37	2,04
15	1,35	1,92	1,38	1,43	1,80	1,48	2,06	2,38	2,62	2,34	2,31	2,03
16	1,37	1,92	1,41	1,58	1,76	1,52	2,08	2,39	2,68	2,29	2,35	2,08
17	1,30	1,86	1,36	1,66	1,74	1,46	2,08	2,38	2,67	2,27	2,30	2,14
18	1,28	1,76	1,38	1,70	1,73	1,40	2,12	2,35	2,69	2,25	2,24	2,11
19	1,30	1,81	1,39	1,71	1,72	1,52	2,11	2,31	2,70	2,25	2,18	2,09
20	1,37	1,88	1,38	1,69	1,72	1,63	2,15	2,30	2,67	2,31	2,14	2,07
21	1,39	1,90	1,37	1,66	1,68	1,74	2,17	2,37	2,64	2,32	2,12	2,08
22	1,40	1,86	1,38	1,59	1,58	1,87	2,13	2,38	2,54	2,29	2,09	2,11
23	1,41	1,83	1,45	1,50	1,50	1,90	1,97	2,37	2,48	2,23	2,07	2,09
24	1,41	1,88	1,37	1,49	1,54	1,96	1,71	2,41	2,42	2,21	2,06	2,07
25	1,38	1,97	1,43	1,51	1,61	2,08	1,47	2,42	2,39	2,18	2,13	2,12
26	1,43	1,93	1,44	1,50	1,67	2,31	1,48	2,42	2,39	2,10	2,18	2,17
27	1,45	1,84	1,48	1,38	1,73	2,46	1,50	2,47	2,41	2,04	2,20	2,19
28	1,41	1,67	1,54	1,26	1,73	2,48	1,54	2,55	2,82	2,04	2,18	2,16
29	1,40		1,57	1,30	1,72	2,43	1,53	2,64	3,68	2,15	2,16	2,12
30	1,39		1,58	1,53	1,70	2,33	1,54	2,65	4,02	2,23	2,14	2,10
31	1,26		1,60		1,68		1,67	2,63		2,26		2,12
T.Bình	1,47	1,69	1,51	1,51	1,72	1,68	1,96	2,34	2,57	2,62	2,21	2,11
Max	1,92	2,01	1,81	1,75	1,84	2,50	2,27	2,66	4,06	4,07	2,42	2,24
Min	1,22	1,22	1,32	1,21	1,47	1,20	1,45	1,82	2,22	1,98	2,01	1,99
ΔH	0,70	0,79	0,49	0,54	0,37	1,30	0,82	0,84	1,84	2,09	0,41	0,25

Mức nước trung bình năm: 1,95

Mức nước lớn nhất trong năm: 4,07

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,20

Biên độ dao động năm: 2,87

Ngày: 01/10/2023

Ngày: 04/06/2023

7. Công trình: Q.83a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,96	0,73	0,78									
2	0,96	0,79										
3	0,97	0,82			1,01	0,95	0,95	1,47	1,35	1,95		
4	0,96	0,86										
5	0,99	0,91										
6	0,94	0,85	0,73	0,74	0,89	0,92	0,90	1,75	1,27	1,76	1,08	0,99
7	0,84											
8	0,82											
9	0,83				0,93	0,87	0,84	1,69	1,21	1,64		
10	0,84											
11	0,83											
12	0,80		0,70	0,94	0,76	1,00	0,80	1,47	1,35	1,53	1,12	0,93
13	0,77											
14	0,72											
15	0,75				0,83	1,03	0,81	1,50	1,69	1,34		
16	0,76											
17	0,78											
18	0,78	0,91	0,72	1,05	0,87	1,07	0,74	1,32	1,61	1,29	1,04	0,86
19	0,76											
20	0,80											
21	0,82				0,91	1,10	1,00	1,29	1,49	1,24		
22	0,83											
23	0,87											
24	0,94	0,87	0,66	0,96	0,95	1,21	0,87	1,34	1,37	1,16	1,09	0,81
25	0,89											
26	0,88											
27	0,93				0,97	1,18	0,96	1,32	1,90	1,08		
28	0,86											
29	0,83											
30	0,79		0,63	1,00	1,03	1,07	0,93	1,31	2,41	1,02	1,02	0,76
31	0,73											
T.Bình	0,85	0,83	0,70	0,94	0,92	1,04	0,88	1,45	1,57	1,40	1,07	0,87
Max	1,03	0,98	0,78	1,05	1,03	1,21	1,00	1,75	2,41	1,95	1,12	0,99
Min	0,66	0,65	0,63	0,74	0,76	0,87	0,74	1,29	1,21	1,02	1,02	0,76
ΔH	0,37	0,33	0,15	0,31	0,27	0,34	0,26	0,46	1,20	0,93	0,10	0,23

Mức nước trung bình năm: 0,89

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,41 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,63 Ngày: 30/03/2023

Biên độ dao động năm: 1,78

8. Công trình: Q.84a

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,69									
2												
3					-0,71	-0,83	-0,83	0,14	-0,32	0,55		
4												
5												
6	-0,02	0,00	-1,06	-0,95	-0,80	-0,87	-0,85	0,36	-0,36	0,20	-0,42	-0,39
7												
8												
9					-0,78	-0,90	-0,90	0,13	-0,39	0,14		
10												
11												
12	0,01	0,07	-1,08	-0,63	-0,74	-0,73	-0,93	0,01	-0,06	0,08	-0,44	-0,46
13												
14												
15					-0,71	-0,76	-0,89	0,10	0,31	0,06		
16												
17												
18	-0,13	-0,07	-1,10	-0,64	-0,68	-0,75	-0,91	-0,08	0,15	0,02	-0,30	-0,53
19												
20												
21					-0,74	-0,76	-0,76	-0,51	-0,03	-0,04		
22												
23												
24	-0,24	-0,25	-1,07	-0,60	-0,74	-0,73	-0,81	-0,55	-0,19	-0,12	-0,18	-0,58
25												
26												
27					-0,76	-0,76	-0,57	-0,57	0,32	-0,25		
28												
29												
30	-0,18		-1,04	-0,72	-0,78	-0,78	-0,61	-0,39	0,73	-0,34	-0,26	-0,66
31												
T.Bình	-0,11	-0,06	-1,01	-0,71	-0,74	-0,79	-0,81	-0,14	0,02	0,03	-0,32	-0,52
Max	0,01	0,07	-0,69	-0,60	-0,68	-0,73	-0,57	0,36	0,73	0,55	-0,18	-0,39
Min	-0,24	-0,25	-1,10	-0,95	-0,80	-0,90	-0,93	-0,57	-0,39	-0,34	-0,44	-0,66
ΔH	0,25	0,32	0,41	0,35	0,12	0,17	0,36	0,93	1,12	0,89	0,26	0,27

Mức nước trung bình năm: -0,43

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,73 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -1,10 Ngày: 18/03/2023

Biên độ dao động năm: 1,83

9. Công trình: Q.85a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,01									
2												
3					1,12	0,84	0,99	1,64	1,27	1,60		
4												
5												
6	0,95	1,16	0,94	0,92	1,09	0,86	0,92	1,62	1,16	1,50	0,96	0,92
7												
8												
9					1,12	0,81	0,88	1,47	1,10	1,35		
10												
11												
12	0,99	1,27	0,87	1,14	1,07	0,91	0,81	1,39	1,26	1,27	0,93	0,85
13												
14												
15					1,04	0,99	0,74	1,50	1,37	1,22		
16												
17												
18	0,87	1,22	0,91	1,19	1,08	1,06	0,73	1,30	1,31	1,18	0,97	0,76
19												
20												
21					1,11	1,07	0,97	1,24	1,26	1,12		
22												
23												
24	0,79	1,13	0,94	1,25	1,03	1,11	0,90	1,22	1,19	1,06	0,98	0,63
25												
26												
27					0,96	1,12	1,02	1,25	1,55	0,94		
28												
29												
30	0,77		0,97	1,18	0,91	1,02	0,94	1,26	1,82	0,80	0,95	0,77
31												
T.Bình	0,87	1,20	0,94	1,14	1,05	0,98	0,89	1,39	1,33	1,20	0,96	0,79
Max	0,99	1,27	1,01	1,25	1,12	1,12	1,02	1,64	1,82	1,60	0,98	0,92
Min	0,77	1,13	0,87	0,92	0,91	0,81	0,73	1,22	1,10	0,80	0,93	0,63
ΔH	0,22	0,14	0,14	0,33	0,21	0,31	0,29	0,42	0,72	0,80	0,05	0,29

Mức nước trung bình năm: 1,08

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,82 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,63 Ngày: 24/12/2023

Biên độ dao động năm: 1,19

10. Công trình: Q.86M1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			3,31									
2												
3					3,41	3,26	3,30	3,88	3,64	3,84		
4												
5												
6	3,25	3,35	3,25	3,28	3,40	3,18	3,24	3,85	3,60	3,80	3,38	3,26
7												
8												
9					3,44	3,15	3,17	3,82	3,55	3,74		
10												
11												
12	3,21	3,41	3,27	3,34	3,48	3,23	3,13	3,79	3,62	3,69	3,37	3,19
13												
14												
15					3,52	3,31	3,10	3,87	3,70	3,65		
16												
17												
18	3,21	3,37	3,30	3,37	3,47	3,39	3,12	3,67	3,71	3,61	3,30	3,13
19												
20												
21					3,44	3,40	3,40	3,66	3,67	3,56		
22												
23												
24	3,23	3,35	3,24	3,39	3,45	3,45	3,36	3,67	3,66	3,51	3,25	3,07
25												
26												
27					3,43	3,47	3,26	3,66	3,74	3,47		
28												
29												
30	3,26		3,25	3,39	3,41	3,45	3,23	3,63	3,90	3,43	3,22	3,04
31												
T.Bình	3,23	3,37	3,27	3,35	3,44	3,33	3,23	3,75	3,68	3,63	3,30	3,14
Max	3,26	3,41	3,31	3,39	3,52	3,47	3,40	3,88	3,90	3,84	3,38	3,26
Min	3,21	3,35	3,24	3,28	3,40	3,15	3,10	3,63	3,55	3,43	3,22	3,04
ΔH	0,05	0,06	0,07	0,11	0,12	0,32	0,30	0,25	0,35	0,41	0,16	0,22

Mức nước trung bình năm: 3,43

Mức nước lớn nhất trong năm: 3,90 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 3,04 Ngày: 30/12/2023

Biên độ dao động năm: 0,86

11. Công trình: Q.87a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,74									
2												
3					1,95	1,65	1,94	2,43	2,23	2,58		
4												
5												
6	1,34	1,58	1,76	1,77	1,93	1,59	1,80	2,39	2,20	2,45	1,62	1,25
7												
8												
9					1,96	1,51	1,72	2,32	2,17	2,34		
10												
11												
12	1,30	1,65	1,75	1,93	2,01	1,80	1,70	2,29	2,38	2,25	1,64	1,21
13												
14												
15					2,04	2,00	1,65	2,35	2,56	2,21		
16												
17												
18	1,29	1,71	1,73	1,95	2,01	2,03	1,63	2,10	2,51	2,18	1,55	1,14
19												
20												
21					1,98	2,04	1,89	2,08	2,45	2,14		
22												
23												
24	1,26	1,76	1,72	1,94	1,87	2,11	1,85	2,28	2,37	2,11	1,42	1,02
25												
26												
27					1,84	2,22	1,88	2,25	2,52	1,92		
28												
29												
30	1,30		1,69	1,92	1,80	2,10	1,90	2,22	2,82	1,80	1,31	0,99
31												
T.Bình	1,30	1,68	1,73	1,90	1,94	1,91	1,80	2,27	2,42	2,20	1,51	1,12
Max	1,34	1,76	1,76	1,95	2,04	2,22	1,94	2,43	2,82	2,58	1,64	1,25
Min	1,26	1,58	1,69	1,77	1,80	1,51	1,63	2,08	2,17	1,80	1,31	0,99
ΔH	0,08	0,18	0,07	0,18	0,24	0,71	0,31	0,35	0,65	0,78	0,33	0,26

Mức nước trung bình năm: 1,91

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,82 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,99 Ngày: 30/12/2023

Biên độ dao động năm: 1,83

12. Công trình: Q.88a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,16									
2												
3					1,26	1,26	1,64	1,41	1,31	1,53		
4												
5												
6	1,40	1,24	1,13	1,17	1,22	1,22	1,56	1,50	1,29	1,51	1,32	1,31
7												
8												
9					1,30	1,33	1,51	1,52	1,36	1,46		
10												
11												
12	1,35	1,23	1,23	1,16	1,39	1,38	1,45	1,49	1,34	1,43	1,31	1,36
13												
14												
15					1,37	1,42	1,41	1,42	1,39	1,42		
16												
17												
18	1,30	1,26	1,21	1,24	1,33	1,50	1,36	1,38	1,41	1,40	1,26	1,34
19												
20												
21					1,29	1,45	1,32	1,34	1,38	1,41		
22												
23												
24	1,26	1,24	1,18	1,19	1,25	1,42	1,29	1,37	1,36	1,39	1,23	1,31
25												
26												
27					1,22	1,74	1,26	1,33	1,58	1,36		
28												
29												
30	1,29		1,14	1,30	1,20	1,71	1,25	1,32	1,65	1,34	1,28	1,29
31												
T.Bình	1,32	1,24	1,18	1,21	1,28	1,44	1,40	1,41	1,41	1,42	1,28	1,32
Max	1,40	1,26	1,23	1,30	1,39	1,74	1,64	1,52	1,65	1,53	1,32	1,36
Min	1,26	1,23	1,13	1,16	1,20	1,22	1,25	1,32	1,29	1,34	1,23	1,29
ΔH	0,14	0,03	0,10	0,14	0,19	0,52	0,39	0,20	0,36	0,19	0,09	0,07

Mức nước trung bình năm: 1,35

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,74

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,13

Biên độ dao động năm: 0,61

Ngày: 27/06/2023

Ngày: 06/03/2023

13. Công trình: Q.119M1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,56									
2												
3					2,41	2,23	2,28	2,11	2,38	2,44		
4												
5												
6	2,46	2,55	2,54	2,41	2,40	2,21	2,23	2,19	2,33	2,43	2,46	2,46
7												
8												
9					2,43	2,18	2,20	2,26	2,31	2,41		
10												
11												
12	2,48	2,58	2,53	2,43	2,47	2,17	2,18	2,24	2,30	2,39	2,45	2,41
13												
14												
15					2,43	2,21	2,16	2,28	2,33	2,37		
16												
17												
18	2,53	2,60	2,50	2,44	2,37	2,23	2,13	2,31	2,37	2,41	2,46	2,40
19												
20												
21					2,33	2,21	2,16	2,30	2,38	2,43		
22												
23												
24	2,50	2,58	2,48	2,41	2,26	2,24	2,15	2,33	2,36	2,47	2,45	2,41
25												
26												
27					2,28	2,28	2,13	2,31	2,38	2,46		
28												
29												
30	2,53		2,43	2,43	2,25	2,30	2,08	2,36	2,46	2,48	2,43	2,42
31												
T.Bình	2,50	2,58	2,50	2,42	2,36	2,22	2,17	2,27	2,36	2,43	2,45	2,42
Max	2,53	2,60	2,56	2,44	2,47	2,30	2,28	2,36	2,46	2,48	2,46	2,46
Min	2,46	2,55	2,43	2,41	2,25	2,17	2,08	2,11	2,30	2,37	2,43	2,40
ΔH	0,07	0,05	0,13	0,03	0,22	0,13	0,20	0,25	0,16	0,11	0,03	0,06

Mức nước trung bình năm: 2,36

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,60

Ngày: 18/02/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 2,08

Ngày: 30/07/2023

Biên độ dao động năm: 0,52

14. Công trình: Q.120

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,87									
2												
3					2,85	3,17	3,68	3,49	3,50	3,57		
4												
5												
6	2,66	2,87	2,79	2,65	2,89	3,19	3,63	3,52	3,44	3,51	3,10	3,24
7												
8												
9					2,92	3,24	3,57	3,54	3,37	3,46		
10												
11												
12	2,68	2,99	2,75	2,68	2,96	3,31	3,51	3,58	3,29	3,41	3,27	3,25
13												
14												
15					2,94	3,50	3,44	3,60	3,43	3,35		
16												
17												
18	2,70	2,97	2,70	2,71	3,00	3,62	3,43	3,62	3,39	3,29	3,23	3,26
19												
20												
21					3,06	3,77	3,41	3,63	3,35	3,24		
22												
23												
24	2,72	2,95	2,57	2,75	3,11	3,87	3,39	3,65	3,28	3,22	3,20	3,28
25												
26												
27					3,13	3,80	3,42	3,60	3,68	3,18		
28												
29												
30	2,70		2,62	2,80	3,16	3,74	3,45	3,56	3,63	3,13	3,22	3,23
31												
T.Bình	2,69	2,95	2,72	2,72	3,00	3,52	3,49	3,58	3,44	3,34	3,20	3,25
Max	2,72	2,99	2,87	2,80	3,16	3,87	3,68	3,65	3,68	3,57	3,27	3,28
Min	2,66	2,87	2,57	2,65	2,85	3,17	3,39	3,49	3,28	3,13	3,10	3,23
ΔH	0,06	0,12	0,30	0,15	0,31	0,70	0,29	0,16	0,40	0,44	0,17	0,05

Mức nước trung bình năm: 3,23

Mức nước lớn nhất trong năm: 3,87

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 2,57

Biên độ dao động năm: 1,30

Ngày: 24/06/2023

Ngày: 24/03/2023

15. Công trình: Q.127

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,71									
2												
3					1,68	1,60	1,66	1,56	1,72	1,75		
4												
5												
6	1,56	1,73	1,82	1,69	1,66	1,58	1,63	1,65	1,68	1,73	1,58	1,58
7												
8												
9					1,68	1,56	1,61	1,71	1,66	1,71		
10												
11												
12	1,63	1,72	1,70	1,68	1,71	1,55	1,58	1,68	1,69	1,69	1,56	1,51
13												
14												
15					1,68	1,58	1,56	1,69	1,71	1,68		
16												
17												
18	1,68	1,75	1,69	1,69	1,66	1,59	1,58	1,68	1,73	1,67	1,55	1,44
19												
20												
21					1,63	1,58	1,61	1,69	1,72	1,66		
22												
23												
24	1,69	1,73	1,68	1,68	1,61	1,61	1,59	1,71	1,68	1,65	1,53	1,48
25												
26												
27					1,63	1,66	1,58	1,68	1,71	1,63		
28												
29												
30	1,71		1,66	1,69	1,62	1,68	1,55	1,73	1,76	1,61	1,51	1,49
31												
T.Bình	1,65	1,73	1,71	1,69	1,66	1,60	1,60	1,68	1,71	1,68	1,55	1,50
Max	1,71	1,75	1,82	1,69	1,71	1,68	1,66	1,73	1,76	1,75	1,58	1,58
Min	1,56	1,72	1,66	1,68	1,61	1,55	1,55	1,56	1,66	1,61	1,51	1,44
ΔH	0,15	0,03	0,16	0,01	0,10	0,13	0,11	0,17	0,10	0,14	0,07	0,14

Mức nước trung bình năm: 1,65

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,82 Ngày: 06/03/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,44 Ngày: 18/12/2023

Biên độ dao động năm: 0,38

16. Công trình: Q.130M1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,98									
2												
3					1,89	1,99	2,07	2,23	2,28	2,54		
4												
5												
6	1,82	1,93	1,93	1,83	1,88	1,97	2,06	2,27	2,25	2,56	2,18	1,85
7												
8												
9					1,90	1,96	2,03	2,30	2,27	2,53		
10												
11												
12	1,85	1,90	1,81	1,83	1,93	1,94	2,02	2,31	2,33	2,51	2,08	1,84
13												
14												
15					1,96	2,00	2,00	2,34	2,35	2,48		
16												
17												
18	1,88	2,03	1,79	1,91	1,98	2,03	1,95	2,30	2,32	2,47	2,13	1,83
19												
20												
21					2,00	2,05	1,96	2,28	2,39	2,46		
22												
23												
24	1,92	2,00	1,78	1,89	2,04	2,08	1,97	2,24	2,26	2,33	1,76	1,83
25												
26												
27					2,08	2,11	2,14	2,23	2,38	2,28		
28												
29												
30	1,95		1,81	1,91	2,06	2,09	2,20	2,25	2,53	2,22	1,74	1,82
31												
T.Bình	1,89	1,97	1,85	1,88	1,98	2,03	2,04	2,28	2,34	2,44	1,98	1,84
Max	1,95	2,03	1,98	1,91	2,08	2,11	2,20	2,34	2,53	2,56	2,18	1,85
Min	1,82	1,90	1,78	1,83	1,88	1,94	1,95	2,23	2,25	2,22	1,74	1,82
ΔH	0,13	0,13	0,20	0,08	0,20	0,17	0,25	0,11	0,28	0,34	0,44	0,03

Mức nước trung bình năm: 2,09

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,56 Ngày: 06/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,74 Ngày: 30/11/2023

Biên độ dao động năm: 0,82

17. Công trình: Q.131

NT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	2,14	2,20	2,20	2,19								
2	2,14	2,19	2,20	2,20								
3	2,14	2,19	2,20	2,21	2,30	2,29	2,37	2,25	2,44	2,45		
4	2,15	2,21	2,20	2,21								
5	2,15	2,22	2,18	2,21								
6	2,15	2,23	2,19	2,20	2,29	2,27	2,35	2,36	2,42	2,42	2,31	2,31
7	2,15	2,24	2,19	2,19								
8	2,15	2,25	2,19	2,19								
9	2,15	2,25	2,19	2,19	2,30	2,29	2,32	2,39	2,43	2,40		
10	2,16	2,28	2,19	2,20								
11	2,20	2,31	2,18	2,20								
12	2,22	2,30	2,18	2,21	2,32	2,27	2,31	2,42	2,42	2,39	2,30	2,23
13	2,24	2,30	2,18	2,22								
14	2,24	2,28	2,18	2,23								
15	2,23	2,27	2,18	2,23	2,32	2,29	2,27	2,43	2,46	2,37		
16	2,23	2,27	2,18	2,24								
17	2,22	2,26	2,17	2,24								
18	2,22	2,26	2,17	2,24	2,31	2,32	2,29	2,42	2,45	2,36	2,29	2,22
19	2,22	2,25	2,17	2,23								
20	2,21	2,25	2,17	2,22								
21	2,21	2,24	2,17	2,22	2,32	2,31	2,31	2,45	2,43	2,35		
22	2,21	2,24	2,17	2,21								
23	2,21	2,23	2,17	2,20								
24	2,20	2,23	2,16	2,19	2,30	2,34	2,32	2,44	2,42	2,34	2,27	2,23
25	2,20	2,21	2,15									
26	2,20	2,21	2,15									
27	2,20	2,21	2,16		2,32	2,37	2,30	2,42	2,43	2,33		
28	2,20	2,21	2,17									
29	2,19		2,17									
30	2,19		2,18	2,30	2,30	2,39	2,27	2,45	2,47	2,32	2,25	2,22
31	2,20		2,19									
T.Bình	2,19	2,24	2,18	2,21	2,31	2,31	2,31	2,40	2,44	2,37	2,28	2,24
Max	2,24	2,31	2,21	2,30	2,32	2,39	2,37	2,45	2,47	2,45	2,31	2,31
Min	2,14	2,19	2,15	2,19	2,29	2,27	2,27	2,25	2,42	2,32	2,25	2,22
ΔH	0,10	0,12	0,06	0,11	0,03	0,12	0,10	0,20	0,05	0,13	0,06	0,09

Mức nước trung bình năm: 2,21

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,47

Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 2,14

Ngày: 01/01/2023

Biên độ dao động năm: 0,33

18. Công trình: Q.143

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,28									
2												
3					0,15	-0,08	-0,17	-0,06	0,06	-0,03		
4												
5												
6	0,45	0,38	0,25	0,22	0,10	-0,06	-0,18	0,00	0,04	0,02	-0,01	-0,01
7												
8												
9					0,05	-0,13	-0,20	-0,02	0,03	0,01		
10												
11												
12	0,48	0,34	0,29	0,18	0,06	-0,18	-0,14	-0,04	0,08	0,03	0,02	-0,11
13												
14												
15					0,03	-0,15	-0,15	0,02	0,06	0,05		
16												
17												
18	0,42	0,29	0,26	0,20	-0,01	-0,16	-0,07	0,00	0,05	0,04	-0,02	-0,15
19												
20												
21					0,02	-0,19	-0,09	-0,01	0,09	0,00		
22												
23												
24	0,40	0,31	0,23	0,17	0,00	-0,18	-0,10	0,05	0,07	-0,01	-0,05	-0,12
25												
26												
27					-0,04	-0,20	-0,03	0,03	0,04	0,03		
28												
29												
30	0,35		0,27	0,14	-0,02	-0,23	-0,04	0,02	0,01	0,00	-0,03	-0,14
31												
T.Bình	0,42	0,33	0,26	0,18	0,03	-0,16	-0,12	0,00	0,05	0,01	-0,02	-0,11
Max	0,48	0,38	0,29	0,22	0,15	-0,06	-0,03	0,05	0,09	0,05	0,02	-0,01
Min	0,35	0,29	0,23	0,14	-0,04	-0,23	-0,20	-0,06	0,01	-0,03	-0,05	-0,15
ΔH	0,13	0,09	0,06	0,08	0,19	0,17	0,17	0,11	0,08	0,08	0,07	0,14

Mức nước trung bình năm: 0,04

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,48 Ngày: 12/01/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,23 Ngày: 30/06/2023

Biên độ dao động năm: 0,71

19. Công trình: Q.148

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-3,71									
2												
3					-3,07	-3,19	-3,16	-3,46	-3,22	-3,27		
4												
5												
6	-3,59	-3,67	-3,74	-3,69	-3,09	-3,25	-3,21	-3,37	-3,26	-3,31	-3,56	-3,56
7												
8												
9					-3,08	-3,29	-3,24	-3,32	-3,32	-3,34		
10												
11												
12	-3,61	-3,66	-3,76	-3,67	-3,06	-3,34	-3,29	-3,29	-3,31	-3,35	-3,57	-3,64
13												
14												
15					-3,14	-3,31	-3,31	-3,28	-3,29	-3,36		
16												
17												
18	-3,59	-3,63	-3,79	-3,65	-3,15	-3,29	-3,30	-3,29	-3,26	-3,41	-3,58	-3,64
19												
20												
21					-3,13	-3,28	-3,29	-3,28	-3,29	-3,44		
22												
23												
24	-3,62	-3,64	-3,80	-3,63	-2,96	-3,26	-3,35	-3,26	-3,34	-3,51	-3,61	-3,65
25												
26												
27					-3,14	-3,24	-3,36	-3,29	-3,36	-3,54		
28												
29												
30	-3,65		-3,66	-3,08	-3,16	-3,14	-3,44	-3,24	-3,24	-3,55	-3,64	-3,66
31												
T.Bình	-3,61	-3,65	-3,74	-3,54	-3,10	-3,26	-3,30	-3,31	-3,29	-3,41	-3,59	-3,63
Max	-3,59	-3,63	-3,66	-3,08	-2,96	-3,14	-3,16	-3,24	-3,22	-3,27	-3,56	-3,56
Min	-3,65	-3,67	-3,80	-3,69	-3,16	-3,34	-3,44	-3,46	-3,36	-3,55	-3,64	-3,66
ΔH	0,06	0,04	0,14	0,61	0,20	0,20	0,28	0,22	0,14	0,28	0,08	0,10

Mức nước trung bình năm: -3,39

Mức nước lớn nhất trong năm: -2,96

Ngày: 24/05/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -3,80

Ngày: 24/03/2023

Biên độ dao động năm: 0,84

20. ông trình: Q.168

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,85									
2												
3					1,89	1,80	1,75	1,77	1,79	1,91		
4												
5												
6	1,83	1,81	1,79	1,78	1,86	1,76	1,73	1,75	1,77	1,94	1,94	1,94
7												
8												
9					1,82	1,72	1,71	1,72	1,74	1,96		
10												
11												
12	1,87	1,83	1,82	1,80	1,77	1,74	1,74	1,73	1,72	1,93	1,97	1,93
13												
14												
15					1,79	1,76	1,77	1,75	1,75	1,90		
16												
17												
18	1,90	1,87	1,86	1,84	1,82	1,79	1,80	1,77	1,77	1,88	1,93	1,96
19												
20												
21					1,85	1,82	1,81	1,82	1,80	1,85		
22												
23												
24	1,88	1,90	1,89	1,90	1,89	1,84	1,85	1,86	1,84	1,82	1,89	1,92
25												
26												
27					1,86	1,81	1,83	1,83	1,86	1,88		
28												
29												
30	1,84		1,84	1,93	1,82	1,77	1,80	1,80	1,89	1,91	1,86	1,90
31												
T.Bình	1,86	1,85	1,84	1,85	1,84	1,78	1,78	1,78	1,79	1,90	1,92	1,93
Max	1,90	1,90	1,89	1,93	1,89	1,84	1,85	1,86	1,89	1,96	1,97	1,96
Min	1,83	1,81	1,79	1,78	1,77	1,72	1,71	1,72	1,72	1,82	1,86	1,90
ΔH	0,07	0,09	0,10	0,15	0,12	0,12	0,14	0,14	0,17	0,14	0,11	0,06

Mức nước trung bình năm: 1,83

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,97

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,71

Biên độ dao động năm: 0,26

Ngày: 12/11/2023

Ngày: 09/07/2023

21. Công trình: Q.177

NT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,69	1,95	2,11	1,81	2,09	2,04	2,29					
2	1,69	2,01	2,09	1,84	2,10	2,00	2,31					
3	1,68	2,02	2,07	1,86	2,11	1,95	2,30	1,71	1,76	1,96		
4	1,67	2,03	2,07	1,86	2,14	1,94	2,27					
5	1,67	2,06	2,09	1,84	2,14	1,92	2,23					
6	1,67	2,11	2,06	1,88	2,13	1,93	2,20	1,80	1,74	2,05	1,66	1,43
7	1,65	2,15	2,02	1,87	2,08	1,97						
8	1,62	2,17	2,01	1,82	2,03	1,99						
9	1,63	2,20	1,99	1,80	2,05	2,02	1,89	1,86	1,72	1,97		
10	1,65	2,18	2,01	1,82	2,07	2,06						
11	1,65	2,18	1,98	1,84	2,07	2,06						
12	1,65	2,20	1,95	1,84	2,07	2,04	1,70	1,88	1,73	1,88	1,60	1,34
13	1,65	2,21	1,94	1,87	2,08	2,04						
14	1,65	2,22	1,93	1,89	2,11	2,02						
15	1,67	2,23	1,93	1,91	2,13	2,06	1,65	1,85	1,76	1,77		
16	1,64	2,22	1,92	1,97	2,16	2,11						
17	1,59	2,19	1,90	2,02	2,16	2,12						
18	1,61	2,18	1,89	2,06	2,13	2,13	1,63	1,84	1,75	1,71	1,58	1,22
19	1,64	2,19	1,88	2,09	2,09	2,16						
20	1,66	2,19	1,85	2,11	2,06	2,18						
21	1,70	2,20	1,82	2,11	2,05	2,17	1,54	1,82	1,77	1,64		
22	1,74	2,19	1,81	2,09	2,05	2,19						
23	1,78	2,17	1,86	2,07	2,03	2,18						
24	1,73	2,18	1,77	2,06	2,03	2,18	1,49	1,80	1,78	1,56	1,50	1,15
25	1,74	2,21	1,71	2,03	2,02	2,22						
26	1,77	2,20	1,70	2,04	2,03	2,26						
27	1,80	2,17	1,70	2,06	2,04	2,30	1,58	1,82	1,84	1,60		
28	1,84	2,13	1,71	2,06	2,03	2,32						
29	1,91		1,74	2,05	2,02	2,32						
30	1,95		1,76	2,06	2,04	2,29	1,64	1,76	1,90	1,58	1,46	1,20
31	1,96		1,79		2,06							
T.Bình	1,71	2,15	1,91	1,95	2,08	2,11	2,20	1,82	1,78	1,77	1,56	1,27
Max	1,98	2,26	2,14	2,13	2,18	2,33	2,34	1,88	1,90	2,05	1,66	1,43
Min	1,57	1,93	1,68	1,78	1,99	1,90	1,49	1,71	1,72	1,56	1,46	1,15
ΔH	0,41	0,33	0,46	0,35	0,19	0,43	0,85	0,17	0,18	0,49	0,20	0,28

Mức nước trung bình năm: 1,98

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,34

Ngày: 02/07/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,15

Ngày: 24/12/2023

Biên độ dao động năm: 1,19

I.2.2. Vùng ảnh triều

I.2.2.a. Mực nước bình quân ngày

1. Công trình: Q.108aM1

NT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-8,79	-8,93	-8,71	-8,74	-8,70	-8,91	-9,04	-9,25	-9,24	-9,19	-9,19	-9,25
2	-8,79	-8,88	-8,70	-8,80	-8,71	-8,93	-9,06	-9,24	-9,25	-9,22	-9,20	-9,28
3	-8,77	-8,85	-8,70	-8,84	-8,72	-8,94	-9,08	-9,24	-9,28	-9,23	-9,22	-9,28
4	-8,77	-8,84	-8,70	-8,85	-8,79	-8,96	-9,10	-9,23	-9,29	-9,23	-9,23	-9,29
5	-8,73	-8,84	-8,66	-8,81	-8,78	-8,97	-9,11	-9,23	-9,30	-9,19	-9,23	-9,31
6	-8,72	-8,84	-8,68	-8,75	-8,70	-8,98	-9,13	-9,22	-9,30	-9,18	-9,25	-9,28
7	-8,69	-8,77	-8,67	-8,72	-8,70	-8,98	-9,14	-9,25	-9,30	-9,26	-9,22	-9,26
8	-8,70	-8,76	-8,67	-8,69	-8,74	-8,97	-9,15	-9,26	-9,30	-9,24	-9,25	-9,28
9	-8,70	-8,73	-8,68	-8,67	-8,74	-8,93	-9,17	-9,27	-9,28	-9,22	-9,22	-9,29
10	-8,70	-8,75	-8,68	-8,65	-8,74	-8,94	-9,19	-9,28	-9,27	-9,19	-9,16	-9,28
11	-8,73	-8,77	-8,71	-8,73	-8,72	-8,95	-9,19	-9,28	-9,27	-9,17	-9,14	-9,28
12	-8,73	-8,75	-8,71	-8,77	-8,70	-8,96	-9,21	-9,27	-9,26	-9,15	-9,13	-9,29
13	-8,80	-8,74	-8,70	-8,77	-8,73	-8,96	-9,23	-9,27	-9,33	-9,15	-9,11	-9,30
14	-8,81	-8,67	-8,74	-8,76	-8,75	-8,92	-9,24	-9,28	-9,35	-9,19	-9,14	-9,30
15	-8,80	-8,65	-8,72	-8,71	-8,78	-8,90	-9,25	-9,29	-9,30	-9,23	-9,18	-9,29
16	-8,80	-8,67	-8,70	-8,70	-8,80	-8,91	-9,25	-9,30	-9,27	-9,26	-9,13	-9,22
17	-8,83	-8,71	-8,73	-8,74	-8,75	-8,93	-9,26	-9,31	-9,29	-9,27	-9,15	-9,15
18	-8,87	-8,75	-8,73	-8,74	-8,75	-8,93	-9,27	-9,31	-9,32	-9,28	-9,19	-9,19
19	-8,84	-8,73	-8,74	-8,75	-8,77	-8,94	-9,26	-9,32	-9,33	-9,26	-9,22	-9,20
20	-8,88	-8,74	-8,77	-8,76	-8,78	-8,95	-9,26	-9,32	-9,32	-9,20	-9,24	-9,22
21	-8,96	-8,73	-8,79	-8,78	-8,79	-8,97	-9,26	-9,32	-9,27	-9,18	-9,25	-9,22
22		-8,75	-8,81	-8,79	-8,80	-8,98	-9,27	-9,30	-9,27	-9,22	-9,27	-9,20
23		-8,78	-8,77	-8,72	-8,82	-8,98	-9,27	-9,31	-9,27	-9,27	-9,28	-9,21
24	-8,72	-8,75	-8,81	-8,71	-8,83	-8,98	-9,28	-9,33	-9,27	-9,27	-9,33	-9,23
25	-8,72	-8,71	-8,79	-8,70	-8,82	-8,97	-9,28	-9,32	-9,26	-9,27	-9,31	-9,23
26	-8,77	-8,73	-8,75	-8,70	-8,83	-8,97	-9,28	-9,30	-9,21	-9,27	-9,27	-9,25
27	-8,72	-8,78	-8,69	-8,73	-8,84	-8,97	-9,28	-9,28	-9,19	-9,28	-9,23	-9,25
28	-8,74	-8,74	-8,69	-8,75	-8,86	-9,00	-9,28	-9,25	-9,14	-9,28	-9,25	-9,27
29	-8,77		-8,70	-8,71	-8,87	-9,02	-9,29	-9,23	-9,17	-9,24	-9,27	-9,30
30	-8,83		-8,70	-8,68	-8,88	-9,03	-9,29	-9,23	-9,17	-9,21	-9,26	-9,31
31	-8,91		-8,71		-8,90		-9,27	-9,23		-9,18		-9,28
T.Bình	-8,78	-8,76	-8,72	-8,74	-8,78	-8,96	-9,22	-9,27	-9,27	-9,22	-9,22	-9,26
Max	-8,66	-8,61	-8,61	-8,61	-8,66	-8,89	-9,03	-9,21	-9,09	-9,11	-9,08	-9,10
Min	-9,09	-8,96	-8,84	-8,88	-8,91	-9,03	-9,30	-9,34	-9,38	-9,32	-9,40	-9,34
ΔH	0,43	0,35	0,23	0,27	0,25	0,14	0,27	0,13	0,29	0,21	0,32	0,24

Mực nước trung bình năm: -9,02

Mực nước lớn nhất trong năm: -8,61

Ngày: 15/02/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -9,40

Ngày: 24/11/2023

Biên độ dao động năm: 0,79

2. Công trình: Q.164a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-9,29									
2												
3					-9,26	-9,35	-9,18	-9,23	-9,45	-9,19		
4												
5												
6	-9,48	-9,45	-9,32	-9,34	-9,32	-9,38	-9,13	-9,17	-9,46	-9,14	-9,25	-9,25
7												
8												
9					-9,35	-9,46	-9,05	-9,09	-9,48	-9,08		
10												
11												
12	-9,42	-9,41	-9,27	-9,28	-9,38	-9,43	-9,10	-9,12	-9,43	-9,11	-9,20	-9,22
13												
14												
15					-9,34	-9,38	-9,16	-9,18	-9,40	-9,16		
16												
17												
18	-9,36	-9,34	-9,22	-9,21	-9,30	-9,32	-9,25	-9,22	-9,37	-9,23	-9,24	-9,19
19												
20												
21					-9,25	-9,27	-9,32	-9,28	-9,34	-9,31		
22												
23												
24	-9,39	-9,27	-9,16	-9,18	-9,19	-9,30	-9,36	-9,34	-9,32	-9,36	-9,28	-9,24
25												
26												
27					-9,25	-9,27	-9,32	-9,38	-9,28	-9,34		
28												
29												
30	-9,41		-9,25	-9,21	-9,31	-9,24	-9,28	-9,41	-9,24	-9,28	-9,34	-9,27
31												
T.Bình	-9,41	-9,37	-9,25	-9,24	-9,30	-9,34	-9,22	-9,24	-9,38	-9,22	-9,26	-9,23
Max	-9,36	-9,27	-9,16	-9,18	-9,19	-9,24	-9,05	-9,09	-9,24	-9,08	-9,20	-9,19
Min	-9,48	-9,45	-9,32	-9,34	-9,38	-9,46	-9,36	-9,41	-9,48	-9,36	-9,34	-9,27
ΔH	0,12	0,18	0,16	0,16	0,19	0,22	0,31	0,32	0,24	0,28	0,14	0,08

Mức nước trung bình năm: -9,28

Mức nước lớn nhất trong năm: -9,05 Ngày: 09/07/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -9,48 Ngày: 06/01/2023

Biên độ dao động năm: 0,43

3. Công trình: Q.167

NT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	1,23	0,95	0,96	0,73	0,94	0,84	0,99	1,09	0,93	1,14	0,63	0,68
2	1,22	1,00	1,03	0,62	0,93	0,80	0,99	1,15	0,93	1,05	0,58	0,69
3	1,24	0,97	1,01	0,57	0,89	0,74	0,96	1,16	0,94	1,01	0,59	0,70
4	1,13	0,96	1,01	0,61	0,78	0,75	0,87	1,28	0,92	1,01	0,58	0,68
5	1,11	1,01	1,04	0,67	0,70	0,75	0,84	1,25	0,89	1,01	0,53	0,60
6	1,15	1,00	1,00	0,73	0,86	0,81	0,82	1,21	0,86	0,97	0,54	0,67
7	1,13	1,06	0,96	0,77	0,79	0,91	0,87	1,18	0,87	0,91	0,60	0,68
8	1,11	1,03	0,94	0,79	0,79	0,96	0,85	1,14	0,90	0,87	0,51	0,64
9	1,12	1,02	0,97	0,82	0,75	0,90	0,81	1,09	0,95	0,89	0,58	0,61
10	1,19	1,10	0,95	0,80	0,77	0,77	0,79	1,08	1,05	0,89	0,68	0,59
11	1,28	1,08	0,90	0,73	0,76	0,68	0,77	1,16	1,08	0,85	0,72	0,59
12	1,25	1,08	0,88	0,74	0,84	0,64	0,74	1,12	1,17	0,90	0,74	0,58
13	1,15	1,07	0,89	0,74	0,88	0,70	0,72	1,05	1,05	0,88	0,79	0,62
14	1,13	1,10	0,83	0,69	0,85	0,77	0,63	1,05	1,03	0,83	0,75	0,62
15	1,17	1,06	0,90	0,72	0,82	0,81	0,66	0,97	1,06	0,77	0,74	0,59
16	1,22	1,08	0,96	0,73	0,80	0,79	0,65	0,98	1,05	0,73	0,79	0,62
17	1,20	1,08	0,85	0,66	0,86	0,84	0,63	0,95	1,02	0,70	0,72	0,77
18	1,17	1,02	0,77	0,67	0,85	0,88	0,53	0,95	1,01	0,67	0,71	0,75
19	1,10	1,01	0,80	0,69	0,81	0,93	0,61	0,90	0,99	0,64	0,68	0,73
20	1,12	1,03	0,82	0,67	0,74	0,95	0,75	0,94	0,95	0,73	0,66	0,67
21	1,18	1,03	0,79	0,63	0,76	0,94	0,79	0,96	0,99	0,76	0,65	0,70
22	1,18	1,00	0,75	0,56	0,76	0,84	0,71	0,94	1,06	0,68	0,58	0,74
23	1,21	0,94	0,85	0,67	0,71	0,85	0,75	0,92	1,04	0,68	0,63	0,71
24	1,25	1,02	0,81	0,69	0,73	0,91	0,76	1,01	0,95	0,63	0,61	0,68
25	1,16	1,09	0,81	0,69	0,82	1,02	0,74	1,04	0,98	0,64	0,63	0,65
26	1,06	1,07	0,76	0,88	0,86	1,14	0,72	1,01	1,00	0,55	0,64	0,67
27	1,15	1,03	0,73	0,85	0,91	1,22	0,69	1,04	1,13	0,57	0,64	0,66
28	1,15	0,94	0,77	0,83	0,94	1,18	0,66	1,09	1,39	0,58	0,66	0,59
29	1,10		0,78	0,88	0,94	1,13	0,60	1,05	1,27	0,58	0,65	0,55
30	1,03		0,79	0,96	0,91	1,09	0,70	1,04	1,20	0,62	0,62	0,57
31	0,95		0,79		0,88		0,95	1,01		0,66		0,67
T.Bình	1,16	1,03	0,87	0,73	0,83	0,89	0,76	1,06	1,02	0,79	0,65	0,65
Max	1,30	1,15	1,10	1,01	0,99	1,25	1,12	1,32	1,48	1,21	0,85	0,81
Min	0,91	0,85	0,67	0,50	0,65	0,63	0,50	0,87	0,83	0,50	0,47	0,48
ΔH	0,39	0,30	0,43	0,51	0,34	0,62	0,62	0,45	0,65	0,71	0,38	0,33

Mức nước trung bình năm: 0,87

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,48

Ngày: 28/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,47

Ngày: 08/11/2023

Biên độ dao động năm: 1,01

I.2.2.b. Mục nước thực đo theo giờ

1. Công trình Q.108aM1

• Mục nước giờ tháng 2

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-8,95	-8,95	-8,94	-8,91	-8,90	-8,90	-8,94	-8,96	-8,94	-8,92	-8,91	-8,92	0,06
2	-8,92	-8,91	-8,89	-8,86	-8,84	-8,84	-8,88	-8,89	-8,89	-8,87	-8,86	-8,87	0,08
3	-8,88	-8,89	-8,86	-8,83	-8,81	-8,82	-8,85	-8,86	-8,85	-8,83	-8,82	-8,85	0,08
4	-8,85	-8,86	-8,84	-8,82	-8,80	-8,81	-8,85	-8,86	-8,87	-8,85	-8,83	-8,84	0,07
5	-8,86	-8,86	-8,84	-8,82	-8,81	-8,81	-8,84	-8,86	-8,84	-8,82	-8,84	-8,85	0,05
6	-8,86	-8,86	-8,86	-8,85	-8,85	-8,86	-8,86	-8,83	-8,82	-8,81	-8,79	-8,80	0,07
7	-8,80	-8,80	-8,78	-8,75	-8,74	-8,75	-8,78	-8,79	-8,79	-8,77	-8,76	-8,77	0,06
8	-8,78	-8,78	-8,77	-8,74	-8,73	-8,75	-8,77	-8,78	-8,78	-8,76	-8,74	-8,76	0,05
9	-8,76	-8,76	-8,74	-8,71	-8,70	-8,70	-8,73	-8,75	-8,74	-8,73	-8,73	-8,74	0,06
10	-8,75	-8,76	-8,75	-8,72	-8,72	-8,73	-8,76	-8,78	-8,77	-8,76	-8,76	-8,76	0,06
11	-8,77	-8,78	-8,77	-8,75	-8,73	-8,75	-8,79	-8,80	-8,79	-8,77	-8,75	-8,76	0,07
12	-8,77	-8,77	-8,75	-8,72	-8,71	-8,73	-8,76	-8,78	-8,77	-8,75	-8,74	-8,75	0,07
13	-8,77	-8,77	-8,75	-8,72	-8,70	-8,72	-8,75	-8,76	-8,74	-8,72	-8,70	-8,71	0,07
14	-8,72	-8,71	-8,69	-8,65	-8,63	-8,64	-8,67	-8,69	-8,68	-8,67	-8,66	-8,66	0,09
15	-8,66	-8,67	-8,66	-8,62	-8,61	-8,63	-8,69	-8,69	-8,67	-8,65	-8,64	-8,66	0,08
16	-8,66	-8,67	-8,66	-8,63	-8,62	-8,64	-8,67	-8,70	-8,70	-8,68	-8,68	-8,69	0,08
17	-8,70	-8,71	-8,70	-8,68	-8,67	-8,68	-8,72	-8,75	-8,73	-8,72	-8,72	-8,72	0,08
18	-8,73	-8,74	-8,74	-8,72	-8,71	-8,73	-8,77	-8,79	-8,78	-8,76	-8,74	-8,74	0,08
19	-8,75	-8,75	-8,73	-8,70	-8,68	-8,70	-8,73	-8,76	-8,74	-8,73	-8,72	-8,73	0,08
20	-8,75	-8,74	-8,73	-8,71	-8,70	-8,72	-8,76	-8,77	-8,76	-8,74	-8,73	-8,74	0,07
21	-8,75	-8,76	-8,74	-8,71	-8,69	-8,70	-8,74	-8,76	-8,75	-8,73	-8,72	-8,74	0,07
22	-8,75	-8,75	-8,74	-8,72	-8,70	-8,73	-8,76	-8,77	-8,77	-8,76	-8,75	-8,77	0,07
23	-8,79	-8,78	-8,77	-8,75	-8,73	-8,75	-8,79	-8,80	-8,80	-8,79	-8,78	-8,79	0,07
24	-8,80	-8,80	-8,78	-8,74	-8,72	-8,75	-8,76	-8,76	-8,73	-8,72	-8,71	-8,71	0,09
25	-8,73	-8,73	-8,71	-8,68	-8,67	-8,69	-8,74	-8,75	-8,73	-8,71	-8,70	-8,71	0,08
26	-8,72	-8,72	-8,71	-8,69	-8,68	-8,71	-8,76	-8,78	-8,77	-8,75	-8,74	-8,76	0,1
27	-8,78	-8,78	-8,77	-8,75	-8,74	-8,78	-8,79	-8,80	-8,81	-8,78	-8,78	-8,78	0,07
28	-8,78	-8,76	-8,75	-8,73	-8,71	-8,73	-8,75	-8,76	-8,75	-8,73	-8,72	-8,72	0,07

• **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-8,71	-8,71	-8,69	-8,67	-8,66	-8,68	-8,71	-8,73	-8,73	-8,72	-8,71	-8,71	0,07
2	-8,73	-8,73	-8,70	-8,68	-8,67	-8,68	-8,70	-8,73	-8,73	-8,71	-8,70	-8,70	0,06
3	-8,72	-8,71	-8,69	-8,67	-8,67	-8,69	-8,73	-8,75	-8,75	-8,75	-8,75	-8,78	0,11
4	-8,80	-8,80	-8,79	-8,76	-8,78	-8,79	-8,80	-8,80	-8,80	-8,79	-8,76	-8,80	0,04
5	-8,80	-8,78	-8,79	-8,78	-8,79	-8,79	-8,78	-8,78	-8,76	-8,76	-8,75	-8,75	0,05
6	-8,73	-8,72	-8,72	-8,71	-8,69	-8,70	-8,70	-8,69	-8,68	-8,68	-8,68	-8,69	0,05
7	-8,69	-8,69	-8,69	-8,70	-8,70	-8,71	-8,71	-8,70	-8,69	-8,68	-8,68	-8,69	0,03
8	-8,69	-8,70	-8,75	-8,73	-8,72	-8,74	-8,76	-8,78	-8,76	-8,75	-8,74	-8,74	0,09
9	-8,75	-8,74	-8,72	-8,70	-8,71	-8,73	-8,76	-8,77	-8,77	-8,75	-8,74	-8,75	0,07
10	-8,77	-8,76	-8,74	-8,72	-8,71	-8,73	-8,76	-8,78	-8,76	-8,73	-8,71	-8,71	0,07
11	-8,72	-8,73	-8,71	-8,69	-8,68	-8,71	-8,75	-8,75	-8,74	-8,72	-8,70	-8,70	0,07
12	-8,72	-8,72	-8,69	-8,66	-8,66	-8,68	-8,71	-8,73	-8,73	-8,71	-8,70	-8,71	0,07
13	-8,73	-8,73	-8,71	-8,70	-8,70	-8,72	-8,74	-8,76	-8,75	-8,73	-8,72	-8,74	0,06
14	-8,76	-8,75	-8,73	-8,72	-8,71	-8,73	-8,76	-8,77	-8,77	-8,75	-8,75	-8,76	0,06
15	-8,78	-8,79	-8,77	-8,74	-8,74	-8,77	-8,79	-8,81	-8,81	-8,79	-8,78	-8,78	0,07
16	-8,81	-8,81	-8,79	-8,78	-8,78	-8,81	-8,79	-8,80	-8,81	-8,79	-8,80	-8,79	0,03
17	-8,77	-8,77	-8,77	-8,76	-8,76	-8,75	-8,76	-8,75	-8,73	-8,74	-8,74	-8,74	0,04
18	-8,74	-8,74	-8,74	-8,75	-8,76	-8,76	-8,76	-8,75	-8,75	-8,75	-8,76	-8,76	0,02
19	-8,76	-8,76	-8,76	-8,77	-8,77	-8,78	-8,78	-8,77	-8,77	-8,77	-8,77	-8,77	0,02
20	-8,77	-8,78	-8,77	-8,78	-8,79	-8,79	-8,79	-8,79	-8,78	-8,78	-8,78	-8,78	0,02
21	-8,78	-8,78	-8,78	-8,78	-8,79	-8,80	-8,80	-8,79	-8,79	-8,79	-8,79	-8,79	0,02
22	-8,79	-8,79	-8,79	-8,80	-8,80	-8,81	-8,81	-8,81	-8,80	-8,81	-8,81	-8,81	0,02
23	-8,81	-8,81	-8,82	-8,82	-8,82	-8,82	-8,83	-8,83	-8,82	-8,82	-8,82	-8,82	0,02
24	-8,82	-8,83	-8,83	-8,83	-8,83	-8,83	-8,84	-8,84	-8,84	-8,84	-8,84	-8,84	0,02
25	-8,83	-8,81	-8,81	-8,81	-8,82	-8,82	-8,83	-8,83	-8,82	-8,83	-8,83	-8,83	0,02
26	-8,82	-8,82	-8,83	-8,83	-8,83	-8,83	-8,84	-8,84	-8,84	-8,84	-8,84	-8,84	0,02
27	-8,83	-8,83	-8,84	-8,84	-8,84	-8,85	-8,85	-8,85	-8,85	-8,85	-8,85	-8,85	0,02
28	-8,85	-8,85	-8,85	-8,85	-8,86	-8,86	-8,86	-8,86	-8,86	-8,86	-8,86	-8,86	0,01
29	-8,86	-8,86	-8,86	-8,87	-8,87	-8,88	-8,88	-8,87	-8,87	-8,87	-8,88	-8,87	0,02
30	-8,88	-8,88	-8,88	-8,88	-8,89	-8,89	-8,89	-8,89	-8,88	-8,89	-8,89	-8,89	0,01
31	-8,89	-8,89	-8,89	-8,90	-8,90	-8,90	-8,90	-8,90	-8,90	-8,90	-8,91	-8,90	0,02

• **Mực nước giờ tháng 8**

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-9,25	-9,25	-9,26	-9,25	-9,26	-9,26	-9,25	-9,25	-9,24	-9,25	-9,25	-9,24	0,02
2	-9,24	-9,24	-9,24	-9,24	-9,24	-9,25	-9,24	-9,24	-9,24	-9,25	-9,25	-9,24	0,01
3	-9,24	-9,24	-9,24	-9,24	-9,24	-9,25	-9,24	-9,24	-9,24	-9,24	-9,24	-9,23	0,02
4	-9,23	-9,23	-9,23	-9,23	-9,23	-9,23	-9,23	-9,23	-9,23	-9,24	-9,24	-9,23	0,01
5	-9,23	-9,22	-9,23	-9,22	-9,23	-9,23	-9,22	-9,23	-9,23	-9,23	-9,23	-9,22	0,01
6	-9,21	-9,22	-9,22	-9,22	-9,22	-9,22	-9,22	-9,22	-9,23	-9,23	-9,24	-9,24	0,03
7	-9,24	-9,25	-9,25	-9,24	-9,25	-9,25	-9,25	-9,25	-9,25	-9,25	-9,25	-9,25	0,01
8	-9,25	-9,25	-9,26	-9,26	-9,26	-9,26	-9,26	-9,26	-9,26	-9,26	-9,26	-9,26	0,01
9	-9,26	-9,26	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	-9,28	-9,27	-9,27	-9,28	-9,28	-9,27	0,02
10	-9,27	-9,28	-9,28	-9,28	-9,28	-9,28	-9,29	-9,28	-9,28	-9,29	-9,28	-9,28	0,02
11	-9,28	-9,28	-9,28	-9,28	-9,29	-9,27	-9,28	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	0,02
12	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	-9,26	-9,26	-9,27	-9,27	-9,27	0,01
13	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	-9,28	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	0,01
14	-9,27	-9,27	-9,27	-9,28	-9,28	-9,29	-9,29	-9,29	-9,28	-9,26	-9,28	-9,27	0,03
15	-9,28	-9,28	-9,28	-9,29	-9,29	-9,30	-9,30	-9,30	-9,29	-9,29	-9,30	-9,30	0,02
16	-9,30	-9,30	-9,30	-9,30	-9,30	-9,31	-9,31	-9,31	-9,30	-9,30	-9,30	-9,30	0,01
17	-9,30	-9,30	-9,30	-9,30	-9,31	-9,31	-9,31	-9,31	-9,30	-9,30	-9,31	-9,31	0,01
18	-9,30	-9,31	-9,30	-9,30	-9,31	-9,31	-9,31	-9,31	-9,31	-9,31	-9,31	-9,31	0,01
19	-9,31	-9,31	-9,32	-9,32	-9,31	-9,32	-9,32	-9,31	-9,32	-9,32	-9,31	-9,32	0,01
20	-9,31	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	0,01
21	-9,32	-9,32	-9,31	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,31	-9,31	0,01
22	-9,31	-9,30	-9,29	-9,29	-9,29	-9,30	-9,30	-9,30	-9,30	-9,29	-9,30	-9,30	0,02
23	-9,30	-9,30	-9,30	-9,30	-9,30	-9,31	-9,31	-9,31	-9,32	-9,32	-9,33	-9,33	0,03
24	-9,33	-9,34	-9,34	-9,34	-9,34	-9,33	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	0,02
25	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,32	-9,31	-9,31	-9,31	-9,32	-9,31	0,01
26	-9,31	-9,31	-9,31	-9,31	-9,31	-9,31	-9,30	-9,30	-9,29	-9,29	-9,29	-9,29	0,02
27	-9,28	-9,28	-9,28	-9,29	-9,29	-9,29	-9,28	-9,27	-9,27	-9,27	-9,27	-9,26	0,03
28	-9,26	-9,26	-9,26	-9,25	-9,25	-9,25	-9,25	-9,24	-9,24	-9,23	-9,23	-9,23	0,03
29	-9,22	-9,22	-9,22	-9,23	-9,23	-9,23	-9,23	-9,23	-9,22	-9,23	-9,23	-9,23	0,01
30	-9,23	-9,23	-9,23	-9,23	-9,24	-9,24	-9,24	-9,24	-9,23	-9,23	-9,23	-9,23	0,01
31	-9,22	-9,22	-9,22	-9,23	-9,24	-9,24	-9,24	-9,23	-9,23	-9,23	-9,24	-9,24	0,02

• **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-9,21	-9,20	-9,18	-9,15	-9,14	-9,17	-9,20	-9,22	-9,20	-9,19	-9,20	-9,21	0,08
2	-9,23	-9,22	-9,20	-9,17	-9,16	-9,18	-9,22	-9,22	-9,21	-9,19	-9,19	-9,21	0,07
3	-9,23	-9,23	-9,21	-9,19	-9,18	-9,21	-9,23	-9,25	-9,23	-9,22	-9,22	-9,24	0,07
4	-9,25	-9,25	-9,23	-9,20	-9,19	-9,21	-9,24	-9,25	-9,24	-9,23	-9,23	-9,24	0,06
5	-9,25	-9,25	-9,23	-9,20	-9,19	-9,21	-9,25	-9,25	-9,24	-9,22	-9,22	-9,26	0,07
6	-9,26	-9,26	-9,26	-9,27	-9,27	-9,27	-9,25	-9,26	-9,24	-9,21	-9,21	-9,22	0,06
7	-9,24	-9,24	-9,22	-9,20	-9,18	-9,20	-9,23	-9,24	-9,23	-9,22	-9,22	-9,23	0,06
8	-9,25	-9,25	-9,24	-9,22	-9,22	-9,24	-9,28	-9,29	-9,27	-9,26	-9,25	-9,26	0,07
9	-9,27	-9,26	-9,24	-9,21	-9,19	-9,21	-9,23	-9,24	-9,22	-9,20	-9,20	-9,20	0,08
10	-9,21	-9,20	-9,17	-9,14	-9,12	-9,14	-9,17	-9,18	-9,16	-9,15	-9,14	-9,16	0,09
11	-9,17	-9,16	-9,14	-9,11	-9,10	-9,12	-9,15	-9,16	-9,14	-9,13	-9,13	-9,14	0,07
12	-9,15	-9,15	-9,12	-9,10	-9,08	-9,11	-9,14	-9,15	-9,14	-9,12	-9,13	-9,14	0,07
13	-9,16	-9,15	-9,13	-9,10	-9,08	-9,11	-9,09	-9,12	-9,09	-9,09	-9,11	-9,12	0,08
14	-9,13	-9,13	-9,12	-9,10	-9,09	-9,11	-9,15	-9,17	-9,16	-9,15	-9,16	-9,18	0,09
15	-9,20	-9,20	-9,18	-9,16	-9,15	-9,16	-9,19	-9,20	-9,19	-9,18	-9,18	-9,18	0,05
16	-9,19	-9,18	-9,15	-9,12	-9,09	-9,11	-9,13	-9,14	-9,12	-9,10	-9,11	-9,13	0,1
17	-9,15	-9,15	-9,14	-9,11	-9,11	-9,13	-9,17	-9,18	-9,18	-9,16	-9,16	-9,18	0,07
18	-9,19	-9,20	-9,18	-9,15	-9,15	-9,18	-9,22	-9,23	-9,22	-9,18	-9,19	-9,20	0,08
19	-9,22	-9,22	-9,21	-9,19	-9,18	-9,20	-9,24	-9,26	-9,25	-9,23	-9,23	-9,24	0,08
20	-9,26	-9,26	-9,24	-9,21	-9,21	-9,23	-9,26	-9,27	-9,25	-9,24	-9,23	-9,25	0,06
21	-9,26	-9,26	-9,24	-9,21	-9,20	-9,22	-9,26	-9,28	-9,28	-9,25	-9,25	-9,27	0,08
22	-9,28	-9,29	-9,26	-9,23	-9,22	-9,25	-9,29	-9,31	-9,29	-9,29	-9,28	-9,31	0,09
23	-9,31	-9,32	-9,28	-9,26	-9,24	-9,26	-9,29	-9,30	-9,29	-9,26	-9,27	-9,29	0,08
24	-9,30	-9,30	-9,28	-9,35	-9,34	-9,40	-9,39	-9,38	-9,33	-9,30	-9,31	-9,32	0,12
25	-9,34	-9,34	-9,32	-9,29	-9,28	-9,29	-9,33	-9,33	-9,31	-9,29	-9,29	-9,29	0,06
26	-9,30	-9,30	-9,28	-9,25	-9,22	-9,24	-9,28	-9,29	-9,27	-9,25	-9,25	-9,25	0,08
27	-9,26	-9,25	-9,23	-9,20	-9,19	-9,21	-9,24	-9,25	-9,25	-9,24	-9,24	-9,24	0,07
28	-9,26	-9,26	-9,24	-9,22	-9,21	-9,23	-9,26	-9,27	-9,27	-9,26	-9,26	-9,26	0,06
29	-9,29	-9,29	-9,27	-9,25	-9,24	-9,26	-9,29	-9,29	-9,27	-9,25	-9,25	-9,27	0,05
30	-9,28	-9,28	-9,26	-9,24	-9,23	-9,25	-9,28	-9,29	-9,27	-9,25	-9,25	-9,26	0,06

2. Công trình Q.167

• Mục nước giờ tháng 2

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,90	0,91	0,92	0,95	0,98	0,98	0,95	0,93	0,95	0,97	0,98	0,98	0,08
2	0,97	0,97	1,00	1,03	1,06	1,05	1,00	0,97	0,97	0,98	0,97	0,97	0,09
3	0,95	0,95	0,97	1,00	1,03	1,02	0,98	0,94	0,94	0,95	0,94	0,91	0,12
4	0,91	0,90	0,92	0,95	0,99	0,99	0,96	0,95	0,96	0,98	1,00	0,99	0,1
5	0,98	0,97	0,99	1,01	1,03	1,01	0,99	1,01	1,04	1,07	0,97	0,97	0,1
6	0,98	0,98	0,98	0,98	0,97	0,97	0,97	1,04	1,05	1,06	1,06	1,05	0,09
7	1,05	1,04	1,05	1,08	1,08	1,08	1,05	1,04	1,05	1,05	1,07	1,06	0,04
8	1,05	1,04	1,05	1,07	1,08	1,06	1,04	1,01	1,00	0,99	0,99	0,95	0,13
9	0,93	0,93	0,96	0,99	1,01	1,02	1,01	1,03	1,06	1,10	1,11	1,11	0,18
10	1,10	1,10	1,11	1,13	1,13	1,12	1,09	1,07	1,08	1,09	1,09	1,08	0,06
11	1,07	1,07	1,08	1,10	1,11	1,10	1,06	1,05	1,06	1,07	1,08	1,08	0,06
12	1,07	1,07	1,08	1,10	1,11	1,10	1,07	1,05	1,06	1,08	1,08	1,07	0,06
13	1,05	1,05	1,07	1,09	1,11	1,09	1,06	1,04	1,05	1,07	1,08	1,08	0,07
14	1,06	1,07	1,09	1,12	1,15	1,13	1,10	1,08	1,09	1,10	1,10	1,10	0,09
15	1,09	1,09	1,10	1,13	1,13	1,08	1,02	1,01	0,99	1,01	1,02	1,00	0,14
16	1,00	1,01	1,05	1,09	1,13	1,12	1,10	1,08	1,08	1,09	1,10	1,08	0,13
17	1,06	1,06	1,08	1,10	1,12	1,11	1,08	1,05	1,06	1,08	1,08	1,08	0,07
18	1,07	1,06	1,06	1,08	1,09	1,07	1,03	0,98	0,96	0,96	0,96	0,95	0,14
19	0,95	0,95	0,98	1,01	1,04	1,04	1,01	1,00	1,01	1,03	1,04	1,04	0,09
20	1,02	1,02	1,03	1,05	1,07	1,05	1,01	0,99	1,00	1,02	1,03	1,02	0,08
21	1,01	1,01	1,03	1,05	1,06	1,06	1,02	1,01	1,01	1,02	1,03	1,02	0,05
22	1,00	1,00	1,01	1,03	1,04	1,02	1,00	0,99	0,98	0,97	0,96	0,93	0,11
23	0,89	0,90	0,92	0,94	0,97	0,96	0,94	0,94	0,95	0,97	0,98	0,97	0,09
24	0,97	0,97	1,00	1,03	1,04	1,02	1,02	1,05	1,04	1,06	1,07	1,07	0,1
25	1,07	1,07	1,09	1,12	1,13	1,12	1,07	1,05	1,07	1,09	1,10	1,09	0,08
26	1,08	1,08	1,10	1,12	1,12	1,09	1,05	1,02	1,03	1,04	1,05	1,03	0,1
27	1,01	1,02	1,04	1,07	1,07	1,06	1,03	1,00	1,00	1,01	1,01	1,01	0,07
28	0,99	0,99	1,01	1,03	1,01	0,97	0,91	0,87	0,85	0,86	0,88	0,87	0,18

• **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,93	0,93	0,96	0,99	0,99	0,97	0,94	0,91	0,91	0,93	0,94	0,93	0,08
2	0,91	0,92	0,94	0,97	0,97	0,96	0,93	0,90	0,90	0,91	0,92	0,92	0,07
3	0,90	0,90	0,93	0,94	0,94	0,92	0,89	0,86	0,86	0,85	0,85	0,83	0,11
4	0,80	0,80	0,81	0,83	0,82	0,81	0,77	0,75	0,74	0,75	0,75	0,73	0,1
5	0,71	0,71	0,73	0,74	0,75	0,72	0,68	0,66	0,65	0,67	0,68	0,67	0,1
6	0,88	0,88	0,87	0,87	0,86	0,85	0,84	0,84	0,84	0,85	0,85	0,86	0,04
7	0,85	0,83	0,80	0,78	0,77	0,76	0,76	0,76	0,77	0,77	0,79	0,80	0,09
8	0,81	0,82	0,76	0,80	0,81	0,80	0,78	0,77	0,78	0,79	0,80	0,81	0,06
9	0,80	0,79	0,80	0,80	0,78	0,74	0,70	0,69	0,69	0,71	0,72	0,72	0,11
10	0,72	0,74	0,77	0,79	0,80	0,79	0,76	0,74	0,76	0,78	0,79	0,79	0,08
11	0,78	0,77	0,78	0,79	0,78	0,74	0,69	0,71	0,75	0,78	0,80	0,81	0,12
12	0,79	0,80	0,84	0,87	0,87	0,86	0,84	0,82	0,82	0,85	0,86	0,86	0,08
13	0,85	0,86	0,89	0,91	0,91	0,89	0,87	0,86	0,87	0,89	0,90	0,89	0,06
14	0,87	0,88	0,90	0,92	0,91	0,87	0,83	0,80	0,80	0,81	0,82	0,80	0,12
15	0,79	0,79	0,82	0,86	0,87	0,85	0,82	0,80	0,80	0,82	0,83	0,82	0,08
16	0,80	0,80	0,83	0,84	0,85	0,82	0,79	0,77	0,78	0,78	0,79	0,78	0,08
17	0,76	0,89	0,89	0,89	0,88	0,88	0,87	0,87	0,87	0,87	0,87	0,87	0,13
18	0,87	0,87	0,86	0,86	0,85	0,85	0,84	0,84	0,83	0,83	0,83	0,83	0,04
19	0,84	0,84	0,83	0,83	0,82	0,81	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,04
20	0,80	0,78	0,77	0,76	0,74	0,73	0,72	0,72	0,72	0,72	0,73	0,74	0,08
21	0,76	0,77	0,77	0,77	0,77	0,77	0,76	0,76	0,76	0,75	0,76	0,76	0,02
22	0,77	0,78	0,78	0,78	0,77	0,77	0,75	0,75	0,75	0,75	0,75	0,76	0,03
23	0,77	0,76	0,74	0,73	0,72	0,70	0,69	0,68	0,68	0,69	0,69	0,71	0,09
24	0,72	0,73	0,74	0,75	0,75	0,74	0,74	0,74	0,73	0,72	0,73	0,73	0,03
25	0,73	0,79	0,84	0,85	0,85	0,84	0,83	0,83	0,83	0,84	0,84	0,84	0,12
26	0,86	0,87	0,88	0,88	0,87	0,85	0,86	0,86	0,85	0,84	0,85	0,85	0,04
27	0,85	0,86	0,88	0,91	0,92	0,94	0,94	0,94	0,95	0,94	0,93	0,93	0,1
28	0,93	0,94	0,96	0,96	0,96	0,95	0,94	0,92	0,91	0,91	0,92	0,93	0,05
29	0,94	0,95	0,95	0,96	0,96	0,95	0,95	0,94	0,93	0,93	0,93	0,93	0,03
30	0,93	0,93	0,93	0,93	0,92	0,92	0,91	0,91	0,90	0,90	0,90	0,90	0,03
31	0,90	0,90	0,90	0,89	0,88	0,88	0,87	0,87	0,86	0,86	0,86	0,85	0,05

• **Mực nước giờ tháng 8**

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	1,12	1,10	1,08	1,07	1,05	1,04	1,05	1,09	1,11	1,12	1,14	1,17	0,13
2	1,16	1,14	1,12	1,10	1,09	1,08	1,08	1,17	1,21	1,22	1,22	1,23	0,15
3	1,22	1,20	1,18	1,16	1,14	1,13	1,13	1,13	1,14	1,14	1,14	1,15	0,09
4	1,24	1,27	1,28	1,29	1,28	1,27	1,25	1,25	1,30	1,32	1,32	1,32	0,08
5	1,32	1,31	1,28	1,26	1,24	1,24	1,24	1,23	1,23	1,23	1,23	1,23	0,09
6	1,23	1,23	1,23	1,22	1,22	1,21	1,21	1,20	1,20	1,20	1,19	1,19	0,04
7	1,19	1,19	1,19	1,19	1,19	1,18	1,18	1,17	1,17	1,17	1,16	1,16	0,03
8	1,16	1,16	1,16	1,15	1,15	1,14	1,13	1,13	1,13	1,12	1,12	1,12	0,04
9	1,12	1,12	1,11	1,11	1,10	1,09	1,09	1,09	1,09	1,07	1,06	1,04	0,08
10	1,02	1,00	0,99	0,99	1,00	1,00	1,08	1,15	1,18	1,19	1,19	1,18	0,2
11	1,18	1,16	1,15	1,14	1,14	1,15	1,15	1,17	1,17	1,17	1,17	1,16	0,04
12	1,15	1,14	1,13	1,11	1,11	1,11	1,11	1,11	1,10	1,10	1,10	1,10	0,05
13	1,09	1,07	1,05	1,03	1,02	1,02	1,03	1,04	1,04	1,05	1,05	1,06	0,07
14	1,07	1,07	1,06	1,06	1,05	1,06	1,05	1,04	1,04	1,04	1,04	1,04	0,03
15	1,03	1,02	1,00	0,97	0,94	0,93	0,94	0,95	0,95	0,95	0,95	0,96	0,1
16	0,98	0,98	0,99	0,99	0,99	0,99	0,98	0,98	0,98	0,97	0,97	0,98	0,02
17	0,99	0,98	0,97	0,96	0,94	0,94	0,93	0,94	0,94	0,94	0,94	0,95	0,06
18	0,96	0,96	0,97	0,96	0,96	0,95	0,95	0,94	0,94	0,93	0,94	0,94	0,04
19	0,94	0,94	0,92	0,90	0,90	0,88	0,87	0,87	0,88	0,89	0,89	0,90	0,07
20	0,92	0,93	0,93	0,93	0,93	0,94	0,95	0,96	0,96	0,96	0,96	0,96	0,04
21	0,97	0,97	0,97	0,97	0,96	0,96	0,96	0,96	0,95	0,95	0,95	0,95	0,02
22	0,95	0,95	0,95	0,94	0,94	0,94	0,94	0,93	0,93	0,93	0,92	0,92	0,03
23	0,93	0,93	0,92	0,92	0,92	0,91	0,91	0,89	0,88	0,91	0,94	0,96	0,08
24	0,97	0,99	1,00	1,00	0,98	0,97	0,96	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05	0,09
25	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05	1,04	1,02	1,00	0,05
26	0,99	0,97	0,94	0,95	0,99	1,01	1,03	1,04	1,05	1,05	1,05	1,05	0,11
27	1,06	1,06	1,05	1,05	1,04	1,04	1,04	1,03	1,03	1,03	1,03	1,03	0,03
28	1,03	1,03	1,05	1,08	1,10	1,08	1,12	1,13	1,12	1,12	1,12	1,11	0,1
29	1,10	1,08	1,05	1,03	1,01	1,02	1,03	1,04	1,04	1,04	1,04	1,04	0,09
30	1,05	1,05	1,05	1,05	1,04	1,03	1,03	1,03	1,02	1,02	1,02	1,02	0,03
31	1,02	1,03	1,03	1,02	1,02	1,01	1,01	1,01	1,00	1,00	1,00	1,00	0,03

• **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,63	0,64	0,66	0,69	0,70	0,68	0,63	0,61	0,61	0,61	0,58	0,55	0,15
2	0,53	0,54	0,56	0,59	0,61	0,60	0,56	0,57	0,60	0,62	0,62	0,60	0,09
3	0,59	0,59	0,61	0,63	0,63	0,60	0,58	0,56	0,59	0,59	0,59	0,57	0,07
4	0,56	0,56	0,58	0,60	0,62	0,61	0,58	0,58	0,58	0,58	0,56	0,53	0,09
5	0,49	0,48	0,50	0,53	0,56	0,55	0,51	0,51	0,53	0,55	0,56	0,53	0,08
6	0,53	0,53	0,53	0,52	0,52	0,52	0,49	0,53	0,55	0,59	0,59	0,59	0,1
7	0,57	0,58	0,60	0,62	0,65	0,63	0,58	0,58	0,60	0,61	0,60	0,57	0,08
8	0,53	0,50	0,50	0,52	0,53	0,51	0,47	0,47	0,49	0,52	0,53	0,53	0,06
9	0,52	0,53	0,56	0,59	0,62	0,61	0,57	0,56	0,58	0,61	0,62	0,61	0,1
10	0,61	0,62	0,65	0,70	0,74	0,73	0,69	0,68	0,69	0,71	0,72	0,71	0,13
11	0,69	0,70	0,72	0,75	0,77	0,74	0,71	0,69	0,70	0,71	0,72	0,71	0,08
12	0,70	0,70	0,72	0,75	0,77	0,74	0,70	0,71	0,76	0,80	0,81	0,80	0,11
13	0,77	0,78	0,80	0,83	0,85	0,81	0,82	0,77	0,78	0,77	0,73	0,73	0,12
14	0,72	0,71	0,73	0,77	0,80	0,79	0,76	0,74	0,75	0,76	0,75	0,73	0,09
15	0,71	0,71	0,72	0,75	0,77	0,76	0,73	0,72	0,74	0,75	0,75	0,75	0,06
16	0,74	0,74	0,78	0,82	0,84	0,83	0,82	0,79	0,79	0,79	0,76	0,72	0,12
17	0,69	0,69	0,71	0,74	0,76	0,74	0,71	0,71	0,72	0,74	0,75	0,73	0,07
18	0,71	0,71	0,72	0,74	0,76	0,72	0,67	0,67	0,68	0,72	0,72	0,70	0,09
19	0,69	0,69	0,70	0,72	0,73	0,70	0,66	0,64	0,66	0,67	0,67	0,66	0,09
20	0,64	0,64	0,66	0,69	0,69	0,67	0,64	0,62	0,65	0,66	0,67	0,66	0,07
21	0,65	0,65	0,67	0,69	0,70	0,68	0,64	0,62	0,63	0,65	0,64	0,60	0,1
22	0,58	0,55	0,56	0,60	0,62	0,59	0,56	0,54	0,57	0,59	0,62	0,60	0,08
23	0,59	0,59	0,63	0,66	0,68	0,66	0,62	0,61	0,62	0,66	0,66	0,64	0,09
24	0,63	0,63	0,65	0,59	0,57	0,58	0,57	0,57	0,62	0,64	0,64	0,62	0,08
25	0,61	0,61	0,63	0,66	0,67	0,65	0,60	0,59	0,61	0,63	0,64	0,63	0,08
26	0,62	0,63	0,65	0,69	0,72	0,69	0,63	0,60	0,59	0,60	0,60	0,60	0,13
27	0,59	0,60	0,63	0,66	0,69	0,68	0,64	0,61	0,62	0,64	0,65	0,64	0,1
28	0,63	0,63	0,65	0,68	0,70	0,68	0,64	0,64	0,64	0,66	0,67	0,66	0,07
29	0,64	0,64	0,65	0,68	0,70	0,68	0,65	0,62	0,63	0,63	0,62	0,59	0,11
30	0,58	0,58	0,59	0,62	0,64	0,64	0,62	0,61	0,63	0,66	0,67	0,66	0,09

II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)
II.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen giữa (qp₂)
II.1.1. Vùng không ảnh triều
1. Công trình: Q.8

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			7,93									
2												
3					7,93	7,71	8,85	8,38	9,10	9,11		
4												
5												
6	8,10	8,09	7,88	7,84	8,00	7,85	8,81	8,41	9,07	9,02	8,48	8,80
7												
8												
9					7,93	7,94	8,69	8,54	9,04	8,94		
10												
11												
12	8,07	8,13	7,83	7,90	7,87	8,05	8,60	8,70	9,02	8,85	8,57	8,74
13												
14												
15					7,81	8,18	8,53	8,88	9,06	8,78		
16												
17												
18	8,00	8,07	7,92	7,83	7,76	8,27	8,48	9,02	9,10	8,71	8,83	8,63
19												
20												
21					7,70	8,39	8,44	9,07	9,17	8,63		
22												
23												
24	8,03	8,00	7,97	7,80	7,65	8,53	8,41	9,15	9,19	8,57	8,92	8,48
25												
26												
27					7,63	8,66	8,37	9,19	9,23	8,53		
28												
29												
30	8,12		7,87	7,87	7,64	8,77	8,34	9,14	9,18	8,51	8,87	8,30
31												
T.Bình	8,06	8,07	7,90	7,85	7,79	8,24	8,55	8,85	9,12	8,76	8,73	8,59
Max	8,12	8,13	7,97	7,90	8,00	8,77	8,85	9,19	9,23	9,11	8,92	8,80
Min	8,00	8,00	7,83	7,80	7,63	7,71	8,34	8,38	9,02	8,51	8,48	8,30
ΔH	0,12	0,13	0,14	0,10	0,37	1,06	0,51	0,81	0,21	0,60	0,44	0,50

Mức nước trung bình năm: 8,43
Mức nước lớn nhất trong năm: 9,23 Ngày: 27/09/2023
Mức nước nhỏ nhất trong năm: 7,63 Ngày: 27/05/2023
Biên độ dao động năm: 1,60

2. Công trình: Q.34a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	2,47	2,07	2,55	2,48	2,52	2,34	3,03	2,79	3,54	3,77	3,43	2,96
2	2,46	2,12	2,55	2,48	2,53	2,28	3,00	2,91	3,47	3,75	3,42	3,00
3	2,45	2,13	2,57	2,47	2,53	2,24	2,97	2,96	3,40	3,69	3,38	3,01
4	2,42	2,12	2,58	2,46	2,52	2,27	2,96	3,05	3,39	3,60	3,34	3,00
5	2,39	2,11	2,56	2,45	2,49	2,25	2,99	3,16	3,38	3,61	3,31	2,98
6	2,35	2,09	2,51	2,44	2,45	2,28	3,10	3,21	3,34	3,56	3,28	3,01
7	2,27	2,20	2,48	2,42	2,40	2,38	3,10	3,21	3,28	3,46	3,36	3,00
8	2,23	2,24	2,47	2,42	2,41	2,38	3,07	3,18	3,21	3,51	3,37	2,96
9	2,23	2,33	2,45	2,42	2,49	2,47	3,06	3,16	3,14	3,53	3,40	2,95
10	2,22	2,35	2,45	2,42	2,52	2,53	3,02	3,14	3,12	3,52	3,44	2,92
11	2,17	2,38	2,44	2,41	2,53	2,51	2,95	3,17	3,15	3,51	3,42	2,91
12	2,11	2,43	2,44	2,42	2,52	2,48	2,89	3,19	3,21	3,50	3,38	2,89
13	2,08	2,47	2,44	2,42	2,53	2,47	2,93	3,15	3,19	3,46	3,39	2,86
14	2,04	2,57	2,37	2,45	2,54	2,56	2,97	3,10	3,40	3,40	3,38	2,85
15	2,13	2,63	2,37	2,47	2,54	2,64	2,97	3,08	3,59	3,35	3,34	2,83
16	2,21	2,62	2,38	2,46	2,53	2,63	2,93	3,09	3,64	3,31	3,38	2,90
17	2,20	2,59	2,37	2,46	2,49	2,62	2,90	3,12	3,65	3,29	3,33	2,96
18	2,17	2,55	2,39	2,47	2,44	2,69	2,91	3,11	3,66	3,28	3,26	2,92
19	2,12	2,58	2,37	2,45	2,42	2,75	2,93	3,12	3,69	3,29	3,21	2,89
20	2,13	2,59	2,32	2,45	2,37	2,78	2,97	3,18	3,71	3,35	3,15	2,86
21	2,08	2,61	2,27	2,43	2,32	2,90	2,98	3,29	3,73	3,35	3,11	2,85
22	2,08	2,60	2,24	2,42	2,27	2,92	2,93	3,29	3,70	3,32	3,06	2,87
23	2,14	2,59	2,27	2,41	2,25	2,92	2,84	3,28	3,65	3,27	3,01	2,85
24	2,25	2,62	2,22	2,41	2,35	2,93	2,81	3,32	3,61	3,23	2,94	2,82
25	2,21	2,68	2,23	2,41	2,47	3,06	2,77	3,39	3,58	3,22	2,94	2,79
26	2,19	2,65	2,30	2,40	2,53	3,12	2,71	3,48	3,55	3,18	2,95	2,75
27	2,22	2,60	2,35	2,38	2,55	3,14	2,64	3,54	3,51	3,13	2,97	2,73
28	2,22	2,55	2,39	2,35	2,54	3,15	2,61	3,63	3,61	3,14	2,96	2,69
29	2,23		2,42	2,38	2,51	3,11	2,57	3,67	3,73	3,23	2,94	2,64
30	2,17		2,46	2,47	2,47	3,05	2,58	3,66	3,77	3,36	2,93	2,62
31	2,09		2,47		2,40		2,62	3,61		3,42		2,62
T.Bình	2,22	2,43	2,41	2,43	2,47	2,66	2,89	3,23	3,49	3,41	3,23	2,87
Max	2,53	2,73	2,63	2,51	2,58	3,18	3,14	3,69	3,81	3,83	3,49	3,06
Min	1,99	2,03	2,19	2,31	2,20	2,21	2,54	2,73	3,09	3,09	2,88	2,58
ΔH	0,54	0,70	0,44	0,20	0,38	0,97	0,60	0,96	0,72	0,74	0,61	0,48

Mức nước trung bình năm: 2,81

Mức nước lớn nhất trong năm: 3,83

Ngày: 01/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,99

Ngày: 13/01/2023

Biên độ dao động năm: 1,84

3. Công trình: Q.35M1

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,53									
2												
3					0,55	0,37	0,65	0,57	0,75	1,04		
4												
5												
6	0,60	0,44	0,53	0,55	0,43	0,42	0,73	0,61	0,74	1,01	1,01	0,63
7												
8												
9					0,48	0,34	0,75	0,63	0,73	1,07		
10												
11												
12	0,56	0,47	0,52	0,66	0,53	0,37	0,64	0,62	0,71	1,00	1,04	0,53
13												
14												
15					0,51	0,45	0,64	0,61	0,87	0,95		
16												
17												
18	0,62	0,52	0,50	0,52	0,35	0,48	0,52	0,62	0,89	0,93	1,13	0,56
19												
20												
21					0,39	0,50	0,68	0,67	0,85	0,86		
22												
23												
24	0,55	0,54	0,48	0,49	0,41	0,55	0,61	0,71	0,83	0,80	0,78	0,62
25												
26												
27					0,44	0,75	0,53	0,75	0,89	0,89		
28												
29												
30	0,50		0,66	0,59	0,39	0,63	0,51	0,83	0,96	0,96	0,59	0,58
31												
T.Bình	0,57	0,49	0,54	0,56	0,45	0,49	0,63	0,66	0,82	0,95	0,91	0,58
Max	0,62	0,54	0,66	0,66	0,55	0,75	0,75	0,83	0,96	1,07	1,13	0,63
Min	0,50	0,44	0,48	0,49	0,35	0,34	0,51	0,57	0,71	0,80	0,59	0,53
ΔH	0,12	0,10	0,18	0,17	0,20	0,41	0,24	0,26	0,25	0,27	0,54	0,10

Mức nước trung bình năm: 0,65

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,13 Ngày: 18/11/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,34 Ngày: 09/06/2023

Biên độ dao động năm: 0,79

4. Công trình: Q.37

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,24									
2												
3					-0,12	-0,22	0,09	0,29	0,59	0,78		
4												
5												
6	0,37	0,43	0,21	-0,01	-0,09	-0,16	0,08	0,33	0,70	0,83	0,53	0,49
7												
8												
9					-0,05	-0,09	0,10	0,35	0,68	0,81		
10												
11												
12	0,35	0,35	0,15	-0,06	0,01	-0,04	0,12	0,36	0,67	0,78	0,51	0,46
13												
14												
15					0,04	0,00	0,14	0,38	0,65	0,79		
16												
17												
18	0,32	0,30	0,10	-0,08	0,08	0,04	0,16	0,40	0,66	0,79	0,52	0,42
19												
20												
21					0,05	0,07	0,19	0,43	0,72	0,78		
22												
23												
24	0,35	0,26	0,06	-0,10	-0,03	0,11	0,17	0,45	0,75	0,77	0,50	0,36
25												
26												
27					-0,14	0,08	0,21	0,42	0,77	0,68		
28												
29												
30	0,39		0,01	-0,10	-0,16	0,06	0,25	0,49	0,78	0,61	0,53	0,28
31												
T.Bình	0,36	0,34	0,13	-0,07	-0,04	-0,02	0,15	0,39	0,70	0,76	0,52	0,40
Max	0,39	0,43	0,24	-0,01	0,08	0,11	0,25	0,49	0,78	0,83	0,53	0,49
Min	0,32	0,26	0,01	-0,10	-0,16	-0,22	0,08	0,29	0,59	0,61	0,50	0,28
ΔH	0,07	0,17	0,23	0,09	0,24	0,33	0,17	0,20	0,19	0,22	0,03	0,21

Mức nước trung bình năm: 0,31

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,83

Ngày: 06/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,22

Ngày: 03/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,05

5. Công trình: Q.62

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-5,45									
2												
3					-5,64	-5,68	-5,50	-5,60	-5,26	-5,13		
4												
5												
6	-5,54	-5,43	-5,47	-5,62	-5,73	-5,73	-5,42	-5,59	-5,24	-5,19	-5,19	-5,62
7												
8												
9					-5,69	-5,70	-5,40	-5,56	-5,20	-5,22		
10												
11												
12	-5,35	-5,49	-5,50	-5,62	-5,72	-5,70	-5,51	-5,52	-5,18	-5,26	-5,13	-5,65
13												
14												
15					-5,75	-5,67	-5,51	-5,46	-5,13	-5,34		
16												
17												
18	-5,28	-5,45	-5,54	-5,64	-5,77	-5,66	-5,62	-5,43	-5,18	-5,43	-5,10	-5,65
19												
20												
21					-5,77	-5,64	-5,51	-5,36	-5,16	-5,50		
22												
23												
24	-5,41	-5,43	-5,60	-5,67	-5,78	-5,60	-5,53	-5,34	-5,34	-5,60	-5,50	-5,67
25												
26												
27					-5,72	-5,43	-5,65	-5,31	-5,32	-5,32		
28												
29												
30	-5,47		-5,53	-5,60	-5,65	-5,52	-5,62	-5,24	-5,11	-5,11	-5,58	-5,73
31												
T.Bình	-5,41	-5,45	-5,51	-5,63	-5,72	-5,63	-5,53	-5,44	-5,21	-5,31	-5,30	-5,66
Max	-5,28	-5,43	-5,45	-5,60	-5,64	-5,43	-5,40	-5,24	-5,11	-5,11	-5,10	-5,62
Min	-5,54	-5,49	-5,60	-5,67	-5,78	-5,73	-5,65	-5,60	-5,34	-5,60	-5,58	-5,73
ΔH	0,26	0,06	0,15	0,07	0,14	0,30	0,25	0,36	0,23	0,49	0,48	0,11

Mức nước trung bình năm: -5,48

Mức nước lớn nhất trong năm: -5,10 Ngày: 18/11/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -5,78 Ngày: 24/05/2023

Biên độ dao động năm: 0,68

6. Công trình: Q.68aM1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-13,12									
2												
3					-12,98	-13,05	-13,00	-13,00	-12,93	-12,50		
4												
5												
6	-13,12	-13,14	-13,05	-12,96	-13,00	-13,08	-13,01	-12,97	-12,91	-12,39	-12,49	-12,64
7												
8												
9					-13,02	-12,96	-13,02	-12,96	-12,93	-12,34		
10												
11												
12	-13,15	-13,02	-12,99	-12,94	-13,04	-12,92	-12,99	-12,83	-12,89	-12,38	-12,41	-12,53
13												
14												
15					-13,05	-12,93	-12,97	-12,90	-12,87	-12,42		
16												
17												
18	-13,17	-12,93	-12,90	-12,98	-13,07	-12,99	-12,95	-12,95	-12,86	-12,48	-12,50	-12,44
19												
20												
21					-13,05	-12,97	-12,96	-12,92	-12,88	-12,55		
22												
23												
24	-13,16	-12,86	-12,84	-13,03	-13,04	-12,95	-13,01	-12,96	-12,90	-12,59	-12,55	-12,42
25												
26												
27					-13,06	-13,05	-12,98	-12,95	-12,81	-12,61		
28												
29												
30	-13,18		-12,93	-13,00	-13,03	-13,03	-13,01	-12,97	-12,67	-12,54	-12,61	-12,50
31												
T.Bình	-13,16	-12,99	-12,97	-12,98	-13,03	-12,99	-12,99	-12,94	-12,87	-12,48	-12,51	-12,51
Max	-13,12	-12,86	-12,84	-12,94	-12,98	-12,92	-12,95	-12,83	-12,67	-12,34	-12,41	-12,42
Min	-13,18	-13,14	-13,12	-13,03	-13,07	-13,08	-13,02	-13,00	-12,93	-12,61	-12,61	-12,64
ΔH	0,06	0,28	0,28	0,09	0,09	0,16	0,07	0,17	0,26	0,27	0,20	0,22

Mức nước trung bình năm: -12,87

Mức nước lớn nhất trong năm: -12,34

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -13,18

Biên độ dao động năm: 0,84

Ngày: 09/10/2023

Ngày: 30/01/2023

7. Công trình: Q.82M1

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			3,14									
2												
3					3,25	3,18	3,37	3,27	3,22	3,32		
4												
5												
6	3,17	3,21	3,12	3,19	3,24	3,22	3,34	3,30	3,23	3,30	3,24	3,26
7												
8												
9					3,28	3,24	3,33	3,28	3,25	3,27		
10												
11												
12	3,16	3,19	3,17	3,22	3,30	3,25	3,32	3,26	3,24	3,23	3,25	3,27
13												
14												
15					3,28	3,27	3,31	3,26	3,26	3,23		
16												
17												
18	3,18	3,18	3,14	3,27	3,26	3,30	3,29	3,25	3,25	3,22	3,23	3,25
19												
20												
21					3,24	3,28	3,27	3,23	3,24	3,22		
22												
23												
24	3,19	3,17	3,12	3,25	3,23	3,27	3,25	3,24	3,23	3,23	3,22	3,23
25												
26												
27					3,23	3,40	3,24	3,23	3,25	3,22		
28												
29												
30	3,20		3,14	3,27	3,21	3,39	3,22	3,23	3,35	3,23	3,24	3,21
31												
T.Bình	3,18	3,19	3,14	3,24	3,25	3,28	3,29	3,26	3,25	3,25	3,24	3,24
Max	3,20	3,21	3,17	3,27	3,30	3,40	3,37	3,30	3,35	3,32	3,25	3,27
Min	3,16	3,17	3,12	3,19	3,21	3,18	3,22	3,23	3,22	3,22	3,22	3,21
ΔH	0,04	0,04	0,05	0,08	0,09	0,22	0,15	0,07	0,13	0,10	0,03	0,06

Mức nước trung bình năm: 3,24

Mức nước lớn nhất trong năm: 3,40 Ngày: 27/06/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 3,12 Ngày: 06/03/2023

Biên độ dao động năm: 0,28

8. Công trình: Q.119aM1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-3,65									
2												
3					-3,85	-4,10	-3,99	-4,13	-3,93	-3,89		
4												
5												
6	-3,80	-3,65	-3,68	-3,80	-3,88	-4,13	-4,03	-4,00	-4,00	-3,90	-4,05	-4,05
7												
8												
9					-3,85	-4,15	-4,06	-3,95	-3,99	-3,93		
10												
11												
12	-3,75	-3,68	-3,70	-3,82	-3,83	-4,16	-4,10	-3,92	-3,98	-3,95	-4,07	-4,13
13												
14												
15					-3,90	-4,15	-4,11	-3,90	-3,95	-3,97		
16												
17												
18	-3,72	-3,67	-3,73	-3,80	-3,95	-4,17	-4,10	-3,91	-3,92	-4,00	-4,08	-4,15
19												
20												
21					-4,00	-4,16	-4,07	-3,93	-3,90	-4,01		
22												
23												
24	-3,70	-3,68	-3,77	-3,85	-4,05	-4,10	-4,08	-3,95	-3,92	-3,99	-4,10	-4,17
25												
26												
27					-4,04	-4,05	-4,10	-3,97	-3,95	-4,00		
28												
29												
30	-3,66		-3,82	-3,83	-4,07	-4,00	-4,15	-3,95	-3,88	-4,01	-4,12	-4,18
31												
T.Bình	-3,73	-3,67	-3,72	-3,82	-3,94	-4,12	-4,08	-3,96	-3,94	-3,97	-4,08	-4,14
Max	-3,66	-3,65	-3,65	-3,80	-3,83	-4,00	-3,99	-3,90	-3,88	-3,89	-4,05	-4,05
Min	-3,80	-3,68	-3,82	-3,85	-4,07	-4,17	-4,15	-4,13	-4,00	-4,01	-4,12	-4,18
ΔH	0,14	0,03	0,17	0,05	0,24	0,17	0,16	0,23	0,12	0,12	0,07	0,13

Mức nước trung bình năm: -3,95

Mức nước lớn nhất trong năm: -3,65

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -4,18

Biên độ dao động năm: 0,53

Ngày: 06/02/2023

Ngày: 30/12/2023

9. Công trình: Q.120a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,17									
2												
3					-0,06	0,05	0,02	0,28	0,67	0,81		
4												
5												
6	0,12	0,15	0,10	0,01	-0,03	0,07	0,05	0,32	0,69	0,91	0,63	0,44
7												
8												
9					-0,01	0,00	0,09	0,37	0,70	0,85		
10												
11												
12	0,14	0,28	0,05	-0,01	0,01	-0,15	0,11	0,40	0,71	0,80	0,56	0,42
13												
14												
15					-0,02	-0,13	0,13	0,45	0,81	0,83		
16												
17												
18	0,16	0,26	0,00	-0,02	0,00	-0,09	0,15	0,50	0,78	0,79	0,53	0,40
19												
20												
21					-0,02	-0,07	0,16	0,54	0,74	0,77		
22												
23												
24	0,17	0,24	-0,06	-0,05	0,01	-0,05	0,18	0,60	0,69	0,75	0,48	0,38
25												
26												
27					0,00	-0,02	0,23	0,63	0,80	0,71		
28												
29												
30	0,15		0,00	-0,04	0,03	0,00	0,25	0,65	0,83	0,66	0,46	0,35
31												
T.Bình	0,15	0,23	0,04	-0,02	-0,01	-0,04	0,14	0,47	0,74	0,79	0,53	0,40
Max	0,17	0,28	0,17	0,01	0,03	0,07	0,25	0,65	0,83	0,91	0,63	0,44
Min	0,12	0,15	-0,06	-0,05	-0,06	-0,15	0,02	0,28	0,67	0,66	0,46	0,35
ΔH	0,05	0,13	0,23	0,06	0,09	0,22	0,23	0,37	0,16	0,25	0,17	0,09

Mức nước trung bình năm: 0,30

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,91

Ngày: 06/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,15

Ngày: 12/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,06

10. Công trình: Q.129aM1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,70									
2												
3					-0,84	-1,16	-0,93	-0,96	-0,62	-0,38		
4												
5												
6	-0,74	-0,53	-0,80	-0,81	-0,77	-1,18	-1,00	-0,89	-0,76	-0,46	-0,82	-0,82
7												
8												
9					-0,68	-1,03	-1,01	-0,78	-0,76	-0,50		
10												
11												
12	-0,72	-0,62	-0,91	-0,84	-0,70	-1,16	-1,09	-0,68	-0,63	-0,58	-0,88	-1,05
13												
14												
15					-0,83	-1,00	-1,10	-0,64	-0,57	-0,63		
16												
17												
18	-0,68	-0,53	-0,93	-0,82	-1,03	-0,96	-1,02	-0,67	-0,56	-0,60	-0,76	-1,00
19												
20												
21					-1,04	-0,94	-1,00	-0,64	-0,59	-0,61		
22												
23												
24	-0,70	-0,54	-0,95	-0,86	-1,07	-0,93	-1,06	-0,64	-0,60	-0,65	-0,98	-1,01
25												
26												
27					-1,01	-0,93	-1,27	-0,68	-0,60	-0,76		
28												
29												
30	-0,60		-0,81	-0,83	-1,07	-0,86	-1,12	-0,65	-0,49	-0,80	-1,00	-1,00
31												
T.Bình	-0,69	-0,56	-0,85	-0,83	-0,91	-1,02	-1,06	-0,73	-0,62	-0,60	-0,89	-0,98
Max	-0,60	-0,53	-0,70	-0,81	-0,68	-0,86	-0,93	-0,64	-0,49	-0,38	-0,76	-0,82
Min	-0,74	-0,62	-0,95	-0,86	-1,07	-1,18	-1,27	-0,96	-0,76	-0,80	-1,00	-1,05
ΔH	0,14	0,09	0,25	0,05	0,39	0,32	0,34	0,32	0,27	0,42	0,24	0,23

Mức nước trung bình năm: -0,82

Mức nước lớn nhất trong năm: -0,38 Ngày: 03/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -1,27 Ngày: 27/07/2023

Biên độ dao động năm: 0,89

11. Công trình: Q.130aM1

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-2,80									
2												
3					-3,01	-3,33	-3,28	-3,23	-3,11	-2,66		
4												
5												
6	-3,07	-2,91	-2,83	-2,96	-3,04	-3,37	-3,20	-3,21	-3,22	-2,50	-2,66	-3,20
7												
8												
9					-3,06	-3,39	-3,33	-3,19	-3,21	-2,57		
10												
11												
12	-3,01	-2,87	-2,87	-2,95	-3,07	-3,42	-3,39	-3,16	-3,11	-2,66	-3,17	-3,23
13												
14												
15					-2,94	-3,43	-3,50	-3,12	-2,97	-2,75		
16												
17												
18	-3,02	-2,74	-2,85	-2,93	-3,06	-3,40	-3,47	-3,13	-2,93	-2,84	-3,10	-3,22
19												
20												
21					-3,21	-3,38	-3,41	-3,14	-2,96	-2,91		
22												
23												
24	-3,02	-2,77	-2,96	-3,00	-3,24	-3,32	-3,43	-3,10	-2,99	-2,95	-3,26	-3,23
25												
26												
27					-3,19	-3,30	-3,28	-3,14	-2,82	-2,82		
28												
29												
30	-2,99		-2,99	-2,99	-3,25	-3,25	-3,26	-3,13	-2,71	-2,71	-3,27	-3,25
31												
T.Bình	-3,02	-2,82	-2,88	-2,96	-3,10	-3,35	-3,35	-3,15	-3,00	-2,73	-3,09	-3,22
Max	-2,99	-2,74	-2,80	-2,93	-2,94	-3,25	-3,20	-3,10	-2,71	-2,50	-2,66	-3,20
Min	-3,07	-2,91	-2,99	-3,00	-3,25	-3,43	-3,50	-3,23	-3,22	-2,95	-3,27	-3,25
ΔH	0,08	0,17	0,19	0,07	0,31	0,18	0,30	0,13	0,51	0,45	0,61	0,05

Mức nước trung bình năm: -3,08

Mức nước lớn nhất trong năm: -2,50 Ngày: 06/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -3,50 Ngày: 15/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,00

12. Công trình: Q.131a

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-4,11									
2												
3					-4,27	-4,41	-4,34	-4,64	-4,46	-4,50		
4												
5												
6	-4,51	-4,14	-4,09	-4,24	-4,26	-4,44	-4,39	-4,57	-4,51	-4,54	-4,74	-4,74
7												
8												
9					-4,25	-4,45	-4,44	-4,54	-4,54	-4,57		
10												
11												
12	-4,46	-4,16	-4,12	-4,26	-4,24	-4,46	-4,49	-4,54	-4,57	-4,61	-4,75	-4,86
13												
14												
15					-4,27	-4,44	-4,54	-4,52	-4,54	-4,64		
16												
17												
18	-4,44	-4,09	-4,09	-4,24	-4,28	-4,43	-4,53	-4,54	-4,51	-4,67	-4,77	-4,89
19												
20												
21					-4,29	-4,41	-4,49	-4,57	-4,54	-4,68		
22												
23												
24	-4,34	-4,04	-4,15	-4,28	-4,39	-4,39	-4,50	-4,54	-4,56	-4,67	-4,79	-4,91
25												
26												
27					-4,36	-4,34	-4,52	-4,52	-4,59	-4,69		
28												
29												
30	-4,23		-4,19	-4,26	-4,38	-4,32	-4,59	-4,49	-4,49	-4,71	-4,81	-4,93
31												
T.Bình	-4,40	-4,11	-4,13	-4,26	-4,30	-4,41	-4,48	-4,55	-4,53	-4,63	-4,77	-4,87
Max	-4,23	-4,04	-4,09	-4,24	-4,24	-4,32	-4,34	-4,49	-4,46	-4,50	-4,74	-4,74
Min	-4,51	-4,16	-4,19	-4,28	-4,39	-4,46	-4,59	-4,64	-4,59	-4,71	-4,81	-4,93
ΔH	0,28	0,12	0,10	0,04	0,15	0,14	0,25	0,15	0,13	0,21	0,07	0,19

Mức nước trung bình năm: -4,46

Mức nước lớn nhất trong năm: -4,04 Ngày: 24/02/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -4,93 Ngày: 30/12/2023

Biên độ dao động năm: 0,89

13. Công trình: Q.176

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-1,01	-0,77	-0,57	-0,88	-0,61	-0,38	-1,14					
2	-0,95	-0,67	-0,65	-0,88	-0,60	-0,41	-1,03					
3	-0,95	-0,63	-0,74	-0,87	-0,58	-0,41	-1,01	0,32	0,03	0,05		
4	-0,97	-0,56	-0,74	-0,88	-0,49	-0,40	-1,01					
5	-0,94	-0,47	-0,66	-0,94	-0,38	-0,42	-1,06					
6	-0,92	-0,40	-0,78	-0,93	-0,35	-0,48	-1,27	0,62	0,01	0,03	-0,40	-0,70
7	-0,93	-0,28	-0,85	-1,00	-0,37	-0,52						
8	-0,81	-0,29	-0,84	-1,08	-0,56	-0,51						
9	-0,80	-0,28	-0,90	-1,08	-0,75	-0,64	-0,77	0,51	0,00	-0,03		
10	-0,81	-0,36	-0,93	-0,99	-0,85	-0,74						
11	-0,85	-0,47	-0,95	-0,94	-0,96	-0,72						
12	-0,87	-0,51	-1,01	-0,89	-1,11	-0,67	-0,70	0,43	0,01	-0,11	-0,47	-0,70
13	-0,90	-0,63	-1,04	-0,83	-1,06	-0,59						
14	-0,96	-0,61	-1,07	-0,75	-0,91	-0,63						
15	-0,96	-0,59	-0,94	-0,65	-0,80	-0,83	-0,56	0,36	0,01	-0,23		
16	-1,01	-0,49	-0,91	-0,61	-0,70	-1,02						
17	-0,99	-0,47	-0,95	-0,65	-0,58	-1,08						
18	-0,97	-0,46	-0,97	-0,66	-0,44	-1,06	-0,49	0,25	0,03	-0,34	-0,61	-0,71
19	-0,97	-0,43	-0,96	-0,69	-0,42	-1,09						
20	-0,94	-0,46	-1,00	-0,79	-0,45	-1,06						
21	-0,87	-0,45	-1,01	-0,84	-0,54	-1,04	-0,60	0,09	0,02	-0,41		
22	-0,78	-0,42	-1,02	-0,85	-0,58	-1,07						
23	-0,72	-0,42	-0,98	-0,78	-0,65	-1,12						
24	-0,62	-0,46	-1,05	-0,56	-0,72	-1,19	-0,64	-0,12	0,06	-0,49	-0,71	-0,74
25	-0,56	-0,56	-1,09	-0,65	-0,77	-1,59						
26	-0,59	-0,58	-1,10	-0,64	-0,83	-1,88						
27	-0,58	-0,51	-1,04	-0,59	-0,81	-1,91	-0,25	0,02	0,06	-0,45		
28	-0,72	-0,51	-1,01	-0,58	-0,78	-1,78						
29	-0,75		-0,97	-0,64	-0,68	-1,56						
30	-0,78		-0,91	-0,67	-0,58	-1,29	-0,09	0,03	0,05	0,53	-0,69	-0,71
31	-0,82		-0,89		-0,45							
T.Bình	-0,85	-0,49	-0,92	-0,79	-0,66	-0,94	-1,01	0,25	0,03	-0,17	-0,58	-0,72
Max	-0,36	-0,18	-0,38	-0,40	-0,17	-0,20	-0,09	0,62	0,06	0,53	-0,40	-0,70
Min	-1,13	-0,94	-1,23	-1,19	-1,22	-1,94	-1,29	-0,12	0,00	-0,49	-0,71	-0,74
ΔH	0,77	0,76	0,85	0,79	1,05	1,74	1,20	0,74	0,06	1,02	0,31	0,04

Mức nước trung bình năm: -0,77

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,62 Ngày: 06/08/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -1,94 Ngày: 27/06/2023

Biên độ dao động năm: 2,56

II.1.2.Vùng ảnh triều
II.1.2.a. Mực nước bình quân ngày
1. Công trình: Q.159a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-4,82									-5,62
2												-5,63
3					-4,83	-5,11	-5,15	-5,40	-5,38	-5,30		-5,63
4												-5,63
5												-5,64
6	-5,01	-4,82	-4,81	-4,81	-4,84	-5,14	-5,17	-5,39	-5,40	-5,33	-5,52	-5,61
7												-5,59
8												-5,60
9					-4,86	-5,15	-5,23	-5,41	-5,41	-5,35		-5,61
10												-5,62
11												-5,61
12	-4,93	-4,84	-4,82	-4,82	-4,88	-5,15	-5,31	-5,40	-5,43	-5,37	-5,56	-5,63
13												-5,64
14												-5,65
15					-4,89	-5,14	-5,37	-5,39	-5,44	-5,39		-5,66
16												-5,59
17												-5,52
18	-4,90	-4,83	-4,82	-4,83	-4,91	-5,13	-5,39	-5,40	-5,45	-5,40	-5,58	-5,55
19												-5,56
20												-5,56
21					-4,97	-5,15	-5,41	-5,39	-5,47	-5,40		-5,55
22											-5,68	-5,52
23											-5,67	-5,52
24	-4,90	-4,81	-4,83	-4,84	-5,04	-5,14	-5,40	-5,38	-5,47	-5,41	-5,69	-5,53
25											-5,66	-5,55
26											-5,62	-5,56
27					-5,06	-5,12	-5,42	-5,37	-5,40	-5,45	-5,60	-5,57
28											-5,62	-5,59
29											-5,62	-5,61
30	-4,86		-4,82	-4,82	-5,09	-5,13	-5,44	-5,38	-5,32	-5,49	-5,62	-5,60
31												-5,57
T.Bình	-4,92	-4,82	-4,82	-4,82	-4,94	-5,14	-5,33	-5,39	-5,42	-5,39	-5,64	-5,59
Max	-4,86	-4,81	-4,81	-4,81	-4,83	-5,11	-5,15	-5,37	-5,32	-5,30	-5,52	-5,46
Min	-5,01	-4,84	-4,83	-4,84	-5,09	-5,15	-5,44	-5,41	-5,47	-5,49	-5,74	-5,68
ΔH	0,15	0,03	0,02	0,03	0,26	0,04	0,29	0,04	0,15	0,19	0,22	0,22

Mực nước trung bình năm: -5,57

Mực nước lớn nhất trong năm: -4,81

Ngày: 24/02/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -5,74

Ngày: 24/11/2023

Biên độ dao động năm: 0,93

II.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)

II.2.1. Vùng không ảnh triều

1. Công trình: Q.1aM1

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			3,13									
2												
3					3,80	3,32	4,58	4,51	5,83	5,08		
4												
5												
6	3,24	3,47	3,20	3,16	3,74	3,03	4,90	4,65	5,70	4,91	3,88	3,28
7												
8												
9					3,66	2,96	4,81	4,91	5,56	4,66		
10												
11												
12	2,96	3,65	3,07	3,38	3,50	2,90	4,74	5,15	5,40	4,78	3,76	3,16
13												
14												
15					3,34	3,04	4,52	5,28	5,26	4,84		
16												
17												
18	2,90	3,56	3,23	3,56	3,47	3,23	4,58	5,45	5,33	4,40	3,70	3,12
19												
20												
21					3,58	3,26	4,32	5,65	5,24	4,25		
22												
23												
24	2,83	3,33	3,08	3,75	3,66	3,37	4,01	5,83	5,22	4,34	3,58	3,04
25												
26												
27					3,73	3,73	4,15	5,92	5,16	4,25		
28												
29												
30	3,14		3,03	3,83	3,54	4,43	4,37	5,74	5,23	4,11	3,38	2,92
31												
T.Bình	3,01	3,50	3,12	3,54	3,60	3,33	4,50	5,31	5,39	4,56	3,66	3,10
Max	3,24	3,65	3,23	3,83	3,80	4,43	4,90	5,92	5,83	5,08	3,88	3,28
Min	2,83	3,33	3,03	3,16	3,34	2,90	4,01	4,51	5,16	4,11	3,38	2,92
ΔH	0,41	0,32	0,20	0,67	0,46	1,53	0,89	1,41	0,67	0,97	0,50	0,36

Mức nước trung bình năm: 4,07

Mức nước lớn nhất trong năm: 5,92

Ngày: 27/08/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 2,83

Ngày: 24/01/2023

Biên độ dao động năm: 3,09

2. Công trình: Q.3M1

NT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			5,22									
2												
3					5,02	4,78	5,19	4,98	5,36	5,46		
4												
5												
6	5,30	5,47	5,20	4,94	4,99	4,71	4,99	5,03	5,40	5,40	4,78	4,94
7												
8												
9					5,01	4,58	5,21	5,10	5,38	5,42		
10												
11												
12	5,32	5,44	5,21	4,98	4,98	4,68	5,29	5,14	5,36	5,29	4,85	4,89
13												
14												
15					4,94	4,90	5,04	5,28	5,42	5,08		
16												
17												
18	5,31	5,40	5,08	5,00	4,90	5,04	5,00	5,39	5,48	5,14	4,93	4,82
19												
20												
21					4,84	5,38	5,20	5,41	5,30	4,96		
22												
23												
24	5,35	5,35	4,86	4,97	4,75	5,94	4,82	5,42	5,18	4,82	4,99	4,76
25												
26												
27					4,81	5,62	4,89	5,40	5,32	4,81		
28												
29												
30	5,42		4,91	5,09	4,88	5,32	4,93	5,33	5,29	4,80	4,97	4,70
31												
T.Bình	5,34	5,42	5,08	5,00	4,91	5,10	5,06	5,25	5,35	5,12	4,90	4,82
Max	5,42	5,47	5,22	5,09	5,02	5,94	5,29	5,42	5,48	5,46	4,99	4,94
Min	5,30	5,35	4,86	4,94	4,75	4,58	4,82	4,98	5,18	4,80	4,78	4,70
ΔH	0,12	0,12	0,36	0,15	0,27	1,36	0,47	0,44	0,30	0,66	0,21	0,24

Mức nước trung bình năm: 5,11

Mức nước lớn nhất trong năm: 5,94

Ngày: 24/06/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 4,58

Ngày: 09/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,36

3. Công trình: Q.4M1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	11,34	11,40	11,34	11,26	11,44	11,22	11,62	11,39	11,71	11,75	11,55	11,39
2	11,36	11,39	11,30	11,30	11,44	11,20	11,58	11,45	11,68	11,73	11,53	11,41
3	11,38	11,39	11,29	11,33	11,45	11,18	11,56	11,49	11,64	11,70	11,50	11,42
4	11,40	11,41	11,27	11,34	11,45	11,17	11,54	11,52	11,63	11,68	11,49	11,44
5	11,41	11,42	11,27	11,34	11,43	11,25	11,54	11,59	11,64	11,66	11,47	11,46
6	11,41	11,44	11,26	11,32	11,41	11,34	11,53	11,64	11,62	11,64	11,46	11,47
7	11,41	11,46	11,27	11,29	11,38	11,40	11,50	11,65	11,60	11,62	11,48	11,48
8	11,41	11,48	11,27	11,27	11,38	11,43	11,45	11,66	11,58	11,65	11,53	11,49
9	11,41	11,48	11,27	11,27	11,38	11,48	11,42	11,66	11,58	11,67	11,55	11,49
10	11,41	11,49	11,27	11,29	11,39	11,52	11,39	11,66	11,58	11,67	11,55	11,48
11	11,42	11,49	11,27	11,30	11,38	11,53	11,36	11,68	11,59	11,66	11,54	11,47
12	11,44	11,47	11,28	11,31	11,35	11,51	11,34	11,72	11,60	11,66	11,52	11,46
13	11,46	11,45	11,27	11,32	11,32	11,52	11,33	11,73	11,63	11,66	11,52	11,46
14	11,46	11,42	11,25	11,33	11,32	11,57	11,32	11,71	11,69	11,65	11,54	11,45
15	11,45	11,41	11,24	11,34	11,30	11,61	11,31	11,69	11,73	11,64	11,55	11,43
16	11,44	11,40	11,24	11,34	11,29	11,61	11,30	11,69	11,75	11,62	11,54	11,41
17	11,41	11,39	11,25	11,34	11,27	11,59	11,29	11,67	11,77	11,59	11,56	11,40
18	11,40	11,38	11,25	11,33	11,24	11,58	11,28	11,65	11,79	11,56	11,56	11,40
19	11,41	11,37	11,25	11,32	11,21	11,59	11,29	11,65	11,80	11,54	11,56	11,36
20	11,41	11,38	11,27	11,31	11,18	11,59	11,30	11,65	11,79	11,52	11,56	11,35
21	11,41	11,38	11,28	11,30	11,17	11,60	11,31	11,68	11,76	11,48	11,55	11,35
22	11,41	11,37	11,28	11,29	11,15	11,62	11,32	11,70	11,72	11,45	11,54	11,34
23	11,41	11,38	11,26	11,28	11,14	11,64	11,31	11,70	11,67	11,43	11,52	11,32
24	11,38	11,38	11,25	11,28	11,14	11,65	11,29	11,71	11,65	11,43	11,51	11,27
25	11,38	11,38	11,25	11,29	11,15	11,68	11,26	11,75	11,62	11,45	11,49	11,25
26	11,39	11,38	11,24	11,30	11,19	11,71	11,24	11,78	11,59	11,46	11,47	11,22
27	11,38	11,38	11,24	11,32	11,24	11,70	11,23	11,79	11,60	11,47	11,46	11,19
28	11,39	11,37	11,24	11,32	11,26	11,69	11,23	11,79	11,66	11,48	11,43	11,17
29	11,38		11,25	11,35	11,25	11,68	11,23	11,79	11,73	11,51	11,41	11,16
30	11,39		11,26	11,40	11,24	11,65	11,25	11,77	11,75	11,54	11,39	11,17
31	11,39		11,27		11,24		11,31	11,75		11,55		11,18
T.Bình	11,40	11,41	11,27	11,31	11,30	11,52	11,36	11,67	11,67	11,58	11,51	11,37
Max	11,47	11,50	11,35	11,42	11,45	11,72	11,63	11,80	11,81	11,76	11,57	11,50
Min	11,33	11,35	11,22	11,25	11,13	11,15	11,21	11,34	11,56	11,41	11,38	11,15
ΔH	0,14	0,15	0,13	0,17	0,32	0,57	0,42	0,46	0,25	0,35	0,19	0,35

Mức nước trung bình năm: 11,45

Mức nước lớn nhất trong năm: 11,81

Ngày: 18/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 11,13

Ngày: 22/05/2023

Biên độ dao động năm: 0,68

4. Công trình: Q.5

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,96	0,46	0,57	0,32	0,30	0,26	2,22	1,36	3,49	2,72	5,81	5,60
2	0,88	0,48	0,54	0,37	0,32	0,21	2,23	1,46	3,41	2,70	5,82	5,61
3	0,82	0,52	0,52	0,39	0,34	0,14	2,17	1,52	3,31	2,64	5,83	5,62
4	0,85	0,56	0,50	0,37	0,38	0,14	2,12	1,65	3,20	2,58	5,80	5,64
5	0,81	0,60	0,49	0,33	0,39	0,22	2,12	1,88	3,11	2,50	5,76	5,65
6	0,81	0,61	0,48	0,29	0,38	0,36	2,16	2,07	3,00	2,58	5,71	5,63
7	0,79	0,66	0,46	0,26	0,31	0,45	2,09	2,11	2,87	2,64	5,74	5,60
8	0,76	0,70	0,31	0,27	0,26	0,56	2,02	2,15	2,79	2,69	5,82	5,62
9	0,75	0,74	0,22	0,31	0,44	0,68	1,95	2,16	3,02	2,81	5,89	5,62
10	0,82	0,78	0,22	0,33	0,83	0,83	1,86	2,16	2,85	3,71	5,91	5,61
11	0,75	0,84	0,21	0,38	0,61	0,89	1,81	2,21	2,70	4,30	5,91	5,59
12	0,69	0,85	0,24	0,43	0,56	0,93	1,78	2,41	2,57	4,67	5,89	5,57
13	0,63	0,80	0,23	0,47	0,55	0,94	1,77	2,49	2,60	4,97	5,86	5,56
14	0,62	0,77	0,25	0,55	0,55	1,03	1,74	2,54	2,63	5,19	5,88	5,57
15	0,49	0,77	0,17	0,58	0,57	1,10	1,68	2,48	2,73	5,35	5,90	5,55
16	0,30	0,80	0,14	0,61	0,56	1,16	1,63	2,50	2,79	5,41	5,85	5,49
17	0,28	0,86	0,20	0,70	0,51	1,20	1,57	2,51	2,83	5,50	5,84	5,44
18	0,31	1,07	0,20	0,71	0,45	1,20	1,51	2,41	2,89	5,55	5,86	5,46
19	0,35	1,02	0,17	0,80	0,49	1,20	1,47	2,35	2,84	5,59	5,86	5,41
20	0,36	0,96	0,17	0,83	0,41	1,21	1,45	2,31	2,81	5,61	5,85	5,42
21	0,41	0,88	0,17	0,76	0,41	1,32	1,41	2,34	2,74	5,60	5,86	5,41
22	0,44	0,80	0,17	0,45	0,35	1,46	1,37	2,36	2,66	5,60	5,85	5,39
23	0,35	0,76	0,13	0,33	0,27	1,55	1,36	2,35	2,57	5,62	5,79	5,32
24	0,33	0,69	0,12	0,22	0,26	1,62	1,30	2,36	2,49	5,64	5,74	5,33
25	0,42	0,64	0,11	0,16	0,25	1,77	1,28	2,95	2,44	5,66	5,72	5,31
26	0,46	0,61	0,09	0,16	0,28	1,98	1,26	3,26	2,34	5,68	5,69	5,31
27	0,42	0,60	0,09	0,18	0,38	2,08	1,23	3,33	2,24	5,70	5,65	5,32
28	0,46	0,60	0,14	0,16	0,40	2,14	1,21	3,36	2,28	5,74	5,65	5,29
29	0,43		0,20	0,19	0,34	2,21	1,19	3,48	2,56	5,77	5,63	5,30
30	0,42		0,25	0,24	0,30	2,20	1,20	3,53	2,70	5,78	5,62	5,29
31	0,45		0,27		0,28		1,26	3,52		5,80		5,27
T.Bình	0,57	0,73	0,26	0,40	0,41	1,10	1,66	2,44	2,78	4,59	5,80	5,48
Max	0,98	1,14	0,62	0,87	0,98	2,25	2,24	3,57	3,52	5,82	5,94	5,66
Min	0,24	0,39	0,03	0,05	0,21	0,11	1,16	1,30	2,17	2,43	5,59	5,14
ΔH	0,74	0,75	0,59	0,82	0,77	2,14	1,08	2,27	1,35	3,39	0,35	0,52

Mức nước trung bình năm: 2,19

Mức nước lớn nhất trong năm: 5,94

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,03

Biên độ dao động năm: 5,91

Ngày: 11/11/2023

Ngày: 26/03/2023

5. Công trình: Q.6

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	5,56	5,52	5,71	5,71	5,74	5,39	6,34	5,98	6,41	6,85	5,86	4,90
2	5,55	5,50	5,71	5,72	5,76	5,33	6,30	6,00	6,37	6,84	5,94	4,90
3	5,54	5,52	5,70	5,71	5,76	5,33	6,25	6,02	6,28	6,81	5,93	4,90
4	5,54	5,55	5,69	5,70	5,74	5,31	6,27	6,04	6,24	6,77	5,91	4,89
5	5,52	5,55	5,68	5,67	5,73	5,40	6,27	6,15	6,17	6,72	5,90	4,87
6	5,50	5,58	5,64	5,61	5,66	5,46	6,28	6,24	6,16	6,69	5,91	4,84
7	5,51	5,60	5,59	5,58	5,63	5,54	6,21	6,31	6,12	6,65	5,99	4,82
8	5,50	5,62	5,55	5,57	5,60	5,57	6,18	6,34	6,07	6,63	6,10	4,82
9	5,49	5,63	5,54	5,59	5,62	5,63	6,16	6,35	6,05	6,60	6,16	4,81
10	5,49	5,65	5,55	5,62	5,68	5,71	6,16	6,39	6,04	6,57	6,17	4,80
11	5,51	5,67	5,55	5,64	5,69	5,71	6,13	6,44	6,03	6,52	6,17	4,76
12	5,53	5,68	5,54	5,65	5,69	5,73	6,16	6,51	6,01	6,48	6,14	4,75
13	5,53	5,66	5,53	5,65	5,67	5,75	6,16	6,51	6,01	6,47	6,13	4,72
14	5,50	5,64	5,56	5,66	5,68	5,82	6,18	6,54	6,08	6,46	6,15	4,71
15	5,49	5,66	5,54	5,65	5,67	5,88	6,14	6,55	6,18	6,42	6,18	4,72
16	5,50	5,70	5,55	5,60	5,66	5,94	6,14	6,54	6,25	6,37	6,17	
17	5,49	5,71	5,56	5,60	5,61	5,92	6,09	6,50	6,29	6,29	6,15	
18	5,49	5,73	5,54	5,61	5,52	5,90	6,08	6,50	6,32	6,22	6,12	
19	5,47	5,72	5,54	5,60	5,48	5,92	6,08	6,49	6,32	6,10	6,07	
20	5,45	5,72	5,53	5,59	5,44	5,90	6,05	6,44	6,30	5,89	5,93	
21	5,49	5,71	5,52	5,55	5,43	5,94	6,05	6,43	6,24	5,61	5,73	
22	5,54	5,71	5,48	5,54	5,40	5,99	6,03	6,33	6,12	5,34	5,48	
23	5,59	5,72	5,47	5,52	5,40	6,06	5,95	6,17	6,03	5,15	5,23	
24	5,58	5,73	5,49	5,55	5,42	6,12	5,96	6,04	6,04	5,11	5,05	4,78
25	5,62	5,71	5,60	5,58	5,49	6,21	5,92	6,14	6,22	5,32	4,98	
26	5,62	5,69	5,62	5,65	5,53	6,29	5,92	6,29	6,50	5,43	4,95	
27	5,58	5,69	5,62	5,69	5,53	6,37	5,88	6,35	6,57	5,51	4,94	
28	5,55	5,71	5,65	5,68	5,53	6,41	5,91	6,41	6,60	5,56	4,93	
29	5,53		5,68	5,71	5,48	6,41	5,92	6,45	6,72	5,64	4,92	
30	5,53		5,70	5,74	5,45	6,42	5,90	6,46	6,81	5,67	4,89	4,85
31	5,53		5,70		5,40		5,94	6,41		5,71		
T.Bình	5,53	5,65	5,59	5,63	5,58	5,84	6,10	6,33	6,25	6,14	5,74	4,82
Max	5,65	5,75	5,73	5,76	5,79	6,46	6,37	6,57	6,83	6,87	6,20	4,92
Min	5,43	5,48	5,43	5,48	5,36	5,28	5,85	5,95	5,97	5,02	4,85	4,68
ΔH	0,22	0,27	0,30	0,28	0,43	1,18	0,52	0,62	0,86	1,85	1,35	0,24

Mức nước trung bình năm: 5,81

Mức nước lớn nhất trong năm: 6,87

Ngày: 01/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 4,68

Ngày: 13/12/2023

Biên độ dao động năm: 2,19

6. Công trình: Q.7

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,79									
2												
3					0,84	-0,08	0,15	-0,13	0,69	1,57		
4												
5												
6	1,36	1,52	0,75	0,94	0,70	-0,15	-0,01	-0,07	0,81	1,78	1,08	0,68
7												
8												
9					0,98	-0,26	0,11	0,10	0,87	1,74		
10												
11												
12	0,85	0,98	0,87	1,02	0,69	-0,20	-0,05	0,31	0,95	1,67	0,96	0,66
13												
14												
15					0,68	-0,08	0,03	0,29	0,99	1,71		
16												
17												
18	0,68	0,90	1,10	1,06	0,57	-0,05	0,05	0,20	1,12	1,79	0,93	0,66
19												
20												
21					0,40	-0,03	0,09	0,41	1,31	1,72		
22												
23												
24	0,81	0,87	0,92	0,99	0,15	-0,08	-0,03	0,48	1,19	1,60	0,91	0,61
25												
26												
27					0,03	-0,05	-0,15	0,57	1,38	1,40		
28												
29												
30	1,20		0,95	0,87	0,12	0,09	-0,28	0,69	1,50	1,34	0,77	0,54
31												
T.Bình	0,98	1,06	0,89	0,97	0,51	-0,09	-0,01	0,28	1,08	1,63	0,93	0,63
Max	1,36	1,52	1,10	1,06	0,98	0,09	0,15	0,69	1,50	1,79	1,08	0,68
Min	0,68	0,87	0,75	0,87	0,03	-0,26	-0,28	-0,13	0,69	1,34	0,77	0,54
ΔH	0,68	0,65	0,35	0,19	0,95	0,35	0,43	0,82	0,81	0,45	0,31	0,14

Mức nước trung bình năm: 0,68

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,79

Ngày: 18/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,28

Ngày: 30/07/2023

Biên độ dao động năm: 2,07

7. Công trình: Q.8a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			7,37									
2												
3					7,40	7,18	8,12	7,62	8,36	8,27		
4												
5												
6	7,40	7,31	7,35	7,33	7,51	7,22	8,06	7,66	8,34	8,19	7,84	8,00
7												
8												
9					7,45	7,30	7,95	7,78	8,29	8,10		
10												
11												
12	7,38	7,42	7,30	7,37	7,40	7,40	7,87	7,96	8,25	8,00	7,92	7,91
13												
14												
15					7,35	7,47	7,81	8,13	8,28	7,92		
16												
17												
18	7,34	7,48	7,30	7,31	7,30	7,56	7,75	8,26	8,31	7,85	8,01	7,83
19												
20												
21					7,25	7,67	7,70	8,33	8,34	7,76		
22												
23												
24	7,37	7,41	7,31	7,27	7,21	7,80	7,66	8,39	8,37	7,67	8,17	7,67
25												
26												
27					7,17	7,95	7,63	8,43	8,41	7,71		
28												
29												
30	7,36		7,31	7,34	7,15	8,07	7,59	8,41	8,35	7,80	8,06	7,52
31												
T.Bình	7,37	7,40	7,32	7,32	7,32	7,56	7,81	8,10	8,33	7,93	8,00	7,79
Max	7,40	7,48	7,37	7,37	7,51	8,07	8,12	8,43	8,41	8,27	8,17	8,00
Min	7,34	7,31	7,30	7,27	7,15	7,18	7,59	7,62	8,25	7,67	7,84	7,52
ΔH	0,06	0,17	0,07	0,10	0,36	0,89	0,53	0,81	0,16	0,60	0,33	0,48

Mức nước trung bình năm: 7,74

Mức nước lớn nhất trong năm: 8,43

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 7,15

Biên độ dao động năm: 1,28

Ngày: 27/08/2023

Ngày: 30/05/2023

8. Công trình: Q.9aM1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	5,71	5,37	5,20	4,98	4,88	4,70	4,71	4,77	5,38	6,00	5,81	5,68
2	5,68	5,36	5,18	4,96	4,86	4,69	4,71	4,77	5,41	6,00	5,81	5,68
3	5,68	5,37	5,18	4,97	4,87	4,67	4,72	4,78	5,44	6,00	5,80	5,68
4	5,67	5,38	5,17	4,98	4,87	4,67	4,74	4,84	5,46	5,97	5,80	5,68
5	5,64	5,37	5,17	4,97	4,86	4,67	4,74	4,87	5,48	5,95	5,79	5,68
6	5,65	5,36	5,13	4,96	4,84	4,68	4,74	4,87	5,47	5,93	5,79	5,64
7	5,66	5,37	5,14	4,95	4,82	4,66	4,74	4,89	5,48	5,95	5,82	5,64
8	5,65	5,36	5,15	4,94	4,81	4,67	4,75	4,89	5,50	5,93	5,85	5,65
9	5,64	5,33	5,14	4,96	4,83	4,70	4,77	4,89	5,49	5,95	5,84	5,62
10	5,64	5,32	5,14	4,97	4,83	4,70	4,78	4,88	5,48	5,95	5,82	5,60
11	5,64	5,27	5,11	4,95	4,83	4,68	4,76	4,91	5,51	5,97	5,78	5,56
12	5,62	5,27	5,10	4,95	4,82	4,68	4,74	4,92	5,54	5,98	5,77	5,53
13	5,60	5,28	5,10	4,95	4,80	4,69	4,74	4,94	5,57	6,00	5,79	5,56
14	5,58	5,28	5,12	4,95	4,80	4,69	4,77	4,96	5,62	5,99	5,80	5,57
15	5,55	5,27	5,09	4,93	4,81	4,68	4,80	4,99	5,69	6,00	5,81	5,58
16	5,55	5,27	5,09	4,94	4,81	4,65	4,81	5,00	5,72	5,96	5,76	5,55
17	5,54	5,27	5,07	4,93	4,78	4,65	4,82	4,99	5,75	5,97	5,75	5,55
18	5,52	5,27	5,08	4,93	4,77	4,65	4,83	5,00	5,79	5,97	5,78	5,56
19	5,51	5,26	5,07	4,89	4,75	4,65	4,83	5,01	5,80	5,93	5,79	5,54
20	5,50	5,26	5,07	4,90	4,76	4,66	4,83	5,05	5,81	5,91	5,80	5,53
21	5,50	5,26	5,05	4,90	4,76	4,66	4,82	5,06	5,80	5,91	5,79	5,53
22	5,46	5,26	5,05	4,89	4,74	4,66	4,82	5,05	5,81	5,91	5,79	5,50
23	5,43	5,27	5,03	4,88	4,74	4,65	4,82	5,05	5,79	5,89	5,78	5,48
24	5,39	5,25	5,03	4,86	4,74	4,65	4,80	5,11	5,79	5,86	5,76	5,49
25	5,41	5,24	5,03	4,86	4,75	4,71	4,80	5,20	5,79	5,84	5,71	5,48
26	5,40	5,24	5,03	4,88	4,75	4,72	4,80	5,29	5,80	5,83	5,67	5,47
27	5,37	5,22	5,03	4,88	4,76	4,73	4,78	5,31	5,82	5,85	5,71	5,46
28	5,35	5,23	5,02	4,88	4,73	4,73	4,78	5,34	5,86	5,86	5,69	5,46
29	5,34		5,02	4,87	4,72	4,73	4,77	5,38	5,94	5,87	5,70	5,46
30	5,36		5,02	4,87	4,72	4,72	4,78	5,37	5,98	5,85	5,67	5,43
31	5,39		4,99		4,70		4,77	5,37		5,83		5,43
T.Bình	5,54	5,30	5,09	4,93	4,79	4,68	4,78	5,02	5,66	5,93	5,77	5,56
Max	5,73	5,40	5,24	5,02	4,90	4,75	4,85	5,40	5,99	6,02	5,87	5,70
Min	5,31	5,19	4,97	4,84	4,68	4,63	4,69	4,74	5,36	5,80	5,63	5,42
ΔH	0,42	0,21	0,27	0,18	0,22	0,12	0,16	0,66	0,63	0,22	0,24	0,28

Mức nước trung bình năm: 5,25

Mức nước lớn nhất trong năm: 6,02

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 4,63

Biên độ dao động năm: 1,39

Ngày: 03/10/2023

Ngày: 16/06/2023

9. Công trình: Q.11a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			5,54									
2												
3					5,19	5,00	5,47	5,28	6,09	6,38		
4												
5												
6	5,80	5,57	5,49	5,33	5,21	5,03	5,34	5,39	6,14	6,34	6,09	6,08
7												
8												
9					5,18	5,09	5,26	5,46	6,17	6,28		
10												
11												
12	5,69	5,60	5,42	5,37	5,14	5,18	5,21	5,52	6,21	6,24	6,15	6,04
13												
14												
15					5,12	5,26	5,15	5,57	6,26	6,17		
16												
17												
18	5,62	5,63	5,40	5,30	5,09	5,32	5,11	5,61	6,29	6,12	6,20	5,97
19												
20												
21					5,05	5,37	5,08	5,76	6,33	6,16		
22												
23												
24	5,49	5,60	5,39	5,20	5,03	5,45	5,04	5,88	6,36	6,20	6,17	5,83
25												
26												
27					4,99	5,51	5,08	5,96	6,40	6,17		
28												
29												
30	5,52		5,35	5,17	4,97	5,55	5,14	6,02	6,43	6,12	6,13	5,76
31												
T.Bình	5,62	5,60	5,43	5,27	5,10	5,28	5,19	5,64	6,27	6,22	6,15	5,94
Max	5,80	5,63	5,54	5,37	5,21	5,55	5,47	6,02	6,43	6,38	6,20	6,08
Min	5,49	5,57	5,35	5,17	4,97	5,00	5,04	5,28	6,09	6,12	6,09	5,76
ΔH	0,31	0,06	0,19	0,20	0,24	0,55	0,43	0,74	0,34	0,26	0,11	0,32

Mức nước trung bình năm: 5,63

Mức nước lớn nhất trong năm: 6,43

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 4,97

Biên độ dao động năm: 1,46

Ngày: 30/09/2023

Ngày: 30/05/2023

10. Công trình: Q.15

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			6,85									
2												
3					6,58	7,09	7,74	7,24	8,29	7,79		
4												
5												
6	6,52	6,53	6,65	6,61	6,71	7,14	7,66	7,59	8,25	7,70	6,87	7,24
7												
8												
9					6,90	6,97	7,58	7,71	8,19	7,62		
10												
11												
12	6,64	6,77	6,48	6,55	7,06	7,20	7,49	7,94	8,24	7,56	7,16	7,10
13												
14												
15					7,12	7,33	7,33	7,76	8,30	7,48		
16												
17												
18	6,31	6,90	6,60	6,41	7,04	7,51	7,41	8,05	8,33	7,34	7,24	6,97
19												
20												
21					6,78	7,69	7,35	8,13	8,29	7,19		
22												
23												
24	6,09	7,06	6,74	6,58	7,10	7,81	7,11	8,27	8,24	6,91	7,12	6,75
25												
26												
27					7,05	7,93	6,96	8,30	8,08	6,88		
28												
29												
30	6,24		6,81	6,57	7,04	7,81	6,83	8,32	7,93	6,82	7,03	6,69
31												
T.Bình	6,36	6,82	6,69	6,54	6,94	7,45	7,35	7,93	8,21	7,33	7,08	6,95
Max	6,64	7,06	6,85	6,61	7,12	7,93	7,74	8,32	8,33	7,79	7,24	7,24
Min	6,09	6,53	6,48	6,41	6,58	6,97	6,83	7,24	7,93	6,82	6,87	6,69
ΔH	0,55	0,53	0,37	0,20	0,54	0,96	0,91	1,08	0,40	0,97	0,37	0,55

Mức nước trung bình năm: 7,27

Mức nước lớn nhất trong năm: 8,33

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 6,09

Biên độ dao động năm: 2,24

Ngày: 18/09/2023

Ngày: 24/01/2023

11. Công trình: Q.23a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,40									
2												
3					0,29	0,88	0,47	0,61	1,22	1,44		
4												
5												
6	0,42	0,49	0,35	0,22	0,26	0,94	0,44	0,70	1,19	1,53	0,73	0,53
7												
8												
9					0,37	0,83	0,43	0,84	1,25	1,59		
10												
11												
12	0,40	0,58	0,30	0,19	0,52	0,68	0,49	0,94	1,31	1,57	0,78	0,49
13												
14												
15					0,53	0,52	0,54	1,05	1,45	1,39		
16												
17												
18	0,49	0,53	0,27	0,17	0,59	0,35	0,62	1,14	1,39	1,18	0,69	0,42
19												
20												
21					0,64	0,49	0,79	1,22	1,33	0,92		
22												
23												
24	0,58	0,46	0,23	0,24	0,75	0,57	0,73	1,39	1,26	0,66	0,61	0,47
25												
26												
27					0,79	0,55	0,67	1,42	1,31	0,64		
28												
29												
30	0,40		0,22	0,30	0,84	0,50	0,65	1,33	1,37	0,69	0,59	0,41
31												
T.Bình	0,46	0,51	0,29	0,22	0,56	0,63	0,58	1,06	1,31	1,16	0,68	0,46
Max	0,58	0,58	0,40	0,30	0,84	0,94	0,79	1,42	1,45	1,59	0,78	0,53
Min	0,40	0,46	0,22	0,17	0,26	0,35	0,43	0,61	1,19	0,64	0,59	0,41
ΔH	0,18	0,12	0,18	0,13	0,58	0,59	0,36	0,81	0,26	0,95	0,19	0,12

Mức nước trung bình năm: 0,73

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,59

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,17

Biên độ dao động năm: 1,42

Ngày: 09/10/2023

Ngày: 18/04/2023

12. Công trình: Q.33a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,00									
2												
3					1,12	1,04	1,60	1,93	2,17	2,16		
4												
5												
6	1,99	0,85	0,96	0,90	1,02	1,07	1,63	1,99	2,14	2,08	1,60	1,32
7												
8												
9					1,00	1,14	1,67	2,05	2,12	2,01		
10												
11												
12	1,92	1,05	0,93	0,94	0,98	1,18	1,70	2,10	2,10	1,95	1,59	1,25
13												
14												
15					0,96	1,28	1,73	2,13	2,18	1,88		
16												
17												
18	1,85	1,03	0,88	0,99	0,95	1,36	1,75	2,16	2,16	1,82	1,56	1,16
19												
20												
21					0,92	1,45	1,76	2,19	2,13	1,76		
22												
23												
24	1,87	0,99	0,83		0,97	1,53	1,78	2,23	2,09	1,73	1,52	1,10
25												
26												
27					1,00	1,56	1,83	2,21	2,20	1,68		
28												
29												
30	0,68		0,87	1,10	1,02	1,58	1,88	2,19	2,23	1,64	1,43	1,03
31												
T.Bình	1,66	0,98	0,91	0,98	0,99	1,32	1,73	2,12	2,15	1,87	1,54	1,17
Max	1,99	1,05	1,00	1,10	1,12	1,58	1,88	2,23	2,23	2,16	1,60	1,32
Min	0,68	0,85	0,83	0,90	0,92	1,04	1,60	1,93	2,09	1,64	1,43	1,03
ΔH	1,31	0,20	0,17	0,20	0,20	0,54	0,28	0,30	0,14	0,52	0,17	0,29

Mức nước trung bình năm: 1,54

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,23 Ngày: 24/08/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,68 Ngày: 30/01/2023

Biên độ dao động năm: 1,55

13. Công trình: Q.35aM1

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,74	0,48	0,72	0,54	0,52	0,34	0,65	0,56	0,91	1,07	0,98	0,84
2	0,72	0,49	0,72	0,55	0,51	0,35	0,65	0,58	0,88	1,00	0,95	0,84
3	0,70	0,54	0,74	0,52	0,50	0,32	0,64	0,58	0,88	0,98	0,94	0,85
4	0,69	0,53	0,77	0,53	0,48	0,33	0,63	0,62	0,89	0,95	0,90	0,83
5	0,68	0,50	0,77	0,51	0,47	0,36	0,65	0,66	0,87	0,96	0,88	0,80
6	0,70	0,45	0,73	0,51	0,42	0,33	0,72	0,66	0,83	0,93	0,88	0,83
7	0,63	0,56	0,69	0,51	0,37	0,34	0,68	0,68	0,82	0,87	0,94	0,83
8	0,61	0,57	0,71	0,52	0,41	0,28	0,69	0,66	0,81	0,90	0,90	0,79
9	0,62	0,61	0,67	0,56	0,44	0,32	0,69	0,66	0,83	0,93	0,94	0,78
10	0,61	0,57	0,66	0,56	0,45	0,31	0,69	0,66	0,82	0,98	0,98	0,76
11	0,58	0,59	0,64	0,56	0,46	0,29	0,68	0,66	0,82	1,03	0,98	0,74
12	0,54	0,60	0,66	0,57	0,45	0,29	0,65	0,65	0,82	1,05	0,98	0,70
13	0,46	0,63	0,67	0,55	0,45	0,35	0,67	0,63	0,74	1,04	1,02	0,69
14	0,36	0,72	0,61	0,54	0,47	0,38	0,66	0,60	0,83	0,99	1,02	0,68
15	0,42	0,79	0,63	0,53	0,46	0,41	0,66	0,59	0,90	0,91	0,98	0,67
16	0,51	0,77	0,65	0,49	0,42	0,41	0,64	0,61	0,90	0,88	1,04	0,71
17	0,53	0,73	0,61	0,48	0,38	0,42	0,62	0,61	0,89	0,86	1,03	0,80
18	0,50	0,70	0,59	0,49	0,37	0,46	0,60	0,61	0,90	0,83	1,00	0,78
19	0,45	0,69	0,57	0,50	0,36	0,48	0,64	0,63	0,89	0,85	0,93	0,78
20	0,48	0,72	0,55	0,48	0,36	0,48	0,66	0,66	0,88	0,89	0,91	0,77
21	0,40	0,72	0,51	0,46	0,35	0,56	0,67	0,71	0,93	0,90	0,89	0,79
22	0,40	0,73	0,48	0,41	0,34	0,57	0,62	0,71	0,91	0,86	0,87	0,83
23	0,52	0,68	0,47	0,41	0,33	0,58	0,57	0,71	0,89	0,83	0,85	0,82
24	0,64	0,71	0,41	0,39	0,37	0,62	0,55	0,74	0,88	0,79	0,82	0,77
25	0,61	0,77	0,43	0,39	0,40	0,75	0,52	0,84	0,91	0,83	0,85	0,77
26	0,60	0,75	0,50	0,43	0,41	0,77	0,51	0,90	0,93	0,82	0,85	0,75
27	0,67	0,72	0,50	0,45	0,39	0,78	0,50	0,92	0,95	0,82	0,86	0,73
28	0,64	0,67	0,49	0,46	0,39	0,78	0,52	0,98	1,04	0,83	0,85	0,70
29	0,63		0,51	0,50	0,38	0,73	0,50	0,98	1,06	0,90	0,83	0,66
30	0,57		0,53	0,51	0,34	0,67	0,50	0,94	1,08	0,98	0,82	0,63
31	0,48		0,54		0,35		0,52	0,92		1,00		0,64
T.Bình	0,57	0,64	0,60	0,50	0,41	0,47	0,62	0,71	0,89	0,92	0,92	0,76
Max	0,83	0,89	0,86	0,62	0,58	0,83	0,77	1,04	1,15	1,16	1,11	0,92
Min	0,21	0,36	0,36	0,33	0,24	0,19	0,43	0,52	0,68	0,76	0,77	0,58
ΔH	0,62	0,53	0,50	0,29	0,34	0,64	0,34	0,52	0,47	0,40	0,34	0,34

Mức nước trung bình năm: 0,67

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,16

Ngày: 01/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,19

Ngày: 08/06/2023

Biên độ dao động năm: 0,97

14. Công trình: Q.36M1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-2,43	-2,23	-2,34	-2,62	-2,58	-3,03	-2,58	-2,70	-2,43	-2,31	-2,34	-2,38
2	-2,45	-2,23	-2,38	-2,64	-2,57	-3,11	-2,61	-2,69	-2,50	-2,35	-2,35	-2,33
3	-2,43	-2,21	-2,47	-2,68	-2,61	-3,12	-2,57	-2,70	-2,43	-2,35	-2,37	-2,32
4	-2,42	-2,20	-2,52	-2,68	-2,65	-3,10	-2,58	-2,61	-2,37	-2,37	-2,37	-2,33
5	-2,41	-2,24	-2,53	-2,72	-2,66	-3,08	-2,57	-2,53	-2,38	-2,40	-2,42	-2,34
6	-2,43	-2,22	-2,57	-2,74	-2,84	-2,94	-2,51	-2,53	-2,45	-2,40	-2,42	-2,35
7	-2,46	-2,18	-2,54	-2,62	-2,91	-2,88	-2,59	-2,56	-2,49	-2,40	-2,36	-2,35
8	-2,47	-2,17	-2,52	-2,56	-2,77	-2,88	-2,60	-2,58	-2,48	-2,35	-2,35	-2,36
9	-2,48	-2,21	-2,53	-2,53	-2,60	-2,80	-2,60	-2,56	-2,49	-2,33	-2,36	-2,38
10	-2,48	-2,21	-2,55	-2,52	-2,57	-2,82	-2,63	-2,59	-2,50	-2,36	-2,41	-2,41
11	-2,41	-2,23	-2,54	-2,53	-2,60	-2,90	-2,68	-2,58	-2,48	-2,34	-2,45	-2,45
12	-2,44	-2,29	-2,58	-2,53	-2,63	-2,91	-2,73	-2,61	-2,42	-2,31	-2,49	-2,49
13	-2,52	-2,37	-2,61	-2,54	-2,62	-2,84	-2,70	-2,61	-2,34	-2,31	-2,38	-2,53
14	-2,62	-2,36	-2,59	-2,53	-2,56	-2,72	-2,70	-2,65	-2,21	-2,37	-2,31	-2,51
15	-2,69	-2,33	-2,56	-2,63	-2,58	-2,71	-2,72	-2,65	-2,20	-2,45	-2,32	-2,54
16	-2,68	-2,31	-2,56	-2,72	-2,70	-2,74	-2,78	-2,67	-2,20	-2,45	-2,31	-2,55
17	-2,65	-2,30	-2,55	-2,69	-2,81	-2,81	-2,83	-2,67	-2,23	-2,46	-2,32	-2,54
18	-2,72	-2,29	-2,54	-2,68	-2,93	-2,78	-2,78	-2,68	-2,25	-2,43	-2,35	-2,49
19	-2,74	-2,35	-2,54	-2,75	-3,00	-2,74	-2,63	-2,60	-2,31	-2,44	-2,38	-2,46
20	-2,83	-2,38	-2,51	-2,81	-2,99	-2,74	-2,59	-2,51	-2,33	-2,46	-2,40	-2,45
21	-2,92	-2,37	-2,52	-2,79	-3,02	-2,59	-2,58	-2,47	-2,39	-2,48	-2,39	-2,46
22	-2,74	-2,34	-2,59	-2,84	-3,05	-2,59	-2,63	-2,48	-2,42	-2,49	-2,37	-2,48
23	-2,44	-2,33	-2,60	-2,79	-3,02	-2,51	-2,69	-2,46	-2,48	-2,49	-2,42	-2,47
24	-2,39	-2,29	-2,67	-2,80	-2,89	-2,44	-2,70	-2,48	-2,55	-2,48	-2,42	-2,51
25	-2,34	-2,32	-2,77	-2,71	-2,81	-2,35	-2,77	-2,37	-2,56	-2,44	-2,48	-2,56
26	-2,27	-2,39	-2,72	-2,66	-2,78	-2,38	-2,84	-2,34	-2,52	-2,49	-2,51	-2,47
27	-2,23	-2,39	-2,63	-2,67	-2,77	-2,39	-2,89	-2,37	-2,44	-2,50	-2,48	-2,51
28	-2,20	-2,38	-2,64	-2,70	-2,80	-2,40	-2,83	-2,30	-2,29	-2,46	-2,47	-2,51
29	-2,23		-2,62	-2,57	-2,83	-2,42	-2,86	-2,31	-2,28	-2,39	-2,48	-2,52
30	-2,24		-2,61	-2,59	-2,92	-2,50	-2,83	-2,36	-2,27	-2,35	-2,47	-2,52
31	-2,23		-2,63		-2,98		-2,78	-2,36		-2,35		-2,52
T.Bình	-2,48	-2,29	-2,57	-2,66	-2,78	-2,74	-2,69	-2,53	-2,39	-2,41	-2,40	-2,45
Max	-2,03	-2,02	-2,18	-2,30	-2,36	-2,18	-2,31	-2,14	-2,04	-2,09	-2,14	-2,16
Min	-3,13	-2,58	-2,90	-3,00	-3,27	-3,40	-3,12	-2,88	-2,74	-2,65	-2,66	-2,71
ΔH	1,10	0,56	0,72	0,70	0,91	1,22	0,81	0,74	0,70	0,56	0,52	0,55

Mức nước trung bình năm: -2,53

Mức nước lớn nhất trong năm: -2,02

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -3,40

Biên độ dao động năm: 1,38

Ngày: 09/02/2023

Ngày: 02/06/2023

15. Công trình: Q.37a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,70									
2												
3					-0,90	-1,18	-0,87	-0,72	-0,43	-0,30		
4												
5												
6	-0,64	-0,57	-0,73	-0,80	-0,92	-1,16	-0,88	-0,70	-0,40	-0,28	-0,43	-0,48
7												
8												
9					-0,89	-1,03	-0,86	-0,67	-0,42	-0,30		
10												
11												
12	-0,66	-0,62	-0,78	-0,83	-0,88	-0,99	-0,84	-0,65	-0,43	-0,32	-0,46	-0,49
13												
14												
15					-0,85	-0,96	-0,83	-0,62	-0,45	-0,32		
16												
17												
18	-0,68	-0,66	-0,83	-0,85	-0,84	-0,92	-0,86	-0,59	-0,47	-0,33	-0,45	-0,49
19												
20												
21					-0,87	-0,87	-0,84	-0,57	-0,42	-0,35		
22												
23												
24	-0,61	-0,68	-0,87	-0,87	-0,92	-0,85	-0,82	-0,55	-0,36	-0,36	-0,47	-0,51
25												
26												
27					-1,09	-0,87	-0,71	-0,57	-0,33	-0,37		
28												
29												
30	-0,60		-0,89	-0,87	-1,13	-0,90	-0,70	-0,52	-0,30	-0,39	-0,46	-0,65
31												
T.Bình	-0,64	-0,63	-0,80	-0,84	-0,93	-0,97	-0,82	-0,62	-0,40	-0,33	-0,45	-0,52
Max	-0,60	-0,57	-0,70	-0,80	-0,84	-0,85	-0,70	-0,52	-0,30	-0,28	-0,43	-0,48
Min	-0,68	-0,68	-0,89	-0,87	-1,13	-1,18	-0,88	-0,72	-0,47	-0,39	-0,47	-0,65
ΔH	0,08	0,11	0,19	0,07	0,29	0,33	0,18	0,20	0,17	0,11	0,04	0,17

Mức nước trung bình năm: -0,67

Mức nước lớn nhất trong năm: -0,28

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -1,18

Biên độ dao động năm: 0,90

Ngày: 06/10/2023

Ngày: 03/06/2023

16. Công trình: Q.38M1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,18									
2												
3					0,41	0,15	2,18	1,34	1,25	1,01		
4												
5												
6	0,30	0,74	0,12	0,18	0,57	0,29	1,89	1,51	0,96	1,03	0,55	0,23
7												
8												
9					0,72	0,59	1,60	1,67	0,93	1,00		
10												
11												
12	0,18	0,60	0,09	0,38	0,79	1,12	1,44	1,86	0,92	0,92	0,46	0,29
13												
14												
15					1,04	1,44	1,21	2,04	0,90	0,80		
16												
17												
18	0,01	0,42	0,04	0,43	0,86	1,58	0,87	2,17	0,89	0,77	0,40	0,35
19												
20												
21					0,71	2,26	0,72	2,28	0,91	0,75		
22												
23												
24	0,38	0,24	-0,04	0,53	0,59	2,76	0,48	2,37	0,93	0,74	0,32	0,41
25												
26												
27					0,39	2,48	0,81	2,01	0,92	0,68		
28												
29												
30	0,57		0,11	0,53	0,33	2,27	1,14	1,54	0,99	0,61	0,28	0,36
31												
T.Bình	0,29	0,50	0,08	0,41	0,64	1,49	1,23	1,88	0,96	0,83	0,40	0,33
Max	0,57	0,74	0,18	0,53	1,04	2,76	2,18	2,37	1,25	1,03	0,55	0,41
Min	0,01	0,24	-0,04	0,18	0,33	0,15	0,48	1,34	0,89	0,61	0,28	0,23
ΔH	0,56	0,50	0,22	0,35	0,71	2,61	1,70	1,03	0,36	0,42	0,27	0,18

Mức nước trung bình năm: 0,89

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,76

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,04

Biên độ dao động năm: 2,80

Ngày: 24/06/2023

Ngày: 24/03/2023

17. Công trình: Q.50a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,10	0,35	0,35	0,21	0,27	-0,07	0,26	0,10	0,70	0,75	0,14	0,05
2	0,10	0,38	0,33	0,22	0,26	-0,10	0,27	0,11	0,67	0,74	0,15	0,05
3	0,10	0,40	0,32	0,21	0,24	-0,13	0,27	0,17	0,68	0,72	0,15	0,07
4	0,10	0,43	0,31	0,20	0,23	-0,16	0,27	0,24	0,67	0,69	0,12	0,07
5	0,10	0,45	0,28	0,17	0,19	-0,17	0,28	0,28	0,61	0,67	0,11	0,07
6	0,11	0,48	0,26	0,14	0,14	-0,17	0,25	0,30	0,58	0,62	0,15	0,09
7	0,12	0,51	0,25	0,10	0,17	-0,18	0,23	0,31	0,55	0,58	0,17	0,09
8	0,13	0,51	0,25	0,11	0,21	-0,15	0,24	0,32	0,52	0,57	0,19	0,06
9	0,15	0,51	0,22	0,13	0,24	-0,13	0,24	0,36	0,52	0,55	0,18	0,05
10	0,17	0,51	0,19	0,15	0,26	-0,14	0,23	0,40	0,53	0,55	0,16	0,05
11	0,20	0,49	0,18	0,17	0,27	-0,14	0,19	0,43	0,53	0,54	0,15	0,03
12	0,23	0,47	0,17	0,20	0,28	-0,13	0,18	0,44	0,58	0,51	0,15	0,02
13	0,25	0,45	0,17	0,21	0,30	-0,13	0,17	0,46	0,64	0,49	0,17	0,01
14	0,23	0,43	0,17	0,22	0,29	-0,13	0,15	0,48	0,69	0,45	0,19	-0,01
15	0,23	0,43	0,16	0,21	0,26	-0,13	0,13	0,48	0,74	0,41	0,19	-0,03
16	0,24	0,42	0,15	0,21	0,22	-0,14	0,10	0,50	0,77	0,38	0,20	-0,03
17	0,23	0,43	0,16	0,21	0,18	-0,11	0,09	0,50	0,77	0,35	0,19	-0,02
18	0,24	0,42	0,16	0,22	0,13	-0,08	0,11	0,56	0,77	0,33	0,19	-0,03
19	0,23	0,42	0,17	0,22	0,09	-0,05	0,14	0,59	0,76	0,29	0,18	-0,03
20	0,21	0,41	0,17	0,20	0,06	-0,01	0,16	0,63	0,74	0,25	0,18	-0,04
21	0,21	0,41	0,17	0,18	0,04	0,03	0,17	0,64	0,70	0,23	0,19	-0,07
22	0,24	0,41	0,14	0,15	0,01	0,06	0,15	0,64	0,66	0,22	0,17	-0,08
23	0,25	0,41	0,12	0,13	-0,02	0,12	0,13	0,67	0,62	0,20	0,17	-0,12
24	0,26	0,39	0,12	0,13	0,01	0,19	0,09	0,60	0,61	0,18	0,10	-0,11
25	0,29	0,37	0,13	0,13	0,03	0,22	0,05	0,60	0,61	0,15	0,09	-0,12
26	0,30	0,37	0,15	0,16	0,06	0,24	0,03	0,60	0,59	0,13	0,06	-0,12
27	0,31	0,36	0,18	0,16	0,08	0,28	0,04	0,66	0,65	0,11	0,05	-0,12
28	0,31		0,19	0,19	0,08	0,29	0,06	0,69	0,68	0,13	0,04	-0,14
29	0,32		0,19	0,24	0,06	0,28	0,06	0,71	0,73	0,14	0,03	-0,15
30	0,33		0,19		0,04		0,07	0,73		0,13		-0,17
31	0,21	0,43	0,21	0,18	0,16	-0,02	0,16	0,46	0,65	0,41	0,14	-0,02
T.Bình	0,35	0,53	0,38	0,26	0,33	0,30	0,30	0,75	0,79	0,78	0,21	0,11
Max	0,08	0,32	0,09	0,09	-0,07	-0,21	-0,02	0,07	0,49	0,09	0,00	-0,19
Min	0,27	0,21	0,29	0,17	0,40	0,51	0,32	0,68	0,30	0,69	0,21	0,30
ΔH	0,10	0,35	0,35	0,21	0,27	-0,07	0,26	0,10	0,70	0,75	0,14	0,05

Mức nước trung bình năm: 0,25

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,79

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,21

Biên độ dao động năm: 1,00

Ngày: 18/09/2023

Ngày: 08/06/2023

18. Công trình: Q.57a

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-3,19	-3,27	-3,15	-3,17	-3,22	-3,64	-3,47					
2	-3,21	-3,28	-3,16	-3,18	-3,24	-3,68	-3,48					
3	-3,24	-3,24	-3,15	-3,20	-3,28	-3,63	-3,47	-4,61	-4,38	-4,19		
4	-3,20	-3,23	-3,15	-3,21	-3,35	-3,64	-3,50					
5	-3,26	-3,22	-3,12	-3,25	-3,35	-3,57	-3,43					
6	-3,26	-3,21	-3,13	-3,29	-3,41	-3,55	-3,45	-4,60	-4,35	-4,23	-4,23	-4,48
7	-3,24	-3,23	-3,14	-3,29	-3,45	-3,56	-3,50					
8	-3,28	-3,23	-3,16	-3,27	-3,42	-3,52	-3,47					
9	-3,27	-3,23	-3,18	-3,24	-3,38	-3,47	-3,43	-4,57	-4,33	-4,25		
10	-3,24	-3,23	-3,17	-3,22	-3,37	-3,51	-3,51					
11	-3,25	-3,24	-3,18	-3,22	-3,37	-3,56	-3,54					
12	-3,21	-3,26	-3,21	-3,22	-3,40	-3,57	-3,53	-4,52	-4,32	-4,28	-4,18	-4,58
13	-3,30	-3,30	-3,21	-3,22	-3,41	-3,56	-3,52					
14	-3,27	-3,34	-3,17	-3,21	-3,37	-3,53	-3,43					
15	-3,29	-3,33	-3,17	-3,23	-3,40	-3,51	-3,44	-4,47	-4,24	-4,33		
16	-3,32	-3,32	-3,19	-3,26	-3,43	-3,55	-3,45					
17	-3,28	-3,31	-3,20	-3,29	-3,50	-3,57	-3,49					
18	-3,28	-3,29	-3,22	-3,30	-3,54	-3,64	-3,44	-4,45	-4,24	-4,39	-4,15	-4,49
19	-3,27	-3,30	-3,20	-3,32	-3,59	-3,64	-3,43					
20	-3,28	-3,31	-3,20	-3,31	-3,55	-3,66	-3,43					
21	-3,34	-3,36	-3,22	-3,33	-3,57	-3,59	-3,44	-4,41	-4,26	-4,47		
22	-3,23	-3,35	-3,26	-3,33	-3,60	-3,55						
23	-3,14	-3,34	-3,27	-3,36	-3,58	-3,57						
24	-3,16	-3,38	-3,28	-3,38	-3,53	-3,49		-4,39	-4,33	-4,53	-4,39	-4,46
25	-3,15	-3,26	-3,28	-3,36	-3,49	-3,38						
26	-3,15	-3,17	-3,22	-3,33	-3,47	-3,38						
27	-3,15	-3,19	-3,22	-3,35	-3,49	-3,42	-4,66	-4,37	-4,31	-4,31		
28	-3,17	-3,14	-3,22	-3,34	-3,50	-3,40						
29	-3,20		-3,19	-3,27	-3,54	-3,43						
30	-3,22		-3,20	-3,23	-3,59	-3,42	-4,63	-4,34	-4,16	-4,16	-4,45	-4,53
31	-3,22		-3,19		-3,62							
T.Bình	-3,23	-3,27	-3,19	-3,27	-3,45	-3,54	-3,48	-4,47	-4,29	-4,31	-4,28	-4,51
Max	-3,07	-3,04	-3,01	-3,07	-3,14	-3,30	-3,30	-4,34	-4,16	-4,16	-4,15	-4,46
Min	-3,47	-3,59	-3,37	-3,45	-3,72	-3,81	-4,66	-4,61	-4,38	-4,53	-4,45	-4,58
ΔH	0,40	0,55	0,36	0,38	0,58	0,51	1,36	0,27	0,22	0,37	0,30	0,12

Mức nước trung bình năm: -3,36

Mức nước lớn nhất trong năm: -3,01

Ngày: 06/03/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -4,66

Ngày: 27/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,65

19. Công trình: Q.58aM1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-2,95									
2												
3					-3,23	-3,43	-2,79	-3,18	-2,75	-2,34		
4												
5												
6	-3,16	-3,25	-3,00	-3,20	-3,39	-3,32	-2,71	-3,18	-2,70	-2,39	-2,39	-3,10
7												
8												
9					-3,31	-3,35	-2,69	-3,14	-2,67	-2,44		
10												
11												
12	-3,20	-2,86	-3,02	-3,21	-3,37	-3,27	-2,81	-3,09	-2,65	-2,53	-2,25	-3,26
13												
14												
15					-3,60	-3,21	-2,81	-3,02	-2,60	-2,68		
16												
17												
18	-3,10	-2,89	-3,07	-3,24	-3,71	-3,14	-2,94	-2,99	-2,53	-2,78	-2,17	-3,17
19												
20												
21					-3,81	-3,03	-2,85	-2,92	-2,51	-2,87		
22												
23												
24	-3,19	-2,93	-3,14	-3,26	-3,93	-2,90	-3,06	-2,86	-2,56	-2,95	-2,99	-3,12
25												
26												
27					-3,79	-2,73	-3,25	-2,81	-2,52	-2,52		
28												
29												
30	-3,31		-3,04	-3,18	-3,64	-2,84	-3,21	-2,70	-2,31	-2,31	-3,07	-3,19
31												
T.Bình	-3,19	-2,98	-3,04	-3,22	-3,58	-3,12	-2,91	-2,99	-2,58	-2,58	-2,57	-3,17
Max	-3,10	-2,86	-2,95	-3,18	-3,23	-2,73	-2,69	-2,70	-2,31	-2,31	-2,17	-3,10
Min	-3,31	-3,25	-3,14	-3,26	-3,93	-3,43	-3,25	-3,18	-2,75	-2,95	-3,07	-3,26
ΔH	0,20	0,38	0,18	0,08	0,70	0,70	0,55	0,48	0,44	0,65	0,89	0,16

Mức nước trung bình năm: -2,98

Mức nước lớn nhất trong năm: -2,17

Ngày: 18/11/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -3,93

Ngày: 24/05/2023

Biên độ dao động năm: 1,75

20. Công trình: Q.60aM1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	2,72	2,43	2,41	2,16	2,15	2,08	2,28	2,36	2,73	3,15	2,90	2,76
2	2,72	2,48	2,39	2,16	2,15	2,07	2,28	2,37	2,73	3,12	2,88	2,74
3	2,72	2,50	2,42	2,16	2,16	2,06	2,28	2,38	2,72	3,11	2,85	2,72
4	2,72	2,48	2,44	2,17	2,16	2,06	2,29	2,38	2,73	3,10	2,82	2,71
5	2,72	2,48	2,45	2,17	2,16	2,07	2,28	2,41	2,73	3,06	2,80	2,68
6	2,72	2,48	2,42	2,17	2,14	2,08	2,29	2,44	2,72	3,04	2,79	2,71
7	2,66	2,47	2,40	2,17	2,13	2,07	2,28	2,44	2,72	3,02	2,83	2,73
8	2,63	2,47	2,39	2,17	2,13	2,06	2,27	2,43	2,75	3,04	2,80	2,70
9	2,63	2,49	2,39	2,17	2,14	2,07	2,28	2,43	2,78	3,04	2,82	2,69
10	2,63	2,46	2,38	2,18	2,15	2,08	2,28	2,43	2,78	3,06	2,88	2,67
11	2,59	2,44	2,36	2,18	2,14	2,07	2,29	2,45	2,78	3,07	2,90	2,65
12	2,55	2,45	2,35	2,17	2,13	2,07	2,29	2,49	2,78	3,09	2,91	2,63
13	2,51	2,47	2,36	2,18	2,13	2,08	2,29	2,50	2,69	3,08	2,92	2,61
14	2,49	2,53	2,30	2,18	2,14	2,09	2,29	2,50	2,72	3,04	2,91	2,60
15	2,56	2,55	2,30	2,17	2,13	2,10	2,30	2,52	2,80	2,98	2,87	2,60
16	2,61	2,54	2,31	2,18	2,13	2,10	2,30	2,53	2,83	2,94	2,91	2,65
17	2,60	2,52	2,28	2,17	2,12	2,09	2,30	2,54	2,83	2,92	2,90	2,71
18	2,58	2,48	2,27	2,18	2,11	2,11	2,29	2,54	2,84	2,90	2,86	2,69
19	2,54	2,49	2,26	2,17	2,10	2,13	2,28	2,53	2,85	2,91	2,82	2,67
20	2,56	2,48	2,23	2,17	2,10	2,13	2,32	2,53	2,87	2,96	2,79	2,65
21	2,55	2,48	2,20	2,16	2,09	2,16	2,34	2,52	2,92	2,96	2,78	2,65
22	2,53	2,47	2,18	2,15	2,09	2,18	2,33	2,54	2,91	2,92	2,74	2,67
23	2,55	2,44	2,20	2,15	2,08	2,18	2,30	2,54	2,90	2,88	2,72	2,66
24	2,64	2,47	2,14	2,15	2,09	2,20	2,29	2,60	2,90	2,88	2,70	2,63
25	2,61	2,53	2,14	2,14	2,09	2,25	2,28	2,64	2,91	2,88	2,75	2,61
26	2,57	2,52	2,14	2,15	2,10	2,28	2,28	2,65	2,92	2,85	2,78	2,59
27	2,64	2,47	2,14	2,14	2,10	2,29	2,28	2,67	2,92	2,83	2,80	2,58
28	2,62	2,43	2,15	2,14	2,09	2,31	2,28	2,70	3,00	2,83	2,77	2,55
29	2,60		2,15	2,14	2,09	2,30	2,27	2,72	3,10	2,87	2,74	2,51
30	2,55		2,15	2,15	2,09	2,27	2,30	2,72	3,15	2,89	2,74	2,50
31	2,46		2,15		2,08		2,32	2,72		2,91		2,52
T.Bình	2,60	2,48	2,29	2,16	2,12	2,14	2,29	2,52	2,83	2,98	2,82	2,65
Max	2,77	2,58	2,50	2,20	2,18	2,32	2,36	2,74	3,17	3,20	2,95	2,80
Min	2,42	2,40	2,12	2,12	2,06	2,03	2,26	2,34	2,67	2,81	2,64	2,48
ΔH	0,35	0,18	0,38	0,08	0,12	0,29	0,10	0,40	0,50	0,39	0,31	0,32

Mức nước trung bình năm: 2,49

Mức nước lớn nhất trong năm: 3,20

Ngày: 01/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 2,03

Ngày: 02/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,17

21. Công trình: Q.62a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-13,06	-12,98	-13,42	-13,67	-13,42	-14,20	-13,83	-13,87	-13,69	-14,01	-13,80	-13,46
2	-12,99	-12,90	-13,35	-13,51	-13,33	-14,24	-13,81	-13,80	-13,46	-13,54	-13,78	-13,42
3	-13,03	-12,82	-13,41	-13,52	-13,45	-13,59	-13,71	-13,88	-13,31	-13,59	-13,76	-13,35
4	-13,10	-12,83	-13,45	-13,64	-13,61	-13,90	-13,66	-13,78	-13,23	-13,77	-13,74	-13,34
5	-13,15	-12,68	-13,32	-13,30	-13,74	-13,93	-13,63	-13,65	-13,33	-13,78	-13,71	-13,39
6	-13,22	-12,91	-13,40	-13,69	-13,82	-13,93	-13,66	-13,67	-13,43	-13,77	-13,68	-13,37
7	-13,32	-12,88	-13,27	-13,77	-13,94	-13,89	-13,47	-13,72	-13,54	-13,76	-13,72	-13,41
8	-13,29	-12,96	-13,41	-13,82	-13,86	-13,29	-13,53	-13,77	-13,58	-13,69	-13,69	-13,48
9	-13,20	-12,94	-13,46	-13,80	-13,80	-14,17	-13,58	-13,88	-13,65	-13,71	-13,66	-13,49
10	-13,18	-13,10	-13,49	-13,69	-13,78	-14,35	-13,64	-13,82	-13,75	-13,74	-13,67	-13,51
11	-13,22	-13,13	-13,43	-14,24	-13,93	-13,99	-13,76	-14,14	-13,76	-13,64	-13,60	-13,51
12	-13,28	-13,10	-13,39	-13,80	-14,08	-13,95	-13,84	-13,77	-13,72	-14,21	-13,55	-13,55
13	-13,34	-13,14	-13,35	-13,71	-14,39	-14,05	-13,82	-13,63	-13,79	-13,69	-13,45	-13,61
14	-13,34	-13,12	-13,51	-13,69	-13,86	-13,44	-13,73	-13,72	-13,79	-13,60	-13,43	-13,74
15	-13,19	-13,10	-13,59	-13,65	-13,85	-12,71	-13,62	-13,72	-13,60	-13,75	-13,50	-14,20
16	-13,16	-13,17	-13,61	-13,73	-13,98	-13,04	-13,97	-13,85	-13,84	-13,82	-13,49	-13,63
17	-13,21	-13,20	-13,77	-13,76	-14,02	-14,47	-13,40	-13,84	-13,71	-13,95	-13,50	-13,53
18	-13,19	-13,22	-13,77	-13,78	-13,85	-14,43	-13,80	-13,76	-13,83	-14,08	-13,50	-13,54
19	-13,15	-13,17	-13,68	-13,80	-14,19	-13,96	-13,69	-13,76	-13,98	-14,20	-13,50	-13,55
20	-13,09	-13,21	-13,66	-13,86	-14,10	-13,89	-13,52	-13,67	-13,84	-14,00	-13,47	-13,48
21	-13,53	-13,22	-13,75	-13,89	-14,24	-13,88	-13,59	-13,74	-14,29	-13,92	-13,50	-13,46
22	-12,92	-13,26	-13,83	-13,86	-14,69	-13,88	-13,67	-13,89	-14,07	-13,91	-13,55	-13,47
23	-12,54	-13,28	-13,88	-13,81	-14,28	-13,86	-13,75	-13,75	-13,85	-13,89	-13,64	-13,47
24	-12,33	-13,29	-13,96	-13,83	-14,19	-13,69	-14,24	-13,85	-13,80	-14,32	-13,67	-13,64
25	-12,44	-13,24	-13,86	-13,85	-14,07	-13,42	-13,99	-13,76	-13,83	-13,90	-13,66	-13,53
26	-12,47	-13,32	-13,82	-13,83	-14,07	-13,57	-13,97	-13,67	-13,72	-13,91	-13,55	-13,64
27	-12,32	-13,38	-13,66	-13,83	-14,05	-13,55	-13,99	-13,71	-13,60	-13,86	-13,57	-13,61
28	-12,49	-13,46	-13,74	-13,92	-14,02	-13,67	-14,04	-13,70	-13,64	-13,86	-13,59	-13,67
29	-12,66		-13,64	-13,79	-14,10	-13,74	-13,98	-13,65	-13,69	-14,02	-13,63	-13,69
30	-12,86		-13,63	-13,54	-14,14	-13,84	-13,92	-13,65	-13,73	-13,64	-13,60	-13,66
31	-12,98		-13,75		-14,17		-13,77	-13,73		-13,72		-13,57
T.Bình	-13,01	-13,11	-13,59	-13,75	-13,97	-13,82	-13,76	-13,77	-13,70	-13,85	-13,61	-13,55
Max	-11,47	-12,01	-12,41	-12,62	-12,42	-12,55	-12,65	-12,68	-12,29	-12,68	-12,53	-12,43
Min	-13,96	-14,02	-14,50	-14,48	-14,89	-14,79	-14,48	-14,27	-14,46	-14,62	-14,46	-14,47
ΔH	2,49	2,01	2,09	1,86	2,47	2,24	1,83	1,59	2,17	1,94	1,93	2,04

Mức nước trung bình năm: -13,63

Mức nước lớn nhất trong năm: -11,47

Ngày: 24/01/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -14,89

Ngày: 22/05/2023

Biên độ dao động năm: 3,42

22. Công trình: Q.63aM1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-22,32									
2												
3					-22,57	-22,52	-22,65	-22,59	-22,73	-22,72		
4												
5												
6	-22,38	-22,36	-22,36	-22,42	-22,56	-22,46	-22,57	-22,58	-22,75	-22,70	-22,83	-22,95
7												
8												
9					-22,52	-22,53	-22,53	-22,62	-22,74	-22,67		
10												
11												
12	-22,30	-22,29	-22,37	-22,46	-22,51	-22,58	-22,56	-22,60	-22,78	-22,73	-22,86	-22,98
13												
14												
15					-22,55	-22,60	-22,62	-22,55	-22,77	-22,76		
16												
17												
18	-22,22	-22,30	-22,42	-22,47	-22,54	-22,54	-22,66	-22,52	-22,77	-22,80	-22,88	-22,97
19												
20												
21					-22,57	-22,63	-22,65	-22,53	-22,79	-22,82		
22												
23												
24	-22,25	-22,26	-22,40	-22,53	-22,60	-22,60	-22,68	-22,56	-22,80	-22,85	-22,93	-23,00
25												
26												
27					-22,59	-22,62	-22,67	-22,62	-22,75	-22,79		
28												
29												
30	-22,30		-22,38	-22,56	-22,55	-22,64	-22,63	-22,66	-22,72	-22,78	-22,96	-22,94
31												
T.Bình	-22,29	-22,30	-22,38	-22,49	-22,56	-22,57	-22,62	-22,58	-22,76	-22,76	-22,89	-22,97
Max	-22,22	-22,26	-22,32	-22,42	-22,51	-22,46	-22,53	-22,52	-22,72	-22,67	-22,83	-22,94
Min	-22,38	-22,36	-22,42	-22,56	-22,60	-22,64	-22,68	-22,66	-22,80	-22,85	-22,96	-23,00
ΔH	0,16	0,10	0,10	0,14	0,09	0,18	0,15	0,14	0,08	0,18	0,13	0,06

Mức nước trung bình năm: -22,61

Mức nước lớn nhất trong năm: -22,22

Ngày: 18/01/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -23,00

Ngày: 24/12/2023

Biên độ dao động năm: 0,78

23. Công trình: Q.64a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-10,65	-10,50	-10,49									
2	-10,60	-10,51										
3	-10,64	-10,53			-10,74	-11,02	-10,53	-11,02	-10,36	-10,29		
4	-10,69	-10,52										
5	-10,72	-10,51										
6	-10,76	-10,53	-10,64	-10,82	-10,76	-10,95	-10,49	-10,95	-10,29	-10,28	-10,33	-9,71
7	-10,77	-10,36										
8	-10,80	-10,37										
9	-10,87	-10,33			-10,93	-10,89	-10,53	-10,89	-10,32	-10,28		
10	-10,85	-10,34										
11	-10,87	-10,37										
12	-10,90	-10,34	-10,67	-10,75	-11,08	-10,82	-10,52	-10,82	-10,35	-10,26	-10,35	-9,74
13	-10,93	-10,32										
14	-10,93	-10,36										
15	-10,94	-10,40			-11,04	-10,75	-10,49	-10,71	-10,34	-10,25		
16	-11,07	-10,52										
17	-11,17	-10,60										
18	-11,20	-10,60	-10,66	-10,70	-11,12	-10,70	-10,49	-10,59	-10,33	-10,25	-10,21	-9,77
19	-11,13	-10,59										
20	-11,02	-10,71										
21	-10,94	-10,70			-11,25	-10,66	-10,46	-10,52	-10,31	-10,26		
22	-10,81	-10,74										
23	-10,60	-10,85										
24	-10,39	-10,80	-10,72	-10,64	-11,30	-10,63	-10,47	-10,42	-10,31	-10,26	-10,07	-9,81
25	-10,18											
26	-9,95											
27	-9,86				-11,23	-10,59	-11,23	-10,46	-10,31	-10,29		
28	-9,94											
29	-10,06											
30	-10,24		-10,93	-10,72	-11,11	-10,55	-11,11	-10,40	-10,28	-10,29	-9,87	-9,67
31	-10,46											
T.Bình	-10,68	-10,51	-10,69	-10,73	-11,06	-10,76	-10,63	-10,68	-10,32	-10,27	-10,17	-9,74
Max	-9,72	-10,18	-10,49	-10,64	-10,74	-10,55	-10,46	-10,40	-10,28	-10,25	-9,87	-9,67
Min	-11,34	-11,05	-10,93	-10,82	-11,30	-11,02	-11,23	-11,02	-10,36	-10,29	-10,35	-9,81
ΔH	1,62	0,87	0,44	0,18	0,56	0,47	0,77	0,62	0,08	0,04	0,48	0,14

Mức nước trung bình năm: -10,60

Mức nước lớn nhất trong năm: -9,67

Ngày: 30/12/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -11,34

Ngày: 17/01/2023

Biên độ dao động năm: 1,67

24. Công trình: Q.65bM1

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-7,35									
2												
3					-7,38	-7,43	-7,41	-7,14	-6,74	-6,29		
4												
5												
6	-7,31	-7,25	-7,31	-7,26	-7,41	-7,41	-7,39	-7,08	-6,76	-6,09	-6,38	-6,12
7												
8												
9					-7,42	-7,49	-7,36	-7,03	-6,73	-5,88		
10												
11												
12	-7,32	-7,10	-7,26	-7,28	-7,48	-7,50	-7,35	-6,97	-6,72	-5,81	-6,33	-6,17
13												
14												
15					-7,45	-7,47	-7,33	-6,91	-6,70	-5,75		
16												
17												
18	-7,36	-6,84	-7,24	-7,31	-7,46	-7,48	-7,31	-6,83	-6,69	-5,83	-6,25	-6,18
19												
20												
21					-7,43	-7,47	-7,28	-6,88	-6,72	-5,94		
22												
23												
24	-7,41	-6,62	-7,22	-7,34	-7,42	-7,45	-7,29	-6,75	-6,74	-6,01	-6,16	-6,22
25												
26												
27					-7,44	-7,44	-7,26	-6,73	-6,67	-6,41		
28												
29												
30	-7,39		-7,24	-7,35	-7,45	-7,41	-7,20	-6,72	-6,51	-6,46	-6,19	-6,14
31												
T.Bình	-7,36	-6,95	-7,27	-7,31	-7,43	-7,46	-7,32	-6,90	-6,70	-6,05	-6,26	-6,17
Max	-7,31	-6,62	-7,22	-7,26	-7,38	-7,41	-7,20	-6,72	-6,51	-5,75	-6,16	-6,12
Min	-7,41	-7,25	-7,35	-7,35	-7,48	-7,50	-7,41	-7,14	-6,76	-6,46	-6,38	-6,22
ΔH	0,10	0,63	0,13	0,09	0,10	0,09	0,21	0,42	0,25	0,71	0,22	0,10

Mức nước trung bình năm: -6,95

Mức nước lớn nhất trong năm: -5,75 Ngày: 15/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -7,50 Ngày: 12/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,75

25. Công trình: Q.66b

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-2,58									
2												
3					-2,12	-2,33	-2,05	-2,33	-1,57	-1,60		
4												
5												
6	-1,86	-2,11	-1,96	-2,17	-2,09	-2,36	-2,04	-1,87	-1,57	-1,61	-1,61	-1,64
7												
8												
9					-2,11	-2,27	-2,05	-1,82	-1,58	-1,63		
10												
11												
12	-1,86	-2,33	-2,04	-2,16	-2,14	-2,23	-2,08	-1,77	-1,59	-1,64	-1,66	-1,70
13												
14												
15					-2,10	-2,20	-2,06	-1,73	-1,57	-1,66		
16												
17												
18	-1,79	-2,61	-2,08	-2,15	-2,18	-2,20	-2,07	-1,68	-1,57	-1,66	-1,67	-1,75
19												
20												
21					-2,16	-2,17	-2,09	-1,63	-1,55	-1,67		
22												
23												
24	-1,75	-2,87	-2,10	-2,14	-2,19	-2,14	-2,10	-1,59	-1,54	-1,69	-1,67	-1,82
25												
26												
27					-2,25	-2,12	-2,25	-1,61	-1,56	-1,67		
28												
29												
30	-1,90		-2,15	-2,11	-2,29	-2,08	-2,29	-1,60	-1,58	-1,66	-1,66	-1,81
31												
T.Bình	-1,83	-2,48	-2,15	-2,15	-2,16	-2,21	-2,11	-1,76	-1,57	-1,65	-1,65	-1,74
Max	-1,75	-2,11	-1,96	-2,11	-2,09	-2,08	-2,04	-1,59	-1,54	-1,60	-1,61	-1,64
Min	-1,90	-2,87	-2,58	-2,17	-2,29	-2,36	-2,29	-2,33	-1,59	-1,69	-1,67	-1,82
ΔH	0,15	0,76	0,62	0,06	0,20	0,28	0,25	0,74	0,05	0,09	0,06	0,18

Mức nước trung bình năm: -1,94

Mức nước lớn nhất trong năm: -1,54

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -2,87

Biên độ dao động năm: 1,33

Ngày: 24/09/2023

Ngày: 24/02/2023

26. Công trình: Q.67a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-4,64									
2												
3					-5,25	-4,74	-5,27	-5,51	-4,91	-4,85		
4												
5												
6	-4,66	-4,66	-4,77	-5,23	-5,27	-4,66	-5,36	-5,50	-5,05	-4,79	-4,97	-5,16
7												
8												
9					-5,30	-4,79	-5,45	-5,42	-5,07	-4,72		
10												
11												
12	-4,72	-4,59	-4,92	-5,27	-5,21	-5,02	-5,46	-5,35	-5,00	-4,64	-4,92	-5,20
13												
14												
15					-5,16	-5,17	-5,40	-5,30	-4,86	-4,65		
16												
17												
18	-4,70	-4,51	-5,04	-5,29	-5,09	-5,32	-5,36	-5,22	-4,84	-4,70	-4,98	-5,27
19												
20												
21					-4,98	-5,12	-5,29	-5,16	-4,89	-4,78		
22												
23												
24	-4,65	-4,53	-5,15	-5,30	-4,87	-4,95	-5,35	-5,07	-4,95	-4,87	-5,05	-5,30
25												
26												
27					-4,80	-5,02	-5,42	-4,98	-4,97	-4,92		
28												
29												
30	-4,77		-5,19	-5,25	-4,75	-5,11	-5,49	-4,90	-4,91	-4,90	-5,11	-5,38
31												
T.Bình	-4,70	-4,57	-4,95	-5,27	-5,07	-4,99	-5,38	-5,24	-4,95	-4,78	-5,01	-5,26
Max	-4,65	-4,51	-4,64	-5,23	-4,75	-4,66	-5,27	-4,90	-4,84	-4,64	-4,92	-5,16
Min	-4,77	-4,66	-5,19	-5,30	-5,30	-5,32	-5,49	-5,51	-5,07	-4,92	-5,11	-5,38
ΔH	0,12	0,15	0,55	0,07	0,55	0,66	0,22	0,61	0,23	0,28	0,19	0,22

Mức nước trung bình năm: -5,04

Mức nước lớn nhất trong năm: -4,51

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -5,51

Biên độ dao động năm: 1,00

Ngày: 18/02/2023

Ngày: 03/08/2023

27. Công trình: Q.68b

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-14,92									
2												
3					-14,35	-14,54	-14,51	-14,54	-14,78	-14,45		
4												
5												
6	-14,93	-14,94	-14,88	-14,52	-14,38	-14,58	-14,50	-14,59	-14,90	-14,23	-14,50	-14,59
7												
8												
9					-14,42	-14,73	-14,49	-14,64	-14,86	-14,11		
10												
11												
12	-14,95	-14,93	-14,84	-14,40	-14,46	-14,69	-14,51	-14,69	-14,84	-14,10	-14,41	-14,57
13												
14												
15					-14,49	-14,67	-14,49	-14,75	-14,82	-14,18		
16												
17												
18	-14,92	-14,96	-14,78	-14,29	-14,54	-14,62	-14,48	-14,74	-14,81	-14,26	-14,28	-14,34
19												
20												
21					-14,57	-14,60	-14,46	-14,85	-14,83	-14,41		
22												
23												
24	-14,95	-14,89	-14,73	-14,36	-14,61	-14,58	-14,44	-14,88	-14,86	-14,55	-14,46	-14,18
25												
26												
27					-14,60	-14,56	-14,46	-14,85	-14,78	-14,61		
28												
29												
30	-14,97		-14,66	-14,30	-14,56	-14,53	-14,49	-14,87	-14,61	-14,57	-14,52	-14,24
31												
T.Bình	-14,94	-14,93	-14,80	-14,37	-14,50	-14,61	-14,48	-14,74	-14,81	-14,35	-14,43	-14,38
Max	-14,92	-14,89	-14,66	-14,29	-14,35	-14,53	-14,44	-14,54	-14,61	-14,10	-14,28	-14,18
Min	-14,97	-14,96	-14,92	-14,52	-14,61	-14,73	-14,51	-14,88	-14,90	-14,61	-14,52	-14,59
ΔH	0,05	0,07	0,26	0,23	0,26	0,20	0,07	0,34	0,29	0,51	0,24	0,41

Mức nước trung bình năm: -14,60

Mức nước lớn nhất trong năm: -14,10

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -14,97

Biên độ dao động năm: 0,87

Ngày: 12/10/2023

Ngày: 30/01/2023

28. Công trình: Q.69a

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-3,43	-3,23	-3,58	-3,89	-3,97			-3,98	-3,86	-3,67	-3,78	-3,35
2	-3,42	-3,24	-3,73	-3,87	-3,96			-3,96	-3,85	-3,75	-3,78	-3,27
3	-3,42	-3,26	-3,75	-3,86	-3,94	-4,17	-4,06	-3,95	-3,84	-3,74	-3,79	-3,24
4	-3,43	-3,31	-3,74	-3,85	-3,91			-3,94	-3,84	-3,70	-3,81	-3,28
5	-3,43	-3,28	-3,72	-3,87	-3,87			-3,89	-3,82	-3,64	-3,82	-3,30
6	-3,43	-3,32	-3,74	-3,92	-3,88	-4,17	-3,99	-3,86	-3,83	-3,64	-3,81	-3,25
7	-3,45	-3,22	-3,74	-3,95	-3,91			-3,85	-3,83	-3,70	-3,80	-3,18
8	-3,49	-3,21	-3,74	-3,99	-3,96			-3,87	-3,82	-3,68	-3,83	-3,18
9	-3,52	-3,18	-3,74	-3,99	-3,97	-4,17	-4,00	-3,89	-3,80	-3,67	-3,82	-3,20
10	-3,53	-3,20	-3,72	-3,95	-3,97			-3,88	-3,77	-3,66	-3,75	-3,22
11	-3,53	-3,26	-3,74	-3,91	-4,00		-3,96	-3,86	-3,75	-3,63	-3,69	-3,27
12	-3,52	-3,30	-3,75	-3,91	-4,01	-4,15	-3,97	-3,85	-3,74	-3,60	-3,65	-3,18
13	-3,56	-3,25	-3,78	-3,94	-4,02		-3,95	-3,86	-3,82	-3,61	-3,62	-3,18
14	-3,54	-3,22	-3,79	-3,90	-4,01		-3,95	-3,85	-3,79	-3,65	-3,71	-3,20
15	-3,50	-3,22	-3,78	-3,92	-3,98	-4,12	-3,96	-3,83	-3,75	-3,69	-3,73	-3,20
16	-3,57	-3,24	-3,77	-3,91	-3,96		-3,94	-3,82	-3,75	-3,72	-3,66	-3,33
17	-3,63	-3,25	-3,79	-3,92	-3,95		-3,93	-3,82	-3,75	-3,72	-3,68	-3,50
18	-3,64	-3,24	-3,81	-3,91	-3,95	-4,09	-3,93	-3,82	-3,78	-3,73	-3,69	-3,55
19	-3,63	-3,24	-3,81	-3,88	-3,96		-3,97	-3,80	-3,78	-3,72	-3,72	-3,56
20	-3,62	-3,23	-3,80	-3,87	-3,94		-3,95	-3,83	-3,77	-3,67	-3,72	-3,55
21	-3,61	-3,20	-3,80	-3,87	-3,95	-4,08	-3,94	-3,91	-3,69	-3,68	-3,71	-3,54
22	-3,59	-3,21	-3,81	-3,90	-3,96		-3,96	-3,88	-3,65	-3,68	-3,72	-3,53
23	-3,59	-3,20	-3,78	-3,95	-3,98		-3,99	-3,89	-3,69	-3,69	-3,72	-3,54
24	-3,60	-3,22	-3,85	-3,96	-4,00	-4,05	-3,99	-3,91	-3,73	-3,68	-3,58	-3,51
25	-3,35	-3,29	-3,88	-3,96			-4,00	-3,91	-3,76	-3,71	-3,35	-3,47
26	-3,17	-3,47	-3,89	-3,96			-4,00	-3,89	-3,75	-3,82	-3,28	-3,44
27	-3,11	-3,59	-3,92	-3,95	-4,14	-4,14	-3,98	-3,86	-3,72	-3,81	-3,27	-3,45
28	-3,09	-3,59	-3,93	-3,94			-3,96	-3,81	-3,69	-3,79	-3,30	-3,44
29	-3,10		-3,92	-3,95			-3,98	-3,83	-3,70	-3,80	-3,33	-3,46
30	-3,14		-3,91	-3,98	-4,15	-4,10	-3,99	-3,85	-3,68	-3,79	-3,35	-3,47
31	-3,23		-3,90				-4,00	-3,85		-3,77		-3,44
T.Bình	-3,45	-3,27	-3,79	-3,92	-3,96	-4,12	-3,97	-3,87	-3,77	-3,70	-3,65	-3,36
Max	-3,05	-3,15	-3,53	-3,84	-3,86	-4,05	-3,92	-3,79	-3,64	-3,56	-3,22	-3,13
Min	-3,66	-3,62	-3,94	-4,01	-4,15	-4,17	-4,06	-3,99	-3,87	-3,87	-3,88	-3,59
ΔH	0,61	0,47	0,41	0,17	0,29	0,12	0,14	0,20	0,23	0,31	0,66	0,46

Mức nước trung bình năm: -3,69

Mức nước lớn nhất trong năm: -3,05 Ngày: 28/01/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -4,17 Ngày: 03/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,12

29. Công trình: Q.75a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,48	0,33	0,27	0,10	0,13	-0,14	0,39	0,30	0,67	1,41	0,71	0,57
2	0,45	0,36	0,29	0,10	0,14	-0,18	0,37	0,31	0,68	1,41	0,69	0,57
3	0,46	0,38	0,31	0,09	0,13	-0,17	0,39	0,34	0,67	1,37	0,64	0,57
4	0,41	0,37	0,31	0,06	0,11	-0,16	0,38	0,37	0,71	1,34	0,61	0,54
5	0,39	0,35	0,34	0,05	0,09	-0,11	0,34	0,42	0,69	1,33	0,61	0,53
6	0,40	0,28	0,31	0,03	0,04	-0,07	0,35	0,48	0,64	1,28	0,59	0,56
7	0,34	0,33	0,30	0,02	0,01	-0,04	0,31	0,48	0,60	1,17	0,66	0,55
8	0,36	0,33	0,29	0,02	0,04	-0,04	0,32	0,46	0,62	1,15	0,63	0,53
9	0,35	0,35	0,28	0,06	0,07	0,00	0,35	0,44	0,63	1,10	0,65	0,50
10	0,34	0,34	0,28	0,06	0,08	0,00	0,36	0,44	0,64	1,08	0,70	0,49
11	0,31	0,31	0,26	0,08	0,08	-0,01	0,38	0,46	0,62	1,06	0,71	0,48
12	0,30	0,30	0,26	0,08	0,05	-0,01	0,36	0,51	0,65	1,06	0,73	0,45
13	0,27	0,33	0,26	0,09	0,05	0,00	0,35	0,52	0,57	1,03	0,78	0,43
14	0,25	0,39	0,18	0,10	0,06	0,01	0,34	0,52	0,63	0,97	0,77	0,42
15	0,33	0,42	0,18	0,10	0,05	0,03	0,36	0,55	0,71	0,90	0,73	0,41
16	0,34	0,40	0,20	0,09	0,02	0,02	0,36	0,54	0,75	0,84	0,79	0,48
17	0,26	0,38	0,18	0,09	-0,02	-0,01	0,34	0,54	0,75	0,79	0,75	0,54
18	0,25	0,34	0,16	0,08	-0,06	0,01	0,37	0,53	0,77	0,77	0,71	0,51
19	0,25	0,36	0,15	0,07	-0,08	0,04	0,40	0,53	0,80	0,76	0,66	0,50
20	0,24	0,36	0,12	0,04	-0,10	0,03	0,42	0,55	0,82	0,81	0,62	0,46
21	0,22	0,34	0,10	0,02	-0,09	0,07	0,44	0,58	0,87	0,82	0,58	0,46
22	0,27	0,33	0,05	0,00	-0,12	0,09	0,40	0,58	0,84	0,77	0,56	0,47
23	0,30	0,30	0,07	-0,01	-0,14	0,12	0,32	0,57	0,77	0,74	0,54	0,46
24	0,36	0,34	0,04	-0,01	-0,10	0,18	0,27	0,58	0,75	0,69	0,51	0,45
25	0,42	0,39	0,04	-0,01	-0,08	0,27	0,21	0,58	0,76	0,69	0,54	0,42
26	0,45	0,37	0,09	0,02	-0,07	0,33	0,20	0,58	0,77	0,65	0,58	0,38
27	0,56	0,32	0,09	-0,01	-0,06	0,38	0,21	0,59	0,77	0,63	0,59	0,38
28	0,55	0,27	0,07	-0,02	-0,07	0,42	0,25	0,62	0,92	0,65	0,57	0,35
29	0,51		0,08	0,04	-0,11	0,41	0,23	0,67	1,17	0,71	0,55	0,31
30	0,45		0,09	0,08	-0,12	0,38	0,25	0,67	1,33	0,74	0,55	0,31
31	0,39		0,09		-0,13		0,25	0,67		0,74		0,35
T.Bình	0,36	0,35	0,18	0,05	-0,01	0,06	0,33	0,52	0,75	0,95	0,64	0,47
Max	0,61	0,48	0,41	0,15	0,18	0,47	0,48	0,72	1,38	1,47	0,82	0,62
Min	0,15	0,19	-0,02	-0,10	-0,23	-0,24	0,12	0,27	0,54	0,55	0,45	0,27
ΔH	0,46	0,29	0,43	0,25	0,41	0,71	0,36	0,45	0,84	0,92	0,37	0,35

Mức nước trung bình năm: 0,39

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,47

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,24

Biên độ dao động năm: 1,71

Ngày: 01/10/2023

Ngày: 02/06/2023

30. Công trình: Q.76a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,79									
2												
3					0,84	-0,08	0,15	-0,13	0,69	1,57		
4												
5												
6	1,36	1,52	0,75	0,94	0,70	-0,15	-0,01	-0,07	0,81	1,78	1,08	0,68
7												
8												
9					0,98	-0,26	0,11	0,10	0,87	1,74		
10												
11												
12	0,85	0,98	0,87	1,02	0,69	-0,20	-0,05	0,31	0,95	1,67	0,96	0,66
13												
14												
15					0,68	-0,08	0,03	0,29	0,99	1,71		
16												
17												
18	0,68	0,90	1,10	1,06	0,57	-0,05	0,05	0,20	1,12	1,79	0,93	0,66
19												
20												
21					0,40	-0,03	0,09	0,41	1,31	1,72		
22												
23												
24	0,81	0,87	0,92	0,99	0,15	-0,08	-0,03	0,48	1,19	1,60	0,91	0,61
25												
26												
27					0,03	-0,05	-0,15	0,57	1,38	1,40		
28												
29												
30	1,20		0,95	0,87	0,12	0,09	-0,28	0,69	1,50	1,34	0,77	0,54
31												
T.Bình	0,98	1,06	0,89	0,97	0,51	-0,09	-0,01	0,28	1,08	1,63	0,93	0,63
Max	1,36	1,52	1,10	1,06	0,98	0,09	0,15	0,69	1,50	1,79	1,08	0,68
Min	0,68	0,87	0,75	0,87	0,03	-0,26	-0,28	-0,13	0,69	1,34	0,77	0,54
ΔH	0,68	0,65	0,35	0,19	0,95	0,35	0,43	0,82	0,81	0,45	0,31	0,14

Mức nước trung bình năm: 0,68

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,79

Ngày: 18/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,28

Ngày: 30/07/2023

Biên độ dao động năm: 2,07

31. Công trình: Q.77a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,20									
2												
3					0,30	-0,46	1,00	0,32	1,29	2,21		
4												
5												
6	0,38	-0,33	-0,06	0,28	0,22	-0,48	1,26	0,56	0,68	2,00	0,34	0,04
7												
8												
9					0,69	-0,45	0,84	0,98	0,55	1,84		
10												
11												
12	-0,04	-0,14	-0,18	0,38	0,37	-0,24	0,45	1,15	0,79	1,60	0,28	0,00
13												
14												
15					0,12	0,03	0,18	1,47	1,18	1,53		
16												
17												
18	-0,40	0,05	-0,07	0,39	-0,06	0,28	0,24	1,50	1,42	1,01	0,25	-0,04
19												
20												
21					-0,32	0,43	0,37	1,51	1,34	0,60		
22												
23												
24	-0,52	0,09	0,21	0,28	-0,73	0,47	0,18	1,56	1,38	0,42	0,26	-0,12
25												
26												
27					-0,60	0,59	-0,11	1,58	1,74	-0,02		
28												
29												
30	-0,31		0,41	0,42	-0,42	0,87	0,01	1,63	2,03	0,10	0,12	-0,20
31												
T.Bình	-0,18	-0,08	0,09	0,35	-0,04	0,11	0,44	1,23	1,24	1,13	0,25	-0,06
Max	0,38	0,09	0,41	0,42	0,69	0,87	1,26	1,63	2,03	2,21	0,34	0,04
Min	-0,52	-0,33	-0,18	0,28	-0,73	-0,48	-0,11	0,32	0,55	-0,02	0,12	-0,20
ΔH	0,90	0,42	0,59	0,14	1,42	1,35	1,37	1,31	1,48	2,23	0,22	0,24

Mức nước trung bình năm: 0,48

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,21

Ngày: 03/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,73

Ngày: 24/05/2023

Biên độ dao động năm: 2,94

32. Công trình: Q.82a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			2,93									
2												
3					3,11	3,08	3,32	3,19	3,04	3,17		
4												
5												
6	3,04	3,04	2,94	3,00	3,10	3,11	3,30	3,12	3,05	3,14	3,10	3,11
7												
8												
9					3,17	3,14	3,29	3,17	3,07	3,11		
10												
11												
12	3,05	3,00	2,97	3,04	3,20	3,17	3,28	3,14	3,06	3,10	3,11	3,13
13												
14												
15					3,19	3,19	3,25	3,18	3,08	3,09		
16												
17												
18	3,07	2,96	2,95	3,08	3,17	3,21	3,22	3,09	3,09	3,08	3,08	3,11
19												
20												
21					3,15	3,19	3,21	3,05	3,08	3,07		
22												
23												
24	3,08	2,94	2,94	3,09	3,14	3,18	3,19	3,04	3,06	3,08	3,06	3,08
25												
26												
27					3,14	3,35	3,16	3,05	3,17	3,09		
28												
29												
30	3,07		2,97	3,12	3,11	3,34	3,14	3,04	3,21	3,08	3,09	3,05
31												
T.Bình	3,06	2,99	2,95	3,07	3,15	3,20	3,24	3,11	3,09	3,10	3,09	3,10
Max	3,08	3,04	2,97	3,12	3,20	3,35	3,32	3,19	3,21	3,17	3,11	3,13
Min	3,04	2,94	2,93	3,00	3,10	3,08	3,14	3,04	3,04	3,07	3,06	3,05
ΔH	0,04	0,10	0,04	0,12	0,10	0,27	0,18	0,15	0,17	0,10	0,05	0,08

Mức nước trung bình năm: 3,11

Mức nước lớn nhất trong năm: 3,35 Ngày: 27/06/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 2,93 Ngày: 01/03/2023

Biên độ dao động năm: 0,42

33. Công trình: Q.83b

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,10									
2												
3					1,13	0,87	1,00	1,25	1,19	1,40		
4												
5												
6	0,95	1,25	1,13	1,19	0,97	0,72	0,93	1,32	1,18	1,25	0,99	0,98
7												
8												
9					0,74	0,65	0,76	1,23	1,16	1,23		
10												
11												
12	0,98	1,29	1,18	1,21	0,76	0,74	0,74	1,25	1,23	1,20	1,02	0,99
13												
14												
15					0,83	0,80	0,71	1,31	1,29	1,18		
16												
17												
18	1,09	1,13	1,14	1,18	0,87	0,91	0,67	1,24	1,26	1,12	0,95	0,96
19												
20												
21					0,91	0,99	0,95	1,21	1,24	1,06		
22												
23												
24	1,16	1,06	1,12	1,20	0,97	1,13	0,92	1,25	1,22	0,98	1,00	0,95
25												
26												
27					1,04	1,09	1,00	1,23	1,29	1,00		
28												
29												
30	1,21		1,17	1,24	1,09	1,07	0,95	1,21	1,48	0,96	1,01	0,92
31												
T.Bình	1,08	1,18	1,14	1,20	0,93	0,90	0,86	1,25	1,25	1,14	0,99	0,96
Max	1,21	1,29	1,18	1,24	1,13	1,13	1,00	1,32	1,48	1,40	1,02	0,99
Min	0,95	1,06	1,10	1,18	0,74	0,65	0,67	1,21	1,16	0,96	0,95	0,92
ΔH	0,26	0,23	0,08	0,06	0,39	0,48	0,33	0,11	0,32	0,44	0,07	0,07

Mức nước trung bình năm: 1,07

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,48

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,65

Biên độ dao động năm: 0,83

Ngày: 30/09/2023

Ngày: 09/06/2023

34. Công trình: Q.84b

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,65									
2												
3					-0,51	-0,62	-0,62	-0,29	-0,27	0,13		
4												
5												
6	-0,59	-0,54	-0,66	-0,56	-0,55	-0,70	-0,66	-0,32	-0,31	0,01	-0,53	-0,54
7												
8												
9					-0,52	-0,75	-0,64	-0,21	-0,36	-0,01		
10												
11												
12	-0,62	-0,46	-0,63	-0,55	-0,49	-0,56	-0,71	-0,26	-0,27	-0,05	-0,57	-0,57
13												
14												
15					-0,44	-0,60	-0,90	-0,15	-0,19	-0,10		
16												
17												
18	-0,58	-0,55	-0,67	-0,61	-0,48	-0,46	-0,84	-0,33	-0,20	-0,14	-0,54	-0,61
19												
20												
21					-0,51	-0,47	-0,56	-0,36	-0,21	-0,23		
22												
23												
24	-0,64	-0,64	-0,70	-0,49	-0,49	-0,43	-0,87	-0,34	-0,22	-0,35	-0,51	-0,62
25												
26												
27					-0,56	-0,50	-0,81	-0,31	-0,01	-0,38		
28												
29												
30	-0,68		-0,73	-0,50	-0,50	-0,57	-0,84	-0,29	0,23	-0,41	-0,51	-0,66
31												
T.Bình	-0,62	-0,55	-0,67	-0,54	-0,51	-0,57	-0,75	-0,29	-0,18	-0,15	-0,53	-0,60
Max	-0,58	-0,46	-0,63	-0,49	-0,44	-0,43	-0,56	-0,15	0,23	0,13	-0,51	-0,54
Min	-0,68	-0,64	-0,73	-0,61	-0,56	-0,75	-0,90	-0,36	-0,36	-0,41	-0,57	-0,66
ΔH	0,10	0,18	0,10	0,12	0,12	0,32	0,34	0,21	0,59	0,54	0,06	0,12

Mức nước trung bình năm: -0,47

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,23 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,90 Ngày: 15/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,13

35. Công trình: Q.85b

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,78	0,82	0,80	0,66	0,72	0,72	0,22	0,89	0,63	0,75	0,60	0,46
2	0,78	0,87	0,80	0,61	0,73	0,72	0,21	0,93	0,64	0,71	0,59	0,44
3	0,79	0,88	0,81	0,58	0,71	0,70	0,21	0,91	0,63	0,70	0,57	0,44
4	0,79	0,87	0,83	0,59	0,63	0,69	0,20	0,88	0,63	0,70	0,56	0,43
5	0,81	0,88	0,85	0,63	0,60	0,68	0,20	0,91	0,62	0,75	0,55	0,42
6	0,83	0,84	0,85	0,68	0,69	0,60	0,25	0,82	0,62	0,76	0,55	0,46
7	0,79	0,87	0,86	0,70	0,74	0,44	0,30	0,69	0,61	0,65	0,63	0,47
8	0,78	0,87	0,86	0,71	0,77	0,39	0,31	0,66	0,61	0,66	0,54	0,46
9	0,80	0,89	0,85	0,73	0,74	0,43	0,30	0,65	0,65	0,68	0,58	0,47
10	0,80	0,87	0,86	0,77	0,73	0,38	0,32	0,64	0,66	0,70	0,62	0,48
11	0,78	0,85	0,84	0,71	0,75	0,40	0,36	0,67	0,66	0,72	0,64	0,47
12	0,75	0,88	0,82	0,67	0,75	0,40	0,39	0,68	0,66	0,74	0,67	0,43
13	0,74	0,90	0,82	0,65	0,72	0,38	0,42	0,67	0,56	0,74	0,67	0,41
14	0,74	0,95	0,79	0,65	0,71	0,37	0,49	0,67	0,59	0,71	0,62	0,39
15	0,81	0,95	0,82	0,70	0,70	0,39	0,60	0,66	0,65	0,66	0,58	0,39
16	0,83	0,93	0,82	0,71	0,69	0,37	0,59	0,66	0,63	0,64	0,63	0,45
17	0,82	0,90	0,78	0,70	0,76	0,31	0,60	0,65	0,63	0,63	0,60	0,49
18	0,80	0,88	0,78	0,71	0,78	0,33	0,60	0,66	0,60	0,63	0,57	0,47
19	0,78	0,90	0,78	0,72	0,77	0,34	0,58	0,65	0,59	0,64	0,56	0,45
20	0,81	0,89	0,76	0,72	0,76	0,31	0,57	0,69	0,60	0,70	0,54	0,43
21	0,83	0,90	0,74	0,71	0,76	0,29	0,55	0,69	0,66	0,70	0,54	0,43
22	0,82	0,89	0,74	0,70	0,75	0,27	0,53	0,63	0,66	0,67	0,51	0,44
23	0,84	0,88	0,78	0,74	0,76	0,27	0,52	0,59	0,65	0,62	0,50	0,44
24	0,92	0,89	0,69	0,74	0,74	0,24	0,49	0,57	0,66	0,59	0,43	0,36
25	0,88	0,92	0,68	0,70	0,74	0,29	0,43	0,63	0,66	0,57	0,44	0,38
26	0,87	0,90	0,69	0,69	0,73	0,32	0,50	0,65	0,76	0,56	0,48	0,38
27	0,92	0,86	0,72	0,67	0,73	0,22	0,53	0,66	0,79	0,55	0,51	0,38
28	0,90	0,79	0,71	0,67	0,74	0,26	0,70	0,66	0,88	0,55	0,49	0,36
29	0,89		0,70	0,73	0,71	0,20	0,72	0,65	0,83	0,58	0,47	0,33
30	0,85		0,70	0,73	0,71	0,21	0,80	0,63	0,79	0,60	0,47	0,32
31	0,82		0,69		0,72		0,76	0,63		0,62		0,34
T.Bình	0,82	0,88	0,78	0,69	0,73	0,40	0,46	0,70	0,66	0,66	0,56	0,42
Max	0,95	1,00	0,91	0,80	0,82	0,74	0,87	0,96	0,95	0,81	0,78	0,53
Min	0,71	0,73	0,64	0,54	0,56	0,19	0,17	0,54	0,52	0,51	0,37	0,29
ΔH	0,24	0,27	0,27	0,26	0,26	0,55	0,70	0,42	0,43	0,30	0,41	0,24

Mức nước trung bình năm: 0,64

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,00

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,17

Biên độ dao động năm: 0,83

Ngày: 14/02/2023

Ngày: 05/07/2023

36. Công trình: Q.86aM1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,87									
2												
3					1,96	1,78	1,78	2,08	1,99	2,11		
4												
5												
6	1,72	1,89	1,82	1,94	1,94	1,71	1,73	2,01	1,94	2,11	1,84	1,71
7												
8												
9					1,99	1,67	1,74	1,95	1,91	2,10		
10												
11												
12	1,72	1,94	1,87	1,95	2,02	1,77	1,70	1,99	1,96	2,11	1,86	1,64
13												
14												
15					2,05	1,81	1,69	2,02	1,99	2,09		
16												
17												
18	1,70	1,92	1,85	1,96	2,01	1,84	1,67	1,97	1,98	2,07	1,81	1,60
19												
20												
21					1,97	1,82	1,85	1,96	1,96	2,01		
22												
23												
24	1,71	1,89	1,83	1,95	1,91	1,85	1,77	1,98	1,95	1,94	1,75	1,57
25												
26												
27					1,89	1,88	1,85	1,98	2,07	1,92		
28												
29												
30	1,77		1,86	1,94	1,86	1,86	1,81	1,97	2,12	1,93	1,69	1,55
31												
T.Bình	1,73	1,91	1,85	1,95	1,96	1,80	1,76	1,99	1,99	2,04	1,79	1,62
Max	1,77	1,94	1,87	1,96	2,05	1,88	1,85	2,08	2,12	2,11	1,86	1,71
Min	1,70	1,89	1,82	1,94	1,86	1,67	1,67	1,95	1,91	1,92	1,69	1,55
ΔH	0,07	0,05	0,05	0,02	0,19	0,21	0,18	0,13	0,21	0,19	0,17	0,16

Mức nước trung bình năm: 1,89

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,12 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 1,55 Ngày: 30/12/2023

Biên độ dao động năm: 0,57

37. Công trình: Q.87b

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,66									
2												
3					0,78	0,62	0,62	1,08	0,95	1,23		
4												
5												
6	0,53	0,65	0,64	0,80	0,79	0,58	0,55	0,91	0,92	1,18	0,67	0,45
7												
8												
9					0,76	0,55	0,53	0,87	0,89	1,12		
10												
11												
12	0,49	0,69	0,62	0,77	0,72	0,60	0,43	0,92	0,95	1,05	0,65	0,42
13												
14												
15					0,77	0,63	0,45	1,07	1,06	1,02		
16												
17												
18	0,51	0,70	0,66	0,78	0,80	0,64	0,44	0,89	1,03	1,00	0,59	0,39
19												
20												
21					0,81	0,65	0,65	0,86	1,01	0,99		
22												
23												
24	0,54	0,67	0,64	0,76	0,76	0,70	0,63	0,90	0,99	0,99	0,52	0,33
25												
26												
27					0,71	0,76	0,55	0,93	1,15	0,89		
28												
29												
30	0,61		0,68	0,75	0,66	0,66	0,58	0,92	1,30	0,78	0,50	0,31
31												
T.Bình	0,54	0,68	0,65	0,77	0,76	0,64	0,54	0,94	1,03	1,03	0,59	0,38
Max	0,61	0,70	0,68	0,80	0,81	0,76	0,65	1,08	1,30	1,23	0,67	0,45
Min	0,49	0,65	0,62	0,75	0,66	0,55	0,43	0,86	0,89	0,78	0,50	0,31
ΔH	0,12	0,05	0,06	0,05	0,15	0,21	0,22	0,22	0,41	0,45	0,17	0,14

Mức nước trung bình năm: 0,75

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,30

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,31

Biên độ dao động năm: 0,99

Ngày: 30/09/2023

Ngày: 30/12/2023

38. Công trình: Q.88b

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,25									
2												
3					0,36	0,24	0,68	0,48	0,43	0,64		
4												
5												
6	0,41	0,38	0,23	0,21	0,33	0,19	0,60	0,57	0,42	0,58	0,41	0,46
7												
8												
9					0,41	0,37	0,54	0,61	0,45	0,56		
10												
11												
12	0,38	0,34	0,27	0,24	0,45	0,40	0,51	0,52	0,43	0,52	0,44	0,50
13												
14												
15					0,41	0,44	0,48	0,48	0,47	0,50		
16												
17												
18	0,34	0,34	0,24	0,35	0,36	0,48	0,42	0,46	0,49	0,48	0,41	0,48
19												
20												
21					0,33	0,48	0,39	0,44	0,48	0,47		
22												
23												
24	0,32	0,31	0,20	0,33	0,31	0,45	0,37	0,47	0,46	0,46	0,39	0,46
25												
26												
27					0,31	0,74	0,38	0,46	0,58	0,44		
28												
29												
30	0,36		0,18	0,38	0,27	0,71	0,37	0,45	0,72	0,42	0,44	0,43
31												
T.Bình	0,36	0,34	0,23	0,30	0,35	0,45	0,47	0,49	0,49	0,51	0,42	0,47
Max	0,41	0,38	0,27	0,38	0,45	0,74	0,68	0,61	0,72	0,64	0,44	0,50
Min	0,32	0,31	0,18	0,21	0,27	0,19	0,37	0,44	0,42	0,42	0,39	0,43
ΔH	0,09	0,07	0,09	0,17	0,18	0,55	0,31	0,17	0,30	0,22	0,05	0,07

Mức nước trung bình năm: 0,42

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,74

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,18

Biên độ dao động năm: 0,56

Ngày: 27/06/2023

Ngày: 30/03/2023

39. Công trình: Q.116a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-2,80		-2,95	-3,33	-2,98	-3,34	-2,71	-2,70	-3,96	-3,49
2					-2,95	-3,41	-3,00	-3,34	-2,67	-2,72	-3,99	-3,45
3					-2,96	-3,45	-3,01	-3,31	-2,67	-2,72	-4,02	-3,48
4					-3,04	-3,49	-3,05	-3,27	-2,64	-2,74	-4,05	-3,43
5					-3,03	-3,49	-3,07	-3,17	-2,60	-2,77	-4,06	-3,49
6	-3,41	-3,00	-2,86	-3,07	-3,10	-3,49	-3,07	-3,12	-2,74	-2,78	-3,82	-3,42
7					-3,15	-3,48	-3,12	-3,14	-2,80	-2,74	-3,68	-3,47
8					-3,15	-3,47	-3,13	-3,14	-2,87	-2,80	-3,65	-3,48
9					-3,08	-3,42	-3,09	-3,14	-2,84	-2,82	-3,63	-3,50
10					-3,07	-3,41	-3,06	-3,16	-2,84	-2,82	-3,71	-3,51
11					-3,06	-3,48	-3,12	-3,12	-2,80	-2,89	-3,65	-3,48
12	-3,57	-2,82	-2,91	-3,07	-3,04	-3,45	-3,15	-3,06	-2,81	-2,90	-3,65	-3,53
13				-3,04	-3,01	-3,42	-3,18	-3,01	-2,78	-2,91	-3,53	-3,56
14				-2,98	-3,00	-3,39	-3,18	-3,02	-2,75	-2,95	-3,53	-3,55
15				-2,99	-3,03	-3,39	-3,20	-2,99	-2,67	-2,96	-3,59	-3,55
16				-3,03	-3,06	-3,40	-3,26	-3,00	-2,67	-2,93	-3,61	-3,59
17				-2,98	-3,11	-3,35	-3,33	-3,02	-2,65	-3,04	-3,56	-3,54
18	-3,61	-2,60	-2,98	-2,96	-3,16	-3,30	-3,34	-3,02	-2,63	-3,03	-3,60	-3,54
19				-3,00	-3,21	-3,27	-3,32	-2,98	-2,67	-3,05	-3,58	-3,56
20				-3,00	-3,22	-3,22	-3,31	-2,92	-2,69	-3,15	-3,64	-3,55
21				-3,01	-3,25	-3,18	-3,32	-2,93	-2,74	-3,17	-3,62	-3,56
22				-3,05	-3,27	-3,16	-3,35	-2,92	-2,73	-3,17	-3,64	-3,61
23				-2,99	-3,28	-3,10	-3,38	-2,91	-2,76	-3,28	-3,66	-3,72
24	-3,58	-2,68	-3,13	-2,99	-3,27	-3,03	-3,36	-2,86	-2,81	-3,46	-3,70	-3,81
25				-3,07	-3,22	-2,94	-3,39	-2,81	-2,85	-3,75	-3,55	-3,71
26				-3,09	-3,19	-2,96	-3,41	-2,80	-2,81	-3,91	-3,51	-3,74
27				-3,12	-3,16	-2,96	-3,47	-2,80	-2,81	-3,94	-3,48	-3,72
28				-3,14	-3,14	-2,96	-3,44	-2,72	-2,75	-3,94	-3,51	-3,72
29				-3,12	-3,14	-2,91	-3,42	-2,72	-2,73	-3,98	-3,52	-3,73
30	-3,28		-3,11	-2,99	-3,19	-2,97	-3,42	-2,72	-2,70	-3,97	-3,49	-3,70
31					-3,22		-3,40	-2,71		-3,95		-3,69
T.Bình	-3,49	-2,78	-2,96	-3,03	-3,12	-3,28	-3,24	-3,01	-2,74	-3,16	-3,67	-3,58
Max	-3,28	-2,60	-2,80	-2,69	-2,82	-2,64	-2,86	-2,63	-2,49	-2,60	-3,34	-3,28
Min	-3,61	-3,00	-3,13	-3,18	-3,34	-3,55	-3,52	-3,38	-2,93	-4,14	-4,19	-3,89
ΔH	0,33	0,40	0,33	0,49	0,52	0,91	0,66	0,75	0,44	1,54	0,85	0,61

Mức nước trung bình năm: -3,21

Mức nước lớn nhất trong năm: -2,49

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -4,19

Biên độ dao động năm: 1,70

Ngày: 18/09/2023

Ngày: 06/11/2023

40. Công trình: Q.119bM1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-3,74									
2												
3					-3,94	-4,20	-4,08	-4,22	-4,03	-3,99		
4												
5												
6	-3,89	-3,74	-3,77	-3,90	-3,97	-4,24	-4,13	-4,10	-4,10	-4,00	-4,14	-4,14
7												
8												
9					-3,94	-4,25	-4,16	-4,05	-4,09	-4,02		
10												
11												
12	-3,84	-3,76	-3,80	-3,91	-3,93	-4,26	-4,20	-4,01	-4,07	-4,05	-4,16	-4,23
13												
14												
15					-4,00	-4,24	-4,21	-4,00	-4,04	-4,06		
16												
17												
18	-3,81	-3,74	-3,82	-3,89	-4,04	-4,27	-4,19	-4,01	-4,01	-4,10	-4,17	-4,24
19												
20												
21					-4,09	-4,26	-4,17	-4,02	-4,00	-4,11		
22												
23												
24	-3,79	-3,76	-3,86	-3,94	-4,15	-4,20	-4,18	-4,04	-4,01	-4,08	-4,19	-4,25
25												
26												
27					-4,14	-4,15	-4,19	-4,06	-4,05	-4,10		
28												
29												
30	-3,76		-3,91	-3,92	-4,16	-4,10	-4,25	-4,04	-3,98	-4,11	-4,21	-4,27
31												
T.Bình	-3,82	-3,75	-3,82	-3,91	-4,04	-4,22	-4,18	-4,06	-4,04	-4,06	-4,18	-4,23
Max	-3,76	-3,74	-3,74	-3,89	-3,93	-4,10	-4,08	-4,00	-3,98	-3,99	-4,14	-4,14
Min	-3,89	-3,76	-3,91	-3,94	-4,16	-4,27	-4,25	-4,22	-4,10	-4,11	-4,21	-4,27
ΔH	0,13	0,02	0,17	0,05	0,23	0,17	0,17	0,22	0,12	0,12	0,07	0,13

Mức nước trung bình năm: -4,05

Mức nước lớn nhất trong năm: -3,74

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -4,27

Biên độ dao động năm: 0,53

Ngày: 06/02/2023

Ngày: 18/06/2023

41. Công trình: Q.120b

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-1,32									
2												
3					-1,66	-1,69	-1,51	-1,24	-0,63	-0,63		
4												
5												
6	-1,47	-1,28	-1,41	-1,59	-1,64	-1,66	-1,49	-1,12	-0,65	-0,77	-1,03	-1,25
7												
8												
9					-1,62	-1,72	-1,46	-0,99	-0,69	-0,71		
10												
11												
12	-1,44	-1,20	-1,49	-1,60	-1,61	-1,86	-1,44	-0,89	-0,71	-0,75	-1,08	-1,30
13												
14												
15					-1,68	-1,73	-1,42	-0,77	-0,60	-0,72		
16												
17												
18	-1,40	-1,22	-1,57	-1,62	-1,78	-1,67	-1,40	-0,65	-0,63	-0,80	-1,11	-1,33
19												
20												
21					-1,86	-1,62	-1,59	-0,70	-0,68	-0,89		
22												
23												
24	-1,38	-1,25	-1,64	-1,64	-1,78	-1,56	-1,57	-0,65	-0,72	-0,91	-1,16	-1,37
25												
26												
27					-1,75	-1,54	-1,45	-0,63	-0,65	-0,95		
28												
29												
30	-1,39		-1,67	-1,62	-1,72	-1,53	-1,35	-0,60	-0,59	-0,99	-1,20	-1,40
31												
T.Bình	-1,42	-1,24	-1,52	-1,61	-1,71	-1,66	-1,47	-0,82	-0,66	-0,81	-1,12	-1,33
Max	-1,38	-1,20	-1,32	-1,59	-1,61	-1,53	-1,35	-0,60	-0,59	-0,63	-1,03	-1,25
Min	-1,47	-1,28	-1,67	-1,64	-1,86	-1,86	-1,59	-1,24	-0,72	-0,99	-1,20	-1,40
ΔH	0,09	0,08	0,35	0,05	0,25	0,33	0,24	0,64	0,13	0,36	0,17	0,15

Mức nước trung bình năm: -1,25

Mức nước lớn nhất trong năm: -0,59

Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -1,86

Ngày: 21/05/2023

Biên độ dao động năm: 1,27

42. Công trình: Q.127a

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-2,76									
2												
3					-2,84	-2,96	-2,83	-2,95	-2,70	-2,72		
4												
5												
6	-2,88	-2,72	-2,75	-2,77	-2,87	-2,97	-2,87	-2,84	-2,73	-2,74	-2,92	-2,92
7												
8												
9					-2,86	-2,96	-2,89	-2,80	-2,75	-2,75		
10												
11												
12	-2,84	-2,77	-2,77	-2,80	-2,85	-2,97	-2,90	-2,77	-2,75	-2,77	-2,97	-3,12
13												
14												
15					-2,88	-2,95	-2,92	-2,74	-2,72	-2,80		
16												
17												
18	-2,82	-2,72	-2,74	-2,82	-2,89	-2,94	-2,90	-2,76	-2,69	-2,81	-3,02	-3,14
19												
20												
21					-2,91	-2,95	-2,87	-2,77	-2,72	-2,84		
22												
23												
24	-2,80	-2,74	-2,77	-2,84	-2,94	-2,89	-2,89	-2,76	-2,74	-2,86	-3,04	-3,15
25												
26												
27					-2,95	-2,83	-2,92	-2,77	-2,75	-2,87		
28												
29												
30	-2,77		-2,78	-2,82	-2,97	-2,82	-2,94	-2,72	-2,70	-2,89	-3,07	-3,17
31												
T.Bình	-2,82	-2,74	-2,76	-2,81	-2,90	-2,92	-2,89	-2,79	-2,72	-2,81	-3,00	-3,10
Max	-2,77	-2,72	-2,74	-2,77	-2,84	-2,82	-2,83	-2,72	-2,69	-2,72	-2,92	-2,92
Min	-2,88	-2,77	-2,78	-2,84	-2,97	-2,97	-2,94	-2,95	-2,75	-2,89	-3,07	-3,17
ΔH	0,11	0,05	0,04	0,07	0,13	0,15	0,11	0,23	0,06	0,17	0,15	0,25

Mức nước trung bình năm: -2,85

Mức nước lớn nhất trong năm: -2,69

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -3,17

Biên độ dao động năm: 0,48

Ngày: 18/09/2023

Ngày: 30/12/2023

43. Công trình: Q.129bM1

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,73									
2												
3					-0,86	-1,17	-0,95	-0,98	-0,64	-0,40		
4												
5												
6	-0,78	-0,56	-0,83	-0,82	-0,79	-1,20	-1,02	-0,91	-0,78	-0,48	-0,83	-0,83
7												
8												
9					-0,70	-1,04	-1,03	-0,81	-0,78	-0,53		
10												
11												
12	-0,75	-0,64	-0,93	-0,86	-0,72	-1,17	-1,12	-0,70	-0,65	-0,60	-0,90	-1,07
13												
14												
15					-0,85	-1,01	-1,12	-0,66	-0,59	-0,65		
16												
17												
18	-0,71	-0,55	-0,96	-0,83	-1,04	-0,98	-1,05	-0,69	-0,58	-0,61	-0,78	-1,02
19												
20												
21					-1,06	-0,96	-1,02	-0,66	-0,60	-0,62		
22												
23												
24	-0,73	-0,57	-0,97	-0,87	-1,08	-0,95	-1,08	-0,66	-0,62	-0,67	-1,00	-1,03
25												
26												
27					-1,03	-0,94	-1,29	-0,71	-0,62	-0,78		
28												
29												
30	-0,63		-0,83	-0,85	-1,09	-0,88	-1,14	-0,68	-0,51	-0,82	-1,02	-1,05
31												
T.Bình	-0,72	-0,58	-0,88	-0,85	-0,92	-1,03	-1,08	-0,75	-0,64	-0,62	-0,91	-1,00
Max	-0,63	-0,55	-0,73	-0,82	-0,70	-0,88	-0,95	-0,66	-0,51	-0,40	-0,78	-0,83
Min	-0,78	-0,64	-0,97	-0,87	-1,09	-1,20	-1,29	-0,98	-0,78	-0,82	-1,02	-1,07
ΔH	0,15	0,09	0,24	0,05	0,39	0,32	0,34	0,32	0,27	0,42	0,24	0,24

Mức nước trung bình năm: -0,84

Mức nước lớn nhất trong năm: -0,40

Ngày: 03/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -1,29

Ngày: 27/07/2023

Biên độ dao động năm: 0,89

44. Công trình: Q.130bM1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-2,98		-2,74									
2	-3,00											
3	-2,99				-2,95	-3,26	-3,21	-3,16	-3,04	-2,60		
4	-2,98											
5	-2,98											
6	-3,00	-2,83	-2,78	-2,91	-2,98	-3,29	-3,14	-3,13	-3,15	-2,44	-3,07	-3,07
7	-3,01											
8	-3,02											
9	-3,02				-3,00	-3,32	-3,25	-3,12	-3,15	-2,50		
10	-3,00											
11	-2,97											
12	-2,96	-2,78	-2,81	-2,90	-3,01	-3,35	-3,32	-3,10	-3,04	-2,61	-3,11	-3,16
13	-2,96											
14	-2,96											
15	-2,96				-2,88	-3,36	-3,42	-3,05	-2,89	-2,69		
16	-2,97											
17	-2,96											
18	-2,96	-2,66	-2,78	-2,89	-3,01	-3,33	-3,40	-3,06	-2,85	-2,78	-3,02	-3,14
19	-2,96											
20	-2,97											
21	-2,99				-3,15	-3,31	-3,34	-3,07	-2,88	-2,85		
22	-2,99											
23	-2,96											
24	-2,95	-2,69	-2,89	-2,94	-3,18	-3,26	-3,36	-3,03	-2,92	-2,88	-3,19	-3,16
25												
26												
27					-3,13	-3,23	-3,21	-3,06	-2,76	-2,97		
28												
29												
30	-2,90		-2,94	-2,93	-3,18	-3,18	-3,18	-3,06	-2,64	-3,03	-3,21	-3,17
31												
T.Bình	-2,98	-2,74	-2,83	-2,92	-3,05	-3,29	-3,29	-3,09	-2,94	-2,74	-3,12	-3,14
Max	-2,90	-2,66	-2,74	-2,89	-2,88	-3,18	-3,14	-3,03	-2,64	-2,44	-3,02	-3,07
Min	-3,04	-2,83	-2,94	-2,94	-3,18	-3,36	-3,42	-3,16	-3,15	-3,03	-3,21	-3,17
ΔH	0,14	0,17	0,20	0,05	0,30	0,18	0,28	0,13	0,51	0,59	0,19	0,10

Mức nước trung bình năm: -2,99

Mức nước lớn nhất trong năm: -2,44

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -3,42

Biên độ dao động năm: 0,98

Ngày: 06/10/2023

Ngày: 15/07/2023

45. Công trình: Q.131b

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-4,15									
2												
3					-4,29	-4,44	-4,36	-4,67	-4,49	-4,53		
4												
5												
6	-4,53	-4,17	-4,11	-4,26	-4,28	-4,47	-4,42	-4,60	-4,53	-4,58	-4,77	-4,77
7												
8												
9					-4,29	-4,48	-4,47	-4,57	-4,56	-4,60		
10												
11												
12	-4,49	-4,18	-4,15	-4,29	-4,27	-4,49	-4,51	-4,56	-4,59	-4,63	-4,78	-4,88
13												
14												
15					-4,30	-4,47	-4,57	-4,55	-4,56	-4,66		
16												
17												
18	-4,47	-4,13	-4,11	-4,26	-4,31	-4,46	-4,55	-4,56	-4,54	-4,70	-4,80	-4,91
19												
20												
21					-4,32	-4,45	-4,52	-4,59	-4,56	-4,71		
22												
23												
24	-4,37	-4,07	-4,18	-4,31	-4,42	-4,42	-4,52	-4,56	-4,59	-4,69	-4,81	-4,93
25												
26												
27					-4,39	-4,37	-4,54	-4,55	-4,61	-4,71		
28												
29												
30	-4,25		-4,22	-4,30	-4,40	-4,34	-4,63	-4,52	-4,52	-4,73	-4,83	-4,95
31												
T.Bình	-4,42	-4,14	-4,15	-4,28	-4,33	-4,44	-4,51	-4,57	-4,56	-4,65	-4,80	-4,89
Max	-4,25	-4,07	-4,11	-4,26	-4,27	-4,34	-4,36	-4,52	-4,49	-4,53	-4,77	-4,77
Min	-4,53	-4,18	-4,22	-4,31	-4,42	-4,49	-4,63	-4,67	-4,61	-4,73	-4,83	-4,95
ΔH	0,28	0,11	0,11	0,05	0,15	0,15	0,27	0,15	0,12	0,20	0,06	0,18

Mức nước trung bình năm: -4,49

Mức nước lớn nhất trong năm: -4,07

Ngày: 24/02/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -4,95

Ngày: 30/12/2023

Biên độ dao động năm: 0,88

46. Công trình: Q.141a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,00									
2												
3					0,56	0,22	0,13	0,13	0,17	0,20		
4												
5												
6	1,31	1,20	0,89	0,66	0,50	0,24	0,10	0,10	0,15	0,16	0,07	0,07
7												
8												
9					0,44	0,18	0,07	0,08	0,14	0,14		
10												
11												
12	1,33	1,14	0,92	0,58	0,46	0,11	0,12	0,14	0,20	0,12	0,11	0,03
13												
14												
15					0,41	0,14	0,11	0,13	0,18	0,15		
16												
17												
18	1,26	1,09	0,80	0,61	0,34	0,13	0,16	0,11	0,16	0,17	0,08	0,00
19												
20												
21					0,36	0,09	0,13	0,09	0,22	0,12		
22												
23												
24	1,22	1,11	0,69	0,57	0,32	0,12	0,14	0,16	0,21	0,11	0,04	0,04
25												
26												
27					0,28	0,08	0,12	0,14	0,19	0,14		
28												
29												
30	1,15		0,72	0,53	0,31	0,06	0,09	0,12	0,17	0,10	0,10	0,02
31												
T.Bình	1,25	1,13	0,84	0,59	0,40	0,14	0,12	0,12	0,18	0,14	0,08	0,03
Max	1,33	1,20	1,00	0,66	0,56	0,24	0,16	0,16	0,22	0,20	0,11	0,07
Min	1,15	1,09	0,69	0,53	0,28	0,06	0,07	0,08	0,14	0,10	0,04	0,00
ΔH	0,18	0,11	0,31	0,13	0,28	0,18	0,09	0,08	0,08	0,10	0,07	0,07

Mức nước trung bình năm: 0,34

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,33

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,00

Biên độ dao động năm: 1,33

Ngày: 12/01/2023

Ngày: 18/12/2023

47. Công trình: Q.173

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			6,18									
2												
3					6,01	5,86	6,59	6,37	6,64	6,73		
4												
5												
6	6,94	6,44	6,09	6,11	5,94	5,94	6,55	6,36	6,60	6,76	6,13	5,80
7												
8												
9					5,91	5,92	6,50	6,34	6,65	6,81		
10												
11												
12	6,81	6,47	6,04	6,07	5,78	5,93	6,44	6,38	6,71	6,74	6,04	5,76
13												
14												
15					5,70	5,98	6,42	6,40	6,73	6,63		
16												
17												
18	6,76	6,34	6,10	6,04	5,69	6,03	6,48	6,43	6,70	6,55	5,91	5,71
19												
20												
21					5,61	6,08	6,52	6,46	6,67	6,28		
22												
23												
24	6,78	6,23	6,15	6,13	5,64	6,14	6,50	6,47	6,62	6,14	5,83	5,68
25												
26												
27					5,61	6,41	6,44	6,51	6,66	6,10		
28												
29												
30	6,55		6,18	6,07	5,74	6,62	6,41	6,58	6,68	6,08	5,85	5,60
31												
T.Bình	6,77	6,37	6,12	6,08	5,76	6,09	6,49	6,43	6,67	6,48	5,95	5,71
Max	6,94	6,47	6,18	6,13	6,01	6,62	6,59	6,58	6,73	6,81	6,13	5,80
Min	6,55	6,23	6,04	6,04	5,61	5,86	6,41	6,34	6,60	6,08	5,83	5,60
ΔH	0,39	0,24	0,14	0,09	0,40	0,76	0,18	0,24	0,13	0,73	0,30	0,20

Mức nước trung bình năm: 6,27

Mức nước lớn nhất trong năm: 6,94

Ngày: 06/01/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 5,60

Ngày: 30/12/2023

Biên độ dao động năm: 1,34

48. Công trình: Q.175a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			1,02					1,04	1,70	1,89	1,47	1,29
2								1,13	1,67	1,83	1,47	1,29
3					0,85	0,60	1,07	1,20	1,63	1,80	1,44	1,29
4								1,27	1,59	1,77	1,43	1,28
5								1,35	1,57	1,78	1,42	1,27
6	0,88	0,95	0,99	0,83	0,84	0,59	1,11	1,42	1,56	1,77	1,39	1,31
7								1,44	1,53	1,66	1,40	1,30
8								1,43	1,55	1,68	1,35	1,26
9					0,81	0,53	1,05	1,43	1,55	1,70	1,38	1,23
10								1,47	1,59	1,72	1,42	1,23
11								1,51	1,62	1,73	1,41	1,22
12	0,97	0,99	1,01	0,86	0,79	0,62	1,01	1,56	1,63	1,73	1,42	1,21
13								1,58	1,56	1,71	1,46	1,20
14								1,59	1,63	1,65	1,44	1,20
15					0,70	0,69	1,04	1,60	1,72	1,57	1,42	1,20
16							1,08	1,59	1,76	1,53	1,50	1,27
17							1,05	1,58	1,73	1,50	1,47	1,32
18	0,91	1,02	0,95	0,88	0,72	0,76	1,02	1,57	1,70	1,48	1,43	1,29
19							0,99	1,58	1,68	1,49	1,41	1,28
20							1,01	1,57	1,67	1,55	1,39	1,26
21					0,69	0,81	1,09	1,59	1,68	1,55	1,36	1,26
22							1,06	1,58	1,65	1,50	1,32	1,27
23							0,99	1,58	1,63	1,41	1,29	1,26
24	0,89	1,04	0,91	0,89	0,68	0,84	0,95	1,58	1,59	1,44	1,23	1,21
25							0,92	1,59	1,57	1,42	1,26	1,23
26							0,89	1,65	1,58	1,39	1,30	1,19
27					0,66	0,96	0,87	1,68	1,61	1,34	1,33	1,19
28							0,87	1,71	1,76	1,33	1,30	1,16
29							0,89	1,74	1,89	1,36	1,28	1,12
30	0,92		0,80	0,88	0,63	0,99	0,90	1,74	1,93	1,41	1,28	1,10
31							0,94	1,73		1,47		1,12
T.Bình	0,91	1,00	0,95	0,87	0,74	0,74	0,98	1,52	1,65	1,59	1,38	1,24
Max	0,97	1,04	1,02	0,89	0,85	0,99	1,16	1,79	1,99	1,98	1,57	1,37
Min	0,88	0,95	0,80	0,83	0,63	0,53	0,83	0,96	1,48	1,28	1,18	1,04
ΔH	0,09	0,09	0,22	0,06	0,22	0,46	0,33	0,83	0,51	0,70	0,39	0,33

Mức nước trung bình năm: 1,41

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,99

Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,53

Ngày: 09/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,46

49. Công trình: Q.176a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-0,82									
2												
3					-0,70	-0,50	-0,01	0,32	-0,16	0,01		
4												
5												
6	-0,69	-0,48	-0,68	-0,54	-0,72	-0,57	0,04	0,62	-0,18	0,06	-0,24	-0,54
7												
8												
9					-0,74	-0,52	-0,12	0,51	-0,17	0,08		
10												
11												
12	-0,62	-0,49	-0,71	-0,54	-0,70	-0,43	-0,18	0,43	-0,17	0,02	-0,33	-0,61
13												
14												
15					-0,67	-0,37	-0,30	0,36	-0,13	-0,05		
16												
17												
18	-0,63	-0,50	-0,74	-0,53	-0,47	-0,31	-0,35	0,25	-0,15	-0,13	-0,36	-0,66
19												
20												
21					-0,41	-0,25	-0,41	0,09	-0,16	-0,20		
22												
23												
24	-0,63	-0,50	-0,72	-0,52	-0,35	-0,20	-0,48	-0,12	-0,13	-0,27	-0,40	-0,71
25												
26												
27					-0,41	-0,17	-0,25	-0,13	-0,08	-0,29		
28												
29												
30	-0,51		-0,55	-0,63	-0,46	-0,05	-0,09	-0,16	-0,02	-0,33	-0,47	-0,63
31												
T.Bình	-0,62	-0,50	-0,71	-0,56	-0,57	-0,34	-0,22	0,21	-0,14	-0,11	-0,36	-0,63
Max	-0,51	-0,48	-0,55	-0,52	-0,35	-0,05	0,04	0,62	-0,02	0,08	-0,24	-0,54
Min	-0,69	-0,50	-0,82	-0,63	-0,74	-0,57	-0,48	-0,16	-0,18	-0,33	-0,47	-0,71
ΔH	0,18	0,02	0,27	0,11	0,39	0,52	0,52	0,78	0,16	0,41	0,23	0,17

Mức nước trung bình năm: -0,32

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,62

Ngày: 06/08/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,82

Ngày: 01/03/2023

Biên độ dao động năm: 1,44

50. Công trình: Q.177a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,62									
2												
3					0,54	0,40	0,64	0,88	0,96	1,19		
4												
5												
6	0,29	0,68	0,51	0,52	0,54	0,39	0,71	0,95	0,97	1,25	0,74	0,57
7												
8												
9					0,52	0,39	0,69	1,00	0,94	1,17		
10												
11												
12	0,28	0,66	0,54	0,55	0,56	0,37	0,70	1,05	0,91	1,11	0,69	0,72
13												
14												
15					0,53	0,34	0,67	1,08	0,95	1,02		
16												
17												
18	0,32	0,66	0,58	0,58	0,54	0,30	0,65	1,04	0,97	0,90	0,71	0,50
19												
20												
21					0,51	0,27	0,62	1,01	0,97	0,82		
22												
23												
24	0,32	0,64	0,58	0,63	0,46	0,29	0,62	0,98	1,00	0,70	0,69	0,47
25												
26												
27					0,44	0,44	0,68	0,98	1,08	0,72		
28												
29												
30	0,58		0,49	0,58	0,42	0,57	0,77	0,96	1,14	0,71	0,61	0,48
31												
T.Bình	0,36	0,66	0,56	0,57	0,51	0,38	0,68	0,99	0,99	0,96	0,69	0,55
Max	0,58	0,68	0,62	0,63	0,56	0,57	0,77	1,08	1,14	1,25	0,74	0,72
Min	0,28	0,64	0,49	0,52	0,42	0,27	0,62	0,88	0,91	0,70	0,61	0,47
ΔH	0,30	0,04	0,13	0,11	0,14	0,30	0,15	0,20	0,23	0,55	0,13	0,25

Mức nước trung bình năm: 0,69

Mức nước lớn nhất trong năm: 1,25

Ngày: 06/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,27

Ngày: 21/06/2023

Biên độ dao động năm: 0,98

51. Công trình: Q.193a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-1,52	-1,57	-1,55	-1,68	-1,65	-2,01	-1,67	-1,81	-1,25	-1,52	-1,57	-1,55
2	-1,52	-1,56	-1,56	-1,67	-1,66	-2,05	-1,70	-1,74	-1,27	-1,52	-1,56	-1,56
3	-1,53	-1,54	-1,59	-1,67	-1,67	-2,09	-1,69	-1,72	-1,28	-1,53	-1,54	-1,59
4	-1,53	-1,51	-1,59	-1,67	-1,69	-2,11	-1,71	-1,66	-1,26	-1,53	-1,51	-1,59
5	-1,54	-1,48	-1,58	-1,69	-1,71	-2,12	-1,73	-1,56	-1,25	-1,54	-1,48	-1,58
6	-1,55	-1,44	-1,58	-1,71	-1,77	-2,09	-1,74	-1,52	-1,27	-1,55	-1,44	-1,58
7	-1,55	-1,42	-1,58	-1,73	-1,83	-2,05	-1,76	-1,51	-1,29	-1,55	-1,42	-1,58
8	-1,56	-1,40	-1,60	-1,74	-1,81	-2,04	-1,76	-1,51	-1,30	-1,56	-1,40	-1,60
9	-1,55	-1,39	-1,60	-1,75	-1,76	-1,97	-1,73	-1,52	-1,26	-1,55	-1,39	-1,60
10	-1,53	-1,39	-1,62	-1,74	-1,72	-1,93	-1,74	-1,50	-1,23	-1,53	-1,39	-1,62
11	-1,51	-1,39	-1,62	-1,73	-1,69	-1,95	-1,76	-1,48	-1,21	-1,51	-1,39	-1,62
12	-1,51	-1,39	-1,61	-1,71	-1,66	-1,97	-1,80	-1,41	-1,20	-1,51	-1,39	-1,61
13	-1,51	-1,40	-1,61	-1,70	-1,64	-1,97	-1,83	-1,38	-1,16	-1,51	-1,40	-1,61
14	-1,52	-1,42	-1,61	-1,68	-1,63	-1,96	-1,86	-1,36	-1,12	-1,52	-1,42	-1,61
15	-1,54	-1,42	-1,62	-1,68	-1,64	-1,90	-1,87	-1,35	-1,07	-1,54	-1,42	-1,62
16	-1,54	-1,42	-1,63	-1,68	-1,67	-1,88	-1,86	-1,34	-1,06	-1,54	-1,42	-1,63
17	-1,56	-1,43	-1,64	-1,68	-1,73	-1,88	-1,87	-1,35	-1,03	-1,56	-1,43	-1,64
18	-1,58	-1,43	-1,66	-1,67	-1,81	-1,86	-1,86	-1,38	-1,02	-1,58	-1,43	-1,66
19	-1,59	-1,42	-1,67	-1,68	-1,88	-1,82	-1,83	-1,35	-1,01	-1,59	-1,42	-1,67
20	-1,61	-1,41	-1,67	-1,69	-1,92	-1,82	-1,80	-1,29	-1,04	-1,61	-1,41	-1,67
21	-1,63	-1,42	-1,68	-1,70	-1,94	-1,81	-1,80	-1,25	-1,06	-1,63	-1,42	-1,68
22	-1,64	-1,42	-1,69	-1,72	-1,98	-1,80	-1,80	-1,26	-1,10	-1,64	-1,42	-1,69
23	-1,59	-1,42	-1,71	-1,71	-1,99	-1,79	-1,84	-1,28	-1,15	-1,59	-1,42	-1,71
24	-1,57	-1,42	-1,73	-1,71	-1,96	-1,78	-1,87	-1,27	-1,18	-1,57	-1,42	-1,73
25	-1,57	-1,44	-1,74	-1,72	-1,92	-1,73	-1,91	-1,25	-1,19	-1,57	-1,44	-1,74
26	-1,56	-1,48	-1,72	-1,71	-1,87	-1,65	-1,96	-1,26	-1,21	-1,56	-1,48	-1,72
27	-1,56	-1,51	-1,71	-1,71	-1,84	-1,62	-1,99	-1,24	-1,22	-1,56	-1,51	-1,71
28	-1,56	-1,55	-1,70	-1,73	-1,84	-1,60	-2,00	-1,23	-1,09	-1,56	-1,55	-1,70
29	-1,56		-1,69	-1,70	-1,86	-1,61	-1,99	-1,21	-1,04	-1,56		-1,69
30	-1,57		-1,68	-1,65	-1,90	-1,64	-2,00	-1,22	-0,96	-1,57		-1,68
31	-1,57		-1,68		-1,96		-1,94	-1,23		-1,57		-1,68
T.Bình	-1,56	-1,45	-1,64	-1,70	-1,79	-1,88	-1,83	-1,40	-1,16	-1,56	-1,45	-1,64
Max	-1,50	-1,38	-1,54	-1,64	-1,62	-1,58	-1,64	-1,20	-0,93	-1,50	-1,38	-1,54
Min	-1,66	-1,58	-1,75	-1,75	-2,01	-2,13	-2,04	-1,93	-1,31	-1,66	-1,58	-1,75
ΔH	0,16	0,20	0,21	0,11	0,39	0,55	0,40	0,73	0,38	0,49	0,64	0,23

Mức nước trung bình năm: -1,55

Mức nước lớn nhất trong năm: -0,92

Ngày: 01/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -2,13

Ngày: 04/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,21

52. Công trình: Q.217

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	5,37	4,83	4,76	4,34	4,21	4,02						
2	5,36	4,89	4,75	4,33	4,20	4,01						
3	5,35	4,91	4,75	4,32	4,16	4,01	4,04	4,02	4,69	5,18		
4	5,32	4,88	4,76	4,32	4,16	4,01						
5	5,34	4,88	4,76	4,30	4,14	4,02						
6	5,32	4,82	4,71	4,29	4,15	4,03	4,07	4,03	4,73	5,16	5,16	4,77
7	5,26	4,90	4,69	4,28	4,15							
8	5,25	4,89	4,68	4,27	4,16							
9	5,25	4,91	4,67	4,26	4,17		4,11	4,07	4,76	5,20		
10	5,25	4,86	4,65	4,26	4,17							
11	5,21	4,83	4,64	4,25	4,16							
12	5,15	4,82	4,63	4,24	4,16		4,07	4,15	4,77	5,23	5,20	4,70
13	5,10	4,84	4,62	4,25	4,14							
14	5,07	4,90	4,54	4,25	4,16							
15	5,16	4,93	4,54	4,24	4,15	4,09	4,05	4,25	4,99	5,16		
16	5,18	4,91	4,53	4,24	4,14							
17	5,17	4,86	4,51	4,24	4,10							
18	5,10	4,79	4,48	4,24	4,08	3,89	3,99	4,32	5,05	5,10	5,23	4,71
19	5,06	4,83	4,47	4,24	4,05							
20	5,09	4,81	4,44	4,23	4,06							
21	5,05	4,81	4,40	4,21	4,07	3,91	4,11	4,43	5,06	5,09		
22	5,04	4,79	4,37	4,21	4,05							
23	5,06	4,76	4,39	4,21	4,04							
24	5,15	4,82	4,34	4,21	4,07	4,02	4,05	4,50	5,07	5,14	4,98	4,68
25	5,10	4,90	4,37	4,22	4,09							
26	5,05	4,88	4,39	4,22	4,10							
27	5,10	4,83	4,37	4,21	4,09	4,03	3,95	4,58	5,09	5,09		
28	5,08	4,78	4,35	4,21	4,07							
29	5,02		4,35	4,23	4,06							
30	4,95		4,33	4,23	4,04	4,00	3,99	4,67	5,13	5,13	4,84	4,59
31	4,85		4,32		4,03							
T.Bình	5,15	4,85	4,53	4,25	4,11	4,01	4,04	4,30	4,93	5,15	5,08	4,69
Max	5,44	4,96	4,81	4,35	4,23	4,09	4,11	4,67	5,13	5,23	5,23	4,77
Min	4,77	4,67	4,30	4,18	3,96	3,89	3,95	4,02	4,69	5,09	4,84	4,59
ΔH	0,67	0,29	0,51	0,17	0,27	0,20	0,16	0,65	0,44	0,14	0,39	0,18

Mức nước trung bình năm: 4,56

Mức nước lớn nhất trong năm: 5,44 Ngày: 01/01/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: 3,89 Ngày: 18/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,55

II.2.2. Vùng ảnh hưởng triều
II.2.2.a. Mực nước bình quân ngày
1. Công trình: Q.92M1

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-2,90									
2												
3					-2,89	-3,02	-2,98	-2,97	-2,94	-1,88		
4												
5												
6	-2,93	-2,80	-2,93	-2,90	-2,94	-3,05	-3,02	-2,86	-2,95	-2,12	-2,94	-3,10
7												
8												
9					-2,90	-3,05	-3,04	-2,89	-2,98	-2,29		
10												
11												
12	-2,90	-2,77	-2,96	-2,87	-2,88	-3,02	-3,06	-2,86	-2,95	-2,42	-2,97	-3,18
13												
14												
15					-2,82	-2,98	-3,07	-2,81	-2,90	-2,54		
16												
17												
18	-2,93	-2,82	-2,97	-2,90	-2,77	-2,96	-3,06	-2,96	-2,89	-2,67	-2,96	-3,25
19												
20												
21					-2,72	-2,98	-2,92	-2,99	-2,85	-2,79		
22												
23												
24	-2,94	-2,89	-3,00	-2,87	-2,78	-2,92	-2,98	-2,94	-2,82	-2,85	-3,00	-3,30
25												
26												
27					-2,86	-2,87	-2,87	-2,93	-2,20	-2,88		
28												
29												
30	-2,90		-2,95	-2,87	-2,97	-2,90	-3,06	-2,95	-1,45	-2,91	-3,06	-3,32
31												
T.Bình	-2,92	-2,82	-2,95	-2,88	-2,85	-2,98	-3,01	-2,92	-2,69	-2,54	-2,99	-3,23
Max	-2,90	-2,77	-2,90	-2,87	-2,72	-2,87	-2,87	-2,81	-1,45	-1,88	-2,94	-3,10
Min	-2,94	-2,89	-3,00	-2,90	-2,97	-3,05	-3,07	-2,99	-2,98	-2,91	-3,06	-3,32
ΔH	0,04	0,12	0,10	0,03	0,25	0,18	0,20	0,18	1,53	1,03	0,12	0,22

Mực nước trung bình năm: -2,88

Mực nước lớn nhất trong năm: -1,45

Ngày: 30/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -3,32

Ngày: 30/12/2023

Biên độ dao động năm: 1,87

2. Công trình: Q.108bM1

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-9,98									
2												
3					-9,82	-10,30	-10,61	-10,70	-10,62	-10,24		
4												
5												
6	-9,74	-10,08	-9,89	-9,74	-9,94	-10,39	-10,72	-10,57	-10,60	-10,28	-10,46	-10,49
7												
8												
9					-9,91	-10,44	-10,84	-10,61	-10,62	-10,32		
10												
11												
12	-9,70	-10,15	-9,94	-9,94	-9,93	-10,50	-10,86	-10,56	-10,56	-10,37	-10,37	-10,52
13												
14												
15					-9,87	-10,48	-10,78	-10,52	-10,45	-10,42		
16												
17												
18	-9,82	-10,03	-9,99	-9,97	-9,83	-10,51	-10,75	-10,62	-10,46	-10,44	-10,47	-10,51
19												
20												
21					-9,81	-10,52	-10,72	-10,60	-10,48	-10,47		
22												
23												
24	-9,95	-9,96	-9,99	-9,79	-9,89	-10,53	-10,83	-10,55	-10,49	-10,50	-10,52	-10,54
25												
26												
27					-10,07	-10,50	-10,84	-10,57	-10,42	-10,46		
28												
29												
30	-9,98		-10,03	-9,66	-10,18	-10,54	-10,84	-10,60	-10,20	-10,41	-10,55	-10,40
31												
T.Bình	-9,84	-10,05	-9,97	-9,82	-9,92	-10,47	-10,77	-10,59	-10,49	-10,39	-10,47	-10,49
Max	-9,70	-9,96	-9,89	-9,66	-9,81	-10,30	-10,61	-10,52	-10,20	-10,24	-10,37	-10,40
Min	-9,98	-10,15	-10,03	-9,97	-10,18	-10,54	-10,86	-10,70	-10,62	-10,50	-10,55	-10,54
ΔH	0,28	0,19	0,14	0,30	0,37	0,24	0,25	0,18	0,42	0,26	0,18	0,14

Mức nước trung bình năm: -10,32

Mức nước lớn nhất trong năm: -9,66

Ngày: 30/04/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -10,86

Ngày: 12/07/2023

Biên độ dao động năm: 1,19

3. Công trình: Q.109a

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-15,15	-15,38	-14,66	-15,03	-15,19	-16,02	-16,29	-16,79	-16,51	-16,28	-16,28	-16,26
2	-15,16	-15,32	-14,61	-15,11	-15,22	-16,13	-16,36	-16,73	-16,44	-16,31	-16,29	-16,24
3	-15,11	-15,26	-14,47	-15,21	-15,28	-16,21	-16,43	-16,68	-16,43	-16,31	-16,32	-16,23
4	-15,09	-15,24	-14,22	-15,21	-15,39	-16,20	-16,48	-16,65	-16,45	-16,33	-16,36	-16,21
5	-15,06	-15,26	-14,20	-15,21	-15,44	-16,33	-16,53	-16,64	-16,48	-16,31	-16,39	-16,21
6	-15,04	-15,32	-14,30	-15,16	-15,38	-16,29	-16,59	-16,66	-16,52	-16,32	-16,44	-16,16
7	-15,09	-15,23	-14,35	-15,08	-15,42	-16,28	-16,63	-16,66	-16,57	-16,38	-16,37	-16,15
8	-15,10	-15,22	-14,42	-15,01	-15,40	-16,29	-16,67	-16,64	-16,59	-16,34	-16,39	-16,14
9	-15,06	-15,19	-14,51	-14,97	-15,33	-16,20	-16,70	-16,62	-16,55	-16,36	-16,38	-16,17
10	-15,00	-15,20	-14,58	-14,95	-15,33	-16,18	-16,74	-16,67	-16,56	-16,33	-16,36	-16,19
11	-15,00	-15,23	-14,69	-15,02	-15,29	-16,21	-16,79	-16,64	-16,56	-16,28	-16,35	-16,22
12	-15,03	-15,20	-14,78	-15,04	-15,23	-16,15	-16,84	-16,60	-16,52	-16,25	-16,35	-16,21
13	-15,13	-15,22	-14,81	-15,00	-15,22	-16,16	-16,87	-16,62	-16,60	-16,24	-16,26	-16,25
14	-15,24	-15,14	-14,88	-14,97	-15,21	-16,10	-16,89	-16,63	-16,58	-16,28	-16,22	-16,26
15	-15,19	-15,07	-14,90	-14,93	-15,25	-16,09	-16,89	-16,58	-16,47	-16,35	-16,26	-16,25
16	-15,14	-15,04	-14,91	-15,00	-15,31	-16,10	-16,92	-16,59	-16,41	-16,38	-16,16	-16,15
17	-15,13	-15,05	-14,96	-15,06	-15,32	-16,11	-16,96	-16,63	-16,43	-16,40	-16,16	-16,02
18	-15,18	-15,11	-15,02	-15,05	-15,35	-16,10	-16,95	-16,67	-16,44	-16,42	-16,23	-16,01
19	-15,27	-15,11	-15,07	-15,11	-15,49	-16,11	-16,86	-16,64	-16,45	-16,42	-16,26	-16,00
20	-15,32	-15,13	-15,09	-15,12	-15,55	-16,13	-16,77	-16,59	-16,44	-16,37	-16,32	-16,00
21	-15,49	-15,08	-15,11	-15,14	-15,55	-16,20	-16,74	-16,55	-16,39	-16,36	-16,34	-15,98
22	-15,53	-15,06	-15,19	-15,16	-15,63	-16,24	-16,74	-16,48	-16,40	-16,36	-16,36	-15,93
23	-15,43	-15,06	-15,23	-15,14	-15,68	-16,21	-16,77	-16,50	-16,42	-16,38	-16,36	-15,96
24	-15,30	-15,01	-15,32	-15,15	-15,67	-16,16	-16,79	-16,56	-16,43	-16,37	-16,40	-16,10
25	-15,37	-14,93	-15,27	-15,14	-15,68	-16,13	-16,82	-16,45	-16,41	-16,40	-16,36	-16,00
26	-15,35	-14,97	-15,20	-15,10	-15,72	-16,09	-16,86	-16,45	-16,32	-16,41	-16,32	-16,02
27	-15,26	-14,82	-15,10	-15,15	-15,77	-16,10	-16,90	-16,48	-16,25	-16,44	-16,30	-16,06
28	-15,25	-14,64	-15,07	-15,16	-15,81	-16,11	-16,91	-16,50	-16,18	-16,45	-16,32	-16,10
29	-15,29		-15,06	-15,13	-15,86	-16,16	-16,90	-16,52	-16,19	-16,38	-16,34	-16,12
30	-15,33		-15,03	-15,12	-15,89	-16,22	-16,89	-16,49	-16,24	-16,30	-16,31	-16,13
31	-15,39		-15,01		-15,95		-16,85	-16,49		-16,28		-16,13
T.Bình	-15,21	-15,12	-14,84	-15,09	-15,48	-16,17	-16,75	-16,59	-16,44	-16,35	-16,32	-16,12
Max	-14,88	-14,50	-14,00	-14,78	-15,02	-15,88	-16,18	-16,35	-16,07	-16,11	-16,02	-15,82
Min	-15,77	-15,48	-15,38	-15,34	-16,13	-16,48	-17,10	-16,87	-16,69	-16,55	-16,51	-16,38
ΔH	0,89	0,98	1,38	0,56	1,11	0,60	0,92	0,52	0,62	0,44	0,49	0,56

Mức nước trung bình năm: -15,88

Mức nước lớn nhất trong năm: -14,00

Ngày: 05/03/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -17,10

Ngày: 17/07/2023

Biên độ dao động năm: 3,10

4. Công trình: Q.110a

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-10,42	-10,55	-10,11	-10,29	-10,42	-10,79	-10,78	-10,78	-10,98	-10,91	-11,04	-11,21
2	-10,42	-10,50	-10,11	-10,35	-10,45	-10,78	-10,78	-10,78	-11,01	-10,94	-11,05	-11,18
3	-10,37	-10,47	-10,12	-10,41	-10,47	-10,78	-10,79	-10,78	-11,02	-10,96	-11,08	-11,15
4	-10,35	-10,45	-10,11	-10,43	-10,56	-10,78	-10,79	-10,78	-11,01	-10,98	-11,13	-11,15
5	-10,32	-10,44	-10,11	-10,41	-10,60	-10,78	-10,79	-10,78	-11,00	-10,97	-11,17	-11,17
6	-10,32	-10,45	-10,17	-10,38	-10,51	-10,78	-10,79	-10,78	-11,00	-10,99	-11,22	-11,13
7	-10,38	-10,38	-10,17	-10,33	-10,53	-10,78	-10,78	-10,78	-11,03	-11,10	-11,19	-11,12
8	-10,41	-10,38	-10,17	-10,27	-10,54	-10,78	-10,78	-10,78	-11,02	-11,05	-11,22	-11,15
9	-10,39	-10,34	-10,19	-10,21	-10,49	-10,78	-10,78	-10,78	-10,98	-11,04	-11,19	-11,17
10	-10,34	-10,35	-10,21	-10,17	-10,47	-10,78	-10,78	-10,78	-10,97	-11,02	-11,14	-11,19
11	-10,33	-10,36	-10,26	-10,25	-10,46	-10,78	-10,78	-10,79	-10,99	-10,99	-11,15	-11,20
12	-10,34	-10,34	-10,27	-10,29	-10,42	-10,78	-10,78	-10,77	-10,97	-10,95	-11,15	-11,22
13	-10,38	-10,33	-10,26	-10,29	-10,39	-10,78	-10,78	-10,79	-11,05	-10,93	-11,08	-11,26
14	-10,44	-10,27	-10,30	-10,26	-10,38	-10,78	-10,78	-10,81	-11,06	-10,96	-11,05	-11,26
15	-10,40	-10,24	-10,27	-10,22	-10,40	-10,78	-10,78	-10,80	-11,14	-11,02	-11,07	-11,27
16	-10,35	-10,23	-10,26	-10,25	-10,43	-10,79	-10,78	-10,80	-11,07	-11,05	-10,99	-11,22
17	-10,35	-10,22	-10,32	-10,34	-10,39	-10,79	-10,78	-10,80	-11,07	-11,07	-11,03	-11,11
18	-10,36	-10,25	-10,34	-10,32	-10,44	-10,79	-10,78	-10,79	-11,07	-11,10	-11,09	-11,09
19	-10,43	-10,26	-10,34	-10,35	-10,52	-10,79	-10,79	-10,78	-11,08	-11,11	-11,13	-11,06
20	-10,47	-10,28	-10,36	-10,37	-10,58	-10,79	-10,78	-10,78	-11,09	-11,07	-11,16	-11,02
21	-10,53	-10,26	-10,38	-10,39	-10,60	-10,80	-10,78	-10,78	-11,04	-11,07	-11,19	-10,89
22	-10,58	-10,24	-10,41	-10,41	-10,62	-10,79	-10,78	-10,79	-11,05	-11,10	-11,23	-10,86
23	-10,51	-10,26	-10,41	-10,41	-10,66	-10,79	-10,78	-10,81	-11,06	-11,11	-11,24	-10,87
24	-10,41	-10,23	-10,48	-10,44	-10,70	-10,79	-10,78	-10,84	-11,06	-11,09	-11,31	-11,01
25	-10,45	-10,18	-10,46	-10,42	-10,70	-10,78	-10,78	-10,95	-11,02	-11,12	-11,29	-10,92
26	-10,46	-10,20	-10,40	-10,40	-10,73	-10,78	-10,78	-10,98	-10,95	-11,15	-11,23	-10,94
27	-10,38	-10,15	-10,30	-10,44	-10,75	-10,78	-10,78	-10,98	-10,91	-11,19	-11,20	-10,96
28	-10,37	-10,09	-10,26	-10,46	-10,77	-10,78	-10,78	-10,95	-10,85	-11,21	-11,23	-11,01
29	-10,38		-10,26	-10,42	-10,78	-10,78	-10,78	-10,93	-10,86	-11,15	-11,26	-11,06
30	-10,44		-10,26	-10,37	-10,79	-10,78	-10,78	-10,93	-10,87	-11,05	-11,25	-11,06
31	-10,53		-10,24		-10,79		-10,78	-10,95		-11,03		-11,03
T.Bình	-10,41	-10,31	-10,27	-10,35	-10,56	-10,78	-10,78	-10,83	-11,01	-11,05	-11,16	-11,10
Max	-10,27	-10,00	-10,02	-10,11	-10,32	-10,77	-10,77	-10,77	-10,79	-10,80	-10,93	-10,79
Min	-10,63	-10,61	-10,52	-10,52	-10,80	-10,81	-10,80	-11,00	-11,17	-11,25	-11,38	-11,32
ΔH	0,36	0,61	0,50	0,41	0,48	0,04	0,03	0,23	0,38	0,45	0,45	0,53

Mực nước trung bình năm: -10,72

Mực nước lớn nhất trong năm: -10,00

Ngày: 28/02/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -11,38

Ngày: 24/11/2023

Biên độ dao động năm: 1,38

5. Công trình: Q.142

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,15									
2												
3					-0,07	-0,26	-0,25	-0,11	0,16	0,23		
4												
5												
6	0,20	0,23	0,03	0,03	-0,12	-0,25	-0,27	0,04	0,13	0,25	0,17	0,17
7												
8												
9					-0,15	-0,29	-0,30	0,00	0,05	0,21		
10												
11												
12	0,23	0,20	0,09	-0,02	-0,11	-0,33	-0,19	-0,03	0,21	0,17	0,23	0,16
13												
14												
15					-0,13	-0,30	-0,22	0,13	0,15	0,26		
16												
17												
18	0,20	0,18	0,04	0,01	-0,18	-0,31	-0,12	0,11	0,09	0,30	0,18	0,01
19												
20												
21					-0,12	-0,34	-0,16	0,08	0,23	0,23		
22												
23												
24	0,16	0,24	-0,02	-0,05	-0,17	-0,28	-0,18	0,17	0,20	0,16	0,01	0,09
25												
26												
27					-0,22	-0,30	-0,03	0,10	0,15	0,22		
28												
29												
30	0,14		0,07	-0,13	-0,18	-0,32	-0,06	0,07	0,08	0,18	0,27	0,06
31												
T.Bình	0,19	0,21	0,06	-0,03	-0,14	-0,30	-0,18	0,06	0,14	0,22	0,17	0,10
Max	0,23	0,24	0,15	0,03	-0,07	-0,25	-0,03	0,17	0,23	0,30	0,27	0,17
Min	0,14	0,18	-0,02	-0,13	-0,22	-0,34	-0,30	-0,11	0,05	0,16	0,01	0,01
ΔH	0,09	0,06	0,17	0,16	0,15	0,09	0,27	0,28	0,18	0,14	0,26	0,16

Mức nước trung bình năm: 0,01

Mức nước lớn nhất trong năm: 0,30

Ngày: 18/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -0,34

Ngày: 21/06/2023

Biên độ dao động năm: 0,64

6. Công trình: Q.145a

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-3,18									
2												
3					-3,16	-3,19	-3,17	-3,28	-3,09	-3,07		
4												
5												
6	-3,10	-3,19	-3,22	-3,19	-3,14	-3,20	-3,18	-3,27	-3,08	-3,08	-3,29	-3,29
7												
8												
9					-3,13	-3,22	-3,19	-3,25	-3,06	-3,11		
10												
11												
12	-3,12	-3,21	-3,20	-3,18	-3,11	-3,23	-3,21	-3,24	-3,03	-3,12	-3,30	-3,40
13												
14												
15					-3,10	-3,24	-3,24	-3,23	-3,04	-3,15		
16												
17												
18	-3,13	-3,22	-3,19	-3,17	-3,08	-3,23	-3,25	-3,21	-3,05	-3,16	-3,33	-3,42
19												
20												
21					-3,11	-3,21	-3,27	-3,19	-3,08	-3,18		
22												
23												
24	-3,15	-3,24	-3,17	-3,15	-3,13	-3,18	-3,29	-3,17	-3,07	-3,21	-3,34	-3,43
25												
26												
27					-3,15	-3,16	-3,30	-3,15	-3,06	-3,24		
28												
29												
30	-3,17		-3,21	-3,17	-3,17	-3,15	-3,28	-3,14	-3,04	-3,26	-3,36	-3,45
31												
T.Bình	-3,13	-3,22	-3,20	-3,17	-3,13	-3,20	-3,24	-3,21	-3,06	-3,16	-3,32	-3,40
Max	-3,10	-3,19	-3,17	-3,15	-3,08	-3,15	-3,17	-3,14	-3,03	-3,07	-3,29	-3,29
Min	-3,17	-3,24	-3,22	-3,19	-3,17	-3,24	-3,30	-3,28	-3,09	-3,26	-3,36	-3,45
ΔH	0,07	0,05	0,05	0,04	0,09	0,09	0,13	0,14	0,06	0,19	0,07	0,16

Mức nước trung bình năm: -3,19

Mức nước lớn nhất trong năm: -3,03

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -3,45

Biên độ dao động năm: 0,42

Ngày: 12/09/2023

Ngày: 30/12/2023

7. Công trình: Q.148a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-3,82	-3,65	-3,58	-3,66	-3,67	-3,94	-3,80	-4,12	-3,91	-3,80	-4,05	
2	-3,82	-3,66	-3,58	-3,64	-3,68	-3,97	-3,80	-4,08	-3,95	-3,81	-4,05	
3	-3,82	-3,65	-3,59	-3,62	-3,69	-4,01	-3,80	-4,07	-3,97	-3,81	-4,06	
4	-3,79	-3,63	-3,59	-3,63	-3,69	-4,03	-3,81	-4,03	-3,99	-3,81	-4,05	
5	-3,79	-3,61	-3,60	-3,64	-3,70	-4,04	-3,84	-3,97	-3,98	-3,83	-4,06	
6	-3,79	-3,60	-3,60	-3,67	-3,72	-4,04	-3,87	-3,95	-4,00	-3,85	-4,11	2,04
7	-3,78	-3,58	-3,60	-3,69	-3,75	-4,05	-3,90	-3,96	-4,03	-3,86		
8	-3,77	-3,57	-3,60	-3,69	-3,76	-4,04	-3,92	-3,97	-4,03	-3,86		
9	-3,76	-3,57	-3,63	-3,67	-3,75	-4,00	-3,94	-3,97	-4,04	-3,87		
10	-3,74	-3,57	-3,65	-3,65	-3,74	-3,99	-3,98	-3,96	-4,02	-3,89		
11	-3,72	-3,57	-3,65	-3,65	-3,76	-4,01	-4,01	-3,95	-4,00	-3,90		
12	-3,70	-3,55	-3,67	-3,64	-3,77	-4,02	-4,05	-3,90	-3,99	-3,90		1,96
13	-3,69	-3,55	-3,68	-3,62	-3,74	-4,03	-4,06	-3,89	-3,98	-3,90		
14	-3,69	-3,56	-3,67	-3,62	-3,73	-4,01	-4,10	-3,91	-3,96	-3,92		
15	-3,71	-3,56	-3,67	-3,62	-3,73	-3,99	-4,12	-3,92	-3,91	-3,93	-4,04	
16	-3,72	-3,55	-3,67	-3,63	-3,73	-3,96	-4,13	-3,93	-3,91	-3,93		
17	-3,71	-3,54	-3,67	-3,64	-3,76	-3,95	-4,12	-3,94	-3,91	-3,94		
18	-3,70	-3,54	-3,67	-3,64	-3,81	-3,95	-4,10	-3,96	-3,91	-3,95	-4,07	1,95
19	-3,69	-3,55	-3,67	-3,65	-3,85	-3,93	-4,06	-3,92	-3,89	-3,96		
20	-3,68	-3,55	-3,67	-3,66	-3,87	-3,92	-4,05	-3,91	-3,89	-3,98		
21	-3,67	-3,55	-3,66	-3,67	-3,89	-3,90	-4,04	-3,89	-3,90	-4,00		
22	-3,66	-3,55	-3,66	-3,68	-3,91	-3,91	-4,07	-3,90	-3,92	-4,01		
23	-3,66	-3,55	-3,68	-3,67	-3,94	-3,92	-4,10	-3,92	-3,94	-4,00		
24	-3,68	-3,57	-3,69	-3,68	-3,93	-3,90	-4,14	-3,92	-3,95	-4,03	-4,09	1,96
25	-3,68	-3,59	-3,70	-3,69	-3,92	-3,88	-4,18	-3,89	-3,96	-4,05		
26	-3,67	-3,58	-3,71	-3,68	-3,90	-3,80	-4,22	-3,89	-3,97	-4,06		
27	-3,67	-3,58	-3,70	-3,68	-3,87	-3,79	-4,24	-3,89	-3,98	-4,09		
28	-3,68	-3,58	-3,69	-3,69	-3,85	-3,80	-4,24	-3,87	-3,91	-4,11		
29	-3,68		-3,69	-3,68	-3,85	-3,80	-4,22	-3,86	-3,89	-4,10		
30	-3,68		-3,67	-3,67	-3,87	-3,79	-4,20	-3,84	-3,81	-4,08	1,98	- 4,29
31	-3,66		-3,67		-3,91		-4,15	-3,87		-4,06		
T.Bình	-3,72	-3,58	-3,65	-3,66	-3,80	-3,95	-4,04	-3,94	-3,95	-3,95	-3,97	0,72
Max	-3,62	-3,50	-3,55	-3,58	-3,64	-3,77	-3,77	-3,82	-3,78	-3,78	1,98	2,04
Min	-3,85	-3,69	-3,73	-3,72	-3,98	-4,08	-4,27	-4,18	-4,09	-4,14	-4,11	- 4,29
ΔH	0,23	0,19	0,18	0,14	0,34	0,31	0,50	0,36	0,31	0,36	6,09	6,33

Mức nước trung bình năm: -3,82

Mức nước lớn nhất trong năm: 2,04

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -4,29

Biên độ dao động năm: 6,33

Ngày: 06/12/2023

Ngày: 30/12/2023

8. Công trình: Q.156aM1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-4,88	-4,88	-4,75									-5,26
2	-4,89	-4,83	-4,74									-5,27
3	-4,87	-4,83	-4,73		-4,78	-4,96	-4,95	-5,16	-5,12	-5,15		-5,28
4	-4,86	-4,84	-4,72									-5,29
5	-4,84	-4,83	-4,70									-5,31
6	-4,85	-4,85	-4,72	-4,83	-4,80	-4,99	-5,00	-5,17	-5,14	-5,16	-5,28	-5,28
7	-4,90	-4,83	-4,73									-5,29
8	-4,90	-4,85	-4,73									-5,31
9	-4,88	-4,83	-4,75		-4,81	-5,00	-5,05	-5,18	-5,13	-5,18		-5,31
10	-4,86	-4,85	-4,75									-5,32
11	-4,87	-4,87	-4,79									-5,32
12	-4,91	-4,86	-4,80	-4,81	-4,80	-4,99	-5,11	-5,16	-5,15	-5,19	-5,31	-5,33
13	-4,93	-4,84	-4,79									-5,34
14	-4,96	-4,79	-4,83									-5,34
15	-4,89	-4,76	-4,80		-4,82	-4,97	-5,16	-5,17	-5,16	-5,19		-5,34
16	-4,85	-4,75	-4,78									-5,27
17	-4,85	-4,77	-4,80									-5,20
18	-4,87	-4,79	-4,80	-4,78	-4,84	-4,94	-5,17	-5,16	-5,18	-5,20	-5,34	-5,22
19	-4,88	-4,77	-4,79									-5,24
20	-4,84	-4,77	-4,82									-5,25
21	-4,82	-4,75	-4,85		-4,86	-4,92	-5,16	-5,17	-5,19	-5,21		-5,26
22	-4,82	-4,75	-4,87								-5,33	-5,24
23	-4,80	-4,76	-4,83								-5,33	-5,24
24	-4,70	-4,73	-4,89	-4,80	-4,88	-4,89	-5,15	-5,12	-5,20	-5,20	-5,37	-5,25
25	-4,73	-4,69									-5,34	-5,27
26	-4,74	-4,69									-5,29	-5,27
27	-4,70	-4,73			-4,90	-4,90	-5,17	-5,11	-5,18	-5,23	-5,26	-5,27
28	-4,72	-4,75									-5,26	-5,30
29	-4,75										-5,27	-5,33
30	-4,79		-4,85	-4,77	-4,93	-4,92	-5,19	-5,13	-5,14	-5,26	-5,26	-5,33
31	-4,86											-5,31
T.Bình	-4,84	-4,79	-4,78	-4,80	-4,85	-4,95	-5,12	-5,16	-5,16	-5,20	-5,30	-5,29
Max	-4,64	-4,64	-4,63	-4,77	-4,78	-4,89	-4,95	-5,11	-5,12	-5,15	-5,19	-5,15
Min	-4,98	-4,91	-4,89	-4,83	-4,93	-5,00	-5,19	-5,18	-5,20	-5,26	-5,40	-5,39
ΔH	0,34	0,27	0,26	0,06	0,15	0,11	0,24	0,07	0,08	0,11	0,21	0,24

Mức nước trung bình năm: -4,96

Mức nước lớn nhất trong năm: -4,63

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -5,40

Biên độ dao động năm: 0,77

Ngày: 05/03/2023

Ngày: 24/11/2023

9. Công trình: Q.158aM1

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-4,32									-4,89
2												-4,90
3					-4,30	-4,51	-4,55	-4,74	-4,71	-4,67		-4,91
4												-4,92
5												-4,93
6	-4,50	-4,36	-4,31	-4,30	-4,28	-4,54	-4,58	-4,73	-4,73	-4,69	-4,89	-4,91
7												-4,89
8												-4,91
9					-4,29	-4,53	-4,64	-4,74	-4,74	-4,72		-4,91
10												-4,92
11												-4,92
12	-4,44	-4,38	-4,32	-4,29	-4,28	-4,51	-4,71	-4,72	-4,76	-4,76	-4,91	-4,95
13												-4,96
14												-4,97
15					-4,30	-4,48	-4,75	-4,73	-4,77	-4,78		-4,97
16												-4,91
17												-4,84
18	-4,38	-4,36	-4,30	-4,27	-4,32	-4,49	-4,76	-4,74	-4,78	-4,78	-4,93	-4,86
19												-4,88
20												-4,88
21					-4,36	-4,48	-4,74	-4,72	-4,80	-4,79		-4,87
22											-4,97	-4,85
23											-4,97	-4,86
24	-4,39	-4,34	-4,29	-4,29	-4,40	-4,46	-4,72	-4,73	-4,81	-4,80	-4,99	-4,87
25											-4,95	-4,88
26											-4,92	-4,89
27					-4,44	-4,49	-4,73	-4,71	-4,76	-4,83	-4,89	-4,89
28											-4,90	-4,92
29											-4,91	-4,95
30	-4,38		-4,31	-4,28	-4,47	-4,52	-4,72	-4,73	-4,68	-4,86	-4,90	-4,95
31												-4,92
T.Bình	-4,42	-4,36	-4,31	-4,29	-4,34	-4,50	-4,69	-4,73	-4,75	-4,77	-4,93	-4,91
Max	-4,38	-4,34	-4,29	-4,27	-4,28	-4,46	-4,55	-4,71	-4,68	-4,67	-4,83	-4,79
Min	-4,50	-4,38	-4,32	-4,30	-4,47	-4,54	-4,76	-4,74	-4,81	-4,86	-5,03	-5,01
ΔH	0,12	0,04	0,03	0,03	0,19	0,08	0,21	0,03	0,13	0,19	0,20	0,22

Mức nước trung bình năm: -4,88

Mức nước lớn nhất trong năm: -4,27

Ngày: 18/04/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -5,03

Ngày: 24/11/2023

Biên độ dao động năm: 0,76

10. Công trình: Q.159b

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-4,93									-5,66
2												-5,68
3					-4,96	-5,26	-5,25	-5,50	-5,46	-5,39		-5,68
4												-5,68
5												-5,69
6	-5,20	-4,99	-4,75	-4,91	-4,97	-5,30	-5,27	-5,49	-5,48	-5,41	-5,64	-5,66
7												-5,65
8												-5,66
9					-4,99	-5,32	-5,33	-5,50	-5,50	-5,43		-5,67
10												-5,68
11												-5,67
12	-5,13	-5,00	-4,83	-4,91	-5,01	-5,31	-5,40	-5,49	-5,51	-5,45	-5,69	-5,69
13												-5,71
14												-5,72
15					-5,02	-5,30	-5,46	-5,47	-5,53	-5,48		-5,73
16												-5,66
17												-5,59
18	-5,08	-4,97	-4,90	-4,90	-5,04	-5,29	-5,48	-5,49	-5,53	-5,49	-5,74	-5,61
19												-5,63
20												-5,60
21					-5,11	-5,30	-5,50	-5,48	-5,54	-5,50		-5,57
22											-5,74	-5,54
23											-5,71	-5,55
24	-5,07	-4,95	-4,94	-4,93	-5,18	-5,28	-5,50	-5,39	-5,55	-5,51	-5,73	-5,56
25											-5,69	-5,55
26											-5,65	-5,58
27					-5,21	-5,26	-5,52	-5,42	-5,49	-5,56	-5,63	-5,59
28											-5,65	-5,61
29											-5,66	-5,64
30	-5,02		-4,92	-4,95	-5,23	-5,25	-5,54	-5,44	-5,42	-5,60	-5,66	-5,65
31												-5,63
T.Bình	-5,10	-4,98	-4,88	-4,92	-5,07	-5,29	-5,42	-5,47	-5,50	-5,48	-5,68	-5,64
Max	-5,02	-4,95	-4,75	-4,90	-4,96	-5,25	-5,25	-5,39	-5,42	-5,39	-5,57	-5,48
Min	-5,20	-5,00	-4,94	-4,95	-5,23	-5,32	-5,54	-5,50	-5,55	-5,60	-5,78	-5,75
ΔH	0,18	0,05	0,19	0,05	0,27	0,07	0,29	0,11	0,13	0,21	0,21	0,27

Mức nước trung bình năm: -5,62

Mức nước lớn nhất trong năm: -4,75 Ngày: 06/03/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -5,78 Ngày: 24/11/2023

Biên độ dao động năm: 1,03

11. Công trình: Q.167a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-5,17									
2												
3					-5,16	-5,36	-5,14	-5,19	-5,17	-5,15		
4												
5												
6	-5,28	-5,28	-5,22	-5,27	-5,20	-5,38	-5,09	-5,15	-5,13	-5,10	-5,12	-5,12
7												
8												
9					-5,24	-5,42	-5,06	-5,11	-5,09	-5,03		
10												
11												
12	-5,23	-5,24	-5,20	-5,23	-5,39	-5,40	-5,10	-5,13	-5,11	-5,06	-5,09	-5,13
13												
14												
15					-5,36	-5,36	-5,12	-5,16	-5,13	-5,11		
16												
17												
18	-5,18	-5,20	-5,18	-5,17	-5,31	-5,34	-5,17	-5,19	-5,15	-5,13	-5,11	-5,09
19												
20												
21					-5,27	-5,30	-5,21	-5,22	-5,17	-5,19		
22												
23												
24	-5,20	-5,14	-5,13	-5,10	-5,22	-5,24	-5,26	-5,25	-5,20	-5,23	-5,16	-5,11
25												
26												
27					-5,27	-5,20	-5,24	-5,23	-5,17	-5,20		
28												
29												
30	-5,23		-5,22	-5,13	-5,31	-5,17	-5,21	-5,20	-5,15	-5,17	-5,20	-5,07
31												
T.Bình	-5,22	-5,22	-5,19	-5,18	-5,27	-5,32	-5,16	-5,18	-5,15	-5,14	-5,14	-5,10
Max	-5,18	-5,14	-5,13	-5,10	-5,16	-5,17	-5,06	-5,11	-5,09	-5,03	-5,09	-5,07
Min	-5,28	-5,28	-5,22	-5,27	-5,39	-5,42	-5,26	-5,25	-5,20	-5,23	-5,20	-5,13
ΔH	0,10	0,14	0,09	0,17	0,23	0,25	0,20	0,14	0,11	0,20	0,11	0,06

Mức nước trung bình năm: -5,19

Mức nước lớn nhất trong năm: -5,03

Ngày: 09/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -5,42

Ngày: 09/06/2023

Biên độ dao động năm: 0,39

II.2.2.b. Mục nước thực đo theo giờ

1. Công trình: Q.109a

• Mục nước giờ tháng 2

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-15,35	-15,30	-15,25	-15,28	-15,34	-15,38	-15,42	-15,46	-15,47	-15,47	-15,47	-15,39	0,22
2	-15,32	-15,26	-15,20	-15,22	-15,32	-15,31	-15,36	-15,38	-15,40	-15,40	-15,39	-15,33	0,20
3	-15,26	-15,21	-15,15	-15,14	-15,18	-15,23	-15,28	-15,31	-15,34	-15,35	-15,34	-15,31	0,21
4	-15,23	-15,18	-15,11	-15,12	-15,16	-15,22	-15,26	-15,29	-15,35	-15,35	-15,34	-15,31	0,24
5	-15,25	-15,19	-15,14	-15,12	-15,17	-15,23	-15,26	-15,29	-15,34	-15,33	-15,45	-15,41	0,33
6	-15,34	-15,27	-15,23	-15,24	-15,31	-15,32	-15,38	-15,30	-15,31	-15,38	-15,36	-15,31	0,15
7	-15,25	-15,19	-15,13	-15,11	-15,13	-15,19	-15,24	-15,26	-15,29	-15,34	-15,34	-15,29	0,23
8	-15,24	-15,19	-15,12	-15,12	-15,16	-15,19	-15,24	-15,25	-15,27	-15,31	-15,29	-15,28	0,19
9	-15,23	-15,17	-15,09	-15,10	-15,13	-15,14	-15,18	-15,19	-15,23	-15,26	-15,27	-15,25	0,18
10	-15,21	-15,17	-15,11	-15,13	-15,14	-15,16	-15,21	-15,22	-15,24	-15,28	-15,28	-15,26	0,17
11	-15,23	-15,18	-15,14	-15,15	-15,17	-15,19	-15,25	-15,26	-15,28	-15,30	-15,30	-15,27	0,16
12	-15,23	-15,18	-15,13	-15,15	-15,18	-15,23	-15,29	-15,22	-15,16	-15,20	-15,24	-15,22	0,16
13	-15,20	-15,15	-15,14	-15,16	-15,19	-15,24	-15,30	-15,27	-15,27	-15,28	-15,24	-15,21	0,16
14	-15,17	-15,12	-15,07	-15,08	-15,09	-15,14	-15,18	-15,19	-15,16	-15,18	-15,13	-15,09	0,12
15	-15,04	-15,00	-14,97	-14,98	-15,03	-15,07	-15,13	-15,20	-15,16	-15,14	-15,09	-15,04	0,23
16	-14,98	-14,94	-14,91	-14,94	-15,01	-15,05	-15,08	-15,11	-15,12	-15,13	-15,11	-15,06	0,22
17	-15,00	-14,96	-14,92	-14,94	-14,99	-15,04	-15,10	-15,13	-15,15	-15,19	-15,14	-15,08	0,27
18	-15,01	-14,96	-14,93	-14,96	-15,05	-15,12	-15,20	-15,22	-15,24	-15,27	-15,22	-15,16	0,34
19	-15,08	-15,02	-14,97	-14,96	-15,00	-15,09	-15,15	-15,20	-15,25	-15,23	-15,21	-15,16	0,29
20	-15,10	-15,03	-14,98	-14,99	-15,07	-15,12	-15,19	-15,19	-15,22	-15,24	-15,23	-15,18	0,26
21	-15,12	-15,05	-14,98	-14,99	-15,00	-15,05	-15,08	-15,09	-15,12	-15,16	-15,17	-15,15	0,19
22	-15,10	-15,02	-14,96	-15,00	-14,99	-15,04	-15,06	-15,07	-15,11	-15,12	-15,12	-15,11	0,16
23	-15,08	-15,02	-14,96	-14,98	-15,02	-15,05	-15,07	-15,08	-15,09	-15,16	-15,14	-15,12	0,20
24	-15,09	-15,04	-14,98	-14,98	-15,01	-14,99	-15,04	-15,02	-14,98	-15,01	-14,99	-14,96	0,13
25	-14,94	-14,89	-14,83	-14,85	-14,88	-14,92	-14,96	-14,97	-14,98	-15,01	-15,00	-14,94	0,18
26	-14,91	-14,87	-14,82	-14,85	-14,93	-15,00	-15,06	-15,05	-15,07	-15,06	-15,00	-14,98	0,25
27	-14,95	-14,91	-14,89	-14,94	-15,01	-14,85	-14,80	-14,74	-14,72	-14,68	-14,64	-14,59	0,42
28	-14,55	-14,52	-14,50	-14,55	-14,61	-14,64	-14,70	-14,74	-14,72	-14,77	-14,72	-14,67	0,27

• **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-15,11	-15,06	-15,02	-15,09	-15,19	-15,25	-15,26	-15,27	-15,30	-15,29	-15,27	-15,23	0,28
2	-15,18	-15,12	-15,07	-15,14	-15,19	-15,24	-15,25	-15,26	-15,30	-15,33	-15,32	-15,27	0,26
3	-15,22	-15,16	-15,11	-15,20	-15,25	-15,24	-15,29	-15,30	-15,36	-15,44	-15,41	-15,40	0,33
4	-15,34	-15,29	-15,27	-15,34	-15,37	-15,38	-15,40	-15,42	-15,44	-15,47	-15,48	-15,46	0,21
5	-15,43	-15,38	-15,36	-15,41	-15,44	-15,48	-15,48	-15,47	-15,48	-15,47	-15,44	-15,39	0,12
6	-15,32	-15,30	-15,33	-15,34	-15,40	-15,43	-15,41	-15,33	-15,36	-15,40	-15,44	-15,41	0,14
7	-15,36	-15,32	-15,30	-15,41	-15,48	-15,51	-15,45	-15,39	-15,49	-15,40	-15,46	-15,41	0,21
8	-15,36	-15,33	-15,38	-15,40	-15,42	-15,48	-15,47	-15,42	-15,39	-15,38	-15,38	-15,34	0,15
9	-15,31	-15,27	-15,26	-15,30	-15,35	-15,37	-15,39	-15,37	-15,36	-15,35	-15,35	-15,31	0,13
10	-15,27	-15,23	-15,22	-15,29	-15,36	-15,41	-15,41	-15,40	-15,36	-15,38	-15,32	-15,27	0,19
11	-15,23	-15,21	-15,19	-15,26	-15,27	-15,32	-15,36	-15,35	-15,35	-15,36	-15,29	-15,23	0,17
12	-15,19	-15,16	-15,11	-15,14	-15,18	-15,26	-15,28	-15,29	-15,31	-15,30	-15,27	-15,22	0,20
13	-15,17	-15,13	-15,11	-15,20	-15,22	-15,24	-15,27	-15,28	-15,28	-15,26	-15,23	-15,19	0,17
14	-15,16	-15,10	-15,07	-15,14	-15,18	-15,25	-15,27	-15,26	-15,32	-15,27	-15,26	-15,22	0,25
15	-15,18	-15,14	-15,09	-15,17	-15,18	-15,28	-15,33	-15,33	-15,38	-15,36	-15,35	-15,29	0,29
16	-15,24	-15,19	-15,16	-15,23	-15,26	-15,32	-15,34	-15,36	-15,39	-15,47	-15,45	-15,39	0,31
17	-15,35	-15,16	-15,16	-15,27	-15,30	-15,33	-15,30	-15,29	-15,37	-15,46	-15,46	-15,41	0,30
18	-15,33	-15,28	-15,28	-15,37	-15,39	-15,39	-15,37	-15,31	-15,26	-15,23	-15,51	-15,45	0,28
19	-15,38	-15,34	-15,34	-15,51	-15,53	-15,56	-15,50	-15,45	-15,45	-15,61	-15,60	-15,56	0,27
20	-15,49	-15,44	-15,42	-15,58	-15,61	-15,64	-15,67	-15,52	-15,44	-15,65	-15,59	-15,57	0,25
21	-15,51	-15,47	-15,45	-15,55	-15,58	-15,60	-15,59	-15,55	-15,59	-15,60	-15,58	-15,57	0,15
22	-15,51	-15,48	-15,49	-15,63	-15,65	-15,69	-15,69	-15,63	-15,62	-15,72	-15,73	-15,67	0,25
23	-15,62	-15,59	-15,59	-15,68	-15,72	-15,77	-15,74	-15,67	-15,67	-15,69	-15,70	-15,65	0,18
24	-15,60	-15,56	-15,57	-15,65	-15,70	-15,73	-15,71	-15,67	-15,68	-15,73	-15,73	-15,69	0,17
25	-15,63	-15,59	-15,58	-15,66	-15,70	-15,72	-15,72	-15,69	-15,68	-15,75	-15,75	-15,70	0,17
26	-15,63	-15,59	-15,58	-15,71	-15,75	-15,77	-15,78	-15,76	-15,75	-15,82	-15,80	-15,74	0,24
27	-15,67	-15,63	-15,62	-15,75	-15,79	-15,82	-15,83	-15,79	-15,84	-15,87	-15,87	-15,82	0,25
28	-15,74	-15,69	-15,67	-15,74	-15,83	-15,86	-15,86	-15,83	-15,94	-15,91	-15,90	-15,84	0,27
29	-15,77	-15,71	-15,72	-15,83	-15,91	-15,91	-15,88	-15,86	-15,89	-15,96	-15,97	-15,90	0,26
30	-15,83	-15,77	-15,75	-15,89	-15,89	-15,90	-15,91	-15,87	-15,93	-16,02	-16,04	-15,97	0,29
31	-15,89	-15,83	-15,81	-15,91	-15,97	-15,96	-15,95	-15,92	-15,97	-16,08	-16,10	-16,02	0,29

• **Mực nước giờ tháng 8**

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-16,79	-16,76	-16,75	-16,83	-16,87	-16,86	-16,81	-16,75	-16,74	-16,79	-16,78	-16,74	0,13
2	-16,71	-16,68	-16,68	-16,77	-16,80	-16,81	-16,77	-16,71	-16,67	-16,72	-16,73	-16,69	0,14
3	-16,64	-16,63	-16,62	-16,71	-16,74	-16,75	-16,75	-16,66	-16,68	-16,68	-16,65	-16,61	0,14
4	-16,57	-16,55	-16,56	-16,63	-16,68	-16,71	-16,71	-16,68	-16,66	-16,68	-16,68	-16,64	0,16
5	-16,59	-16,56	-16,55	-16,61	-16,64	-16,70	-16,69	-16,66	-16,68	-16,69	-16,67	-16,64	0,15
6	-16,58	-16,54	-16,53	-16,63	-16,68	-16,72	-16,71	-16,68	-16,70	-16,74	-16,72	-16,68	0,21
7	-16,62	-16,57	-16,54	-16,62	-16,68	-16,70	-16,70	-16,68	-16,71	-16,70	-16,71	-16,69	0,17
8	-16,61	-16,57	-16,54	-16,66	-16,67	-16,65	-16,63	-16,65	-16,67	-16,70	-16,69	-16,69	0,16
9	-16,62	-16,58	-16,57	-16,49	-16,46	-16,63	-16,64	-16,64	-16,69	-16,74	-16,75	-16,69	0,29
10	-16,64	-16,59	-16,57	-16,67	-16,68	-16,68	-16,66	-16,65	-16,67	-16,74	-16,74	-16,71	0,17
11	-16,65	-16,61	-16,59	-16,66	-16,68	-16,66	-16,67	-16,61	-16,62	-16,65	-16,67	-16,64	0,09
12	-16,58	-16,55	-16,52	-16,59	-16,63	-16,63	-16,59	-16,56	-16,61	-16,65	-16,65	-16,62	0,13
13	-16,57	-16,54	-16,54	-16,62	-16,64	-16,66	-16,65	-16,59	-16,65	-16,66	-16,69	-16,66	0,15
14	-16,61	-16,57	-16,55	-16,67	-16,72	-16,69	-16,64	-16,58	-16,61	-16,66	-16,66	-16,60	0,17
15	-16,56	-16,52	-16,51	-16,60	-16,64	-16,63	-16,62	-16,55	-16,58	-16,59	-16,60	-16,57	0,13
16	-16,52	-16,50	-16,48	-16,59	-16,66	-16,65	-16,63	-16,59	-16,57	-16,65	-16,66	-16,62	0,18
17	-16,57	-16,52	-16,51	-16,59	-16,64	-16,67	-16,65	-16,62	-16,64	-16,69	-16,72	-16,66	0,21
18	-16,60	-16,55	-16,56	-16,67	-16,69	-16,69	-16,70	-16,66	-16,70	-16,77	-16,78	-16,72	0,23
19	-16,66	-16,60	-16,59	-16,62	-16,62	-16,65	-16,66	-16,63	-16,64	-16,68	-16,65	-16,61	0,09
20	-16,56	-16,52	-16,51	-16,55	-16,58	-16,65	-16,63	-16,60	-16,66	-16,65	-16,61	-16,58	0,15
21	-16,60	-16,56	-16,60	-16,57	-16,56	-16,60	-16,48	-16,46	-16,51	-16,56	-16,59	-16,53	0,14
22	-16,48	-16,43	-16,41	-16,49	-16,44	-16,43	-16,45	-16,43	-16,51	-16,54	-16,57	-16,52	0,16
23	-16,46	-16,41	-16,37	-16,46	-16,51	-16,51	-16,52	-16,52	-16,56	-16,57	-16,58	-16,52	0,21
24	-16,56	-16,60	-16,65	-16,56	-16,55	-16,54	-16,51	-16,51	-16,59	-16,52	-16,52	-16,50	0,15
25	-16,45	-16,41	-16,38	-16,44	-16,44	-16,43	-16,41	-16,39	-16,46	-16,53	-16,57	-16,53	0,19
26	-16,48	-16,44	-16,43	-16,50	-16,49	-16,43	-16,38	-16,35	-16,40	-16,46	-16,50	-16,48	0,15
27	-16,43	-16,39	-16,38	-16,45	-16,51	-16,51	-16,45	-16,43	-16,50	-16,57	-16,61	-16,58	0,23
28	-16,53	-16,49	-16,48	-16,48	-16,50	-16,50	-16,49	-16,45	-16,47	-16,53	-16,54	-16,53	0,09
29	-16,48	-16,46	-16,44	-16,53	-16,57	-16,56	-16,53	-16,50	-16,50	-16,54	-16,57	-16,53	0,13
30	-16,48	-16,45	-16,44	-16,46	-16,52	-16,52	-16,48	-16,43	-16,49	-16,53	-16,55	-16,53	0,12
31	-16,49	-16,45	-16,44	-16,44	-16,51	-16,52	-16,48	-16,45	-16,47	-16,54	-16,53	-16,53	0,10

• **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-16,29	-16,21	-16,14	-16,19	-16,24	-16,25	-16,31	-16,31	-16,40	-16,33	-16,38	-16,34	0,26
2	-16,30	-16,23	-16,17	-16,24	-16,23	-16,28	-16,31	-16,32	-16,31	-16,35	-16,38	-16,35	0,21
3	-16,32	-16,26	-16,21	-16,26	-16,29	-16,29	-16,32	-16,35	-16,34	-16,39	-16,42	-16,40	0,21
4	-16,38	-16,32	-16,25	-16,29	-16,33	-16,33	-16,36	-16,36	-16,40	-16,42	-16,44	-16,43	0,19
5	-16,39	-16,35	-16,28	-16,31	-16,33	-16,39	-16,41	-16,41	-16,47	-16,48	-16,46	-16,49	0,21
6	-16,44	-16,39	-16,39	-16,45	-16,49	-16,45	-16,42	-16,40	-16,42	-16,51	-16,46	-16,44	0,12
7	-16,41	-16,37	-16,34	-16,34	-16,32	-16,38	-16,38	-16,34	-16,36	-16,43	-16,40	-16,38	0,11
8	-16,36	-16,33	-16,33	-16,35	-16,36	-16,40	-16,40	-16,39	-16,42	-16,48	-16,49	-16,43	0,16
9	-16,41	-16,36	-16,34	-16,37	-16,35	-16,39	-16,38	-16,35	-16,40	-16,44	-16,42	-16,38	0,10
10	-16,35	-16,30	-16,28	-16,34	-16,34	-16,35	-16,38	-16,35	-16,38	-16,43	-16,45	-16,39	0,17
11	-16,33	-16,28	-16,26	-16,32	-16,36	-16,36	-16,37	-16,38	-16,39	-16,41	-16,43	-16,36	0,17
12	-16,32	-16,26	-16,20	-16,30	-16,35	-16,35	-16,37	-16,38	-16,44	-16,41	-16,42	-16,36	0,24
13	-16,30	-16,24	-16,21	-16,23	-16,21	-16,29	-16,27	-16,25	-16,27	-16,29	-16,29	-16,25	0,09
14	-16,19	-16,13	-16,11	-16,15	-16,14	-16,19	-16,28	-16,26	-16,27	-16,30	-16,31	-16,30	0,20
15	-16,24	-16,18	-16,13	-16,19	-16,20	-16,28	-16,29	-16,30	-16,30	-16,35	-16,34	-16,30	0,22
16	-16,24	-16,15	-16,07	-16,10	-16,13	-16,10	-16,15	-16,15	-16,21	-16,19	-16,23	-16,20	0,17
17	-16,15	-16,08	-16,02	-16,06	-16,11	-16,11	-16,16	-16,20	-16,26	-16,26	-16,30	-16,25	0,28
18	-16,21	-16,15	-16,10	-16,16	-16,16	-16,19	-16,23	-16,26	-16,37	-16,31	-16,31	-16,30	0,27
19	-16,26	-16,20	-16,14	-16,18	-16,17	-16,24	-16,27	-16,28	-16,35	-16,37	-16,35	-16,35	0,23
20	-16,32	-16,27	-16,21	-16,23	-16,30	-16,28	-16,30	-16,35	-16,33	-16,42	-16,40	-16,36	0,21
21	-16,33	-16,30	-16,24	-16,29	-16,30	-16,38	-16,33	-16,33	-16,38	-16,40	-16,41	-16,43	0,19
22	-16,36	-16,33	-16,29	-16,32	-16,38	-16,35	-16,36	-16,35	-16,36	-16,40	-16,40	-16,40	0,11
23	-16,36	-16,33	-16,30	-16,34	-16,32	-16,38	-16,36	-16,38	-16,35	-16,38	-16,43	-16,38	0,13
24	-16,34	-16,31	-16,28	-16,43	-16,49	-16,47	-16,43	-16,41	-16,39	-16,44	-16,42	-16,39	0,21
25	-16,34	-16,29	-16,26	-16,31	-16,36	-16,36	-16,42	-16,40	-16,41	-16,42	-16,40	-16,36	0,16
26	-16,29	-16,23	-16,19	-16,23	-16,27	-16,32	-16,36	-16,37	-16,46	-16,44	-16,39	-16,33	0,27
27	-16,26	-16,19	-16,16	-16,21	-16,23	-16,30	-16,34	-16,34	-16,39	-16,43	-16,41	-16,35	0,27
28	-16,28	-16,21	-16,17	-16,21	-16,25	-16,33	-16,33	-16,35	-16,40	-16,43	-16,45	-16,39	0,28
29	-16,33	-16,26	-16,20	-16,27	-16,26	-16,32	-16,36	-16,38	-16,43	-16,43	-16,42	-16,41	0,23
30	-16,34	-16,27	-16,22	-16,28	-16,27	-16,28	-16,32	-16,34	-16,36	-16,37	-16,36	-16,36	0,15

2. Công trình: Q.110a

• Mục nước giờ tháng 2

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-10,59	-10,57	-10,53	-10,50	-10,49	-10,50	-10,54	-10,56	-10,58	-10,59	-10,59	-10,59	0,10
2	-10,57	-10,54	-10,50	-10,46	-10,44	-10,44	-10,48	-10,49	-10,50	-10,52	-10,53	-10,53	0,13
3	-10,53	-10,51	-10,47	-10,43	-10,41	-10,42	-10,44	-10,47	-10,47	-10,47	-10,48	-10,50	0,12
4	-10,49	-10,48	-10,44	-10,40	-10,38	-10,39	-10,43	-10,46	-10,48	-10,49	-10,49	-10,49	0,11
5	-10,50	-10,48	-10,44	-10,40	-10,39	-10,40	-10,42	-10,44	-10,43	-10,44	-10,46	-10,48	0,11
6	-10,45	-10,50	-10,49	-10,45	-10,46	-10,46	-10,44	-10,41	-10,41	-10,42	-10,42	-10,43	0,09
7	-10,43	-10,42	-10,38	-10,34	-10,34	-10,34	-10,36	-10,37	-10,37	-10,39	-10,40	-10,40	0,09
8	-10,41	-10,41	-10,38	-10,36	-10,35	-10,36	-10,38	-10,38	-10,38	-10,37	-10,36	-10,38	0,06
9	-10,38	-10,38	-10,35	-10,33	-10,31	-10,30	-10,32	-10,33	-10,33	-10,34	-10,34	-10,36	0,08
10	-10,37	-10,37	-10,35	-10,33	-10,33	-10,34	-10,36	-10,36	-10,35	-10,35	-10,36	-10,36	0,04
11	-10,37	-10,37	-10,35	-10,34	-10,33	-10,34	-10,37	-10,38	-10,37	-10,36	-10,35	-10,35	0,05
12	-10,35	-10,34	-10,32	-10,30	-10,31	-10,31	-10,34	-10,36	-10,36	-10,35	-10,34	-10,35	0,06
13	-10,35	-10,34	-10,32	-10,30	-10,29	-10,32	-10,35	-10,36	-10,35	-10,35	-10,33	-10,33	0,07
14	-10,32	-10,30	-10,27	-10,23	-10,21	-10,23	-10,27	-10,28	-10,28	-10,29	-10,28	-10,28	0,11
15	-10,26	-10,24	-10,21	-10,17	-10,18	-10,21	-10,25	-10,26	-10,27	-10,27	-10,26	-10,26	0,10
16	-10,25	-10,23	-10,19	-10,17	-10,16	-10,18	-10,21	-10,24	-10,26	-10,28	-10,28	-10,27	0,12
17	-10,25	-10,23	-10,19	-10,16	-10,15	-10,17	-10,20	-10,24	-10,24	-10,26	-10,27	-10,27	0,12
18	-10,25	-10,23	-10,20	-10,17	-10,17	-10,20	-10,26	-10,29	-10,31	-10,32	-10,32	-10,33	0,16
19	-10,32	-10,29	-10,25	-10,20	-10,19	-10,20	-10,23	-10,26	-10,28	-10,30	-10,30	-10,32	0,13
20	-10,32	-10,30	-10,26	-10,23	-10,22	-10,23	-10,26	-10,28	-10,28	-10,29	-10,31	-10,32	0,10
21	-10,33	-10,32	-10,28	-10,24	-10,22	-10,22	-10,24	-10,25	-10,25	-10,25	-10,26	-10,29	0,11
22	-10,30	-10,29	-10,25	-10,22	-10,19	-10,20	-10,22	-10,22	-10,23	-10,26	-10,26	-10,28	0,11
23	-10,29	-10,28	-10,26	-10,24	-10,22	-10,23	-10,26	-10,27	-10,27	-10,27	-10,27	-10,28	0,07
24	-10,29	-10,29	-10,26	-10,22	-10,22	-10,23	-10,23	-10,25	-10,20	-10,20	-10,19	-10,19	0,10
25	-10,19	-10,18	-10,17	-10,15	-10,15	-10,16	-10,20	-10,22	-10,21	-10,20	-10,20	-10,18	0,07
26	-10,18	-10,16	-10,13	-10,12	-10,13	-10,18	-10,23	-10,25	-10,26	-10,26	-10,24	-10,23	0,14
27	-10,22	-10,21	-10,18	-10,16	-10,17	-10,19	-10,16	-10,12	-10,10	-10,11	-10,11	-10,10	0,12
28	-10,07	-10,06	-10,03	-10,00	-10,02	-10,05	-10,11	-10,14	-10,15	-10,17	-10,16	-10,14	0,17

• **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-10,41	-10,38	-10,34	-10,34	-10,36	-10,39	-10,42	-10,45	-10,48	-10,50	-10,49	-10,49	0,16
2	-10,50	-10,46	-10,42	-10,40	-10,39	-10,41	-10,44	-10,46	-10,48	-10,48	-10,49	-10,49	0,11
3	-10,49	-10,46	-10,42	-10,41	-10,42	-10,44	-10,47	-10,48	-10,49	-10,51	-10,53	-10,55	0,14
4	-10,56	-10,54	-10,52	-10,52	-10,53	-10,54	-10,57	-10,57	-10,58	-10,59	-10,60	-10,61	0,09
5	-10,62	-10,61	-10,58	-10,58	-10,59	-10,62	-10,63	-10,63	-10,62	-10,60	-10,57	-10,54	0,09
6	-10,51	-10,46	-10,46	-10,48	-10,51	-10,54	-10,55	-10,53	-10,51	-10,53	-10,53	-10,51	0,09
7	-10,50	-10,48	-10,48	-10,52	-10,54	-10,57	-10,59	-10,57	-10,56	-10,54	-10,53	-10,50	0,11
8	-10,48	-10,48	-10,52	-10,52	-10,53	-10,57	-10,60	-10,61	-10,58	-10,56	-10,54	-10,50	0,13
9	-10,49	-10,47	-10,44	-10,44	-10,46	-10,49	-10,54	-10,55	-10,54	-10,52	-10,49	-10,48	0,11
10	-10,46	-10,43	-10,40	-10,41	-10,43	-10,47	-10,52	-10,54	-10,52	-10,51	-10,47	-10,44	0,14
11	-10,42	-10,40	-10,38	-10,40	-10,42	-10,46	-10,52	-10,52	-10,52	-10,52	-10,50	-10,48	0,14
12	-10,46	-10,41	-10,33	-10,33	-10,35	-10,39	-10,45	-10,48	-10,48	-10,47	-10,46	-10,43	0,15
13	-10,41	-10,37	-10,33	-10,34	-10,35	-10,38	-10,41	-10,42	-10,43	-10,43	-10,42	-10,42	0,10
14	-10,41	-10,38	-10,33	-10,32	-10,32	-10,34	-10,39	-10,40	-10,41	-10,42	-10,43	-10,43	0,11
15	-10,42	-10,40	-10,35	-10,34	-10,34	-10,36	-10,40	-10,42	-10,43	-10,44	-10,44	-10,44	0,10
16	-10,44	-10,42	-10,38	-10,37	-10,38	-10,41	-10,44	-10,47	-10,47	-10,48	-10,47	-10,45	0,11
17	-10,41	-10,35	-10,35	-10,36	-10,37	-10,37	-10,37	-10,37	-10,39	-10,43	-10,46	-10,45	0,11
18	-10,43	-10,42	-10,41	-10,43	-10,45	-10,45	-10,44	-10,42	-10,44	-10,46	-10,49	-10,49	0,08
19	-10,47	-10,46	-10,45	-10,49	-10,52	-10,55	-10,55	-10,53	-10,53	-10,55	-10,56	-10,55	0,11
20	-10,54	-10,53	-10,53	-10,56	-10,59	-10,61	-10,62	-10,61	-10,58	-10,61	-10,61	-10,59	0,09
21	-10,57	-10,56	-10,55	-10,57	-10,59	-10,62	-10,63	-10,63	-10,61	-10,64	-10,63	-10,60	0,09
22	-10,58	-10,56	-10,55	-10,58	-10,61	-10,63	-10,64	-10,64	-10,64	-10,67	-10,67	-10,64	0,12
23	-10,61	-10,60	-10,59	-10,62	-10,65	-10,68	-10,70	-10,69	-10,70	-10,70	-10,70	-10,68	0,11
24	-10,65	-10,65	-10,65	-10,68	-10,69	-10,70	-10,72	-10,72	-10,72	-10,74	-10,74	-10,72	0,09
25	-10,68	-10,64	-10,63	-10,66	-10,68	-10,70	-10,72	-10,73	-10,74	-10,76	-10,76	-10,74	0,13
26	-10,70	-10,67	-10,65	-10,69	-10,71	-10,72	-10,74	-10,74	-10,76	-10,78	-10,78	-10,78	0,13
27	-10,74	-10,72	-10,70	-10,72	-10,74	-10,75	-10,76	-10,77	-10,77	-10,78	-10,79	-10,79	0,09
28	-10,78	-10,75	-10,73	-10,74	-10,76	-10,78	-10,78	-10,77	-10,78	-10,78	-10,79	-10,79	0,06
29	-10,79	-10,78	-10,76	-10,78	-10,79	-10,79	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,79	-10,79	0,03
30	-10,79	-10,79	-10,79	-10,80	-10,80	-10,79	-10,78	-10,77	-10,77	-10,78	-10,79	-10,79	0,03
31	-10,79	-10,78	-10,79	-10,80	-10,79	-10,79	-10,78	-10,77	-10,77	-10,78	-10,79	-10,79	0,03

• **Mực nước giờ tháng 8**

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-10,78	-10,78	-10,79	-10,78	-10,79	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,79	-10,78	-10,78	0,01
2	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,77	-10,78	-10,78	-10,79	-10,78	-10,78	0,02
3	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,77	0,01
4	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	0,00
5	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,77	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	0,01
6	-10,77	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,77	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	0,01
7	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	0,00
8	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,77	-10,78	-10,78	-10,77	0,01
9	-10,77	-10,78	-10,77	-10,77	-10,79	-10,78	-10,78	-10,78	-10,79	-10,79	-10,79	-10,78	0,02
10	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,79	-10,79	-10,78	-10,78	-10,79	0,01
11	-10,79	-10,78	-10,79	-10,78	-10,79	-10,79	-10,79	-10,79	-10,79	-10,78	-10,78	-10,78	0,01
12	-10,77	-10,77	-10,77	-10,77	-10,77	-10,77	-10,78	-10,77	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	0,01
13	-10,78	-10,77	-10,78	-10,79	-10,79	-10,78	-10,79	-10,79	-10,80	-10,79	-10,80	-10,80	0,03
14	-10,80	-10,80	-10,80	-10,81	-10,81	-10,81	-10,81	-10,81	-10,81	-10,81	-10,81	-10,81	0,01
15	-10,81	-10,80	-10,81	-10,81	-10,80	-10,81	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	0,01
16	-10,79	-10,78	-10,79	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	-10,81	-10,80	-10,80	0,03
17	-10,80	-10,79	-10,79	-10,80	-10,81	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	0,02
18	-10,79	-10,79	-10,79	-10,79	-10,79	-10,79	-10,78	-10,78	-10,78	-10,79	-10,79	-10,78	0,01
19	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,79	-10,78	-10,79	-10,78	-10,79	-10,78	-10,78	0,01
20	-10,79	-10,78	-10,78	-10,79	-10,79	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,79	-10,78	-10,78	0,01
21	-10,77	-10,77	-10,77	-10,78	-10,78	-10,77	-10,78	-10,78	-10,78	-10,78	-10,79	-10,79	0,02
22	-10,78	-10,78	-10,78	-10,79	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	-10,80	0,02
23	-10,80	-10,80	-10,80	-10,81	-10,81	-10,81	-10,81	-10,82	-10,81	-10,81	-10,82	-10,82	0,02
24	-10,81	-10,81	-10,82	-10,82	-10,82	-10,82	-10,82	-10,84	-10,86	-10,87	-10,90	-10,92	0,11
25	-10,92	-10,93	-10,94	-10,95	-10,94	-10,94	-10,95	-10,95	-10,95	-10,96	-10,96	-10,97	0,05
26	-10,97	-10,98	-10,98	-11,00	-10,98	-11,00	-10,98	-10,96	-10,95	-10,98	-10,97	-10,97	0,05
27	-10,97	-10,96	-10,97	-10,97	-10,98	-10,98	-11,00	-10,99	-10,98	-11,00	-10,99	-10,98	0,04
28	-10,97	-10,96	-10,96	-10,97	-10,98	-10,98	-10,96	-10,94	-10,92	-10,93	-10,92	-10,90	0,08
29	-10,89	-10,89	-10,89	-10,94	-10,96	-10,96	-10,95	-10,93	-10,92	-10,93	-10,92	-10,91	0,07
30	-10,88	-10,88	-10,88	-10,92	-10,96	-10,98	-10,99	-10,96	-10,95	-10,95	-10,95	-10,92	0,11
31	-10,90	-10,89	-10,89	-10,93	-10,97	-10,99	-11,00	-10,98	-10,98	-10,99	-10,98	-10,96	0,11

• **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-11,09	-11,08	-11,03	-10,99	-10,98	-10,99	-11,02	-11,04	-11,03	-11,04	-11,07	-11,10	0,12
2	-11,11	-11,09	-11,04	-11,01	-11,00	-11,00	-11,04	-11,04	-11,04	-11,04	-11,06	-11,09	0,11
3	-11,11	-11,10	-11,07	-11,05	-11,04	-11,05	-11,07	-11,07	-11,07	-11,11	-11,12	-11,14	0,10
4	-11,15	-11,15	-11,12	-11,11	-11,10	-11,11	-11,12	-11,11	-11,12	-11,13	-11,16	-11,17	0,07
5	-11,18	-11,18	-11,16	-11,14	-11,13	-11,15	-11,19	-11,18	-11,17	-11,18	-11,18	-11,22	0,09
6	-11,22	-11,22	-11,22	-11,25	-11,25	-11,25	-11,22	-11,21	-11,19	-11,18	-11,19	-11,19	0,07
7	-11,21	-11,21	-11,19	-11,19	-11,17	-11,19	-11,21	-11,20	-11,19	-11,18	-11,18	-11,19	0,04
8	-11,20	-11,20	-11,19	-11,20	-11,21	-11,24	-11,26	-11,26	-11,23	-11,23	-11,22	-11,22	0,07
9	-11,22	-11,21	-11,19	-11,17	-11,17	-11,17	-11,20	-11,19	-11,18	-11,17	-11,17	-11,17	0,05
10	-11,16	-11,14	-11,11	-11,10	-11,10	-11,12	-11,16	-11,16	-11,15	-11,16	-11,16	-11,16	0,06
11	-11,16	-11,14	-11,11	-11,10	-11,11	-11,14	-11,18	-11,18	-11,17	-11,18	-11,18	-11,18	0,08
12	-11,17	-11,15	-11,11	-11,09	-11,09	-11,13	-11,17	-11,18	-11,18	-11,17	-11,17	-11,18	0,09
13	-11,18	-11,14	-11,10	-11,05	-11,03	-11,06	-11,04	-11,06	-11,05	-11,07	-11,08	-11,09	0,15
14	-11,08	-11,06	-11,03	-10,99	-10,97	-10,99	-11,04	-11,06	-11,07	-11,08	-11,10	-11,12	0,15
15	-11,13	-11,11	-11,06	-11,03	-11,01	-11,02	-11,04	-11,06	-11,06	-11,07	-11,08	-11,10	0,12
16	-11,10	-11,07	-11,02	-10,97	-10,93	-10,93	-10,95	-10,96	-10,95	-10,95	-10,98	-11,02	0,17
17	-11,04	-11,04	-11,01	-10,98	-10,97	-10,98	-11,03	-11,03	-11,04	-11,06	-11,07	-11,10	0,13
18	-11,12	-11,11	-11,07	-11,06	-11,05	-11,05	-11,10	-11,09	-11,10	-11,08	-11,10	-11,13	0,08
19	-11,14	-11,14	-11,12	-11,10	-11,09	-11,10	-11,13	-11,13	-11,14	-11,15	-11,15	-11,17	0,08
20	-11,19	-11,19	-11,16	-11,15	-11,14	-11,15	-11,16	-11,16	-11,15	-11,16	-11,17	-11,19	0,05
21	-11,20	-11,20	-11,17	-11,18	-11,17	-11,18	-11,20	-11,21	-11,20	-11,19	-11,19	-11,22	0,05
22	-11,22	-11,23	-11,21	-11,19	-11,20	-11,23	-11,26	-11,26	-11,23	-11,24	-11,23	-11,26	0,07
23	-11,26	-11,25	-11,22	-11,22	-11,21	-11,22	-11,26	-11,26	-11,24	-11,23	-11,23	-11,25	0,05
24	-11,25	-11,23	-11,22	-11,31	-11,33	-11,38	-11,37	-11,36	-11,31	-11,30	-11,32	-11,32	0,16
25	-11,31	-11,30	-11,27	-11,25	-11,25	-11,28	-11,31	-11,31	-11,32	-11,31	-11,30	-11,30	0,07
26	-11,29	-11,26	-11,21	-11,19	-11,17	-11,20	-11,24	-11,25	-11,25	-11,25	-11,25	-11,25	0,12
27	-11,23	-11,19	-11,14	-11,11	-11,12	-11,15	-11,20	-11,22	-11,23	-11,26	-11,27	-11,28	0,17
28	-11,28	-11,25	-11,20	-11,17	-11,16	-11,18	-11,22	-11,23	-11,25	-11,27	-11,29	-11,30	0,14
29	-11,32	-11,30	-11,25	-11,22	-11,21	-11,22	-11,25	-11,26	-11,25	-11,26	-11,29	-11,31	0,11
30	-11,32	-11,30	-11,26	-11,22	-11,20	-11,21	-11,24	-11,25	-11,24	-11,24	-11,24	-11,26	0,12

3. Công trình: Q.148a

• Mục nước giờ tháng 2

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-3,66	-3,64	-3,63	-3,62	-3,63	-3,64	-3,64	-3,65	-3,67	-3,68	-3,69	-3,68	0,07
2	-3,67	-3,65	-3,64	-3,63	-3,63	-3,64	-3,65	-3,66	-3,67	-3,68	-3,69	-3,69	0,06
3	-3,67	-3,66	-3,64	-3,63	-3,62	-3,63	-3,63	-3,64	-3,66	-3,67	-3,68	-3,68	0,06
4	-3,67	-3,65	-3,63	-3,62	-3,61	-3,60	-3,61	-3,62	-3,63	-3,64	-3,66	-3,66	0,07
5	-3,66	-3,64	-3,62	-3,60	-3,60	-3,59	-3,59	-3,59	-3,60	-3,61	-3,63	-3,64	0,07
6	-3,63	-3,62	-3,61	-3,59	-3,58	-3,57	-3,57	-3,58	-3,58	-3,60	-3,61	-3,62	0,06
7	-3,62	-3,61	-3,59	-3,57	-3,56	-3,55	-3,55	-3,56	-3,57	-3,58	-3,59	-3,60	0,07
8	-3,61	-3,61	-3,59	-3,57	-3,56	-3,55	-3,55	-3,55	-3,56	-3,57	-3,58	-3,59	0,06
9	-3,60	-3,60	-3,58	-3,57	-3,56	-3,55	-3,55	-3,55	-3,56	-3,57	-3,58	-3,59	0,05
10	-3,60	-3,60	-3,58	-3,57	-3,56	-3,55	-3,54	-3,55	-3,56	-3,57	-3,58	-3,59	0,06
11	-3,60	-3,60	-3,59	-3,58	-3,57	-3,56	-3,55	-3,55	-3,55	-3,55	-3,56	-3,56	0,05
12	-3,57	-3,57	-3,57	-3,56	-3,56	-3,55	-3,54	-3,54	-3,54	-3,54	-3,55	-3,55	0,03
13	-3,55	-3,55	-3,55	-3,55	-3,55	-3,55	-3,56	-3,56	-3,56	-3,56	-3,55	-3,55	0,01
14	-3,54	-3,54	-3,54	-3,55	-3,56	-3,57	-3,58	-3,58	-3,59	-3,58	-3,57	-3,56	0,05
15	-3,55	-3,54	-3,53	-3,54	-3,55	-3,55	-3,56	-3,57	-3,58	-3,58	-3,57	-3,55	0,05
16	-3,54	-3,52	-3,52	-3,52	-3,53	-3,54	-3,55	-3,56	-3,57	-3,58	-3,58	-3,56	0,06
17	-3,55	-3,53	-3,51	-3,50	-3,51	-3,52	-3,53	-3,54	-3,55	-3,57	-3,57	-3,56	0,07
18	-3,55	-3,53	-3,51	-3,50	-3,51	-3,52	-3,53	-3,53	-3,55	-3,57	-3,58	-3,58	0,08
19	-3,56	-3,55	-3,53	-3,52	-3,52	-3,52	-3,53	-3,54	-3,56	-3,57	-3,59	-3,60	0,08
20	-3,59	-3,57	-3,55	-3,53	-3,52	-3,52	-3,53	-3,54	-3,55	-3,56	-3,58	-3,59	0,07
21	-3,60	-3,58	-3,56	-3,54	-3,53	-3,52	-3,53	-3,53	-3,54	-3,56	-3,57	-3,58	0,08
22	-3,59	-3,58	-3,56	-3,54	-3,53	-3,52	-3,52	-3,53	-3,54	-3,55	-3,56	-3,57	0,07
23	-3,58	-3,58	-3,57	-3,55	-3,54	-3,53	-3,53	-3,53	-3,54	-3,55	-3,56	-3,57	0,05
24	-3,58	-3,59	-3,58	-3,57	-3,56	-3,56	-3,55	-3,55	-3,55	-3,56	-3,58	-3,59	0,04
25	-3,60	-3,60	-3,61	-3,60	-3,60	-3,60	-3,59	-3,59	-3,58	-3,58	-3,57	-3,57	0,04
26	-3,57	-3,58	-3,58	-3,59	-3,59	-3,59	-3,60	-3,60	-3,59	-3,58	-3,58	-3,57	0,03
27	-3,57	-3,56	-3,56	-3,57	-3,57	-3,59	-3,59	-3,60	-3,60	-3,59	-3,58	-3,57	0,04
28	-3,56	-3,55	-3,55	-3,56	-3,57	-3,58	-3,59	-3,59	-3,60	-3,60	-3,59	-3,58	0,05

• **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-3,66	-3,65	-3,64	-3,64	-3,65	-3,66	-3,67	-3,68	-3,69	-3,70	-3,70	-3,69	0,06
2	-3,68	-3,67	-3,66	-3,66	-3,67	-3,67	-3,68	-3,68	-3,69	-3,70	-3,71	-3,70	0,05
3	-3,69	-3,68	-3,67	-3,67	-3,67	-3,68	-3,69	-3,70	-3,70	-3,71	-3,71	-3,72	0,05
4	-3,71	-3,70	-3,69	-3,69	-3,69	-3,69	-3,69	-3,68	-3,68	-3,69	-3,70	-3,70	0,03
5	-3,70	-3,70	-3,69	-3,70	-3,70	-3,70	-3,70	-3,69	-3,69	-3,69	-3,69	-3,70	0,01
6	-3,70	-3,71	-3,71	-3,72	-3,73	-3,73	-3,73	-3,72	-3,71	-3,71	-3,71	-3,72	0,03
7	-3,72	-3,74	-3,75	-3,76	-3,77	-3,78	-3,78	-3,76	-3,75	-3,75	-3,75	-3,74	0,06
8	-3,75	-3,75	-3,76	-3,77	-3,78	-3,79	-3,79	-3,78	-3,76	-3,74	-3,73	-3,73	0,06
9	-3,73	-3,73	-3,74	-3,75	-3,76	-3,77	-3,78	-3,78	-3,75	-3,74	-3,72	-3,71	0,07
10	-3,71	-3,71	-3,72	-3,73	-3,75	-3,76	-3,77	-3,78	-3,77	-3,76	-3,74	-3,73	0,07
11	-3,72	-3,72	-3,74	-3,75	-3,76	-3,78	-3,79	-3,80	-3,79	-3,78	-3,77	-3,75	0,08
12	-3,74	-3,73	-3,74	-3,75	-3,76	-3,78	-3,78	-3,79	-3,80	-3,79	-3,77	-3,75	0,07
13	-3,73	-3,71	-3,71	-3,73	-3,74	-3,75	-3,75	-3,76	-3,77	-3,77	-3,76	-3,74	0,06
14	-3,72	-3,70	-3,70	-3,70	-3,72	-3,73	-3,74	-3,75	-3,75	-3,76	-3,75	-3,73	0,06
15	-3,72	-3,70	-3,70	-3,70	-3,71	-3,72	-3,73	-3,74	-3,75	-3,76	-3,76	-3,75	0,06
16	-3,73	-3,72	-3,71	-3,70	-3,71	-3,72	-3,73	-3,74	-3,75	-3,76	-3,77	-3,77	0,07
17	-3,75	-3,74	-3,73	-3,73	-3,74	-3,74	-3,75	-3,76	-3,77	-3,78	-3,79	-3,80	0,07
18	-3,80	-3,80	-3,80	-3,80	-3,80	-3,81	-3,81	-3,81	-3,81	-3,82	-3,83	-3,84	0,04
19	-3,85	-3,85	-3,86	-3,86	-3,87	-3,87	-3,86	-3,85	-3,84	-3,83	-3,84	-3,85	0,04
20	-3,85	-3,86	-3,87	-3,88	-3,89	-3,90	-3,89	-3,87	-3,86	-3,86	-3,85	-3,85	0,05
21	-3,86	-3,87	-3,88	-3,89	-3,90	-3,91	-3,91	-3,90	-3,89	-3,88	-3,87	-3,87	0,05
22	-3,87	-3,88	-3,89	-3,91	-3,92	-3,94	-3,95	-3,93	-3,92	-3,92	-3,91	-3,91	0,08
23	-3,91	-3,92	-3,94	-3,94	-3,96	-3,97	-3,98	-3,98	-3,95	-3,93	-3,92	-3,92	0,07
24	-3,90	-3,90	-3,91	-3,93	-3,94	-3,95	-3,96	-3,96	-3,95	-3,95	-3,94	-3,92	0,06
25	-3,91	-3,90	-3,91	-3,92	-3,93	-3,94	-3,95	-3,95	-3,94	-3,92	-3,91	-3,90	0,05
26	-3,88	-3,88	-3,88	-3,89	-3,91	-3,91	-3,91	-3,92	-3,92	-3,91	-3,89	-3,87	0,05
27	-3,85	-3,85	-3,85	-3,87	-3,88	-3,88	-3,88	-3,89	-3,89	-3,88	-3,87	-3,85	0,04
28	-3,84	-3,83	-3,83	-3,84	-3,85	-3,86	-3,86	-3,87	-3,88	-3,88	-3,87	-3,85	0,05
29	-3,84	-3,83	-3,83	-3,83	-3,84	-3,86	-3,86	-3,87	-3,88	-3,88	-3,87	-3,86	0,05
30	-3,85	-3,84	-3,84	-3,84	-3,85	-3,87	-3,88	-3,89	-3,90	-3,91	-3,91	-3,90	0,07
31	-3,89	-3,88	-3,88	-3,89	-3,90	-3,90	-3,92	-3,92	-3,93	-3,94	-3,94	-3,94	0,06

• **Mực nước giờ tháng 8**

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-4,15	-4,18	-4,17	-4,18	-4,18	-4,14	-4,13	-4,12	-4,08	-4,06	-4,05	-4,05	0,13
2	-4,06	-4,07	-4,08	-4,09	-4,10	-4,11	-4,12	-4,09	-4,07	-4,05	-4,03	-4,03	0,09
3	-4,05	-4,07	-4,09	-4,10	-4,08	-4,08	-4,09	-4,09	-4,07	-4,05	-4,03	-4,02	0,08
4	-4,04	-4,04	-4,05	-4,05	-4,06	-4,09	-4,10	-4,03	-4,01	-3,98	-3,96	-3,94	0,16
5	-3,93	-3,94	-3,95	-3,96	-3,98	-4,00	-4,02	-4,02	-3,98	-3,97	-3,95	-3,93	0,09
6	-3,92	-3,93	-3,93	-3,94	-3,95	-3,95	-3,97	-3,98	-3,98	-3,97	-3,96	-3,95	0,06
7	-3,94	-3,94	-3,94	-3,95	-3,95	-3,96	-3,96	-3,97	-3,97	-3,97	-3,97	-3,97	0,03
8	-3,97	-3,97	-3,96	-3,96	-3,97	-3,96	-3,97	-3,97	-3,97	-3,98	-3,98	-3,98	0,02
9	-3,98	-3,98	-3,98	-3,97	-3,97	-3,96	-3,96	-3,96	-3,97	-3,97	-3,98	-3,98	0,02
10	-3,99	-3,99	-3,99	-3,99	-3,99	-3,98	-3,95	-3,93	-3,92	-3,92	-3,93	-3,94	0,07
11	-3,94	-3,95	-3,95	-3,96	-3,96	-3,95	-3,94	-3,95	-3,95	-3,94	-3,96	-3,93	0,03
12	-3,91	-3,92	-3,91	-3,92	-3,93	-3,93	-3,91	-3,90	-3,89	-3,86	-3,87	-3,88	0,07
13	-3,88	-3,89	-3,90	-3,91	-3,92	-3,92	-3,91	-3,89	-3,88	-3,87	-3,88	-3,88	0,05
14	-3,89	-3,90	-3,91	-3,92	-3,93	-3,94	-3,93	-3,92	-3,90	-3,90	-3,89	-3,90	0,05
15	-3,91	-3,92	-3,93	-3,95	-3,94	-3,95	-3,95	-3,93	-3,90	-3,90	-3,89	-3,90	0,06
16	-3,90	-3,91	-3,92	-3,93	-3,94	-3,95	-3,95	-3,95	-3,93	-3,91	-3,91	-3,91	0,05
17	-3,91	-3,92	-3,92	-3,93	-3,94	-3,95	-3,96	-3,96	-3,95	-3,94	-3,93	-3,93	0,05
18	-3,93	-3,94	-3,94	-3,95	-3,97	-3,98	-3,99	-3,99	-3,98	-3,96	-3,95	-3,95	0,06
19	-3,96	-3,95	-3,90	-3,91	-3,93	-3,95	-3,98	-3,91	-3,90	-3,89	-3,88	-3,87	0,11
20	-3,88	-3,87	-3,88	-3,89	-3,90	-3,91	-3,96	-3,96	-3,97	-3,89	-3,89	-3,88	0,10
21	-3,88	-3,88	-3,88	-3,89	-3,89	-3,90	-3,90	-3,90	-3,90	-3,90	-3,90	-3,89	0,02
22	-3,89	-3,89	-3,89	-3,89	-3,90	-3,90	-3,90	-3,90	-3,91	-3,91	-3,92	-3,92	0,03
23	-3,92	-3,92	-3,92	-3,91	-3,91	-3,91	-3,92	-3,92	-3,91	-3,93	-3,94	-3,94	0,03
24	-3,96	-3,97	-3,97	-3,96	-3,92	-3,91	-3,92	-3,86	-3,88	-3,88	-3,89	-3,90	0,11
25	-3,90	-3,90	-3,90	-3,90	-3,89	-3,88	-3,88	-3,88	-3,89	-3,89	-3,89	-3,90	0,02
26	-3,90	-3,91	-3,92	-3,92	-3,91	-3,89	-3,88	-3,86	-3,86	-3,86	-3,87	-3,88	0,06
27	-3,89	-3,89	-3,90	-3,91	-3,91	-3,90	-3,88	-3,86	-3,86	-3,87	-3,88	-3,89	0,05
28	-3,90	-3,88	-3,92	-3,88	-3,90	-3,89	-3,87	-3,85	-3,83	-3,83	-3,83	-3,84	0,09
29	-3,85	-3,86	-3,87	-3,88	-3,89	-3,86	-3,86	-3,85	-3,86	-3,86	-3,84	-3,83	0,06
30	-3,85	-3,82	-3,83	-3,84	-3,85	-3,85	-3,84	-3,85	-3,85	-3,85	-3,86	-3,85	0,04
31	-3,86	-3,85	-3,84	-3,86	-3,88	-3,90	-3,91	-3,90	-3,88	-3,87	-3,87	-3,87	0,07

4. Công trình: Q.156aM1

• Mục nước giờ tháng 2

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-4,90	-4,89	-4,87	-4,85	-4,83	-4,84	-4,89	-4,91	-4,90	-4,88	-4,87	-4,88	0,08
2	-4,88	-4,87	-4,83	-4,80	-4,78	-4,78	-4,82	-4,84	-4,84	-4,83	-4,82	-4,83	0,10
3	-4,84	-4,83	-4,81	-4,77	-4,76	-4,79	-4,83	-4,86	-4,85	-4,85	-4,84	-4,86	0,10
4	-4,86	-4,87	-4,84	-4,81	-4,78	-4,80	-4,84	-4,85	-4,86	-4,85	-4,84	-4,85	0,09
5	-4,86	-4,86	-4,83	-4,80	-4,78	-4,79	-4,82	-4,84	-4,83	-4,82	-4,84	-4,85	0,08
6	-4,85	-4,84	-4,83	-4,82	-4,82	-4,81	-4,82	-4,87	-4,87	-4,86	-4,86	-4,86	0,06
7	-4,86	-4,86	-4,83	-4,80	-4,78	-4,79	-4,82	-4,83	-4,83	-4,83	-4,82	-4,83	0,08
8	-4,85	-4,86	-4,84	-4,81	-4,80	-4,81	-4,84	-4,87	-4,87	-4,86	-4,84	-4,87	0,07
9	-4,87	-4,86	-4,84	-4,81	-4,79	-4,79	-4,82	-4,83	-4,83	-4,82	-4,82	-4,84	0,08
10	-4,85	-4,86	-4,85	-4,82	-4,81	-4,82	-4,85	-4,87	-4,86	-4,85	-4,85	-4,86	0,06
11	-4,87	-4,89	-4,87	-4,85	-4,83	-4,84	-4,88	-4,90	-4,89	-4,88	-4,87	-4,88	0,07
12	-4,89	-4,89	-4,86	-4,84	-4,83	-4,84	-4,86	-4,88	-4,87	-4,85	-4,84	-4,85	0,06
13	-4,87	-4,87	-4,85	-4,82	-4,81	-4,82	-4,86	-4,87	-4,85	-4,83	-4,81	-4,81	0,06
14	-4,82	-4,81	-4,80	-4,76	-4,74	-4,75	-4,79	-4,81	-4,80	-4,79	-4,77	-4,77	0,08
15	-4,77	-4,76	-4,75	-4,72	-4,71	-4,73	-4,78	-4,78	-4,78	-4,76	-4,75	-4,75	0,07
16	-4,75	-4,75	-4,73	-4,70	-4,69	-4,72	-4,75	-4,78	-4,79	-4,77	-4,77	-4,78	0,10
17	-4,78	-4,77	-4,75	-4,72	-4,71	-4,73	-4,77	-4,80	-4,79	-4,78	-4,78	-4,78	0,09
18	-4,79	-4,78	-4,77	-4,74	-4,73	-4,75	-4,79	-4,82	-4,82	-4,80	-4,79	-4,79	0,09
19	-4,79	-4,79	-4,76	-4,72	-4,70	-4,73	-4,77	-4,81	-4,80	-4,79	-4,79	-4,79	0,11
20	-4,80	-4,79	-4,76	-4,73	-4,71	-4,72	-4,76	-4,78	-4,78	-4,76	-4,76	-4,78	0,09
21	-4,79	-4,79	-4,76	-4,72	-4,70	-4,71	-4,74	-4,76	-4,76	-4,75	-4,75	-4,77	0,09
22	-4,78	-4,78	-4,76	-4,72	-4,70	-4,71	-4,74	-4,75	-4,75	-4,75	-4,74	-4,77	0,08
23	-4,79	-4,78	-4,77	-4,74	-4,71	-4,72	-4,75	-4,77	-4,77	-4,76	-4,76	-4,78	0,08
24	-4,79	-4,79	-4,77	-4,73	-4,71	-4,73	-4,71	-4,71	-4,71	-4,70	-4,69	-4,69	0,10
25	-4,71	-4,70	-4,69	-4,65	-4,65	-4,66	-4,70	-4,72	-4,70	-4,68	-4,67	-4,67	0,07
26	-4,68	-4,68	-4,67	-4,65	-4,64	-4,67	-4,71	-4,74	-4,73	-4,71	-4,69	-4,70	0,10
27	-4,72	-4,72	-4,71	-4,69	-4,69	-4,70	-4,74	-4,77	-4,76	-4,75	-4,74	-4,74	0,08
28	-4,74	-4,75	-4,73	-4,70	-4,70	-4,72	-4,77	-4,79	-4,79	-4,78	-4,76	-4,76	0,09

III. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Neogen (n)

III.1. Vùng không ảnh hưởng triều

1. Công trình: Q.4aM1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			9,89									
2												
3					9,78	9,57	9,97	10,01	10,36	10,58		
4												
5												
6	9,74	9,97	9,87	9,84	9,81	9,63	9,92	10,18	10,44	10,53	10,21	10,03
7												
8												
9					9,77	9,71	9,89	10,25	10,40	10,42		
10												
11												
12	9,79	9,94	9,81	9,87	9,75	9,73	9,83	10,31	10,36	10,54	10,17	10,01
13												
14												
15					9,71	9,76	9,78	10,29	10,72	10,50		
16												
17												
18	9,75	9,95	9,80	9,80	9,65	9,78	9,77	10,24	11,06	10,48	10,11	10,00
19												
20												
21					9,57	9,82	9,75	10,27	10,82	10,45		
22												
23												
24	9,91	9,94	9,79	9,76	9,53	9,85	9,72	10,30	10,61	10,38	10,05	9,98
25												
26												
27					9,51	9,98	9,75	10,37	10,50	10,32		
28												
29												
30	9,95		9,82	9,74	9,50	10,03	9,79	10,31	10,46	10,26	10,06	9,97
31												
T.Bình	9,83	9,95	9,83	9,80	9,66	9,79	9,82	10,26	10,58	10,45	10,12	10,00
Max	9,95	9,97	9,89	9,87	9,81	10,03	9,97	10,37	11,06	10,58	10,21	10,03
Min	9,74	9,94	9,79	9,74	9,50	9,57	9,72	10,01	10,36	10,26	10,05	9,97
ΔH	0,21	0,03	0,10	0,13	0,31	0,46	0,25	0,36	0,70	0,32	0,16	0,06

Mực nước trung bình năm: 10,03

Mực nước lớn nhất trong năm: 11,06 Ngày: 18/09/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: 9,50 Ngày: 30/05/2023

Biên độ dao động năm: 1,56

2. Công trình: Q.149

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-1,57									
2												
3					-1,54	-1,57	-1,57	-1,61	-1,52	-1,62		
4												
5												
6	-1,30	-1,46	-1,59	-1,54	-1,52	-1,60	-1,59	-1,62	-1,48	-1,58	-1,75	-1,75
7												
8												
9					-1,50	-1,62	-1,61	-1,64	-1,51	-1,60		
10												
11												
12	-1,32	-1,49	-1,60	-1,56	-1,49	-1,64	-1,63	-1,67	-1,56	-1,63	-1,66	-1,57
13												
14												
15					-1,47	-1,66	-1,64	-1,68	-1,58	-1,65		
16												
17												
18	-1,37	-1,52	-1,58	-1,58	-1,48	-1,65	-1,62	-1,66	-1,62	-1,66	-1,63	-1,59
19												
20												
21					-1,51	-1,63	-1,60	-1,63	-1,64	-1,68		
22												
23												
24	-1,41	-1,55	-1,56	-1,57	-1,53	-1,59	-1,56	-1,61	-1,67	-1,69	-1,61	-1,58
25												
26												
27					-1,54	-1,58	-1,57	-1,58	-1,62	-1,71		
28												
29												
30	-1,44		-1,53	-1,55	-1,56	-1,56	-1,59	-1,57	-1,65	-1,72	-1,57	-1,59
31												
T.Bìnhh	-1,37	-1,51	-1,57	-1,56	-1,51	-1,61	-1,60	-1,63	-1,59	-1,65	-1,64	-1,62
Max	-1,30	-1,46	-1,53	-1,54	-1,47	-1,56	-1,56	-1,57	-1,48	-1,58	-1,57	-1,57
Min	-1,44	-1,55	-1,60	-1,58	-1,56	-1,66	-1,64	-1,68	-1,67	-1,72	-1,75	-1,75
ΔH	0,14	0,09	0,07	0,04	0,09	0,10	0,08	0,11	0,19	0,14	0,18	0,18

Mức nước trung bình năm -1,58

Mức nước lớn nhất trong năm -1,30 Ngày: 06/01/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm -1,75 Ngày: 06/11/2023

Biên độ dao động năm 0,45

3. Công trình: Q.175b

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,51									
2												
3					0,38	0,06	0,85	0,71	0,95	1,09		
4												
5												
6	0,38	0,54	0,48	0,27	0,42	0,04	0,91	0,81	0,94	1,13	0,73	0,51
7												
8												
9					0,40	0,20	0,75	0,86	0,92	1,05		
10												
11												
12	0,45	0,54	0,46	0,32	0,42	0,32	0,72	0,91	0,88	0,98	0,68	0,49
13												
14												
15					0,33	0,44	0,66	0,93	0,91	0,84		
16												
17												
18	0,52	0,53	0,43	0,36	0,32	0,56	0,54	0,95	0,95	0,79	0,66	0,48
19												
20												
21					0,26	0,72	0,44	0,96	0,99	0,75		
22												
23												
24	0,57	0,51	0,44	0,39	0,16	0,81	0,36	0,97	1,00	0,73	0,59	0,47
25												
26												
27					0,13	0,78	0,49	0,94	1,02	0,71		
28												
29												
30	0,56		0,24	0,40	0,09	0,82	0,57	0,95	1,05	0,72	0,55	0,42
31												
T.Bình	0,49	0,53	0,42	0,34	0,29	0,47	0,63	0,90	0,96	0,88	0,64	0,47
Max	0,57	0,54	0,51	0,40	0,42	0,82	0,91	0,97	1,05	1,13	0,73	0,51
Min	0,38	0,51	0,24	0,27	0,09	0,04	0,36	0,71	0,88	0,71	0,55	0,42
ΔH	0,19	0,03	0,27	0,13	0,33	0,78	0,55	0,26	0,17	0,42	0,18	0,09

Mức nước trung bình năm 0,62

Mức nước lớn nhất trong năm 1,13

Ngày: 06/10/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm 0,04

Ngày: 06/06/2023

Biên độ dao động năm 1,09

4. Công trình: Q.193b

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-1,38									
2												
3					-1,65	-2,14	-1,76	-1,78	-1,33	-1,02		
4												
5												
6	-1,66	-1,52	-1,47	-1,57	-1,74	-2,15	-1,81	-1,56	-1,32	-1,12	-1,49	-1,49
7												
8												
9					-1,75	-2,00	-1,82	-1,57	-1,33	-1,17		
10												
11												
12	-1,61	-1,55	-1,48	-1,56	-1,77	-1,99	-1,87	-1,47	-1,22	-1,20	-1,52	-1,71
13												
14												
15					-1,63	-1,95	-1,92	-1,40	-1,14	-1,20		
16												
17												
18	-1,57	-1,52	-1,52	-1,52	-1,77	-1,94	-1,94	-1,42	-1,07	-1,28	-1,42	-1,73
19												
20												
21					-1,93	-1,82	-1,88	-1,30	-1,16	-1,35		
22												
23												
24	-1,52	-1,61	-1,56	-1,47	-1,94	-1,75	-1,94	-1,32	-1,25	-1,39	-1,59	-1,77
25												
26												
27					-1,88	-1,72	-2,02	-1,29	-1,30	-1,43		
28												
29												
30	-1,49		-1,55	-1,64	-1,93	-1,73	-2,09	-1,28	-1,00	-1,44	-1,62	-1,79
31												
T.Bình	-1,57	-1,55	-1,49	-1,55	-1,80	-1,92	-1,91	-1,44	-1,21	-1,26	-1,53	-1,70
Max	-1,49	-1,52	-1,38	-1,47	-1,63	-1,72	-1,76	-1,28	-1,00	-1,02	-1,42	-1,49
Min	-1,66	-1,61	-1,56	-1,64	-1,94	-2,15	-2,09	-1,78	-1,33	-1,44	-1,62	-1,79
ΔH	0,17	0,09	0,18	0,17	0,31	0,43	0,33	0,50	0,33	0,42	0,20	0,30

Mức nước trung bình năm -1,58

Mức nước lớn nhất trong năm -1,00 Ngày: 30/09/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm -2,15 Ngày: 06/06/2023

Biên độ dao động năm 1,15

5. Công trình: Q.213

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-3,71	-3,82	-3,86	-4,10	-4,18	-4,39	-4,34	-4,38	-4,32	-4,21	-4,24	-4,19
2	-3,72	-3,79	-3,86	-4,09	-4,19	-4,41	-4,34	-4,38	-4,33	-4,25	-4,25	-4,20
3	-3,71	-3,78	-3,85	-4,10	-4,19	-4,43	-4,35	-4,38	-4,34	-4,25	-4,27	-4,19
4	-3,71	-3,79	-3,84	-4,10	-4,19	-4,43	-4,36	-4,36	-4,37	-4,26	-4,30	-4,19
5	-3,70	-3,81	-3,82	-4,11	-4,18	-4,42	-4,35	-4,35	-4,41	-4,29	-4,31	-4,20
6	-3,71	-3,85	-3,84	-4,14	-4,20	-4,41	-4,33	-4,33	-4,35	-4,30	-4,31	-4,16
7	-3,76	-3,79	-3,86	-4,17	-4,23	-4,42	-4,35	-4,33	-4,29	-4,30	-4,26	-4,16
8	-3,79	-3,79	-3,87	-4,18	-4,25	-4,42	-4,36	-4,37	-4,26	-4,27	-4,28	-4,17
9	-3,78	-3,77	-3,88	-4,17	-4,25	-4,40	-4,35	-4,39	-4,26	-4,25	-4,24	-4,16
10	-3,77	-3,80	-3,88	-4,14	-4,24	-4,40	-4,35	-4,39	-4,26	-4,23	-4,19	-4,17
11	-3,80	-3,82	-3,90	-4,13	-4,25	-4,42	-4,37	-4,38	-4,26	-4,21	-4,17	-4,18
12	-3,83	-3,81	-3,92	-4,13	-4,27	-4,42	-4,37	-4,35	-4,26	-4,19	-4,15	-4,21
13	-3,86	-3,80	-3,91	-4,13	-4,27	-4,42	-4,37	-4,35	-4,35	-4,19	-4,13	-4,23
14	-3,87	-3,76	-3,95	-4,12	-4,27	-4,41	-4,36	-4,36	-4,33	-4,22	-4,15	-4,24
15	-3,80	-3,74	-3,94	-4,13	-4,26	-4,41	-4,34	-4,37	-4,31	-4,27	-4,18	-4,25
16	-3,77	-3,75	-3,94	-4,14	-4,26	-4,41	-4,34	-4,37	-4,30	-4,29	-4,12	-4,19
17	-3,77	-3,77	-3,97	-4,15	-4,27	-4,43	-4,35	-4,37	-4,29	-4,30	-4,14	-4,13
18	-3,80	-3,79	-3,99	-4,15	-4,30	-4,41	-4,35	-4,42	-4,30	-4,32	-4,17	-4,14
19	-3,82	-3,78	-3,99	-4,15	-4,32	-4,40	-4,36	-4,47	-4,30	-4,30	-4,19	-4,15
20	-3,80	-3,78	-4,01	-4,15	-4,33	-4,41	-4,34	-4,42	-4,29	-4,25	-4,20	-4,16
21	-3,82	-3,79	-4,05	-4,16	-4,34	-4,40	-4,32	-4,37	-4,24	-4,24	-4,20	-4,16
22	-3,83	-3,80	-4,07	-4,18	-4,35	-4,40	-4,35	-4,35	-4,25	-4,27	-4,22	-4,14
23	-3,79	-3,76	-4,04	-4,19	-4,36	-4,40	-4,37	-4,34	-4,26	-4,32	-4,23	-4,14
24	-3,70	-3,75	-4,12	-4,21	-4,36	-4,37	-4,39	-4,33	-4,26	-4,34	-4,27	-4,15
25	-3,74	-3,80	-4,13	-4,23	-4,34	-4,31	-4,40	-4,35	-4,25	-4,33	-4,24	-4,18
26	-3,73	-3,80	-4,12	-4,22	-4,33	-4,30	-4,41	-4,35	-4,25	-4,35	-4,20	-4,19
27	-3,66	-3,85	-4,12	-4,22	-4,34	-4,31	-4,40	-4,35	-4,24	-4,36	-4,17	-4,19
28	-3,67	-3,86	-4,14	-4,22	-4,35	-4,31	-4,38	-4,38	-4,20	-4,33	-4,19	-4,22
29	-3,69		-4,12	-4,20	-4,37	-4,33	-4,40	-4,37	-4,19	-4,28	-4,20	-4,25
30	-3,74		-4,11	-4,19	-4,37	-4,35	-4,40	-4,38	-4,20	-4,26	-4,20	-4,26
31	-3,80		-4,11		-4,38		-4,39	-4,30		-4,23		-4,24
T.Bình	-3,76	-3,79	-3,97	-4,16	-4,28	-4,39	-4,36	-4,37	-4,28	-4,27	-4,21	-4,19
Max	-3,62	-3,69	-3,76	-4,08	-4,16	-4,29	-4,29	-4,23	-4,14	-4,13	-4,06	-4,08
Min	-3,91	-3,92	-4,15	-4,24	-4,41	-4,45	-4,44	-4,49	-4,45	-4,41	-4,34	-4,30
ΔH	0,29	0,23	0,39	0,16	0,25	0,16	0,15	0,26	0,31	0,28	0,28	0,22

Mực nước trung bình năm -4,17

Mực nước lớn nhất trong năm -3,62 Ngày: 28/01/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm -4,49 Ngày: 19/08/2023

Biên độ dao động năm 0,87

6. Công trình: Q.214

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-4,20									
2												
3					-4,47	-4,29	-4,54	-4,60	-3,81	-3,93		
4												
5												
6	-3,72	-4,13	-4,23	-4,33	-4,52	-4,23	-4,58	-4,61	-3,87	-3,87	-3,96	-4,19
7												
8												
9					-4,52	-4,38	-4,61	-4,53	-3,92	-3,82		
10												
11												
12	-3,79	-4,10	-4,24	-4,38	-4,47	-4,46	-4,63	-4,44	-3,90	-3,78	-3,98	-4,27
13												
14												
15					-4,44	-4,61	-4,56	-4,31	-3,82	-3,75		
16												
17												
18	-3,82	-4,13	-4,26	-4,39	-4,43	-4,73	-4,51	-4,19	-3,76	-3,82	-4,01	-4,29
19												
20												
21					-4,43	-4,62	-4,45	-4,08	-3,77	-3,87		
22												
23												
24	-3,77	-4,23	-4,26	-4,42	-4,38	-4,48	-4,48	-3,99	-3,82	-3,95	-4,10	-4,31
25												
26												
27					-4,36	-4,46	-4,53	-3,91	-3,89	-3,98		
28												
29												
30	-3,96		-4,29	-4,45	-4,32	-4,52	-4,57	-3,83	-3,92	-4,02	-4,14	-4,37
31												
T.Bình	-3,81	-4,15	-4,25	-4,39	-4,43	-4,48	-4,55	-4,25	-3,85	-3,88	-4,04	-4,29
Max	-3,72	-4,10	-4,20	-4,33	-4,32	-4,23	-4,45	-3,83	-3,76	-3,75	-3,96	-4,19
Min	-3,96	-4,23	-4,29	-4,45	-4,52	-4,73	-4,63	-4,61	-3,92	-4,02	-4,14	-4,37
ΔH	0,24	0,13	0,09	0,12	0,20	0,50	0,18	0,78	0,16	0,27	0,18	0,18

Mức nước trung bình năm: -4,21

Mức nước lớn nhất trong năm: -3,72 Ngày: 06/01/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -4,73 Ngày: 18/06/2023

Biên độ dao động năm: 1,01

7. Công trình: Q.215

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-9,78	-9,45	-9,87	-10,44	-10,41	-10,68	-10,26	-10,10	-9,87	-9,92	-9,93	-9,41
2	-9,72	-9,45	-9,96	-10,41	-10,38	-10,67	-10,25	-10,08	-9,84	-9,93	-9,96	-9,44
3	-9,69	-9,47	-10,01	-10,39	-10,32	-10,65	-10,24	-10,11	-9,80	-9,92	-9,99	-9,46
4	-9,69	-9,52	-10,03	-10,39	-10,25	-10,62	-10,23	-10,10	-9,76	-9,91	-10,01	-9,46
5	-9,69	-9,53	-10,02	-10,39	-10,22	-10,58	-10,22	-10,07	-9,75	-9,94	-10,01	-9,48
6	-9,69	-9,52	-10,04	-10,42	-10,23	-10,56	-10,22	-10,07	-9,79	-9,93	-10,02	-9,46
7	-9,79	-9,52	-10,05	-10,47	-10,28	-10,53	-10,18	-10,07	-9,84	-9,96	-9,98	-9,44
8	-9,91	-9,52	-10,06	-10,53	-10,33	-10,51	-10,17	-10,04	-9,84	-9,92	-10,01	-9,43
9	-9,92	-9,49	-10,07	-10,56	-10,38	-10,49	-10,17	-10,02	-9,86	-9,90	-9,98	-9,43
10	-9,94	-9,51	-10,08	-10,54	-10,40	-10,48	-10,15	-10,00	-9,86	-9,88	-9,93	-9,43
11	-9,96	-9,52	-10,14	-10,54	-10,43	-10,48	-10,13	-9,97	-9,87	-9,86	-9,92	-9,43
12	-9,99	-9,49	-10,17	-10,55	-10,48	-10,47	-10,13	-9,97	-9,87	-9,86	-9,91	-9,46
13	-10,01	-9,47	-10,18	-10,55	-10,51	-10,45	-10,13	-9,95	-9,93	-9,88	-9,92	-9,48
14	-10,04	-9,42	-10,24	-10,54	-10,53	-10,43	-10,13	-9,93	-9,89	-9,93	-9,93	-9,50
15	-10,00	-9,42	-10,23	-10,55	-10,52	-10,41	-10,13	-9,93	-9,82	-9,98	-9,95	-9,52
16	-10,02	-9,47	-10,24	-10,55	-10,51	-10,39	-10,12	-9,95	-9,78	-10,01	-9,87	-9,47
17	-10,13	-9,55	-10,28	-10,53	-10,50	-10,39	-10,10	-9,95	-9,75	-10,01	-9,87	-9,40
18	-10,17	-9,61	-10,30	-10,52	-10,51	-10,39	-10,09	-9,93	-9,73	-10,02	-9,87	-9,41
19	-10,19	-9,61	-10,31	-10,46	-10,53	-10,38	-10,12	-9,94	-9,74	-10,01	-9,87	-9,42
20	-10,18	-9,63	-10,32	-10,37	-10,55	-10,36	-10,10	-9,94	-9,77	-9,94	-9,84	-9,41
21	-10,14	-9,66	-10,35	-10,32	-10,57	-10,33	-10,09	-9,94	-9,77	-9,92	-9,80	-9,40
22	-10,08	-9,70	-10,35	-10,31	-10,58	-10,34	-10,11	-9,93	-9,82	-9,95	-9,77	-9,39
23	-10,01	-9,74	-10,31	-10,32	-10,61	-10,35	-10,15	-9,92	-9,86	-9,99	-9,75	-9,40
24	-9,92	-9,74	-10,39	-10,32	-10,64	-10,37	-10,14	-9,92	-9,85	-9,98	-9,76	-9,40
25	-9,59	-9,72	-10,41	-10,33	-10,68	-10,37	-10,14	-9,93	-9,82	-9,92	-9,71	-9,39
26	-9,48	-9,74	-10,44	-10,33	-10,70	-10,34	-10,13	-9,90	-9,84	-9,93	-9,63	-9,39
27	-9,31	-9,80	-10,46	-10,31	-10,70	-10,32	-10,12	-9,89	-9,86	-9,95	-9,55	-9,37
28	-9,25	-9,83	-10,46	-10,29	-10,69	-10,29	-10,11	-9,85	-9,86	-9,94	-9,51	-9,31
29	-9,24		-10,46	-10,29	-10,69	-10,29	-10,12	-9,86	-9,92	-9,93	-9,46	-9,28
30	-9,29		-10,46	-10,37	-10,68	-10,29	-10,11	-9,87	-9,92	-9,91	-9,43	-9,24
31	-9,38		-10,45		-10,68		-10,11	-9,88		-9,90		-9,20
T.Bình	-9,81	-9,58	-10,23	-10,43	-10,50	-10,44	-10,15	-9,97	-9,83	-9,94	-9,84	-9,41
Max	-9,19	-9,38	-9,84	-10,25	-10,18	-10,27	-10,06	-9,83	-9,68	-9,83	-9,38	-9,16
Min	-10,22	-9,86	-10,48	-10,58	-10,71	-10,70	-10,28	-10,13	-9,98	-10,06	-10,05	-9,55
ΔH	1,03	0,48	0,64	0,33	0,53	0,43	0,22	0,30	0,30	0,23	0,67	0,39

Mức nước trung bình năm: -10,01

Mức nước lớn nhất trong năm: -9,16

Ngày: 31/12/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -10,71

Ngày: 26/05/2023

Biên độ dao động năm: 1,55

8. Công trình: Q.216

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-3,55									
2												
3					-3,67	-3,72	-3,69	-3,47	-3,40	-3,43		
4												
5												
6	-3,45	-3,53	-3,53	-3,60	-3,71	-3,74	-3,67	-3,46	-3,39	-3,47	-3,56	-3,68
7												
8												
9					-3,73	-3,70	-3,67	-3,44	-3,37	-3,45		
10												
11												
12	-3,47	-3,37	-3,51	-3,62	-3,76	-3,71	-3,65	-3,46	-3,39	-3,52	-3,50	-3,71
13												
14												
15					-3,78	-3,69	-3,63	-3,45	-3,36	-3,59		
16												
17												
18	-3,50	-3,30	-3,50	-3,59	-3,79	-3,70	-3,62	-3,43	-3,34	-3,57	-3,55	-3,74
19												
20												
21					-3,81	-3,72	-3,59	-3,44	-3,37	-3,60		
22												
23												
24	-3,56	-3,25	-3,52	-3,63	-3,79	-3,74	-3,58	-3,46	-3,39	-3,62	-3,62	-4,24
25												
26												
27					-3,76	-3,73	-3,53	-3,45	-3,36	-3,63		
28												
29												
30	-3,58		-3,57	-3,63	-3,75	-3,70	-3,49	-3,43	-3,40	-3,59	-3,66	-3,65
31												
T.Bình	-3,51	-3,36	-3,53	-3,61	-3,75	-3,71	-3,61	-3,45	-3,38	-3,55	-3,58	-3,80
Max	-3,45	-3,25	-3,50	-3,59	-3,67	-3,69	-3,49	-3,43	-3,34	-3,43	-3,50	-3,65
Min	-3,58	-3,53	-3,57	-3,63	-3,81	-3,74	-3,69	-3,47	-3,40	-3,63	-3,66	-4,24
ΔH	0,13	0,28	0,07	0,04	0,14	0,05	0,20	0,04	0,06	0,20	0,16	0,59

Mức nước trung bình năm: -3,57

Mức nước lớn nhất trong năm: -3,25

Ngày: 24/02/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -4,24

Ngày: 24/12/2023

Biên độ dao động năm: 0,99

III.2. Vùng ảnh hưởng triều
III.2.a. Mục nước bình quân ngày
1. Công trình: Q.109b

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	-14,30	-14,55	-13,78	-14,13	-14,34	-15,11	-15,42	-15,89	-15,63	-15,41	-15,42	-15,48
2	-14,31	-14,49	-13,78	-14,20	-14,38	-15,20	-15,49	-15,84	-15,63	-15,45	-15,43	-15,46
3	-14,27	-14,44	-13,79	-14,29	-14,43	-15,28	-15,55	-15,79	-15,61	-15,46	-15,46	-15,44
4	-14,25	-14,42	-13,84	-14,32	-14,54	-15,31	-15,61	-15,75	-15,57	-15,47	-15,50	-15,43
5	-14,21	-14,42	-13,78	-14,31	-14,59	-15,39	-15,65	-15,75	-15,57	-15,45	-15,53	-15,43
6	-14,19	-14,46	-13,82	-14,28	-14,47	-15,41	-15,69	-15,76	-15,58	-15,46	-15,57	-15,38
7	-14,24	-14,37	-13,83	-14,22	-14,52	-15,40	-15,72	-15,77	-15,61	-15,55	-15,54	-15,35
8	-14,24	-14,36	-13,85	-14,15	-14,53	-15,43	-15,77	-15,75	-15,62	-15,51	-15,55	-15,35
9	-14,21	-14,32	-13,88	-14,11	-14,46	-15,35	-15,79	-15,73	-15,58	-15,51	-15,54	-15,36
10	-14,16	-14,33	-13,90	-14,09	-14,44	-15,31	-15,82	-15,76	-15,58	-15,49	-15,51	-15,39
11	-14,15	-14,35	-13,95	-14,16	-14,41	-15,35	-15,86	-15,75	-15,59	-15,44	-15,51	-15,41
12	-14,18	-14,34	-13,98	-14,19	-14,35	-15,30	-15,91	-15,72	-15,55	-15,41	-15,50	-15,42
13	-14,26	-14,34	-13,99	-14,15	-14,35	-15,30	-15,94	-15,73	-15,64	-15,39	-15,45	-15,44
14	-14,36	-14,27	-14,02	-14,12	-14,33	-15,26	-15,97	-15,74	-15,62	-15,43	-15,41	-15,45
15	-14,33	-14,21	-14,01	-14,08	-14,36	-15,24	-15,96	-15,70	-15,53	-15,49	-15,43	-15,45
16	-14,28	-14,17	-14,00	-14,13	-14,42	-15,25	-15,99	-15,70	-15,48	-15,53	-15,35	-15,36
17	-14,27	-14,18	-14,03	-14,20	-14,43	-15,26	-16,03	-15,72	-15,50	-15,54	-15,34	-15,24
18	-14,32	-14,23	-14,07	-14,20	-14,46	-15,26	-16,04	-15,77	-15,52	-15,55	-15,40	-15,23
19	-14,40	-14,23	-14,10	-14,24	-14,57	-15,27	-15,97	-15,76	-15,53	-15,55	-15,44	-15,22
20	-14,44	-14,25	-14,13	-14,27	-14,65	-15,29	-15,87	-15,71	-15,54	-15,50	-15,49	-15,20
21	-14,57	-14,22	-14,15	-14,28	-14,67	-15,35	-15,83	-15,70	-15,49	-15,49	-15,51	-15,19
22	-14,68	-14,19	-14,21	-14,31	-14,73	-15,39	-15,82	-15,68	-15,51	-15,50	-15,54	-15,15
23	-14,59	-14,20	-14,25	-14,29	-14,79	-15,39	-15,84	-15,61	-15,54	-15,52	-15,54	-15,16
24	-14,47	-14,17	-14,34	-14,30	-14,79	-15,34	-15,86	-15,64	-15,55	-15,50	-15,59	-15,31
25	-14,51	-14,10	-14,32	-14,32	-14,80	-15,29	-15,89	-15,62	-15,53	-15,53	-15,56	-15,24
26	-14,53	-14,12	-14,26	-14,28	-14,83	-15,26	-15,93	-15,61	-15,46	-15,54	-15,52	-15,25
27	-14,46	-14,04	-14,17	-14,31	-14,87	-15,26	-15,96	-15,62	-15,39	-15,56	-15,50	-15,29
28	-14,43	-13,77	-14,14	-14,33	-14,92	-15,27	-15,98	-15,63	-15,33	-15,58	-15,52	-15,33
29	-14,46		-14,14	-14,30	-14,96	-15,30	-15,98	-15,61	-15,34	-15,52	-15,54	-15,36
30	-14,50		-14,12	-14,29	-15,00	-15,36	-15,97	-15,62	-15,37	-15,44	-15,52	-15,37
31	-14,56		-14,10		-15,05		-15,94	-15,63		-15,41		-15,36
T.Bình	-14,36	-14,27	-14,02	-14,23	-14,59	-15,31	-15,84	-15,71	-15,53	-15,49	-15,49	-15,34
Max	-14,08	-13,68	-13,64	-13,98	-14,22	-15,04	-15,38	-15,56	-15,27	-15,30	-15,24	-15,06
Min	-14,83	-14,62	-14,39	-14,39	-15,14	-15,52	-16,08	-15,95	-15,68	-15,63	-15,63	-15,57
ΔH	0,75	0,94	0,75	0,41	0,92	0,48	0,70	0,39	0,41	0,33	0,39	0,51

Mức nước trung bình năm: -15,02

Mức nước lớn nhất trong năm: -13,64 Ngày: 05/03/2023

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -16,08 Ngày: 17/07/2023

Biên độ dao động năm: 2,44

III.2.b. Mục nước thực đo theo giờ

1. Công trình: Q.109b

• Mục nước giờ tháng 11

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-14,57	-14,53	-14,48	-14,46	-14,48	-14,52	-14,57	-14,60	-14,61	-14,61	-14,62	-14,59	0,16
2	-14,55	-14,49	-14,42	-14,39	-14,41	-14,44	-14,51	-14,54	-14,54	-14,55	-14,55	-14,53	0,16
3	-14,50	-14,45	-14,39	-14,34	-14,35	-14,38	-14,44	-14,46	-14,47	-14,48	-14,50	-14,50	0,16
4	-14,46	-14,42	-14,35	-14,30	-14,31	-14,35	-14,42	-14,45	-14,47	-14,48	-14,49	-14,50	0,20
5	-14,47	-14,42	-14,36	-14,31	-14,32	-14,37	-14,40	-14,44	-14,46	-14,46	-14,49	-14,49	0,18
6	-14,49	-14,50	-14,45	-14,43	-14,44	-14,47	-14,48	-14,42	-14,43	-14,45	-14,46	-14,47	0,08
7	-14,44	-14,39	-14,33	-14,27	-14,26	-14,30	-14,35	-14,38	-14,39	-14,41	-14,43	-14,43	0,18
8	-14,42	-14,39	-14,32	-14,28	-14,28	-14,30	-14,35	-14,37	-14,38	-14,39	-14,39	-14,42	0,14
9	-14,40	-14,36	-14,29	-14,25	-14,24	-14,26	-14,30	-14,31	-14,33	-14,35	-14,37	-14,38	0,16
10	-14,38	-14,36	-14,30	-14,26	-14,27	-14,29	-14,33	-14,34	-14,35	-14,36	-14,38	-14,39	0,13
11	-14,39	-14,37	-14,32	-14,30	-14,29	-14,32	-14,35	-14,38	-14,38	-14,38	-14,39	-14,39	0,10
12	-14,39	-14,36	-14,31	-14,28	-14,29	-14,32	-14,38	-14,38	-14,33	-14,31	-14,33	-14,35	0,11
13	-14,35	-14,33	-14,29	-14,27	-14,28	-14,33	-14,38	-14,39	-14,37	-14,36	-14,35	-14,35	0,12
14	-14,33	-14,30	-14,25	-14,21	-14,21	-14,24	-14,29	-14,31	-14,30	-14,29	-14,27	-14,24	0,12
15	-14,22	-14,19	-14,16	-14,12	-14,14	-14,18	-14,29	-14,26	-14,27	-14,24	-14,22	-14,20	0,17
16	-14,17	-14,13	-14,09	-14,07	-14,09	-14,14	-14,19	-14,23	-14,25	-14,24	-14,23	-14,22	0,18
17	-14,18	-14,15	-14,10	-14,08	-14,10	-14,14	-14,20	-14,24	-14,25	-14,27	-14,26	-14,24	0,19
18	-14,20	-14,15	-14,12	-14,09	-14,13	-14,19	-14,27	-14,31	-14,33	-14,33	-14,32	-14,31	0,24
19	-14,26	-14,22	-14,16	-14,11	-14,12	-14,17	-14,24	-14,27	-14,29	-14,31	-14,31	-14,31	0,20
20	-14,28	-14,23	-14,17	-14,13	-14,14	-14,19	-14,27	-14,29	-14,31	-14,31	-14,32	-14,33	0,20
21	-14,30	-14,25	-14,18	-14,13	-14,13	-14,15	-14,20	-14,22	-14,23	-14,25	-14,27	-14,29	0,17
22	-14,27	-14,22	-14,15	-14,11	-14,11	-14,13	-14,18	-14,19	-14,21	-14,23	-14,24	-14,26	0,16
23	-14,26	-14,22	-14,16	-14,12	-14,12	-14,15	-14,19	-14,20	-14,21	-14,22	-14,24	-14,26	0,14
24	-14,25	-14,22	-14,17	-14,12	-14,12	-14,15	-14,19	-14,18	-14,14	-14,15	-14,14	-14,14	0,13
25	-14,14	-14,12	-14,07	-14,03	-14,04	-14,07	-14,12	-14,14	-14,11	-14,11	-14,11	-14,12	0,11
26	-14,11	-14,09	-14,04	-14,02	-14,05	-14,11	-14,18	-14,20	-14,19	-14,18	-14,15	-14,16	0,18
27	-14,15	-14,13	-14,10	-14,09	-14,12	-14,07	-14,05	-14,00	-13,97	-13,93	-13,88	-13,84	0,31
28	-13,75	-13,73	-13,70	-13,68	-13,71	-13,75	-13,81	-13,84	-13,85	-13,84	-13,83	-13,81	0,17

• **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-14,32	-14,28	-14,24	-14,23	-14,28	-14,33	-14,39	-14,41	-14,42	-14,43	-14,42	-14,40	0,20
2	-14,39	-14,34	-14,29	-14,27	-14,31	-14,35	-14,39	-14,41	-14,43	-14,44	-14,45	-14,44	0,18
3	-14,43	-14,38	-14,33	-14,33	-14,36	-14,38	-14,43	-14,45	-14,46	-14,51	-14,54	-14,56	0,23
4	-14,55	-14,51	-14,47	-14,46	-14,50	-14,52	-14,55	-14,56	-14,58	-14,59	-14,61	-14,63	0,17
5	-14,62	-14,60	-14,55	-14,55	-14,58	-14,60	-14,63	-14,62	-14,63	-14,59	-14,57	-14,53	0,10
6	-14,47	-14,45	-14,43	-14,46	-14,47	-14,49	-14,49	-14,45	-14,44	-14,46	-14,50	-14,51	0,08
7	-14,50	-14,48	-14,46	-14,49	-14,53	-14,57	-14,56	-14,52	-14,51	-14,50	-14,52	-14,53	0,11
8	-14,51	-14,50	-14,53	-14,52	-14,54	-14,56	-14,59	-14,57	-14,53	-14,50	-14,48	-14,48	0,11
9	-14,47	-14,45	-14,41	-14,41	-14,45	-14,47	-14,51	-14,51	-14,48	-14,45	-14,43	-14,43	0,10
10	-14,43	-14,40	-14,37	-14,38	-14,42	-14,46	-14,51	-14,52	-14,48	-14,44	-14,42	-14,40	0,15
11	-14,39	-14,38	-14,35	-14,35	-14,37	-14,41	-14,48	-14,48	-14,46	-14,43	-14,40	-14,38	0,13
12	-14,35	-14,33	-14,28	-14,27	-14,29	-14,33	-14,38	-14,41	-14,42	-14,40	-14,38	-14,36	0,15
13	-14,34	-14,31	-14,28	-14,29	-14,32	-14,35	-14,39	-14,40	-14,40	-14,38	-14,35	-14,34	0,12
14	-14,32	-14,28	-14,24	-14,24	-14,28	-14,33	-14,37	-14,38	-14,40	-14,39	-14,38	-14,36	0,16
15	-14,34	-14,31	-14,27	-14,26	-14,28	-14,33	-14,39	-14,41	-14,44	-14,44	-14,44	-14,42	0,18
16	-14,40	-14,37	-14,32	-14,32	-14,34	-14,39	-14,43	-14,45	-14,47	-14,50	-14,52	-14,52	0,20
17	-14,50	-14,45	-14,39	-14,39	-14,36	-14,38	-14,40	-14,38	-14,40	-14,47	-14,51	-14,50	0,15
18	-14,47	-14,44	-14,42	-14,44	-14,47	-14,48	-14,48	-14,46	-14,43	-14,41	-14,51	-14,55	0,14
19	-14,52	-14,50	-14,49	-14,55	-14,60	-14,62	-14,60	-14,57	-14,56	-14,60	-14,65	-14,65	0,16
20	-14,63	-14,61	-14,59	-14,63	-14,68	-14,69	-14,72	-14,67	-14,62	-14,65	-14,68	-14,69	0,13
21	-14,66	-14,64	-14,62	-14,65	-14,68	-14,71	-14,71	-14,68	-14,67	-14,68	-14,69	-14,68	0,09
22	-14,67	-14,65	-14,64	-14,68	-14,73	-14,76	-14,78	-14,76	-14,73	-14,75	-14,79	-14,78	0,15
23	-14,76	-14,75	-14,73	-14,77	-14,81	-14,83	-14,84	-14,82	-14,80	-14,79	-14,80	-14,79	0,11
24	-14,76	-14,74	-14,73	-14,75	-14,79	-14,81	-14,83	-14,81	-14,80	-14,81	-14,82	-14,80	0,10
25	-14,78	-14,75	-14,74	-14,76	-14,80	-14,82	-14,83	-14,83	-14,81	-14,82	-14,84	-14,82	0,10
26	-14,78	-14,76	-14,75	-14,78	-14,82	-14,85	-14,87	-14,87	-14,87	-14,88	-14,89	-14,86	0,14
27	-14,83	-14,80	-14,78	-14,82	-14,86	-14,89	-14,91	-14,91	-14,91	-14,93	-14,94	-14,92	0,16
28	-14,89	-14,85	-14,83	-14,84	-14,89	-14,93	-14,94	-14,94	-14,98	-14,98	-14,98	-14,96	0,15
29	-14,92	-14,89	-14,86	-14,89	-14,95	-14,97	-14,98	-14,98	-14,98	-15,00	-15,04	-15,01	0,18
30	-14,98	-14,94	-14,92	-14,94	-14,98	-15,00	-15,00	-15,00	-15,01	-15,04	-15,08	-15,07	0,16
31	-15,03	-15,00	-14,97	-15,00	-15,03	-15,05	-15,05	-15,04	-15,05	-15,09	-15,14	-15,13	0,17

• **Mực nước giờ tháng 8**

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-15,91	-15,90	-15,90	-15,91	-15,95	-15,94	-15,92	-15,87	-15,83	-15,84	-15,86	-15,85	0,12
2	-15,84	-15,83	-15,82	-15,84	-15,88	-15,90	-15,89	-15,84	-15,80	-15,80	-15,80	-15,80	0,10
3	-15,78	-15,77	-15,77	-15,79	-15,82	-15,84	-15,85	-15,80	-15,77	-15,75	-15,75	-15,73	0,12
4	-15,72	-15,71	-15,70	-15,72	-15,76	-15,79	-15,80	-15,79	-15,77	-15,76	-15,77	-15,75	0,10
5	-15,73	-15,71	-15,70	-15,71	-15,74	-15,77	-15,78	-15,78	-15,77	-15,77	-15,77	-15,75	0,08
6	-15,72	-15,70	-15,69	-15,70	-15,75	-15,77	-15,80	-15,79	-15,79	-15,81	-15,81	-15,79	0,12
7	-15,76	-15,73	-15,71	-15,72	-15,75	-15,77	-15,79	-15,79	-15,79	-15,80	-15,80	-15,79	0,09
8	-15,76	-15,73	-15,71	-15,72	-15,74	-15,75	-15,75	-15,74	-15,75	-15,77	-15,78	-15,78	0,07
9	-15,77	-15,74	-15,72	-15,69	-15,65	-15,67	-15,72	-15,72	-15,73	-15,77	-15,80	-15,79	0,15
10	-15,77	-15,75	-15,74	-15,75	-15,76	-15,76	-15,76	-15,74	-15,75	-15,78	-15,81	-15,81	0,07
11	-15,78	-15,76	-15,75	-15,76	-15,77	-15,77	-15,76	-15,73	-15,72	-15,73	-15,75	-15,75	0,06
12	-15,73	-15,72	-15,70	-15,72	-15,73	-15,73	-15,71	-15,69	-15,69	-15,72	-15,73	-15,73	0,04
13	-15,72	-15,70	-15,69	-15,71	-15,73	-15,75	-15,74	-15,71	-15,71	-15,74	-15,76	-15,76	0,07
14	-15,75	-15,72	-15,72	-15,74	-15,78	-15,79	-15,77	-15,72	-15,69	-15,71	-15,74	-15,72	0,10
15	-15,71	-15,69	-15,68	-15,70	-15,73	-15,74	-15,74	-15,69	-15,68	-15,69	-15,70	-15,69	0,06
16	-15,68	-15,66	-15,65	-15,67	-15,72	-15,74	-15,75	-15,70	-15,68	-15,68	-15,72	-15,72	0,10
17	-15,70	-15,68	-15,67	-15,69	-15,73	-15,75	-15,76	-15,74	-15,71	-15,73	-15,77	-15,77	0,10
18	-15,74	-15,72	-15,70	-15,73	-15,76	-15,78	-15,79	-15,77	-15,76	-15,79	-15,83	-15,82	0,13
19	-15,80	-15,76	-15,75	-15,74	-15,74	-15,76	-15,77	-15,76	-15,74	-15,74	-15,75	-15,74	0,06
20	-15,72	-15,69	-15,67	-15,68	-15,69	-15,72	-15,74	-15,72	-15,72	-15,73	-15,73	-15,71	0,07
21	-15,71	-15,70	-15,69	-15,73	-15,70	-15,69	-15,67	-15,68	-15,67	-15,70	-15,72	-15,72	0,06
22	-15,76	-15,68	-15,65	-15,66	-15,69	-15,65	-15,66	-15,66	-15,67	-15,69	-15,68	-15,68	0,11
23	-15,65	-15,62	-15,58	-15,59	-15,62	-15,63	-15,64	-15,65	-15,60	-15,58	-15,57	-15,57	0,08
24	-15,58	-15,60	-15,64	-15,65	-15,64	-15,63	-15,66	-15,66	-15,67	-15,70	-15,68	-15,68	0,12
25	-15,67	-15,65	-15,62	-15,61	-15,60	-15,59	-15,59	-15,57	-15,58	-15,61	-15,65	-15,66	0,10
26	-15,65	-15,62	-15,60	-15,60	-15,61	-15,60	-15,58	-15,57	-15,57	-15,60	-15,63	-15,64	0,08
27	-15,63	-15,61	-15,59	-15,61	-15,62	-15,63	-15,60	-15,58	-15,58	-15,63	-15,67	-15,68	0,10
28	-15,66	-15,64	-15,63	-15,64	-15,65	-15,64	-15,62	-15,59	-15,57	-15,59	-15,63	-15,63	0,09
29	-15,62	-15,61	-15,60	-15,62	-15,65	-15,65	-15,62	-15,58	-15,56	-15,58	-15,62	-15,63	0,09
30	-15,61	-15,59	-15,58	-15,61	-15,65	-15,67	-15,65	-15,61	-15,60	-15,62	-15,65	-15,65	0,09
31	-15,65	-15,63	-15,61	-15,64	-15,68	-15,65	-15,64	-15,61	-15,59	-15,61	-15,63	-15,63	0,09

• **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-15,49	-15,43	-15,36	-15,32	-15,32	-15,36	-15,42	-15,44	-15,46	-15,46	-15,48	-15,50	0,18
2	-15,50	-15,45	-15,38	-15,35	-15,35	-15,38	-15,43	-15,44	-15,44	-15,45	-15,48	-15,51	0,16
3	-15,51	-15,48	-15,41	-15,39	-15,39	-15,42	-15,45	-15,46	-15,46	-15,49	-15,53	-15,55	0,16
4	-15,55	-15,53	-15,47	-15,43	-15,43	-15,44	-15,48	-15,49	-15,50	-15,51	-15,55	-15,57	0,14
5	-15,57	-15,55	-15,50	-15,46	-15,45	-15,48	-15,52	-15,53	-15,54	-15,55	-15,57	-15,62	0,17
6	-15,61	-15,59	-15,57	-15,58	-15,57	-15,58	-15,56	-15,55	-15,54	-15,55	-15,58	-15,60	0,07
7	-15,60	-15,58	-15,54	-15,51	-15,49	-15,51	-15,53	-15,52	-15,51	-15,53	-15,54	-15,56	0,11
8	-15,57	-15,56	-15,53	-15,51	-15,52	-15,53	-15,56	-15,56	-15,55	-15,57	-15,60	-15,60	0,09
9	-15,60	-15,58	-15,54	-15,51	-15,51	-15,52	-15,54	-15,53	-15,52	-15,53	-15,55	-15,55	0,09
10	-15,55	-15,52	-15,47	-15,46	-15,47	-15,49	-15,52	-15,52	-15,51	-15,53	-15,54	-15,55	0,09
11	-15,54	-15,51	-15,47	-15,45	-15,46	-15,49	-15,52	-15,52	-15,51	-15,53	-15,54	-15,54	0,09
12	-15,52	-15,48	-15,43	-15,41	-15,43	-15,48	-15,53	-15,54	-15,54	-15,55	-15,56	-15,56	0,15
13	-15,54	-15,48	-15,43	-15,39	-15,39	-15,44	-15,44	-15,46	-15,43	-15,45	-15,48	-15,47	0,15
14	-15,44	-15,40	-15,35	-15,31	-15,32	-15,35	-15,42	-15,44	-15,44	-15,45	-15,48	-15,50	0,19
15	-15,48	-15,44	-15,37	-15,35	-15,35	-15,39	-15,43	-15,46	-15,45	-15,48	-15,50	-15,50	0,15
16	-15,48	-15,42	-15,33	-15,28	-15,26	-15,28	-15,32	-15,34	-15,33	-15,34	-15,37	-15,39	0,22
17	-15,39	-15,35	-15,29	-15,24	-15,25	-15,28	-15,33	-15,35	-15,38	-15,39	-15,42	-15,44	0,20
18	-15,44	-15,40	-15,34	-15,30	-15,31	-15,35	-15,40	-15,42	-15,44	-15,44	-15,47	-15,48	0,18
19	-15,48	-15,46	-15,40	-15,36	-15,35	-15,39	-15,43	-15,45	-15,46	-15,49	-15,51	-15,53	0,18
20	-15,54	-15,52	-15,46	-15,42	-15,43	-15,45	-15,47	-15,48	-15,48	-15,51	-15,53	-15,55	0,13
21	-15,55	-15,54	-15,49	-15,46	-15,45	-15,47	-15,51	-15,51	-15,52	-15,53	-15,55	-15,59	0,14
22	-15,58	-15,57	-15,52	-15,49	-15,49	-15,52	-15,54	-15,54	-15,53	-15,54	-15,56	-15,59	0,10
23	-15,59	-15,58	-15,52	-15,51	-15,50	-15,52	-15,54	-15,54	-15,53	-15,52	-15,56	-15,57	0,09
24	-15,57	-15,54	-15,51	-15,59	-15,61	-15,62	-15,63	-15,61	-15,57	-15,58	-15,60	-15,61	0,12
25	-15,59	-15,56	-15,52	-15,50	-15,52	-15,54	-15,59	-15,60	-15,59	-15,58	-15,59	-15,58	0,10
26	-15,55	-15,51	-15,46	-15,43	-15,44	-15,49	-15,54	-15,55	-15,56	-15,58	-15,59	-15,57	0,16
27	-15,53	-15,47	-15,41	-15,39	-15,41	-15,46	-15,52	-15,54	-15,55	-15,57	-15,59	-15,59	0,20
28	-15,56	-15,50	-15,43	-15,40	-15,42	-15,47	-15,52	-15,54	-15,56	-15,58	-15,61	-15,61	0,21
29	-15,60	-15,55	-15,48	-15,45	-15,45	-15,49	-15,54	-15,56	-15,56	-15,58	-15,61	-15,62	0,17
30	-15,61	-15,56	-15,49	-15,45	-15,45	-15,47	-15,52	-15,54	-15,53	-15,54	-15,55	-15,57	0,16

IV. Tầng chứa nước khe nứt trong các trầm tích lục nguyên Triat giữa trên (t₂₋₃)

IV.1. Vùng không ảnh hưởng triều

2. Công trình: Q.116b

N\T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-1,88									
2												
3					-2,89	-3,35	-2,92	-2,56	-1,01	-2,11		
4												
5												
6	-2,33	-1,89	-1,99	-2,64	-2,85	-3,43	-2,90	-2,45	-0,88	-2,32	-3,22	-3,38
7												
8												
9					-2,82	-3,31	-2,93	-2,29	-1,03	-2,40		
10												
11												
12	-2,39	-1,70	-2,15	-2,71	-2,79	-3,24	-2,91	-2,14	-1,11	-2,50	-3,25	-3,42
13												
14												
15					-2,76	-3,09	-2,94	-2,00	-1,25	-2,54		
16												
17												
18	-2,45	-1,64	-2,46	-2,73	-2,73	-3,01	-2,96	-1,83	-1,40	-2,66	-3,28	-3,45
19												
20												
21					-2,84	-2,92	-2,93	-1,71	-1,50	-2,85		
22												
23												
24	-2,27	-1,80	-2,57	-2,78	-2,88	-2,84	-2,98	-1,63	-1,52	-3,02	-3,31	-3,47
25												
26												
27					-3,11	-2,87	-2,80	-1,41	-1,61	-3,09		
28												
29												
30	-2,00		-2,61	-2,78	-3,19	-2,89	-2,71	-1,23	-1,92	-3,15	-3,35	-3,52
31												
T.Bình	-2,29	-1,76	-2,28	-2,73	-2,89	-3,10	-2,90	-1,93	-1,32	-2,66	-3,28	-3,45
Max	-2,00	-1,64	-1,88	-2,64	-2,73	-2,84	-2,71	-1,23	-0,88	-2,11	-3,22	-3,38
Min	-2,45	-1,89	-2,61	-2,78	-3,19	-3,43	-2,98	-2,56	-1,92	-3,15	-3,35	-3,52
ΔH	0,45	0,25	0,73	0,14	0,46	0,59	0,27	1,33	1,04	1,04	0,13	0,14

Mực nước trung bình năm: -2,53

Mực nước lớn nhất trong năm: -0,88

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -3,52

Biên độ dao động năm: 2,64

Ngày: 06/09/2023

Ngày: 30/12/2023

V. Tầng chứa nước khe nứt; khe nứt karst trong các trầm tích carbonat Trias giữa (t₂)

V.1. Vùng không ảnh hưởng triều

1. Công trình: Q.177b

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			0,52									
2												
3					0,47	0,33	0,54	0,72	0,88	1,10		
4												
5												
6	0,21	0,59	0,43	0,49	0,46	0,33	0,63	0,80	0,89	1,14	0,65	0,49
7												
8												
9					0,44	0,31	0,62	0,82	0,87	1,08		
10												
11												
12	0,26	0,58	0,41	0,51	0,43	0,30	0,58	0,91	0,84	1,00	0,61	0,45
13												
14												
15					0,45	0,28	0,54	0,93	0,87	0,91		
16												
17												
18	0,21	0,58	0,44	0,52	0,42	0,24	0,52	0,94	0,90	0,81	0,62	0,43
19												
20												
21					0,38	0,25	0,51	0,91	0,90	0,73		
22												
23												
24	0,28	0,56	0,48	0,53	0,37	0,26	0,52	0,88	0,89	0,65	0,59	0,40
25												
26												
27					0,36	0,36	0,59	0,87	0,98	0,63		
28												
29												
30	0,48		0,47	0,51	0,34	0,45	0,65	0,85	1,05	0,64	0,54	0,40
31												
T.Bình	0,29	0,58	0,46	0,51	0,41	0,31	0,57	0,87	0,91	0,87	0,60	0,44
Max	0,48	0,59	0,52	0,53	0,47	0,45	0,65	0,94	1,05	1,14	0,65	0,49
Min	0,21	0,56	0,41	0,49	0,34	0,24	0,51	0,72	0,84	0,63	0,54	0,40
ΔH	0,27	0,03	0,11	0,04	0,13	0,21	0,14	0,22	0,21	0,51	0,11	0,09

Mức nước trung bình năm: 0,60
Mức nước lớn nhất trong năm: 1,14
Mức nước nhỏ nhất trong năm: 0,21
Biên độ dao động năm: 0,93

Ngày: 06/10/2023

Ngày: 06/01/2023

V.2. Vùng ảnh hưởng triều

V.2.1. Mực nước bình quân ngày

1. Công trình: Q.92aM1

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-2,85									
2												
3					-2,83	-2,92	-2,93	-2,94	-2,87	-1,82		
4												
5												
6	-2,84	-2,78	-2,87	-2,86	-2,85	-2,97	-3,00	-2,80	-2,90	-2,12	-2,88	-3,01
7												
8												
9					-2,83	-3,02	-3,01	-2,86	-2,94	-2,33		
10												
11												
12	-2,81	-2,71	-2,89	-2,80	-2,81	-3,00	-3,04	-2,82	-2,87	-2,50	-2,90	-3,09
13												
14												
15					-2,78	-2,96	-3,04	-2,78	-2,81	-2,64		
16												
17												
18	-2,84	-2,76	-2,91	-2,82	-2,70	-2,93	-3,04	-2,91	-2,85	-2,69	-2,93	-3,14
19												
20												
21					-2,68	-2,95	-2,90	-2,94	-2,80	-2,73		
22												
23												
24	-2,88	-2,83	-2,91	-2,81	-2,73	-2,90	-2,94	-2,90	-2,76	-2,78	-2,96	-3,20
25												
26												
27					-2,81	-2,85	-2,95	-2,87	-2,15	-2,81		
28												
29												
30	-2,83		-2,87	-2,84	-2,86	-2,87	-3,02	-2,90	-1,38	-2,85	-2,97	-3,25
31												
T.Bình	-2,84	-2,77	-2,88	-2,83	-2,79	-2,94	-2,99	-2,87	-2,63	-2,53	-2,93	-3,14
Max	-2,81	-2,71	-2,85	-2,80	-2,68	-2,85	-2,90	-2,78	-1,38	-1,82	-2,88	-3,01
Min	-2,88	-2,83	-2,91	-2,86	-2,86	-3,02	-3,04	-2,94	-2,94	-2,85	-2,97	-3,25
ΔH	0,07	0,12	0,06	0,06	0,18	0,17	0,14	0,16	1,56	1,03	0,09	0,24

Mực nước trung bình năm: -2,83

Mực nước lớn nhất trong năm: -1,38

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -3,25

Biên độ dao động năm: 1,87

Ngày: 30/09/2023

Ngày: 30/12/2023

VI. Tầng chứa nước khe nứt; khe nứt karst trong các trầm tích carbonat Cacbon-Pecmi (c-p)

VI.1.a. Vùng không ảnh hưởng triều

1. Công trình: Q.143a

NVT	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-4,20									
2												
3					-4,30	-4,51	-4,55	-4,50	-4,32	-4,29		
4												
5												
6	-4,03	-4,09	-4,25	-4,30	-4,33	-4,48	-4,57	-4,42	-4,33	-4,27	-4,33	-4,33
7												
8												
9					-4,38	-4,54	-4,59	-4,44	-4,34	-4,30		
10												
11												
12	-4,02	-4,14	-4,24	-4,32	-4,35	-4,59	-4,54	-4,46	-4,30	-4,32	-4,30	-4,36
13												
14												
15					-4,37	-4,54	-4,56	-4,38	-4,32	-4,28		
16												
17												
18	-4,07	-4,18	-4,28	-4,26	-4,40	-4,55	-4,50	-4,40	-4,34	-4,26	-4,32	-4,38
19												
20												
21					-4,38	-4,58	-4,52	-4,41	-4,29	-4,27		
22												
23												
24	-4,09	-4,16	-4,33	-4,28	-4,40	-4,57	-4,53	-4,33	-4,31	-4,29	-4,35	-4,34
25												
26												
27					-4,44	-4,58	-4,46	-4,35	-4,33	-4,24		
28												
29												
30	-4,13		-4,27	-4,31	-4,42	-4,60	-4,48	-4,37	-4,34	-4,31	-4,31	-4,37
31												
T.Bình	-4,07	-4,14	-4,26	-4,29	-4,38	-4,55	-4,53	-4,41	-4,32	-4,28	-4,32	-4,36
Max	-4,02	-4,09	-4,20	-4,26	-4,30	-4,48	-4,46	-4,33	-4,29	-4,24	-4,30	-4,33
Min	-4,13	-4,18	-4,33	-4,32	-4,44	-4,60	-4,59	-4,50	-4,34	-4,32	-4,35	-4,38
ΔH	0,11	0,09	0,13	0,06	0,14	0,12	0,13	0,17	0,05	0,08	0,05	0,05

Mức nước trung bình năm: -4,36

Mức nước lớn nhất trong năm: -4,02

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -4,60

Biên độ dao động năm: 0,58

Ngày: 12/01/2023

Ngày: 30/06/2023

VI.1.b. Vùng ảnh hưởng triều

1. Công trình: Q.142a

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	0,12	0,09	0,00	-0,07	-0,09	-0,34	0,32	0,11	0,13	0,28	-0,13	-0,11
2	0,09	0,15	-0,05	-0,09	-0,16	-0,32	0,24	0,10	0,00	0,33	-0,21	0,05
3	0,10	0,18	-0,09	-0,12	-0,20	-0,31	0,28	0,22	0,06	0,34	-0,23	0,04
4	0,17	0,23	-0,14	-0,12	-0,20	-0,33	0,25	0,46	0,26	0,35	-0,21	-0,05
5	0,24	0,25	0,06	-0,11	-0,12	-0,32	0,18	0,54	0,23	0,31	-0,25	-0,15
6	0,21	0,23	0,01	-0,15	-0,21	-0,22	0,21	0,45	0,11	0,36	-0,19	-0,19
7	0,09	0,32	0,05	-0,16	-0,25	-0,11	0,21	0,39	0,12	0,33	-0,20	-0,35
8	0,11	0,29	0,05	-0,13	-0,13	-0,07	0,19	0,29	0,01	0,38	-0,30	-0,28
9	0,05	0,29	0,01	-0,07	0,10	-0,04	0,21	0,25	-0,05	0,35	-0,41	-0,27
10	-0,01	0,25	-0,02	0,01	0,16	-0,06	0,16	0,26	0,16	0,24	-0,37	-0,20
11	-0,01	0,19	-0,05	-0,06	0,11	-0,27	0,09	0,32	0,43	-0,02	-0,38	-0,17
12	-0,04	0,11	-0,05	-0,10	0,02	-0,25	0,07	0,40	0,21	0,09	-0,35	-0,11
13	-0,01	0,01	-0,07	-0,09	0,02	-0,25	0,15	0,47	0,19	-0,01	-0,27	-0,02
14	-0,04	0,02	-0,08	-0,08	0,07	-0,11	0,15	0,46	0,22	-0,13	-0,16	0,04
15	0,01	0,09	0,04	-0,14	0,01	-0,09	0,13	0,40	0,26	-0,20	-0,15	0,00
16	0,03	0,20	0,04	-0,22	-0,11	-0,09	0,10	0,45	-0,15	-0,13	-0,03	0,05
17	0,10	0,24	0,01	-0,24	-0,21	-0,15	0,07	0,40	-0,02	-0,07	-0,06	0,12
18	0,08	0,24	0,03	-0,13	-0,30	-0,03	0,07	0,33	-0,01	-0,06	-0,09	0,14
19	0,07	0,25	0,06	-0,19	-0,38	-0,03	0,29	0,35	0,22	-0,09	-0,14	0,12
20	0,08	0,20	0,02	-0,40	-0,37	-0,01	0,31	0,37	0,26	-0,06	-0,22	0,01
21	0,05	0,17	0,06	-0,45	-0,46	0,08	0,29	0,38	0,22	-0,13	-0,27	-0,02
22	0,18	0,24	-0,04	-0,50	-0,48	0,06	0,24	0,31	0,23	-0,17	-0,29	-0,10
23	0,29	0,21	-0,06	-0,29	-0,41	0,05	0,20	0,26	0,25	-0,11	-0,34	-0,20
24	0,33	0,21	-0,17	-0,15	-0,34	0,26	0,10	0,30	0,22	-0,09	-0,44	0,01
25	0,22	0,06	-0,13	-0,04	-0,21	0,53	0,06	0,35	0,10	-0,16	-0,37	0,05
26	0,30	-0,02	-0,14	-0,04	-0,19	0,57	-0,03	0,44	0,26	-0,17	-0,25	0,10
27	0,30	-0,02	-0,15	-0,11	-0,05	0,55	-0,12	0,50	0,25	-0,31	-0,14	0,10
28	0,25	-0,03	-0,14	0,00	0,03	0,46	-0,16	0,46	0,36	-0,36	-0,17	0,10
29	0,20		-0,10	0,02	-0,04	0,39	-0,08	0,43	0,44	-0,20	-0,17	0,07
30	0,15		0,00	-0,01	-0,20	0,37	-0,02	0,31	0,39	-0,14	-0,18	0,06
31	0,06		-0,03		-0,37		0,03	0,24		-0,15		0,06
T.Bình	0,12	0,17	-0,04	-0,14	-0,16	0,00	0,14	0,35	0,18	0,02	-0,23	-0,04
Max	0,58	0,57	0,34	0,26	0,39	0,73	0,49	0,77	0,66	0,57	0,17	0,41
Min	-0,31	-0,29	-0,52	-0,65	-0,68	-0,59	-0,26	-0,20	-0,29	-0,51	-0,54	-0,44
ΔH	0,89	0,86	0,86	0,91	1,07	1,32	0,75	0,97	0,95	1,08	0,71	0,85

Mực nước trung bình năm: 0,03

Mực nước lớn nhất trong năm: 0,77 Ngày: 27/08/2023

Mực nước nhỏ nhất trong năm: -0,68 Ngày: 22/05/2023

Biên độ dao động năm: 1,45

III.2.b. Mục nước thực đo theo giờ

1. Công trình: Q.142a

• Mục nước giờ tháng 2

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,12	0,24	0,32	0,31	0,24	0,15	0,05	-0,02	-0,10	-0,14	-0,10	0,01	0,46
2	0,15	0,27	0,39	0,40	0,33	0,23	0,14	0,07	0,00	-0,08	-0,12	-0,04	0,52
3	0,10	0,23	0,35	0,40	0,37	0,31	0,23	0,16	0,08	0,00	-0,02	0,00	0,42
4	0,13	0,27	0,40	0,46	0,43	0,36	0,28	0,22	0,13	0,05	0,01	0,03	0,45
5	0,13	0,27	0,41	0,48	0,46	0,39	0,32	0,25	0,19	0,14	-0,03	-0,04	0,52
6	0,03	0,18	0,31	0,38	0,33	0,31	0,27	0,31	0,26	0,20	0,14	0,09	0,35
7	0,14	0,27	0,40	0,50	0,50	0,44	0,39	0,35	0,30	0,23	0,16	0,12	0,38
8	0,12	0,22	0,35	0,42	0,46	0,42	0,37	0,33	0,24	0,21	0,18	0,13	0,34
9	0,13	0,21	0,34	0,43	0,45	0,41	0,37	0,33	0,28	0,22	0,18	0,13	0,32
10	0,11	0,16	0,27	0,35	0,38	0,35	0,31	0,28	0,24	0,19	0,17	0,14	0,27
11	0,11	0,14	0,23	0,30	0,31	0,29	0,26	0,19	0,13	0,10	0,10	0,08	0,23
12	0,05	0,08	0,14	0,19	0,18	0,15	0,12	0,11	0,08	0,09	0,10	0,09	0,14
13	0,07	0,07	0,11	0,12	0,07	-0,02	-0,05	-0,08	-0,09	-0,07	-0,01	0,04	0,21
14	0,09	0,11	0,12	0,12	0,05	-0,03	-0,11	-0,12	-0,11	-0,05	0,03	0,10	0,24
15	0,17	0,23	0,24	0,26	0,19	0,10	-0,16	-0,20	-0,02	0,00	0,06	0,19	0,46
16	0,32	0,43	0,48	0,45	0,36	0,19	0,09	-0,01	-0,06	-0,06	0,03	0,15	0,54
17	0,30	0,43	0,50	0,49	0,40	0,30	0,20	0,12	0,03	-0,03	0,00	0,12	0,53
18	0,26	0,40	0,51	0,51	0,42	0,31	0,23	0,15	0,07	0,00	-0,03	0,06	0,54
19	0,21	0,37	0,51	0,57	0,46	0,32	0,22	0,19	0,12	0,05	-0,05	-0,04	0,62
20	0,08	0,25	0,42	0,47	0,43	0,33	0,26	0,19	0,11	0,01	-0,05	-0,08	0,55
21	-0,02	0,13	0,30	0,39	0,32	0,30	0,22	0,17	0,14	0,08	0,03	0,01	0,41
22	0,05	0,18	0,34	0,44	0,47	0,38	0,30	0,24	0,21	0,15	0,10	0,05	0,42
23	0,04	0,14	0,27	0,35	0,37	0,32	0,27	0,25	0,19	0,14	0,12	0,09	0,33
24	0,07	0,11	0,22	0,30	0,31	0,27	0,10	0,08	0,27	0,24	0,24	0,22	0,24
25	0,18	0,15	0,15	0,15	0,11	0,03	-0,02	-0,04	-0,09	-0,05	0,04	0,09	0,27
26	0,11	0,12	0,12	0,10	0,01	-0,10	-0,15	-0,13	-0,17	-0,16	-0,07	0,05	0,29
27	0,11	0,15	0,17	0,13	0,00	-0,11	-0,17	-0,21	-0,19	-0,17	-0,06	0,06	0,38
28	0,14	0,18	0,20	0,15	0,03	-0,07	-0,16	-0,22	-0,25	-0,26	-0,14	0,00	0,46

• **Mực nước giờ tháng 5**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,11	0,20	0,21	0,12	0,01	-0,10	-0,16	-0,23	-0,31	-0,40	-0,34	-0,24	0,61
2	-0,11	-0,01	0,02	-0,05	-0,13	-0,20	-0,19	-0,18	-0,22	-0,32	-0,30	-0,20	0,34
3	-0,10	-0,02	0,01	-0,06	-0,13	-0,19	-0,20	-0,20	-0,29	-0,37	-0,43	-0,40	0,44
4	-0,33	-0,24	-0,19	-0,18	-0,18	-0,20	-0,16	-0,15	-0,12	-0,17	-0,24	-0,25	0,21
5	-0,17	-0,11	-0,07	-0,12	-0,18	-0,17	-0,11	-0,04	-0,03	-0,11	-0,15	-0,15	0,15
6	-0,13	-0,12	-0,11	-0,23	-0,34	-0,38	-0,31	-0,19	-0,17	-0,21	-0,19	-0,15	0,27
7	-0,11	-0,10	-0,11	-0,22	-0,33	-0,43	-0,40	-0,31	-0,26	-0,29	-0,26	-0,23	0,33
8	-0,18	-0,17	-0,12	-0,19	-0,30	-0,36	-0,31	-0,17	-0,03	0,06	0,13	0,18	0,54
9	0,20	0,20	0,17	0,08	-0,02	-0,09	-0,12	-0,03	0,07	0,17	0,26	0,33	0,45
10	0,36	0,36	0,31	0,20	0,10	0,01	-0,04	-0,02	0,03	0,14	0,19	0,27	0,40
11	0,37	0,39	0,34	0,23	0,13	0,00	-0,12	-0,17	-0,12	-0,04	0,08	0,19	0,56
12	0,27	0,28	0,25	0,14	0,05	-0,06	-0,13	-0,19	-0,22	-0,17	-0,06	0,08	0,50
13	0,20	0,25	0,22	0,13	0,03	-0,05	-0,11	-0,16	-0,19	-0,16	-0,04	0,11	0,44
14	0,24	0,31	0,30	0,21	0,13	0,04	-0,02	-0,06	-0,12	-0,16	-0,10	0,01	0,47
15	0,19	0,29	0,30	0,17	0,10	0,03	-0,04	-0,09	-0,16	-0,25	-0,26	-0,13	0,56
16	0,02	0,12	0,15	0,06	-0,02	-0,08	-0,13	-0,17	-0,25	-0,40	-0,35	-0,24	0,55
17	-0,12	-0,01	0,01	-0,10	-0,21	-0,24	-0,23	-0,19	-0,26	-0,39	-0,46	-0,43	0,47
18	-0,35	-0,24	-0,20	-0,27	-0,33	-0,35	-0,29	-0,18	-0,22	-0,34	-0,44	-0,41	0,26
19	-0,34	-0,30	-0,31	-0,45	-0,56	-0,55	-0,43	-0,31	-0,27	-0,36	-0,36	-0,34	0,29
20	-0,29	-0,28	-0,30	-0,43	-0,54	-0,55	-0,43	-0,27	-0,20	-0,37	-0,40	-0,38	0,35
21	-0,34	-0,32	-0,32	-0,47	-0,59	-0,67	-0,64	-0,51	-0,44	-0,44	-0,44	-0,40	0,35
22	-0,36	-0,29	-0,29	-0,45	-0,60	-0,68	-0,66	-0,57	-0,51	-0,54	-0,45	-0,34	0,39
23	-0,28	-0,24	-0,26	-0,42	-0,51	-0,62	-0,64	-0,51	-0,44	-0,44	-0,33	-0,24	0,40
24	-0,19	-0,16	-0,19	-0,28	-0,38	-0,47	-0,53	-0,47	-0,46	-0,45	-0,32	-0,18	0,37
25	-0,10	-0,05	-0,06	-0,15	-0,23	-0,30	-0,36	-0,34	-0,28	-0,30	-0,25	-0,09	0,31
26	-0,01	0,01	0,00	-0,12	-0,21	-0,30	-0,39	-0,38	-0,32	-0,27	-0,22	-0,13	0,40
27	0,01	0,07	0,07	-0,01	-0,08	-0,14	-0,15	-0,16	-0,15	-0,10	0,00	0,12	0,28
28	0,22	0,26	0,24	0,13	0,03	-0,03	-0,05	-0,08	-0,13	-0,16	-0,10	0,02	0,42
29	0,16	0,23	0,22	0,09	0,00	-0,07	-0,10	-0,15	-0,22	-0,29	-0,24	-0,14	0,52
30	0,02	0,11	0,09	-0,05	-0,13	-0,18	-0,25	-0,30	-0,38	-0,50	-0,48	-0,32	0,61
31	-0,18	-0,10	-0,12	-0,29	-0,41	-0,45	-0,41	-0,39	-0,46	-0,59	-0,57	-0,49	0,49

• **Mức nước giờ tháng 8**

NG	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	0,18	0,15	0,13	0,01	-0,14	-0,17	-0,05	0,12	0,26	0,30	0,28	0,26	0,47
2	0,21	0,18	0,16	0,01	-0,15	-0,20	-0,12	0,02	0,17	0,32	0,32	0,35	0,55
3	0,36	0,36	0,32	0,19	0,06	-0,04	-0,07	0,03	0,23	0,35	0,44	0,49	0,56
4	0,47	0,46	0,47	0,44	0,36	0,29	0,28	0,35	0,49	0,58	0,68	0,74	0,46
5	0,72	0,70	0,70	0,61	0,52	0,44	0,36	0,35	0,41	0,47	0,54	0,59	0,37
6	0,62	0,62	0,63	0,56	0,44	0,47	0,42	0,24	0,30	0,29	0,35	0,47	0,39
7	0,51	0,52	0,53	0,47	0,40	0,36	0,29	0,28	0,32	0,31	0,29	0,33	0,25
8	0,32	0,34	0,42	0,37	0,33	0,31	0,28	0,26	0,25	0,18	0,18	0,18	0,24
9	0,16	0,16	0,26	0,25	0,26	0,32	0,35	0,34	0,34	0,24	0,19	0,18	0,19
10	0,15	0,12	0,14	0,15	0,19	0,25	0,35	0,41	0,43	0,38	0,30	0,28	0,31
11	0,24	0,19	0,20	0,17	0,16	0,26	0,38	0,45	0,50	0,44	0,41	0,47	0,34
12	0,46	0,43	0,36	0,22	0,19	0,26	0,40	0,52	0,56	0,51	0,45	0,49	0,37
13	0,49	0,48	0,44	0,34	0,26	0,28	0,41	0,54	0,58	0,60	0,63	0,67	0,41
14	0,65	0,60	0,54	0,37	0,25	0,25	0,33	0,44	0,54	0,53	0,48	0,47	0,40
15	0,45	0,43	0,42	0,31	0,20	0,20	0,27	0,40	0,52	0,54	0,49	0,54	0,34
16	0,54	0,54	0,56	0,43	0,29	0,24	0,28	0,40	0,52	0,53	0,55	0,59	0,35
17	0,58	0,57	0,57	0,44	0,29	0,22	0,22	0,31	0,39	0,35	0,37	0,43	0,36
18	0,45	0,51	0,47	0,37	0,23	0,14	0,15	0,25	0,32	0,34	0,36	0,39	0,37
19	0,39	0,38	0,43	0,40	0,30	0,22	0,19	0,24	0,36	0,41	0,42	0,45	0,26
20	0,42	0,42	0,45	0,39	0,32	0,25	0,21	0,24	0,35	0,40	0,45	0,50	0,29
21	0,50	0,50	0,52	0,44	0,35	0,28	0,23	0,23	0,35	0,34	0,39	0,44	0,29
22	0,46	0,50	0,48	0,44	0,40	0,31	0,27	0,17	0,19	0,12	0,13	0,16	0,38
23	0,21	0,25	0,34	0,32	0,29	0,33	0,31	0,31	0,25	0,17	0,18	0,20	0,17
24	0,23	0,27	0,34	0,32	0,34	0,36	0,35	0,36	0,31	0,23	0,22		0,14
25	0,16	0,24	0,31	0,33	0,39	0,46	0,47	0,51	0,45	0,33	0,31	0,20	0,35
26	0,33	0,34	0,33	0,37	0,46	0,54	0,57	0,60	0,52	0,42	0,42	0,34	0,27
27	0,44	0,41	0,37	0,39	0,49	0,58	0,72	0,77	0,64	0,42	0,40	0,43	0,40
28	0,40	0,41	0,36	0,26	0,31	0,42	0,54	0,69	0,62	0,53	0,51	0,41	0,43
29	0,44	0,45	0,40	0,26	0,25	0,35	0,47	0,59	0,56	0,47	0,47	0,50	0,34
30	0,41	0,40	0,32	0,14	0,06	0,12	0,24	0,38	0,41	0,40	0,42	0,45	0,39
31	0,38	0,39	0,32	0,13	0,01	0,00	0,10	0,24	0,30	0,30	0,34	0,42	0,42

• **Mực nước giờ tháng 11**

N\G	1	3	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	ΔH
1	-0,29	-0,16	0,02	0,04	0,03	0,01	-0,04	-0,08	-0,15	-0,28	-0,34	-0,37	0,41
2	-0,36	-0,25	-0,09	-0,06	-0,04	-0,03	-0,09	-0,15	-0,22	-0,35	-0,42	-0,42	0,39
3	-0,44	-0,37	-0,21	-0,16	-0,10	-0,05	-0,06	-0,09	-0,18	-0,31	-0,36	-0,37	0,39
4	-0,41	-0,38	-0,25	-0,21	-0,16	-0,11	-0,07	-0,07	-0,13	-0,21	-0,27	-0,29	0,34
5	-0,34	-0,32	-0,24	-0,22	-0,24	-0,16	-0,15	-0,17	-0,25	-0,30	-0,28	-0,27	0,19
6	-0,30	-0,32	-0,26	-0,24	-0,21	-0,14	-0,08	-0,08	-0,10	-0,17	-0,17	-0,18	0,24
7	-0,22	-0,25	-0,21	-0,22	-0,24	-0,19	-0,13	-0,10	-0,16	-0,22	-0,23	-0,23	0,15
8	-0,26	-0,29	-0,28	-0,30	-0,36	-0,31	-0,26	-0,21	-0,22	-0,34	-0,38	-0,37	0,17
9	-0,35	-0,34	-0,36	-0,42	-0,48	-0,45	-0,44	-0,36	-0,37	-0,44	-0,47	-0,39	0,14
10	-0,37	-0,35	-0,33	-0,39	-0,43	-0,39	-0,35	-0,32	-0,33	-0,40	-0,41	-0,33	0,11
11	-0,30	-0,26	-0,20	-0,33	-0,42	-0,43	-0,44	-0,41	-0,43	-0,52	-0,50	-0,37	0,32
12	-0,29	-0,21	-0,13	-0,23	-0,36	-0,37	-0,38	-0,39	-0,42	-0,50	-0,50	-0,43	0,37
13	-0,31	-0,16	-0,04	-0,15	-0,27	-0,27	-0,30	-0,30	-0,30	-0,38	-0,39	-0,29	0,35
14	-0,20	-0,07	0,05	0,03	-0,04	-0,08	-0,16	-0,23	-0,27	-0,34	-0,37	-0,29	0,42
15	-0,22	-0,09	0,05	0,06	-0,06	-0,06	-0,11	-0,17	-0,23	-0,33	-0,36	-0,34	0,42
16	-0,25	-0,07	0,09	0,17	0,17	0,14	0,09	0,01	-0,07	-0,16	-0,22	-0,22	0,42
17	-0,22	-0,11	0,07	0,13	0,13	0,11	0,02	-0,04	-0,12	-0,21	-0,26	-0,26	0,39
18	-0,27	-0,17	0,00	0,06	0,05	0,08	0,04	0,00	-0,12	-0,23	-0,28	-0,28	0,36
19	-0,27	-0,20	-0,08	-0,03	-0,02	0,01	-0,01	-0,07	-0,15	-0,23	-0,30	-0,31	0,32
20	-0,34	-0,33	-0,22	-0,19	-0,17	-0,09	-0,07	-0,10	-0,23	-0,28	-0,29	-0,27	0,27
21	-0,32	-0,34	-0,28	-0,30	-0,27	-0,19	-0,15	-0,17	-0,24	-0,30	-0,33	-0,30	0,19
22	-0,33	-0,36	-0,32	-0,32	-0,32	-0,25	-0,20	-0,17	-0,22	-0,30	-0,36	-0,31	0,19
23	-0,31	-0,31	-0,30	-0,34	-0,35	-0,31	-0,27	-0,25	-0,35	-0,46	-0,49	-0,42	0,24
24	-0,40	-0,40	-0,41	-0,47	-0,49	-0,46	-0,45	-0,40	-0,44	-0,47	-0,48	-0,39	0,10
25	-0,31	-0,23	-0,19	-0,27	-0,41	-0,41	-0,41	-0,41	-0,44	-0,49	-0,47	-0,35	0,30
26	-0,23	-0,10	-0,01	-0,11	-0,16	-0,24	-0,31	-0,34	-0,36	-0,41	-0,40	-0,27	0,40
27	-0,16	-0,02	0,09	0,05	-0,02	-0,07	-0,12	-0,17	-0,25	-0,34	-0,38	-0,32	0,47
28	-0,22	-0,07	0,07	0,06	0,00	-0,05	-0,12	-0,20	-0,28	-0,36	-0,42	-0,39	0,49
29	-0,30	-0,16	0,01	0,05	0,01	-0,01	-0,07	-0,14	-0,27	-0,40	-0,42	-0,42	0,47
30	-0,34	-0,20	-0,06	-0,05	-0,09	-0,06	-0,09	-0,11	-0,17	-0,26	-0,35	-0,37	0,32

VII. Tầng chứa nước khe nứt trong các trầm tích biến chất Ocdovic-Silua (o-s)

VII.1. Vùng ảnh hưởng triều

1. Công trình: Q.164b

N/T	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1			-9,96									
2												
3					-10,05	-10,15	-9,80	-9,81	-9,99	-9,74		
4												
5												
6	-10,06	-10,09	-10,02	-10,10	-10,09	-10,18	-9,75	-9,77	-10,02	-9,66	-9,72	-9,72
7												
8												
9					-10,15	-10,25	-9,71	-9,73	-10,05	-9,61		
10												
11												
12	-10,02	-10,05	-9,99	-10,03	-10,20	-10,21	-9,73	-9,75	-10,03	-9,65	-9,69	-9,60
13												
14												
15					-10,16	-10,14	-9,79	-9,77	-10,00	-9,68		
16												
17												
18	-9,99	-10,00	-9,94	-9,99	-10,11	-10,05	-9,83	-9,81	-9,97	-9,73	-9,72	-9,56
19												
20												
21					-10,05	-9,99	-9,88	-9,84	-9,93	-9,78		
22												
23												
24	-10,01	-9,94	-9,90	-9,92	-10,01	-9,93	-9,92	-9,87	-9,89	-9,83	-9,59	-9,61
25												
26												
27					-10,05	-9,90	-9,88	-9,94	-9,83	-9,80		
28												
29												
30	-10,04		-10,02	-10,02	-10,10	-9,84	-9,83	-9,96	-9,79	-9,75	-9,69	-9,65
31												
T.Bình	-10,02	-10,02	-9,97	-10,01	-10,10	-10,06	-9,81	-9,82	-9,95	-9,72	-9,68	-9,63
Max	-9,99	-9,94	-9,90	-9,92	-10,01	-9,84	-9,71	-9,73	-9,79	-9,61	-9,59	-9,56
Min	-10,06	-10,09	-10,02	-10,10	-10,20	-10,25	-9,92	-9,96	-10,05	-9,83	-9,72	-9,72
ΔH	0,07	0,15	0,12	0,18	0,19	0,41	0,21	0,23	0,26	0,22	0,13	0,16

Mức nước trung bình năm: -9,90

Mức nước lớn nhất trong năm: -9,56

Mức nước nhỏ nhất trong năm: -10,25

Biên độ dao động năm: 0,69

Ngày: 18/12/2023

Ngày: 09/06/2023

PHẦN 3

NHIỆT ĐỘ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

- Đơn vị nhiệt độ nước là °C, lấy đến 1 số sau phần thập phân.
- Nhiệt độ NĐĐ được tổng hợp thống kê các giá trị trung bình, các giá trị cao nhất, thấp nhất, biên độ dao động (ΔT) trong tháng và trong năm.
- Việc thống kê cũng được sắp xếp theo các tầng chứa nước tương tự như phần mực nước.

I. Tầng chứa nước lỗ hồng trong trầm tích Holocen (qh)

I.1. Lớp chứa nước lỗ hồng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	Q.1	T.Bình	25,7	25,7	25,6	25,5	25,4	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	25,5	25,6	25,4	
		Max	26,0	25,8	25,7	25,7	25,7	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,7	26,0	6/1/2023
		Min	25,3	25,5	25,5	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,4	25,5	25,2	30/4/2023
		ΔT	0,7	0,3	0,2	0,5	0,5	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,8	
2	Q.2	T.Bình	26,0	25,7	25,6	25,5	25,4	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	25,5	25,6	25,4	
		Max	26,1	25,8	25,7	25,7	25,7	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,7	26,1	12/1/2023
		Min	25,7	25,5	25,5	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,4	25,5	25,2	30/4/2023
		ΔT	0,4	0,3	0,2	0,5	0,5	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,9	
3	Q.9M2	T.Bình	26,4	26,3	26,4	26,3	26,3	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,5	26,5	26,4	
		Max	26,5	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,7	26,7	26,7	18/11/2023
		Min	26,3	26,0	26,3	26,2	26,0	26,4	26,3	26,3	26,3	26,3	26,3	26,3	26,0	18/2/2023
		ΔT	0,2	0,6	0,3	0,3	0,5	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,4	0,4	0,7	
4	Q.10M 1	T.Bình	26,4	26,5	26,3	26,3	26,2	26,3	26,4	26,4	26,4	26,4	26,5	26,6	26,4	
		Max	26,5	26,5	26,5	26,5	26,3	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,7	26,7	24/12/2023
		Min	26,3	26,3	26,1	26,2	26,0	26,1	26,3	26,3	26,3	26,3	26,4	26,5	26,0	6/5/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,4	0,3	0,3	0,4	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,7	
5	Q.32M 1	T.Bình	25,2	25,1	25,3	25,5	26,0	25,9	25,9	25,9	25,8	25,7	25,6	25,5	25,7	
		Max	25,4	25,3	25,5	25,8	26,2	26,1	26,0	26,0	25,9	25,8	25,7	25,5	26,2	30/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,1	25,4	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,6	25,6	25,4	25,0	30/1/2023
		ΔT	0,4	0,3	0,4	0,4	0,4	0,3	0,2	0,3	0,2	0,2	0,1	0,1	1,2	
6	Q.33M 1	T.Bình	25,3	25,1	25,4	25,5	26,0	26,0	26,0	25,9	25,7	25,7	25,6	25,4	25,7	
		Max	25,5	25,2	25,5	25,7	26,1	26,1	26,1	26,1	25,8	25,8	25,7	25,4	26,1	6/5/2023
		Min	25,1	25,0	25,2	25,4	25,8	25,9	25,8	25,8	25,6	25,6	25,6	25,3	25,0	18/2/2023
		ΔT	0,4	0,2	0,3	0,3	0,3	0,2	0,3	0,3	0,2	0,2	0,1	0,1	1,1	
7	Q.56	T.Bình	25,9	25,9	26,0	26,0	25,9	25,9	25,9	25,8	25,8	25,8	25,8	25,9	25,9	
		Max	25,9	26,0	26,0	26,0	26,0	25,9	25,9	25,8	25,8	25,8	25,9	25,9	26,0	20/2/2023
		Min	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,9	25,8	14/7/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,2	
8	Q.57	T.Bình	26,1	26,2	26,1	26,1	26,0	26,0	26,0	26,1	26,1	26,1	26,1	26,2	26,1	
		Max	26,1	26,2	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	26,2	26,2	3/2/2023
		Min	26,1	26,1	26,1	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,1	26,1	26,1	26,1	26,0	28/4/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,2	
9	Q.58M 1	T.Bình	25,4	24,9	24,7	24,5	24,8	25,2	25,6	25,9	26,3	26,4	26,5	26,2	25,5	
		Max	25,7	25,2	24,8	24,6	25,0	25,4	25,7	26,2	26,4	26,5	26,6	26,4	26,6	13/11/2023
		Min	25,1	24,7	24,6	24,5	24,6	24,9	25,4	25,7	26,2	26,3	26,4	26,0	24,5	4/4/2023
		ΔT	0,6	0,5	0,2	0,1	0,4	0,5	0,3	0,5	0,2	0,2	0,2	0,4	2,1	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
10	Q.59a	T.Bình	25,4	25,4	25,3	25,5	26,0	26,0	25,9	25,9	25,8	25,8	25,5	25,4	25,7	
		Max	25,5	25,4	25,4	25,6	26,2	26,1	26,0	26,0	26,0	25,9	25,7	25,5	26,2	27/5/2023
		Min	25,2	25,3	25,2	25,5	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,4	25,2	25,2	30/1/2023
		ΔT	0,3	0,1	0,2	0,1	0,4	0,3	0,2	0,2	0,3	0,2	0,3	0,3	1,0	
11	Q.60M 2	T.Bình	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,4	25,5	25,5	25,4	25,4	25,7	
		Max	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,5	25,8	25,8	25,5	25,5	25,8	27/9/2023
		Min	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,2	25,3	25,4	25,3	25,4	25,2	12/8/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,3	0,5	0,4	0,2	0,1	0,6	
12	Q.65M 1	T.Bình	25,2	25,2	25,3	25,5	26,0	26,0	25,9	25,9	25,8	25,8	25,6	25,4	25,7	
		Max	25,3	25,4	25,4	25,7	26,3	26,2	26,0	26,0	25,9	25,9	25,7	25,5	26,3	30/5/2023
		Min	25,0	25,1	25,2	25,4	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,5	25,2	25,0	30/1/2023
		ΔT	0,3	0,3	0,2	0,3	0,5	0,4	0,2	0,3	0,2	0,2	0,2	0,3	1,3	
13	Q.67	T.Bình	25,2	25,2	25,3	25,6	26,0	26,0	25,9	25,9	25,8	25,8	25,6	25,4	25,7	
		Max	25,4	25,4	25,4	25,8	26,2	26,2	26,1	26,1	26,0	25,9	25,7	25,5	26,2	27/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,2	25,5	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,5	25,3	25,0	30/1/2023
		ΔT	0,4	0,4	0,2	0,3	0,4	0,4	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,2	1,2	
14	Q.83	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,5	25,5	25,6	25,7	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,7	25,7	25,6	25,7	25,6	25,6	25,7	18/6/2023
		Min	25,3	25,3	25,3	25,4	25,4	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,1	0,2	0,1	0,2	0,1	0,3	0,4	
15	Q.84	T.Bình	26,3	26,2	26,2	26,2	26,2	25,6	25,7	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,8	
		Max	26,4	26,4	26,3	26,4	26,4	25,8	25,7	25,7	25,6	25,7	25,6	25,6	26,4	6/1/2023
		Min	26,1	26,0	26,1	26,1	26,0	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	18/12/2023
		ΔT	0,3	0,4	0,2	0,3	0,4	0,3	0,1	0,2	0,1	0,2	0,1	0,3	1,1	
16	Q.85	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,7	18/6/2023
		Min	25,3	25,3	25,3	25,3	25,4	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,3	0,4	
17	Q.87	T.Bình	25,7	25,7	25,4	25,4	25,5	25,6	25,8	25,7	25,6	25,6	25,5	25,5	25,7	
		Max	25,8	25,7	25,4	25,5	25,7	25,8	25,9	25,9	25,7	25,7	25,6	25,6	25,9	27/7/2023
		Min	25,5	25,6	25,3	25,4	25,4	25,5	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	6/3/2023
		ΔT	0,3	0,1	0,1	0,1	0,3	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,1	0,3	0,6	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
18	Q.88	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,4	25,4	25,5	25,4	25,6	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,8	21/6/2023
		Min	25,3	25,3	25,3	25,3	25,3	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,2	0,1	0,3	0,3	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,3	0,5	
19	Q.89	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,5	25,6	
		Max	25,4	25,4	25,5	25,5	25,6	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,8	21/6/2023
		Min	25,3	25,3	25,3	25,3	25,4	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,3	0,2	0,2	0,2	0,2	0,1	0,3	0,5	
20	Q.107	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,8	21/6/2023
		Min	25,3	25,3	25,3	25,4	25,4	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,3	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,3	0,5	
21	Q.115 M1	T.Bình	25,6	25,6	25,6	25,5	25,4	25,5	25,4	25,4	25,5	25,6	25,5	25,6	25,5	
		Max	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,6	25,6	25,6	25,8	25,8	24/12/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,5	25,2	25,3	25,0	25,2	25,2	25,5	25,5	25,5	25,0	12/7/2023
		ΔT	0,2	0,1	0,1	0,1	0,4	0,3	0,5	0,3	0,4	0,1	0,1	0,3	0,8	
22	Q.121 M1	T.Bình	25,2	25,2	25,4	25,5	26,0	26,0	25,9	25,8	25,7	25,7	25,6	25,5	25,7	
		Max	25,3	25,3	25,5	25,7	26,3	26,2	26,0	26,0	25,8	25,8	25,7	25,5	26,3	30/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,3	25,3	25,8	25,8	25,7	25,7	25,6	25,6	25,5	25,4	25,0	30/1/2023
		ΔT	0,3	0,3	0,2	0,4	0,5	0,4	0,3	0,3	0,2	0,2	0,2	0,1	1,3	
23	Q.128 M1	T.Bình	25,0	25,2	25,1	25,2	25,3	25,3	25,4	25,3	25,3	25,2	25,1	24,9	25,2	
		Max	25,1	25,3	25,2	25,2	25,5	25,5	25,4	25,4	25,5	25,2	25,2	25,1	25,5	6/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,1	25,1	25,2	25,2	25,3	25,1	25,1	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,1	0,3	0,2	0,1	0,4	0,3	0,2	0,1	0,4	0,1	0,2	0,3	0,7	
24	Q.129 M1	T.Bình	25,0	25,2	25,2	25,3	25,4	25,5	25,5	25,5	25,3	25,2	25,1	25,0	25,3	
		Max	25,1	25,3	25,4	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,2	25,2	25,5	6/5/2023
		Min	25,0	25,1	25,0	25,2	25,2	25,3	25,5	25,4	25,2	25,2	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,4	0,2	0,3	0,2	0,0	0,1	0,2	0,2	0,2	0,4	0,7	
25	Q.141	T.Bình	24,9	25,0	25,0	25,2	25,1	25,2	25,2	25,0	24,9	24,9	24,9	25,1	25,0	
		Max	25,0	25,2	25,2	25,7	25,2	25,4	25,5	25,3	25,3	25,2	25,0	25,3	25,7	24/4/2023
		Min	24,8	24,9	24,9	24,8	25,0	25,0	25,1	24,8	24,8	24,7	24,8	24,9	24,7	21/10/2023
		ΔT	0,2	0,3	0,3	0,9	0,2	0,4	0,4	0,5	0,5	0,5	0,2	0,4	1,0	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
26	Q.144 M1	T.Bình	25,0	25,1	25,1	25,2	25,3	25,3	25,4	25,3	25,3	25,2	25,1	24,9	25,2	
		Max	25,2	25,3	25,2	25,2	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,3	25,2	25,1	25,5	6/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,1	25,1	25,2	25,2	25,3	25,1	25,1	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,2	0,3	0,2	0,1	0,4	0,3	0,3	0,1	0,3	0,2	0,2	0,3	0,7	
27	Q.145	T.Bình	25,0	25,1	25,1	25,2	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	25,2	25,1	24,9	25,2	
		Max	25,2	25,1	25,2	25,2	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,2	25,1	25,5	6/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,1	25,1	25,2	25,2	25,3	25,2	25,1	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,2	0,1	0,2	0,1	0,4	0,3	0,3	0,2	0,3	0,2	0,2	0,3	0,7	
28	Q.159	T.Bình	26,1	26,1	25,6	25,1	25,2	25,2	25,3	25,4	25,4	25,5	25,7	25,5	25,5	
		Max	26,2	26,2	25,7	25,3	25,3	25,5	25,4	25,5	25,6	25,6	25,8	25,7	26,2	6/1/2023
		Min	26,0	26,0	25,2	25,0	25,0	25,0	25,2	25,2	25,3	25,3	25,5	25,2	25,0	6/4/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,5	0,3	0,3	0,5	0,2	0,3	0,3	0,3	0,3	0,5	1,2	
29	Q.175	T.Bình	25,3	25,2	25,2	25,2	25,3	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	
		Max	25,5	25,3	25,3	25,3	25,5	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	25,5	6/1/2023
		Min	25,0	25,0	25,1	25,0	25,0	24,8	24,8	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	24,8	6/6/2023
		ΔT	0,5	0,3	0,2	0,3	0,5	0,6	0,6	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,7	
30	Q.108 M1	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,8	21/6/2023
		Min	25,3	25,3	25,3	25,4	25,4	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,3	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,3	0,5	
31	Q.109	T.Bình	26,3	25,7	25,5	25,2	25,4	25,8	26,2	26,8	25,6	25,6	25,5	25,5	25,8	
		Max	26,6	26,1	25,8	25,4	25,7	26,3	27,0	27,1	25,7	25,7	25,6	25,6	27,1	3/8/2023
		Min	26,0	25,4	24,8	24,7	25,1	25,6	25,9	25,6	25,5	25,5	25,5	25,3	24,7	13/4/2023
		ΔT	0,6	0,7	1,0	0,7	0,6	0,7	1,1	1,5	0,2	0,2	0,1	0,3	2,4	
32	Q.110	T.Bình	25,4	25,4	25,4	26,2	26,2	26,3	26,3	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	26,3	
		Max	25,4	25,4	25,4	26,3	26,3	26,3	26,5	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	26,5	15/7/2023
		Min	25,3	25,3	25,3	25,4	26,2	26,2	25,8	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,9	0,1	0,1	0,7	0,2	0,2	0,2	0,1	0,3	1,2	
33	Q.111 M1	T.Bình	25,4	25,4	25,3	25,4	25,5	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,5	
		Max	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,7	18/6/2023
		Min	25,3	25,3	25,3	25,3	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,1	0,1	0,4	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
34	Q.146	T.Bình	25,0	25,1	25,1	25,2	25,3	25,3	25,3	25,4	25,3	25,2	25,1	24,9	25,2	
		Max	25,2	25,3	25,2	25,2	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,2	25,1	25,5	6/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,1	25,1	25,2	25,2	25,3	25,1	25,1	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,2	0,3	0,2	0,1	0,4	0,3	0,3	0,2	0,4	0,2	0,2	0,3	0,7	
35	Q.147	T.Bình	25,0	25,1	25,1	25,2	25,3	25,4	25,5	25,4	25,3	25,2	25,1	25,0	25,3	
		Max	25,2	25,1	25,2	25,2	25,5	25,5	25,5	25,4	25,3	25,2	25,2	25,2	25,5	6/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,1	25,1	25,2	25,4	25,3	25,1	25,1	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,2	0,1	0,2	0,1	0,4	0,3	0,1	0,2	0,3	0,2	0,2	0,4	0,7	
36	Q.155 M1	T.Bình	25,4	24,7	24,3	24,1	24,1	24,5	25,2	25,9	26,4	26,6	26,6	26,4	25,3	
		Max	25,7	25,0	24,5	24,2	24,2	25,0	25,6	26,2	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	29/9/2023
		Min	24,9	24,4	24,1	24,0	24,0	24,2	24,9	25,5	26,1	26,5	26,5	26,3	24,0	26/4/2023
		ΔT	0,8	0,6	0,4	0,2	0,2	0,8	0,7	0,7	0,5	0,1	0,1	0,3	2,6	
37	Q.156 M1	T.Bình	26,1	25,9	25,3	25,2	25,2	25,2	25,3	25,3	25,6	25,6	26,5	26,3	26,2	
		Max	26,2	26,0	25,5	25,3	25,3	25,3	25,3	25,5	25,8	25,8	26,5	26,5	26,5	22/11/2023
		Min	26,0	25,8	25,0	25,0	25,0	25,0	25,2	25,2	25,3	25,4	25,7	26,1	25,0	30/3/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,5	0,3	0,3	0,3	0,1	0,3	0,5	0,4	0,8	0,4	1,5	
38	Q.158	T.Bình	25,8	25,3	25,4	25,3	25,4	25,8	25,8	26,4	26,3	26,2	26,3	26,3	26,3	
		Max	26,1	26,0	25,6	25,5	26,0	26,5	26,5	26,8	27,0	27,0	26,4	26,4	27,0	12/9/2023
		Min	25,0	25,0	25,2	25,0	25,0	25,4	25,4	26,0	25,8	25,5	25,7	26,3	25,0	30/1/2023
		ΔT	1,1	1,0	0,4	0,5	1,0	1,1	1,1	0,8	1,2	1,5	0,7	0,1	2,0	
39	Q.164	T.Bình	26,4	26,5	26,1	26,4	26,2	25,7	25,6	25,5	25,4	25,3	25,3	25,5	25,8	
		Max	26,6	26,7	26,3	26,5	26,5	26,4	26,0	25,7	25,7	25,4	25,4	25,6	26,7	6/2/2023
		Min	26,2	26,3	25,8	26,2	25,8	25,3	25,3	25,3	25,2	25,2	25,2	25,4	25,2	30/9/2023
		ΔT	0,4	0,4	0,5	0,3	0,7	1,1	0,7	0,4	0,5	0,2	0,2	0,2	1,5	
40	Q.165	T.Bình	25,8	26,3	25,9	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,4	25,4	25,5	
		Max	26,6	26,5	26,2	25,8	25,9	25,8	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	26,6	6/1/2023
		Min	25,3	26,2	25,4	25,3	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,3	25,3	25,2	25,2	18/5/2023
		ΔT	1,3	0,3	0,8	0,5	0,7	0,6	0,5	0,5	0,4	0,3	0,3	0,4	1,4	

I.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	Q.55M1	T.Bình	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,2	26,2	26,0	25,3	26,4	
		Max	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,5	26,5	26,5	26,3	25,5	26,5	24/8/2023
		Min	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,2	26,0	26,0	25,3	25,1	25,1	24/12/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,3	0,5	0,5	1,0	0,4	1,4	
2	Q.64	T.Bình	26,5	26,6	26,7	26,6	26,6	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,3	26,3	26,5	
		Max	26,6	26,7	26,7	26,7	26,6	26,6	26,5	26,6	26,6	26,4	26,3	26,3	26,7	26/2/2023
		Min	26,5	26,6	26,7	26,6	26,6	26,5	26,4	26,4	26,3	26,3	26,3	26,3	26,3	25/9/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,2	0,3	0,1	0,0	0,0	0,4	
3	Q.65aM 1	T.Bình	25,4	25,3	25,4	25,6	25,9	26,1	26,0	26,0	25,8	25,8	25,7	25,4	25,8	
		Max	25,5	25,4	25,5	25,8	26,3	26,3	26,2	26,2	25,9	25,9	25,8	25,6	26,3	30/5/2023
		Min	25,2	25,2	25,3	25,5	25,7	25,9	25,9	25,8	25,7	25,7	25,6	25,3	25,2	30/1/2023
		ΔT	0,3	0,2	0,2	0,3	0,6	0,4	0,3	0,4	0,2	0,2	0,2	0,3	1,1	
4	Q.66	T.Bình	25,3	25,3	25,4	25,5	26,0	26,1	26,0	26,0	25,8	25,7	25,5	25,5	25,8	
		Max	25,4	25,4	25,5	25,6	26,3	26,2	26,2	26,2	25,9	25,9	25,8	25,5	26,3	30/5/2023
		Min	25,2	25,2	25,3	25,5	25,7	25,9	25,9	25,8	25,7	25,6	25,2	25,4	25,2	6/1/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,2	0,1	0,6	0,3	0,3	0,4	0,2	0,3	0,6	0,1	1,1	
5	Q.69	T.Bình	25,4	25,5	25,4	25,1	25,1	24,7	25,0	24,9	25,0	25,2	25,3	25,4	25,4	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,2	25,3	25,2	25,3	25,1	25,3	25,5	25,5	25,5	25,5	26/1/2023
		Min	25,4	25,0	25,0	25,0	25,0	24,0	24,5	24,5	24,5	24,9	25,0	25,2	24,0	12/6/2023
		ΔT	0,1	0,5	0,5	0,2	0,3	1,2	0,8	0,6	0,8	0,6	0,5	0,3		
6	Q.75M1	T.Bình	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,1	26,1	26,1	26,1	26,2	
		Max	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,1	26,1	26,2	26,2	1/1/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,1	26,1	26,1	26,1	26,1	1/9/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	
7	Q.83a	T.Bình	26,5	26,5	26,4	26,5	26,5	25,9	25,8	25,7	25,6	25,6	25,5	25,5	26,4	
		Max	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,3	25,8	25,8	25,7	25,7	25,6	25,6	26,6	6/5/2023
		Min	26,5	26,4	26,3	26,4	26,2	25,6	25,7	25,6	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	18/12/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,2	0,1	0,4	0,7	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2	1,2	
8	Q.84a	T.Bình	25,4	25,4	25,5	25,5	25,5	25,7	25,8	25,7	25,6	25,6	25,6	25,5	25,6	
		Max	25,5	25,5	25,6	25,5	25,6	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,6	25,6	25,8	18/6/2023
		Min	25,4	25,3	25,4	25,4	25,4	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	25,4	25,3	6/2/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2	0,5	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
9	Q.85a	T.Bình	25,4	25,4	25,5	25,5	25,6	25,7	25,8	25,8	25,7	25,6	25,5	25,5	25,6	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,7	25,8	25,9	25,9	25,8	25,7	25,6	25,6	25,9	27/7/2023
		Min	25,3	25,3	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,6	25,5	25,5	25,5	25,4	25,3	30/1/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,3	0,3	0,2	0,1	0,2	0,6	
10	Q.86M1	T.Bình	25,5	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,6	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,8	18/6/2023
		Min	25,4	25,3	25,3	25,4	25,4	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	6/2/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,2	0,1	0,2	0,3	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,3	0,5	
11	Q.87a	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,8	25,8	25,7	25,7	25,5	25,5	25,6	
		Max	25,4	25,5	25,5	25,6	25,7	25,8	25,9	25,9	25,8	25,8	25,6	25,6	25,9	27/7/2023
		Min	25,3	25,3	25,3	25,5	25,5	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	25,4	25,3	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2	0,3	0,3	0,3	0,3	0,1	0,2	0,6	
12	Q.88a	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,4	25,6	25,7	25,7	25,7	25,7	25,6	25,5	25,5	25,6	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,5	25,7	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,6	25,6	25,8	18/6/2023
		Min	25,4	25,3	25,4	25,4	25,4	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	25,4	25,3	6/2/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,1	0,1	0,3	0,2	0,2	0,2	0,3	0,3	0,1	0,2	0,5	
13	Q.119M 1	T.Bình	25,0	25,1	25,1	25,2	25,3	25,3	25,3	25,3	25,3	25,2	25,1	24,9	25,2	
		Max	25,1	25,3	25,2	25,2	25,5	25,5	25,4	25,4	25,5	25,2	25,2	25,1	25,5	6/5/2023
		Min	25,0	24,9	25,0	25,1	25,1	25,2	25,2	25,3	25,1	25,1	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,1	0,4	0,2	0,1	0,4	0,3	0,2	0,1	0,4	0,1	0,2	0,3	0,7	
14	Q.120	T.Bình	25,3	25,1	25,4	25,5	25,9	26,0	25,9	25,9	25,8	25,7	25,6	25,5	25,7	
		Max	25,5	25,3	25,5	25,6	26,3	26,2	26,0	26,0	25,9	25,8	25,6	25,5	26,3	30/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,2	25,4	25,7	25,8	25,8	25,7	25,6	25,6	25,5	25,4	25,0	30/1/2023
		ΔT	0,5	0,3	0,3	0,2	0,6	0,4	0,2	0,3	0,3	0,2	0,1	0,1	1,3	
15	Q.127	T.Bình	25,0	25,1	25,1	25,2	25,3	25,4	25,5	25,4	25,3	25,2	25,1	24,9	25,3	
		Max	25,0	25,2	25,2	25,2	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,3	25,2	25,1	25,5	6/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,1	25,1	25,2	25,5	25,3	25,1	25,1	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,0	0,2	0,2	0,1	0,4	0,3	0,0	0,2	0,4	0,2	0,2	0,3	0,7	
16	Q.130M 1	T.Bình	25,0	25,1	25,1	25,2	25,3	25,4	25,5	25,4	25,3	25,2	25,2	25,0	25,3	
		Max	25,0	25,1	25,2	25,3	25,5	25,6	25,5	25,5	25,4	25,4	25,4	25,2	25,6	6/6/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,1	25,1	25,2	25,5	25,3	25,1	25,1	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,2	0,2	0,4	0,4	0,0	0,2	0,3	0,3	0,4	0,4	0,8	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
17	Q.131	T.Bình	25,1	24,7	24,6	24,5	24,8	25,4	25,5	25,5	25,3	25,2	25,2	25,0	24,8	
		Max	25,3	24,9	24,7	24,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,3	25,2	25,5	30/5/2023
		Min	24,9	24,6	24,5	24,4	24,5	25,3	25,5	25,4	25,2	25,2	25,0	24,8	24,4	4/4/2023
		ΔT	0,4	0,3	0,2	0,1	1,0	0,2	0,0	0,1	0,2	0,2	0,3	0,4	1,1	
18	Q.143	T.Bình	25,0	25,0	25,0	25,0	25,1	25,2	25,3	25,0	25,0	24,9	24,9	25,2	25,1	
		Max	25,1	25,1	25,0	25,0	25,2	25,3	25,6	25,3	25,3	25,2	24,9	25,3	25,6	24/7/2023
		Min	24,8	24,9	24,9	24,9	25,0	25,0	25,2	24,9	24,9	24,7	24,8	25,0	24,7	24/10/2023
		ΔT	0,3	0,2	0,1	0,1	0,2	0,3	0,4	0,4	0,4	0,5	0,1	0,3	0,9	
19	Q.148	T.Bình	25,0	25,2	25,1	25,2	25,4	25,4	25,5	25,4	25,3	25,2	25,1	25,0	25,3	
		Max	25,1	25,3	25,2	25,3	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,2	25,2	25,5	6/5/2023
		Min	25,0	25,2	25,0	25,1	25,1	25,2	25,5	25,3	25,2	25,2	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,2	0,2	0,4	0,3	0,0	0,2	0,3	0,2	0,2	0,4	0,7	
20	Q.168	T.Bình	26,4	26,4	26,1	25,9	25,6	25,5	25,4	25,4	25,4	25,2	25,4	25,5	25,6	
		Max	26,7	26,5	26,3	26,2	26,0	25,7	25,7	25,7	25,7	25,3	25,5	25,6	26,7	18/1/2023
		Min	26,2	26,2	25,8	25,6	25,3	25,3	25,2	25,3	25,2	25,1	25,3	25,3	25,1	24/10/2023
		ΔT	0,5	0,3	0,5	0,6	0,7	0,4	0,5	0,4	0,5	0,2	0,2	0,3	1,6	
21	Q.177	T.Bình	25,9	25,5	25,2	25,1	25,1	25,3	25,4	25,0	25,0	25,0	25,1	25,4	25,3	
		Max	26,2	25,7	25,4	25,1	25,2	25,4	25,4	25,3	25,2	25,3	25,3	25,5	26,2	1/1/2023
		Min	25,7	25,3	25,1	25,0	25,0	25,2	25,0	24,6	24,7	24,6	24,7	25,0	24,6	27/8/2023
		ΔT	0,5	0,4	0,3	0,1	0,2	0,2	0,4	0,7	0,5	0,7	0,6	0,5	1,6	
22	Q.108a M1	T.Bình	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	
		Max	26,2	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,2	24/1/2023
		Min	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25/9/2023
		ΔT	0,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,3	
23	Q.164a	T.Bình	26,3	26,5	26,1	26,2	26,2	26,4	26,4	26,3	26,4	26,3	26,3	26,2	26,3	
		Max	26,6	26,6	26,4	26,5	26,5	26,5	26,7	26,6	26,6	26,5	26,5	26,6	26,7	9/7/2023
		Min	26,0	26,3	25,8	25,8	25,6	26,2	26,0	26,0	26,2	26,2	26,2	25,5	25,5	12/6/2023
		ΔT	0,6	0,3	0,6	0,7	0,9	0,3	0,7	0,6	0,4	0,3	0,3	1,1	1,2	
24	Q.167	T.Bình	25,9	25,3	25,0	24,9	25,1	25,3	25,8	26,4	26,8	27,1	27,2	27,1	26,0	
		Max	26,3	25,6	25,1	25,1	25,4	25,4	26,1	26,6	27,0	27,2	27,2	27,2	27,2	24/10/2023
		Min	25,6	25,1	24,9	24,8	25,0	25,3	25,4	26,0	26,6	26,9	27,2	26,8	24,8	14/4/2023
		ΔT	0,7	0,5	0,2	0,3	0,4	0,1	0,7	0,6	0,4	0,3	0,0	0,4	2,4	

II. Tầng chứa nước lỗ hồng trong trầm tích Pleistocen (qp)

II.1. Lớp chứa nước lỗ hồng trong trầm tích Pleistocen giữa (qp₂)

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	Q.8	T.Bình	26,4	26,1	26,3	26,2	26,3	26,3	26,3	26,4	26,4	26,4	26,5	26,6	26,3	
		Max	26,5	26,3	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,5	26,4	26,5	26,7	26,8	26,8	24/12/2023
		Min	26,3	26,0	26,2	26,0	26,1	26,2	26,3	26,3	26,3	26,3	26,4	26,4	26,0	12/2/2023
		ΔT	0,2	0,3	0,3	0,5	0,3	0,2	0,1	0,2	0,1	0,2	0,3	0,4	0,8	
2	Q.34a	T.Bình	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	25,7	
		Max	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	25,7	25,8	1/1/2023
		Min	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	25,6	15/6/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,2	
3	Q.35M1	T.Bình	25,1	25,2	25,2	25,4	25,3	25,3	25,3	25,4	25,4	25,4	25,3	25,2	25,3	
		Max	25,3	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,7	25,6	25,5	25,4	25,7	27/9/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,1	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	6/1/2023
		ΔT	0,3	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,4	0,5	0,7	0,6	0,5	0,4	0,7	
4	Q.37	T.Bình	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	25,4	25,3	25,4	25,5	25,5	25,6	25,5	
		Max	25,7	25,6	25,7	25,6	25,6	25,7	25,5	25,5	25,5	25,6	25,6	25,8	25,8	24/12/2023
		Min	25,4	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	25,0	25,0	25,2	25,5	25,5	25,5	25,0	12/7/2023
		ΔT	0,3	0,1	0,2	0,1	0,3	0,4	0,5	0,5	0,3	0,1	0,1	0,3	0,8	
5	Q.62	T.Bình	24,4	24,3	24,3	24,4	24,3	24,3	24,3	24,4	24,6	24,9	24,5	24,4	24,4	
		Max	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,7	25,2	25,2	24,6	24,5	25,2	30/9/2023
		Min	24,2	24,0	24,2	24,0	24,2	24,0	24,0	24,0	24,3	24,5	24,4	24,3	24,0	24/2/2023
		ΔT	0,3	0,5	0,3	0,5	0,3	0,5	0,5	0,7	0,9	0,7	0,2	0,2	1,2	
6	Q.68aM 1	T.Bình	25,4	25,3	25,4	25,6	25,9	26,0	26,0	26,0	25,9	25,8	25,7	25,5	25,8	
		Max	25,5	25,4	25,5	25,8	26,1	26,2	26,1	26,1	26,0	26,0	25,7	25,6	26,2	15/6/2023
		Min	25,3	25,2	25,3	25,5	25,7	25,9	25,8	25,8	25,8	25,7	25,6	25,4	25,2	18/2/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,2	0,3	0,4	0,3	0,3	0,3	0,2	0,3	0,1	0,2	1,0	
7	Q.82M1	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,7	25,6	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	
		Max	25,4	25,4	25,5	25,5	25,6	25,7	25,8	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,8	27/7/2023
		Min	25,3	25,3	25,3	25,4	25,4	25,5	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,3	25,3	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,2	0,1	0,2	0,2	0,3	0,2	0,2	0,1	0,1	0,3	0,5	
8	Q.119a M1	T.Bình	25,2	25,2	25,2	25,3	25,4	25,4	25,5	25,4	25,4	25,4	25,3	25,1	25,4	
		Max	25,2	25,3	25,3	25,3	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,2	25,5	6/5/2023
		Min	25,2	25,1	25,1	25,2	25,2	25,3	25,5	25,3	25,2	25,3	25,2	25,0	25,0	18/12/2023
		ΔT	0,0	0,2	0,2	0,1	0,3	0,2	0,0	0,2	0,3	0,1	0,2	0,2	0,5	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
9	Q.120a	T.Bình	25,3	25,1	25,4	25,5	26,0	26,1	25,9	25,9	25,9	25,7	25,7	25,5	25,8	
		Max	25,5	25,4	25,6	25,7	26,2	26,3	26,0	26,0	26,0	25,8	25,7	25,5	26,3	18/6/2023
		Min	25,0	25,0	25,3	25,4	25,8	25,9	25,8	25,8	25,7	25,6	25,6	25,4	25,0	30/1/2023
		ΔT	0,5	0,4	0,3	0,3	0,4	0,4	0,2	0,2	0,3	0,2	0,1	0,1	1,3	
10	Q.129a M1	T.Bình	25,2	25,4	25,3	25,4	25,5	25,5	25,6	25,5	25,4	25,5	25,3	25,1	25,4	
		Max	25,2	25,5	25,5	25,5	25,7	25,7	25,6	25,6	25,5	25,6	25,5	25,3	25,7	6/5/2023
		Min	25,2	25,2	25,2	25,3	25,2	25,3	25,5	25,3	25,3	25,4	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,0	0,3	0,3	0,2	0,5	0,4	0,1	0,3	0,2	0,2	0,5	0,5	0,9	
11	Q.130a M1	T.Bình	25,2	25,2	25,2	25,3	25,4	25,5	25,6	25,5	25,4	25,5	25,4	25,0	25,4	
		Max	25,2	25,3	25,3	25,4	25,7	25,6	25,6	25,5	25,5	25,6	25,5	25,2	25,7	30/5/2023
		Min	25,2	25,1	25,2	25,2	25,2	25,3	25,4	25,3	25,3	25,4	25,2	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,0	0,2	0,1	0,2	0,5	0,3	0,2	0,2	0,2	0,2	0,3	0,4	0,9	
12	Q.131a	T.Bình	25,2	25,2	25,2	25,3	25,5	25,5	25,6	25,5	25,4	25,5	25,4	25,1	25,4	
		Max	25,2	25,3	25,3	25,4	25,7	25,7	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	25,3	25,7	6/5/2023
		Min	25,1	25,1	25,2	25,3	25,2	25,3	25,5	25,3	25,3	25,3	25,3	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,1	0,1	0,5	0,4	0,1	0,3	0,2	0,2	0,2	0,5	0,9	
13	Q.176	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	25,3	25,4	24,9	24,9	25,0	25,0	25,4	25,4	
		Max	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	25,2	25,2	25,3	25,2	25,5	25,5	12/12/2023
		Min	25,4	25,4	25,4	25,3	25,3	25,3	25,0	24,5	24,6	24,5	24,7	25,0	24,5	27/8/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,4	0,7	0,6	0,8	0,5	0,5	1,0	
14	Q.159a	T.Bình	25,4	25,4	25,3	25,1	25,2	25,3	25,3	25,3	25,3	25,3	25,7	25,7	25,6	
		Max	25,5	25,5	25,4	25,3	25,3	25,3	25,4	25,4	25,4	25,5	26,0	25,7	26,0	22/11/2023
		Min	25,3	25,3	25,2	25,0	25,0	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,3	25,6	25,0	12/4/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,2	0,3	0,3	0,1	0,2	0,2	0,2	0,3	0,7	0,1	1,0	

II.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	Q.1aM1	T.Bình	25,7	25,7	25,6	25,5	25,4	25,3	25,3	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,4	
		Max	26,0	25,8	25,7	25,7	25,7	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,7	26,0	6/1/2023
		Min	25,3	25,5	25,5	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,4	25,5	25,2	30/4/2023
		ΔT	0,7	0,3	0,2	0,5	0,5	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,8	
2	Q.3M1	T.Bình	25,6	25,7	25,6	25,5	25,4	25,3	25,3	25,4	25,4	25,3	25,5	25,6	25,4	
		Max	26,0	25,8	25,7	25,8	25,7	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,7	26,0	6/1/2023
		Min	25,3	25,5	25,5	25,2	25,2	25,2	25,2	25,3	25,2	25,2	25,4	25,5	25,2	30/4/2023
		ΔT	0,7	0,3	0,2	0,6	0,5	0,3	0,3	0,2	0,3	0,3	0,2	0,2	0,8	
3	Q.4M1	T.Bình	24,9	24,9	24,8	24,8	24,8	24,7	24,7	24,7	24,7	24,7	24,7	24,8	24,8	
		Max	24,9	24,9	24,9	24,8	24,8	24,7	24,7	24,7	24,7	24,7	24,8	24,8	24,9	8/1/2023
		Min	24,8	24,8	24,8	24,8	24,7	24,7	24,7	24,7	24,7	24,7	24,7	24,8	24,7	14/5/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,2	
4	Q.5	T.Bình	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,8	
		Max	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,8	1/1/2023
		Min	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	4/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	
5	Q.6	T.Bình	26,1	26,1	26,0	25,8	25,7	25,6	25,6	25,7	25,9	26,1	26,1	26,1	25,9	
		Max	26,1	26,1	26,0	25,9	25,8	25,7	25,6	25,8	26,0	26,1	26,1	26,2	26,2	12/12/2023
		Min	26,0	26,0	25,9	25,8	25,7	25,6	25,6	25,6	25,8	26,0	26,1	26,1	25,6	5/6/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,2	0,2	0,1	0,0	0,1	0,6	
6	Q.7	T.Bình	25,4	25,2	25,0	25,0	25,0	25,2	25,1	25,3	25,3	25,3	25,6	25,7	25,1	
		Max	25,4	25,3	25,2	25,0	25,1	25,2	25,2	25,4	25,4	25,4	25,7	25,8	25,8	24/12/2023
		Min	25,3	25,1	25,0	24,9	25,0	25,1	25,0	25,2	25,3	25,3	25,4	25,5	24,9	7/4/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,1	0,1	0,3	0,3	0,9	
7	Q.8a	T.Bình	26,4	26,4	26,3	26,3	26,3	26,3	26,3	26,4	26,4	26,4	26,5	26,5	26,4	
		Max	26,5	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	26,4	26,5	26,5	26,5	26,7	26,6	26,7	18/11/2023
		Min	26,2	26,0	26,0	26,1	26,1	26,2	26,3	26,3	26,3	26,3	26,4	26,4	26,0	24/2/2023
		ΔT	0,3	0,6	0,5	0,4	0,4	0,3	0,1	0,2	0,2	0,2	0,3	0,2	0,7	
8	Q.9aM1	T.Bình	26,7	26,6	26,3	26,0	25,7	25,4	25,3	25,4	25,8	26,1	26,3	26,5	26,0	
		Max	26,8	26,7	26,5	26,1	25,9	25,6	25,3	25,6	26,0	26,2	26,4	26,5	26,8	17/1/2023
		Min	26,7	26,5	26,1	25,9	25,6	25,3	25,3	25,3	25,6	26,0	26,2	26,4	25,3	22/6/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,4	0,2	0,3	0,3	0,0	0,3	0,4	0,2	0,2	0,1	1,5	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
9	Q.11a	T.Bình	26,4	26,5	26,2	26,2	26,3	26,3	26,4	26,5	26,4	26,5	26,5	26,5	26,4	
		Max	26,5	26,5	26,4	26,5	26,4	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	18/11/2023
		Min	26,2	26,4	26,0	26,0	26,1	26,2	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,0	6/3/2023
		ΔT	0,3	0,1	0,4	0,5	0,3	0,3	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,6	
10	Q.15	T.Bình	25,3	25,2	25,4	25,4	25,9	25,9	25,9	25,9	25,7	25,7	25,6	25,3	25,7	
		Max	25,5	25,4	25,5	25,5	26,2	26,1	26,0	26,0	25,8	25,8	25,7	25,4	26,2	30/5/2023
		Min	25,0	25,0	25,3	25,3	25,7	25,7	25,7	25,8	25,6	25,6	25,5	25,2	25,0	30/1/2023
		ΔT	0,5	0,4	0,2	0,2	0,5	0,4	0,3	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	1,2	
11	Q.23a	T.Bình	25,3	25,2	25,4	25,5	25,9	26,0	26,0	26,0	25,9	25,8	25,7	25,4	25,8	
		Max	25,5	25,4	25,5	25,7	26,2	26,2	26,1	26,1	26,0	25,9	25,8	25,4	26,2	30/5/2023
		Min	25,2	25,0	25,2	25,4	25,7	25,9	25,8	25,8	25,8	25,7	25,5	25,3	25,0	24/2/2023
		ΔT	0,3	0,4	0,3	0,3	0,5	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,3	0,1	1,2	
12	Q.33a	T.Bình	25,3	25,3	25,4	25,5	25,9	26,0	26,0	26,0	25,8	25,7	25,6	25,5	25,8	
		Max	25,5	25,4	25,6	25,7	26,3	26,2	26,1	26,1	25,9	25,8	25,7	25,5	26,3	30/5/2023
		Min	25,2	25,1	25,3	25,4	25,8	25,9	25,9	25,9	25,7	25,6	25,6	25,4	25,1	18/2/2023
		ΔT	0,3	0,3	0,3	0,3	0,5	0,3	0,2	0,2	0,2	0,2	0,1	0,1	1,2	
13	Q.35aM 1	T.Bình	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,1	25,1	25,0	25,0	25,1	25,1	25,1	25,1	
		Max	25,2	25,2	25,3	25,2	25,2	25,1	25,1	25,1	25,1	25,1	25,1	25,1	25,3	10/3/2023
		Min	25,2	25,2	25,2	25,2	25,1	25,1	25,0	25,0	25,0	25,0	25,1	25,1	25,0	25/7/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,3	
14	Q.36M1	T.Bình	25,3	25,3	25,3	25,3	25,3	25,4	25,4	25,4	25,3	25,3	25,3	25,3	25,3	
		Max	25,3	25,3	25,3	25,3	25,4	25,4	25,4	25,4	25,4	25,3	25,3	25,3	25,4	15/5/2023
		Min	25,3	25,3	25,3	25,3	25,3	25,3	25,4	25,3	25,3	25,3	25,3	25,3	25,3	1/1/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	
15	Q.37a	T.Bình	25,6	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	25,4	25,3	25,4	25,5	25,6	25,7	25,5	
		Max	25,7	25,6	25,7	25,6	25,6	25,7	25,5	25,5	25,5	25,6	25,7	25,8	25,8	24/12/2023
		Min	25,4	25,5	25,5	25,5	25,3	25,3	25,0	25,0	25,2	25,5	25,5	25,5	25,0	12/7/2023
		ΔT	0,3	0,1	0,2	0,1	0,3	0,4	0,5	0,5	0,3	0,1	0,2	0,3	0,8	
16	Q.38M1	T.Bình	25,6	25,6	25,6	25,6	25,4	25,4	25,4	25,4	25,3	25,2	25,6	25,7	25,4	
		Max	25,7	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,5	25,5	25,5	25,5	25,7	25,8	25,8	24/2/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,5	25,0	25,0	25,0	25,2	25,0	25,0	25,5	25,5	25,0	15/5/2023
		ΔT	0,2	0,3	0,2	0,2	0,7	0,7	0,5	0,3	0,5	0,5	0,2	0,3	0,8	
17	Q.50a	T.Bình	26,4	26,5	26,5	26,5	26,4	26,4	26,3	26,3	26,3	26,3	26,3	26,4	26,4	
		Max	26,4	26,5	26,5	26,5	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,5	5/2/2023
		Min	26,4	26,4	26,5	26,4	26,4	26,3	26,3	26,3	26,3	26,3	26,3	26,4	26,3	23/6/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0	0,2	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
18	Q.57a	T.Bình	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	25,3	25,4	25,5	25,7	25,4	26,6	
		Max	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	25,5	25,7	25,6	25,9	25,5	26,6	1/1/2023
		Min	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	25,2	25,0	25,0	25,3	25,5	25,3	25,0	6/8/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	1,4	0,5	0,7	0,3	0,4	0,2	1,6	
19	Q.58aM 1	T.Bình	25,2	25,2	25,3	25,3	25,3	25,4	25,4	25,4	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	
		Max	25,5	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,8	25,7	25,6	25,4	25,8	27/9/2023
		Min	25,0	25,0	25,2	25,0	25,0	25,0	25,2	25,0	25,3	25,3	25,4	25,3	25,0	24/1/2023
		ΔT	0,5	0,4	0,3	0,5	0,5	0,5	0,3	0,5	0,5	0,4	0,2	0,1	0,8	
20	Q.60aM 1	T.Bình	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	
		Max	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,8	1/1/2023
		Min	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	26/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	
21	Q.62a	T.Bình	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	26,0	26,0	26,0	25,9	
		Max	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	19/8/2023
		Min	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	25,9	26,0	26,0	25,9	1/1/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,1	
22	Q.63aM 1	T.Bình	25,3	25,2	25,4	25,6	26,0	26,1	26,0	26,0	25,9	25,8	25,6	25,5	25,8	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,6	26,3	26,3	26,1	26,1	26,0	25,9	25,7	25,5	26,3	30/5/2023
		Min	25,1	25,0	25,3	25,4	25,8	25,9	25,8	25,8	25,8	25,7	25,6	25,4	25,0	6/2/2023
		ΔT	0,4	0,5	0,2	0,2	0,5	0,4	0,3	0,3	0,2	0,2	0,1	0,1	1,3	
23	Q.64a	T.Bình	26,0	26,0	25,3	25,1	25,3	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,4	25,3	25,9	
		Max	26,0	26,0	25,5	25,3	25,7	25,5	25,5	25,5	25,3	25,5	25,5	25,6	26,0	1/1/2023
		Min	26,0	26,0	25,2	24,9	25,1	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,2	25,0	24,9	24/4/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,3	0,4	0,6	0,5	0,5	0,5	0,3	0,5	0,3	0,6	1,1	
24	Q.65bM 1	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,6	26,0	26,2	26,1	26,1	25,9	25,8	25,7	25,5	25,9	
		Max	25,6	25,5	25,5	25,8	26,3	26,3	26,3	26,3	26,0	26,0	25,8	25,6	26,3	30/5/2023
		Min	25,3	25,3	25,3	25,5	25,8	26,0	26,0	25,8	25,8	25,7	25,6	25,4	25,3	30/1/2023
		ΔT	0,3	0,2	0,2	0,3	0,5	0,3	0,3	0,5	0,2	0,3	0,2	0,2	1,0	
25	Q.66b	T.Bình	25,4	25,3	25,2	25,1	25,2	25,3	25,2	25,3	25,2	25,2	25,3	25,3	25,2	
		Max	25,5	25,5	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,3	25,2	25,1	24,8	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	24,8	18/4/2023
		ΔT	0,2	0,3	0,3	0,7	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,7	
26	Q.67a	T.Bình	25,3	25,3	25,4	25,7	26,0	26,1	26,0	26,0	26,0	25,8	25,7	25,6	25,8	
		Max	25,5	25,4	25,5	25,8	26,3	26,3	26,2	26,2	26,1	25,9	25,8	25,6	26,3	30/5/2023
		Min	25,2	25,2	25,3	25,6	25,7	25,9	25,9	26,0	25,9	25,7	25,7	25,5	25,2	30/1/2023
		ΔT	0,3	0,2	0,2	0,2	0,6	0,4	0,3	0,2	0,2	0,2	0,1	0,1	1,1	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
27	Q.68b	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,7	26,0	26,1	26,0	26,0	25,9	25,9	25,7	25,5	25,8	
		Max	25,5	25,5	25,5	25,8	26,2	26,2	26,1	26,1	26,0	26,0	25,8	25,6	26,2	27/5/2023
		Min	25,4	25,3	25,3	25,5	25,8	25,9	25,9	25,9	25,8	25,7	25,6	25,4	25,3	18/2/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,2	0,3	0,4	0,3	0,2	0,2	0,2	0,3	0,2	0,2	0,9	
28	Q.69a	T.Bình	25,9	25,9	25,8	25,8	25,8	24,8	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	25,9	
		Max	25,9	25,9	25,8	25,8	25,8	25,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	11/7/2023
		Min	25,9	25,8	25,8	25,8	25,0	24,5	25,2	26,0	26,0	26,0	25,9	25,9	24,5	6/6/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,0	0,0	0,8	0,5	0,8	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	1,5	
29	Q.75a	T.Bình	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	
		Max	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	1/1/2023
		Min	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,1	26,1	12/5/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	
30	Q.76a	T.Bình	25,4	25,3	25,4	25,5	25,9	26,0	26,0	26,0	25,7	25,6	25,6	25,4	25,7	
		Max	25,5	25,4	25,5	25,6	26,2	26,2	26,1	26,1	25,9	25,8	25,7	25,5	26,2	30/5/2023
		Min	25,3	25,2	25,3	25,4	25,8	25,8	25,8	25,8	25,5	25,5	25,6	25,3	25,2	18/2/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,2	0,2	0,4	0,4	0,3	0,3	0,4	0,3	0,1	0,2	1,0	
31	Q.77a	T.Bình	25,4	25,4	25,4	25,6	26,0	26,0	25,9	26,0	25,8	25,7	25,7	25,5	25,8	
		Max	25,4	25,5	25,5	25,7	26,3	26,3	26,1	26,1	25,9	25,8	25,7	25,6	26,3	30/5/2023
		Min	25,3	25,2	25,2	25,5	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,6	25,6	25,4	25,2	24/2/2023
		ΔT	0,1	0,3	0,3	0,2	0,5	0,5	0,3	0,3	0,2	0,2	0,1	0,2	1,1	
32	Q.82a	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,7	25,8	25,8	25,7	25,6	25,5	25,5	25,6	
		Max	25,5	25,5	25,6	25,6	25,7	25,8	25,9	25,9	25,8	25,7	25,6	25,6	25,9	27/7/2023
		Min	25,4	25,4	25,4	25,4	25,5	25,6	25,6	25,7	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,2	0,3	0,2	0,3	0,2	0,1	0,2	0,5	
33	Q.83b	T.Bình	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,8	25,9	25,9	25,8	25,7	25,7	25,7	25,7	
		Max	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	26,0	26,1	26,0	26,0	25,8	25,8	25,8	26,1	27/7/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,7	25,8	25,8	25,6	25,7	25,7	25,6	25,5	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,3	0,3	0,2	0,4	0,1	0,1	0,2	0,6	
34	Q.84b	T.Bình	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	25,8	25,9	25,9	25,8	25,8	25,7	25,7	25,8	
		Max	25,6	25,6	25,6	25,6	25,8	25,9	26,0	26,0	26,0	26,0	25,8	25,7	26,0	6/7/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,7	25,8	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,5	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,3	0,4	0,4	0,2	0,1	0,5	
35	Q.85b	T.Bình	25,6	25,4	25,4	25,3	25,4	25,8	25,7	26,0	25,9	25,8	25,8	25,7	25,6	
		Max	25,7	25,5	25,4	25,4	26,0	26,3	26,1	26,7	26,5	25,8	25,9	25,7	26,7	1/8/2023
		Min	25,5	25,4	25,4	25,2	25,3	25,4	25,6	25,7	25,7	25,8	25,7	25,7	25,2	18/4/2023
		ΔT	0,2	0,1	0,0	0,2	0,7	0,9	0,5	1,0	0,8	0,0	0,2	0,0	1,5	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
36	Q.86aM 1	T.Bình	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	25,9	25,9	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	
		Max	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	25,9	26,0	26,0	25,9	25,9	25,8	25,8	26,0	27/7/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,7	25,7	25,6	25,7	25,7	25,6	25,5	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,3	0,3	0,3	0,3	0,2	0,1	0,2	0,5	
37	Q.87b	T.Bình	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	25,8	26,0	25,9	25,8	25,8	25,7	25,7	25,8	
		Max	25,6	25,6	25,6	25,7	25,8	26,0	26,0	26,0	25,9	25,9	25,8	25,8	26,0	21/6/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,6	25,6	25,7	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,6	25,5	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,3	0,2	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2	0,5	
38	Q.88b	T.Bình	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	25,8	26,0	25,9	25,8	25,8	25,8	25,7	25,8	
		Max	25,6	25,6	25,7	25,7	25,8	26,0	26,0	26,0	25,9	25,9	25,9	25,8	26,0	21/6/2023
		Min	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,7	25,8	25,8	25,7	25,7	25,7	25,6	25,5	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,3	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,5	
39	Q.116a	T.Bình	26,6	26,6	26,5	25,8	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	
		Max	26,8	26,7	26,7	26,1	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	26,8	24/1/2023
		Min	26,5	26,5	26,3	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	5/7/2023
		ΔT	0,3	0,2	0,4	0,4	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	1,2	
40	Q.119b M1	T.Bình	25,2	25,2	25,2	25,3	25,4	25,4	25,5	25,4	25,4	25,4	25,3	25,1	25,4	
		Max	25,2	25,3	25,3	25,3	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,4	25,4	25,2	25,5	6/5/2023
		Min	25,2	25,0	25,1	25,2	25,2	25,3	25,5	25,3	25,3	25,3	25,2	25,0	25,0	18/2/2023
		ΔT	0,0	0,3	0,2	0,1	0,3	0,2	0,0	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2	0,5	
41	Q.120b	T.Bình	25,4	25,2	25,5	25,6	26,0	26,1	25,9	25,9	25,9	25,8	25,7	25,5	25,8	
		Max	25,5	25,4	25,6	25,8	26,2	26,2	26,1	26,1	26,0	25,9	25,8	25,6	26,2	3/5/2023
		Min	25,2	25,1	25,3	25,5	25,8	25,9	25,8	25,8	25,8	25,7	25,7	25,5	25,1	18/2/2023
		ΔT	0,3	0,3	0,3	0,3	0,4	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,1	0,1	1,1	
42	Q.127a	T.Bình	25,2	25,2	25,2	25,3	25,4	25,5	25,5	25,4	25,3	25,4	25,3	25,1	25,4	
		Max	25,2	25,3	25,3	25,3	25,5	25,6	25,6	25,5	25,5	25,4	25,4	25,2	25,6	3/6/2023
		Min	25,1	25,2	25,1	25,2	25,2	25,3	25,5	25,3	25,0	25,3	25,2	25,0	25,0	12/9/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,2	0,1	0,3	0,3	0,1	0,2	0,5	0,1	0,2	0,2	0,6	
43	Q.129b M1	T.Bình	25,2	25,4	25,3	25,4	25,5	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	25,3	25,1	25,4	
		Max	25,2	25,5	25,5	25,5	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,5	25,3	25,7	6/5/2023
		Min	25,2	25,2	25,2	25,3	25,2	25,3	25,5	25,4	25,4	25,3	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,0	0,3	0,3	0,2	0,5	0,4	0,1	0,2	0,2	0,3	0,5	0,5	0,9	
44	Q.130b M1	T.Bình	24,7	24,6	24,7	25,3	25,4	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	25,3	25,0	24,8	
		Max	24,7	24,6	25,2	25,4	25,7	25,6	25,6	25,5	25,6	25,6	25,4	25,2	25,7	30/5/2023
		Min	24,5	24,5	24,5	25,2	25,2	25,3	25,5	25,4	25,4	25,3	25,2	24,8	24,5	30/1/2023
		ΔT	0,2	0,1	0,7	0,2	0,5	0,3	0,1	0,1	0,2	0,3	0,2	0,4	1,2	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
45	Q.131b	T.Bình	25,2	25,2	25,2	25,3	25,5	25,5	25,6	25,5	25,4	25,5	25,4	25,1	25,4	
		Max	25,2	25,3	25,3	25,4	25,7	25,7	25,6	25,6	25,5	25,6	25,5	25,3	25,7	6/5/2023
		Min	25,2	25,2	25,2	25,3	25,2	25,3	25,5	25,5	25,3	25,3	25,3	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,0	0,1	0,1	0,1	0,5	0,4	0,1	0,1	0,2	0,3	0,2	0,5	0,9	
46	Q.141a	T.Bình	25,0	25,1	25,1	25,2	25,2	25,3	25,3	25,2	25,0	25,0	24,9	25,1	25,1	
		Max	25,1	25,3	25,4	25,6	25,4	25,6	25,6	25,3	25,4	25,3	25,1	25,3	25,6	12/4/2023
		Min	24,9	25,0	25,0	25,0	25,1	25,2	25,2	25,0	24,9	24,8	24,8	24,9	24,8	21/10/2023
		ΔT	0,2	0,3	0,4	0,6	0,3	0,4	0,4	0,3	0,5	0,5	0,3	0,4	0,8	
47	Q.173	T.Bình	25,3	25,1	25,3	25,5	25,9	25,9	25,9	25,9	25,8	25,7	25,6	25,3	25,7	
		Max	25,5	25,3	25,4	25,5	26,1	26,0	26,1	26,1	25,9	25,8	25,7	25,5	26,1	30/5/2023
		Min	25,1	25,0	25,1	25,4	25,7	25,8	25,8	25,7	25,6	25,5	25,2	25,0	25,0	18/2/2023
		ΔT	0,4	0,3	0,3	0,1	0,4	0,2	0,3	0,3	0,2	0,2	0,2	0,3	1,1	
48	Q.175a	T.Bình	25,3	25,1	25,2	25,1	25,1	25,1	25,3	25,5	25,8	25,9	25,9	25,9	25,7	
		Max	25,5	25,2	25,3	25,2	25,3	25,5	25,5	25,6	26,0	26,1	25,9	26,0	26,1	1/10/2023
		Min	25,0	25,0	25,1	25,0	25,0	25,0	25,3	25,6	25,8	25,8	25,9	25,0	25,0	6/1/2023
		ΔT	0,5	0,2	0,2	0,2	0,3	0,5	0,5	0,3	0,4	0,3	0,1	0,1	1,1	
49	Q.176a	T.Bình	25,3	25,2	25,3	25,0	25,2	25,0	25,0	25,0	25,1	25,2	25,4	25,1		
		Max	25,5	25,3	25,5	25,2	25,5	25,3	25,3	25,2	25,2	25,5	25,6	25,6	24/12/2023	
		Min	25,1	25,0	25,0	25,0	25,0	24,6	24,2	24,6	24,6	25,0	24,8	25,0	24,2	21/7/2023
		ΔT	0,4	0,3	0,5	0,2	0,5	0,7	1,1	0,6	0,6	0,2	0,7	0,6	1,4	
50	Q.177a	T.Bình	25,3	25,1	25,2	25,1	25,3	25,0	25,1	25,1	25,2	25,1	25,3	25,4	25,2	
		Max	25,5	25,2	25,3	25,2	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,6	25,6	24/12/2023
		Min	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0	24,8	24,8	24,8	25,0	25,0	25,0	25,0	24,8	6/6/2023
		ΔT	0,5	0,2	0,3	0,2	0,5	0,7	0,7	0,7	0,5	0,5	0,5	0,6	0,8	
51	Q.193a	T.Bình	24,6	24,6	24,6	24,6	24,6	24,6	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,6	
		Max	24,6	24,6	24,6	24,6	24,6	24,6	24,6	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,6	1/1/2023
		Min	24,5	24,6	24,6	24,6	24,6	24,6	24,5	24,5	24,4	24,4	24,5	24,5	24,4	1/9/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,2	
52	Q.217	T.Bình	26,3	26,4	26,4	26,4	26,3	26,3	25,8	25,8	25,8	25,8	25,7	25,6	26,4	
		Max	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,0	26,1	26,0	26,0	25,9	25,8	26,4	27/1/2023
		Min	26,3	26,4	26,4	26,4	26,3	25,7	25,5	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	25,5	15/7/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,7	0,5	0,6	0,4	0,5	0,4	0,3	0,9	
53	Q.92M1	T.Bình	25,5	25,5	25,5	25,6	25,6	25,8	25,9	25,8	25,8	25,7	25,6	25,6	25,7	
		Max	25,6	25,5	25,6	25,6	25,7	25,9	26,0	26,0	26,0	25,8	25,7	25,7	26,0	6/7/2023
		Min	25,4	25,4	25,5	25,5	25,5	25,6	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,5	25,4	18/1/2023
		ΔT	0,2	0,1	0,1	0,1	0,2	0,3	0,3	0,3	0,4	0,2	0,1	0,2	0,6	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
54	Q.108b M1	T.Bình	25,6	25,7	25,7	25,6	25,7	25,9	26,1	25,9	25,9	26,0	25,9	25,9	25,8	
		Max	25,7	25,7	25,7	25,7	25,8	26,2	26,2	26,0	26,0	26,0	26,0	26,0	26,2	21/6/2023
		Min	25,5	25,6	25,6	25,5	25,6	25,7	25,9	25,8	25,7	25,9	25,9	25,8	25,5	18/1/2023
		ΔT	0,2	0,1	0,1	0,2	0,2	0,5	0,3	0,2	0,3	0,1	0,1	0,2	0,7	
55	Q.109a	T.Bình	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	
		Max	26,5	26,5	26,6	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	4/3/2023
		Min	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	1/1/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	
56	Q.110a	T.Bình	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,1	26,8	26,8	26,8	26,8	27,1	
		Max	27,2	27,2	27,2	27,3	27,3	27,3	27,2	27,2	26,9	26,8	26,8	26,9	27,3	30/4/2023
		Min	27,1	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	27,2	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	26/8/2023
		ΔT	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0	0,4	0,1	0,0	0,0	0,1	0,5	
57	Q.142	T.Bình	24,9	25,0	25,0	25,2	25,1	25,2	25,3	25,1	25,0	24,9	24,8	25,1	25,1	
		Max	25,1	25,2	25,0	25,3	25,2	25,4	25,5	25,3	25,3	25,2	24,9	25,3	25,5	9/7/2023
		Min	24,7	24,9	24,9	25,0	24,9	25,0	25,2	24,9	24,8	24,6	24,8	24,9	24,6	24/10/2023
		ΔT	0,4	0,3	0,1	0,3	0,3	0,4	0,3	0,4	0,5	0,6	0,1	0,4	0,9	
58	Q.145a	T.Bình	25,2	25,2	25,2	25,2	25,4	25,5	25,5	25,4	25,4	25,4	25,3	24,9	25,3	
		Max	25,3	25,2	25,3	25,2	25,5	25,5	25,6	25,5	25,5	25,5	25,4	25,1	25,6	12/7/2023
		Min	25,2	25,1	25,0	25,1	25,2	25,3	25,5	25,3	25,2	25,3	25,1	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,3	0,1	0,3	0,2	0,1	0,2	0,3	0,2	0,3	0,3	0,8	
59	Q.148a	T.Bình	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	25,1	26,5	
		Max	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	25,3	26,6	2/3/2023
		Min	26,5	26,5	26,5	26,6	26,6	26,5	26,5	26,5	26,5	26,5	25,3	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	1,2	0,5	1,8	
60	Q.156a M1	T.Bình	25,6	25,6	25,6	25,4	25,2	25,2	25,3	25,3	25,3	25,3	25,7	25,7	25,6	
		Max	25,7	25,7	25,6	25,6	25,3	25,3	25,3	25,3	25,4	25,4	25,7	25,7	25,7	27/1/2023
		Min	25,6	25,6	25,5	25,0	25,0	25,0	25,2	25,2	25,2	25,2	25,3	25,7	25,0	30/4/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,6	0,3	0,3	0,1	0,1	0,2	0,2	0,4	0,0	0,7	
61	Q.158a M1	T.Bình	25,4	25,3	25,3	25,2	25,2	25,1	25,2	25,3	25,3	25,3	25,9	25,9	25,4	0/1/1900
		Max	25,5	25,4	25,4	25,3	25,3	25,3	25,3	25,3	25,4	25,4	25,9	25,9	25,9	12/1/2023
		Min	25,3	25,2	25,2	25,0	25,2	25,0	25,0	25,2	25,2	25,2	25,3	25,9	25,0	12/4/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,2	0,3	0,1	0,3	0,3	0,1	0,2	0,2	0,6	0,0	0,9	0/1/1900
62	Q.159b	T.Bình	25,4	25,4	25,3	25,1	25,2	25,3	25,3	25,3	25,3	25,3	25,7	25,7	25,7	
		Max	25,5	25,5	25,4	25,3	25,3	25,3	25,4	25,4	25,4	25,4	25,8	25,7	25,8	22/11/2023
		Min	25,3	25,3	25,2	25,0	25,0	25,2	25,2	25,2	25,2	25,2	25,3	25,7	25,0	12/4/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,2	0,3	0,3	0,1	0,2	0,2	0,2	0,2	0,5	0,0	0,8	

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
63	Q.167a	T.Bình	26,4	26,5	26,4	26,3	26,2	25,6	25,6	25,6	25,5	25,3	25,4	25,6	25,8	
		Max	26,5	26,6	26,6	26,5	26,8	26,5	25,9	25,7	25,7	25,4	25,6	25,7	26,8	6/5/2023
		Min	26,2	26,3	26,2	25,8	25,7	25,2	25,3	25,3	25,2	25,1	25,3	25,4	25,1	24/10/2023
		ΔT	0,3	0,3	0,4	0,7	1,1	1,3	0,6	0,4	0,5	0,3	0,3	0,3	1,7	

III. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Neogen (n)

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	Q.4aM1	T.Bình	26,4	26,3	25,7	25,6	25,5	25,6	25,6	25,5	25,4	25,3	25,5	25,6	25,6	
		Max	26,5	26,5	26,0	25,8	25,7	25,7	25,7	25,6	25,5	25,5	25,6	25,7	26,5	12/1/2023
		Min	26,0	26,2	25,5	25,4	25,0	25,5	25,5	25,3	25,2	25,2	25,4	25,5	25,0	6/5/2023
		ΔT	0,5	0,3	0,5	0,4	0,7	0,2	0,2	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	1,5	
2	Q.149	T.Bình	25,2	25,2	25,1	25,2	25,3	25,5	25,5	25,4	25,3	25,2	25,1	25,0	25,3	
		Max	25,2	25,3	25,2	25,3	25,5	25,5	25,6	25,5	25,5	25,3	25,2	25,2	25,6	30/9/2023
		Min	25,1	25,2	25,0	25,1	25,1	25,3	25,5	25,3	25,2	25,1	25,0	24,8	24,8	18/12/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,2	0,2	0,4	0,2	0,1	0,2	0,3	0,2	0,2	0,4	0,8	
3	Q.175b	T.Bình	25,4	25,1	25,3	25,0	25,1	25,1	25,1	25,1	25,1	25,2	25,3	25,3	25,2	
		Max	25,5	25,2	25,5	25,2	25,5	25,4	25,4	25,4	25,3	25,5	25,5	25,6	25,6	24/12/2023
		Min	25,4	25,0	25,1	24,8	24,7	24,9	24,8	24,8	24,8	25,0	25,0	25,0	24,7	3/5/2023
		ΔT	0,1	0,2	0,4	0,4	0,8	0,5	0,6	0,6	0,5	0,5	0,5	0,6	0,9	
4	Q.193b	T.Bình	25,2	25,2	25,3	25,3	25,4	25,4	25,5	25,4	25,4	25,4	25,3	25,1	25,4	
		Max	25,3	25,2	25,5	25,3	25,5	25,6	25,6	25,5	25,5	25,5	25,4	25,2	25,6	3/6/2023
		Min	25,2	25,1	25,1	25,2	25,2	25,3	25,5	25,3	25,3	25,3	25,2	25,0	25,0	12/6/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,4	0,1	0,3	0,3	0,1	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,6	
5	Q.213	T.Bình	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	
		Max	25,7	25,7	25,7	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,7	5/1/2023
		Min	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	1/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	
6	Q.214	T.Bình	25,5	25,5	25,6	25,7	26,2	26,2	26,1	26,1	25,9	25,9	25,7	25,6	25,9	
		Max	25,6	25,6	25,7	26,0	26,4	26,4	26,3	26,3	26,0	26,0	25,8	25,6	26,4	30/5/2023
		Min	25,4	25,4	25,4	25,5	26,1	26,0	26,0	26,0	25,8	25,7	25,7	25,5	25,4	30/1/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,3	0,5	0,3	0,4	0,3	0,3	0,2	0,3	0,1	0,1	1,0	
7	Q.215	T.Bình	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,3	26,3	26,4	
		Max	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,3	26,3	26,4	1/1/2023
		Min	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,4	26,3	26,3	26,3	26,3	16/10/2023
		ΔT	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,1	
8	Q.216	T.Bình	25,5	25,4	25,5	25,6	26,1	26,2	26,2	26,2	25,9	25,9	25,5	25,5	25,9	
		Max	25,6	25,5	25,6	25,7	26,3	26,3	26,3	26,3	26,0	26,0	25,8	25,5	26,3	21/5/2023
		Min	25,4	25,3	25,4	25,5	25,9	26,0	26,0	26,0	25,8	25,7	25,2	25,4	25,2	30/11/2023
		ΔT	0,2	0,2	0,2	0,2	0,4	0,3	0,3	0,3	0,2	0,3	0,6	0,1	1,1	
9	Q.109b	T.Bình	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	
		Max	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	1/1/2023
		Min	26,5	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	26,6	26,6	26,6	26,6	26,5	1/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	

IV. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên Triat giữa – trên (t₂₋₃)

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	Q.116b	T.Bình	26,6	26,6	26,5	26,1	26,3	26,4	26,3	26,3	26,1	26,0	26,5	26,6	26,3	
		Max	26,8	26,7	26,7	26,3	26,5	26,6	26,6	26,5	26,5	26,2	26,7	26,7	26,8	24/1/2023
		Min	26,5	26,5	26,1	26,0	26,0	26,2	26,0	26,0	25,5	25,5	26,0	26,5	25,5	24/9/2023
		ΔT	0,3	0,2	0,6	0,3	0,5	0,4	0,6	0,5	1,0	0,7	0,7	0,2	1,3	

V. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích carbonat Triat giữa (t₂)

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	Q.92aM1	T.Bình	25,7	25,7	25,7	25,7	25,7	25,9	26,2	26,1	26,1	26,1	26,0	25,9	25,9	
		Max	25,7	25,7	25,7	25,7	25,8	26,1	26,3	26,2	26,2	26,2	26,1	26,1	26,3	6/7/2023
		Min	25,6	25,6	25,6	25,6	25,6	25,8	26,0	25,9	26,0	26,0	26,0	25,8	25,6	18/1/2023
		ΔT	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,1	0,3	0,7	
2	Q.177b	T.Bình	25,4	25,1	25,3	25,1	25,2	25,1	25,2	25,2	25,2	25,2	25,3	25,4	25,2	
		Max	25,5	25,2	25,5	25,2	25,4	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	25,5	6/1/2023
		Min	25,0	25,0	25,1	25,0	25,0	24,9	24,9	25,0	25,0	25,0	25,2	25,2	24,9	6/6/2023
		ΔT	0,5	0,2	0,4	0,2	0,4	0,6	0,6	0,5	0,5	0,5	0,3	0,3	0,6	

VI. Tầng chứa nước khe nứt; khe nứt karst trong các trầm tích carbonat Cacbon-Pecmi (c-p)

STT	SHCT	Đặc trưng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	Q.143a	T.Bình	25,1	25,1	25,1	25,3	25,2	25,3	25,4	25,1	25,1	25,0	25,0	25,2	25,2	
		Max	25,2	25,2	25,2	25,6	25,4	25,6	25,6	25,4	25,4	25,3	25,0	25,4	25,6	12/4/2023
		Min	24,9	25,0	25,0	25,1	25,1	25,2	25,3	25,0	25,0	24,8	24,9	25,0	24,8	24/10/2023
		ΔT	0,3	0,2	0,2	0,5	0,3	0,4	0,3	0,4	0,4	0,5	0,1	0,4	0,8	
2	Q.142a	T.Bình	24,7	24,2	23,9	23,7	23,7	23,9	24,3	24,6	24,9	25,2	25,3	25,2	24,4	
		Max	24,9	24,5	24,1	23,8	23,8	24,1	24,5	24,8	25,1	25,3	25,3	25,3	25,3	24/10/2023
		Min	24,4	24,0	23,7	23,6	23,6	23,8	24,1	24,5	24,7	25,0	25,2	25,1	23,6	14/4/2023
		ΔT	0,5	0,5	0,4	0,2	0,2	0,3	0,4	0,3	0,4	0,3	0,1	0,2	1,7	

VII. Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích biến chất Ordovic-Silur (o-s)

STT	SHCT	Đặc trung	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Trong năm	Ngày tháng
1	Q.164b	T.Bình	26,4	26,4	26,1	26,2	26,1	26,4	26,4	26,4	26,4	26,3	26,3	26,4	26,3	
		Max	26,6	26,5	26,4	26,4	26,4	26,7	26,7	26,7	26,6	26,5	26,5	26,5	26,7	24/6/2023
		Min	26,2	26,3	25,9	25,9	25,6	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,2	26,3	25,6	21/5/2023
		ΔT	0,4	0,2	0,5	0,5	0,8	0,5	0,5	0,5	0,4	0,3	0,3	0,2	1,1	

PHẦN 4

CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đối với chất lượng nước, biên soạn toàn bộ số liệu phân tích thực tế trong năm 2023. Các chỉ tiêu nghiên cứu mùa khô (kí hiệu K) và mùa mưa (kí hiệu M). Các chỉ tiêu nghiên cứu được chia làm hai loại: nguyên tố đa lượng và nguyên tố vi lượng.

Đối với nguyên tố đa lượng:

Các kết quả được xác định trong điều kiện khác nhau và các phương pháp khác nhau. Các chỉ tiêu được lấy mẫu và phân tích theo các phương pháp như sau:

- Độ pH xác định bằng dụng cụ chuyên dụng đo độ pH hiện có
- SiO_2 xác định bằng phương pháp trắc quang
- Độ cứng xác định bằng phương pháp thể tích
- Cặn sấy khô (TDS) xác định bằng phương pháp trọng lượng cặn thu được khi chưng cất nước ở nhiệt độ ổn định 105°C .
- Xác định HCO_3^- bằng phương pháp thể tích
- Xác định Cl^- bằng phương pháp thể tích
- Xác định SO_4^{2-} bằng phương pháp thể tích
- Xác định NH_4^+ ; NO_3^- ; NO_2^- bằng phương pháp trắc quang
- Xác định Ca^{+2} bằng phương pháp thể tích
- Xác định Mg^{+2} theo kết quả xác định độ cứng tổng quát và Ca^{+2}
- Xác định Fe^{+2} và Fe^{+3} bằng phương pháp thể tích
- Xác định K^+ và Na^+ bằng phương pháp trắc quang

Đối với nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn:

Các chỉ tiêu vi lượng (As, Hg, Se, Be, Cr, Cd, Pb, Cu, Zn, Mn, Ni, I, F), nhiễm bẩn (NH_4^+ , NO_3^- , NO_2^- , PO_4^{3-}). Phương pháp phân tích các chỉ tiêu này như sau:

- Các chỉ tiêu vi lượng: Hấp thụ nguyên tử, riêng F, I là hoá- hoá lý.
- Môi trường: TCVN 6001-95 (BOD_5), TCVN 4565-88(COD).
- Nhiễm bẩn: So màu, riêng ôxi hoá dùng phương pháp chuẩn độ.

Các chỉ tiêu phân tích mẫu toàn diện, sắt chuyên môn, nhiễm bẩn, vi sinh (trừ độ pH) có đơn vị tính là mg/l, lấy chính xác đến 0,01mg/l, các chỉ tiêu vi lượng đơn vị tính là mg/l, tùy theo mức độ phát hiện lấy chính xác từ

0,01mg/l đến 0,0001mg/l, độ tổng khoáng hóa (TDS) lấy bằng cặn sấy khô không lấy phần thập phân.

Các chỉ tiêu phân tích được đánh giá so sánh với Quy chuẩn quốc gia QCVN09:2023/BTNMT về chất lượng nước dưới đất.

I. Các nguyên tố đa lượng

I.1. Tầng chứa nước lỗ hồng trong trầm tích Holocen (qh)

I.1.1 Lớp chứa nước lỗ hồng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105 ^o (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
1	Q.1	K	15,30	1,25	168,34	12,16	0,54	0,59	0,28	41,65	14,41	530,87	0,00	0,01	0,02	940	13,00	536	6,59
		M	26,10	0,50	46,09	87,55	0,02	0,02	0,10	43,43	33,62	530,87	0,00	0,04	2,13	950	6,96	524	7,36
2	Q.2	K	17,90	0,50	52,10	15,81	0,02	0,29	0,28	13,29	4,80	259,34	0,00	0,01	0,02	390	9,21	251	6,56
		M	16,20	0,50	31,06	12,77	0,02	0,10	0,01	12,41	10,81	167,81	0,00	0,01	0,21	260	6,24	183	7,10
3	Q.9M2	K	6,30	2,50	142,28	32,83	0,25	0,41	1,40	21,27	14,41	570,54	0,00	0,01	0,02	980	7,48	526	6,98
		M	30,40	1,25	48,10	77,82	0,02	0,10	1,06	27,47	38,42	527,82	0,00	0,05	0,02	880	6,45	504	7,21
4	Q.10M1	K	8,10	2,00	130,26	31,62	0,27	1,23	4,40	23,93	4,80	552,23	0,00	0,03	0,02	910	7,06	502	6,81
		M	23,20	1,20	135,27	2,43	0,83	10,50	3,01	38,11	165,70	259,34	0,00	0,03	0,12	695	7,15	530	6,82
5	Q.32M1	K	21,90	1,25	112,22	53,51	0,31	1,82	2,78	21,27	28,82	613,25	0,00	0,08	0,02	1.000	8,00	571	7,57
		M	56,40	2,30	145,29	1,22	0,22	7,70	2,40	33,68	55,23	509,52	0,00	0,02	0,23	735	10,82	582	7,35
6	Q.33M1	K	28,30	1,00	106,21	15,81	0,23	0,45	12,25	41,65	14,41	433,24	0,00	0,01	0,02	660	8,00	456	7,48
		M	22,80	1,25	32,06	59,59	0,24	1,13	9,83	44,31	4,80	411,89	0,00	1,95	0,02	650	8,78	405	7,25
7	Q.56	K	38,50	3,60	109,22	23,71	0,58	12,25	0,60	36,34	9,61	530,87	0,00	0,03	0,02	740	5,15	515	7,05
		M	36,20	9,40	34,07	85,12	0,07	0,39	0,12	34,56	33,62	543,08	0,00	0,19	0,02	870	8,35	524	7,23

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
8	Q.57	K	105,20	1,25	104,21	37,69	0,30	0,35	29,75	159,53	4,80	610,20	0,00	0,01	0,02	830	8,57	764	6,77
		M	61,60	1,25	88,18	38,91	0,02	0,02	8,14	71,79	24,02	503,42	0,00	0,39	0,02	760	7,89	567	6,96
9	Q.58M1	K	76,40	3,60	72,14	25,54	0,69	1,39	42,75	132,94	0,00	479,01	0,00	0,01	0,02	570	9,43	617	6,70
		M	109,00	4,10	70,14	27,97	0,56	1,17	21,78	131,17	0,00	503,42	0,00	0,02	0,02	580	11,64	642	6,88
10	Q.59a	K	19,70	1,00	66,13	19,46	0,08	0,57	2,80	29,25	0,00	314,25	0,00	0,01	0,02	490	8,00	312	6,77
		M	28,90	0,50	66,13	15,81	0,02	0,14	0,01	28,36	19,21	283,74	0,00	0,01	2,08	460	6,58	318	7,10
11	Q.60M2	K	22,10	2,00	36,07	25,54	0,05	0,39	4,20	11,52	4,80	289,85	0,00	0,01	0,02	390	6,00	264	7,02
		M	28,40	1,25	40,08	21,89	0,02	0,04	2,27	14,18	4,80	286,79	0,00	0,14	0,02	380	6,62	272	7,18
12	Q.67	K	8,10	3,70	82,16	21,89	0,36	1,72	0,56	16,84	43,23	311,20	0,00	0,70	0,02	590	4,00	348	7,39
		M	6,70	1,25	38,08	34,05	0,31	1,70	0,01	16,84	24,02	253,23	0,00	0,02	0,37	470	6,88	266	7,59
13	Q.83	K	17,60	2,50	96,19	19,46	0,35	0,53	0,56	35,45	4,80	378,32	0,00	0,08	0,27	640	8,70	384	7,05
		M	58,20	2,50	66,13	19,46	0,02	0,14	0,01	36,34	76,85	299,00	0,00	0,01	0,31	490	6,29	428	7,33
14	Q.84	K	28,10	6,95	76,15	19,46	0,38	0,41	0,28	39,88	4,80	341,71	0,00	1,25	0,02	540	6,00	363	7,18
		M	38,40	5,90	20,04	49,86	0,22	0,34	0,20	46,09	28,82	308,15	0,00	0,02	0,73	510	6,46	364	7,51
15	Q.85	K	31,00	6,40	44,09	23,10	0,96	2,66	6,00	52,29	4,80	277,64	0,00	0,01	0,02	410	12,80	331	6,48
		M	25,00	5,00	50,10	19,46	0,37	1,35	0,28	58,49	0,00	225,77	0,00	3,20	0,02	410	9,11	294	7,07

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
16	Q.87	K	18,70	1,25	102,20	19,46	0,22	0,39	0,84	11,52	0,00	445,45	0,00	0,01	0,02	670	10,81	398	7,04
		M	26,10	3,20	64,13	32,83	0,23	0,80	0,01	30,13	4,80	378,32	0,00	0,03	1,38	590	8,36	370	7,61
17	Q.88	K	61,20	11,20	116,23	36,48	0,21	0,53	21,75	56,72	0,00	695,63	0,00	0,01	0,02	880	10,70	676	6,75
		M	37,00	9,40	102,20	38,91	0,02	0,14	18,53	23,18	0,00	640,71	0,00	1,80	0,02	830	7,34	571	6,95
18	Q.89	K	16,00	2,00	108,22	24,32	0,20	1,00	0,28	18,61	4,80	460,70	0,00	2,25	0,14	740	4,00	421	7,08
		M	11,50	0,50	96,19	34,05	0,02	0,17	0,01	11,52	9,61	463,75	0,00	0,01	0,37	760	6,79	411	7,49
19	Q.107	K	462,00	25,00	100,20	114,30	0,20	0,63	7,28	641,65	168,11	854,28	0,00	2,50	0,02	1.440	12,00	1.989	7,38
		M	705,00	41,00	45,09	170,24	0,02	0,13	6,68	1.090,09	108,07	933,61	0,00	2,85	0,02	1.625	14,14	2.673	7,16
20	Q.115M1	K	71,40	1,15	60,12	51,68	6,80	1,76	2,90	166,62	55,23	308,15	0,00	0,01	2,15	725	5,70	586	6,80
		M	53,60	6,00	70,14	38,91	0,11	0,12	4,49	157,75	33,62	262,39	0,00	0,01	0,02	670	7,34	513	6,82
21	Q.121M1	K	6,20	1,00	30,06	6,38	0,17	0,83	0,45	7,98	1,20	131,19	0,00	0,02	0,02	203	6,00	132	8,07
		M	7,50	0,50	31,06	6,39	0,02	0,17	0,01	7,98	2,40	131,19	0,00	0,01	0,20	208	3,54	131	7,48
22	Q.128M1	K	38,20	4,30	124,25	47,42	0,42	1,19	11,25	48,74	0,00	683,42	0,00	0,26	0,02	1.010	8,00	637	7,81
		M	83,80	3,20	124,25	20,67	0,18	7,50	2,32	46,09	43,23	610,20	0,00	0,02	0,23	790	10,95	655	7,26
23	Q.129M1	K	118,00	11,60	155,31	82,08	0,02	0,20	16,25	81,54	12,01	1.116,67	0,00	0,01	0,02	1.450	12,00	1.063	7,75
		M	126,00	12,00	60,12	118,56	0,02	0,47	8,14	85,97	0,00	1.009,88	0,00	3,75	0,02	1.275	12,16	945	7,52

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
24	Q.141	K	8,00	1,00	28,06	6,69	0,02	0,18	0,01	43,43	31,22	27,46	0,00	0,01	0,80	195	2,00	140	5,21
		M	12,60	2,50	44,09	24,93	0,02	0,11	0,01	79,76	21,61	131,19	0,00	0,01	1,48	425	1,52	262	7,01
25	Q.144M1	K	224,00	87,00	82,16	41,35	0,02	0,80	22,25	340,32	9,61	652,91	0,00	12,50	0,02	750	10,00	1.168	7,45
		M	97,60	24,00	46,09	32,83	0,02	0,23	0,11	132,94	33,62	317,30	0,00	4,80	8,81	500	9,07	562	7,30
26	Q.145	K	1.790,00	58,00	75,15	240,16	0,02	0,02	28,75	2.960,08	0,00	1.284,47	0,00	0,01	0,02	2.350	12,00	5.841	7,31
		M	1.445,00	50,00	80,16	197,60	0,02	0,33	9,84	2.392,88	0,00	1.055,65	0,00	11,00	0,02	2.025	10,09	4.728	7,04
27	Q.159	K	107,00	9,45	52,10	40,13	1,86	1,88	3,22	128,51	9,61	448,50	0,00	0,01	0,02	590	10,00	601	6,89
		M	106,00	9,30	46,09	31,62	0,02	0,40	0,23	113,44	28,82	363,07	0,00	1,83	0,02	490	10,59	542	6,86
28	Q.175	K	34,40	2,90	94,19	48,64	0,63	1,33	1,68	99,26	14,41	448,50	0,00	0,50	0,28	870	12,00	546	6,61
		M	53,20	7,60	62,12	41,35	0,23	0,79	0,44	77,99	72,05	329,51	0,00	0,01	0,02	650	10,30	498	7,17
29	Q.108M1	K	625,00	25,00	20,04	62,02	0,80	1,10	7,00	709,00	4,80	878,69	0,00	0,01	0,02	610	12,00	1.931	7,04
		M	640,00	33,60	20,04	66,88	0,02	0,20	1,70	744,45	0,00	869,54	0,00	4,40	0,02	650	8,69	1.975	7,53
30	Q.109	K	296,00	22,40	56,11	55,94	0,31	0,44	10,00	446,67	0,00	540,03	0,00	0,01	0,02	740	12,80	1.184	7,10
		M	253,00	20,00	68,14	40,13	0,02	0,08	7,69	347,41	19,21	518,67	0,00	0,01	0,02	670	9,07	1.038	7,10
31	Q.110	K	4.500,00	128,00	70,14	358,72	1,44	1,62	47,50	7.710,38	24,02	1.043,44	0,00	0,01	0,02	3.300	8,00	13.408	7,36
		M	3.940,00	100,00	80,16	322,24	0,02	0,03	33,08	6.425,31	408,26	1.019,03	0,00	0,01	0,02	3.050	11,61	11.875	7,40

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
32	Q.111M1	K	5.650,00	189,00	60,12	456,00	0,80	1,20	72,50	9.970,31	24,02	842,08	0,00	0,01	0,02	4.050	12,00	16.896	7,29
		M	5.860,00	168,00	60,12	425,60	0,02	0,18	56,80	9.793,06	576,36	768,85	0,00	0,01	0,02	3.800	9,12	17.380	7,16
33	Q.146	K	2,50	2,90	124,25	47,42	0,28	0,37	21,75	13,29	4,80	674,27	0,00	0,18	0,02	1.010	10,00	577	7,67
		M	4,20	3,20	52,10	85,12	0,02	0,10	7,38	13,29	24,02	564,44	0,00	7,00	0,33	960	8,27	498	7,27
34	Q.147	K	450,00	17,20	26,05	26,75	0,20	0,20	5,55	514,03	4,80	564,44	0,00	0,01	0,02	350	8,00	1.350	7,64
		M	338,00	16,00	36,07	25,54	0,19	0,26	0,41	368,68	0,00	518,67	0,00	8,75	0,02	390	5,99	1.072	7,39
35	Q.155M1	K	140,00	25,00	102,20	41,35	0,45	1,32	7,00	251,70	9,61	512,57	0,00	0,40	0,02	850	8,00	856	7,34
		M	153,00	25,00	62,12	66,88	0,02	0,16	0,21	265,88	4,80	503,42	0,00	0,01	4,21	860	7,13	853	7,73
36	Q.156M1	K	1.690,00	50,00	20,04	139,84	0,02	0,60	22,50	2.437,19	12,01	1.195,99	0,00	0,01	0,02	1.250	12,00	5.016	7,49
		M	1.645,00	64,00	40,08	115,52	0,02	0,58	14,41	2.357,43	0,00	1.159,38	0,00	2,95	0,02	1.150	8,00	4.857	7,79
37	Q.158	K	196,00	29,00	135,27	115,52	0,20	0,58	13,37	788,76	12,01	231,88	0,00	0,75	0,02	1.625	12,00	1.436	7,16
		M	62,40	12,80	50,10	51,07	0,21	0,22	0,24	113,44	9,61	387,48	0,00	0,01	2,60	670	8,65	516	7,50
38	Q.164	K	755,00	43,00	40,08	88,16	0,02	0,65	2,02	1.054,64	144,09	649,86	0,00	5,00	0,02	925	12,00	2.491	7,10
		M	655,00	32,00	30,06	69,92	0,02	0,85	0,36	886,25	84,05	604,10	0,00	1,28	1,49	725	12,28	2.101	7,33
39	Q.165	K	5.480,00	164,00	130,26	601,92	0,02	0,20	0,01	9.084,06	912,57	1.449,23	0,00	15,00	0,02	5.600	8,80	17.166	7,30
		M	4.300,00	134,00	260,52	358,72	0,02	0,02	0,54	6.957,06	648,41	1.458,38	0,00	0,01	1,90	4.250	12,66	13.438	7,17

I.1.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mg/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
1	Q.55M1	K	51,60	1,25	38,08	35,26	0,23	1,32	1,12	41,65	4,80	363,07	0,00	0,01	0,02	480	8,76	376	7,16
		M	57,20	0,50	40,08	34,05	0,02	0,12	0,97	41,65	4,80	372,22	0,00	0,13	0,02	480	8,56	380	7,28
2	Q.64	K	41,60	1,25	40,08	26,75	0,18	0,65	5,60	47,86	4,80	302,05	0,00	0,01	0,02	420	6,00	335	6,40
		M	48,00	4,10	54,11	24,32	0,02	0,10	3,92	46,97	28,82	317,30	0,00	0,05	0,14	470	7,68	388	6,63
3	Q.66	K	65,60	1,25	30,06	20,67	0,07	1,00	0,78	54,95	9,61	271,54	0,00	0,01	0,02	320	8,00	337	6,50
		M	71,20	2,50	28,06	15,81	0,02	0,48	0,52	48,74	24,02	247,13	0,00	0,01	0,02	270	8,99	330	6,54
4	Q.69	K	47,20	1,25	44,09	27,97	1,44	3,20	37,80	29,25	4,80	488,16	0,00	0,01	0,02	450	10,00	460	6,67
		M	70,80	1,25	54,11	27,97	1,04	1,96	21,78	39,88	4,80	503,42	0,00	0,03	0,02	500	10,89	498	6,68
5	Q.75M1	K	35,20	1,25	106,21	30,40	0,20	0,82	17,50	40,77	4,80	558,33	0,00	0,01	0,02	780	10,10	538	6,81
		M	36,80	0,50	106,21	27,97	0,30	0,84	13,89	39,00	0,00	546,13	0,00	0,01	0,02	760	7,68	518	6,78
6	Q.83a	K	33,60	0,50	88,18	26,75	0,60	2,48	1,12	49,63	4,80	414,94	0,00	0,01	0,02	660	6,75	432	6,80
		M	26,60	0,50	30,06	49,86	0,02	0,77	0,01	44,31	4,80	332,56	0,00	0,83	0,13	560	7,64	342	7,23
7	Q.84a	K	54,00	10,00	90,18	23,10	0,21	0,37	12,75	85,08	4,80	442,40	0,00	0,03	0,02	640	12,00	524	7,03
		M	32,00	6,80	36,07	42,56	0,02	0,13	0,19	43,43	9,61	332,56	0,00	0,01	1,16	530	6,92	357	7,55
8	Q.85a	K	30,20	5,00	64,13	25,53	1,54	3,28	47,00	39,00	4,80	512,57	0,00	0,01	0,02	530	12,00	496	6,43
		M	51,40	4,00	56,11	29,19	0,02	0,22	29,52	40,77	0,00	488,16	0,00	2,60	0,02	520	12,24	481	7,03

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105 ^o (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
9	Q.86M1	K	29,60	5,60	56,11	34,05	0,28	0,80	8,75	16,84	9,61	421,04	0,00	0,01	0,02	560	12,00	392	6,57
		M	23,90	4,00	26,05	49,86	0,02	1,05	2,41	17,73	0,00	375,27	0,00	4,05	0,02	540	9,45	335	7,07
10	Q.87a	K	127,50	9,70	91,18	31,62	0,55	10,00	2,95	53,18	74,45	649,86	0,00	0,02	0,02	715	12,25	745	7,25
		M	53,00	9,30	68,14	49,85	0,02	0,13	21,35	43,43	0,00	607,15	0,00	3,35	0,02	750	6,96	571	7,32
11	Q.88a	K	86,40	11,20	88,18	35,26	0,04	0,35	26,50	72,67	9,61	646,81	0,00	0,01	0,02	730	8,90	675	7,21
		M	67,20	24,00	78,16	35,26	0,02	0,11	11,31	58,49	9,61	552,23	0,00	3,55	0,02	680	4,73	581	7,32
12	Q.119M1	K	20,30	2,00	34,07	20,67	0,26	0,56	0,84	20,38	19,21	210,52	0,00	0,01	0,02	340	8,00	241	6,39
		M	21,60	1,60	28,56	12,16	0,03	0,39	0,01	20,38	2,40	170,86	0,00	0,01	0,40	243	6,41	186	7,34
13	Q.120	K	36,40	1,00	20,04	65,66	0,02	0,18	0,45	30,13	9,61	427,14	0,00	0,07	0,02	640	6,00	392	7,76
		M	22,30	1,25	40,08	25,54	0,02	0,10	0,01	19,50	24,02	247,13	0,00	0,01	0,71	410	5,11	280	7,34
14	Q.127	K	59,20	17,60	85,17	130,72	0,29	1,56	0,84	128,51	552,35	186,11	0,00	0,01	0,02	1.500	4,80	1.086	6,62
		M	28,00	18,60	90,18	127,68	0,02	0,27	0,69	127,62	492,31	176,96	0,00	0,06	0,02	1.500	5,91	995	7,38
15	Q.130M1	K	182,00	11,20	115,23	76,00	0,84	2,16	6,10	361,59	24,01	610,20	0,00	0,12	0,02	1.200	12,00	1.108	7,35
		M	183,00	10,00	80,16	69,31	0,34	0,50	0,20	294,24	19,21	564,44	0,00	0,01	2,95	970	9,50	964	7,62
16	Q.131	K	830,00	20,00	50,10	76,00	0,20	0,40	1,40	1.382,55	24,01	375,27	0,00	0,75	0,02	875	10,00	2.608	7,13
		M	865,00	20,00	55,11	72,96	0,02	0,22	0,01	1.435,73	12,01	375,27	0,00	0,01	0,76	875	7,51	2.681	7,79

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
17	Q.143	K	84,80	8,80	18,04	10,33	2,88	3,20	2,24	136,48	54,03	67,12	0,00	0,01	0,02	175	8,00	372	5,48
		M	49,80	10,00	15,53	5,17	1,20	2,40	2,18	110,78	7,20	39,66	0,00	0,01	0,02	120	8,00	238	5,48
18	Q.148	K	3.540,00	76,00	70,14	249,28	3,28	4,76	27,50	6.425,31	24,01	21,36	0,00	0,01	0,02	2.400	8,00	10.475	4,54
		M	3.540,00	80,00	100,20	224,96	0,59	3,30	18,10	6.381,00	24,01	15,26	0,00	0,02	0,02	2.350	6,29	10.430	4,37
19	Q.168	K	519,00	25,60	95,19	109,44	0,02	0,49	0,28	717,86	24,01	988,52	0,00	4,00	0,02	1.375	10,00	2.021	7,53
		M	600,00	26,80	80,16	115,52	0,14	0,36	0,11	788,76	132,08	936,66	0,00	0,01	1,88	1.350	8,27	2.251	7,43
20	Q.177	K	23,80	4,30	72,14	35,27	0,20	0,25	12,25	5,32	9,61	488,16	0,00	0,01	0,02	650	11,20	427	6,85
		M	26,90	5,00	34,07	54,72	0,87	2,58	10,88	6,20	19,21	469,85	0,00	0,01	0,02	620	11,20	408	6,52
21	Q.108aM1	K	585,00	8,20	130,26	139,84	3,20	3,32	86,00	1.710,46	12,01	15,26	0,00	0,01	0,02	1.800	6,00	2.723	4,52
		M	660,00	7,60	50,10	191,52	3,00	3,52	65,55	1.790,23	36,02	0,00	0,00	0,01	0,02	1.825	5,61	2.838	3,40
22	Q.164a	K	350,00	9,45	140,28	94,24	0,02	0,06	1,56	859,66	12,01	356,97	0,00	1,00	0,02	1.475	7,20	1.670	7,39
		M	326,00	12,00	125,25	100,32	0,02	0,08	0,01	859,66	0,00	289,79	0,00	0,58	0,52	1.450	5,57	1.592	7,19
23	Q.167	K	65,60	10,00	30,06	42,56	0,37	1,11	1,77	127,62	81,65	183,06	0,00	0,01	0,02	500	11,20	471	6,72
		M	25,00	10,00	26,05	37,70	0,04	0,55	0,31	110,78	0,00	161,70	0,00	0,83	0,21	440	11,44	312	7,34

I.2 Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

I.2.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen giữa (qp₂)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
1	Q.8	K	34,60	1,00	60,12	24,32	0,27	0,29	0,28	34,56	9,61	329,51	0,00	0,01	0,02	500	6,70	346	6,72
		M	14,80	6,80	32,06	40,13	0,02	0,11	0,01	22,16	19,21	286,79	0,00	0,01	0,17	490	11,40	301	7,15
2	Q.34a	K	31,60	2,00	11,52	7,60	0,64	0,89	1,68	40,77	2,40	97,63	0,00	0,01	0,02	120	8,00	163	7,18
		M	42,20	1,60	15,03	9,73	0,02	0,44	2,19	60,27	13,21	97,63	0,00	0,01	0,02	155	7,47	204	7,20
3	Q.35M1	K	27,90	1,00	42,08	20,67	0,02	0,28	7,85	21,27	4,80	292,90	0,00	0,01	0,02	380	7,20	290	7,42
		M	47,80	1,25	18,04	36,48	0,02	0,10	5,03	22,16	48,03	283,74	0,00	0,93	0,43	390	7,34	340	7,01
4	Q.37	K	9,70	5,60	26,05	11,86	0,02	0,17	1,86	54,06	7,20	67,12	0,00	0,03	11,20	228	4,00	170	6,77
		M	17,90	4,00	23,55	11,85	0,02	0,18	1,61	49,63	28,82	57,97	0,00	0,01	11,82	215	5,19	191	6,46
5	Q.62	K	37,00	1,25	5,51	9,12	0,25	0,36	0,01	7,98	6,00	143,40	0,00	0,01	0,02	103	7,86	153	6,16
		M	40,20	1,25	5,51	6,99	0,02	0,02	0,17	8,86	2,40	143,40	0,00	0,01	0,02	85	6,83	150	6,72
6	Q.68aM1	K	55,40	5,00	54,11	21,89	0,11	1,07	7,00	60,27	14,41	335,61	0,00	0,01	0,02	450	8,00	405	6,35
		M	50,60	4,10	44,09	27,97	0,29	1,84	3,27	58,49	19,21	308,15	0,00	0,02	0,02	450	8,40	380	6,48
7	Q.82M1	K	565,00	32,80	46,09	100,93	0,02	0,20	62,00	485,67	0,00	1.580,42	0,00	0,01	0,02	1.060	12,80	2.116	7,34
		M	578,00	16,00	44,09	99,71	0,02	0,25	26,15	496,30	9,61	1.391,26	0,00	19,50	0,02	1.040	9,19	2.019	7,74
8	Q.119aM1	K	35,00	2,90	20,04	10,94	0,14	0,35	1,27	22,16	6,00	173,91	0,00	0,01	0,02	190	8,00	201	6,77
		M	39,60	1,90	26,05	13,38	0,05	0,90	1,36	25,70	24,02	189,16	0,00	0,01	0,17	240	6,94	244	7,31

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
9	Q.120a	K	34,20	5,00	12,02	10,64	0,49	1,56	0,78	25,70	1,20	152,55	0,00	0,01	0,02	148	12,00	190	7,34
		M	29,50	1,25	14,03	11,55	0,14	0,27	0,26	19,50	2,40	146,45	0,00	0,01	0,19	165	6,00	165	7,00
10	Q.129aM1	K	234,00	17,60	6,01	18,24	0,37	0,49	25,00	86,85	0,00	698,68	0,00	0,01	0,02	180	7,20	756	7,98
		M	267,00	12,80	8,02	14,59	0,02	0,33	13,88	90,40	0,00	720,04	0,00	0,68	0,02	160	7,93	789	7,85
11	Q.130aM1	K	480,00	20,00	35,07	79,04	0,53	0,96	4,30	549,48	0,00	881,74	0,00	0,90	0,02	825	10,00	1.640	7,96
		M	484,00	20,00	30,06	79,04	0,02	0,05	0,01	545,93	0,00	863,43	0,00	0,01	3,78	800	11,02	1.626	7,90
12	Q.131a	K	174,00	5,00	90,18	118,56	3,98	4,30	4,75	753,31	12,01	67,12	0,00	0,01	0,02	1.425	6,00	1.221	6,53
		M	210,00	5,00	55,11	130,72	0,02	0,18	2,44	771,04	24,02	42,71	0,00	0,01	0,02	1.350	6,71	1.243	6,94
13	Q.176	K	33,60	2,00	15,03	13,98	3,20	3,36	3,70	42,54	1,20	164,75	0,00	0,01	0,02	190	9,46	216	6,19
		M	30,20	1,25	18,04	12,46	0,47	1,82	2,44	41,65	2,40	140,35	0,00	0,01	0,02	193	8,00	196	6,63
14	Q.159a	K	1.825,00	64,00	100,20	176,32	0,78	1,92	15,00	3.367,75	48,03	341,71	0,00	0,01	0,02	1.950	7,20	5.812	7,09
		M	1.375,00	32,00	65,13	164,16	0,54	1,40	7,29	2.605,58	12,01	256,28	0,00	2,25	0,02	1.675	9,50	4.436	7,01

I.2.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105 ^o (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
1	Q.1aM1	K	13,70	4,25	13,53	6,38	0,18	0,58	27,50	13,29	0,00	189,16	0,00	0,01	0,02	120	5,30	186	6,82
		M	27,20	3,40	11,02	4,26	0,02	0,02	20,69	15,07	4,80	170,86	0,00	0,02	0,02	90	6,54	184	7,24
2	Q.3M1	K	46,60	1,25	32,06	9,73	0,34	0,52	0,44	7,98	4,80	256,28	0,00	0,04	0,29	240	7,07	247	6,96
		M	60,80	0,50	28,06	10,94	0,02	0,21	0,01	9,75	24,02	256,28	0,00	0,12	0,30	230	11,06	283	7,18
3	Q.4M1	K	11,80	2,00	5,01	2,74	1,00	4,34	1,12	5,32	1,20	73,22	0,00	0,01	0,02	48	16,00	91	6,08
		M	20,20	0,50	5,51	2,74	0,10	0,95	0,87	7,98	1,20	76,28	0,00	0,01	0,02	50	7,89	89	6,15
4	Q.5	K	18,60	2,00	29,06	8,51	0,13	0,35	0,56	21,27	1,20	149,50	0,00	0,01	0,02	215	9,69	172	6,32
		M	20,30	5,00	32,06	8,51	0,02	0,05	0,22	21,27	6,00	158,65	0,00	0,04	0,36	230	7,39	187	6,87
5	Q.6	K	15,20	2,00	4,51	2,13	0,04	0,35	0,01	15,95	1,20	39,66	0,00	0,01	0,64	40	14,16	79	5,73
		M	20,50	1,25	4,51	1,94	0,02	0,02	0,01	16,84	3,60	45,77	0,00	0,01	0,68	39	7,30	82	6,62
6	Q.7	K	1,65	5,60	11,02	11,86	0,02	0,02	0,01	20,38	25,22	27,46	0,00	0,01	11,90	153	7,74	115	5,65
		M	2,60	4,10	27,56	3,95	0,02	0,02	0,22	21,27	25,22	45,77	0,00	0,01	3,50	170	4,94	121	6,50
7	Q.8a	K	26,80	1,00	54,11	19,45	0,26	0,84	1,40	57,61	0,00	244,08	0,00	0,01	0,02	430	11,03	303	6,94
		M	40,60	0,50	22,04	40,13	0,02	0,09	1,09	62,04	14,41	256,28	0,00	0,01	0,02	440	6,96	327	7,10
8	Q.9aM1	K	35,20	5,95	80,16	24,32	0,46	11,39	2,85	15,95	48,03	430,19	0,00	0,02	0,02	600	12,60	458	7,12
		M	25,80	0,50	38,08	53,50	0,02	0,30	1,31	13,29	19,21	411,89	0,00	0,33	0,02	630	8,69	378	7,26

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105 ^o (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
9	Q.11a	K	25,00	1,25	34,07	19,45	0,11	0,53	4,00	7,98	0,00	271,54	0,00	0,01	0,02	330	6,93	241	6,91
		M	38,40	0,50	30,06	19,46	0,02	0,12	0,44	10,64	19,21	250,18	0,00	0,89	0,02	310	7,80	262	7,18
10	Q.15	K	30,00	6,30	7,01	5,78	0,25	2,54	6,00	38,11	0,00	103,73	0,00	0,01	0,02	83	4,00	156	6,17
		M	29,80	5,00	8,52	4,25	0,16	0,99	3,62	32,79	3,60	88,48	0,00	0,70	0,08	78	9,24	149	6,44
11	Q.23a	K	18,00	1,00	24,55	5,78	0,21	1,23	0,28	12,41	0,00	137,30	0,00	0,01	0,02	170	10,00	147	6,83
		M	25,10	2,50	40,08	10,94	0,02	0,25	0,10	23,93	19,21	183,06	0,00	0,05	0,10	290	4,51	227	7,68
12	Q.33a	K	19,20	2,50	38,08	15,81	0,98	2,48	2,80	16,84	4,80	234,93	0,00	0,01	0,02	320	8,00	238	7,08
		M	31,20	2,50	28,06	23,71	0,02	0,18	0,01	15,95	36,02	216,62	0,00	0,19	2,08	335	10,17	266	7,20
13	Q.35aM1	K	18,90	2,90	4,01	1,21	0,41	1,15	0,01	15,95	1,20	48,82	0,00	0,01	0,02	30	8,00	81	6,79
		M	17,10	2,50	3,01	1,98	0,11	1,06	0,51	15,95	3,00	42,71	0,00	0,01	0,02	31	6,08	75	6,55
14	Q.36M1	K	74,20	4,80	20,04	18,24	5,35	10,30	0,45	106,35	110,47	82,38	0,00	0,01	0,95	250	13,10	412	7,72
		M	49,80	2,50	22,04	13,07	0,61	3,21	0,79	101,03	4,80	103,73	0,00	0,01	0,02	218	5,40	263	6,21
15	Q.37a	K	17,80	2,90	5,01	4,86	1,72	2,08	0,01	23,04	1,20	61,02	0,00	0,03	0,02	65	8,00	103	7,04
		M	21,50	2,50	5,51	6,38	0,02	0,13	0,24	26,59	10,81	51,87	0,00	0,01	0,02	80	5,06	112	6,27
16	Q.38M1	K	25,80	1,00	35,07	10,94	0,18	0,45	7,00	41,65	2,40	183,06	0,00	0,01	0,02	265	6,00	231	7,30
		M	24,10	1,25	33,57	11,25	0,02	0,11	0,22	41,65	4,80	143,40	0,00	3,50	0,30	260	7,89	200	6,63

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105 ^o (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
17	Q.50a	K	140,00	10,00	38,08	26,75	2,44	3,10	0,67	262,33	33,62	161,70	0,00	0,01	0,02	410	8,00	620	7,00
		M	71,60	9,40	26,55	18,55	0,02	0,26	0,01	141,80	25,22	103,73	0,00	0,04	0,48	285	4,60	362	6,89
18	Q.57a	K	18,30	2,90	34,07	13,37	0,12	0,95	7,50	10,64	0,00	234,93	0,00	0,01	0,02	280	7,64	221	6,59
		M	42,20	1,25	36,07	12,16	0,02	0,16	4,58	13,29	38,42	228,83	0,00	0,43	0,02	280	5,82	278	7,10
19	Q.58aM1	K	48,00	3,60	46,09	25,54	0,35	0,64	31,25	15,07	0,00	485,11	0,00	0,01	0,02	440	8,08	430	6,82
		M	61,20	2,50	38,08	30,40	0,12	0,17	22,32	15,95	4,80	479,01	0,00	0,01	0,02	440	5,35	431	7,33
20	Q.60aM1	K	18,70	1,00	38,08	18,24	0,02	0,68	3,00	10,64	4,80	247,13	0,00	0,01	0,02	340	11,20	240	6,43
		M	22,30	0,50	38,08	17,02	0,02	0,36	1,64	10,64	4,80	244,08	0,00	0,01	0,02	330	8,69	232	7,17
21	Q.62a	K	21,20	1,25	38,08	13,37	0,30	1,61	0,56	7,09	0,00	237,98	0,00	0,01	0,02	300	8,70	220	6,43
		M	21,60	1,25	48,10	7,29	0,21	1,42	0,26	7,98	0,00	234,93	0,00	0,04	0,02	300	6,86	219	6,60
22	Q.63aM1	K	16,50	2,00	16,03	17,63	0,02	0,02	0,01	31,02	1,20	128,14	0,00	0,01	1,44	225	11,08	168	6,30
		M	23,20	1,25	15,53	15,20	0,02	0,10	0,01	30,13	3,60	131,19	0,00	0,01	0,21	203	8,40	168	6,21
23	Q.64a	K	56,60	3,10	53,11	11,55	2,60	10,45	3,90	62,04	14,41	305,10	0,00	0,01	0,02	360	14,90	393	7,16
		M	62,80	2,50	46,09	13,38	0,02	0,21	15,26	59,38	19,21	305,10	0,00	0,02	0,02	340	8,95	391	6,45
24	Q.65bM1	K	25,90	4,30	28,06	12,16	0,19	1,04	15,25	14,18	4,80	247,13	0,00	0,01	0,02	240	11,20	248	7,04
		M	39,60	1,60	23,05	20,06	0,80	7,50	4,20	19,50	43,23	231,88	0,00	0,05	0,16	280	7,86	295	7,23

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105 ^o (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
25	Q.66b	K	84,40	2,50	16,03	9,73	0,60	0,93	1,01	73,56	14,41	189,16	0,00	0,01	0,02	160	12,00	320	6,74
		M	92,40	3,40	14,03	10,94	2,28	3,06	1,09	73,56	38,42	192,21	0,00	0,01	0,02	160	10,44	356	7,25
26	Q.67a	K	12,00	1,00	76,15	19,46	0,20	0,22	1,40	10,64	9,61	338,66	0,00	0,01	0,02	540	6,97	319	7,24
		M	14,10	0,50	74,15	17,02	0,02	0,04	0,01	11,52	9,61	317,30	0,00	0,02	0,68	510	5,44	302	7,44
27	Q.68b	K	73,60	2,50	38,08	14,59	1,20	3,20	9,50	54,06	0,00	341,71	0,00	0,01	0,02	310	10,00	388	6,28
		M	58,00	1,25	34,07	17,02	0,20	3,06	6,02	52,29	4,80	280,69	0,00	0,01	0,02	310	8,39	335	6,45
28	Q.69a	K	60,00	2,90	84,17	30,40	0,80	1,20	74,50	39,88	4,80	756,65	0,00	0,01	0,02	670	11,20	701	6,85
		M	87,20	3,40	62,12	41,35	0,42	0,59	32,67	46,09	24,02	637,66	0,00	0,01	0,02	650	9,83	641	7,03
29	Q.75a	K	23,30	1,00	94,19	15,81	0,08	0,74	7,45	17,73	4,80	421,04	0,00	0,01	0,02	600	9,78	395	7,08
		M	11,80	0,95	88,18	17,02	0,80	9,80	3,80	20,38	153,70	204,42	0,00	0,02	0,14	580	5,24	421	7,18
30	Q.76a	K	27,60	1,25	18,54	8,81	0,24	3,20	1,90	9,75	2,40	173,91	0,00	0,01	0,02	165	10,04	176	7,28
		M	28,80	0,50	18,04	8,21	0,11	0,92	0,16	8,86	1,20	158,65	0,00	1,55	0,02	158	4,89	164	7,05
31	Q.77a	K	8,10	0,50	5,51	0,91	0,05	0,43	6,40	5,32	2,40	54,92	0,00	0,01	0,02	35	4,29	63	6,16
		M	8,30	0,50	6,01	0,31	0,02	0,02	1,28	6,20	6,00	24,41	0,00	3,40	0,02	33	2,13	48	5,64
32	Q.82a	K	1.232,50	29,00	75,15	97,28	0,02	0,20	140,00	1.648,43	24,02	1.647,54	0,00	0,01	0,02	1.175	13,20	4.110	6,96
		M	1.250,00	25,00	40,08	106,40	0,02	0,29	82,60	1.524,35	36,02	1.617,03	0,00	11,00	0,02	1.075	12,32	3.927	7,63

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105 ^o (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
33	Q.83b	K	188,00	5,60	90,18	72,96	0,60	0,89	35,00	638,10	12,01	158,65	0,00	0,01	0,02	1.050	8,69	1.145	6,60
		M	205,00	4,10	32,06	104,58	0,02	0,10	24,88	634,56	0,00	167,81	0,00	0,01	0,02	1.020	6,88	1.112	6,76
34	Q.84b	K	300,00	6,95	165,33	94,24	0,46	1,60	14,50	912,84	24,02	241,03	0,00	0,07	0,02	1.600	7,20	1.665	6,87
		M	209,00	7,60	48,10	122,81	0,02	0,34	0,21	602,65	38,42	237,98	0,00	4,70	1,58	1.250	6,84	1.176	7,30
35	Q.85b	K	670,00	10,00	215,43	109,44	0,46	1,44	58,50	1.630,70	0,00	396,63	0,00	0,01	0,02	1.975	8,50	2.923	6,64
		M	382,00	7,60	110,22	82,08	0,02	0,02	20,22	877,39	36,02	283,74	0,00	1,82	0,02	1.225	5,86	1.680	7,13
36	Q.86aM1	K	1.350,00	29,00	125,25	145,92	0,34	0,35	85,00	2.437,19	24,01	817,67	0,00	0,01	0,02	1.825	8,00	4.643	7,09
		M	1.230,00	30,40	80,16	152,00	0,73	1,57	66,78	2.180,18	24,02	771,90	0,00	0,18	0,02	1.650	7,43	4.183	7,45
37	Q.87b	K	97,20	5,60	38,08	25,53	0,15	0,41	24,75	112,55	4,80	396,63	0,00	0,01	0,02	400	12,80	531	6,47
		M	112,40	3,30	53,11	22,49	0,39	7,00	4,40	94,83	33,62	411,89	0,00	0,01	0,25	450	7,61	552	7,30
38	Q.88b	K	479,00	13,90	150,30	76,00	4,36	4,76	30,00	1.231,89	0,00	140,35	0,00	0,01	0,02	1.375	11,78	2.092	5,94
		M	277,00	25,00	110,22	79,04	0,14	0,47	13,85	753,31	24,01	228,83	0,00	0,08	0,32	1.200	8,69	1.423	6,61
39	Q.116a	K	19,70	2,50	7,01	6,39	0,95	1,45	0,28	23,93	2,40	73,22	0,00	0,05	0,02	88	12,00	119	7,11
		M	20,60	2,50	6,51	5,47	0,10	0,62	0,01	19,50	3,60	70,17	0,00	0,01	0,02	78	7,89	110	6,79
40	Q.119bM1	K	28,80	2,90	32,57	11,55	0,24	1,27	0,28	22,16	3,60	201,37	0,00	0,01	0,02	258	12,00	220	7,12
		M	30,00	2,50	34,07	12,16	0,02	0,02	0,01	22,16	4,80	204,42	0,00	0,01	0,02	270	8,86	221	7,70

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105 ^o (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
41	Q.120b	K	36,80	1,25	14,03	6,69	0,17	1,08	0,39	10,64	1,20	161,70	0,00	0,01	0,02	125	12,00	173	7,42
		M	21,00	3,20	34,57	8,21	0,13	0,22	0,15	15,07	4,80	176,96	0,00	0,01	0,07	240	3,84	190	7,48
42	Q.127a	K	76,00	2,00	9,02	9,42	2,34	3,72	0,45	115,21	2,40	97,63	0,00	0,01	0,02	123	12,00	291	6,30
		M	82,40	1,60	10,52	8,21	0,02	0,61	0,45	116,99	14,41	79,33	0,00	0,01	0,02	120	8,82	293	7,23
43	Q.129bM1	K	446,00	9,45	45,09	66,88	0,45	1,58	2,24	771,04	24,02	332,56	0,00	0,01	0,02	775	10,00	1.558	7,45
		M	432,00	10,00	45,09	60,80	0,02	0,13	1,94	717,86	24,01	347,81	0,00	0,01	0,02	725	8,99	1.495	7,93
44	Q.130bM1	K	670,00	8,20	50,10	60,80	4,32	4,72	2,02	1.285,06	0,00	73,22	0,00	0,01	0,02	750	10,00	2.158	6,77
		M	655,00	7,60	50,10	60,80	0,25	0,75	1,48	1.249,61	24,01	36,61	0,00	0,01	0,02	750	10,55	2.104	6,58
45	Q.131b	K	94,50	6,00	43,09	30,40	4,45	2,50	0,61	274,38	24,02	64,07	0,00	0,01	0,02	465	14,90	533	7,10
		M	86,40	2,50	36,07	29,19	0,02	0,36	0,78	262,33	0,00	42,71	0,00	0,01	0,02	420	8,19	458	6,97
46	Q.141a	K	12,90	0,50	62,12	10,95	0,02	0,02	0,01	38,11	9,61	198,32	0,00	0,03	3,50	400	4,80	251	6,47
		M	32,20	1,50	67,13	9,73	0,02	0,08	0,20	54,95	48,03	180,01	0,00	0,01	7,90	415	6,40	324	7,26
47	Q.173	K	8,60	2,50	20,04	4,56	0,84	1,47	0,84	5,32	1,20	109,84	0,00	0,01	0,02	138	4,90	110	6,63
		M	18,90	0,50	19,54	4,26	0,02	0,16	0,87	7,98	9,61	109,84	0,00	0,01	0,02	133	6,12	129	7,04
48	Q.175a	K	324,00	7,60	32,06	25,54	0,20	0,24	7,00	549,48	9,61	164,75	0,00	0,01	0,02	370	10,00	1.063	6,79
		M	259,00	10,00	36,07	27,97	0,23	0,69	4,79	457,31	4,80	180,01	0,00	0,01	0,02	410	9,20	921	7,13

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105 ^o (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
49	Q.176a	K	69,60	2,00	26,05	12,16	0,14	0,83	6,45	30,13	9,61	289,85	0,00	0,01	0,02	230	12,00	322	7,23
		M	80,80	1,25	28,06	10,94	0,02	0,09	5,80	33,68	38,42	271,54	0,00	0,01	0,02	230	5,82	352	7,19
50	Q.177a	K	416,00	11,20	55,11	63,84	0,02	0,20	27,50	771,04	12,01	363,07	0,00	0,01	0,02	800	12,00	1.566	6,83
		M	448,00	8,20	60,12	54,72	0,10	0,26	20,69	762,18	48,03	360,02	0,00	0,01	0,02	750	10,13	1.607	6,75
51	Q.193a	K	205,00	8,70	24,05	29,18	4,56	4,84	2,24	471,49	0,00	0,00	0,00	0,01	0,02	360	8,00	768	4,31
		M	197,00	4,00	20,04	30,40	3,81	3,86	2,72	446,67	4,80	0,00	0,00	0,01	0,02	350	8,00	734	3,37
52	Q.217	K	19,50	1,25	98,20	32,83	0,36	1,97	8,00	31,91	4,80	491,21	0,00	0,01	0,02	760	9,50	466	6,97
		M	27,20	0,50	40,08	71,74	0,10	0,25	5,45	38,11	4,80	503,42	0,00	0,01	0,02	790	9,83	456	7,25
53	Q.92M1	K	4,70	6,95	52,10	17,03	0,15	0,18	0,01	30,13	14,41	192,21	3,00	0,01	0,21	400	6,00	239	8,33
		M	28,70	7,60	30,06	38,91	0,02	0,03	0,17	85,08	24,02	198,32	0,00	0,01	0,59	470	5,61	331	7,93
54	Q.108bM1	K	117,00	5,00	70,14	37,70	0,30	2,40	2,32	343,87	9,61	134,24	0,00	0,01	0,02	660	14,00	682	6,52
		M	126,00	4,10	54,11	43,77	0,05	0,44	2,05	347,41	0,00	137,30	0,00	0,01	0,02	630	8,65	665	6,86
55	Q.109a	K	253,00	8,80	24,05	36,48	0,09	0,16	2,16	386,41	24,02	256,28	0,00	0,05	0,02	420	12,00	886	7,30
		M	264,00	9,40	22,04	31,62	0,02	0,20	0,14	354,50	72,05	241,03	0,00	1,05	0,35	370	8,82	898	7,14
56	Q.110a	K	106,00	5,60	46,09	29,19	0,20	0,40	0,67	166,62	0,00	295,95	0,00	0,11	0,02	470	8,75	523	7,07
		M	142,00	5,00	48,10	26,75	0,02	0,07	0,03	163,96	76,85	286,79	0,00	0,01	0,58	460	7,43	625	7,57

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105 ^o (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
57	Q.142	K	895,00	12,80	140,28	63,84	0,02	0,20	0,56	1.621,84	12,01	347,81	0,00	0,50	0,02	1.225	4,00	2.950	7,03
		M	875,00	10,00	55,11	109,44	0,02	0,16	0,22	1.533,21	60,04	347,81	0,00	0,01	0,02	1.175	3,42	2.847	7,65
58	Q.145a	K	965,00	43,00	70,14	106,40	0,28	0,47	15,00	1.967,48	12,01	33,56	0,00	0,01	0,02	1.225	7,20	3.229	6,31
		M	1.075,00	32,00	70,14	106,40	1,01	1,31	12,58	2.127,00	0,00	39,66	0,00	0,01	0,02	1.225	7,64	3.492	5,68
59	Q.148a	K	780,00	20,00	48,10	99,71	4,64	4,88	10,25	1.621,84	0,00	30,51	0,00	0,01	0,02	1.060	12,00	2.642	5,35
		M	795,00	24,00	70,14	85,12	4,60	5,68	5,45	1.648,43	0,00	0,00	0,00	0,02	0,02	1.050	11,31	2.681	3,04
60	Q.156aM1	K	278,00	8,20	80,16	91,20	3,60	3,96	5,60	850,80	12,01	15,26	0,00	0,01	0,02	1.150	11,20	1.364	5,74
		M	272,00	9,40	45,09	103,36	2,84	3,43	1,74	824,21	0,00	0,00	0,00	0,01	0,02	1.075	8,27	1.284	2,82
61	Q.158aM1	K	300,00	5,00	42,08	43,78	3,30	3,34	2,80	443,13	9,61	408,83	0,00	0,01	0,02	570	8,00	1.078	6,02
		M	158,00	5,90	42,08	42,56	3,57	3,86	2,18	450,22	9,61	12,20	0,00	0,01	0,02	560	11,48	748	5,28
62	Q.159b	K	78,80	2,90	14,03	15,81	3,58	3,94	1,34	173,71	0,00	64,07	0,00	0,01	0,02	200	12,00	350	6,07
		M	78,00	3,20	20,04	12,16	0,86	1,18	0,68	171,05	9,61	36,61	0,00	0,01	0,02	200	11,98	335	6,07
63	Q.167a	K	139,50	10,70	84,17	50,46	0,60	0,15	0,60	304,87	55,23	305,10	0,00	2,60	1,25	835	6,40	815	7,14
		M	83,60	6,70	60,12	74,18	0,02	0,02	0,20	287,15	0,00	292,90	0,00	1,15	0,18	910	4,90	679	7,49

I.2.3 Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Neogen (n)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na+ (mg/l)	K+ (mg/l)	Ca2+ (mg/l)	Mg2+ (mg/l)	Fe2+ (mg/l)	Fe3+ (mg/l)	NH4+ (mg/l)	Cl- (mg/l)	SO42- (mg/l)	HCO3- (mg/l)	CO32- (mg/l)	NO2- (mg/l)	NO3- (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
1	Q.4aM1	K	15,80	2,50	15,53	4,26	0,81	4,60	1,23	5,32	3,60	122,04	0,00	0,01	0,02	113	7,13	128	6,36
		M	27,50	0,50	17,03	3,04	0,03	0,91	1,13	6,20	7,20	128,14	0,00	0,01	0,02	110	8,82	141	6,58
2	Q.149	K	40,20	2,00	13,53	8,51	0,44	0,74	0,28	47,86	4,80	109,84	0,00	0,01	0,02	138	11,20	190	6,36
		M	35,00	2,50	14,53	7,90	0,16	0,34	0,54	45,20	2,40	103,73	0,00	0,02	0,02	138	7,30	174	7,22
3	Q.175b	K	1.845,00	22,40	290,58	231,04	4,04	4,32	11,00	4.032,44	24,01	76,28	0,00	0,01	0,02	3.350	12,00	6.551	5,53
		M	1.900,00	30,40	190,38	273,60	3,90	3,92	9,80	4.032,44	48,03	97,63	0,00	0,01	0,02	3.200	12,00	6.588	6,07
4	Q.193b	K	27,20	1,25	20,54	11,86	0,38	1,09	0,56	12,41	1,20	180,01	0,00	0,01	0,02	200	12,00	186	7,56
		M	35,20	1,60	19,54	10,94	0,02	0,36	0,19	12,41	10,81	176,96	0,00	0,01	0,41	188	8,69	197	7,94
5	Q.213	K	575,00	5,60	84,17	52,29	0,18	0,57	0,28	1.116,68	4,80	128,14	3,00	0,01	0,02	850	3,80	1.925	8,31
		M	605,00	3,40	65,13	60,80	0,02	0,02	0,01	1.143,26	24,01	128,14	0,00	0,01	0,02	825	4,64	1.998	7,11
6	Q.214	K	7,50	3,60	16,53	5,78	4,00	4,38	0,84	7,09	0,00	118,99	0,00	0,01	0,02	130	7,41	123	6,16
		M	18,30	2,50	16,53	5,78	0,02	0,25	0,35	7,98	8,41	109,84	0,00	0,01	0,02	130	9,54	132	6,10
7	Q.215	K	123,00	1,25	4,01	3,04	0,02	0,15	0,45	14,18	0,00	311,20	12,00	0,02	0,02	45	6,00	332	8,36
		M	125,00	1,25	4,51	2,43	0,02	0,02	0,01	15,07	6,00	326,46	0,00	0,01	0,11	43	3,80	328	7,86
8	Q.216	K	80,00	2,90	44,09	21,89	0,02	0,18	3,05	122,30	4,80	256,28	0,00	0,02	0,02	400	10,00	427	6,74
		M	92,40	3,40	44,09	21,89	0,02	0,13	2,18	122,30	33,62	253,23	0,00	0,01	0,02	400	11,31	471	6,99

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na+ (mg/l)	K+ (mg/l)	Ca2+ (mg/l)	Mg2+ (mg/l)	Fe2+ (mg/l)	Fe3+ (mg/l)	NH4+ (mg/l)	Cl- (mg/l)	SO42- (mg/l)	HCO3- (mg/l)	CO32- (mg/l)	NO2- (mg/l)	NO3- (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO2 (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
9	Q.109b	K	146,00	5,60	24,05	26,75	0,12	0,15	2,40	191,43	4,80	277,64	0,00	0,06	0,02	340	11,20	564	7,23
		M	156,00	5,90	24,05	21,89	0,02	0,05	0,01	180,80	24,02	265,44	0,00	0,70	0,48	300	7,30	566	7,27

I.2.4 Tầng chứa nước khe nứt trong các trầm tích lục nguyên Triat giữa - trên (t₂₋₃)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
1	Q116b	K	36,20	2,50	3,51	1,82	0,16	0,61	0,45	51,40	3,60	30,51	0,00	0,01	0,28	33	4,00	128	6,56
		M	41,20	4,00	20,04	3,34	0,05	0,21	0,22	73,56	1,20	67,12	0,00	0,01	0,02	128	3,50	189	6,68

I.2.5 Tầng chứa nước khe nứt; khe nứt karst trong các trầm tích carbonat Trias giữa (t₂)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
1	Q.177b	K	965,00	12,80	240,48	133,76	0,29	1,05	8,00	2.127,00	72,05	274,59	0,00	0,03	0,02	2.300	10,00	3.734	7,18
		M	940,00	13,60	255,51	124,64	0,02	0,23	6,53	2.073,83	84,05	277,64	0,00	0,02	0,02	2.300	8,57	3.681	6,92
2	Q.92aM1	K	51,40	5,60	82,16	51,07	0,02	0,21	0,01	205,61	4,80	292,90	0,00	0,01	0,02	830	7,20	568	7,29
		M	82,00	5,00	38,08	87,55	0,02	0,03	0,01	276,51	0,00	305,10	0,00	0,01	0,15	910	7,85	663	7,77

I.2.6 Tầng chứa nước khe nứt; khe nứt karst trong các trầm tích carbonat Cacbon-Pecmi (c-p)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
1	Q.143a	K	70,80	11,20	96,19	25,54	0,55	1,11	0,28	119,64	9,61	414,94	0,00	0,06	0,25	690	8,00	561	6,63
		M	127,00	12,00	36,07	58,37	0,02	0,12	0,13	144,46	72,05	421,04	0,00	0,01	0,02	660	6,58	676	7,16
2	Q.142a	K	540,00	15,20	125,25	72,96	0,02	0,22	0,28	1.072,36	24,02	338,66	0,00	0,01	0,02	1.225	4,80	2.047	7,14
		M	490,00	13,40	65,13	115,52	0,02	0,05	0,18	1.010,33	0,00	363,07	0,00	0,01	0,02	1.275	5,23	1.898	7,50

I.2.7 Tầng chứa nước khe nứt trong các trầm tích biến chất Ocdovic-Silua (o-s)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa																
			Na ⁺ (mg/l)	K ⁺ (mg/l)	Ca ²⁺ (mg/l)	Mg ²⁺ (mg/l)	Fe ²⁺ (mg/l)	Fe ³⁺ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	Cl ⁻ (mg/l)	SO ₄ ²⁻ (mg/l)	HCO ₃ ⁻ (mg/l)	CO ₃ ²⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	NO ₃ ⁻ (mg/l)	TĐC (mge/l)	SiO ₂ (mg/l)	TDS105° (mg/l)	pH
QCVN 09:2023/BTNMT									1	250	400			1	15			1500	5,8-8,5
1	Q.164b	K	15,40	2,50	68,14	47,42	0,02	0,18	0,01	148,89	14,41	216,62	0,00	0,01	0,02	730	6,00	420	7,54
		M	47,20	3,20	68,14	51,07	0,02	0,11	0,01	161,30	38,42	268,49	0,00	0,01	0,01	760	5,02	532	7,86

II. Các nguyên tố vi lượng và nhiễm bẩn

II.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

II.1.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
1	Q.1	K	1,66	0,0093	0,0008	0,0084	0,0002	0,0016	0,00153	0,0016	0,00008	0,28	0,01	0,02	0,01
		M	2,20	0,0001	0,0007	0,0002	0,0000	0,0011	0,00160	0,0015	0,00074	0,22	0,06	1,97	0,01
2	Q.2	K	1,82	0,0095	0,0009	0,0148	0,0002	0,0015	0,00161	0,0017	0,00011	0,28	0,01	0,02	0,01
		M	0,10	0,0014	0,0003	0,0022	0,0000	0,0011	0,00094	0,0017	0,00077	0,01	0,01	0,34	0,01
3	Q.9M2	K	0,33	0,0007	0,0013	0,0040	0,0003	0,0021	0,00152	0,0021	0,00013	1,34	0,01	0,02	0,27
		M	0,51	0,0019	0,0009	0,0582	0,0001	0,0101	0,00376	0,0011	0,00050	1,13	0,01	0,02	0,05
4	Q.10M1	K	0,05	0,0374	0,0014	0,0040	0,0003	0,0305	0,00066	0,0021	0,00013	4,53	0,01	0,02	0,31
		M	0,21	0,0016	0,0003	0,0730	0,0001	0,0821	0,00205	0,0016	0,00049	-	-	-	-
5	Q.32M1	K	0,53	0,0009	0,0008	0,0065	0,0000	0,1815	0,00408	0,0014	0,00012	2,80	0,01	0,02	0,82
		M	0,52	0,0028	0,0001	0,0016	0,0001	0,0180	0,00363	0,0015	0,00025	-	-	-	-
6	Q.33M1	K	0,82	0,0248	0,0001	0,0044	0,0001	0,0359	0,00459	0,0014	0,00013	12,60	0,01	0,02	0,40
		M	0,42	0,0001	0,0016	0,0006	0,0001	0,0250	0,00512	0,0013	0,00051	8,17	0,01	0,02	0,44
7	Q.56	K	1,10	0,0247	0,0014	0,0022	0,0003	0,0107	0,00060	0,0021	0,00013	0,56	0,01	0,02	1,45
		M	0,58	0,0011	0,0000	0,0980	0,0001	0,0242	0,00136	0,0016	0,00059	0,44	0,01	0,02	0,06

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
8	Q.57	K	0,56	0,0276	0,0002	0,0027	0,0003	0,0041	0,00198	0,0015	0,00013	27,50	0,02	0,02	0,18
		M	0,58	0,0179	0,0129	0,0592	0,0002	0,0073	0,00510	0,0002	0,00079	9,26	0,01	0,02	0,04
9	Q.58M1	K	0,35	0,0532	0,0005	0,0014	0,0003	0,0010	0,00112	0,0017	0,00014	45,00	0,02	0,02	0,16
		M	0,67	0,0079	0,0029	0,0557	0,0001	0,0027	0,00300	0,0020	0,00045	21,78	0,01	0,02	0,17
10	Q.59a	K	0,44	0,0004	0,0013	0,0023	0,0001	0,0192	0,00102	0,0012	0,00003	3,36	0,01	0,02	0,85
		M	0,14	0,0001	0,0004	0,0173	0,0001	0,0096	0,00018	0,0021	0,00040	2,72	0,01	0,02	0,55
11	Q.60M2	K	0,04	0,0006	0,0013	0,0028	0,0001	0,0125	0,00072	0,0013	0,00003	4,48	0,01	0,02	0,77
		M	0,04	0,0001	0,0003	0,0175	0,0000	0,0126	0,00006	0,0021	0,00046	3,27	0,01	0,02	0,58
12	Q.67	K	0,06	0,0005	0,0011	0,0015	0,0001	0,0201	0,00065	0,0002	0,00002	0,95	0,01	0,02	0,12
		M	0,07	0,0004	0,0003	0,0360	0,0001	0,0072	0,00154	0,0016	0,00019	0,52	0,01	0,02	0,08
13	Q.83	K	3,57	0,0195	0,0097	0,0148	0,0001	0,0063	0,00722	0,0004	0,00005	0,56	0,07	0,27	0,01
		M	1,80	0,1210	0,0293	0,0721	0,0005	0,0117	0,01930	0,0022	0,00011	0,52	0,01	0,02	0,04
14	Q.84	K	2,74	0,0121	0,0235	0,0133	0,0001	0,0091	0,00760	0,0010	0,00002	0,67	0,01	0,02	0,01
		M	2,66	0,0876	0,0281	0,0462	0,0005	0,0133	0,01550	0,0016	0,00056	0,91	0,01	0,02	0,07
15	Q.85	K	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,05	0,01	0,02	0,09
		M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,36	0,01	0,02	0,03
16	Q.87	K	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,84	0,01	0,02	0,01
		M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,57	0,01	0,02	0,09

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
17	Q.88	K	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21,75	0,01	0,02	0,01
		M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20,08	0,01	0,20	0,09
18	Q.89	K	0,36	0,0208	0,0046	0,0314	0,0001	0,0052	0,00294	0,0070	0,00003	1,68	0,18	0,10	0,15
		M	0,45	0,0569	0,0013	0,0120	0,0003	0,0079	0,00512	0,0003	0,00062	0,22	0,03	0,02	0,01
19	Q.115M1	K	6,26	0,0013	0,0010	0,0037	0,0000	0,0003	0,00322	0,0014	0,00012	4,20	0,01	0,02	0,01
		M	3,03	0,0004	0,0001	0,0028	0,0001	0,0005	0,00267	0,0014	0,00026	4,07	0,01	0,02	0,01
20	Q.121M1	K	0,03	0,0004	0,0010	0,0005	0,0001	0,0001	0,00008	0,0019	0,00012	0,39	0,01	0,02	0,37
		M	0,01	0,0008	0,0003	0,0011	0,0001	0,0007	0,00008	0,0016	0,00030	0,22	0,01	0,02	0,35
21	Q.128M1	K	1,37	0,0004	0,0007	0,0004	0,0001	0,1050	0,00165	0,0011	0,00070	10,50	0,01	0,02	0,22
		M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Q.129M1	K	0,61	0,0104	0,0024	0,0029	0,0001	0,0010	0,00288	0,0007	0,00002	17,50	0,01	0,02	0,80
		M	0,40	0,0006	0,0005	0,0011	0,0001	0,0005	0,00453	0,0015	0,00076	13,61	0,01	0,02	0,12
23	Q.141	K	0,11	0,0136	0,0012	0,0336	0,0000	0,0003	0,00303	0,0000	0,00002	0,01	0,01	0,87	0,01
		M	0,00	0,0003	0,0001	0,0007	0,0001	0,0003	0,00182	0,0018	0,00042	0,01	0,01	1,63	0,01
24	Q.144M1	K	1,51	0,0003	0,0010	0,0020	0,0001	0,2030	0,00302	0,0006	0,00006	35,00	0,02	0,02	0,10
		M	0,12	0,0126	0,0000	0,0012	0,0001	0,0018	0,00227	0,0020	0,00048	16,95	0,02	0,02	0,08
25	Q.159	K	0,70	0,0275	0,0001	0,0029	0,0001	0,0008	0,00306	0,0010	0,00004	2,80	0,01	0,02	0,01
		M	1,71	0,0333	0,0188	0,0662	0,0002	0,0054	0,02500	0,0016	0,00011	1,74	0,01	0,02	0,03

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
26	Q.175	K	1,41	0,0094	0,0014	0,0032	0,0001	0,0001	0,00536	0,0009	0,00004	1,68	0,01	0,02	0,01
		M	0,17	0,0110	0,0009	0,0170	0,0000	0,0017	0,00476	0,0014	0,00019	0,35	0,01	0,02	0,07
27	Q.109	K	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,90	0,01	0,02	0,14
		M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,53	0,01	0,02	0,25
28	Q.146	K	2,37	0,0020	0,0001	0,0034	0,0001	0,2540	0,00511	0,0017	0,00002	22,25	0,01	0,02	0,01
		M	0,60	0,0006	0,0004	0,0216	0,0001	0,0485	0,00170	0,0018	0,00040	16,11	0,01	0,02	0,06
29	Q.147	K	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,45	0,01	0,02	4,50
		M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,50	0,01	0,02	3,26
30	Q.156M1	K	0,02	0,0158	0,0004	0,0247	0,0001	0,0008	0,00834	0,0016	0,00003	22,50	0,01	0,02	3,00
		M	0,04	0,0278	0,0005	0,0667	0,0010	0,0027	0,01320	0,0002	0,00020	16,33	0,01	0,02	1,65
31	Q.158	K	0,42	0,0197	0,0005	0,0012	0,0001	0,0006	0,00550	0,0006	0,00002	12,50	0,01	0,02	0,72
		M	0,22	0,0233	0,0106	0,0372	0,0002	0,0060	0,01460	0,0001	0,00056	3,05	0,01	0,02	0,45

II.1.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
1	Q.55M1	K	0,25	0,0006	0,0014	0,0041	0,0003	0,0082	0,00059	0,0019	0,00014	1,12	0,01	0,02	0,55
		M	0,14	0,0001	0,0007	0,0119	0,0000	0,0145	0,00116	0,0018	0,00015	1,31	0,01	0,02	0,16
2	Q.64	K	0,15	0,0005	0,0013	0,0018	0,0001	0,0010	0,00140	0,0010	0,00003	6,05	0,01	0,02	0,36
		M	0,11	0,0014	0,0007	0,0225	0,0000	0,0032	0,00230	0,0015	0,00072	3,92	0,01	0,02	0,18
3	Q.66	K	0,62	0,0001	0,0012	0,0136	0,0001	0,0008	0,00119	0,0011	0,00003	0,67	0,01	0,02	0,13
		M	0,16	0,0003	0,0006	0,0197	0,0001	0,0015	0,00186	0,0019	0,00076	0,44	0,01	0,02	0,17
4	Q.69	K	0,08	0,0126	0,0019	0,0335	0,0001	0,0027	0,00437	0,0004	0,00004	37,00	0,01	0,02	0,05
		M	2,87	0,0091	0,0087	0,0803	0,0003	0,0063	0,02790	0,0009	0,00029	21,78	0,01	0,02	0,27
5	Q.75M1	K	0,38	0,0002	0,0010	0,0024	0,0001	0,1020	0,00226	0,0011	0,00003	17,50	0,01	0,02	1,70
		M	0,16	0,0000	0,0000	0,0307	0,0001	0,0442	0,00072	0,0020	0,00070	15,90	0,01	0,02	0,62
6	Q.83a	K	0,20	0,0007	0,0010	0,0015	0,0001	0,0007	0,00645	0,0005	0,00002	1,01	0,01	0,02	1,10
		M	0,17	0,0580	0,0000	0,0039	0,0003	0,0016	0,00818	0,0006	0,00073	1,09	0,01	0,02	0,19
7	Q.84a	K	2,80	0,0151	0,0005	0,0010	0,0001	0,0527	0,00875	0,0004	0,00002	12,62	0,01	0,02	0,55
		M	6,37	0,0534	0,0026	0,0171	0,0003	0,0277	0,01350	0,0003	0,00052	1,31	0,01	0,02	0,07
8	Q.85a	K	0,41	0,0013	0,0004	0,0034	0,0001	0,0385	0,00604	0,0002	0,00003	47,50	0,01	0,02	0,50
		M	0,29	0,0208	0,0002	0,0098	0,0003	0,0319	0,00701	0,0011	0,00054	32,67	0,01	0,02	0,37

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
9	Q.86M1	K	1,32	0,0810	0,0015	0,0159	0,0001	0,0013	0,00346	0,0001	0,00002	8,02	0,01	0,02	0,13
		M	1,85	0,1690	0,0164	0,1340	0,0003	0,0059	0,01580	0,0003	0,00058	8,91	0,01	0,02	0,08
10	Q.87a	K	0,09	0,0001	0,0013	0,0026	0,0001	0,1416	0,00313	0,0009	0,00002	-	-	-	-
		M	0,10	0,0403	0,0001	0,0033	0,0003	0,1060	0,00567	0,0011	0,00015	24,50	0,01	0,02	0,72
11	Q.88a	K	0,23	0,0000	0,0012	0,0021	0,0001	0,2220	0,00297	0,0003	0,00003	26,30	0,01	0,02	0,82
		M	0,57	0,0504	0,0001	0,0048	0,0003	0,0298	0,00763	0,0009	0,00002	13,61	0,04	1,14	0,04
12	Q.119M1	K	0,46	0,0001	0,0007	0,0002	0,0001	0,0014	0,00230	0,0019	0,00002	0,84	0,01	0,02	0,45
		M	0,10	0,0003	0,0003	0,0006	0,0001	0,0009	0,00047	0,0019	0,00064	0,87	0,01	0,02	0,42
13	Q.120	K	3,84	0,0214	0,0046	0,0440	0,0000	0,0002	0,00253	0,0010	0,00011	0,28	0,01	0,02	0,01
		M	0,21	0,0443	0,0059	0,0056	0,0001	0,0009	0,00178	0,0014	0,00076	0,01	0,01	0,61	0,01
14	Q.127	K	1,30	0,0003	0,0009	0,0001	0,0001	0,0001	0,00115	0,0006	0,00006	0,89	0,01	0,02	0,01
		M	0,41	0,0003	0,0011	0,0016	0,0001	0,0011	0,00221	0,0009	0,00027	0,87	0,01	0,02	0,01
15	Q.130M1	K	0,76	0,0002	0,0013	0,0022	0,0001	0,0009	0,00330	0,0007	0,00002	6,44	0,01	0,02	0,80
		M	0,39	0,0006	0,0002	0,0014	0,0001	0,0007	0,00713	0,0018	0,00053	3,25	0,01	0,02	0,32
16	Q.131	K	0,51	0,0024	0,0002	0,0015	0,0001	0,0002	0,00508	0,0005	0,00002	1,34	0,01	0,02	0,01
		M	0,20	0,0061	0,0009	0,0053	0,0001	0,0016	0,02560	0,0013	0,00007	1,31	0,01	0,02	0,01

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
17	Q.143	K	0,34	0,0368	0,0660	0,2500	0,0004	0,0292	0,01900	0,0064	0,00002	2,80	0,01	0,02	0,18
		M	0,04	0,0136	0,0077	0,0136	0,0001	0,0045	0,00531	0,0009	0,00067	2,18	0,01	0,02	0,13
18	Q.168	K	0,92	0,0050	0,0017	0,0375	0,0001	0,0001	0,00628	0,0006	0,00004	2,24	0,01	0,02	0,27
		M	0,25	0,0000	0,0032	0,0115	0,0001	0,0016	0,01060	0,0012	0,00058	1,09	0,02	0,02	0,36
19	Q.177	K	0,11	0,0002	0,0010	0,0019	0,0001	0,0004	0,00154	0,0009	0,00002	14,50	0,01	0,02	2,20
		M	0,16	0,0024	0,0019	0,0164	0,0001	0,0023	0,00338	0,0017	0,00034	10,89	0,01	0,02	0,49
20	Q.164a	K	0,09	0,0136	0,0010	0,0032	0,0001	0,0007	0,00265	0,0009	0,00005	1,82	0,01	0,02	0,26
		M	0,06	0,0002	0,0002	0,0008	0,0001	0,0008	0,00983	0,0020	0,00047	1,31	0,01	0,02	0,29
21	Q.167	K	1,28	0,0004	0,0013	0,0026	0,0001	0,0087	0,00184	0,0010	0,00005	2,24	0,01	0,02	0,12
		M	0,26	0,0003	0,0000	0,0012	0,0001	0,0013	0,00183	0,0014	0,00034	1,74	0,01	0,02	0,23

II.2 Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

II.2.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen giữa (qp₂)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
1	Q.8	K	2,56	0,0184	0,0019	0,0097	0,0003	0,0000	0,00073	0,0009	0,00012	0,28	0,01	0,02	0,01
		M	0,42	0,0076	0,0035	0,0390	0,0001	0,0023	0,00301	0,0006	0,00074	0,01	0,01	0,20	0,01
2	Q.34a	K	0,33	0,0001	0,0009	0,0012	0,0000	0,0038	0,00131	0,0015	0,00012	1,68	0,01	0,02	0,20
		M	0,31	0,0001	0,0003	0,0011	0,0001	0,0036	0,00221	0,0013	0,00006	1,74	0,01	0,02	0,14
3	Q.35M1	K	0,17	0,0001	0,0006	0,0003	0,0001	0,0067	0,00221	0,0019	0,00011	8,40	0,01	0,02	0,62
		M	0,12	0,0001	0,0003	0,0021	0,0001	0,0063	0,00184	0,0017	0,00040	5,44	0,01	0,02	0,22
4	Q.37	K	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,40	0,01	11,50	0,50
		M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,39	0,01	11,82	0,01
5	Q.62	K	0,95	0,0007	0,0015	0,0037	0,0003	0,0019	0,00030	0,0018	0,00013	0,01	0,01	0,02	0,06
		M	1,70	0,0001	0,0004	0,0040	0,0001	0,0004	0,00027	0,0020	0,00059	0,10	0,01	0,02	0,01
7	Q.68aM1	K	0,37	0,0003	0,0003	0,0020	0,0001	0,0009	0,00182	0,0012	0,00004	7,00	0,01	0,02	0,95
		M	0,35	0,0000	0,0002	0,0661	0,0000	0,0019	0,00101	0,0021	0,00053	2,72	0,01	0,02	1,12
8	Q.82M1	K	0,32	0,0230	0,0014	0,0384	0,0001	0,0002	0,01060	0,0015	0,00003	61,50	0,01	0,02	0,75
		M	0,61	0,6680	0,0246	0,5650	0,0041	0,0026	0,04840	0,0053	0,00041	43,50	0,01	0,02	5,58
9	Q.119aM1	K	0,31	0,0006	0,0010	0,0000	0,0001	0,0149	0,00146	0,0015	0,00002	1,34	0,01	0,02	0,53
		M	0,11	0,0004	0,0002	0,0010	0,0001	0,0052	0,00059	0,0018	0,00032	1,09	0,01	0,02	0,58

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
10	Q.120a	K	2,42	0,0281	0,0068	0,0180	0,0000	0,0065	0,03620	0,0067	0,00012	0,89	0,01	0,02	0,01
		M	0,94	0,0002	0,0392	0,0660	0,0003	0,0034	0,02380	0,0007	0,00032	0,52	0,01	0,02	0,01
11	Q.130aM1	K	1,00	0,0007	0,0013	0,0030	0,0001	0,0007	0,00385	0,0002	0,00002	2,80	0,01	0,02	0,28
		M	0,76	0,0014	0,0001	0,0007	0,0001	0,0029	0,01080	0,0015	0,00039	4,35	0,01	0,02	0,20

II.2.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
1	Q.1aM1	K	2,54	0,0005	0,0015	0,0038	0,0003	0,0001	0,00003	0,0022	0,00009	24,00	0,01	0,02	0,01
		M	0,59	0,0008	0,0008	0,0101	0,0000	0,0022	0,00033	0,0021	0,00062	20,69	0,01	0,02	0,01
2	Q.3M1	K	0,34	0,0012	0,0002	0,0088	0,0003	0,0006	0,00083	0,0022	0,00010	0,45	0,02	0,20	0,12
		M	0,37	0,0031	0,0001	0,0187	0,0001	0,0031	0,00145	0,0019	0,00056	0,44	0,03	0,02	0,08
3	Q.4M1	K	0,10	0,0012	0,0013	0,0008	0,0003	0,0007	0,00015	0,0021	0,00008	1,56	0,01	0,02	1,44
		M	0,09	0,0003	0,0003	0,0080	0,0001	0,0094	0,00042	0,0019	0,00026	1,31	0,01	0,02	1,04
4	Q.5	K	2,05	0,0005	0,0015	0,0037	0,0003	0,0003	0,00003	0,0021	0,00004	0,56	0,01	0,02	0,21
		M	0,51	0,0006	0,0008	0,0048	0,0000	0,0076	0,00058	0,0021	0,00004	0,65	0,02	0,02	0,14
5	Q.6	K	0,01	0,0001	0,0015	0,0002	0,0003	0,0020	0,00060	0,0022	0,00011	0,01	0,01	0,62	0,01
		M	0,01	0,0007	0,0005	0,0014	0,0001	0,0010	0,00099	0,0019	0,00052	0,10	0,01	0,78	0,01
6	Q.7	K	0,00	0,0001	0,0014	0,0008	0,0003	0,0020	0,00074	0,0020	0,00012	-	-	-	-
		M	0,01	0,0008	0,0005	0,0156	0,0001	0,0010	0,00101	0,0015	0,00011	0,22	0,01	3,80	0,01
7	Q.8a	K	1,64	0,0008	0,0016	0,0044	0,0003	0,0050	0,00028	0,0021	0,00011	1,68	0,01	0,02	0,46
		M	1,60	0,0014	0,0003	0,0341	0,0001	0,0279	0,00425	0,0009	0,00065	1,13	0,01	0,02	0,19
8	Q.9aM1	K	0,14	0,0008	0,0015	0,0042	0,0003	0,0003	0,00035	0,0022	0,00013	2,90	0,01	0,02	4,91
		M	0,26	0,0009	0,0004	0,0592	0,0001	0,0065	0,00094	0,0013	0,00031	1,74	0,01	0,02	0,10

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
9	Q.11a	K	0,29	0,0123	0,0013	0,0038	0,0003	0,0023	0,00038	0,0022	0,00013	5,10	0,01	0,02	0,29
		M	0,41	0,0011	0,0001	0,0121	0,0000	0,0073	0,00057	0,0009	0,00058	1,22	0,01	0,02	0,14
10	Q.15	K	0,50	0,0002	0,0015	0,0019	0,0003	0,0005	0,00003	0,0022	0,00043	5,85	0,01	0,02	0,05
		M	0,16	0,0007	0,0007	0,0066	0,0001	0,0034	0,00059	0,0017	0,00021	5,45	0,01	0,02	0,30
11	Q.23a	K	0,09	0,0008	0,0015	0,0036	0,0003	0,0008	0,00008	0,0021	0,00014	0,28	0,01	0,02	0,12
		M	0,15	0,0001	0,0003	0,0065	0,0000	0,0014	0,00047	0,0018	0,00070	0,22	0,01	0,02	0,01
12	Q.33a	K	0,49	0,0005	0,0007	0,0004	0,0000	0,0062	0,00316	0,0007	0,00013	4,48	0,01	0,02	0,03
		M	0,26	0,0002	0,0002	0,0018	0,0001	0,0061	0,00237	0,0018	0,00018	2,61	0,01	0,02	0,10
13	Q.35aM1	K	1,06	0,0001	0,0164	0,0008	0,0001	0,0025	0,00101	0,0019	0,00013	0,45	0,01	0,02	0,15
		M	0,06	0,0003	0,0306	0,0033	0,0001	0,0025	0,00102	0,0013	0,00012	0,70	0,01	0,02	0,07
14	Q.36M1	K	0,80	0,0001	0,0003	0,0007	0,0000	0,0007	0,00306	0,0012	0,00013	2,80	0,01	0,02	0,28
		M	0,43	0,0001	0,0007	0,0002	0,0001	0,0013	0,00309	0,0015	0,00060	1,09	0,01	0,02	0,18
15	Q.37a	K	0,30	0,0004	0,0010	0,0006	0,0000	0,0008	0,00068	0,0019	0,00013	0,01	0,02	0,02	0,01
		M	0,04	0,0003	0,0003	0,0022	0,0001	0,0003	0,00104	0,0013	0,00057	0,22	0,01	0,02	0,01
16	Q.38M1	K	0,06	0,0004	0,0011	0,0007	0,0001	0,0001	0,00128	0,0017	0,00012	7,00	0,01	0,02	0,01
		M	0,50	0,0001	0,0002	0,0008	0,0001	0,0010	0,00145	0,0016	0,00017	6,44	0,01	0,02	0,22

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
17	Q.50a	K	0,98	0,0112	0,0010	0,0012	0,0001	0,0004	0,00270	0,0007	0,00013	1,12	0,01	0,02	0,01
		M	0,27	0,0001	0,0003	0,0009	0,0001	0,0006	0,00308	0,0015	0,00053	1,05	0,01	0,02	0,01
18	Q.57a	K	0,01	0,0008	0,0015	0,0041	0,0003	0,0019	0,00017	0,0022	0,00013	7,50	0,01	0,02	0,66
		M	0,01	0,0002	0,0003	0,0189	0,0000	0,0062	0,00016	0,0022	0,00073	5,65	0,01	0,02	0,38
19	Q.58aM1	K	0,02	0,0008	0,0010	0,0072	0,0003	0,0891	0,00135	0,0020	0,00014	30,00	0,01	0,02	0,22
		M	0,01	0,0006	0,0002	0,0498	0,0000	0,1120	0,00048	0,0018	0,00019	21,78	0,01	0,02	0,35
20	Q.60aM1	K	0,17	0,0004	0,0013	0,0024	0,0001	0,0126	0,00084	0,0010	0,00003	4,20	0,01	0,02	0,90
		M	0,08	0,0005	0,0004	0,0175	0,0000	0,0128	0,00003	0,0018	0,00029	2,72	0,01	0,02	0,46
21	Q.62a	K	0,27	0,0007	0,0015	0,0026	0,0003	0,0006	0,00023	0,0022	0,00013	0,56	0,01	0,02	0,33
		M	0,11	0,0013	0,0003	0,0180	0,0001	0,0028	0,01370	0,0018	0,00006	0,44	0,01	0,02	0,15
22	Q.63aM1	K	0,79	0,0001	0,0014	0,0004	0,0003	0,0012	0,00319	0,0000	0,00013	0,01	0,01	1,32	0,01
		M	0,21	0,0003	0,0001	0,0087	0,0001	0,0012	0,00166	0,0019	0,00075	0,01	0,01	0,25	0,01
23	Q.64a	K	0,18	0,0005	0,0013	0,0022	0,0001	0,0097	0,00146	0,0013	0,00003	4,15	0,01	0,02	2,25
		M	0,17	0,0004	0,0002	0,0408	0,0000	0,0144	0,00237	0,0017	0,00076	16,34	0,01	0,02	1,06
24	Q.65bM1	K	0,06	0,0003	0,0012	0,0024	0,0001	0,0117	0,00074	0,0012	0,00003	17,12	0,01	0,02	0,92
		M	0,05	0,0007	0,0007	0,0146	0,0001	0,0146	0,00091	0,0016	0,00016	4,50	0,04	0,13	0,09

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
25	Q.66b	K	0,15	0,0004	0,0012	0,0026	0,0001	0,0011	0,00097	0,0011	0,00003	1,12	0,01	0,02	0,16
		M	0,18	0,0001	0,0008	0,0075	0,0000	0,0013	0,00279	0,0014	0,00063	1,09	0,01	0,02	0,18
26	Q.67a	K	0,25	0,0196	0,0015	0,0041	0,0003	0,0068	0,00085	0,0023	0,00014	1,31	0,01	0,02	0,45
		M	0,25	0,0000	0,0003	0,0005	0,0001	0,0063	0,00007	0,0016	0,00020	0,74	0,01	0,02	0,38
27	Q.68b	K	0,46	0,0003	0,0011	0,0025	0,0001	0,0011	0,00165	0,0012	0,00003	10,08	0,01	0,02	0,51
		M	0,48	0,0002	0,0003	0,0502	0,0000	0,0005	0,00063	0,0021	0,00034	6,53	0,01	0,02	0,18
28	Q.69a	K	0,22	0,0077	0,0064	0,0225	0,0001	0,0835	0,01320	0,0011	0,00003	7,55	0,01	0,02	0,52
		M	0,70	0,0026	0,0044	0,0476	0,0001	0,0053	0,00828	0,0016	0,00044	32,67	0,01	0,02	0,32
29	Q.75a	K	0,02	0,0004	0,0013	0,0023	0,0001	0,0356	0,00126	0,0012	0,00003	8,12	0,01	0,02	0,46
		M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,33	0,03	0,12	0,05
30	Q.76a	K	0,18	0,0006	0,0013	0,0030	0,0001	0,0022	0,00025	0,0012	0,00002	1,68	0,01	0,02	0,87
		M	0,08	0,0005	0,0004	0,0051	0,0001	0,0031	0,00003	0,0016	0,00021	1,09	0,01	0,02	0,93
31	Q.77a	K	0,18	0,0007	0,0013	0,0024	0,0001	0,0009	0,00014	0,0013	0,00002	-	-	-	-
		M	0,16	0,0004	0,0003	0,0012	0,0001	0,0005	0,00006	0,0017	0,00022	-	-	-	-
32	Q.82a	K	0,79	0,0196	0,0035	0,0452	0,0001	0,0042	0,02950	0,0061	0,00004	85,50	0,01	0,02	4,00
		M	2,09	0,0853	0,0147	0,1890	0,0026	0,0098	0,01070	0,0033	0,00013	95,83	0,01	0,02	6,18

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
33	Q.83b	K	4,03	0,0023	0,0012	0,0006	0,0001	0,0126	0,01610	0,0029	0,00002	35,75	0,01	0,02	0,91
		M	6,39	0,0584	0,0000	0,0050	0,0003	0,0199	0,03530	0,0001	0,00004	28,12	0,01	0,02	0,65
34	Q.84b	K	11,80	0,0218	0,0009	0,0003	0,0001	0,0074	0,02720	0,0099	0,00002	2,80	0,01	0,02	0,12
		M	4,29	0,0934	0,0044	0,0160	0,0003	0,0072	0,04690	0,0007	0,00021	6,10	0,01	0,02	0,08
35	Q.85b	K	0,13	0,0035	0,0010	0,0010	0,0001	0,0184	0,02050	0,0056	0,00003	58,50	0,01	0,02	0,56
		M	0,21	0,0336	0,0009	0,0100	0,0001	0,0410	0,00564	0,0031	0,00074	21,78	0,01	0,02	0,40
36	Q.86aM1	K	3,51	0,0104	0,0018	0,0043	0,0001	0,0230	0,02450	0,0053	0,00002	85,00	0,01	0,02	0,85
		M	0,07	0,0311	0,0000	0,0024	0,0003	0,0318	0,03670	0,0009	0,00070	65,34	0,01	0,02	0,69
37	Q.87b	K	0,79	0,0001	0,0013	0,0026	0,0001	0,0153	0,00299	0,0008	0,00003	23,07	0,01	0,02	1,05
		M	0,27	0,0251	0,0023	0,0019	0,0003	0,0261	0,00578	0,0009	0,00071	3,90	0,02	0,30	0,01
38	Q.88b	K	1,11	0,0015	0,0013	0,0021	0,0001	0,0036	0,00979	0,0011	0,00004	30,25	0,01	0,02	0,51
		M	0,46	0,0640	0,0000	0,0038	0,0003	0,0130	0,02630	0,0006	0,00081	13,78	0,10	0,50	0,11
39	Q.116a	K	0,93	0,0001	0,0009	0,0007	0,0001	0,0010	0,00054	0,0015	0,00013	-	-	-	-
		M	0,16	0,0020	0,0002	0,0008	0,0001	0,0011	0,00041	0,0017	0,00043	-	-	-	-
40	Q.119bM1	K	0,65	0,0001	0,0009	0,0007	0,0001	0,0010	0,00234	0,0017	0,00002	0,28	0,01	0,02	0,06
		M	0,19	0,0003	0,0003	0,0008	0,0001	0,0009	0,00072	0,0017	0,00075	0,23	0,01	0,02	0,07

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
41	Q.120b	K	0,36	0,0001	0,0008	0,0002	0,0001	0,0015	0,00080	0,0019	0,00012	0,39	0,01	0,02	0,16
		M	0,08	0,0004	0,0001	0,0017	0,0001	0,0015	0,00059	0,0016	0,00034	0,08	0,02	0,04	0,02
42	Q.127a	K	1,16	0,0005	0,0012	0,0033	0,0001	0,0011	0,00074	0,0087	0,00007	0,56	0,01	0,02	0,16
		M	0,18	0,0004	0,0002	0,0008	0,0001	0,0003	0,00167	0,0016	0,00068	0,69	0,01	0,02	0,13
43	Q.129bM1	K	1,17	0,0239	0,0010	0,0029	0,0001	0,0008	0,00318	0,0003	0,00003	2,24	0,01	0,02	0,35
		M	0,75	0,0006	0,0002	0,0003	0,0001	0,0007	0,00958	0,0017	0,00013	1,74	0,01	0,02	0,02
44	Q.130bM1	K	1,34	0,0132	0,0013	0,0024	0,0001	0,0008	0,00361	0,0001	0,00003	1,79	0,01	0,02	0,10
		M	2,58	0,0012	0,0001	0,0010	0,0001	0,0008	0,01600	0,0020	0,00016	1,31	0,01	0,02	0,01
45	Q.131b	K	0,83	0,0005	0,0013	0,0031	0,0001	0,0001	0,00113	0,0006	0,00007	1,12	0,01	2,65	1,24
		M	0,24	0,0001	0,0002	0,0009	0,0001	0,0012	0,00489	0,0015	0,00020	0,87	0,01	0,02	0,12
46	Q.141a	K	0,02	0,0004	0,0009	0,0005	0,0000	0,0007	0,00289	0,0000	0,00002	0,01	0,02	3,55	0,01
		M	0,00	0,0117	0,0003	0,0006	0,0001	0,0003	0,00128	0,0015	0,00074	0,01	0,01	3,24	0,01
47	Q.173	K	0,62	0,0008	0,0015	0,0025	0,0003	0,0010	0,00013	0,0022	0,00013	1,12	0,01	0,02	0,07
		M	1,20	0,0003	0,0003	0,0338	0,0001	0,0031	0,00006	0,0016	0,00017	1,05	0,01	0,02	0,01
48	Q.175a	K	2,08	0,0110	0,0001	0,0022	0,0001	0,0164	0,00340	0,0003	0,00004	7,45	0,01	0,02	0,36
		M	1,78	0,0008	0,0006	0,0400	0,0001	0,0233	0,00921	0,0014	0,00064	4,79	0,01	0,02	0,39

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
49	Q.176a	K	0,14	0,0005	0,0013	0,0030	0,0001	0,0150	0,00072	0,0011	0,00003	-	-	-	-
		M	0,03	0,0003	0,0004	0,0127	0,0001	0,0144	0,00035	0,0022	0,00065	-	-	-	-
50	Q.177a	K	0,05	0,0017	0,0009	0,0024	0,0001	0,0241	0,00468	0,0000	0,00002	27,50	0,01	0,02	0,82
		M	0,02	0,0025	0,0003	0,0343	0,0001	0,0096	0,01350	0,0017	0,00063	20,69	0,01	0,02	0,87
51	Q.193a	K	5,34	0,0027	0,0173	0,0022	0,0001	0,0004	0,00439	0,0002	0,00017	4,20	0,01	0,02	0,01
		M	4,32	0,0001	0,0489	0,0009	0,0001	0,0007	0,00457	0,0015	0,00040	2,61	0,01	0,02	0,20
52	Q.217	K	0,02	0,0007	0,0014	0,0030	0,0003	0,0357	0,00048	0,0022	0,00014	-	-	-	-
		M	0,02	0,0007	0,0002	0,0559	0,0000	0,0777	0,00118	0,0016	0,00062	-	-	-	-
53	Q.92M1	K	0,04	0,0038	0,0003	0,0000	0,0001	0,0001	0,00291	0,0008	0,00002	0,01	0,01	0,28	0,06
		M	0,29	0,0323	0,0007	0,0033	0,0003	0,0025	0,00650	0,0005	0,00017	0,65	0,01	0,02	0,12
54	Q.108bM1	K	1,37	0,0020	0,0009	0,0005	0,0001	0,0004	0,01170	0,0021	0,00002	2,30	0,01	0,02	0,37
		M	0,45	0,0268	0,0001	0,0020	0,0003	0,0017	0,01450	0,0006	0,00022	1,92	0,01	0,02	0,22
55	Q.109a	K	0,20	0,0034	0,0012	0,0018	0,0001	0,0001	0,01530	0,0055	0,00002	2,20	0,01	0,02	0,45
		M	0,04	0,0204	0,0001	0,0051	0,0003	0,0024	0,03090	0,0009	0,00060	1,74	0,01	0,02	0,47
56	Q.110a	K	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,56	0,01	0,02	0,22
		M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,65	0,01	0,02	0,19

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
57	Q.142	K	0,24	0,0507	0,1240	0,9130	0,0045	0,0121	0,02860	0,0066	0,00002	0,56	0,01	0,02	0,01
		M	0,04	0,0111	0,0175	0,1110	0,0007	0,0015	0,01840	0,0004	0,00017	0,28	0,01	0,02	0,01
58	Q.148a	K	4,42	0,0112	0,0010	0,0004	0,0001	0,0073	0,01720	0,0027	0,00002	10,50	0,01	0,02	0,06
		M	3,07	0,0008	0,0003	0,0007	0,0001	0,0012	0,01160	0,0020	0,00034	5,45	0,01	0,02	0,14
59	Q.156aM1	K	0,14	0,0000	0,0013	0,0027	0,0001	0,0007	0,00266	0,0001	0,00002	5,60	0,01	0,02	0,22
		M	2,45	0,0016	0,0003	0,0025	0,0001	0,0016	0,02270	0,0011	0,00071	4,36	0,01	0,02	0,06
60	Q.158aM1	K	4,44	0,0004	0,0005	0,0032	0,0001	0,0010	0,00183	0,0006	0,00002	3,64	0,01	0,02	0,21
		M	1,93	0,0013	0,0044	0,0025	0,0001	0,0007	0,01780	0,0013	0,00030	2,61	0,01	0,02	0,10
61	Q.159b	K	1,31	0,0006	0,0013	0,0031	0,0001	0,0012	0,00082	0,0006	0,00003	1,12	0,01	0,02	0,17
		M	0,80	0,0008	0,0002	0,0028	0,0001	0,0008	0,01070	0,0001	0,00002	0,87	0,01	0,02	0,01

II.2.3 Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Neogen (n)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
1	Q.4aM1	K	0,09	0,0006	0,0015	0,0043	0,0003	0,0133	0,00021	0,0023	0,00010	1,68	0,01	0,02	0,27
		M	0,08	0,0008	0,0008	0,0081	0,0001	0,0176	0,00028	0,0020	0,00043	1,39	0,01	0,02	0,66
2	Q.149	K	0,44	0,0004	0,0010	0,0015	0,0001	0,0007	0,00154	0,0014	0,00002	-	-	-	-
		M	0,07	0,0005	0,0003	0,0003	0,0001	0,0004	0,00077	0,0015	0,00074	-	-	-	-
3	Q.193b	K	0,16	0,0006	0,0003	0,0033	0,0001	0,0012	0,00023	0,0011	0,00010	-	-	-	-
		M	0,02	0,0008	0,0018	0,0000	0,0001	0,0003	0,00056	0,0017	0,00031	-	-	-	-
4	Q.213	K	0,30	0,0142	0,0017	0,0008	0,0003	0,0005	0,00036	0,0008	0,00013	-	-	-	-
		M	0,09	0,0029	0,0012	0,1260	0,0001	0,0044	0,01960	0,0018	0,00050	-	-	-	-
5	Q.214	K	1,38	0,0009	0,0015	0,0039	0,0003	0,0033	0,00116	0,0021	0,00013	-	-	-	-
		M	0,75	0,0005	0,0027	0,0258	0,0001	0,0071	0,00043	0,0015	0,00019	-	-	-	-
6	Q.215	K	0,00	0,0003	0,0010	0,0026	0,0001	0,0006	0,00052	0,0012	0,00003	-	-	-	-
		M	0,01	0,0002	0,0004	0,0032	0,0000	0,0015	0,00117	0,0016	0,00034	-	-	-	-
7	Q.216	K	0,16	0,0003	0,0011	0,0024	0,0001	0,0093	0,00136	0,0009	0,00003	-	-	-	-
		M	0,14	0,0003	0,0008	0,0088	0,0001	0,0120	0,00247	0,0017	0,00008	-	-	-	-
8	Q.109b	K	0,10	0,0026	0,0004	0,0011	0,0001	0,0001	0,01280	0,0006	0,00002	-	-	-	-
		M	0,08	0,0242	0,0004	0,0038	0,0003	0,0020	0,01810	0,0013	0,00081	-	-	-	-

II.2.4 Tầng chứa nước khe nứt; khe nứt karst trong các trầm tích carbonat Trias giữa (t₂)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
1	Q.92aM1	K	0,08	0,0012	0,0003	0,0007	0,0001	0,0029	0,00895	0,0014	0,00002	0,01	0,01	0,02	0,01
		M	0,11	0,0473	0,0004	0,0026	0,0003	0,0051	0,01490	0,0001	0,00053	0,17	0,01	0,02	0,03

II.2.5 Tầng chứa nước khe nứt; khe nứt karst trong các trầm tích carbonat Cacbon-Pecmi (c-p)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
1	Q.143a	K	0,45	0,0028	0,0022	0,0007	0,0000	0,0114	0,00919	0,0007	0,00002	0,28	0,01	0,02	0,01
		M	0,15	0,0002	0,0000	0,0022	0,0001	0,0028	0,00274	0,0015	0,00071	0,30	0,01	0,02	0,01
2	Q.142a	K	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,28	0,01	0,02	0,01
		M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,28	0,01	0,02	0,01

II.2.6 Tầng chứa nước khe nứt trong các trầm tích biến chất Ocdovic-Silua (o-s)

STT	Số hiệu công trình	Mẫu phân tích	Kết quả phân tích theo mùa (mg/l)												
			Mn	Cu	Pb	Zn	Cd	As	Cr	Se	Hg	NH ₄	NO ₂	NO ₃	PO ₄
QCVN 09:2023/BTNMT			0,5	1	0,01	3	0,005	0,05	0,05	0,01	0,001	1	1	15	
1	Q.164b	K	0,04	0,0014	0,0009	0,0014	0,0001	0,0000	0,00724	0,0008	0,00002	0,01	0,01	0,02	0,06
		M	0,00	0,0002	0,0003	0,0006	0,0001	0,0004	0,00263	0,0018	0,00039	0,10	0,01	0,02	0,05

MỤC LỤC

Số TT	Nội dung	Trang
1	Lời nói đầu	1
2	Thuyết minh tóm tắt nội dung quyền niên giám tài nguyên nước dưới đất	3
3	Mục tra cứu	7
4	Danh sách các công trình quan trắc	13
5	Sơ đồ mạng lưới quan trắc tài nguyên nước dưới đất	23
6	Phần 1 Đánh giá tổng quát đặc điểm tài nguyên nước dưới đất	25
7	Phần 2 Mục nước	49
8	Phần 3 Nhiệt độ	259
9	Phần 4 Chất lượng nước	285

